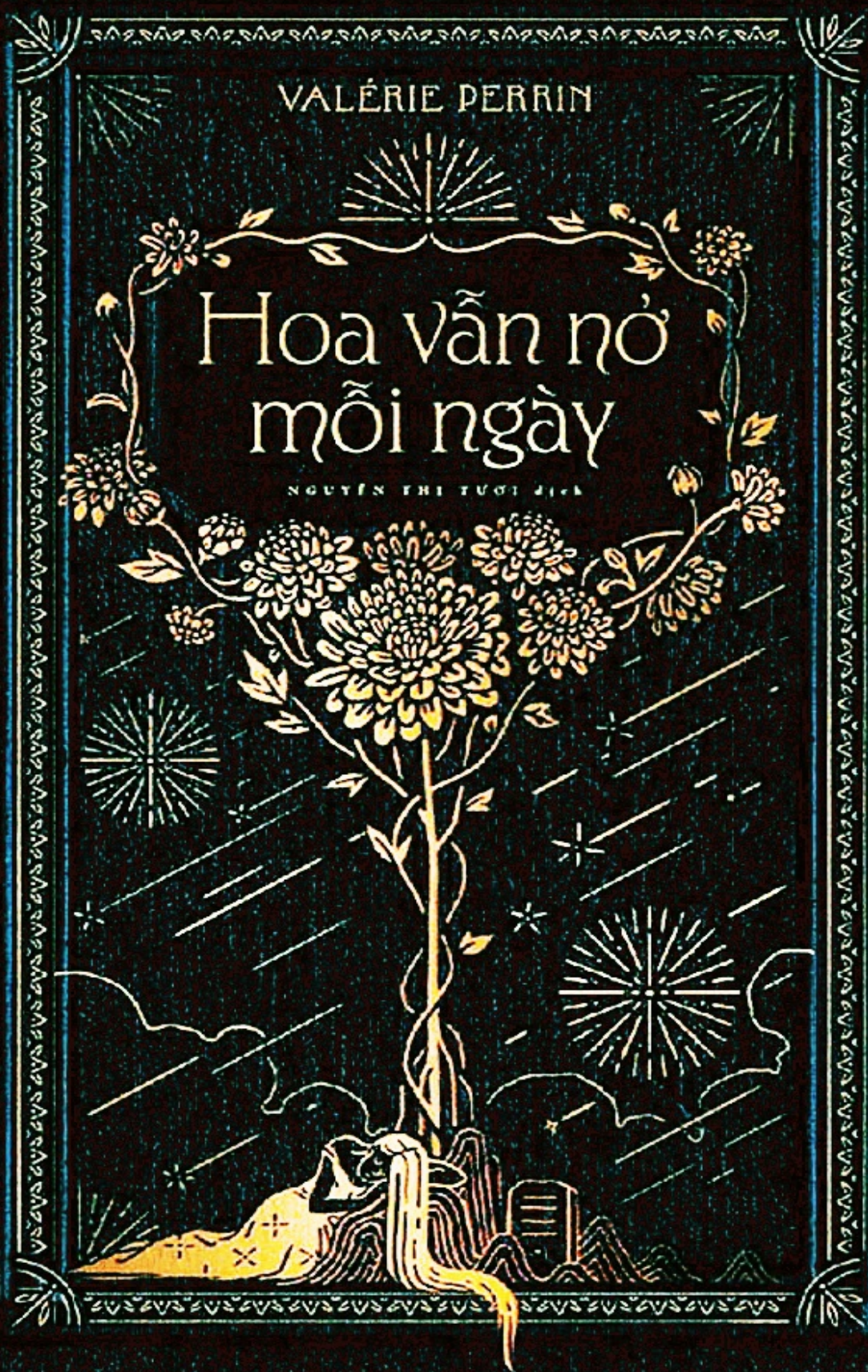


VALÉRIE PERRIN

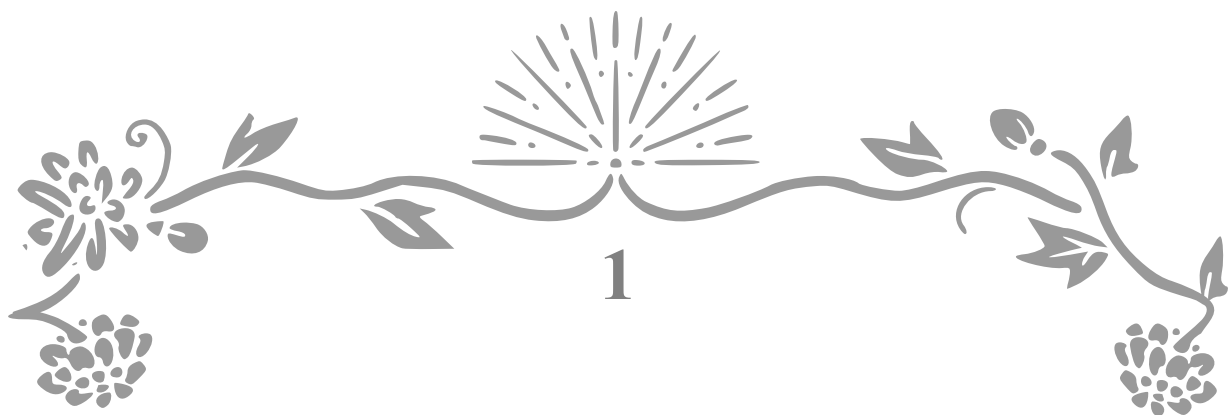
Hoa vẫn nở mỗi ngày

NGUYỄN THỊ TƯƠI DỊCH



Kính tặng mẹ cha, Francine và Yoan Perrin.

Tặng Patricia Lopez “Paquita” và Sophie Daull.



Chỉ vắng một người, và mọi thứ đối với ta đều trở nên trống trải.

Trích bài thơ “L’isolement”, Alphonse de Lamartine.

Các hàng xóm láng giềng của tôi chẳng sợ điều gì. Họ không có gì phải lo lắng, không phải lòng ai, không cần móng tay, không tin vào thuyết ngẫu nhiên, không hứa hẹn, không gây ồn, không có bảo hiểm xã hội, không khóc lóc, không tìm chìa khóa, cũng không tìm kính, không tìm điều khiển, không tìm con cái, thậm chí không tìm kiếm cả hạnh phúc.

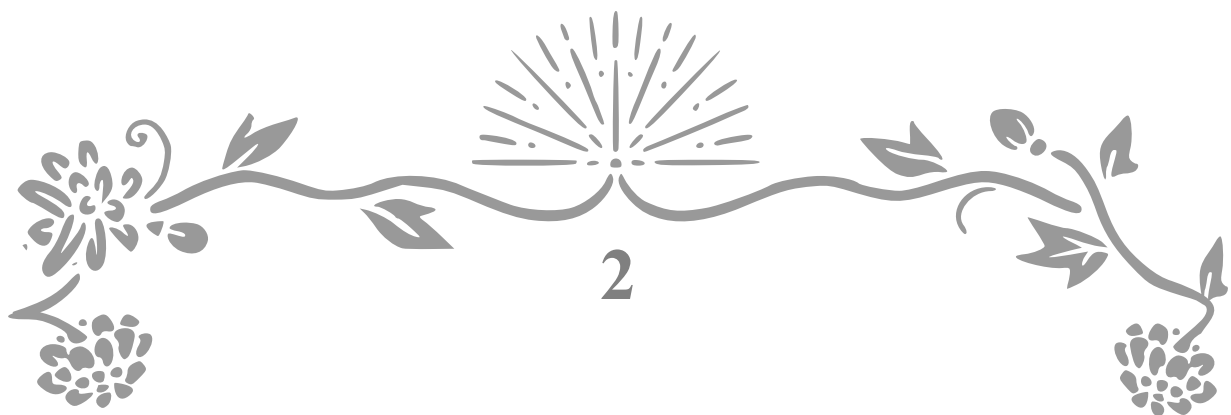
Họ không đọc sách, không nộp thuế, không ăn kiêng giữ dáng, không có sở thích ưu tiên, không thay đổi ý kiến, không dọn giường, không hút thuốc, không lập danh sách, không uốn lưỡi bảy lần trong miệng trước khi nói. Họ không có người thay thế.

Họ không xu nịnh, không tham vọng, không thù hằn, không điệu đà, không hẹp hòi ti tiện, không hào phóng, không ghen ghét, không cầu thả, không sạch sẽ, không cao quý, không thú vị, không nghiện ngập, không hà tiện, không tươi cười, không ranh mãnh, không bạo lực, không yêu đương, không ưa rên rỉ, không đạo đức giả, không dịu dàng, không cứng rắn, không mềm yếu, không tàn nhẫn, không dối trá, không trộm cắp, không ham cờ bạc, không dửng dưng, không giả tạo, không sùng đạo, không tục tĩu, không

lạc quan.

Họ là người chết.

Điểm khác biệt duy nhất giữa họ, chính là chất liệu gỗ dùng làm quan tài: gỗ sồi, gỗ thông hoặc gỗ gụ.



Người muốn tôi trở thành người thế nào, nếu tôi không còn nghe thấy tiếng bước chân người, là sự sống của người hay sự sống của tôi đã rời xa, tôi cũng không biết nữa.

Trích bài thơ “Je respire où tu palpites”, Victor Hugo.

Tôi tên là Violette Toussaint. Trước đây tôi là người gác ghi, giờ đây tôi là người quản trang.

Tôi nhắm nháp cuộc sống, tôi uống nó từng ngụm nhỏ giống như ta uống trà nhài mật ong. Và tới đến, khi cổng vào nghĩa trang của tôi đã khóa kín, khi chùm chìa khóa đã được treo trên cánh cửa phòng tắm, tôi như đang ở thiên đường.

Không phải thiên đường nơi các hàng xóm của tôi đang ở. Không đâu.

Là thiên đường của người sống: một ngụm rượu Porto - một nhãn rượu vang sản xuất năm 1983 -, mà José-Luis Fernandez mang cho tôi vào ngày 1 tháng Chín hằng năm. Một phần còn lại của kỳ nghỉ được rót vào một chiếc cốc nhỏ bằng pha lê, một thứ nằng thu mà tôi mở nắp vào khoảng 19 giờ, dù trời mưa, có tuyết rơi, hay lộng gió.

Lượng chất lỏng màu hồng ngọc đầy chừng hai cái đê khâu. Máu của

những ruộng nho Porto. Tôi nhắm mắt. Và tôi tận hưởng. Chỉ một ngụm là đủ để tôi vui vẻ cả tối. Hai cái đê khâu là bởi tôi thích cảm giác say ngất ngây, chứ không thích rượu.

José-Luis Fernandez tới đặt hoa trên mộ Maria Pinto, tức bà Fernandez (1956-2007) mỗi tuần một lần, ngoại trừ vào tháng Bảy, khi ấy chính tôi sẽ đảm nhiệm việc đó thay ông. Do đây mới có chai rượu porto kia, như một lời cảm ơn dành cho tôi.

Hiện tại của tôi là một món quà của Chúa trời. Đó là điều tôi tự nhủ với lòng mình mỗi sáng, khi mở mắt.

Tôi đã từng rất bất hạnh, thậm chí bị hủy hoại. Không tồn tại. Trống rỗng. Tôi từng giống như các hàng xóm láng giềng hiện nay của tôi, nhưng tệ hơn. Các chức năng sống của tôi vẫn hoạt động, nhưng không có tôi ở bên trong. Không có sức nặng của tâm hồn, cái tâm hồn dường như luôn có khối lượng là hai mươi một gram, cho dù ta béo hay gầy, cao hay thấp, trẻ hay già.

Nhưng vì chưa từng ưa thích đau khổ, nên tôi đã quyết định rằng chuyện đó sẽ không kéo dài thêm nữa. Nỗi đau khổ, nhất định nó phải chấm dứt vào một ngày nào đó.

Tôi đã có một khởi đầu rất tệ. Tôi là một đứa trẻ được sinh ra từ một người mẹ vô danh, ra đời tại Ardennes, phía Bắc tỉnh, cái góc dính gần với nước Bỉ, nơi khí hậu được coi là mang tính chất “lục địa thoái biến” (lượng mưa rất lớn vào mùa thu và thường xuyên có băng giá vào mùa đông), nơi tôi tưởng tượng rằng con kênh của Jacques Brel chạy đến hút tầm mắt.

Ngày chào đời, tôi không la hét. Vậy là người ta đặt tôi sang một bên, chẳng khác nào một gói hàng nặng 2,670 ki lô không có nhãn, không tên người nhận, trong lúc họ điền các loại giấy tờ hành chính để tuyên bố rằng

tôi đã ra đi trước khi kịp đến thế giới này.

Chết lưu. Một đứa trẻ không sự sống, không mang họ.

Nữ hộ sinh phải nhanh chóng tìm cho tôi một cái tên để điền vào các ô trống, bà đã chọn Violette.

Tôi hình dung rằng khi đó tôi tím ngắt từ đầu đến chân.

Khi tôi đổi màu, khi da tôi chuyển sang hồng hào và bà phải điền thông tin vào một tờ giấy chứng sinh, bà đã không đổi tên cho tôi.

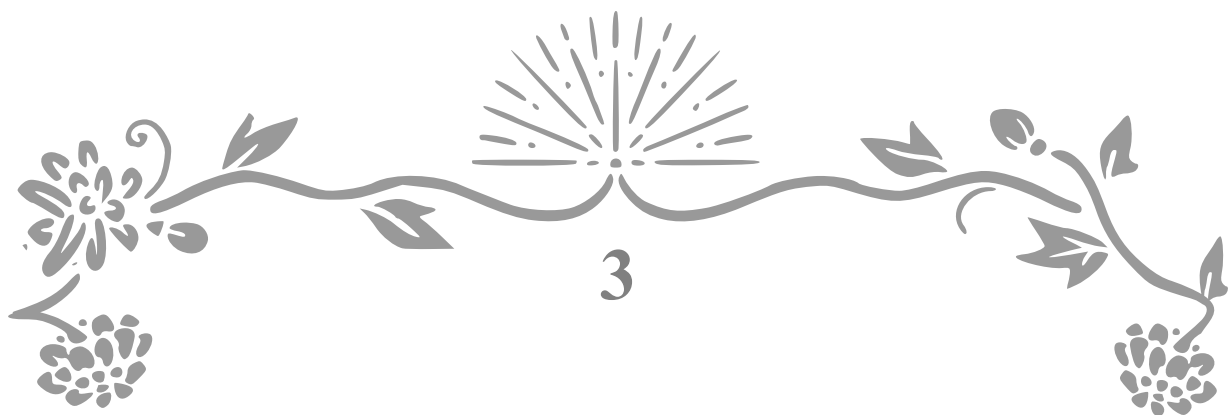
Người ta đặt tôi lên một cái lò sưởi. Làn da tôi được sưởi ấm. Vùng bụng của mẹ tôi, vốn chưa từng muốn có tôi, hẳn đã khiến tôi đóng băng. Hơi ấm đã đưa tôi về lại với ban ngày. Chắc là vì thế mà tôi yêu thích mùa hè đến vậy, tôi không bao giờ bỏ lỡ bất kỳ dịp nào để hứng lấy tia nắng đầu tiên rơi xuống, chẳng khác nào một đóa hướng dương.

Họ thời con gái của tôi là Trenet, giống như Charles. Sau cái tên Violette, có lẽ vẫn là nữ hộ sinh đó đã cho tôi cái họ ấy. Hẳn là bà ấy yêu thích Charles. Như đến lượt tôi yêu thích ông. Suốt một thời gian dài, tôi đã coi ông như một người họ hàng xa, một kiểu ông chú người Mỹ mà tôi chẳng bao giờ được gặp. Khi ta yêu một ca sĩ, vì suốt ngày hát những bài hát của anh ta, ta sẽ có một thứ có thể được gọi là quan hệ bà con họ hàng, đại loại thế.

Cái họ Toussaint là sau này tôi mới mang. Khi tôi kết hôn với Philippe Toussaint. Với một cái họ như thế, lẽ ra tôi đã phải đề phòng. Nhưng có những người mang họ Printemps ⁵ mà vẫn đánh vợ như thường đấy thôi. Một cái họ hay ho không ngăn cản ai đó trở thành một kẻ khốn.

Tôi không bao giờ thấy nhớ mẹ. Ngoại trừ những khi bị sốt. Khi khỏe mạnh, tôi lớn lên. Tôi vồng lên như thể sự thiếu vắng cha mẹ đã mang lại cho tôi một cái cọc đỡ gắn dọc cột sống. Tôi luôn đứng thẳng. Đó là một

đặc điểm riêng ở tôi. Tôi chưa từng khom lưng. Kể cả trong những ngày đau buồn. Mọi người hỏi tôi khá thường xuyên là tôi có luyện khiêu vũ cổ điển không. Tôi trả lời rằng không. Rằng chính cuộc sống hằng ngày đã đưa tôi vào khuôn khổ, bắt tôi đu xà và nhón chân mỗi ngày.



Cứ để họ bắt tôi hoặc bắt người thân của tôi đi, bởi vì tất cả các nghĩa trang rồi một ngày sẽ là những hoa viên.

Theo lời bài hát “Les enfants lune”, Damien Saez.

Năm 1997, khi trạm gác ghi của chúng tôi được tự động hóa, vợ chồng tôi đã mất việc. Chúng tôi được lên báo. Chúng tôi đại diện cho những nạn nhân liên đới cuối cùng của tiến bộ kỹ thuật, những công nhân điều khiển trạm gác ghi thủ công cuối cùng của nước Pháp. Để minh họa cho bài báo, phóng viên đã chụp ảnh chúng tôi. Philippe Toussaint thậm chí còn choàng một tay quanh eo tôi khi tạo dáng. Mặc dù tôi đang mỉm cười, nhưng Chúa ơi, mắt tôi trong bức ảnh đó mới buồn làm sao.

Ngày bài báo được đăng, Philippe Toussaint rầu rĩ như đã chết cả tâm hồn khi từ cơ quan ANPE quá cố trở về: anh ta vừa nhận ra rằng anh ta sắp phải làm việc. Anh ta đã quen với việc tôi làm tất cả thay cho anh ta. Nếu xét về khoản lười biếng, thì tôi đã trúng số độc đắc khi lấy Philippe. Tôi đã chọn đúng cả dãy số, để rồi nhận được giải jackpot.

Để giúp Philippe lấy lại tinh thần, tôi đưa cho anh ta một tờ giấy: “Quản trang, một nghề của tương lai”. Anh ta nhìn tôi như thể tôi vừa bị mất trí. Vào năm 1997, ngày nào anh ta cũng nhìn tôi như thể tôi bị mất trí.

Phải chăng một người đàn ông không còn tình yêu sẽ nhìn người phụ nữ anh ta từng yêu như thể cô ta bị mất trí?

Tôi giải thích với anh ta rằng tôi tình cờ nhặt được tờ quảng cáo này. Rằng tòa thị chính Brancion-en-Chalon đang tìm kiếm một cặp vợ chồng quản trang để trông nom cho nghĩa trang của họ. Và rằng người chết họ có giờ giấc sinh hoạt ổn định và ít gây ồn hơn so với những đoàn tàu. Rằng tôi đã nói chuyện với thị trưởng, ông ấy sẵn sàng tuyển dụng chúng tôi ngay lập tức.

Chồng tôi không tin tôi. Anh ta nói với tôi rằng anh ta không tin vào sự tình cờ. Rằng anh ta thà chết còn hơn là đi đến “nơi đó” và làm cái nghề của loài kền kền ăn xác thối ấy.

Anh ta bật ti vi rồi chơi trò *Mario 64*. Mục tiêu của trò chơi, đó là hái cho được toàn bộ sao ở từng chặng. Còn tôi, chỉ có một ngôi sao duy nhất tôi muốn hái: ngôi sao may mắn. Đó là điều tôi đã nghĩ khi nhìn thấy Mario chạy khắp nơi để giải cứu công chúa Peach bị Bowser bắt cóc.

Thế là tôi bắt đầu năn nỉ. Tôi nói với anh ta rằng khi trở thành quản trang, mỗi người chúng tôi sẽ có một khoản lương, mà còn hậu hơn lương gác ghi, rằng người chết giúp chúng tôi kiếm khá hơn những đoàn tàu. Rằng chúng tôi sẽ có một căn nhà công vụ rất xinh xắn mà không phải trả tiền thuê. Rằng chúng tôi sẽ được thay đổi, rời khỏi căn nhà nơi chúng tôi đã sống suốt nhiều năm, một căn nhà tồi tàn ngấm nước chẳng khác nào một cái thuyền cũ vào mùa đông và ấm nóng chẳng khác nào cực Bắc vào mùa hè. Rằng đó sẽ là một khởi đầu mới và chúng tôi cần sự khởi đầu ấy, rằng chúng tôi sẽ treo những tấm rèm xinh xắn ở cửa sổ để không còn nhìn thấy những người hàng xóm, những cây thập giá, những bà góa và tất tần tật những thứ khác. Rằng những tấm rèm đó sẽ là ranh giới giữa cuộc sống của

chúng tôi và nỗi buồn của những người khác. Lẽ ra tôi có thể nói sự thật với anh ta, rằng những tấm rèm đó sẽ là ranh giới ngăn giữa nỗi buồn của tôi và nỗi buồn của những người khác. Nhưng nhất định không được nói thế. Không nói gì cả. Khiến anh ta tin tưởng. Giả vờ. Để anh ta nhượng bộ.

Để chốt hạ màn thuyết phục, tôi hứa với Philippe là anh ta sẽ KHÔNG PHẢI LÀM GÌ CẢ. Rằng ba phu đào huyệt đã phụ trách hết công việc tu sửa, đào huyệt và quy hoạch khu nghĩa trang. Rằng công việc của quản trang chỉ đơn giản là mở và đóng cổng. Là hiện diện. Với giờ giấc làm việc không hề phiền toái. Những kỳ nghỉ và những kỳ cuối tuần dài đằng đặc như cây cầu cạn Valserine. Và rằng tôi, tôi sẽ làm những việc còn lại. Tất cả những việc còn lại.

Super Mario đã ngừng chạy. Nàng công chúa đã ngã xuống vách núi.

Trước khi đi ngủ, Philippe Toussaint đọc lại tờ quảng cáo: “Quản trang, một nghề của tương lai”.

Trạm gác ghi của chúng tôi hồi ấy nằm ở Malgrange-sur-Nancy. Vào thời kỳ ấy trong cuộc đời tôi, tôi không hề sống. “Vào thời kỳ ấy trong sự chết của tôi” có lẽ sẽ đúng hơn. Tôi thức dậy, tôi mặc quần áo, tôi làm việc, tôi đi chợ, tôi ngủ. Với một viên thuốc ngủ. Thậm chí là hai viên. Thậm chí là nhiều hơn. Và tôi nhìn chồng tôi đang nhìn tôi như thể tôi bị mất trí.

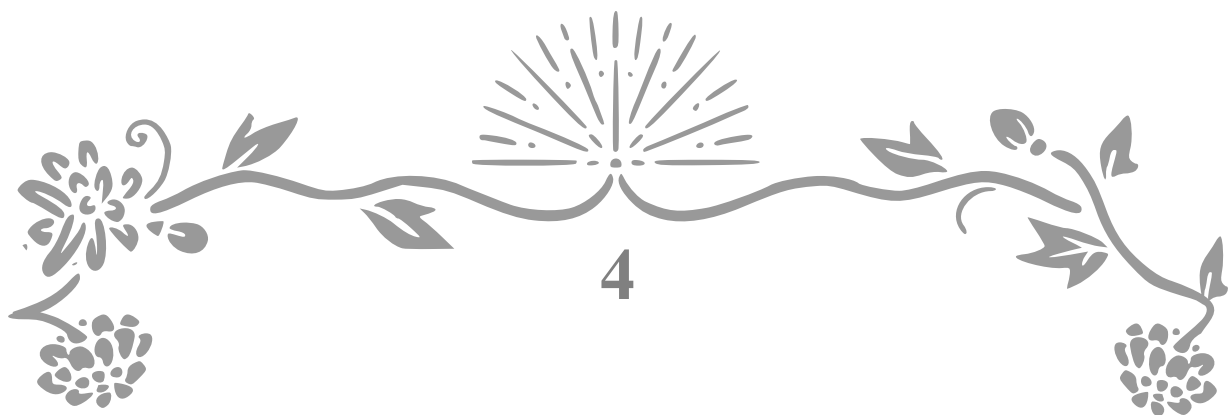
Giờ giấc làm việc của tôi hồi ấy phiền hà khủng khiếp. Tôi hạ rồi nâng thanh chắn gần mười lăm lần mỗi ngày, khắp các ngày trong tuần. Chuyến tàu đầu tiên chạy qua lúc 4h50 và chuyến cuối cùng lúc 23h04. Tôi như đã cài đặt tự động tiếng chuông của thanh chắn trong đầu. Tôi nghe thấy nó trước cả khi nó vang lên. Cái nhịp điệu địa ngục ấy, lẽ ra chúng tôi có thể chia sẻ, thay phiên nhau đảm trách. Nhưng thứ duy nhất mà Philippe Toussaint có thể đảm trách được, đó là chiếc xe mô tô và thân thể đam tình

nhân của anh ta.

Ôi chao, những hành khách mà tôi nhìn thấy đi qua mới khiến tôi ước ao biết bao. Tuy nhiên, đó chỉ là những đoàn tàu nhỏ thuộc tỉnh lẻ nổi Nancy với Épinal, và chúng dừng lại cả chục lần mỗi chuyến, tại những thị trấn nghèo khổ, để phục vụ dân bản địa. Tuy nhiên, tôi ghen tị với những người đàn ông và đàn bà ấy. Tôi hình dung là họ đang đi đến những cuộc hẹn, những cuộc hẹn mà tôi cũng muốn có, giống như những hành khách mà tôi nhìn thấy lướt qua trước mặt.

Chúng tôi lên đường nhắm đến Bourgogne ba tuần sau khi bài viết kia xuất hiện trên mặt báo. Chúng tôi đã chuyển từ nơi xám xịt sang nơi xanh mướt. Từ đường nhựa đến đồng cỏ, từ mùi hắc ín của đường sắt đến mùi của nông thôn.

Chúng tôi đến nghĩa trang Brancion-en-Chalon ngày 15 tháng Tám năm 1997. Nước Pháp đang trong kỳ nghỉ hè. Toàn bộ dân cư đi vắng cả. Những con chim thường bay từ ngôi mộ này sang ngôi mộ khác không còn bay nữa. Lũ mèo thường đuổi mình giữa những bình hoa đã biến mất. Thậm chí, trời đã trở nên quá nóng đối với lũ kiến và thằn lằn, những mặt đá cẩm thạch bị nắng rọi nóng bỏng. Ba phu đào huyệt đang nghỉ hè, cả những người mới chết cũng thế. Tôi một mình lang thang giữa những lối đi, đọc tên những con người mà tôi chưa từng quen biết. Tuy nhiên, tôi lập tức cảm thấy dễ chịu ở nơi này. Ở chỗ dành cho tôi.



*Sinh linh là vĩnh hằng, cuộc đời chỉ là một chặng ghé qua, kỷ ức
vĩnh cửu sẽ là thông điệp của cuộc đời ấy.*

Khi đám trẻ mới lớn không nhét kẹo cao su vào lỗ khóa, chính tôi là người mở và đóng cánh cổng nặng nề của nghĩa trang.

Giờ mở cửa thay đổi theo mùa.

Từ 8 giờ đến 19 giờ từ ngày 1 tháng Ba đến ngày 31 tháng Mười.

Từ 9 giờ đến 17 giờ từ ngày 2 tháng Mười một đến ngày 28 tháng Hai.

Không ai quy định gì cho ngày 29 tháng Hai.

Từ 7 giờ đến 20 giờ ngày 1 tháng Mười một.

Tôi tiếp quản công việc của chồng tôi sau khi anh ta ra đi - hay chính xác hơn là từ khi anh ta biến mất. Philippe Toussaint xuất hiện với ghi chú “mất tích đáng ngờ” trong hồ sơ quốc gia của cảnh sát.

Vẫn còn nhiều người đàn ông khác xung quanh tôi. Ba phu đào huyệt, Nono, Gaston và Elvis. Ba nhân viên tang lễ, tức ba anh em nhà Lucchini có tên lần lượt là Pierre, Paul và Jacques, cùng cha xứ Cédric Duras. Tất cả những người đàn ông này ghé qua nhà tôi nhiều lượt mỗi ngày. Họ đến uống một ly rượu, hoặc nhâm nhi một món ăn vặt. Họ còn giúp tôi chăm

sóc vườn rau, khi tôi cần mang những bao đất trồng ra vườn, hoặc sửa lại đường ống nước bị rò. Tôi coi họ như những người bạn, chứ không phải như những đồng nghiệp. Cho dù tôi không có ở đó, họ vẫn có thể vào bếp nhà tôi, rót một cốc cà phê, uống xong, rửa cốc rồi rời đi.

Phu đào huyết làm cái công việc khiến người ta xa lánh, ghê tởm. Tuy nhiên, ba phu đào huyết ở nghĩa trang của tôi là những người dịu dàng và dễ chịu nhất mà tôi từng biết.

Nono là người tôi tin tưởng nhất. Đó là một người đàn ông thẳng thắn, có niềm vui sống từ trong máu. Bất cứ thứ gì cũng khiến anh thích thú, và anh không bao giờ nói không. Trừ phi anh phải tham dự tang lễ một đứa trẻ. Anh để “việc đó” cho những người khác. “Những người có đủ dũng khí” như anh thường nói. Nono trông giống Georges Brassens, nhận xét ấy khiến anh phá lên cười, bởi vì tôi là người duy nhất trên thế giới nói với anh rằng trông anh giống Georges Brassens.

Còn Gaston, anh chính là người sáng tạo ra sự vụng về. Cử chỉ của anh lúc nào cũng lệch đi. Lúc nào trông anh cũng như đang say rượu, mặc dù anh chỉ uống nước. Trong các lễ an táng, anh đứng giữa Nono và Elvis, phòng khi anh bị mất thăng bằng. Dưới chân Gaston, luôn thường trực một vụ động đất. Anh xô người khác ngã, anh tự ngã, anh xô đổ đồ đạc, anh giẫm nát thứ gì đó. Khi Gaston vào nhà tôi, tôi luôn lo sợ anh làm hỏng thứ gì đó hoặc tự làm mình bị thương. Và bởi vì nỗi lo sợ không xưa được rủi ro, nên lần nào anh cũng đánh vỡ một cái cốc hoặc tự làm mình bị thương.

Còn Elvis, tất cả mọi người đều gọi anh là Elvis vì Elvis Presley. Anh không biết đọc cũng không biết viết, nhưng lại thuộc lòng toàn bộ các bài hát của thần tượng. Anh phát âm lời hát rất tệ, chúng tôi không bao giờ biết được anh đang hát tiếng Anh hay tiếng Pháp, nhưng tâm hồn anh đặt cả vào

bài hát. “Love mi tendeur, love mi trou...”

Anh em nhà Lucchini chỉ hơn kém nhau một tuổi, ba mươi tám, ba mươi chín và bốn mươi. Họ làm nhân viên tang lễ theo kiểu cha truyền con nối, đã từ nhiều thế hệ. Họ cũng là những chủ nhân may mắn của nhà xác Brancion, tòa nhà nằm sát cạnh cửa hàng của họ. Nono kể với tôi rằng chỉ có một cánh cửa sập ngăn cửa hàng với nhà xác. Chính Pierre, anh cả, là người đón tiếp tang gia. Paul phụ trách trang điểm cho người chết. Anh làm việc trong tầng hầm. Còn Jacques là tài xế lái xe đòn. Chuyến đi cuối cùng, anh là người đảm nhận. Nono gọi họ là “các tông đồ”.

Ngoài ra, còn có cha xứ của chúng tôi, Cédric Duras. Chúa trời thật có khiếu sắp đặt, mặc dù không phải lúc nào cũng chính xác. Từ khi cha Cédric đến, hình như có nhiều phụ nữ trong vùng bị ấn tượng mạnh trước khái huyền thần thánh. Dường như ngày càng có nhiều tín đồ nữ hiện diện trên các băng ghế ở nhà thờ vào sáng Chủ nhật.

Tôi thì không bao giờ đến nhà thờ. Làm thế chẳng khác nào ngủ với một nữ đồng nghiệp. Tuy nhiên, tôi nghĩ tôi đón nhận tâm sự của những người ghé qua nhà tôi còn nhiều hơn cha Cédric nhận được trong phòng xưng tội của ông. Chính trong căn nhà khiêm tốn của tôi và những lối đi trong nghĩa trang mà các gia đình dốc bầu tâm sự. Lúc đến, lúc đi, đôi khi là cả hai. Gần giống như những người quá cố. Với họ thì chính sự im lặng, những tấm bia mộ, những chuyến viếng thăm, những bông hoa, những bức ảnh, cách thức hành xử của những người đến nghiêng mình trước mộ họ, là những điều kể với tôi về cuộc đời trước đây của họ. Cuộc đời khi họ còn sống. Còn chuyển động.

Nghề nghiệp của tôi đòi hỏi phải kín đáo, thích giao tiếp, không lòng trắc ẩn. Không lòng trắc ẩn, đối với một phụ nữ như tôi, cũng giống như trở

thành nhà du hành vũ trụ, bác sĩ phẫu thuật, chuyên gia núi lửa hoặc nhà nghiên cứu về di truyền học. Nó không nằm trong hành tinh tôi sống, cũng không thuộc khả năng của tôi. Nhưng tôi không bao giờ khóc trước mặt một người khách viếng thăm nghĩa trang. Thỉnh thoảng tôi khóc trước hoặc sau một lễ an táng, nhưng không bao giờ tôi khóc trong buổi lễ. Nghĩa trang của tôi đã có từ ba thế kỷ nay. Người quá cố đầu tiên được đón nhận tại đây là một phụ nữ. Diane de Vignerón (1756-1773), bà chết trong lúc sinh con, ở tuổi mười chín. Nếu lướt đầu ngón tay lên bia mộ của bà, ta vẫn có thể đoán thấy tên bà khắc trên lớp đá thô nhám. Bà không bị cải táng, mặc dù nghĩa trang của tôi đang thiếu chỗ. Không có bất kỳ người nào trong các đời thị trưởng dám đưa ra quyết định quấy rầy con người đầu tiên được chôn ở đây. Nhất là khi quanh Diane còn có một huyền thoại xưa cũ. Theo người dân trong vùng Brancion, dường như bà đã nhiều lần xuất hiện trong “trang phục ánh sáng” của bà, đứng trước cửa kính các cửa hàng ở trung tâm thành phố và trong nghĩa trang. Khi đến các hội chợ bán đồ cũ trong vùng, thỉnh thoảng tôi có nhìn thấy hình ảnh của bà Diane được thể hiện như một bóng ma trên những bức tranh khắc cổ xưa có từ thế kỷ 18, hoặc trên những tấm bưu thiếp. Một bà Diane giả được dựng lên, cải trang thành một con ma tầm thường giả hiệu.

Có nhiều huyền thoại xung quanh các nấm mồ. Người sống thường xuyên sáng tác lại cuộc đời của những người đã chết.

Có một huyền thoại nữa ở Brancion, mới hơn rất nhiều so với huyền thoại Diane de Vignerón. Bà tên là Reine Duchá (1961-1982), bà được chôn trong nghĩa trang của tôi, hàng thứ 15, trong khu Bá Hương. Một cô gái trẻ xinh xắn tóc nâu tươi cười trong bức ảnh gắn trên bia mộ. Bà chết khi đang lái xe, ở cửa ngõ thành phố. Hình như đám thanh niên thường nhìn thấy bà

bên vệ đường, mặc toàn đồ trắng, ở địa điểm xảy ra vụ tai nạn.

Huyền thoại về “các bà áo trắng” đã lan khắp thế giới. Có vẻ như những bóng ma nữ chết bất đắc kỳ tử đã ám ảnh thế giới của người sống, kéo lê linh hồn đau khổ của họ trong các tòa lâu đài và các nghĩa trang.

Và để tăng thêm sự kỳ bí của huyền thoại về Reine thì mộ của bà đã phải di chuyển. Theo Nono và anh em nhà Lucchini, đó là hậu quả của tình trạng sạt đất. Điều đó thường xảy ra khi có quá nhiều nước tích tụ trong một hầm mộ.

Trong vòng hai mươi năm, tôi nghĩ mình đã chứng kiến rất nhiều chuyện trong nghĩa trang, thậm chí có những đêm tôi bắt gặp những cái bóng đang làm tình trên hoặc giữa các ngôi mộ, nhưng đó không phải là những bóng ma.

Ngoại trừ các huyền thoại, không có gì là vĩnh cửu, kể cả những phần mộ mua quyền sở hữu lâu dài. Ta có thể mua một mộ phần trong vòng mười lăm năm, ba mươi năm, năm mươi năm hoặc vĩnh viễn. Chỉ có điều trong trường hợp mua vĩnh viễn, ta phải đề phòng: nếu sau một giai đoạn ba mươi năm mà một mộ phần mua vĩnh viễn không còn được chăm sóc (bề ngoài xuống cấp xấu xí) và đã rất lâu không có người nào được chôn thêm vào đó, thì chính quyền có thể thu hồi; phần xương cốt còn lại sẽ được bỏ vào một hầm hài cốt ở cuối nghĩa trang.

Từ khi đến đây, tôi đã chứng kiến nhiều phần mộ quá hạn bị tháo dỡ và dọn dẹp, còn xương người quá cố được đưa vào hầm hài cốt. Và không có ai nói gì hết. Bởi vì những người quá cố ấy được coi như những đồ vật mà người ta tìm thấy, nhưng lại chẳng còn ai đề nghị nhận lại nữa.

Luôn là như thế với cái chết. Thời điểm nó xảy ra càng lùi xa, thì nó càng ít tác động đến người sống. Thời gian hủy hoại cuộc sống. Thời gian

gặm mòn cái chết.

Tôi cùng ba phu đào huyệt làm tất cả để không bao giờ bỏ rơi một phần mộ nào. Chúng tôi không chịu đựng nỗi cảnh phải nhìn thấy người ta dán lên bia mộ một tờ thông báo của tòa thị chính: “Phần mộ này đang nằm trong quy trình thu hồi. Đề nghị liên hệ gấp với tòa thị chính, xin cảm ơn.” Trong khi tên của người quá cố yên nghỉ bên dưới vẫn hiển hiện trên đó.

Chắc hẳn là vì thế mà trong các nghĩa trang ngập tràn văn bia. Để xua đuổi số phận trôi chảy của thời gian. Bấu vấu vào những kỷ niệm. Dòng tưởng niệm mà tôi thích nhất là: “Cái chết bắt đầu khi không ai còn khả năng mơ về bạn.” Nó được ghi trên mộ của một nữ y tá trẻ, Marie Deschamps, qua đời năm 1917. Hình như một người lính đã dựng tấm bia này vào năm 1919. Mỗi khi đi qua mộ bà, tôi tự hỏi liệu ông có mơ về bà lâu không.

“Cho dù anh làm gì, cho dù em ở nơi nào, không gì xóa mờ được em, anh nghĩ đến em” của Jean-Jacques Goldman và “Những ngôi sao chỉ trò chuyện với nhau về em” của Francis Cabrel là những câu hát được ghi lại nhiều nhất trên các tấm bia.

Nghĩa trang của tôi rất đẹp. Hai bên các lối đi trồng những hàng cây đoạn trăm tuổi. Phần lớn các ngôi mộ đều có hoa.

Đằng trước căn nhà công vụ nhỏ, tôi có bán vài chậu hoa. Và khi không thể bán được chúng, tôi sẽ tặng chúng cho những ngôi mộ bị bỏ rơi.

Tôi cũng trồng cả thông nữa. Vì chúng tỏa hương thơm vào mùa hè. Đó là mùi hương tôi yêu thích nhất.

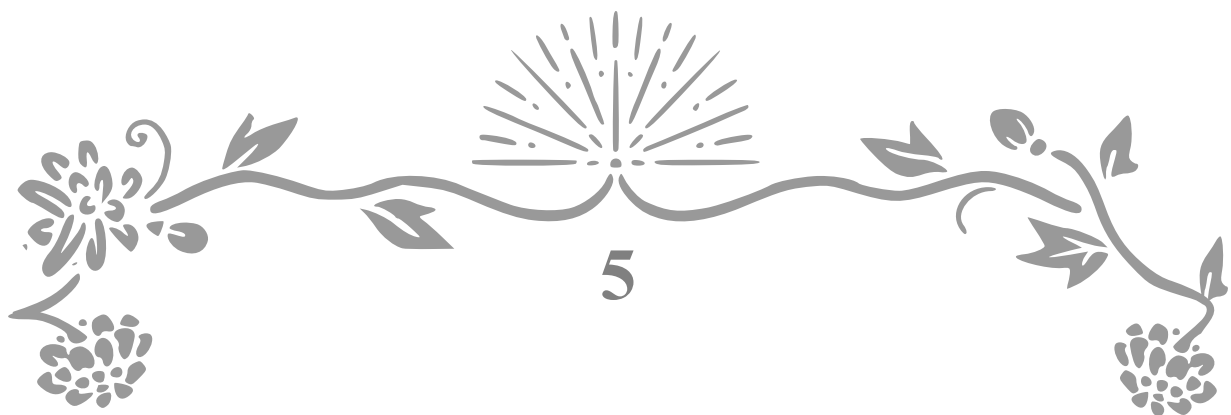
Tôi trồng thông vào năm 1997, năm chúng tôi đến đây. Chúng đã cao lên rất nhiều, và mang lại cho nghĩa trang của tôi một dáng vẻ đẹp đẽ. Quản trang chính là chăm sóc cho những người quá cố đang yên nghỉ ở đó. Chính

là tôn trọng họ. Và nếu không được tôn trọng khi còn sống, ít nhất họ cũng được như thế khi nằm xuống.

Tôi tin chắc rằng có nhiều kẻ khốn đang yên nghỉ ở đây. Nhưng cái chết không phân biệt giữa người tốt và kẻ xấu. Với lại, trong đời mình, ai chẳng ít nhất một lần từng là kẻ khốn kiếp?

Trái ngược với tôi, Philippe Toussaint lập tức ghét nghĩa trang này, thành phố nhỏ này, vùng Bourgogne, nông thôn, những phiến đá cũ kỹ, những con bò sữa màu trắng, và cả con người nơi đây.

Tôi còn chưa dỡ xong những thùng các tông đựng đồ chuyển đến thì anh ta đã xách mô tô đi suốt từ sáng đến tối. Và vài tháng sau, có những lần anh ta bỏ đi suốt nhiều tuần liền. Cho đến cái ngày anh ta không quay về nữa. Cảnh sát không hiểu tại sao tôi không thông báo việc anh ta mất tích sớm hơn. Tôi không bao giờ nói với họ rằng anh ta đã biến mất nhiều năm nay, kể cả khi anh ta vẫn ăn tối cùng bàn với tôi. Tuy nhiên, sau chừng một tháng, khi hiểu ra rằng anh ta sẽ không quay về nữa, tôi vẫn cảm thấy mình bị bỏ rơi, chẳng khác nào những phần mộ mà tôi vẫn đều đặn quét dọn. Cũng xám xịt, tẻ nhạt và chông chênh như thế. Sẵn sàng bị phá dỡ, và những gì còn lại của tôi sẽ bị vứt vào hầm hài cốt.



Cuốn sách cuộc đời là cuốn sách tối cao, mà ta không thể đóng hay mở lại theo ý mình, ta những muốn quay trở lại trang nơi ta yêu, ấy thế mà trang nơi ta chết đã nằm ngay dưới ngón tay ta.

Trích từ *Vers sur un album*, Alphonse de Lamartine.

Tôi gặp Philippe Toussaint tại Tibourin, một hộp đêm ở Charleville-Mézières vào năm 1985.

Philippe Toussaint đứng tì khuỷu tay lên mặt quầy. Còn tôi, khi đó tôi là nhân viên phục vụ. Tôi làm nhiều công việc lật vật bằng cách nói dối tuổi của mình. Một cậu bạn trong trung tâm bảo trợ nơi tôi sống đã làm giả giấy tờ cho tôi, để biến tôi thành người thành niên.

Tôi không có tuổi chính xác. Tôi có thể mười bốn tuổi, cũng có thể đã hai mươi lăm. Tôi chỉ mặc quần jean và áo thun, cắt tóc ngắn và đeo khuyên khắp nơi. Cả ở mũi. Tôi nhỏ bé và vẽ viền mắt bằng phấn đen để tạo cho bản thân một phong cách giống với Nina Hagen. Tôi vừa bỏ học. Tôi còn chưa đọc thông viết thạo. Nhưng tôi biết đếm. Tôi đã trải qua nhiều chặng đời và chỉ có một mục tiêu duy nhất là làm việc để trả tiền thuê nhà và rời khỏi trung tâm càng sớm càng tốt. Sau đó, tôi sẽ tính tiếp.

Vào năm 1985, thứ duy nhất tử tế ở tôi là hàm răng. Trong suốt thời thơ ấu, tôi vẫn luôn bị ám ảnh với việc có được hàm răng trắng đẹp như những cô gái trong các tạp chí. Khi nhân viên giáo dục đến các gia đình đón nhận và hỏi tôi có cần thứ gì không, tôi luôn đề nghị được đến phòng khám nha khoa, cứ như thể số phận và toàn bộ cuộc đời tôi phụ thuộc vào nụ cười mà tôi sẽ trưng ra.

Tôi không có bạn gái, vì tôi quá giống con trai. Thay vào đó, tôi gắn bó với các xơ, nhưng những lần chia cắt lặp đi lặp lại, việc thường xuyên thay đổi gia đình đón nhận đã phá hủy tôi. *Đừng bao giờ gắn bó*. Tôi tự nhủ việc để tóc ngắn sẽ bảo vệ tôi, sẽ khiến tôi có tâm hồn và sự gan góc của một đứa con trai. Kết quả là đám con gái tránh né tôi. Tôi đã ngủ với đám con trai để giống như tất cả mọi người, nhưng chẳng có gì thú vị, tôi đã thất vọng, tôi thấy chuyện đó chẳng có gì hay ho. Tôi làm chuyện đó để đánh lừa, hoặc để đổi lấy quần áo, một cái kẹp tóc vớ vẩn, một tấm vé vào đâu đó, một bàn tay siết lấy tay tôi. Tôi ưa thích thứ tình yêu trong những câu chuyện cổ tích trẻ con, những câu chuyện mà chưa từng có ai kể cho tôi nghe. “Họ cưới nhau và có rất, rất, rất nhiều...”

Tì khuỷu tay trên bàn quầy, Philippe Toussaint vừa quan sát đám bạn của anh ta đang nhảy trên sàn vừa nhấm nháp một ly whisky-Coca không đá. Anh ta có khuôn mặt đẹp như thiên thần. Một kiểu Michel Berger phiên bản tô màu. Những lọn tóc dài vàng óng, đôi mắt xanh, làn da trắng sáng, chiếc mũi khoằm, khuôn miệng như quả dâu tây... sẵn sàng để bị ngẫu nhiên, một quả dâu tây chín mọng vào tháng Bảy. Anh ta mặc quần jean, áo thun trắng và áo blu đông da màu đen. Anh ta cao lớn, vạm vỡ, hoàn hảo. Vừa nhìn thấy anh ta, tim tôi đã nện thành thịch giống hệt như ca từ trong bài hát của ông chú tưởng tượng của tôi, Charles Trenet. Với tôi,

Philippe Toussaint sẽ có được mọi thứ miễn phí, kể cả những ly whisky-Coca mà anh ta nhắm nháp.

Anh ta chẳng cần làm gì cũng có thể hôn đám con gái tóc vàng xinh đẹp xúm xít xung quanh. Chẳng khác nào bầy ruồi bu quanh một mẩu thịt ôi. Philippe Toussaint có vẻ không quan tâm đến bất cứ chuyện gì. Anh ta để mặc mọi người muốn làm gì thì làm. Để có được những gì mình muốn, anh ta chẳng cần phải động một ngón tay, ngoại trừ để thỉnh thoảng nâng ly rượu lên môi, giữa hai nụ hôn sáng ánh huỳnh quang.

Anh ta quay lưng về phía tôi. Khi nhìn anh ta, tôi chỉ thấy những lọn tóc vàng chuyển từ màu xanh lá sang đỏ rồi xanh lơ dưới ánh đèn chiếu. Ánh mắt tôi la cà trên mái tóc anh ta đến cả tiếng đồng hồ. Thỉnh thoảng, anh ta nghiêng người về phía một cô nàng đang thì thầm điều gì đó vào tai anh ta, và tôi ngấm ngấm khuôn mặt nhìn nghiêng hoàn hảo ấy.

Thế rồi, anh ta xoay người về phía quầy bar, và ánh mắt anh ta đậu lên tôi để rồi không chịu nhả ra nữa. Kể từ lúc đó, tôi trở thành thứ đồ chơi ưa thích nhất của anh ta.

Lúc đầu, tôi nghĩ anh ta quan tâm đến tôi là vì lượng rượu miễn phí mà tôi rót vào cốc anh ta. Trong lúc rót rượu cho Philippe, tôi cố không để anh ta nhìn thấy bộ móng tay mà tôi gặm nhấm nham nhở, chỉ phô ra hàm răng trắng và đều tăm tắp. Tôi nghĩ anh ta có vẻ là con nhà tử tế. Đối với tôi, ngoại trừ đám thanh niên trong trung tâm bảo trợ, tất cả mọi người dù trai hay gái đều có vẻ là con nhà tử tế cả.

Một đám gái ăn chơi thành thị ghé lại sau lưng anh ta. Chẳng khác nào ở một khúc quanh trên xa lộ Mặt Trời vào ngày đông người đi nghỉ hè. Nhưng anh ta vẫn tiếp tục liếc nhìn tôi, nổi ham muốn dâng đầy trong mắt. Tôi tựa người vào bàn quầy, đối diện với anh ta, để chắc chắn rằng tôi chính

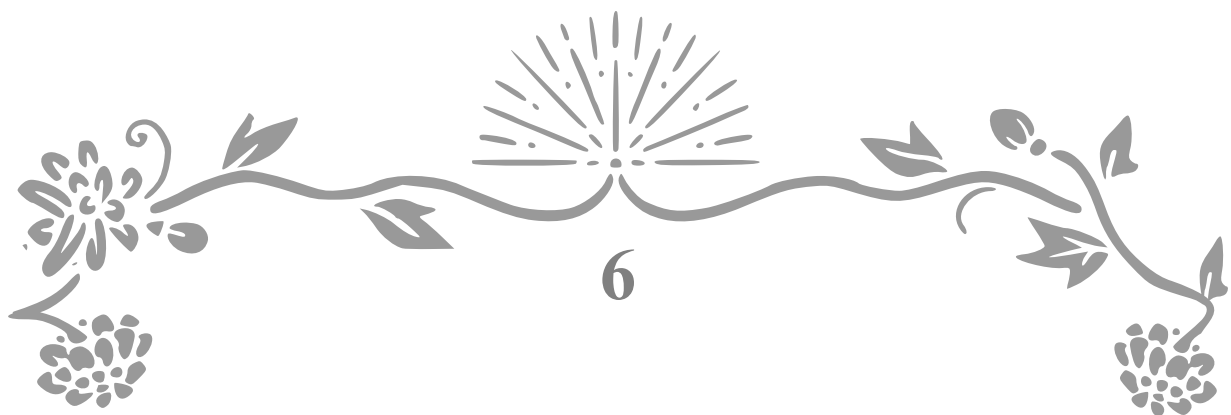
là người mà anh ta đang nhìn. Tôi cầm một chiếc ống hút vào cốc của anh ta. Tôi ngược mắt nhìn lên. Đúng là anh ta đang nhìn tôi.

Tôi hỏi anh ta: “Anh có muốn uống thứ gì khác không?” Tôi không nghe thấy câu trả lời của anh ta. Tôi liền lại gần hơn, hét lên: “Cái gì cơ?” Anh ta ghé sát vào tai tôi, rồi bảo: “Em.”

Tôi lén rót cho mình một cốc bourbon. Uống xong một ngụm, tôi không còn đỏ mặt nữa, uống xong hai ngụm tôi cảm thấy rất thoải mái, và sau ba ngụm thì tôi đã có thừa dũng khí. Tôi lại ghé sát tai anh ta và trả lời: “Sau khi tôi hết ca, chúng ta có thể uống cùng nhau.”

Anh ta mỉm cười. Hàm răng anh ta cũng giống hàm răng tôi, trắng và đều tăm tắp.

Tôi tự nhủ cuộc đời tôi sắp thay đổi khi Philippe Toussaint đưa tay qua mặt bàn quây để khẽ vuốt cánh tay tôi. Tôi cảm thấy làn da tôi căng lên, như thể nó đã có một dự cảm nào đó. Anh ta hơn tôi mười tuổi. Sự khác biệt về tuổi tác nâng anh ta lên một tầm cao mới. Tôi có cảm giác mình là một con bướm đang ngắm một ngôi sao.



Vì đã đến giờ, khi mọi người ở trong mô mà nghe tiếng Ngài và ra khỏi.

Jean, 5:28, 29 / Kinh Thánh.

Có ai đó khẽ gõ cửa nhà tôi. Tôi không chờ ai đến, và lại tôi cũng chẳng còn chờ đợi ai từ lâu lắm rồi.

Có hai cửa vào nhà tôi, một cửa từ phía nghĩa trang, cửa còn lại từ phía mặt đường. Éliane bắt đầu sữa và chạy về cánh cửa phía mặt đường. Bà chủ của nó, Marianne Ferry (1953-2007), đang yên nghỉ tại khu Phu Danh. Éliane đến đây vào ngày chôn cất bà, và không bao giờ rời đi nữa. Những tuần đầu tiên, tôi mang đồ ăn đến mộ bà chủ cho nó, rồi dần dần nó theo tôi về tận nhà. Nono đặt tên cho nó là Éliane giống tên nhân vật mà Isabelle Adjani thủ vai trong *Mùa hè sát nhân*, bởi vì nó có đôi mắt rất đẹp màu xanh, và bà chủ nó qua đời vào tháng Tám.

Trong vòng hai mươi năm, đã có ba con chó đến với tôi cùng lúc với chủ của chúng, rồi trở thành chó của tôi do hoàn cảnh xô đẩy, nhưng bây giờ tôi chỉ còn lại một mình Éliane.

Tiếng gõ cửa lại vang lên. Tôi lưỡng lự không biết có nên mở hay

không. Mới 7 giờ sáng. Tôi đang vừa nhấm nháp cốc trà vừa đẩy lại hộp bánh quy bơ mặn và hũ mứt dâu quà tặng của Suzanne Clerc, chồng bà (1933-2007) đang yên nghỉ trong khu Bá Hương. Tôi đang nghe nhạc. Ngoài trừ những giờ nghĩa trang mở cửa, tôi luôn nghe nhạc.

Tôi đứng dậy và tắt đài.

– Ai đấy?

Một giọng đàn ông ngập ngừng trả lời tôi.

– Tôi xin lỗi, thưa bà, tôi nhìn thấy có ánh đèn.

Tôi nghe thấy người đó cọ chân vào tấm thảm chùi chân.

– Tôi muốn hỏi vài câu về một người đang yên nghỉ trong nghĩa trang này.

Lẽ ra tôi có thể bảo người đó quay lại vào lúc 8 giờ, khi nghĩa trang mở cửa.

– Chờ một chút, tôi ra ngay!

Tôi lên phòng ngủ và mở tủ đồ mùa đông rồi khoác chiếc áo choàng trong nhà lên người. Tôi có hai tủ đồ. Một tủ được tôi gọi là “mùa đông”, tủ còn lại là “mùa hè”. Hai cái tên gọi đó chẳng liên quan gì đến các mùa, mà là theo cảnh hướng. Tủ đồ mùa đông chỉ treo toàn các loại trang phục cổ điển và sẫm màu, nó được dành cho những người khác. Tủ đồ mùa hè chỉ chứa toàn những trang phục mỏng nhẹ và sặc sỡ, nó dành cho tôi. Tôi mặc mùa hè bên trong mùa đông, và tôi cởi bỏ mùa đông khi ở một mình.

Vậy là tôi khoác một chiếc áo choàng màu xám có chân bông ra ngoài bộ đồ mặc trong nhà bằng lụa hồng. Tôi bước xuống mở cửa, và nhìn thấy một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi. Lúc đầu, tôi chỉ nhìn thấy đôi mắt đen của anh ta đang nhìn tôi chăm chú.

– Xin chào, thứ lỗi cho tôi vì đã quấy rầy chị sớm thế này.

Trời vẫn còn tối và lạnh. Đằng sau anh ta, tôi thấy màn đêm đã để lại một lớp giá mỏng. Hơi nước phả ra từ miệng anh ta, như thể anh ta vừa hút thuốc trong ánh rạng đông. Từ người anh ta tỏa ra mùi thuốc lá, mùi quế và va ni.

Tôi không thể thốt lên lời nào. Như thể tôi vừa gặp lại ai đó đã biệt tích từ lâu. Tôi nghĩ anh ta xuất hiện ở nhà tôi quá muộn. Rằng giá như anh ta đến trước ngưỡng cửa nhà tôi từ hai mươi năm trước, thì có lẽ *mọi chuyện* đã khác. Tại sao tôi lại tự nhủ mình điều đó? Bởi vì đã nhiều năm nay, không có người nào gõ cánh cửa phía mặt đường của nhà tôi, ngoại trừ lũ nhóc say rượu chẳng? Bởi vì tất cả những người đến thăm tôi đều đến qua lối nghĩa trang chẳng?

Tôi mời anh ta vào, anh ta cảm ơn tôi, về ngưỡng nghịu. Tôi rót cho anh ta một cốc cà phê.

Ở Brancion-en-Chalon, tôi quen biết tất cả mọi người. Kể cả những cư dân chưa có người thân nào nằm ở nghĩa trang của tôi. Tất cả đều đã từng đi qua những lối đi ở nơi này ít nhất là một lần, để dự lễ chôn cất một người bạn, một người hàng xóm, hay mẹ của một đồng nghiệp.

Nhưng anh ta thì tôi chưa gặp bao giờ. Giọng anh ta hơi lạ, một chút gì đó xuất phát từ vùng Địa Trung Hải trong cách anh ta nhấn giọng. Anh ta có mái tóc nâu sẫm, nâu đến mức những sợi tóc trắng hiếm hoi trở nên nổi bật so với phần bù xù còn lại. Anh ta có chiếc mũi to, đôi môi dày, đôi quầng mọng dưới mắt. Anh ta hơi giống với Gainsbourg. Có thể cảm thấy anh ta bức tức với con dao cạo của mình, nhưng không vì thế mà thiếu đi nét duyên quyến rũ. Anh ta có đôi tay đẹp, với những ngón tay dài. Anh ta uống từng ngụm nhỏ cốc cà phê nóng bỏng, thổi vào cốc và áp hai bàn tay

vào lớp sứ cho ẩm.

Tôi vẫn không biết tại sao anh ta lại có mặt ở đây. Tôi đã để anh ta vào nhà tôi bởi vì đây không thực sự là nhà tôi. Căn phòng này, nó thuộc về tất cả mọi người. Nó giống như một phòng chờ ở tòa thị chính, mà tôi đã biến thành phòng khách kiêm phòng bếp. Nó thuộc về tất cả mọi người, dù là khách qua đường hay người quen.

Có vẻ như anh ta đang ngắm nghía mấy bức tường. Căn phòng hai mươi lăm mét vuông này có dáng dấp giống với tủ đồ mùa đông của tôi. Chẳng có gì trên các bức tường. Không có thảm nhiều màu cũng chẳng có ghế xô pha xanh lam. Khắp nơi toàn là gỗ dán, có thêm vài chiếc ghế tựa để ngồi. Không có thứ gì phô trương. Một máy pha cà phê lúc nào cũng sẵn sàng phục vụ, những chiếc cốc trắng và các loại rượu mạnh dùng cho những trường hợp tuyệt vọng. Đây chính là nơi tôi đón nhận những giọt nước mắt, những lời tâm sự, nỗi giận dữ, những tiếng thở dài, nỗi tuyệt vọng và cả tiếng cười của đám phu đào huyệt.

Phòng ngủ của tôi ở tầng hai. Đó là cái sân sau bí mật của tôi, nhà riêng của tôi. Phòng ngủ và phòng tắm của tôi là hai căn phòng xinh xắn màu pastel. Hồng phấn, xanh quả hạnh và xanh da trời, như thể tôi đã tự tay vẽ lại các sắc màu của mùa xuân. Ngay khi có một tia nắng rơi xuống, tôi mở toang cửa sổ và, trừ phi có một chiếc thang, không thể nào nhìn được vào phòng tôi từ bên ngoài.

Chưa có ai vào phòng ngủ của tôi từ khi nó được trang trí như bây giờ. Ngay sau khi Philippe Toussaint mất tích, tôi đã sơn lại toàn bộ, thêm vào đó những tấm rèm, những dải đăng ten, những bàn ghế màu trắng và một chiếc giường lớn với một tấm đệm Thụy Sĩ êm ái ôm trọn thân hình người nằm. Ôm trọn thân hình tôi, khi thân hình ấy không còn được ôm trọn trong

thân hình của Philippe Toussaint nữa.

Người lạ mặt vẫn thổi cốc cà phê. Cuối cùng anh ta cũng lên tiếng, nói với tôi:

- Tôi từ Marseille đến đây. Chị có biết Marseille không?
- Năm nào tôi cũng đến Sormiou.
- Đến vùng bờ đá đúng không?
- Đúng thế.
- Thật là một ngẫu nhiên thú vị.
- Tôi không tin vào ngẫu nhiên.

Tôi thấy dường như anh ta đang tìm kiếm thứ gì đó trong túi quần jean. Những người đàn ông tôi quen biết không mặc quần jean. Nono, Elvis và Gaston lúc nào cũng mặc đồng phục lao động, anh em nhà Lucchini và cha Cédric mặc quần vải tec-gan. Anh ta cởi khăn quàng, để lộ phần cổ, đặt cái cốc rỗng xuống bàn.

- Tôi cũng giống chị, tôi khá lý tính... Với lại, tôi là cảnh sát trưởng.
- Giống như Columbo sao?

Anh ta trả lời tôi và mỉm cười lần đầu tiên:

- Không. Columbo, ông ấy là thanh tra.

Anh ta di ngón trỏ lên mấy hạt đường vương vãi trên bàn.

– Mẹ tôi mong muốn được yên nghỉ trong nghĩa trang này, và tôi không biết tại sao.

- Bà ấy sống trong vùng này ư?

– Không, ở Marseille. Bà qua đời hai tháng trước. Yên nghỉ ở đây là một trong những nguyện vọng cuối cùng của bà.

- Tôi rất tiếc. Anh có muốn thêm chút rượu vào cốc cà phê không?
- Chị có thói quen chuốc cho mọi người say vào sáng sớm thế này sao?
- Cũng có khi tôi làm thế. Mẹ anh tên là gì?
- Irène Fayolle. Mẹ tôi đã muốn được hỏa thiêu... rồi tro bà ấy được yên nghỉ trên mộ của một người nào đó tên là Gabriel Prudent.
- Gabriel Prudent ư? Gabriel Prudent, 1931-2009. Ông ấy được chôn cất ở hàng thứ 19, trong khu Bá Hương.
- Chị thuộc lòng thông tin về tất cả những người quá cố ở đây sao?
- Gần như thế.
- Ngày họ qua đời, vị trí mộ phần của họ và tất cả những thông tin khác?
- Gần như thế.
- Cái ông Gabriel Prudent đó là ai thế?
- Thịnh thoảng có một phụ nữ ghé qua... Con gái ông ấy, tôi nghĩ thế. Trước đây ông ấy là luật sư. Không có văn bia trên phần mộ xây bằng đá cẩm thạch đen của ông ấy, cũng không có ảnh. Tôi không còn nhớ ngày chôn cất. Nhưng tôi có thể xem trong sổ ghi chép nếu anh muốn.
- Sổ ghi chép ư?
- Tôi ghi lại thông tin về tất cả các lễ an táng và lễ cải táng.
- Tôi không biết rằng việc đó lại nằm trong phạm vi chức trách của chị.
- Nó không thuộc chức trách của tôi. Nhưng nếu ta chỉ làm phần việc nằm trong chức trách của mình, thì cuộc đời có lẽ sẽ buồn lắm.
- Thật thú vị khi được nghe câu này từ miệng một... người ta gọi nghề

của chị là gì ấy nhỉ? “Quản trang” đúng không?

– Tại sao? Anh nghĩ rằng tôi khóc từ sáng đến tối chẳng? Rằng tôi được tạc ra từ nước mắt và u sầu?

Tôi rót thêm cà phê cho anh ta, trong lúc anh ta hỏi tôi đến hai lần:

– Chị sống một mình sao?

Cuối cùng, tôi trả lời là đúng.

Tôi mở mấy ngăn kéo đựng sổ ghi chép và lấy cuốn sổ năm 2009. Tôi tìm theo họ và lập tức thấy cái tên Prudent Gabriel. Tôi bắt đầu đọc:

Ngày 18 tháng Hai năm 2009, lễ an táng Gabriel Prudent, mưa như trút nước.

Có một trăm hai mươi tám người dự lễ an táng. Vợ cũ của ông ấy có mặt, cùng với hai người con gái, Marthe Dubreuil và Cloé Prudent.

Theo yêu cầu của người quá cố, không có hoa cũng không có vòng hoa.

Gia đình đã cho khắc một tấm bia trên đó ta có thể đọc thấy: “Tuởng nhớ Gabriel Prudent, một luật sư dũng cảm.”

Lòng dũng cảm, đối với một luật sư, là điều cốt yếu, không có nó thì những thứ còn lại không có ý nghĩa gì: tài năng, học vấn, hiểu biết pháp luật, tất cả đều hữu ích với luật sư.

Nhưng không có lòng dũng cảm, vào thời điểm quyết định, sẽ chỉ còn là những từ ngữ, những câu nói nối tiếp nhau, tỏa sáng rồi chết rụi (Robert Badinter).”

Không có cha xứ. Không có thánh giá. Đám đông chỉ ở lại chừng nửa giờ. Khi hai nhân viên tang lễ hạ xong quan tài xuống huyệt,

mọi người rời đi. Trời vẫn mưa rất to.

Tôi đóng cuốn sổ lại. Viên cảnh sát trưởng có vẻ bần thần, chìm đắm trong dòng suy nghĩ. Anh ta lùa một bàn tay vào mái tóc.

– Tôi tự hỏi tại sao mẹ tôi lại muốn yên nghỉ bên cạnh người đàn ông này.

Trong một lát, anh ta tiếp tục ngắm nghía những bức tường trắng, trên đó tuyệt nhiên chẳng có thứ gì để ngắm nghía. Rồi anh ta quay trở lại với tôi, như thể không tin tôi. Anh ta đưa mắt chỉ vào cuốn sổ ghi chép năm 2009.

– Tôi có thể đọc được không?

Thông thường, tôi chỉ giao phó những ghi chép của tôi cho các gia đình có liên quan. Tôi lưỡng lự vài giây rồi cuối cùng cũng đưa nó cho anh ta. Anh ta bắt đầu lật giở các trang. Giữa mỗi trang, anh ta lại nhìn tôi chăm chú, như thể trán tôi mới là nơi ghi chép những thông tin năm 2009. Như thể cuốn sổ mà anh ta đang cầm trên tay chỉ là một cái cớ để đưa mắt nhìn tôi.

– Và chị làm như thế này với mỗi lễ an táng sao?

– Không phải tất cả, nhưng cũng gần như thế. Bằng cách này, khi những người không thể dự lễ an táng đến gặp tôi, tôi sẽ kể lại cho họ dựa theo các ghi chép... Anh đã từng giết ai chưa? Ý tôi muốn nói là, liên quan đến nghề nghiệp của anh...

– Chưa.

– Anh có súng không?

– Thịnh thoảng tôi có mang súng. Nhưng sáng nay thì không.

– Anh có mang tro cốt của mẹ anh đến đây không?

– Không. Lúc này, tro cốt bà được để ở đài hóa thân... Tôi sẽ không đặt tro cốt của bà lên mộ một người xa lạ.

– Đối với anh thì là một người xa lạ, nhưng với mẹ anh thì không.

Anh ta đứng dậy.

– Tôi có thể thăm mộ người đàn ông đó không?

– Có. Anh có thể quay lại sau nửa giờ nữa không? Tôi không bao giờ đi vào nghĩa trang mà lại mặc áo choàng trong nhà cả.

Anh ta mỉm cười lần thứ hai, rồi rời khỏi căn phòng khách kiêm phòng bếp. Theo phản xạ, tôi bật đèn trần. Tôi không bao giờ bật đèn khi một người vào nhà tôi, nhưng lại bật khi người đó đi khỏi. Để thay thế sự hiện diện của người đó bằng ánh sáng. Một thói quen cũ kỹ của đứa trẻ là con của một người mẹ vô danh.

Nửa giờ sau, anh ta chờ tôi trong chiếc xe đỗ đằng trước hàng rào. Tôi nhìn biển đăng ký, 13, Bouches-du-Rhône. Hẳn là anh ta đã ngủ thiếp đi, mặt tì vào chiếc khăn quàng, trên má anh ta có nếp hằn, giống như những vết nhàu.

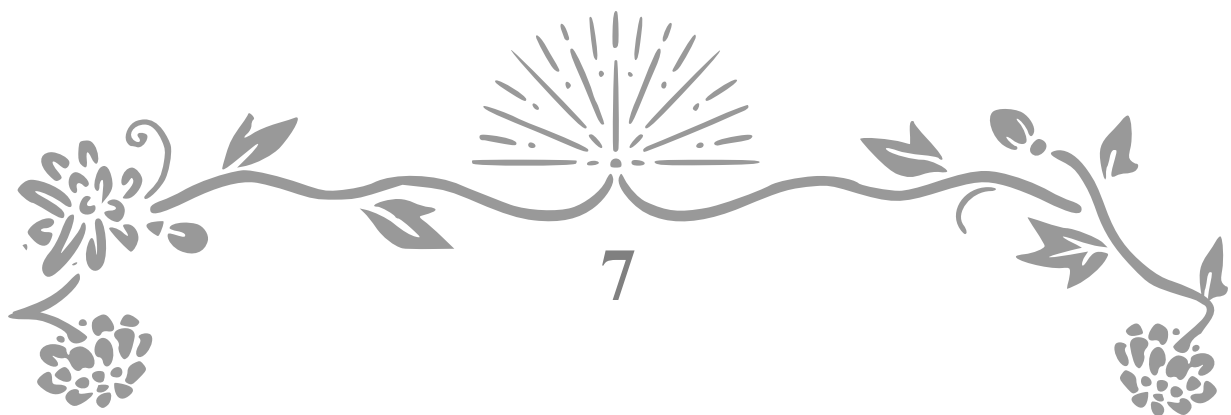
Tôi đã khoác chiếc áo choàng màu xanh nước biển ra ngoài một chiếc váy dài màu đỏ son. Tôi cài cúc áo choàng kín đến tận cổ. Tôi giống với màn đêm, tuy nhiên, ở bên trong, tôi lại mang theo ánh ban ngày. Có lẽ chỉ cần tôi mở áo choàng là mặt trời lại nháy mắt lần nữa.

Chúng tôi đi bộ ngang qua các lối đi. Tôi nói với anh ta rằng nghĩa

trang của tôi có bốn khu: Nguyệt Quế, Phu Danh, Bá Hương và Thông Đỏ, hai nhà để bình tro cốt và hai khu vườn kỷ niệm. Anh ta hỏi tôi đã làm “việc này” lâu chưa, tôi trả lời: “Hai mươi năm.” Rằng trước đó, tôi làm người gác ghi. Anh ta hỏi chuyển từ tàu hỏa sang xe đò thì như thế nào. Tôi không biết trả lời anh ta ra sao. Đã xảy ra quá nhiều chuyện giữa hai quãng đời ấy. Tôi chỉ nghĩ rằng với một cảnh sát trưởng lý tính, anh ta có những câu hỏi thật buồn cười.

Khi chúng tôi đến bên mộ phần của Gabriel Prudent, anh ta tái mặt. Như thể anh ta đến nghiêng mình trước nắm mồ của một người đàn ông mà anh ta chưa từng nghe nói đến, nhưng lại hoàn toàn có thể là một người cha, một người chú, một người anh. Chúng tôi đứng bất động hồi lâu. Cuối cùng, tôi thổi vào lòng bàn tay vì trời quá lạnh.

Thông thường, tôi không bao giờ ở lại với khách viếng nghĩa trang. Tôi đi cùng họ đến nơi, rồi rút lui. Nhưng lần này, không hiểu tại sao, tôi không thể để anh ta lại một mình. Sau một khoảng thời gian mà tôi có cảm giác như kéo dài mãi mãi, anh ta nói anh ta sẽ lên đường. Quay trở về Marseille. Tôi hỏi anh ta tính khi nào thì quay lại để đặt tro cốt của mẹ anh ta lên mộ ông Prudent. Anh ta không trả lời.



*Sẽ luôn thiếu vắng một người để khiến cuộc đời tôi mỉm cười,
chính là người.*

Tôi thay hoa trên mộ Jacqueline Victor tức bà Dancoisne (1928-2008) và Maurice René Dancoisne (1911-1997). Đó là hai cây thạch thảo xinh xắn, trông như hai mảnh vách đá ven biển được bỏ vào trong chậu. Cùng với cúc đại đóa và sen đá, đây là loài hoa hiếm hoi chống chịu được mùa đông. Bà Dancoisne từng yêu thích những loài hoa trắng. Tuần nào bà cũng đến thăm mộ chồng. Chúng tôi nói chuyện phiếm với nhau. Thực ra là sau này, khi bà đã quen được đôi chút với việc Maurice thân yêu của bà đã mất. Những năm đầu, bà lâm vào cảnh tuyệt vọng. Nỗi đau khổ khiến ngôn từ tắt lịm. Hoặc nó khiến người ta nói linh tinh. Rồi dần dần, tiếng nói tìm lại được con đường để tạo thành những câu đơn giản, hỏi thăm tin tức những người khác, tin tức về những người đang sống.

Tôi không biết tại sao người ta lại nói “trên mộ”. Lẽ ra người ta nên nói “bên mộ” hoặc “trước mộ”. Ngoại trừ dây thường xuân, lũ thần lùn, lũ mèo hoặc chó, không ai trèo lên một nắm mộ cả. Không bao lâu sau, bà Dancoisne đã đoàn tụ với ông chồng. Ngày thứ Hai bà còn lau bìa mộ của người chồng yêu dấu, ngày thứ Năm tôi đã cắm hoa lên mộ bà. Từ khi bà

được an táng ở đây, các con bà ghé qua mỗi năm một lần, và nhờ tôi chăm sóc mộ bà suốt thời gian còn lại.

Tôi thích sục tay vào lớp đất trong chậu thạch thảo mặc dù lúc đó là giữa trưa và vàng mặt trời nhợt nhạt trong một ngày tháng Mười phải vất vả lắm mới sưởi ấm được đôi chút. Và mặc dù các ngón tay tôi tê cứng, chúng vẫn thật sự thích thú. Giống hệt như khi tôi sục ngón tay vào lớp đất trong vườn nhà.

Cách tôi vài mét, Gaston và Nono đang vừa dùng xẻng đào một cái huyệt vừa kể cho nhau nghe về buổi tối hôm qua. Từ chỗ của mình, tôi nghe thấy những mẫu nhỏ trong câu chuyện của họ mà gió đưa đến tai tôi. “Vợ tôi bảo rằng... trên ti vi... ngứa ngáy... có lẽ không nên... ông chủ sẽ ghé qua... một quả trứng ốp ở nhà Violette... tôi có quen anh ta... đó là một anh chàng tử tế... tóc xoăn đúng không?... Đúng thế, có lẽ anh ta trạc tuổi chúng ta... như thế thật tử tế... vợ anh ta... ưa làm bộ làm tịch... bài hát của Brel... không nên giả bộ nhà giàu khi ta chẳng có xu nào... buồn đi tè... sợ rằng... tuyến tiền liệt... đi mua sắm trước khi nơi đó đóng cửa... trứng cho Violette... nếu không phải là bất hạnh thì...”

Ngày mai, sẽ có một lễ an táng lúc 16 giờ. Một cư dân mới trong nghĩa trang của tôi. Một người đàn ông năm mươi lăm tuổi, chết vì hút thuốc quá nhiều. Đúng ra, đó là theo lời các bác sĩ. Họ không bao giờ nói rằng một người đàn ông năm mươi lăm tuổi có thể chết vì không được yêu, vì không được lắng nghe, vì nhận quá nhiều hóa đơn, vì đã nhìn thấy con cái ông ta lớn lên rồi ra đi, không thực sự nói lời tạm biệt. Một cuộc đời đầy những lời trách móc, một cuộc đời đầy những nhăn nhó. Thế nên ông ta chẳng tha chôn vùi cục nghẹn kia xuống tận đáy lòng, bằng một liều thuốc và một chai rượu.

Người ta không bao giờ nói rằng ta có thể chết vì chán chường quá thường xuyên.

Xa hơn một chút, hai phụ nữ nhỏ nhắn, bà Pinto và bà Degrange, đang lau mộ của chồng họ. Và bởi vì họ đến đây hằng ngày, hai bà phải bịa ra thứ gì đó cần lau chùi. Xung quanh phần mộ của chồng họ cũng sạch bóng chẳng khác nào trong một cửa hàng bán đồ sửa chữa, nơi trưng bày các loại vật liệu lát nền.

Chính những người ngày nào cũng đến viếng mộ mới giống như những bóng ma. Nằm ở ranh giới giữa sự sống và cái chết.

Bà Pinto và bà Degrange gầy nhỏ chẳng khác nào chim sẻ sau mùa đông. Như thể chính chồng họ là người nuôi nấng họ khi hai ông còn sống trên đời. Tôi quen hai bà từ khi đến làm việc ở đây. Hơn hai mươi năm, trên đường đi chợ, sáng nào họ cũng ghé qua đây, như thể một chặng bắt buộc. Tôi không biết đó là tình yêu hay sự phục thù. Hay cả hai. Không biết đó là vì thể diện bên ngoài hay tình âu yếm bên trong.

Bà Pinto là người Bồ Đào Nha. Và giống như đa số những người Bồ Đào Nha sống ở Brancion, vào mùa hè, bà đi Bồ Đào Nha. Do đó khi quay trở lại, bà có rất nhiều việc. Đầu tháng Chín bà quay lại, vẫn gầy guộc như trước nhưng làn da rám nắng, đôi đầu gối sây sát vì lau chùi mộ phần của những người quá cố nơi quê hương. Khi bà đi vắng, tôi là người tưới cho hoa của bà trên đất Pháp. Thế nên, để cảm ơn tôi, bà tặng tôi một con búp bê mặc trang phục dân tộc đựng trong một cái hộp nhựa. Năm nào tôi cũng được tặng một con búp bê. Và năm nào tôi cũng nói: “Cảm ơn bà Pinto, cảm ơn bà, KHÔNG CẦN LÀM THẾ NÀY ĐÂU, với tôi, tưới hoa là một niềm vui, không phải là công việc.”

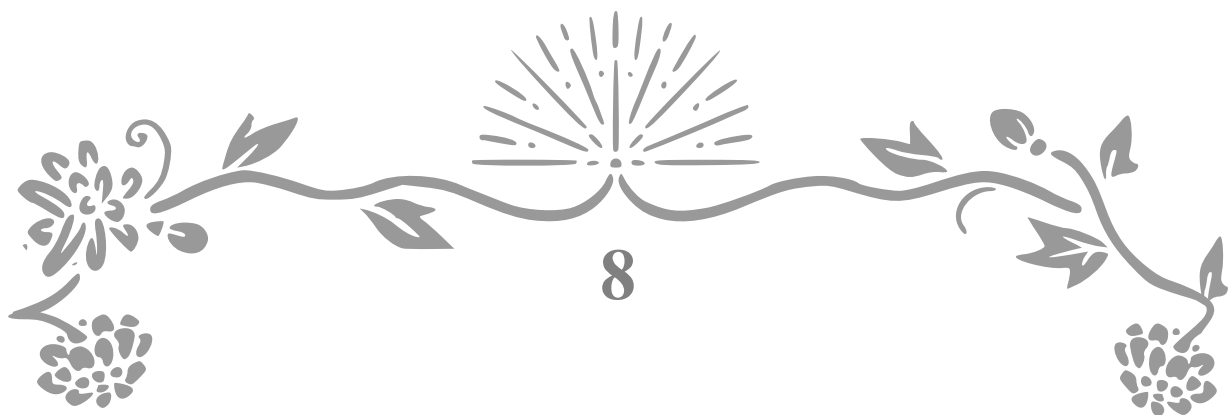
Có đến vài trăm loại trang phục dân tộc ở Bồ Đào Nha. Thế nên, nếu

bà Pinto còn sống thêm ba chục năm nữa và cả tôi cũng còn sống, có lẽ tôi sẽ được nhận thêm ba chục con búp bê đáng sợ nữa, chúng nhắm mắt khi ta ngả chiếc hộp chẳng khác nào chiếc quan tài chứa đựng chúng, để lau bụi.

Bởi vì bà Pinto thỉnh thoảng có ghé qua nhà tôi, tôi không muốn cất những con búp bê mà bà tặng tôi đi. Nhưng tôi không muốn để chúng trong phòng ngủ, cũng không thể để chúng ở nơi mọi người thường lui tới để tìm kiếm sự an ủi. Chúng quá xấu. Thế là, tôi “trưng bày” chúng trên các bậc cầu thang dẫn lên phòng ngủ của tôi. Cầu thang nằm sau một cánh cửa bằng kính. Có thể nhìn thấy nó từ phòng bếp. Khi ghé qua nhà tôi uống cà phê, bà Pinto ngấm nhìn chúng để kiểm tra xem chúng có ở đúng chỗ của mình không. Vào mùa đông, khi trời tối từ lúc 17 giờ, và khi nhìn thấy lũ búp bê với những đôi mắt đen sáng lên lấp lánh cùng những bộ trang phục sột soạt, tôi tưởng tượng chúng sắp mở nắp hộp và thò chân ra ngang tôi, để tôi ngã sấp trong cầu thang.

Tôi nhận thấy rằng trái ngược với nhiều người khác, bà Pinto và bà Degrange không bao giờ nói chuyện với các ông chồng. Họ lặng lẽ lau chùi. Như thể hai bà đã ngừng nói chuyện với chồng rất lâu trước khi hai ông qua đời. Như thể sự im lặng đó chỉ là một sự tiếp nối. Hai bà cũng không bao giờ khóc. Mắt họ đã khô lệ từ rất lâu rồi. Đôi khi, hai bà gặp nhau, và nói chuyện với nhau về thời tiết đẹp, về những người con, về lũ cháu, thậm chí chẳng mấy nữa, các bạn biết đấy, họ sẽ nói chuyện với nhau về lũ chắt.

Tôi đã nhìn thấy hai bà cười thành tiếng một lần. Chỉ một lần duy nhất. Khi bà Pinto kể với bà Degrange rằng cháu gái bà đã hỏi bà một câu: “Bà ơi, Toussaint là gì? Là một kỳ nghỉ ạ?”



Cầu cho người yên nghỉ trong êm đêm, bởi trái tim người nhân hậu.

Ngày 22 tháng Mười một năm 2016, bầu trời xanh ngắt, mười độ, 16 giờ. Lễ an táng Thierry Teissier (1960-2016). Quan tài bằng gỗ gụ. Không xây mộ bằng đá cẩm thạch. Một cái huyết đào luôn xuống đất. Cô độc.

Khoảng ba chục người hiện diện. Trong đó có Nono, Elvis, Pierre Lucchini và tôi.

Khoảng mười lăm đồng nghiệp của Thierry Teissier từ các nhà máy của DIM đã đặt lên mộ một bó hoa ly: “Thương tiếc đồng nghiệp yêu quý của chúng tôi”.

Một nữ nhân viên thuộc khoa ung thư ở Mâcon, tên là Claire, cầm trên tay một bó hoa hồng trắng.

Vợ của người quá cố cũng có mặt cùng hai người con, con trai ba mươi tuổi và con gái hai mươi sáu tuổi. Trên một tấm bia, họ đã cho khắc dòng chữ: “Tuởng nhớ cha”.

Không có ảnh Thierry Teissier.

Trên một tấm bia khác: “Tuởng nhớ chồng”. Với một con chim chích

nhỏ vẽ bên trên chữ “chồng”.

Một cây thập giá lớn bằng gỗ ô liu được cắm xuống đất.

Ba người bạn học lần lượt đọc viêng người quá cố một bài thơ của Jacques Prévert.

Một ngôi làng thương tiếc lắng nghe

Tiếng hót của một chú chim thương tật

Đó là chú chim duy nhất trong làng

Và đó là chú mèo duy nhất trong làng

Chú mèo đã chén hết nửa con chim

Và chú chim ngừng hót

Và chú mèo thôi gừ gừ

Thôi liếm mép

Và ngôi làng tổ chức cho chú chim

Một lễ tang trọng thể

Và chú mèo được mời đến dự

Đi đằng sau chiếc quan tài bằng rơm

Nơi chú chim quá cố đang yên nghỉ

Nâng trên tay một cô bé con

Cô bé không ngừng khóc lóc

Nếu tôi biết chuyện này làm cô đau buồn đến thế

Chú mèo nói với cô bé

Thì tôi đã chén hết con chim

Sau đó tôi sẽ kể với cô

Rằng tôi đã nhìn thấy chú chim bay đi mất

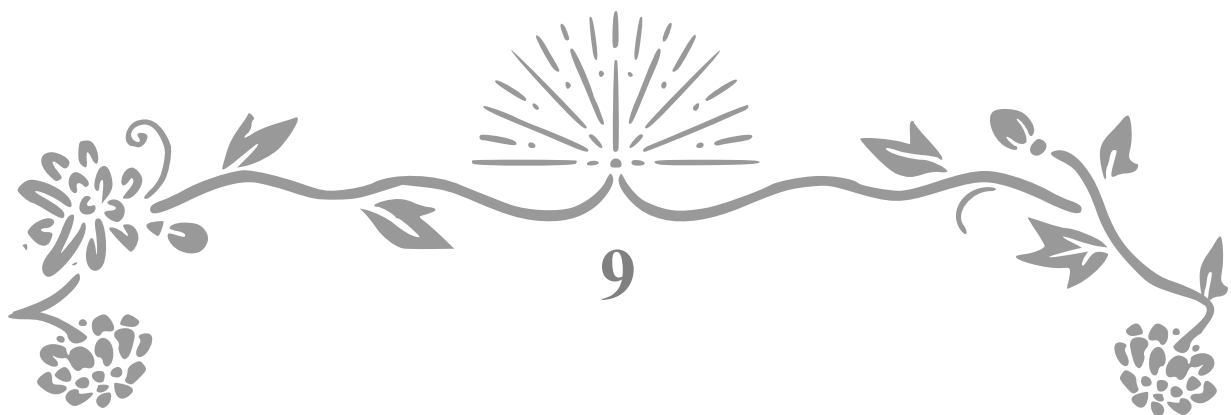
*Bay đến tận cùng thế giới
Nơi rất xa thật xa
Nên chẳng bao giờ trở về đây được nữa
Có lẽ cô sẽ đỡ buồn hơn
Đơn giản là để khỏi buồn khỏi tiếc
Không bao giờ nên làm chuyện gì đó nửa chừng.*

Trước khi quan tài được hạ huyệt, cha Cédric lên tiếng:

– Chúng ta hãy nhắc nhớ những lời Chúa Jesus nói với em gái của Lazare, người vừa mới qua đời: “Ta là sự sống lại và là sự sống: ai tin vào ta thì dầu có chết cũng sẽ được sống.”

Claire đặt bó hoa hồng trắng cạnh cây thập giá. Mọi người cùng ra về.

Tôi không quen biết người đàn ông này. Nhưng ánh mắt của một số người khi nhìn vào ngôi mộ khiến tôi nghĩ rằng ông ta từng là một người tốt.



Sắc đẹp, tuổi trẻ của người mỉm cười với thế giới nơi lẽ ra người đã sống. Rồi từ tay người rơi xuống cuốn sách người chưa hề đọc.

Có hơn một nghìn bức ảnh rải rác trong nghĩa trang của tôi - những bức ảnh đen trắng, nâu đen, màu sắc còn tươi mới hoặc đã mờ nhạt.

Ngày tất cả những bức ảnh được chụp, không có người nào trong số những người đàn ông, trẻ em và phụ nữ đang hồn nhiên tạo dáng đứng trước ống kính kia lại có thể nghĩ rằng khoảnh khắc đó sẽ đại diện cho họ mãi mãi. Đó là nhân một dịp sinh nhật hoặc một bữa tiệc gia đình. Một chuyến đi dạo trong công viên vào Chủ nhật, một bức ảnh cưới, một dạ hội cuối khóa, một ngày đầu năm mới. Một ngày khi họ đẹp hơn bình thường một chút, một ngày khi tất cả người thân tụ họp, một ngày đặc biệt khi họ ăn mặc lịch sự hơn. Hoặc trong trang phục quân nhân, trang phục dự lễ rửa tội hoặc lễ ban thánh thể. Trong sáng biết bao, ánh mắt của tất cả những người đang mỉm cười trên mộ của chính mình.

Thông thường, hôm trước ngày diễn ra một lễ an táng, người ta đọc thấy một bài viết trên báo. Một bài viết tóm tắt trong vài dòng cuộc đời của người quá cố. Ngắn gọn. Một cuộc đời chiếm không bao nhiêu chỗ trên một

tờ báo địa phương. Dài hơn một chút nếu đó là một thương nhân, một bác sĩ hoặc một huấn luyện viên bóng đá.

Đặt ảnh trên mộ là việc rất quan trọng. Nếu không, ta sẽ chỉ còn là một cái tên. Cái chết mang đi cả những khuôn mặt.

Cặp đôi đẹp nhất trong nghĩa trang của tôi, là Anna Lave, tức bà Dahan (1914-1987) và Benjamin Dahan (1912-1992). Ta nhìn thấy họ trên một bức ảnh tô màu được chụp vào ngày cưới của hai người, từ hồi những năm 1930. Hai khuôn mặt rạng ngời mỉm cười với người chụp ảnh. Bà có mái tóc vàng như ánh nắng, nước da trắng muốt, còn ông, khuôn mặt thanh tú gần như tượng tạc, và ánh mắt họ rực sáng, chẳng khác nào những ngôi sao bằng đá sa phia. Hai nụ cười mà họ tặng cho vĩnh hằng.

Vào tháng Một, tôi dùng khăn lau những bức ảnh trong nghĩa trang của mình. Tôi chỉ làm việc đó trên những phần mộ bị bỏ hoang hoặc rất ít được viếng thăm. Một chiếc khăn nhúng trong chậu nước có nhỏ chút còn. Tôi cũng làm như thế với những tấm bia, nhưng dùng một chiếc khăn nhúng trong giấm trắng.

Tôi mất chừng năm đến sáu tuần để thực hiện việc đó. Khi Nono, Gaston và Elvis ngỏ ý muốn giúp, tôi nói với họ là không. Họ đã có đủ việc phải làm với nhiệm vụ bảo trì chung rồi.

Tôi không nghe thấy anh ta đi đến. Rất hiếm khi như thế. Tiếng bước chân của mọi người trên lớp sỏi rải ở các lối đi, tôi nhận ra chúng ngay lập tức. Thậm chí tôi còn biết đó là một người đàn ông, phụ nữ hay trẻ em. Một người đi dạo hay một khách viếng thăm quen thuộc. Còn anh ta, anh ta đi

chuyển mà không hề gây ra tiếng động.

Tôi đang lau chùi chín khuôn mặt của gia đình Hesme – Étienne (1876-1915), Lorraine (1887-1928), Françoise (1949-2000), Gilles (1947-2002), Nathalie (1959-1970), Théo (1961-1993), Isabelle (1969-2001), Fabrice (1972-2003), Sébastien (1974-2011) – thì cảm thấy ánh mắt của anh ta sau lưng. Tôi quay lại. Anh ta đang đứng ngược sáng, tôi không nhận ra anh ta ngay lập tức.

Chính với hai từ “Xin chào”, khi nghe giọng nói của anh ta, mà tôi hiểu rằng chính là anh ta. Và ngay sau giọng nói chỉ chừng hai đến ba giây, là mùi quế và va ni. Tôi đã không nghĩ là anh ta quay lại. Đã hơn hai tháng kể từ khi anh ta đến gõ cánh cửa hướng ra phố của nhà tôi. Tim tôi khẽ nảy lên. Tôi cảm thấy nó đang thì thầm với tôi: *Đề phòng*.

Từ khi Philippe Toussaint mất tích, không có người đàn ông nào khiến tim tôi đập nhanh hơn một chút. Kể từ Philippe Toussaint, nó không thay đổi nhịp điệu, mà chính xác như một chiếc đồng hồ cũ chạy ro ro đầy lãnh đạm.

Ngoại trừ ngày lễ Các Thánh, khi nhịp điệu tăng lên: tôi có thể bán đến cả trăm chậu cúc đại đóa, lại còn phải dẫn đường cho rất nhiều khách thỉnh thoảng có dịp mới viếng thăm bị lạc trong các lối đi. Nhưng sáng nay, mặc dù không phải là ngày lễ dành cho người chết, tim tôi khẽ nảy lên. Và đó là vì *anh ta*. Tôi nghĩ tôi đã phát hiện ra nỗi sợ, nỗi sợ trong tôi.

Tôi vẫn đang cầm chiếc khăn lau trên tay. Viên cảnh sát trưởng ngắm nhìn những khuôn mặt mà tôi đang đánh bóng. Anh ta rụt rè mỉm cười với tôi.

– Họ là người nhà của chị sao?

– Không. Tôi chăm sóc cho các mộ phần, thế thôi.

Không biết phải làm gì với mớ lời lẽ đang xáo trộn trong đầu, tôi nói với anh ta:

– Trong gia đình Hesme, mọi người đều chết trẻ. Cứ như thể họ dị ứng với cuộc sống, hoặc cuộc sống không muốn có họ vậy.

Anh ta gạt đầu, kéo kín cổ áo choàng rồi mỉm cười bảo tôi:

– Ở chỗ của chị lạnh thật đấy.

– Đúng là ở đây lạnh hơn ở Marseille.

– Hè này chị có đến đó không?

– Có, giống như tất cả các mùa hè trước. Tôi gặp lại con gái tôi ở đó.

– Con gái chị sống ở Marseille sao?

– Không, con bé đi đây đó khắp nơi.

– Cô ấy làm công việc gì vậy?

– Con bé là ảo thuật gia. Chuyên nghiệp.

Như để cắt ngang câu chuyện của chúng tôi, một con chim hét non đậu lên hàm mộ của gia đình Hesme và bắt đầu hát ầm ĩ. Tôi không còn muốn đánh bóng các khuôn mặt nữa. Tôi đổ xô nước vào lớp sỏi rồi cất dọn mớ khăn cùng chai còn. Khi cúi xuống, chiếc áo choàng dài màu xám của tôi hé mở và để lộ bộ váy xinh xắn có những bông hoa đỏ son. Tôi nhận thấy điều đó không lọt khỏi mắt viên cảnh sát trưởng. Anh ta không nhìn tôi như những người khác. Có điều gì đó khác biệt.

Để đánh lạc hướng chú ý của anh ta, tôi nhắc anh ta rằng để đặt bình tro cốt của mẹ anh ta lên mộ Gabriel Prudent, sẽ phải được sự cho phép của gia đình ông ấy.

– Không cần đâu. Trước khi chết, Gabriel Prudent đã báo với tòa thị chính rằng mẹ tôi sẽ yên nghỉ cùng ông ấy... Họ đã dự liệu hết mọi việc rồi.

Anh ta có vẻ bối rối. Anh ta xoa đôi má cạo râu không kỹ. Tôi không nhìn thấy bàn tay anh ta, anh ta đeo găng tay. Anh ta nhìn tôi chăm chăm hơi lâu.

– Tôi muốn chị tổ chức gì đó cho mẹ tôi vào ngày tôi đặt bình tro cốt của bà ở đây. Đúng ra là thứ gì đó giống một buổi lễ nhưng lại không phải là buổi lễ.

Con chim hét bay lên. Nó phát hoảng vì Éliane, nó vừa đến cạ vào chân tôi để đòi được vuốt ve.

– À, nhưng tôi không làm việc đó. Anh phải nói chuyện với Pierre Lucchini ở văn phòng tang lễ Le Tourneurs du Val, trên phố Cộng hòa.

– Văn phòng tang lễ là khi chôn cất. Còn tôi, tôi chỉ muốn chị giúp tôi viết một bài diễn từ ngắn trong ngày tôi đặt bình tro cốt của mẹ tôi lên mộ của ông kia. Sẽ không có ai cả. Chỉ có mẹ tôi và tôi... Tôi muốn nói với mẹ tôi vài lời, và đó sẽ là bí mật riêng của tôi và bà.

Đến lượt anh ta quỳ xuống để vuốt ve Éliane. Anh ta vừa ngắm nhìn nó vừa nói chuyện với tôi.

– Tôi đã thấy là trong các... cuốn sổ ghi chép, đúng hơn là sổ tang của chị, tôi không biết chị gọi những cuốn sổ đó là gì, chị đã chép lại các đoạn diễn từ. Có lẽ tôi có thể lấy chỗ này chỗ kia vài đoạn... trong diễn từ của những người khác, để viết cho mẹ tôi.

Anh ta lùa một bàn tay vào mái tóc. Anh ta có nhiều sợi tóc xám hơn lần trước. Có thể là vì ánh sáng đã thay đổi. Ngày hôm nay bầu trời xanh biếc, ánh sáng trắng hơn. Lần đầu tiên tôi gặp người đàn ông này, bầu trời rất sầm sì.

Bà Pinto đi qua, gần chỗ chúng tôi. Bà cất tiếng: “Chào Violette” và quan sát viên cảnh sát trưởng với vẻ ngờ vực. Trong vùng này, ngay khi

một người lạ bước chân qua một cánh cửa, một cánh cổng, một vòm cổng, người ta đều nhìn anh ta đầy ngờ vực.

– Tôi có một lễ an táng lúc 16 giờ, anh hãy đến gặp tôi sau 19 giờ trong nhà quản trang. Chúng ta sẽ cùng viết vài dòng.

Anh ta có vẻ nhẹ nhõm. Được cất bỏ một gánh nặng. Anh ta lấy từ trong túi ra một bao thuốc lá, rồi đặt một điếu lên môi mà không châm lửa, và hỏi tôi khách sạn gần nhất ở đâu.

– Cách đây hai mươi lăm ki lô mét. Nếu không, ngay đằng sau nhà thờ, anh sẽ thấy một ngôi nhà nhỏ có cửa chớp màu đỏ. Đó là nhà bà Bréant, bà ấy cho thuê phòng trọ. Chỉ có một phòng duy nhất nhưng chẳng bao giờ có khách cả.

Anh ta không còn nghe tôi nói nữa. Ánh mắt anh ta đã nhìn đi nơi khác. Anh ta đã rời đi, chìm đắm trong dòng suy nghĩ của riêng mình. Rồi lại quay trở lại với tôi.

– Brancion-en-Chalon... Ở đây không có thảm kịch nào chứ?

– Thảm kịch hiện diện khắp nơi xung quanh anh, mỗi cái chết là thảm kịch của một người nào đó.

Dường như anh ta đang lục trong trí nhớ mà không tìm ra thứ cần tìm. Anh ta thổi vào lòng bàn tay và thì thầm: “Hẹn gặp lại chị” và: “Cảm ơn chị nhiều”. Anh ta đi ngược lối đi chính để ra đến cổng nghĩa trang. Những bước chân của anh ta vẫn lặng lẽ như lúc trước.

Bà Pinto lại đi qua chỗ tôi một lần nữa để lấy nước vào bình tưới. Đằng sau bà, Claire, người phụ nữ làm việc trong khoa ung thư ở Mâcon đang đi về phía phần mộ của Thierry Teissier, tay bê một chậu hoa hồng. Tôi đến gặp cô.

– Chào chị, tôi muốn trồng cây hoa hồng này trên mộ của anh Teissier.

Tôi gọi Nono, anh đang ở trong phòng của mình. Ba phu đào huyệt có một căn phòng nơi họ thay đồ, tắm rửa vào buổi trưa, buổi tối và giặt đồ. Nono nói rằng mùi của chết chóc không thể bám vào quần áo của anh, nhưng không có bất cứ thứ chất tẩy rửa nào có thể ngăn nó làm bẩn bên trong đầu anh.

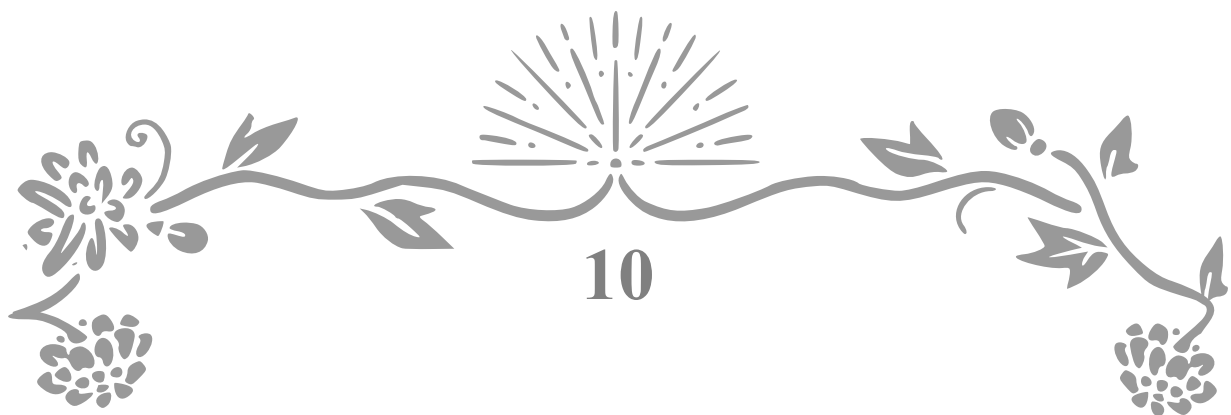
Trong lúc Nono đào đất ở địa điểm Claire muốn trồng cây hoa hồng, Elvis hát: *Always on my mind, always on my mind...* Nono cho thêm một ít phân mùn và dựng một que chống để cây hoa hồng mọc thẳng. Anh nói với Claire rằng anh có quen biết Thierry, và rằng đó là một người trung hậu.

Claire những muốn đưa tiền cho tôi để thỉnh thoảng tôi tưới cho cây hoa hồng của Thierry. Tôi nói với cô rằng tôi sẽ tưới nó nhưng tôi không bao giờ lấy tiền. Rằng cô có thể bỏ tiền đó vào cái ống tiết kiệm có hình con bọ rùa đặt trong bếp của tôi, trên tủ lạnh, và rằng những khoản tiền đóng góp đó được dùng để mua thức ăn cho những con vật sống trong nghĩa trang này.

Claire nói với tôi: “Nhất trí.” Rằng bình thường cô không bao giờ làm cái việc đi dự lễ an táng các bệnh nhân trong khoa. Rằng đây là lần đầu tiên. Rằng Thierry Teissier quá đỗi tử tế nên không đáng bị chôn xuống đất như thế này, xung quanh tro tro chẳng có gì. Rằng cô đã chọn một cây hồng nhưng vì ý nghĩa của nó và cô muốn rằng Thierry tiếp tục tồn tại thông qua cây hoa hồng. Cô nói thêm rằng hoa hồng sẽ làm bạn đồng hành với Thierry.

Tôi đưa cô đến bên một trong những phần mộ đẹp nhất trong nghĩa trang, mộ của Juliette Montrachet (1898-1962), trên đó mọc rất nhiều loài cây thân thảo lẫn cây bụi, hoa lá các màu đan xen với nhau rất hài hòa, mà chưa từng được chăm chút. Một ngôi mộ vườn. Như thể sự tình cờ và thiên nhiên đã đồng thuận với nhau.

Claire nói: “Những bông hoa này gần giống như những nấc thang lên thiên đường.” Cô cũng cảm ơn tôi. Cô đã uống một cốc nước ở nhà tôi, nhét vài tờ giấy bạc vào cái ống tiết kiệm hình bọ rùa, rồi rời đi.



Nói về người, chính là khiến người tồn tại, không nói gì có lẽ chính là lãng quên người.

Tôi gặp Philippe Toussaint vào ngày 28 tháng Bảy năm 1985, ngày Michel Audiard, nhà biên kịch vĩ đại, qua đời. Có thể chính vì thế mà anh ta và tôi không có nhiều chuyện để nói với nhau. Và những cuộc trò chuyện giữa chúng tôi bằng phẳng chẳng khác gì kết quả điện não đồ của Tutankhamun. Khi anh ta hỏi tôi: “Ly rượu đó, chúng ta sẽ uống ở nhà anh chứ?” tôi đã lập tức trả lời: “Vâng.”

Trước khi rời khỏi Tibourin, tôi cảm thấy ánh mắt của những cô gái khác. Những cô nàng đã đứng đợi trong hàng người kéo dài dằng dặc đằng sau anh ta từ khi anh ta xoay lưng lại phía họ để nhìn ngắm tôi. Tôi cảm thấy những đôi mắt dày cộp phấn mắt và thuốc chuột mi của họ như đang giết chết tôi, nguyên rửa tôi, kết án tôi phải chết khi tiếng nhạc ngừng lại.

Tôi vừa trả lời vâng thì chúng tôi đã ngồi trên xe mô tô của anh ta, một chiếc mũ bảo hiểm to tướng đội trên đầu, và bàn tay anh ta đặt trên đầu gối trái của tôi. Tôi nhắm mắt lại. Trời bắt đầu mưa. Tôi cảm thấy những giọt nước đậu trên mặt.

Bố mẹ Philippe thuê cho anh ta một căn hộ một phòng ở khu trung

tâm Charleville-Mézières. Trong lúc chúng tôi leo lên tầng, tôi tiếp tục giấu những cái móng tay bị găm nham nhở trong ống tay áo.

Ngay khi chúng tôi vào đến nhà, anh ta đã lao vào tôi, không nói với tôi lời nào. Tôi cũng thế, tôi cũng im lặng. Philippe Toussaint đẹp trai đến nỗi tôi cảm thấy nghẹt thở. Giống như khi cô giáo lớp 5 giới thiệu với chúng tôi về Picasso và thời kỳ xanh da trời. Những bức tranh mà cô dùng thước chỉ cho chúng tôi xem trong một cuốn sách khiến tôi nghẹt thở, và tôi đã quyết định rằng phần đời còn lại của mình sẽ có màu xanh da trời.

Tôi ngủ lại ở nhà Philippe, ngất ngây trong khoái cảm mà anh mang đến cho thân xác tôi. Lần đầu tiên trong đời, tôi thích làm tình, tôi không làm việc đó nhằm mục đích đổi chác. Tôi bắt đầu hy vọng rằng chuyện này sẽ tiếp tục. Và chúng tôi đã tiếp tục. Tôi không rời đi, tôi vẫn ngủ lại nhà Philippe. Một ngày, hai ngày, rồi ba ngày. Sau đó, mọi thứ trở nên lẫn lộn. Ngày tháng dính ghép vào nhau. Giống như một đoàn tàu mà trí nhớ của tôi không còn phân biệt được các toa. Chỉ còn lại ký ức về chuyến đi.

Philippe Toussaint biến tôi thành một cô nàng trầm tư. Một đứa trẻ ngất ngây ngắm nhìn bức ảnh của một anh chàng tóc vàng mắt xanh trên một tờ tạp chí và tự nhủ: *Hình ảnh này thuộc về mình, mình có thể bỏ nó vào túi áo*. Tôi bỏ ra nhiều giờ để vuốt ve anh, lúc nào tôi cũng để một bàn tay ở đâu đó trên người anh. Người ta nói rằng sắc đẹp không mài ra mà ăn được, còn tôi, tôi ăn nhan sắc của Philippe như món khai vị, món chính và cả món tráng miệng. Và nếu còn được ăn thêm thì hẳn tôi cũng sẽ tận hưởng nốt. Anh mặc kệ tôi muốn làm gì thì làm. Có vẻ anh thích tôi, thích cả các cử chỉ của tôi. Anh sở hữu tôi, đó là điều duy nhất đáng kể.

Tôi đem lòng yêu anh. Thật may là tôi chưa bao giờ có gia đình, nếu không hẳn đã đến lượt tôi bỏ nhà theo anh. Philippe Toussaint trở thành tâm

điểm chú ý duy nhất của tôi. Tôi tập trung tất cả những gì làm thành con người tôi, tất cả những gì tôi có, vào anh. Toàn bộ con người tôi vì một người duy nhất. Giá như tôi có thể sống trong anh, bên trong con người anh, hẳn là tôi cũng không chút lưỡng lự.

Một buổi sáng, anh bảo tôi: “Đến đây sống đi.” Anh chẳng nói thêm điều gì nữa. Anh chỉ nói có thể: “Đến đây sống đi.” Tôi rời khỏi trung tâm bảo trợ bằng cách trèo tường, tôi vẫn chưa đủ tuổi thành niên. Tôi đến nhà Philippe Toussaint với một va li đựng tất cả những gì thuộc về mình. Nghĩa là chẳng nhiều nhận gì. Vài món quần áo và con búp bê đầu tiên của tôi, Caroline. Nó biết nói khi người ta tặng nó cho tôi (“Chào mẹ, con tên là Caroline, hãy lại đây chơi với con”, rồi nó cười thành tiếng), nhưng rồi pin và các mạch điện bị ảm, những lần chuyển nhà, những gia đình đón nhận, những nhân viên bảo trợ xã hội, những nhân viên giáo dục chuyên biệt, tất cả những thứ đó đã khiến cho cả con búp bê cũng hoang mang đến câm nín. Những bức ảnh chụp lớp học, bốn chiếc đĩa than 33 vòng, hai đĩa của Étienne Daho (*Kẻ nói dối kinh niên* và *La Notte, la Notte*), một của Indochine (3), một của Charles Trenet (*Biển*), năm tập Tintin (*Hoa sen xanh*, *Những đồ trang sức của Castafiore*, *Cây vương trượng của Ottokar*, *Tintin và những người Picaro*, *Đền thờ Mặt trời*), hộp bút mà tôi đã dùng suốt thời gian học tập ngắn ngủi, có chữ ký của cả đám học trò lười bạn tôi (Lolo, Sika, So, Stéph, Manon, Isa, Angelo) bằng bút bi.

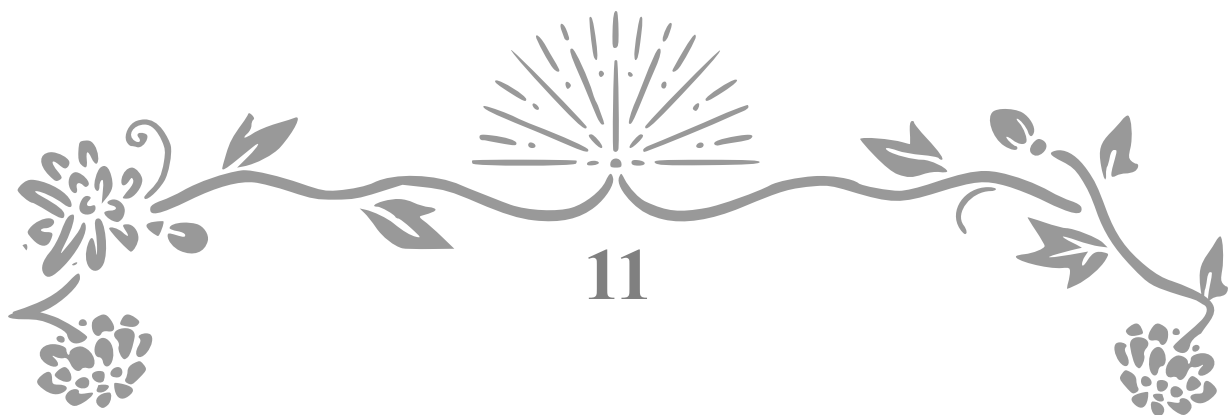
Philippe Toussaint đẩy gọn vài món đồ để nhường chỗ cho đồ của tôi. Rồi anh bảo tôi:

– Em đúng là một cô nàng thú vị.

Còn tôi, tôi trả lời:

– Chúng ta sẽ làm tình chứ?

Tôi không muốn bắt đầu cuộc trò chuyện. Tôi chưa từng muốn bắt đầu cuộc trò chuyện với anh.



Hãy ru cho người yên nghỉ bằng giọng hát êm dịu nhất của bạn.

Một con ruồi bơi trong cốc rượu porto của tôi. Tôi đặt nó lên bậu cửa sổ. Khi đóng cửa sổ lại, tôi nhìn thấy viên cảnh sát trưởng đi bộ ngược con phố, ánh đèn đường rọi xuống chiếc áo choàng của anh ta. Con đường dẫn đến nghĩa trang có trồng cây hai bên. Đầu đường là nhà thờ của cha Cédric. Và đằng sau nhà thờ là vài con phố của khu trung tâm thành phố. Viên cảnh sát trưởng bước đi rất nhanh. Anh ta có vẻ bị tê cóng vì lạnh.

Tôi muốn được ở một mình. Giống như tất cả các buổi tối khác. Không nói chuyện với bất kỳ ai. Đọc sách, nghe đài, tắm bồn. Đóng cửa chớp. Quấn mình trong một chiếc kimono bằng lụa hồng. Thoải mái, chỉ thế thôi.

Sau khi đóng cổng nghĩa trang, thời gian thuộc về tôi. Tôi là chủ sở hữu duy nhất của nó. Quả là xa xỉ khi được làm chủ sở hữu thời gian của riêng mình. Tôi nghĩ đó là một trong những thứ xa xỉ nhất mà một người có thể tặng cho bản thân.

Tôi vẫn đang mặc mùa đông bên ngoài mùa hè, trong khi bình thường, vào giờ này, tôi đang mặc mùa hè. Tôi hơi giận bản thân vì đã đề nghị viên cảnh sát trưởng ghé qua nhà mình, vì đã thuận tình giúp anh ta.

Anh ta gõ cửa, giống như lần đầu tiên. Éliane không hề nhúc nhích. Nó đã bắt đầu buổi đêm của mình, cả người cuộn tròn trong mớ chăn lút ổ.

Anh ta mỉm cười với tôi, chào tôi. Cái lạnh khô vào nhà cùng anh ta. Tôi lập tức đóng cửa lại. Tôi kéo một chiếc ghế cho anh ta ngồi. Anh ta không cởi áo choàng. Đó là dấu hiệu tốt. Có nghĩa là anh ta sẽ không ở lại lâu.

Không hỏi gì anh ta, tôi lấy ra một chiếc cốc pha lê và rót cho anh ta chút porto – từ chai vang 1983, chai rượu mà José-Luis Fernandez mang đến cho tôi. Khi nhìn thấy bộ sưu tập chai bên trong cái tủ mà tôi dùng làm quầy bar, vị khách trợn tròn đôi mắt to đen. Có đến vài trăm chai. Rượu vang, rượu mạch nha, rượu mùi, rượu trắng, rượu nặng.

– Tôi không buôn rượu, đó đều là quà. Mọi người không dám tặng hoa cho tôi. Không ai tặng hoa cho quán trang, nhất là khi tôi lại còn bán hoa. Không ai tặng hoa cho những người bán hoa. Ngoại trừ bà Pinto năm nào cũng mang đến cho tôi một con búp bê để trong hộp, những người khác tặng tôi rượu hoặc mứt. Tôi phải sống nhiều kiếp nữa thì mới uống hết chỗ này. Thế nên chủ yếu là tôi cho lại mấy anh phu đào huyết.

Anh ta tháo găng tay rồi uống ngậm porto đầu tiên.

– Anh đang uống thứ rượu ngon nhất mà tôi có đấy.

– Rất đỉnh.

Không biết tại sao, tôi chưa bao giờ tưởng tượng được rằng anh ta có thể thốt ra hai chữ “rất đỉnh” khi nhắm nháp rượu porto của tôi. Ngoại trừ mái tóc xù ra khắp phía, ở anh ta chẳng có chút gì là phóng túng cả. Trông anh ta buồn bã chẳng khác nào trang phục anh ta đang mặc.

Tôi lấy thứ gì đó để viết, ngồi xuống trước mặt anh ta rồi yêu cầu anh ta kể cho tôi nghe về bà mẹ. Anh ta có vẻ suy nghĩ một lát, hít một hơi thật

sâu rồi trả lời tôi:

– Mẹ tôi có mái tóc vàng. Đương nhiên rồi.

Thế rồi anh ta không nói gì thêm nữa. Anh ta lại bắt đầu ngắm nghía những bức tường trắng trong nhà tôi, như thể trên đó có treo những bức danh họa. Thỉnh thoảng, anh ta đưa chiếc cốc pha lê lên miệng, và uống từng ngụm nhỏ thứ chất lỏng đựng bên trong. Tôi thấy là anh ta đang thưởng thức. Và càng uống, anh ta càng có vẻ thoải mái hơn.

– Tôi chưa bao giờ biết viết diễn từ. Tôi nghĩ và nói như một bản báo cáo trong ngành cảnh sát, hoặc một tấm căn cước. Tôi có thể nói với chị rằng một người nào đó có một cái sẹo, một cái nốt ruồi, một cục u... rằng người đó bị thọt, người đó đi giày cỡ bao nhiêu... Chỉ bằng một cái liếc mắt, tôi biết ngay chiều cao, cân nặng, màu mắt, màu da, dấu hiệu đặc biệt của một cá nhân. Nhưng đối với những gì cá nhân đó đang cảm thấy... thì tôi không có khả năng. Ngoại trừ khi người đó có điều gì cần che giấu...

Anh ta đã uống cạn cốc rượu. Tôi lập tức rót thêm, rồi cắt vài khoanh pho mát Comté đặt vào một chiếc đĩa sứ.

– Đối với những điều bí mật, thì tôi rất thính nhạy. Tôi là một con chó săn thực thụ... Tôi nhận ra ngay lập tức cử chỉ khiến ai đó lộ tẩy. Đúng ra là tôi vẫn tin như thế... cho đến khi biết được ý nguyện cuối cùng của mẹ tôi.

Món rượu porto của tôi có tác động đến anh ta cũng giống như tất cả mọi người. Nó hoạt động giống như một loại huyết thanh nói thật.

– Thế còn chị? Chị không uống sao?

Tôi rót cho mình một chút rồi chạm cốc với anh ta.

– Chị chỉ uống thế thôi sao?

– Tôi là quản trang, tôi chỉ uống nước mắt thôi... Có lẽ chúng ta có

thể nói về những niềm đam mê của mẹ anh. Khi tôi nói “đam mê”, thì không nhất thiết phải là xem kịch hoặc nhảy bungee. Chỉ là màu sắc bà ấy thích nhất, nơi bà ấy ưa đến dạo chơi, thể loại nhạc mà bà ấy nghe, những bộ phim mà bà ấy xem, bà ấy có nuôi mèo hay chó không, bà ấy có trồng cây không, bà ấy giải trí như thế nào, bà ấy có thích mưa, thích gió hay thích nắng không, bà ấy thích nhất mùa nào...

Anh ta im lặng hồi lâu. Có vẻ như anh ta đang tìm kiếm từ ngữ thích hợp, giống một người đi dạo bị lạc đang tìm đường. Anh ta uống cạn cốc rượu rồi nói với tôi:

– Bà thích tuyết và hoa hồng.

Và chỉ có thế. Anh ta chẳng còn gì khác để nói về mẹ mình. Anh ta có vẻ vừa xấu hổ vừa bối rối. Như thể anh ta vừa thú nhận với tôi rằng anh ta bị mắc một căn bệnh vô phương cứu chữa. Căn bệnh không biết cách nói về một người thân của mình.

Tôi đứng dậy và đi về phía tủ đựng sổ sách. Tôi lấy ra cuốn sổ ghi chép năm 2015 và mở trang đầu tiên.

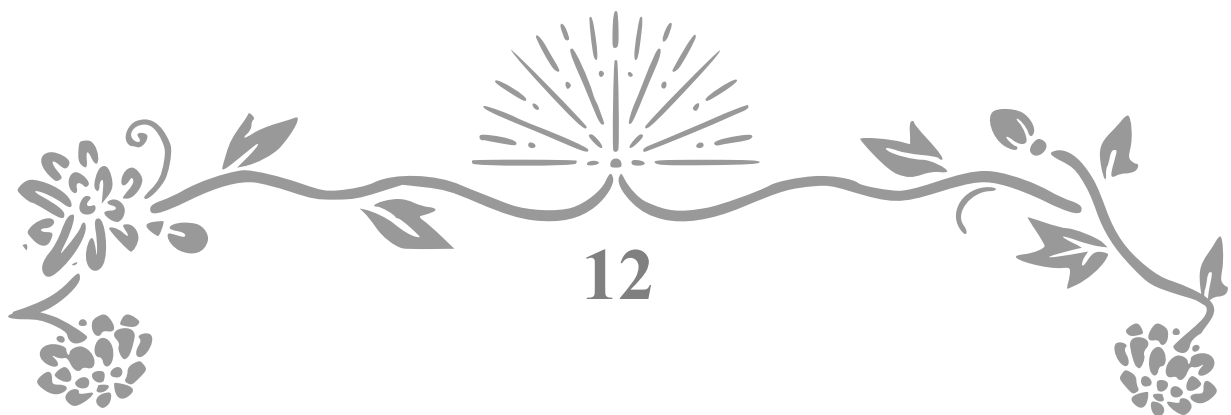
– Đây là một bài diễn từ được viết ngày 1 tháng Một năm 2015 để viếng bà Marie Géant. Cháu gái bà ấy không thể đến dự lễ an táng bởi vì cô ấy đang đi công tác ở nước ngoài. Cô ấy đã gửi nó cho tôi và nhờ tôi đọc trong lễ tang. Tôi nghĩ nó có thể giúp được anh. Hãy cầm cuốn sổ, đọc bài diễn từ, ghi chép lại rồi sáng mai trả nó cho tôi.

Anh ta lập tức đứng dậy, kẹp cuốn sổ dưới cánh tay. Đây là lần đầu tiên một cuốn sổ ghi chép ra khỏi nhà tôi.

– Cảm ơn chị, cảm ơn chị về tất cả.

– Anh ngủ ở nhà bà Bréant sao?

- Đúng thế.
- Anh ăn tối chưa?
- Bà ấy có nấu cho tôi chút đồ ăn.
- Ngày mai anh đi Marseille à?
- Ngay sáng sớm. Tôi sẽ trả cuốn sổ cho chị trước khi rời đi.
- Hãy để nó trên bậu cửa sổ, đằng sau bồn hoa màu xanh da trời.



Ngủ đi, bà yêu, nhưng mong rằng ở nơi sâu thẳm của cõi niết bàn, bà vẫn nghe thấy những tiếng cười thơ trẻ của chúng cháu.

DIỄN TỪ CHO MARIE GÉANT

Bà không biết đi, bà chạy. Bà đứng ngồi không yên. Bà nháp nhồm.

“Nháp nhồm” là một cách nói ở miền Đông nước Pháp. “Đừng có nháp nhồm nữa”, câu đó có nghĩa là: “Ở yên một lần đi xem nào”. Và thế là, bây giờ, bà đã ở yên một lần, cho mãi mãi.

Bà thường đi ngủ sớm và dậy lúc 5 giờ sáng. Bà là người đầu tiên đến cửa hàng để không phải xếp hàng. Bà vô cùng sợ phải xếp hàng. Lúc 9 giờ, bà đã xong xuôi việc mua bán cho cả ngày, với một làn nhỏ đầy hàng hóa.

Bà qua đời trong đêm 31 tháng Mười Hai, rạng ngày 1 tháng Một, một ngày nghỉ lễ, trong khi bà vốn là người vất vả bận rộn suốt cả đời. Cháu hy vọng rằng bà không cần phải xếp hàng quá lâu trước cánh cửa thiên đường, với chừng ấy những kẻ chết vì ăn chơi tiệc tùng và vì tai nạn trên đường.

Vào những kỳ nghỉ, theo yêu cầu của cháu, bà thường chuẩn bị cho cháu một đôi que đan cùng một cuộn len. Cháu chưa bao giờ đan được quá

mười hàng. Suốt từng ấy năm cộng lại, hẳn là cháu có thể đan được một chiếc khăn tưởng tượng mà bà sẽ quấn quanh cổ khi cháu đến gặp bà trên thiên đường. Nếu cháu xứng đáng được lên thiên đường.

Để xưng danh qua điện thoại, bà thường vừa nói: “Bà béo đây” vừa cười.

Tuần nào bà cũng gửi thư cho các con. Những người con đã đi xa bà. Bà nghĩ gì viết nấy.

Bà gửi những kiện hàng và những tấm séc vào mỗi dịp sinh nhật, mỗi dịp lễ, mỗi kỳ Giáng sinh, mỗi kỳ Phục sinh, cho “lũ nhóc”. Đối với bà, tất cả trẻ con đều là “nhóc”.

Bà thích uống bia và rượu vang.

Bà làm dấu thánh trên bánh mì trước khi cắt.

Bà nói: “Jesus, Marie.” Thường xuyên. Giống như một dấu câu. Một kiểu dấu chấm mà bà đặt vào cuối mỗi câu bà nói.

Trên tủ buýp phê, vẫn còn chiếc đài to tương bật suốt buổi sáng. Bởi vì bà góa bụa từ rất sớm, nên cháu thường nghĩ rằng giọng nói đàn ông của những người dẫn chương trình chính là bạn đồng hành của bà.

Bắt đầu từ giữa trưa, đến lượt chiếc ti vi thay thế. Để tiêu diệt sự im lặng. Tất cả những trò ngu ngốc diễn ra ở đó cho đến khi bà ngủ thiếp đi trước bộ phim Lửa tình yêu. Bà bình luận từng lời thoại của các nhân vật, như thể họ có tồn tại trong đời thực vậy.

Hai, ba năm trước khi bà vấp ngã và buộc phải rời nhà để đến nhà dưỡng lão, có ai đó đã lấy trộm những tràng hoa và những quả cầu Giáng sinh trong hòm nhà bà. Bà vừa gọi điện thoại cho cháu vừa khóc, như thể người ta đã lấy mất tất cả các mùa Giáng sinh trong đời bà.

Bà hay hát. Rất hay hát. Ngay cả khi đã ở chặng cuối của cuộc đời, bà vẫn thường nói: “Bà muốn hát.” Bà cũng thường nói: “Bà muốn chết” nữa.

Chủ nhật nào bà cũng đi lễ nhà thờ.

Bà không vứt bỏ bất cứ thứ gì. Nhất là thức ăn thừa. Bà hâm nóng chúng rồi ăn. Đôi khi, bà phát ốm vì cứ ăn đi ăn lại cùng một thứ cho đến hết. Nhưng bà thà bị nôn mửa còn hơn là vứt một khúc bánh mì vào sọt rác. Một tàn tích của chiến tranh trong bụng bà.

Bà mua những cái cốc thủy tinh có những hình vẽ bên trên và giữ chúng cho lũ cháu - lũ nhóc – khi chúng đến nhà bà vào kỳ nghỉ.

Lúc nào cũng có một món ngon đang sôi âm ỉ trên bếp ga của bà, trong một cái nồi bằng gang. Một nồi gà hầm đủ cho bà ăn cả tuần. Và bà lấy lại nước hầm gà để dùng cho các món của bữa tối. Trong bếp của bà, còn có đôi ba củ hành tây dưới đáy một cái nồi, hoặc chút nước xốt khiến ta thêm chảy nước miếng.

Bà luôn là người đi thuê nhà. Chưa bao giờ là chủ sở hữu. Có lẽ nơi duy nhất thuộc về bà chính là hầm mộ của gia đình.

Khi biết chúng cháu sẽ đến vào kỳ nghỉ, bà chờ chúng cháu bên cửa sổ phòng bếp. Bà rình chờ những chiếc xe đỗ lại trên bãi đỗ xe nhỏ bên dưới nhà. Chúng cháu nhìn thấy mái tóc bạc của bà qua ô cửa sổ. Chúng cháu vừa vào đến nhà là bà đã nói: “Khi nào các cháu quay lại thăm bà béo nữa đây?” Như thế bà muốn chúng cháu rời đi ngay.

Những năm gần đây, bà không còn chờ chúng cháu nữa. Nếu chẳng may bị muộn năm phút khi đến nhà dưỡng lão đón bà đi ăn trưa ở nhà hàng, chúng cháu sẽ thấy bà đang ở phòng ăn tập thể, cùng với những người già khác.

Bà đi ngủ mà vẫn đội một cái túi lưới trên đầu, để khỏi làm hỏng mái tóc uốn nếp cẩn thận.

Sáng nào bà cũng uống nước chanh ấm.

Tám trái giường của bà màu đỏ.

Bà từng là mẹ đỡ đầu thời chiến của ông Lucien, ông nội cháu. Khi ông từ Buchenwald trở về, bà không nhận ra ông. Có một bức ảnh ông Lucien trên bàn đầu giường bà. Sau đó, chúng cháu đã đưa tám ảnh đến nhà dưỡng lão cùng với bà.

Cháu rất thích mặc những bộ đồ bằng ni lông của bà. Bởi vì bà đặt mua toàn bộ hàng hóa bằng thư, bà nhận được cả đồng quà, những món đồ chơi đủ loại. Cứ đến nhà bà là cháu hỏi xem có được lục đồ trong tủ của bà không. Bà bảo cháu: “Được chứ, cháu lục đi.” Và cháu lục lợi trong suốt nhiều giờ liền. Cháu tìm thấy những cuốn sách lễ, những hộp kem Yves Rocher, những tám trái giường, những chú lính chì, những cuộn len, những chiếc váy, khăn quàng, kim móc, búp bê sứ.

Da tay bà thô ráp.

Thỉnh thoảng cháu giúp bà uốn tóc.

Vì muốn tiết kiệm, bà không cho tráng bát dưới vòi nước.

Đến cuối đời, bà thường nói: “Tôi đã làm gì phạm đến Chúa lòng lành mà phải ở đây?” ý bà nhắc đến nhà dưỡng lão.

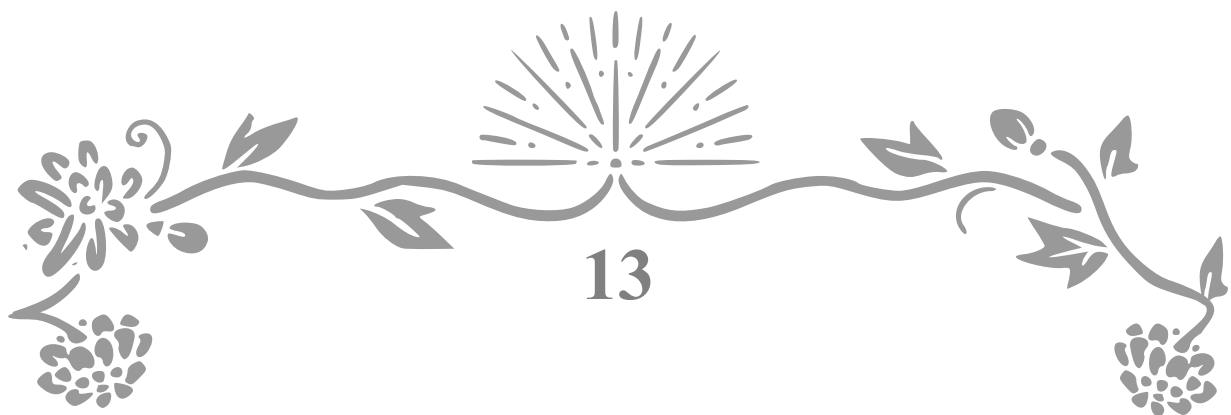
Cháu bắt đầu rời căn hộ nhỏ của bà khi cháu mười bảy tuổi, để đến ngủ ở nhà dì, cách nhà bà chừng ba trăm mét. Một căn hộ đẹp đẽ, dưới chân có một quán cà phê rộng và một rạp chiếu phim nơi đám thanh niên hay lui tới, cùng một bàn bi lắc, những máy chơi game và quầy bán kem que. Cháu vẫn đến ăn ở nhà bà, nhưng lại thích ngủ ở nhà dì hơn, bởi vì ở

đó chúng cháu được lên hút thuốc, đi xem phim cả ngày và xuống quầy bar.

Cháu luôn gặp bà Fève, một phụ nữ tốt bụng, đến dọn nhà và là quần áo cho dì. Thế rồi một hôm, cháu chạm mặt bà đang hút bụi trong các phòng. Bà làm thay cho bà Fève khi bà ấy nghỉ phép hoặc bị ốm. Chuyện đó cũng thỉnh thoảng xảy ra. Đó là những gì cháu được biết.

Ngày bà qua đời, suốt đêm cháu không ngủ nổi vì “chuyện đó”. Nỗi khó chịu giữa chúng ta lúc ấy. Khi cháu vừa đẩy cánh cửa vừa cười vang để rồi mặt đối mặt với bà đang dọn nhà. Người gập làm đôi trên chiếc máy hút bụi để có thêm chút tiền bù vào các khoản chi tiêu cuối tháng. Cháu đã cố gắng nhớ lại chúng ta nói gì với nhau vào ngày hôm ấy. Chuyện đó khiến cháu mất ngủ. Cháu lại thấy cảnh tượng đó lướt qua, một cảnh tượng mà cháu đã hoàn toàn quên lãng cho đến tận ngày bà qua đời. Suốt đêm hôm đó cháu hình dung mình đẩy cánh cửa và nhìn thấy bà sau cửa, đang làm công việc dọn nhà cho người khác. Suốt cả đêm cháu tiếp tục cười đùa với các anh em họ, trong khi bà hút bụi.

Lần tới khi gặp bà, cháu sẽ hỏi bà: “Bà ơi, bà còn nhớ cái ngày cháu nhìn thấy bà đang dọn nhà cho dì cháu không?” Chắc chắn bà sẽ nhún vai và trả lời: “Thế còn lũ nhóc, chúng khỏe cả chứ?”



*Có một thứ mạnh hơn cái chết, đó là kỷ ức về những người đã
khuất trong trí nhớ của những người đang sống.*

Jean d'Ormesson.

Tôi vừa tìm thấy cuốn sổ ghi chép năm 2015 nhét đằng sau chậu hoa màu xanh da trời. Viên cảnh sát trưởng đã viết lại vài dòng: “Cảm ơn chị nhiều. Tôi sẽ gọi điện thoại cho chị” ở mặt sau tờ quảng cáo một phòng tập thể thao ở quận 8 thành phố Marseille. Trên đó có bức ảnh một cô gái đang cười. Thân hình đáng mơ ước của cô nàng bị xé rách ở quãng đầu gối.

Anh ta không viết thêm gì khác, không một lời bình luận nào về bài diễn từ đọc cho bà Marie Géant, không một lời về mẹ anh ta. Tôi tự hỏi không biết anh ta còn cách xa Marseille không. Không biết anh ta đến nơi chưa. Anh ta lên đường lúc mấy giờ? Anh ta có sống gần biển không? Anh ta có ngắm biển không, hay đã không còn để ý đến nó nữa? Giống như những người sống cùng nhau lâu đến nỗi rốt cuộc đã vì thế mà chia tay nhau.

Nono và Elvis đến đúng lúc tôi mở cổng nghĩa trang. Họ lên tiếng với tôi “Chào Violette!” rồi đỗ chiếc xe tải công vụ trong lối đi chính để vào phòng của họ và thay quần áo. Từ những lối đi phụ nơi tôi đang đi đi lại lại

để biết chắc rằng tất cả đều ổn, rằng mọi người ai nấy đều ở đúng chỗ của mình, tôi nghe tiếng họ cười.

Lũ mèo chạy đến cạ vào chân tôi. Vào thời điểm này, trong nghĩa trang có mười một con mèo. Năm trong số chúng thuộc về những người quá cố, ít nhất là tôi nghĩ thế, chúng xuất hiện vào ngày an táng Charlotte Boivin (1954-2010), Olivier Feige (1965-2012), Virginie Teyssandier (1928-2004), Bertrand Witman (1947-2003) và Florence Leroux (1931-2009). Charlotte là mèo trắng, Olivier là mèo đen, Virginie là một con mèo nhà lông ngắn, Bertrand màu xám còn Florence (một con mèo đực) có bộ lông lốm đốm trắng, đen và nâu. Sáu con còn lại xuất hiện dần dần. Chúng đến rồi đi. Bởi vì người ta biết rằng ở nghĩa trang, lũ mèo được nuôi nấng và triệt sản, nên chúng bị bỏ rơi, thậm chí bị vứt qua tường bao nghĩa trang.

Chính Elvis là người đặt tên cho lũ mèo mỗi khi tìm được một con. Có Spanish Eyes, Kentucky Rain, Moody Blue, Love Me, Tutti Frutti và My Way. My Way bị bỏ trên bậc thềm nhà tôi, nó nằm trong một cái hộp giày nam cỡ 43.

Khi Nono nhìn thấy một con mèo nhỏ xuất hiện trong nghĩa trang, anh sẽ cảnh báo nó: “Ta báo trước với mi, chuyên môn của bà chủ ở đây là cắt cỏ đấy.” Nhưng việc đó không ngăn cản lũ mèo ở lại với tôi.

Nono đã khoét một cái lỗ mèo ở cánh cửa nhà tôi để phục vụ những chú mèo muốn vào nhà. Nhưng phần lớn chúng đều luôn lách bên trong bệ thờ trên các ngôi mộ. Chúng có thói quen và sở thích riêng. Ngoại trừ My Way và Florence lúc nào cũng cuộn tròn đầu đó trong phòng ngủ của tôi, những con mèo khác theo tôi đến tận thềm nhà nhưng không vào. Cứ như thể Philippe Toussaint vẫn sống ở đó, bên trong. Phải chăng chúng nhìn thấy bóng ma của anh ta? Người ta nói rằng lũ mèo trò chuyện được với các

linh hồn. Philippe Toussaint không thích các loài vật. Còn tôi, tôi lại yêu chúng từ khi còn nhỏ xíu, mặc dù thời thơ ấu của tôi chẳng lúc nào là không khắc nghiệt.

Nhìn chung, các khách viếng thăm thích được lũ mèo trong nghĩa trang cạo vào chân. Nhiều người trong số họ tự nhủ rằng người thân quá cố của họ đã mượn đến lũ mèo để ra dấu với họ. Trên mộ của Micheline Clément (1957-2013) có viết: “Nếu có thiên đường, thì nó chỉ có ở nơi tôi được lũ mèo và chó của tôi chào đón.”

Tôi quay về nhà, theo sau là Moody Blue và Virginie. Khi tôi đẩy cánh cửa, Nono đang nói chuyện về Gaston với cha Cédric. Anh kể với ông về sự vụng về đã trở thành huyền thoại của Gaston, về trận động đất mà dường như lúc nào anh chàng cũng đang trải qua. Về cái ngày mà, trong một lần quật mộ, Gaston đã làm lật chiếc xe cút kít đựng đầy xương ngay giữa nghĩa trang, và một cái đầu lâu đã lăn vào một gầm ghế mà anh không hề biết. Và chính Nono là người đã gọi Gaston lại để nói rằng anh đã quên một “viên bi a” dưới gầm ghế.

Trái ngược với các cha xứ tiền nhiệm, cha Cédric sáng nào cũng ghé qua nhà tôi. Vừa nghe chuyện của Nono, cha Cédric vừa nhắc đi nhắc lại: “Lạy Chúa, không thể như thế được, lạy Chúa, không thể như thế được.” Nhưng sáng nào cha cũng quay lại và hỏi han Nono, anh lại giúp ông thỏa mãn bằng những câu chuyện. Giữa mỗi câu, ông phá lên cười, và chúng tôi cũng vậy. Tôi cười đầu tiên.

Tôi thích cười đùa về cái chết, chế giễu nó. Đó là cách của tôi để áp đảo nó. Như thế, nó sẽ bớt tầm quan trọng. Bằng cách chơi đùa với cái chết, tôi để cho sự sống lấn át, nắm quyền.

Nono xung hô thân mật với cha Cédric nhưng lại gọi cha là “ngài cha

xứ”.

– Thế là, một lần, chúng tôi đã lấy ra một cái xác gần như còn nguyên vẹn. Sau hơn bảy mươi năm, ngài cha xứ ạ, mà vẫn còn nguyên!... Và vấn đề là cái hố để bỏ các xác chết trong hầm hài cốt, nó lại rất nhỏ. Elvis đã chạy đến tìm tôi, Elvis ấy, lúc nào nước mũi cũng sỏ rùng rùng, anh ấy bảo tôi: “Nono, đến đây nhanh lên, nhanh lên!” Tôi liền hỏi: “Nhưng có chuyện gì thế?” Và Elvis gào lên: “Là Gaston đã làm một gã mắc kẹt ở chỗ ấy!” Tôi hỏi: “Nhưng chỗ ấy nào?” Tôi lao chạy đến hầm hài cốt, và nhìn thấy Gaston đang đẩy cái xác để tống nó vào bên trong hầm! Tôi liền bảo họ: “Chết tiệt, các anh, chúng ta đâu có phải như đám quân Đức trong chiến tranh đâu...” Hay nhất là, chuyện này mới hay nhất này, lần nào tôi cũng kể vụ đó với thị trưởng, và thị trưởng cứ cười rữ, hà hà... thành phố đã cho chúng tôi một chai khí đốt trên một cái xe cút kít bốn bánh và ở đầu chai khí đốt có một cái đèn xì để đốt cỏ dại. Thế là anh chàng kia, Elvis ấy, anh ta bật đèn xì còn Gaston thì mở chai khí đốt... thế là, tôi xin giải thích với ông, thưa ngài cha xứ, phải mở chai khí đốt thật từ từ, nhưng mà Gaston, anh ta lại mở hết cỡ khi Elvis cầm bật lửa đi đến, và thế là BÙM một tiếng ầm ỹ cả nghĩa trang! Cứ như là đang có chiến tranh trong ấy... Và ông ngồi cho vững nhé! Họ đã tìm ra cách để...

Nono phá lên cười rất to. Anh tiếp tục câu chuyện, một chiếc khăn mùi soa bịt mũi:

– Có một phụ nữ đang lau chùi phần mộ, bà ấy đặt chiếc túi xách bên cạnh, chúng tôi đã làm lửa bén vào túi xách của bà ấy... tôi xin thề trên đầu cháu trai tôi, thưa ngài cha xứ, chuyện đúng là như thế! Tôi mà nói dối thì tôi chết ngay bây giờ. Anh chàng Elvis liền nhảy bổ vào cái túi xách của bà kia để dập lửa, nhảy bổ vào cái túi xách!

Tựa lưng vào một ô cửa sổ, My Way nằm trên đầu gối, Elvis bắt đầu hát khe khẽ: *I fell my temperature rising, higher, higher, it's burning through to my soul...*

– Elvis, kể cho ngài cha xứ nghe chuyện trong cái túi có kính của bà kia, và cậu đã làm vỡ mất kính đi! Lẽ ra ông phải chứng kiến cảnh đó, thưa ngài cha xứ! Elvis thì nói: “Gaston đã làm lửa bén vào cái túi...” Còn bà già nhỏ bé thì hét lên: “Anh ta giẫm vỡ kính của tôi rồi! Anh ta giẫm vỡ kính của tôi rồi!”

Cha Cédric cười đến nỗi chảy cả nước mắt vào cái tách ông đang cầm.

– Lạy Chúa, không thể như thế được, lạy Chúa, không thể như thế được!

Nono nhìn thấy cấp trên qua ô cửa sổ. Anh đứng bật dậy. Elvis cũng làm theo anh.

– Nhắc đến chó sói là thấy đuôi nó ngay. Và con chó sói này thì có đuôi đuôi. Xin thứ lỗi cho tôi, thưa ngài cha xứ! Lạy Chúa tha tội, và nếu Người không tha tội cho tôi thì cũng không sao. Thôi nào, tạm biệt mọi người!

Nono và Elvis ra khỏi nhà tôi và đi về phía cấp trên. Với tư cách phụ trách các bộ phận chuyên trách của thành phố, chính Jean-Louis Darmonville là người giám sát các phu đào huyệt. Có vẻ như sổ nhân tình của ông ta trong nghĩa trang này cũng nhiều như trong phố chính của Brancion. Tuy nhiên, ông ta không mấy ngon lành. Thỉnh thoảng, ông ta thò mặt ra và đi đi lại lại giữa các lối đi ở nghĩa trang. Ông ta có nhớ tất cả những phụ nữ mà ông ta từng ôm trong vòng tay? Những người đã từng hôn hít ông ta? Ông ta có nhìn ảnh chân dung họ không? Ông ta có nhớ tên họ không? Khuôn mặt họ? Giọng nói của họ? Tiếng cười của họ? Mùi thơm

của họ? Còn lại gì từ những lần lang chạ không tình yêu đó? Tôi chưa từng thấy ông ta đứng tưởng niệm. Chỉ bước đi, mũi hếch lên trời. Phải chăng ông ta đến để biết chắc rằng sẽ không bao giờ có người nào trong số họ còn nói về ông ta nữa?

Còn tôi, tôi không có cấp trên. Chỉ có ông thị trưởng. Vẫn cùng một người đó suốt hai mươi năm nay. Và ông thị trưởng thì tôi chỉ gặp trong các lễ an táng những cư dân mà ông quản lý. Các thương nhân, quân nhân, nhân viên tòa thị chính và những người có ảnh hưởng, những “người có vai vế” như cách gọi của mọi người ở đây. Một lần, thị trưởng đã dự lễ an táng một người bạn thuở thiếu thời, nỗi đau buồn tàn phá gương mặt ông đến nỗi tôi không nhận ra ông.

Đến lượt cha Cédric đứng dậy để rời đi.

– Chúc con một ngày tốt lành, Violette. Cảm ơn con về cốc cà phê và tâm trạng vui vẻ. Rất tốt cho cha đấy.

– Chúc cha một ngày tốt lành.

Cha xưi đặt tay lên tay nắm cửa nhà tôi, rồi bỗng đổi ý.

– Violette này, con có bao giờ nghi ngờ không, đôi khi ấy?

Tôi cân nhắc lời lẽ để trả lời cha. Tôi luôn cân nhắc từng từ ngữ. Ta chẳng bao giờ biết được. Nhất là khi tôi đang nói chuyện với một sứ giả của Chúa.

– Từ vài năm nay thì ít hơn rồi cha ạ. Nhưng đó là vì con cảm thấy chỗ của con là ở đây.

Cha xưi im lặng một lát rồi mới nói tiếp:

– Ta sợ ta không đủ tâm. Ta nghe xưng tội, ta làm phép cưới, ta rửa tội, ta giảng đạo, ta dạy giáo lý. Đó là một trách nhiệm nặng nề. Ta thường

có cảm giác mình đang phản bội những người đặt niềm tin ở ta. Và đầu tiên là Chúa.

Nghe cha nói thế, tôi không còn cân nhắc gì nữa mà trả lời luôn:

– Cha không nghĩ rằng Chúa chính là người đầu tiên phản bội loài người sao?

Cha Cédric có vẻ bị sốc trước lời nhận xét của tôi.

– Chúa chỉ có tình yêu thôi.

– Nếu Chúa chỉ có tình yêu thôi, thì chắc chắn là Người đã phản bội: bản chất của tình yêu chính là sự phản bội.

– Violette, con thực sự nghĩ đúng như những gì con vừa nói chứ?

– Con vẫn luôn suy nghĩ kỹ những gì mình nói, thưa cha. Chúa là hình ảnh của con người. Điều đó có nghĩa là Người nói dối, Người trao tặng, Người yêu thương, Người lấy lại, Người phản bội giống như tất cả chúng ta.

– Chúa là tình yêu toàn năng. Qua tất cả những gì Người tạo ra, Chúa vận động nhờ vào con, nhờ vào chúng ta, nhờ vào tất cả các tầng ánh sáng, Người cảm nhận và trải qua tất cả những gì chúng ta trải qua, và Người luôn mong muốn tạo ra những thứ hoàn hảo hơn, đẹp đẽ hơn... Ta chỉ nghi ngờ chính mình, chứ không bao giờ nghi ngờ Người.

– Tại sao cha lại nghi ngờ?

Không có âm thanh nào phát ra từ miệng ông. Ông nhìn tôi, như vừa bị kiệt sức.

– Cha có thể nói ra, thưa cha. Có hai phòng xung tội ở Brancion, đó là phòng xung tội trong nhà thờ của cha, và căn phòng này. Cha nên biết rằng ở đây, mọi người kể với con rất nhiều chuyện.

Cha xứ mỉm cười buồn bã.

– Càng lúc ta càng muốn được làm một người cha... Mong muốn đó khiến ta thức dậy giữa đêm... Lúc đầu, ta tưởng mong muốn làm cha đó chính là lòng kiêu ngạo, là thói phù phiếm. Nhưng...

Ông lại gần chiếc bàn, mở nắp hộp đường rồi lại đóng lại như một cái máy. My Way đi đến cọ người vào chân ông. Ông cúi xuống vuốt ve nó.

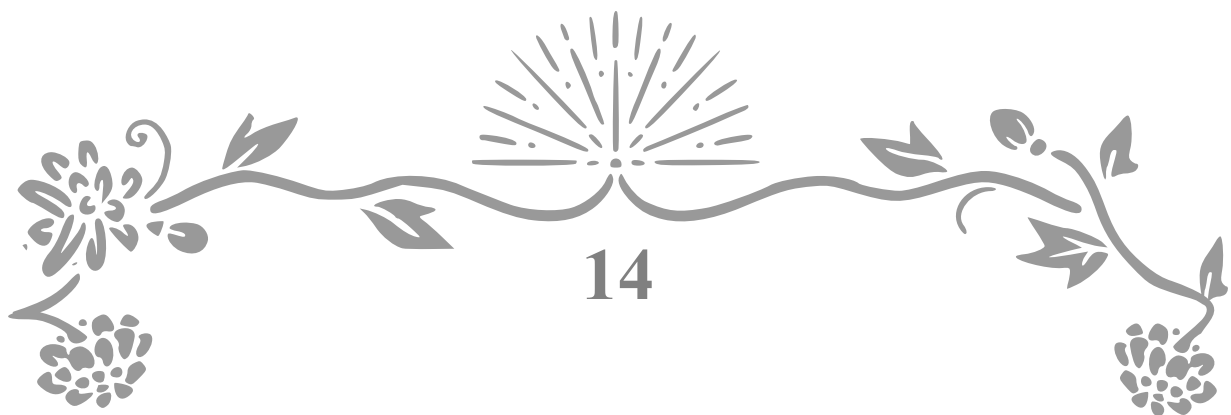
– Cha có nghĩ đến việc nhận con nuôi không?

– Ta tuyệt đối không được quyền làm thế, Violette ạ. Tất cả các giới luật đều cấm việc đó. Cả giới luật trần thế lẫn thần thánh.

Ông quay người và máy móc nhìn ra cửa sổ. Một cái bóng lướt qua.

– Xin lỗi cha, nhưng cha đã từng yêu chưa?

– Ta chỉ yêu mình Chúa.



Ngày một người nào đó yêu bạn, trời rất đẹp.

Trích lời bài hát “Maintenant je sais”, Jean Gabin.

Những tháng đầu tiên trong cuộc sống chung của chúng tôi ở Charleville-Mézières, tôi đã viết, bằng bút dạ đỏ, ở bên trong mỗi ngày: TÌNH CUÔNG. Và cứ thế cho đến ngày 31 tháng Mười hai năm 1985. Cái bóng của tôi lúc nào cũng nằm trong cái bóng của Philippe Toussaint. Ngoại trừ lúc tôi làm việc. Anh hút lấy tôi. Uống cạn tôi. Bao bọc tôi. Anh quỳn rũ phát điên. Anh tan chảy trong miệng tôi như một viên kẹo caramen, như đường bột. Lúc nào tôi cũng như đang sống trong ngày hội. Khi nghĩ đến giai đoạn đó trong đời mình, tôi tưởng như tôi đang ở hội chợ.

Anh luôn biết phải để tay vào đâu, áp miệng vào đâu, đặt những nụ hôn của anh vào đâu. Anh không bao giờ lạc lối. Anh nắm giữ tấm bản đồ đường bộ của thân thể tôi, những lộ trình mà anh thuộc lòng còn tôi thì không hề biết đến sự tồn tại của chúng.

Khi chúng tôi làm tình xong, cả chân và môi chúng tôi run rẩy theo cùng nhịp điệu. Hai chúng tôi, người này sống trong nỗi rạo rực nóng bỏng của người kia. Philippe Toussaint lúc nào cũng nói: “Violette, chết tiệt, chết tiệt thật, Violette, anh chưa từng biết đến điều gì như thế này! Em là một

phù thủy, anh tin chắc em là một phù thủy!”

Tôi nghĩ anh đã lừa dối tôi ngay từ năm đầu tiên. Tôi nghĩ anh vẫn luôn lừa dối tôi. Nói dối tôi. Anh phóng về phía những người khác ngay khi tôi vừa quay lưng đi.

Philippe Toussaint giống như những con thiên nga thật đẹp trên mặt nước nhưng lại bước đi khập khiễng trên mặt đất. Anh biến chiếc giường của chúng tôi thành thiên đường, anh ân cần và đầy nhục dục trong tình yêu, nhưng ngay khi anh trở dậy, ngay khi anh ở theo phương thẳng đứng, ngay khi anh rời khỏi phương nằm ngang trong tình yêu của chúng tôi, anh mất đi rất nhiều phẩm chất. Anh không hề trò chuyện và chỉ quan tâm đến chiếc xe mô tô của anh cùng những trò chơi điện tử.

Anh không muốn tôi làm nhân viên quầy bar ở Tibourin nữa, anh quá ghen với những người đàn ông tiếp cận tôi. Tôi đã phải xin thôi việc ngay sau khi chúng tôi gặp nhau. Từ đó trở đi, tôi làm nhân viên phục vụ trong một quán bia. Tôi bắt đầu làm việc lúc 10 giờ để chuẩn bị cho ca trưa, và kết thúc vào khoảng 18 giờ.

Khi tôi ra khỏi căn hộ một phòng của chúng tôi vào buổi sáng, Philippe Toussaint vẫn còn ngủ. Tôi đau khổ đến thất lòng khi phải rời cái tổ ấm êm ái của chúng tôi để lao vào cái lạnh ngoài phố. Ban ngày, anh nói với tôi rằng anh cưỡi mô tô đi dạo. Buổi tối khi tôi về nhà, anh nằm dài trước ti vi. Tôi đẩy cửa và nằm dài lên người anh. Giống hệt như thể sau giờ làm tôi đắm mình trong một bể nước nóng không lò, ngập tràn ánh nắng. Tôi vốn luôn muốn tạo sắc xanh da trời cho cuộc đời mình, tôi đã được thỏa nguyện.

Tôi có thể làm bất cứ điều gì để anh chạm vào người tôi. Chỉ cần thế thôi. Chạm vào tôi. Tôi có cảm giác tôi thuộc về anh, cả thể xác lẫn tâm

hồn, và tôi thích điều đó. Hồi ấy tôi mười bảy tuổi, và trong đầu tôi, có quá nhiều niềm hạnh phúc đến muộn mà tôi phải gỡ gạc lại. Nếu anh rời bỏ tôi, chắc hẳn thân xác tôi sẽ không thể chịu đựng nổi cú sốc của lần chia lìa thứ hai, sau lần chia lìa với người mẹ.

Philippe Toussaint chỉ thỉnh thoảng mới làm việc. Khi bố mẹ anh nổi giận. Bố anh luôn tìm được một người bạn chịu nhận anh vào làm. Anh đã làm đủ mọi nghề. Thợ sơn, thợ máy, nhân viên giao hàng, bảo vệ gác đêm, nhân viên bảo trì. Philippe đến đúng giờ vào ngày đầu tiên, nhưng thường không trụ được đến hết tuần. Anh luôn có cớ để không quay lại chỗ làm nữa. Chúng tôi sống bằng lương của tôi, mà tôi cho trả vào tài khoản của anh, bởi vì tôi còn là vị thành niên nên như thế sẽ đơn giản hơn. Tôi chỉ giữ lại cho mình những khoản tiền bo.

Thỉnh thoảng bố mẹ anh đến trong ngày, không báo trước. Họ có một chùm chìa khóa căn hộ. Họ ghé qua để thuyết giáo cậu con trai độc nhất hai mươi bảy tuổi không nghề nghiệp, và chất đầy đồ vào tủ lạnh.

Tôi không bao giờ gặp họ, vì bận đi làm. Nhưng vào một ngày nghỉ, họ bỗng xuất hiện trước mặt tôi. Chúng tôi vừa làm tình xong. Tôi đang khóa thân, nằm dài trên ghế xô pha. Còn Philippe Toussaint thì đang tắm. Tôi không nghe thấy họ bước vào nhà. Tôi đang gào tướng một bài hát của Lio: *“Còn anh, hãy nói với em rằng anh yêu em! Cho dù đó chỉ là một lời nói dối! Bởi vì em biết rằng anh nói dối! Đời buồn biết mấy! Hãy nói với em rằng anh yêu em! Ngày nào cũng như ngày nào! Em cần lắm maaaaan!”* Khi nhìn thấy họ, tôi thầm nghĩ: *Philippe Toussaint chẳng giống bố mẹ tí nào.*

Tôi không bao giờ quên được ánh mắt mà bà Toussaint nhìn tôi, cái cười nhếch mép của bà. Tôi sẽ không bao giờ quên nổi khinh bỉ trong ánh

mắt bà. Tôi chỉ biết đọc lõm bõm, vừa đọc vừa vấp, nhưng vẫn diễn giải được ánh mắt ấy. Như thể một chiếc gương tai ác phản chiếu lại trước mắt tôi hình ảnh một đứa con gái đê tiện, mất phẩm giá, không chút giá trị. Một thứ cặn bã, một con đĩ bản thủ, một giống loài tồi tệ, loại con gái nhơ nhớp.

Bà có mái tóc màu nâu đỏ. Tóc bà được vuốt ra sau và cài tù trong một cái búi chặt đến nỗi có thể nhìn thấy những mạch máu ở thái dương bà, bên dưới làn da mỏng. Miệng bà là một đường thẳng đầy vẻ không hài lòng. Đôi mi mắt bà phủ một lớp phấn xanh lá bên trên đôi mắt xanh lơ, thể hiện sự thiếu thắm mỹ thường trực ở bà. Giống như một thứ bùa yểm. Mũi bà trông giống như cái mỏ, cái mỏ của một loài chim đang sắp tuyệt chủng, còn làn da bà trắng đến nỗi hẳn là nó chưa từng nhận được sự ve vuốt của ánh mặt trời. Khi bà cup đôi mi mắt phủ dày phấn kia, và nhìn thấy phần bụng bé nhỏ đã tròn lên của tôi, bà đã phải vớ lấy một cái ghế trong bếp để ngồi xuống.

Ông Toussaint, một người đàn ông còng lưng và có bản chất phức tạp, bắt đầu nói chuyện với tôi như thể chúng tôi đang trong một lớp giáo lý. Tôi vẫn còn nhớ những cụm từ “vô trách nhiệm” và “khinh suất”. Thậm chí tôi nghĩ là ông còn nói đến Chúa Jesus. Tôi tự hỏi không biết Jesus thì có liên quan gì ở đây, trong căn hộ một phòng ngủ này. Liệu Người sẽ nói gì khi nhìn thấy ông bà Toussaint rút cổ trong nỗi nhục nhã và mớ trang phục đẹp đẽ, còn tôi, hoàn toàn trần trụi, cuộn mình trong một tấm chăn có in hình những tòa tháp chọc trời và dòng chữ New York City màu đỏ?

Khi Philippe Toussaint ra khỏi phòng tắm, một chiếc khăn thắt quanh eo, anh không nhìn tôi. Làm như tôi không hề tồn tại. Như thể chỉ có mình mẹ anh hiện diện trong phòng. Anh chỉ nhìn một mình bà. Tôi càng cảm thấy mình thảm hại hơn nữa. Một con chó con đáng thương. Chẳng là gì

hết. Cũng giống như ông Toussaint. Bà mẹ và người con trai bắt đầu nói chuyện về tôi như thể tôi không nghe thấy họ nói gì. Nhất là bà mẹ.

– Nhưng con có phải là bố nó không? Con chắc chứ? Con có bị gài bẫy không hả? Con gặp *đứa con gái này* ở đâu? Con muốn bố mẹ chết đi có đúng không? Có đúng thế không? Nhưng phá thai đâu phải dành cho lũ chó! Đâu óc con để đâu rồi, hả con trai tội nghiệp của mẹ!

Còn ông bố, ông vẫn tiếp tục rao giảng những lời hay ý đẹp:

– Mọi chuyện đều có thể, không có gì là không thể, chúng ta có thể thay đổi, chỉ cần ta tin tưởng, đừng bao giờ đầu hàng...

Cuộn tròn trong những tòa tháp chọc trời của mình, tôi vừa muốn cười lại vừa muốn khóc. Tôi có cảm giác mình đang ở trong một vở hài kịch Ý, nhưng lại không có sự đẹp đẽ của người Ý. Với các nhân viên bảo trợ xã hội và các nhân viên giáo dục chuyên biệt, tôi đã quen với việc người ta nói về tôi, về cuộc đời tôi, về tương lai của tôi như thể tôi chẳng có liên quan gì. Như thể tôi vắng mặt trong câu chuyện của chính tôi, trong cuộc đời của chính tôi. Như thể tôi là một vấn đề cần giải quyết, chứ không phải là một con người.

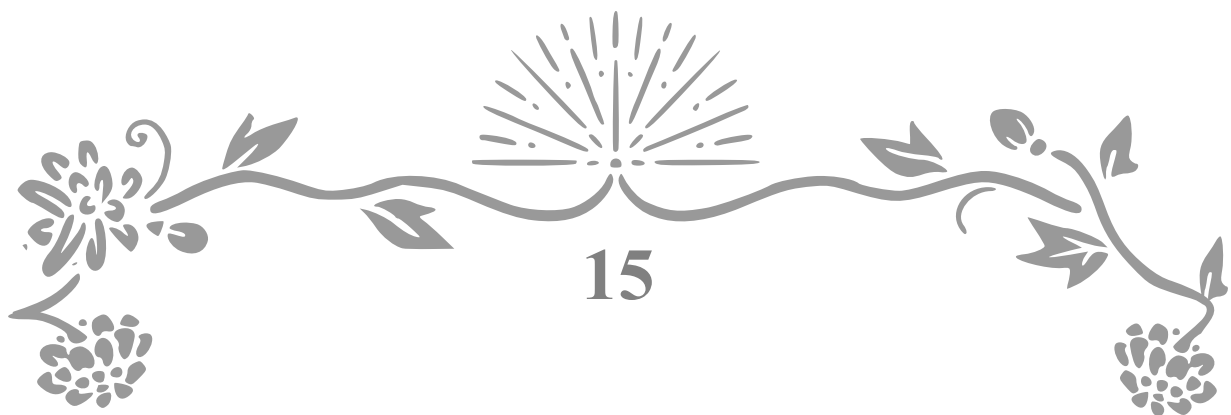
Ông bà Toussaint chải tóc và đi giày như thể họ sắp đến dự một đám cưới. Thỉnh thoảng, bà mẹ đưa mắt nhìn tôi trong vòng một giây, nếu nhìn lâu hơn có lẽ bà sẽ bị bản giác mạc mắt.

Khi họ đi khỏi mà không chào tôi, Philippe Toussaint bắt đầu hét lên: “Mẹ kiếp! Cút đi!” và ra sức đập vào tường. Anh yêu cầu tôi rời nhà, trong lúc chờ anh bình tĩnh lại. Nếu không, những cú đập kia rồi sẽ nhắm vào tôi. Anh có vẻ khiếp sợ trong khi lẽ ra tôi mới là người phải cảm thấy thế. Bạo lực không phải là thứ xa lạ đối với tôi. Tôi đã lớn lên bên cạnh bạo lực, mặc dù nó chưa bao giờ chạm vào thân thể tôi. Tôi vẫn luôn tránh được điều tệ

hại đó.

Tôi ra phố, khi ấy trời rất lạnh. Tôi rao bước cho ấm người. Cuộc sống hằng ngày của chúng tôi vốn vô lo vô nghĩ, chỉ đến khi ông bà Toussaint đẩy cánh cửa thì mọi thứ mới vỡ tung thành trăm mảnh. Một giờ sau tôi quay về căn hộ một phòng. Philippe Toussaint đã ngủ thiếp đi. Tôi không đánh thức anh.

Ngày hôm sau, tôi mười tám tuổi. Thay cho quà sinh nhật, Philippe Toussaint thông báo rằng bố anh đã tìm được việc cho cả hai chúng tôi. Chúng tôi sẽ trở thành nhân viên gác ghi. Phải chờ chút ít, cho đến khi chỗ làm đó trống, ở mạn Nancy.



Hỡi chú bướm tốt bụng, hãy dang rộng đôi cánh và bay đến mộ người, nói với người rằng tôi yêu người.

Gaston lại bị ngã vào một cái huyệt. Tôi không còn đếm chuyện này đã xảy ra bao nhiêu lần nữa. Cách đây hai năm, trong một lần cải táng, anh đã ngã tọt vào một chiếc quan tài, rồi nằm sấp giữa mớ hài cốt. Đã bao nhiêu lần anh vấp phải những sợi dây thừng tưởng tượng trong các lễ an táng?

Nono quay đi vài phút để kéo một xe đất ra cách đó chừng bốn chục mét, khi ấy Gaston đang nói chuyện với nữ bá tước Darrieux, thế rồi khi Nono quay lại, Gaston đã biến mất. Đất sụt xuống, và Gaston đang vừa bơi trong hồ vừa gào lên: “Phải gọi Violette!” Nono liền đáp: “Violette đâu phải thầy dạy bơi!” Tuy nhiên, Nono đã cảnh báo Gaston từ trước là mùa này đất rất mềm. Trong lúc anh giúp Gaston ra khỏi cái hồ lầy lội, Elvis hát: *Face down on the street, in the ghetto, in the ghetto...* Đôi khi, tôi có cảm giác đang sống với anh em nhà Marx. Nhưng ngày nào thực tế cũng bắt kịp tôi.

Ngày mai, có một lễ an táng. Bác sĩ Guyennot. Ngay cả các bác sĩ rất cuộc rồi cũng chết. Một cái chết tự nhiên ở tuổi chín mươi mốt, trên giường. Ông đã điều trị cho cả thành phố Brancion-en-Chalon và những vùng lân cận trong suốt năm mươi năm. Hẳn là sẽ có rất đông người đến dự

lễ an táng ông.

Nữ bá tước Darrieux đã bớt xúc động sau khi nhấm nháp một chút rượu mạn mà cô Brulier, người có cha mẹ đang yên nghỉ tại khu Bá Hương, tặng cho tôi. Bà đã rất sợ hãi khi nhìn thấy Gaston ngụp lặn trong hồ. Bà nói với tôi, miệng mỉm cười ranh mãnh: “Tôi cứ tưởng một lần nữa được chứng kiến giải bơi thế giới.” Tôi rất thích người phụ nữ này. Bà nằm trong số những vị khách khiến tôi cảm thấy dễ chịu.

Nghĩa trang này là nơi yên nghỉ của chồng bà và nhân tình của bà. Từ mùa xuân đến mùa thu, nữ bá tước Darrieux đặt hoa lên hai ngôi mộ. Những loại cây mọng nước trên mộ chồng, và một bó hướng dương cắm trong một chiếc bình trên mộ nhân tình, người được bà gọi là “tình yêu đích thực”. Vấn đề nằm ở chỗ tình yêu đích thực của bà đã có vợ. Và khi người vợ góa của tình yêu đích thực kia phát hiện ra những bông hướng dương của nữ bá tước cắm trong bình, bà ấy liền ném chúng vào sọt rác.

Tôi đã định nhặt lại những bông hoa tội nghiệp đó để đặt chúng lên một ngôi mộ khác, nhưng không thể được, bởi vì bà vợ góa đã rút hết cánh hoa. Và hẳn là không có chuyện bà ấy thì thầm: “Yêu ít, yêu nhiều, yêu say đắm, yêu điên cuồng, không yêu” trong lúc rút những cánh hoa hướng dương của nữ bá tước.

Trong suốt hai mươi năm, tôi đã chứng kiến những người vợ góa khóc suốt mướt trong ngày an táng chồng họ, để rồi sau đó không bao giờ đặt chân đến nghĩa trang nữa. Tôi cũng gặp rất nhiều ông chồng góa vợ tái hôn khi thi thể người vợ quá cố vẫn còn chưa nguội lạnh. Thời gian đầu, họ nhét vài xu vào cái ống tiết kiệm hình bọ rùa để tôi tiếp tục mua hoa giúp họ.

Tôi quen biết vài phụ nữ ở Brancion, những người đã trở nên chuyên nghiệp trong nghề góa bụa. Họ đi đi lại lại trong các lối đi, mặc toàn đồ

đen, và để ý những người đàn ông cô đơn đang tưới hoa trên mộ người vợ quá cố. Tôi đã quan sát rất lâu mưu kế của một người có tên là Clotilde C., tuần nào bà ta cũng bịa cho mình những người quá cố mới cần được thương yêu trong nghĩa trang của tôi. Tăm tia được bắt kỳ người đàn ông góa vợ nào, bà ta sẽ giở bài thao túng ông ta, bắt chuyện bằng cách nói về thời tiết, về cuộc sống vẫn tiếp diễn và dẫn dắt người kia đến đoạn mời bà ta “uống một ly khai vị vào một tối nào đó”. Rốt cuộc, bà ta đã kết hôn được với Armand Bernigal, vợ ông này (Marie-Pierre Vernier, tức bà Bernigal, 1967-2002) yên nghỉ ở khu Thông Đỏ.

Tôi đã nhìn thấy và nhặt về vài chục tấm bia mộ còn mới tinh mà các gia đình bị xúc phạm vứt trong thùng rác hoặc giấu trong những bụi cây. Những tấm bia có ghi: “Tuởng nhớ tình yêu vĩnh hằng của em/anh” do một nhân tình nào đó đặt trên mộ.

Và hằng ngày, tôi nhìn thấy những nhân vật bất chính đến viếng mộ một cách kín đáo. Chủ yếu là những nữ nhân tình. Phụ nữ chiếm đa số trong những nhân vật lui tới các nghĩa trang, bởi vì họ sống lâu hơn. Các nhân tình nam không bao giờ đến vào cuối tuần, những giờ mà họ có thể gặp mặt ai đó. Họ luôn đến vào giờ mở cửa và đóng cửa. Tôi đã từng giam bao nhiêu người trong nghĩa trang rồi nhỉ? Họ ngồi xồm bên các ngôi mộ, nên tôi không nhìn thấy họ, và họ phải đến đập cửa nhà tôi để được giải thoát khỏi nơi này.

Tôi còn nhớ Émilie B. Từ khi nhân tình của bà, Laurent D., trút hơi thở cuối cùng, bà luôn đến trước giờ mở cửa nửa tiếng. Khi nhìn thấy bà đứng chờ đằng sau cánh cổng, tôi khoác một chiếc áo choàng màu đen ra ngoài áo ngủ, rồi đi dép trong nhà ra mở cổng. Bà là người duy nhất được tôi đối xử như thế, nhưng bà khiến tôi thương cảm quá đỗi. Sáng nào tôi

cũng mời bà một cốc cà phê có đường và cho thêm chút sữa. Chúng tôi trò chuyện vài câu. Bà kể với tôi về tình yêu điên cuồng bà dành cho Laurent. Bà kể với tôi về ông, như thể ông đang hiện diện. Bà nói: “Ký ức mạnh hơn cái chết. Tôi vẫn còn cảm thấy bàn tay ông ấy đặt trên người tôi. Tôi biết rằng lúc này, từ nơi ông ấy ở, ông ấy đang nhìn tôi.” Trước khi rời đi, bà đặt chiếc cốc không lên bậu cửa sổ. Khi có khách viếng thăm trước mộ Laurent, vợ ông, bố mẹ hoặc con cái ông, Émilie liền đổi sang mộ khác, nép vào một góc. Ngay khi không còn ai, bà quay trở lại mộ Laurent để tưởng niệm, để trò chuyện với ông.

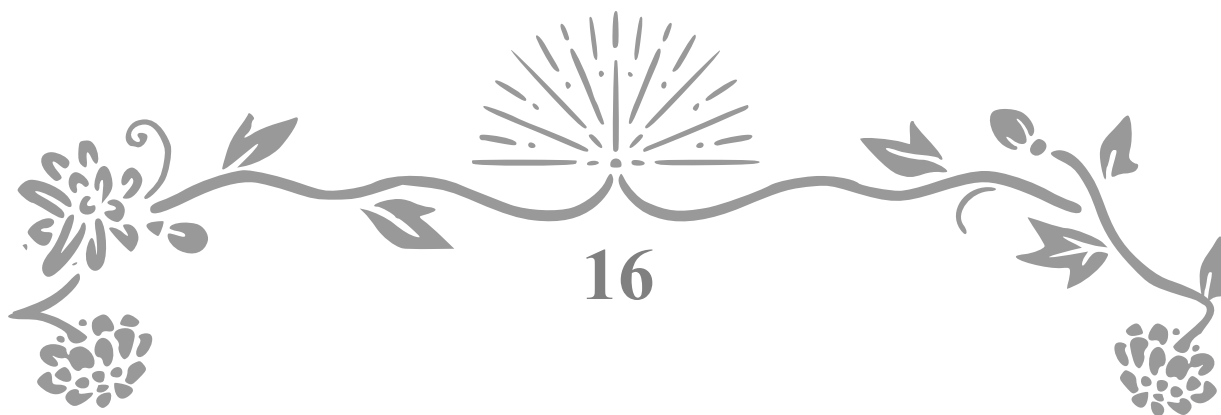
Một buổi sáng, Émilie không đến. Tôi nghĩ rằng bà đã chấm dứt thời kỳ để tang. Bởi vì thường thì, rốt cuộc người ta cũng sẽ chấm dứt việc để tang. Thời gian làm nhạt dần nỗi đau buồn. Cho dù có sâu đậm đến thế nào. Ngoại trừ nỗi đau buồn của một người mẹ hoặc một người cha bị mất đi đứa con.

Tôi đã nhầm. Émilie B. chưa từng chấm dứt việc để tang. Bà quay trở lại nghĩa trang của tôi giữa bốn tám ván. được bao bọc giữa những người thân. Tôi nghĩ rằng chưa có ai từng biết việc bà và Laurent yêu nhau. Tất nhiên, Émilie không được chôn cạnh ông.

Ngày an táng bà, khi tất cả mọi người đã ra về, giống như người ta trồng một cái cây vào ngày một đứa trẻ ra đời, tôi đã giâm một cành cây. Émilie từng trồng một cây oải hương trên mộ Laurent. Tôi liền cắt một cành dài từ cây oải hương đó, trích ra thật nhiều vết thương nhỏ cho cành dễ đâm rễ, cắt đầu cành đi rồi cắm vào một cái chai đã đục thủng đáy đựng đầy đất và một chút phân bón. Một tháng sau, cành giâm đã đâm rễ.

Cây oải hương của Laurent cũng sẽ trở thành cây oải hương của Émilie. Trong nhiều năm nữa, họ sẽ có chung cây hoa đó, một đứa con của

đất mẹ. Tôi chăm sóc cho cái cây con đó suốt mùa đông, rồi trồng nó lên mộ Émilie vào mùa xuân. Giống như Barbara vẫn hát, “mùa xuân đẹp biết bao, để nói với nhau về tình yêu”. Đến tận bây giờ, hai cây oải hương của Laurent và Émilie vẫn rất đẹp, và tỏa hương thơm cho khắp những ngôi mộ xung quanh.



*Chúng ta không bao giờ gặp những người khác một cách tình cờ.
Định mệnh đã sắp đặt cho họ cắt ngang đường chúng ta vì một lý
do nào đó.*

– Léonine.

– Em nói gì?

– Léonine.

– Này, em có bị điên không đấy... Cái tên đó là gì thế hả? Một nhãn hiệu bột giặt à?

– Em rất thích cái tên ấy. Với lại, mọi người sẽ gọi con bé là Léo. Em rất thích những cô gái có tên con trai.

– Thế sao em không gọi nó là Henri đi cho xong.

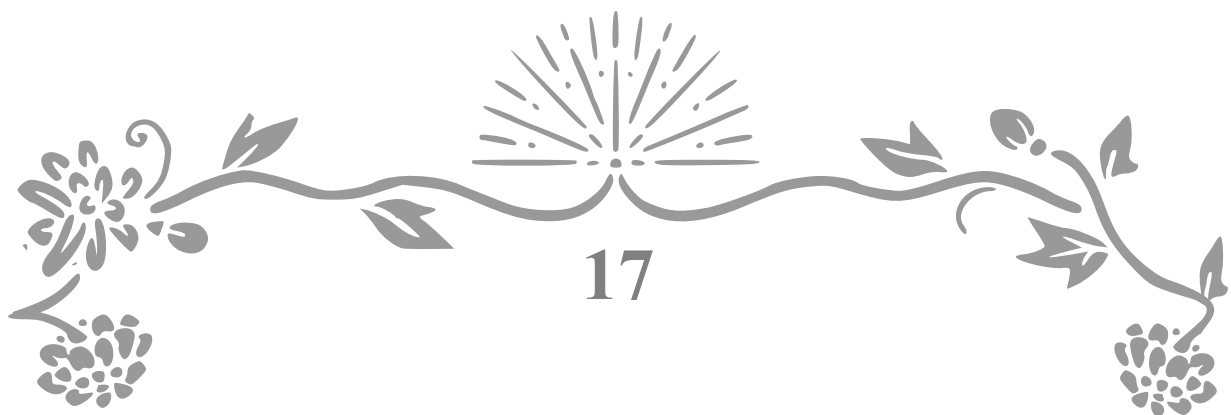
– Léonine Toussaint... nghe hay thật.

– Bây giờ đang là năm 1986 rồi! Em có thể tìm ra thứ gì đó hiện đại hơn, chẳng hạn như... Jennifer hoặc Jessica.

– Không, làm ơn đi, Léonine đi...

– Dù sao thì em cũng sẽ vẫn làm theo ý mình thôi. Nếu là con gái thì em chọn tên. Còn nếu là con trai thì anh sẽ chọn tên.

- Thế anh định gọi con trai chúng ta là gì?
- Jason.
- Em hy vọng nó là con gái.
- Anh thì không.
- Chúng ta làm tình chứ?



Tôi nghe thấy tiếng người trong tất cả các âm thanh trên thế giới.

Paul Éluard.

Ngày 19 tháng Một năm 2017, bầu trời xám xịt, tám độ, 15 giờ. Lễ an táng bác sĩ Philippe Guyennot (1924-2017). Quan tài gỗ sồi, phủ hoa hồng vàng và trắng. Đá cẩm thạch đen. Một cây thánh giá nhỏ mạ vàng trên bia mộ.

Tổng cộng khoảng năm chục bó hoa, vòng hoa, lẵng hoa, cây hoa (ly, hồng, tiên khách lai, cúc, lan).

Những dải băng tang trên đó có ghi: “Thương nhớ cha yêu của chúng con”, “Thương nhớ chồng yêu của em”, “Chúng cháu thương nhớ ông”, “Lớp niên khóa 1924 tưởng nhớ”, “Các thương nhân ở Brancion-en-Chalon”, “Thương nhớ bạn”, “Thương nhớ bạn”, “Thương nhớ bạn”.

Trên các tấm bia: “Thời gian trôi đi, ký ức ở lại”, “Thương nhớ chồng yêu của em”, “Chúng tôi không bao giờ quên bạn”, “Thương nhớ cha yêu của chúng con”, “Chúng cháu thương nhớ ông”, “Các chất thương nhớ cụ”, “Thương nhớ cha đỡ đầu”, “Trí tuệ, nhan sắc, lòng tốt và tài năng, tất cả đều trôi qua như thế trên mặt đất, chẳng khác nào một đóa phù du bị gió thổi bay”.

Khoảng một trăm người có mặt bên mộ. Trong đó có Nono, Gaston, Elvis và tôi. Trước lễ an táng, có hơn bốn trăm người tập trung trong nhà thờ nhỏ của cha Cédric. Không phải ai cũng có thể vào bên trong và ngồi trên những chiếc ghế dài, nên trước hết người ta sắp xếp cho những người già ngồi cạnh nhau. Rất nhiều người đứng tưởng niệm trên khoảnh sân nhỏ của nhà thờ.

Nữ bá tước Darrieux nói với tôi rằng bà nhớ đến ông bác sĩ trung hậu này khi ông đến nhà bà vào lúc quá nửa đêm, áo sơ mi nhàu nát, sau khi băng qua cả cánh đồng rồi lại quay trở lại để kiểm tra xem cơn sốt của cậu con út bà từ sáng đến giờ đã hạ chưa. Bà nói với tôi: “Mỗi người trong chúng tôi đều nhớ lại những lần đau thắt ngực, những lần mắc quai bị, những lần cảm cúm nặng và những giấy chứng tử mà ông ấy từng điền, cúi người trên chiếc bàn trong bếp, bởi vì hồi bác sĩ Guyennot mới vào nghề, người ta vẫn chết trên giường nhà chứ không chết ở bệnh viện.”

Philippe Guyennot để lại những dấu ấn rất tốt đẹp. Trong bài diễn từ của mình, con trai ông đã nói: “Cha tôi là một người tận tụy, ông chỉ nhận tiền công khám bệnh một lần cho dù có phải ghé qua nhà bệnh nhân nhiều lần trong ngày, hoặc nghe tim cho tất cả các thành viên trong gia đình. Ông là một bác sĩ giỏi, có thể đưa ra chẩn đoán chính xác sau khi hỏi ba câu và nhìn sâu vào đáy mắt người bệnh. Trong một thế giới nơi các *bác sĩ đa khoa* còn chưa được đào tạo ra.”

Trên bia mộ, một bức chạm chân dung Philippe Guyennot đã được gắn vào. Gia đình ông chọn một bức ảnh chụp trong kỳ nghỉ hè, khi bác sĩ chừng năm mươi tuổi. Ông cười rạng rỡ, nước da rám nắng, và có thể nhìn thấy biển thấp thoáng sau lưng ông. Hẳn là một mùa hè khi ông nhờ người trực thay và bỏ trốn khỏi vùng nông thôn cùng những cơn ho để nhắm mắt

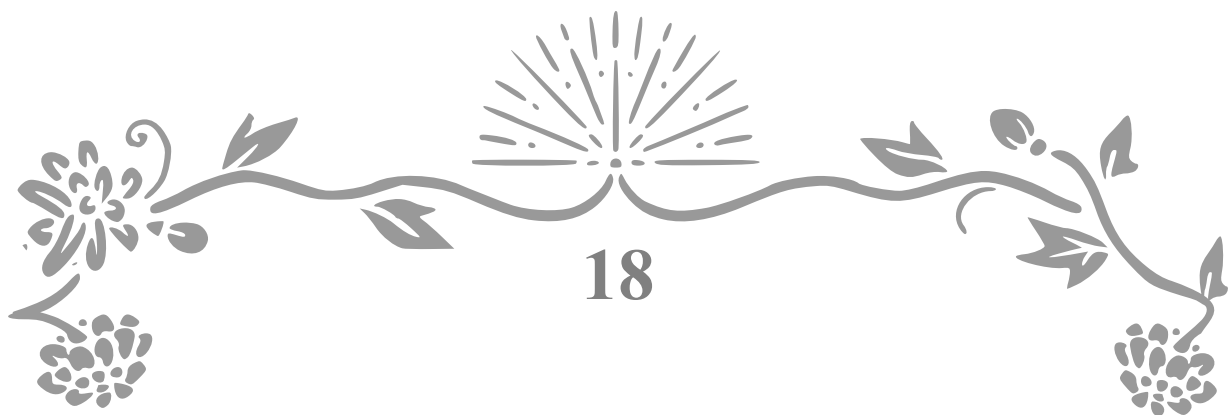
tận hưởng ánh mặt trời.

Trước khi ban phúc cho chiếc quan tài, cha Cédric nói những lời cuối cùng như sau: “Philippe Guyennot, ta đã yêu con giống như Đức Chúa Cha đã yêu ta. Không có tình yêu nào vĩ đại hơn là dâng hiến cuộc đời ta cho những người mà ta yêu quý.”

Một bữa ăn nhẹ được tổ chức trong phòng cộng đồng của tòa thị chính, để tỏ lòng tôn kính người quá cố. Người ta luôn mời tôi, nhưng tôi không bao giờ đến. Mọi người đều đi khỏi nghĩa trang, ngoại trừ Pierre Lucchini và tôi.

Trong khi những người thợ đá đóng cửa hầm mộ gia đình, Pierre Lucchini kể với tôi rằng người quá cố đã gặp vợ ông trong lễ cưới của bà với một người đàn ông khác. Trong vũ điệu mở màn, cô dâu đã bị treo mắt cá. Người ta vội gọi Philippe đến để chữa cho bà. Khi vị bác sĩ nhìn thấy người vợ tương lai của mình trong chiếc váy cưới, mắt cá chân chườm đá, ông đã đem lòng yêu bà. Ông bế xốc bà lên để đưa bà đến chụp X-quang tại bệnh viện, và không bao giờ mang trả bà về cho chàng tân lang trong chốc lát kia nữa. Pierre vừa mỉm cười vừa nói thêm: “Chính trong lúc chữa mắt cá chân cho bà ấy, ông ấy đã ngỏ lời cầu hôn.”

Trước khi đóng cổng nghĩa trang, hai người con của Philippe Guyennot quay trở lại. Họ xem xét công việc của những người thợ đá. Họ gỡ những lời chia buồn gắn trên những bó hoa. Họ khẽ vẫy tay ra hiệu chào tôi trước khi lên một chiếc xe và quay trở về Paris.



Người ta gom lá khô bằng xẻng, kỷ niệm và nuối tiếc cũng thế.

Trích bài hát “Les feuilles mortes”, Jacques Prévert viết lời.

“Tôi nói chuyện một mình. Tôi nói chuyện với những người quá cố, với lũ mèo, với lũ thần lẩn, với những bông hoa, với Chúa (không phải lúc nào cũng bằng giọng dễ chịu). Tôi nói chuyện với chính tôi. Tôi tự vấn. Tôi hò hét với chính mình. Tôi cho bản thân thêm dũng khí.

Tôi không phù hợp với khuôn mẫu nào. Tôi chưa từng phù hợp với bất cứ khuôn mẫu nào. Khi thực hiện một bài trắc nghiệm trong một cuốn tạp chí dành cho nữ giới, “Bạn có hiểu về chính mình” hoặc “Hãy hiểu hơn về bản thân”, không có câu trả lời nào cho tôi. Điểm của tôi ngang bằng trong mọi trường hợp.

Ở Brancion-en-Chalon, có những người không thích tôi, dè chừng hoặc sợ tôi. Có thể bởi vì dường như lúc nào tôi cũng đang để tang. Nếu họ biết rằng quần áo bên trong của tôi là đồ mùa hè, có lẽ họ sẽ thiêu sống tôi trên giàn thiêu. Tất cả những nghề có liên quan đến cái chết đều có vẻ đáng ngờ.

Thêm nữa, chồng tôi bị mất tích. Hôm trước hôm sau, tự nhiên mất

tích. “Dù sao, cũng phải thừa nhận chuyện này thật kỳ quặc. Anh ta lái mô tô đi, thế rồi hấp, biến mất. Chẳng có ai gặp lại anh ta nữa. Lại còn đẹp trai chứ, nếu không phải chính vì thế mà bất hạnh. Thế mà đám cảnh sát lại chẳng làm gì. Cô ta chẳng hề bị làm phiền, chẳng hề bị thẩm vấn bao giờ. Mà cô ta cũng không có vẻ gì là đau buồn cả. Mắt ráo hoảnh. Tôi ấy à, tôi cho rằng cô ta đang che giấu điều gì đó. Lúc nào cũng mặc đồ đen, lúc nào cũng trang trọng đạo mạo... người phụ nữ này thật âm đạm. Đã xảy ra những chuyện không được hợp giáo lý lắm trong nghĩa trang này, tôi không thấy cô ta có vẻ gì là đáng tin. Đám phu đào huyệt lúc nào cũng túm tụm ở nhà cô ta. Với lại, nhìn mà xem, cô ta nói chuyện một mình đấy. Đừng có bảo tôi rằng nói chuyện một mình là bình thường nhé.”

Còn có những người khác. “Một người phụ nữ trung hậu. Tính tình ngay thẳng. Tận tụy. Tươi cười, kín đáo. Một công việc quá đổi khó khăn. Không còn ai muốn làm cái nghề này đâu. Lại còn một thân một mình nữa chứ. Anh chồng đã bỏ rơi cô ấy. Cô ấy rất đáng tôn trọng. Lúc nào cũng có một cốc đồ uống gì đó tặng cho những người đau khổ nhất. Lúc nào cũng an ủi rất tử tế. Mà trang phục lại rất phù hợp, rất trang trọng... Lịch sự, tươi cười, thông cảm. Chẳng thể trách cứ cô ấy bất cứ điều gì. Một người chăm chỉ thực sự. Nghĩa trang không chê vào đâu được. Một phụ nữ giản dị không gây âm ỉ bao giờ. Hơi mơ mộng, nhưng mơ mộng thì cũng có chết ai bao giờ đâu.”

Tôi là chủ đề chính gây ra cuộc nội chiến giữa họ.

Một lần, thị trưởng đã nhận được một bức thư yêu cầu đuổi tôi khỏi nghĩa trang. Ông đã lịch sự trả lời rằng tôi chưa từng phạm bất cứ lỗi gì.

Có những khi đám thanh niên ném sỏi vào cửa chớp phòng ngủ của tôi để dọa cho tôi sợ, hoặc đến gõ cửa nhà tôi âm ỉ vào lúc nửa đêm. Từ trong

giường, tôi nghe thấy chúng cười khùng khục. Khi Éliane cất tiếng sửa hoặc tôi rung chiếc chuông gây ra âm thanh khùng khiếp, chúng vắt chân lên cổ bỏ chạy.

Đám thanh niên, tôi thà nhìn thấy chúng sống động, khó chịu, ồn ào, say bét, ngốc nghếch, còn hơn phải nhìn thấy những người khác đi theo quan tài của chúng, người gập đôi trong nỗi đau buồn.

Mùa hè, cũng có khi đám thanh niên choai choai trèo qua tường bao nghĩa trang. Chúng chờ khi đêm xuống. Chúng đến thành từng nhóm và thích thú dọa dẫm nhau. Chúng trốn đằng sau những cây thập giá và phát ra những tiếng ửn ửn hoặc đập cánh cửa của các nhà nguyện trong nghĩa trang. Cũng có những đứa chơi trò gọi hồn để dọa dẫm hoặc gây ấn tượng với đám bạn gái. “Linh hồn, người có ở đó không?” Trong những màn trình diễn đó, tôi nghe thấy đám con gái hét lên và bỏ chạy khi có bất kỳ “biểu hiện siêu nhiên” nào, dù là nhỏ nhất. Những biểu hiện xuất phát từ lũ mèo săn bướm đêm giữa các ngôi mộ, từ những con nhím đánh đổ các cà mèn đựng thức ăn hoặc từ tôi, người đang nấp sau một ngôi mộ, nhắm bắn vào chúng bằng một khẩu súng phun nước đựng đầy thuốc đỏ.

Tôi không chấp nhận nỗi việc có người không tôn trọng nơi yên nghỉ của những người quá cố. Thời gian đầu, tôi bật đèn đằng trước nhà và rung chuông. Nếu cách làm đó không có tác dụng, tôi lấy khẩu súng phun thuốc đỏ ra và đuổi theo chúng giữa các lối đi. Ban đêm, trong nghĩa trang không có đèn. Tôi có thể di chuyển mà không bao giờ bị phát hiện. Tôi đã thuộc lòng đường đi lối lại. Tôi có thể nhắm mắt mà đi khắp nghĩa trang.

Ngoài những kẻ đến đây để làm tình, một đêm tôi đã phát hiện ra một nhóm đang xem phim kinh dị, bọn họ ngồi trên mộ Diane de Vignerón, người đầu tiên được chôn trong nghĩa trang này. Một số cư dân ở Brancion

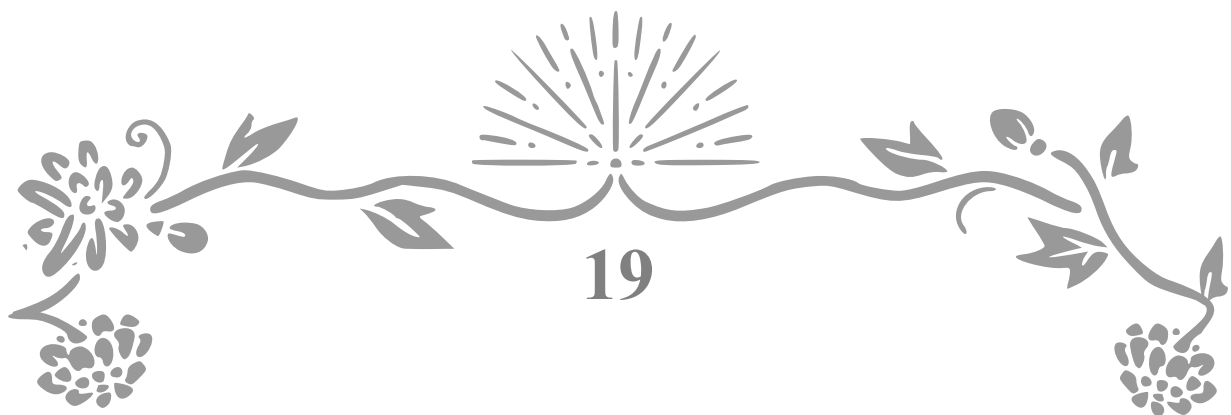
nhìn thấy bóng ma của bà từ nhiều thế kỷ nay. Tôi khẽ khàng bước đến đằng sau đám người đột nhập, rồi dồn hết sức thổi một hồi còi. Họ bỏ chạy tán loạn. Bỏ lại chiếc máy tính trên ngôi mộ.

Năm 2007, tôi gặp vấn đề nghiêm trọng với một nhóm thanh niên đi nghỉ hè. Những khách vắng lai. Người Paris hay đại loại như thế. Từ ngày 1 đến ngày 30 tháng Bảy, tối nào chúng cũng trèo tường vào nghĩa trang để ngủ ngay trên những ngôi mộ. Tôi đã nhiều lần gọi cảnh sát, Nono đã vài lần đá vào mông chúng và giải thích rằng nghĩa trang không phải sân chơi, nhưng hôm sau chúng vẫn quay trở lại. Mặc cho tôi tha hồ bật đèn trước nhà, rung chuông, bắn thuốc đỏ vào chúng, chẳng làm cách nào bắt chúng bỏ đi được. Có vẻ chúng chẳng sợ gì cả.

May thay, sáng 31 tháng Bảy, chúng bỏ đi. Nhưng một năm sau, chúng quay trở lại. Tối ngày 1 tháng Bảy, chúng xuất hiện. Tôi nghe thấy chúng đến vào khoảng nửa đêm. Chúng ngủ trên mộ Cécile Delaserbe (1956-2003). Và trái ngược với năm trước, chúng hút thuốc và uống rượu rất nhiều, vứt chai khắp nghĩa trang. Sáng nào tôi cũng phải thu nhặt những đầu mẩu thuốc lá vùi trong các bình hoa.

Thế rồi, một điều kỳ diệu xảy ra: đêm mừng 8 rạng ngày mừng 9 tháng Bảy, chúng bỏ đi. Tôi không bao giờ quên những tiếng hét kinh hoàng mà chúng đã thốt ra. Chúng kể rằng chúng đã nhìn thấy “thứ gì đó”.

Ngày hôm sau, Nono kể với tôi rằng anh đã tìm thấy những “viên thuốc” màu xanh lơ ở gần hầm hài cốt, một thứ ma túy khá mạnh có lẽ đã khiến đầu óc rối loạn của chúng nhìn gà hóa cuốc, tưởng rằng những ánh ma trời là những bóng ma. Tôi không biết có phải hồn ma của Diane de Vignerot hay Reine Duchesne, người đàn bà áo trắng, đã xua đuổi lũ ngốc đó giúp tôi không, nhưng tôi cảm ơn hồn ma ấy.



*Nếu mỗi ý nghĩ tôi hướng đến người làm mọc lên một bông hoa,
thì Trái đất sẽ là một vườn hoa không lồ.*

Tôi đang sắp sửa đẩy cánh cửa vòm của tòa nhà nơi có căn hộ 1 của chúng tôi thì nhìn thấy một quả táo đỏ trong cửa kính, trên bìa một cuốn sách: Tạo tác của Chúa, một phần của Quỷ của John Irving. Tôi không biết diễn giải cái tên này như thế nào. Nó quá phức tạp đối với tôi. Vào năm 1986, tôi mười tám tuổi và mới có trình độ học vấn của một đứa trẻ sáu tuổi. Giáo viên, trường-học, tôi đi, tôi có, tôi về nhà, đây là, xin-chào-bà, Panzani, Babybel, Boursin, Skip, Oasis, Ballantine's. Tôi đã mua cuốn sách dày tám trăm hai mươi một trang đó trong khi đọc và hiểu một câu cũng khiến tôi mất đến vài giờ đồng hồ. Gần giống như tôi mặc cỡ 50 nhưng lại tặng cho mình một chiếc quần jean cỡ 36. Nhưng tôi mua nó, bởi vì quả táo khiến tôi tứa nước miếng. Và từ nhiều tháng nay, tôi đã mất cảm giác ham muốn. Chuyện bắt đầu từ khi Philippe Toussaint thổi vào gáy tôi. Cái thổi đó có nghĩa là anh ta đã sẵn sàng, anh ta muốn tôi. Philippe Toussaint luôn muốn có tôi, chứ không khao khát. Tôi không nhúc nhích. Tôi giả vờ ngủ. Thở mạnh.

Đó là lần đầu tiên thân thể tôi không đáp lại lời mời gọi của thân thể

anh ta. Thế rồi, cảm giác mất ham muốn ấy qua đi, một lần, hai lần. Rồi nó trở lại giống như lớp băng mỏng thỉnh thoảng lại phủ xuống.

Tôi vẫn luôn thỏa hiệp với cuộc đời, tôi vẫn luôn nhìn mọi vật từ khía cạnh tích cực, hiếm khi tôi nhìn vào phía tối tăm của chúng. Giống như những ngôi nhà nằm bên mép nước, với mặt tiền được ánh mặt trời chiếu sáng. Từ trên thuyền, ta nhìn thấy sắc màu rực rỡ của những bức tường, những hàng rào trắng giống như những tấm gương và những khu vườn xanh mon mơn. Hiếm khi tôi nhìn phía sau những ngôi nhà ấy, cái phía mà ta phát hiện ra khi đi trên phố, vùng bóng tối nơi cất giấu thùng rác và cái hố vệ sinh tự hoại.

Trước Philippe Toussaint, mặc dù phải ở trong các gia đình đón nhận còn bộ móng tay thì bị găm nhám nham nhở, tôi vẫn nhìn thấy ánh mặt trời trên các mặt tiền nhà, hiếm khi nhìn thấy vùng bóng tối. Khi ở với anh ta, tôi đã hiểu vỡ mộng là thế nào. Hiểu rằng có khoái cảm với một người đàn ông không đủ để yêu anh ta. Hình ảnh một anh chàng đẹp trai trên giấy lãng đã bị phá hỏng. Sự lười biếng của anh ta, việc anh ta thiếu dũng khí trước mặt bố mẹ, sự hung bạo tiềm ẩn và mùi của những cô gái khác trên đầu ngón tay anh ta đã tước mất của tôi thứ gì đó.

Chính anh ta là người muốn có một đứa con với tôi. Chính anh ta đã nói với tôi: “Chúng ta sẽ tạo ra một lũ trẻ.” Và cũng chính gã đàn ông hơn tôi mười tuổi đó đã thì thầm với mẹ anh ta rằng anh ta “nhặt được” tôi, rằng tôi là một “con bé bơ vơ” và rằng anh ta “lấy làm tiếc”. Và khi mẹ anh ta quay lưng sau khi ký cho anh ta tờ séc không biết thứ bao nhiêu, anh ta lại hôn vào cổ tôi và bảo tôi rằng anh ta vẫn luôn nói bất cứ điều gì với “ông bà già” để thoát khỏi họ. Nhưng những lời lẽ ấy đã tuôn ra, đầy giả dối.

Ngày hôm ấy, tôi cũng giả vờ. Tôi đã mỉm cười, rồi tôi nói: “Được rồi,

em hiểu, tất nhiên.” Cảm giác vỡ mộng đó đã làm nảy sinh một thứ khác trong tôi. Một thứ gì đó mạnh mẽ. Càng nhìn thấy bụng mình tròn lên, tôi càng muốn học lại. Muốn biết rằng từa nước miếng trong miệng thực sự có nghĩa là gì. Không phải nhờ ai đó, mà nhờ chữ nghĩa. Chữ nghĩa nằm trong những cuốn sách mà tôi đã trốn tránh bởi vì chúng làm tôi sợ.

Tôi chờ cho đến khi Philippe Toussaint cười mô tô đi khỏi nhà rồi mới đọc bìa bốn của cuốn sách *Tạo tác của Chúa, một phần của Quỷ*. Tôi buộc phải đọc to: để hiểu được ý nghĩa của từ ngữ, tôi phải nghe thấy chúng. Giống như tôi đang tự kể chuyện cho mình. Tôi là hai con người trong một thể xác: một người muốn học và một người sắp học. Tôi trong hiện tại và tương lai cùng cúi nhìn vào một cuốn sách.

Tại sao ta đến với những cuốn sách giống như đến với những con người? Tại sao chúng ta bị cuốn hút bởi những bìa sách giống như chúng ta bị cuốn hút bởi một ánh nhìn, một giọng nói mà ta cảm thấy thân thuộc, đã từng nghe thấy đâu đó, một giọng nói khiến ta đi chệch khỏi con đường đang đi, khiến ta ngược mắt lên, khiến ta tập trung chú ý và có thể làm thay đổi cả dòng chảy cuộc đời ta?

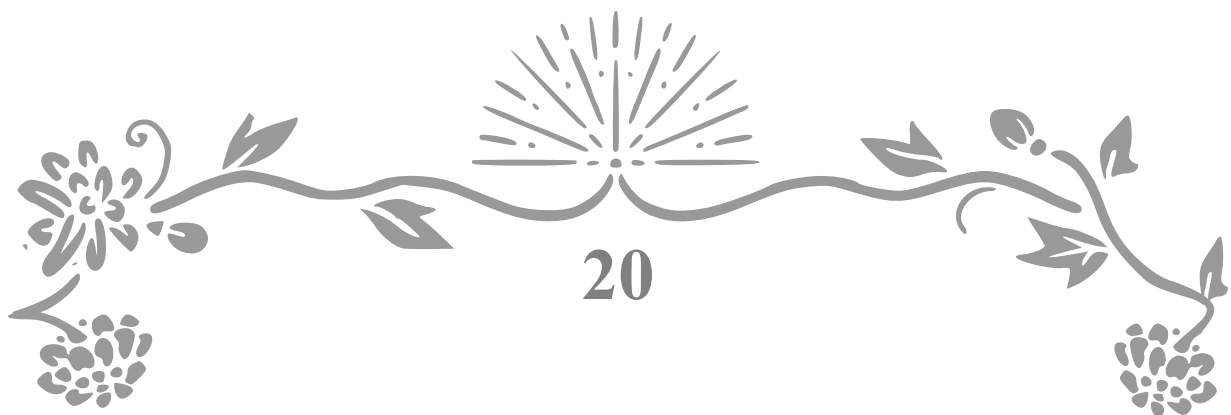
Sau hơn hai giờ, tôi mới đọc đến trang mười và chỉ hiểu được một phần năm những từ ngữ mình đọc. Tôi đọc đi đọc lại thật to câu này: “Một đứa trẻ mồ côi còn trẻ con hơn những đứa trẻ con khác bởi sở thích nó dành cho những thứ ngày nào cũng xảy ra vào một giờ nhất định. Đứa trẻ mồ côi luôn khao khát tất cả những thứ hứa hẹn sẽ kéo dài, sẽ lâu bền.” “Khao khát.” Từ đó có nghĩa là gì được nhỉ? Tôi sẽ mua một cuốn từ điển và học cách sử dụng nó.

Cho đến lúc đó, tôi mới chỉ thuộc lời của những bài hát được ghi bên trong những đĩa than 33 vòng. Tôi vừa nghe vừa cố gắng đọc lời, nhưng

không hiểu ý nghĩa của chúng.

Chính trong lúc nghĩ đến việc mua cuốn từ điển mà tôi cảm thấy Léonine cử động lần đầu tiên. Hẳn là những từ ngữ mà tôi đọc to đã đánh thức con bé. Tôi cảm nhận những cử động chậm chạp của nó giống như một sự khuyến khích.

Ngày hôm sau, chúng tôi chuyển đến Malgrange-sur-Nancy để trở thành nhân viên gác ghi. Nhưng trước đó, tôi đã xuống phố mua một cuốn từ điển để tìm trong đó từ “khao khát”: “Tha thiết mong muốn một thứ gì đó”.



*Nếu cuộc đời chỉ là một chặng đường, thì kỷ ức của chúng tôi sẽ
giữ mãi hình ảnh người.*

Trích dẫn Michel de Montaigne.

Tôi dùng khăn lau những chiếc hộp nhựa đựng lũ búp bê Bò Đào Nha. Hễ có cơ hội là tôi lại tranh thủ đặt chúng nằm ra để không phải nhìn thấy mắt cùng những cái đầu nhỏ xíu như đầu đinh ghim đen sì của chúng.

Tôi từng nghe nói rằng tượng các chú lùn đặt trong vườn các dinh thự thường biến mất... Liệu tôi có thể khiến bà Pinto tin rằng toàn bộ lũ búp bê của tôi đã bị lấy cắp không?

Nono và cha Cédric đang tranh luận sôi nổi sau lưng tôi. Nhất là Nono. Elvis nghiêng người qua cửa sổ phòng bếp, anh đang nhìn các khách viếng thăm đi qua, miệng khe khẽ hát “Tutti Frutti”. Giọng Nono át cả giọng Elvis:

– Tôi từng là thợ sơn. Sơn tường ấy, không phải họa sĩ như Picasso đâu. Thế rồi vợ tôi bỏ tôi cùng với ba đứa nhóc nhỏ xíu... mà tôi thì chẳng có công việc gì. Tôi đã bị sa thải vì lý do kinh tế. Thế rồi năm 1982 tôi được tòa thị chính tuyển làm phu đào huyệt.

– Hồi ấy các con anh bao nhiêu tuổi? Cha Cédric hỏi.

– Chúng chưa lớn lắm đâu. Hai đứa lớn lên bảy và lên năm, còn đứa út mới sáu tháng. Tôi một thân một mình nuôi chúng. Sau này, tôi có một đứa con gái nữa... Tôi ra đời ngay gần đây, đằng sau khối nhà đầu tiên bên cạnh nhà thờ của cha. Hồi ấy, bà đỡ còn đến tận nhà. Thế còn cha, thừa ngài cha xứ, cha sinh ra ở đâu?

– Ở Bretagne.

– Ở đấy trời cứ mưa suốt thôi.

– Có thể thế, nhưng chuyện đó cũng không ngăn cản lũ trẻ ra đời. Tôi không ở lại Bretagne lâu, cha tôi là quân nhân. Ông ấy bị điều động suốt.

– Một quân nhân mà lại sinh ra một cha xứ, chuyện này cũng không bình thường cho lắm.

Tiếng cười của cha Cédric vang dội giữa các bức tường. Elvis vẫn tiếp tục hát khe khẽ. Tôi chưa từng thấy anh có người yêu, mặc dù anh dành cả ngày để hát những khúc tình ca.

Nono gọi tôi: “Violette! Đừng có chơi búp bê nữa, có ai gõ cửa kia.”

Tôi bỏ chiếc khăn lau trên cầu thang và đi ra mở cửa cho vị khách hân là đang muốn tìm một ngôi mộ.

Tôi mở cánh cửa phía nghĩa trang, chính là viên cảnh sát trưởng. Đây là lần đầu tiên anh ta đến bằng cửa này. Anh ta không mang theo bình tro cốt. Mái tóc vẫn bù xù như trước. Từ người anh ta vẫn tỏa ra mùi quế và mùi va ni. Đôi mắt lấp lánh như thể anh ta vừa khóc, hẳn là vì mệt mỏi. Anh ta rụt rè mỉm cười với tôi. Elvis đóng cửa sổ lại, âm thanh đó át mất câu chào của tôi.

Viên cảnh sát trưởng nhìn thấy Nono và cha Cédric đang ngồi bên bàn.

Anh ta hỏi tôi: “Tôi có làm phiền chị không? Nếu chị muốn tôi sẽ quay lại sau.” Tôi trả lời là không. Rằng hai tiếng nữa sẽ có một lễ an táng, nên tôi sẽ không có thời gian nữa.

Anh ta bước vào. Chào Nono, Elvis và cha Cédric bằng một cái bắt tay thật chặt.

– Giới thiệu với anh đây là Norbert và Elvis, các đồng nghiệp của tôi, còn đây là cha xứ của chúng tôi, Cédric Duras.

Đến lượt viên cảnh sát trưởng tự giới thiệu, đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy anh ta nói tên mình: Julien Seul. Ba đồng nghiệp của tôi đồng loạt rời đi, như thể cái họ của viên cảnh sát trưởng khiến họ hoảng sợ. Nono hét lên: “Hẹn lát nữa gặp lại, Violette!”

Tôi tự giới thiệu lần đầu tiên: “Còn tôi, tôi tên là Violette. Violette Toussaint.” Viên cảnh sát trưởng trả lời:

– Tôi biết rồi.

– Vậy sao, anh biết rồi ư?

– Lúc đầu, tôi cứ tưởng đó là một biệt danh, một kiểu nói đùa.

– Một kiểu nói đùa ư?

– Dù sao thì chị cũng phải thừa nhận rằng đối với một nữ quản trang, quả là không bình thường khi có cái họ là Toussaint.

– Thực ra, họ của tôi là Trenet. Violette Trenet.

– Trenet hợp với chị hơn là Toussaint.

– Trước đây, Toussaint là họ của chồng tôi.

– Tại sao lại “trước đây?”

– Anh ta mất tích rồi. Một hôm, anh ta tự nhiên biến mất. Thực ra cũng không hẳn là tự nhiên biến mất... Có thể nói lần này anh ta đã đi vắng

dài hơn những lần khác.

Anh ta nói với tôi, đây ái ngại:

– Cả chuyện ấy tôi cũng biết.

– Anh biết ư?

– Bà Bréant có những cánh cửa chớp màu đỏ và cái lưỡi khá linh hoạt.

Tôi đứng dậy đi rửa tay, tôi lấy nước xà phòng vào hai lòng bàn tay, một loại xà phòng có mùi hoa hồng dịu nhẹ. Ở nhà tôi, mọi thứ đều có mùi hoa hồng nhẹ, cả nến, cả nước hoa, cả quần áo, cả trà, cả những chiếc bánh ngọt nhỏ mà tôi nhúng vào cà phê. Tôi dưỡng da tay bằng kem mùi hoa hồng. Tôi sục tay trong đất nhiều giờ mỗi ngày để làm vườn, nên tôi phải bảo vệ chúng. Tôi thích có đôi bàn tay đẹp. Đã nhiều năm rồi tôi không còn gặm móng tay nữa.

Trong lúc đó, Julien Seul lại quan sát những bức tường màu trắng trong nhà tôi. Anh ta có vẻ lo lắng. Éliane dụi mõm vào anh ta, anh ta vừa vuốt ve nó vừa mỉm cười.

Trong lúc rót cho anh ta một cốc cà phê, tôi tự hỏi không biết bà Bréant đã kể cho anh ta nghe những gì.

– Tôi đã viết xong bài diễn từ dành cho mẹ tôi.

Anh ta lấy từ trong túi ra một chiếc phong bì và đặt nó lên trên cái ống tiết kiệm hình con bọ rùa.

– Anh vừa đi bốn trăm ki lô mét để mang bài diễn từ dành cho mẹ anh đến nhà tôi sao? Tại sao anh không gửi nó qua đường bưu điện?

– Không, tôi đến đây không hẳn là vì việc đó.

– Anh có mang bình tro cốt theo không?

– Cũng không.

Anh ta im lặng một lát. Có vẻ như càng lúc anh ta càng cảm thấy khó xử.

– Tôi có thể hút thuốc bên cửa sổ được không?

– Được.

Anh ta lấy từ trong túi ra một bao thuốc rúm ró rồi rút từ đó một điếu thuốc màu vàng. Trước khi quẹt diêm, anh ta bảo tôi:

– Có một chuyện khác.

Anh ta đi đến bên cửa sổ rồi mở hé cánh cửa. Anh ta quay lưng về phía tôi. Rít một hơi và phả khói ra bên ngoài.

Tôi tin rằng đã nghe thấy anh ta nói với tôi, trong một lần nhả khói:

– Tôi biết chồng chị đang ở đâu.

– Anh nói gì cơ?

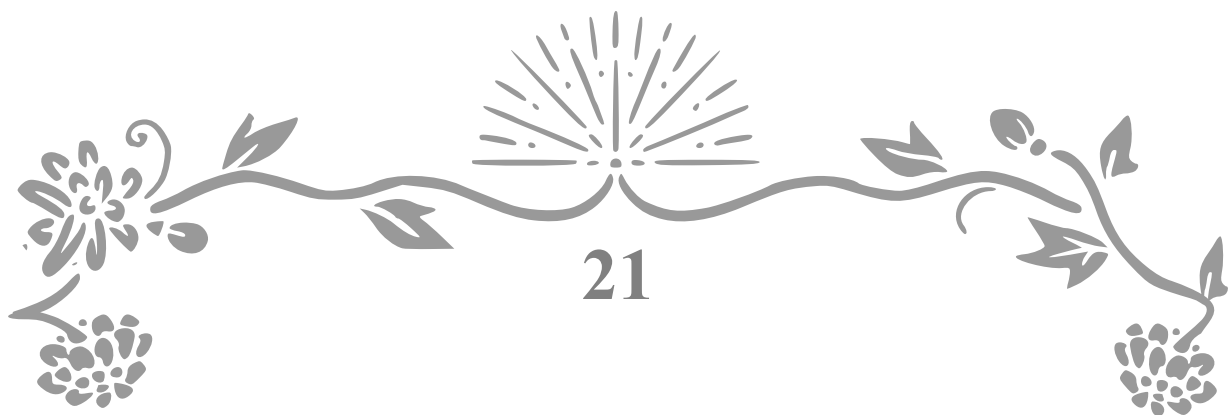
Anh ta dập tắt điếu thuốc trên bức tường nhỏ bên ngoài và bỏ đầu mẩu vào trong túi áo. Rồi quay về phía tôi, nhắc lại:

– Tôi biết chồng chị đang ở đâu.

– Chồng nào?

Tôi cảm thấy đau đớn. Tôi tuyệt đối không muốn hiểu những điều anh ta đang nói. Cứ như thể anh ta vừa lên phòng ngủ của tôi mà không được phép, và mở tất cả các ngăn kéo để lục lọi và lôi những thứ trong đó ra mà tôi không thể nào cản được. Anh ta cụp mắt xuống, và bằng giọng gần như không nghe thấy, anh ta thì thầm:

– Philippe Toussaint... tôi biết anh ta đang ở đâu.



*Màn đêm không bao giờ trọn vẹn, luôn có một khung cửa sổ mở
phía cuối đường.*

Trích bài thơ “La nuit n’est jamais complète”, Paul Éluard.

Những bóng ma duy nhất mà tôi tin vào chính là những ký ức. Dù là có thực hay tưởng tượng. Đối với tôi, những thực thể, những người trở về từ cõi chết, những linh hồn, tất cả những thứ siêu nhiên đó chỉ tồn tại trong tâm trí của người sống.

Một số người giao tiếp được với người chết, và tôi nghĩ họ thành thực, nhưng khi một sinh linh chết đi thì có nghĩa là người đó đã chết. Nếu họ có quay trở lại thì cũng chính là do một người sống khiến họ quay trở lại bằng ý nghĩ. Nếu họ nói chuyện, thì cũng chính là một người sống cho họ mượn giọng nói của mình, nếu họ xuất hiện, thì cũng chính là một người sống phóng chiếu họ bằng tâm trí của mình, giống như kỹ thuật chụp toàn ảnh, một cái máy in ba chiều.

Nỗi nhớ, nỗi đau đớn, cảm giác không thể chịu đựng có thể làm sống lại và cảm nhận những điều vượt quá trí tưởng tượng của con người. Khi một ai đó ra đi, là ra đi vĩnh viễn. Ngoại trừ trong tâm trí của những người ở lại. Mà tâm trí của một người thôi đã lớn hơn cả vũ trụ rồi.

Ban đầu, tôi tự nhủ rằng việc khó nhất có lẽ là đi xe đạp một bánh. Nhưng tôi đã nhầm. Khắc nghiệt nhất chính là nỗi sợ. Chê ngự nó, vào cái đêm tôi làm được việc ấy. Trì hoãn nhịp đập của trái tim tôi. Không run rẩy. Không yếu mềm. Nhắm mắt lại và lao tới. Tôi phải tự giải thoát bản thân khỏi vấn đề. Nếu không, chuyện này sẽ không bao giờ dừng lại.

Tôi đã thử mọi cách. Tử tế, hăm dọa, các cách khác. Tôi không ngu nữa. Tôi chỉ nghĩ đến chuyện đó: giải thoát bản thân khỏi vấn đề. Nhưng bằng cách nào?

Trên một chiếc xe đạp, dù có một hoặc hai bánh thì gần như cũng thế cả thôi, vấn đề chỉ là giữ cân bằng. Ngược lại, để tập đi xe đạp trên lớp sỏi ở nghĩa trang, tôi nên tập vào ban đêm. Không nên để bất kỳ ai nhìn thấy nữ quản trang đi xe đạp một bánh dọc theo những ngôi mộ. Do đó, tôi luyện tập khi đêm xuống, khi cổng nghĩa trang đã đóng kín, suốt nhiều ngày liên tục. Tôi phải tập đi chậm và đi nhanh. Không thể để mình bị ngã vào thời điểm cần thiết.

Công việc lâu nhất, chán nhất, chính là việc khâu vải liệm, mảnh vải dùng để bao bọc xác chết. Tôi đã chắp ghép nhiều mét vải trắng với nhau: nút xơ lìn, lụa, ga trải giường bằng cô tông, vải tyn. Tôi đã bỏ ra nhiều thời gian để khâu tất cả chúng lại, sao cho tổng thể có vẻ vừa thực lại vừa siêu thực. Trong những đêm chế tác “thứ đó”, tôi thích thú nghĩ rằng đây chính là chiếc váy cưới mà tôi đã không được mặc vào ngày tôi tác hợp với Philippe Toussaint. Tôi tin chắc rằng rốt cuộc ta sẽ phá lên cười về mọi chuyện. Ít nhất là mỉm cười. Rốt cuộc ta sẽ mỉm cười về mọi chuyện.

Sau đó, tôi cho tám vải liệm vào máy giặt, để chế độ nước lạnh, bỏ thêm năm trăm gram baking soda để nó có khả năng phản quang. Trước khi khâu lớp lót, tôi dán lên đó những dải băng phát quang có thể tự nạp năng lượng khi được phơi ra ánh sáng. Tôi đã đánh cắp nhiều mét loại băng này trong xe tải của các nhân viên môi trường đô thị. Thông thường, họ dùng chúng để đánh dấu ngoài trời. Chúng phát sáng rất mạnh. Chỉ cần để chúng trong ánh sáng ngay trước khi sử dụng. Một châu phơi nắng hoặc để lâu dưới một ngọn đèn.

Phải làm sao để che kín toàn bộ mặt và tóc tôi. Tôi đã lấy một trong số những cái mũ trùm màu đen của Nono trong phòng làm việc của anh. Tôi cắt một đường ngang tầm mắt, rồi phủ lên chiếc mũ một tấm voan cô dâu. Một nhân viên tang lễ qua đường đã tặng tôi một chiếc móc treo chìa khóa hình thiên thần. Nó phát sáng khá mạnh khi ta bấm vào hai đầu nút. Một kiểu đèn pin bỏ túi dự phòng nhưng nhỏ và mềm. Tôi ngậm chặt nó trên miệng.

Khi nhìn mình trong gương, tôi nghĩ trông tôi thật đáng sợ. Thực sự đáng sợ. Tôi giống như trong bộ phim kinh dị mà đám thanh niên xem trên mộ Diane de Vignerón vào cái ngày chúng bỏ lại chiếc máy tính sau khi tôi huyết còi. Sau khi phục sức như thế - một chiếc váy dài huyền bí, khuôn mặt ẩn sau tấm voan cô dâu, cả người tôi sáng lấp lánh như tuyết trong ánh đèn pha, miệng tôi sáng lên mỗi khi tôi ngậm hoặc mím môi -, trong một bối cảnh đặc biệt, nghĩa là một nghĩa trang ban đêm nơi chỉ một tiếng còi khô gãy răng rắc cũng có thể trở thành một âm thanh khủng khiếp, tôi có thể khiến người khác lên cơn đau tim.

Chỉ còn thiếu âm thanh. Tôi đã có hình ảnh, nhưng chưa phải là một cuốn phim độc đáo. Tôi tự nhủ như vậy rồi phá lên cười một mình. Có

nhiều loại âm thanh khiến bất cứ ai cũng phải hoảng sợ trong một nghĩa trang vào ban đêm. Những tiếng rên rỉ, than thở, tiếng cọt kẹt, tiếng gió hú, tiếng bước chân, một điệu nhạc quay chậm. Tôi chọn phương án dùng một chiếc đài nhỏ không được vặn đúng tần số. Tôi buộc nó vào xe đạp. Khi đến thời điểm thích hợp, tôi sẽ bật nó lên.

Khoảng 22 giờ, tôi nấp trong một nhà nguyện, tìm đập thành thịch bên trong bộ trang phục lông lã, tay giữ chiếc xe đạp.

Tôi không phải chờ đợi lâu. Chưa thấy người nhưng đã nghe thấy tiếng chúng. Chúng trèo qua bức tường nằm ở phía Đông nghĩa trang. Tối đó chúng có năm đứa cả thầy. Ba trai và hai gái. Con số này có thể thay đổi.

Tôi chờ cho đến khi chúng “yên vị”. Cho đến khi chúng bắt đầu bật nắp những lon bia và sử dụng những chiếc bình hoa thay cho gạt tàn. Chúng nằm dài trên mộ bà Cedilleau, một phụ nữ trung hậu mà tôi từng quen biết khi bà đến cắm hoa trên mộ con gái. Biết chúng đang nằm dài trên bà mẹ và cô con gái, tôi như được tiếp thêm sức mạnh.

Tôi bắt đầu bằng việc ngồi lên xe đạp và xếp váy thật cẩn thận, không được để nó mắc vào bánh xe. Có thể nhìn thấy bộ trang phục của tôi từ rất xa, tôi đã phơi mấy dải băng dưới bóng đèn halogen suốt hai giờ liền. Tôi đẩy cánh cửa nhà nguyện thật mạnh, gây ra một tiếng ầm khô khốc. Đám thanh niên im bật. Tôi còn cách chúng đến vài trăm mét. Tôi bắt đầu đạp xe. Thật nhẹ nhàng. Như thể gió thổi tôi bay.

Tôi còn cách chúng chừng bốn trăm mét thì một gã trai phát hiện ra tôi. Tôi hoảng hốt. Tôi cảm thấy hai bàn tay mình nhớp mồ hôi, hai chân như bị hẫng, còn đầu thì bốc hỏa. Gã trai kia không thốt lên được lời nào. Nhưng nhìn vào vẻ mặt cậu ta, nỗi kinh hoàng sừng sờ của cậu ta, một trong hai đứa con gái quay nhìn về phía tôi, miệng vẫn ngậm một điều

thuốc, thế rồi con bé hét lên. Con bé hét to đến nỗi miệng tôi trở nên khô khốc, khô như rang. Tiếng hét của đứa con gái khiến ba đứa còn lại giật mình. Ngay trước đó còn đang cười ầm ĩ, chúng liền im bật.

Cả năm đứa chúng nhìn tôi chằm chằm. Cảnh tượng đó kéo dài chừng một hoặc hai giây, không hơn. Tôi dừng khựng lại cách chúng khoảng hai trăm mét. Tôi mím môi, ánh sáng liền rọi về phía chúng. Tôi dang thẳng hai cánh tay, rồi tiếp tục lao về phía chúng, nhưng lần này nhanh hơn rất nhiều, đầy đe dọa.

Trong trí nhớ của tôi, toàn bộ cảnh tượng ấy diễn ra như một thước phim quay chậm, tôi có đủ thời gian để phân tích tỉ mỉ đến từng giây. Nếu làm hỏng việc, nếu tôi bị lộ mặt, nếu đến lượt chúng truy đuổi tôi, thì tôi tiêu đời. Nhưng chúng không hề suy nghĩ. Khi nhận ra là có một con ma đang bay thẳng về phía mình, hết tốc lực, hai tay dang thẳng để cả thân hình tạo thành cây thập giá, chúng bỏ chạy như trong một đoạn phim tua nhanh. Tôi chưa từng thấy người nào bật dậy nhanh đến thế. Ba đứa trong số chúng vừa chạy về phía cổng vừa gào, còn hai đứa lao về phía cuối nghĩa trang.

Tôi chọn cách đuổi theo nhóm ba đứa. Một đứa bị ngã nhưng lập tức vùng dậy được.

Tôi không biết chúng làm cách nào mà trèo qua được cánh cổng cao tận ba mét năm mươi. Bằng chứng cho thấy nỗi sợ hãi khiến chúng ta mọc cánh.

Tôi không bao giờ nhìn thấy chúng nữa. Tôi biết rằng chúng đã đi khắp nơi rằng nghĩa trang này bị ma ám. Tôi thu dọn đồng đầu mẫu thuốc lá và những lon bia rỗng chúng để lại. Tôi lau chùi mộ bà Cedilleau bằng nước nóng.

Phải khó lắm tôi mới ngủ được, vì không thể ngừng cười. Cứ nhắm

mắt là tôi lại thấy cảnh chúng đang chạy tán loạn như một lũ thỏ.

Sáng hôm sau, tôi cất chiếc xe đạp và bộ trang phục ma lên gác xếp. Trước khi giấu bộ trang phục trong một chiếc rương, tôi cảm ơn nó. Tôi cất nó giống như người ta cất chiếc váy cưới rồi thỉnh thoảng lại lấy ra để xem mình có còn mặc vừa không.



*Bông hoa nhỏ của cuộc đời. Hương thơm của người là vĩnh hằng,
cho dù nhân loại đã ngắt người quá sớm.*

– Philippe Toussaint chết rồi. Sự khác biệt duy nhất giữa anh ta và những người quá cố trong nghĩa trang này, đó là thỉnh thoảng tôi đứng mặc niệm trước mộ họ, còn mộ anh ta thì không.

– Philippe Toussaint có trong danh bạ. Đúng ra là tên xưởng sửa chữa ô tô của anh ta có trong danh bạ.

Đã hơn mười chín năm nay, không có người nào thốt ra thành lời đầy đủ họ tên anh ta như thế trước mặt tôi. Kể cả trong lời nói của những người khác, Philippe Toussaint cũng đã biến mất.

– Xưởng sửa chữa ô tô của anh ta ư?

– Tôi nghĩ đó là điều chị muốn biết, tôi nghĩ chị đã tìm kiếm anh ta.

Tôi không thể trả lời viên cảnh sát trưởng. Tôi đã không tìm kiếm Philippe Toussaint. Tôi đã chờ đợi anh ta rất lâu, nhưng điều đó thì lại khác.

– Tôi đã nhận thấy có nhiều hoạt động liên quan đến tài khoản ngân hàng của anh Toussaint.

– Tài khoản ngân hàng của anh ấy...

– Tài khoản tiền mặt đã bị rút hết vào năm 1998. Tôi đã đến tận nơi để xác minh, ở địa điểm rút tiền, để kiểm tra xem đó có phải là một vụ lừa đảo, một vụ mạo danh không, hay chính Toussaint đã rút số tiền ấy.

Tôi cảm thấy giá lạnh từ đầu đến chân. Mỗi lần viên cảnh sát trưởng thốt ra cái họ ấy, tôi lại muốn anh ta im miệng đi. Tôi những muốn anh ta chưa từng bước chân vào nhà tôi.

– Chồng chị không mất tích. Anh ta sống cách đây một trăm ki lô mét.

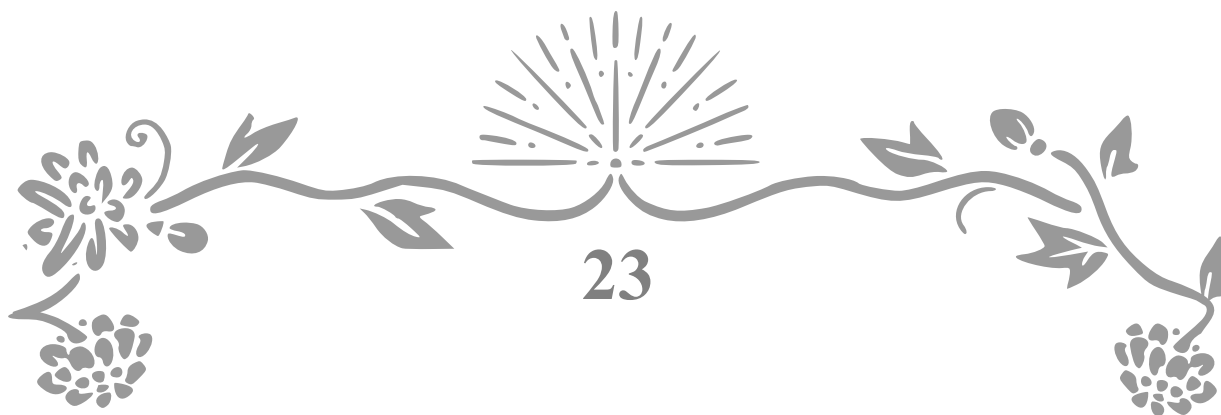
– Một trăm ki lô mét...

Tuy nhiên, ngày hôm nay đã bắt đầu rất tốt đẹp, Nono đã đến đây, rồi cha Cédric, và Elvis hát bên cửa sổ, tâm trạng dễ chịu, mùi thơm của cà phê, tiếng cười của mấy người đàn ông, những con búp bê đáng sợ của tôi, lớp bụi cần loại bỏ, chiếc khăn lau, không khí ấm áp trong cầu thang...

– Nhưng tại sao anh lại tìm kiếm thông tin về Philippe Toussaint?

– Khi bà Bréant nói với tôi rằng anh ta mất tích, tôi đã muốn biết, tôi đã muốn giúp chị.

– Anh Seul này, sở dĩ trên các cánh tủ có khóa, thì chính là để không ai mở chúng ra.



*Nếu cuộc đời chỉ là một chặng dừng, thì trên chặng dừng ấy, ít ra
hãy gieo hoa.*

Trích dẫn Michel de Montaigne.

Chúng tôi đến trạm gác ghi Malgrange-sur-Nancy vào cuối mùa xuân năm 1986. Vào mùa xuân, có vẻ như tất cả đều khả dĩ, ánh sáng và những lời hứa. Ta cảm thấy trò vật tay giữa mùa đông và mùa hè đã ngã ngũ. Một cú lừa. Một cuộc chơi bị rút ngắn từ trước, cho dù trời có mưa.

“Với các cô gái trong Trung tâm bảo trợ thì chỉ cần chút ít thôi là đã hài lòng rồi.” Đó là câu nói của một nhân viên giáo dục với gia đình tiếp nhận thứ ba, khi tôi lên bảy tuổi, như thể tôi không nghe thấy, như thể tôi không tồn tại. Bị bỏ rơi từ khi chào đời hẳn đã mang lại cho tôi vị thế của một kẻ vô hình. Với lại, “chút ít” đó là gì?

Với tôi hồi ấy, tôi có cảm giác mình đang có tất cả, tuổi trẻ, mong muốn học tập để đọc được cuốn *Tạo tác của Chúa, một phần của Quỷ*, một cuốn từ điển, một đứa trẻ trong bụng, một căn nhà, một công việc, một gia đình sẽ là gia đình đầu tiên của tôi. Từ khi chào đời, tôi chưa từng có bất cứ thứ gì ngoại trừ nụ cười của mình, vài bộ quần áo, con búp bê Caroline, những chiếc đĩa than 33 vòng của Daho, Indochine, Trenet và mấy cuốn

Tintin. Mười tám tuổi, tôi sắp có một công việc được khai báo, một tài khoản ngân hàng và một chiếc chìa khóa cho riêng mình, cho riêng tôi thôi. Một chiếc chìa khóa mà tôi sẽ treo vào cả mớ đồ toong teng, chúng sẽ tạo ra âm thanh để nhắc tôi nhớ rằng tôi có một chiếc chìa khóa.

Căn nhà của chúng tôi vuông vức, với một mái ngói phủ đầy rêu giống như những căn nhà mà lũ trẻ con mẫu giáo thường vẽ. Hai cây liên kiều nở đầy hoa hai bên chái nhà. Căn nhà nhỏ tòi tàn màu trắng với những ô cửa sổ màu đỏ trông như đang đeo khuyên tai màu vàng. Một rặng hồng đỏ còn đang chúm chím nụ ngăn cách hông nhà với đường sắt. Con đường chính, bị đường ray cắt ngang, chạy ngoằn ngoèo cách thềm nhà chừng hai mét, trên bậc thềm có đặt một tấm thảm cũ kỹ.

Vợ chồng người gác ghi trước đó, ông bà Lestrille, hai ngày nữa sẽ nghỉ hưu. Họ có hai ngày để đào tạo chúng tôi. Giải thích cho chúng tôi nắm được những bí quyết trong nghề: đóng và mở thanh chắn.

Ông bà Lestrille bỏ lại những đồ đạc cũ kỹ, tấm lót sàn và những bánh xà phòng nhỏ đen đúa. Những khung ảnh treo trên tường đã nhiều năm chỉ vừa được gỡ ra: những ô chữ nhật sáng màu hơn một chút rải rác trên lớp giấy dán tường in hình hoa. Họ đã để lại một bức *Mona Lisa* bằng vải canvas gần cửa sổ phòng bếp.

Trong phòng bếp, không có gì gọi là bếp cả. Chỉ là một căn phòng bóng nhờn nơi lưng lửng một chiếc bếp ga cũ và vài ba đồ đạc được treo giữ bởi những cái đinh vít hoen gỉ. Khi mở chiếc tủ lạnh nhỏ xíu dường như bị bỏ lại đằng sau một cánh cửa, tôi nhìn thấy một mẩu bo màu vàng nhạt được gói cầu thả.

Mặc dù nơi này vừa cũ vừa bẩn, tôi vẫn biết mình sẽ làm gì với nó. Tôi sẽ làm cách nào để biến đổi những căn phòng này bằng một chiếc chổi

quét sơn. Tôi vẫn mỉm cười trước màu sắc của những bức tường được quét sơn lại ảm đạm sau những bông hoa cần cỗi trên lớp giấy dán tường có từ thời trước chiến tranh. Tôi sẽ sắp đặt lại toàn bộ. Nhất là những cái giá sẽ giúp tôi nâng đỡ cuộc đời của chúng tôi trong tương lai. Philippe Toussaint đã hứa vào tai tôi là sẽ thay giấy dán tường cho toàn bộ căn nhà ngay sau khi ông bà Lestrille quay lưng đi khỏi.

Trước khi rời đi, cặp vợ chồng già để lại cho chúng tôi một danh sách những số điện thoại khẩn cấp trong trường hợp thanh chắn bị kẹt.

– Từ khi chúng tôi không còn nâng thanh chắn bằng tay quay, hệ thống có thể bị kẹt, kiểu sự cố ngớ ngẩn ấy có thể xảy ra nhiều lần trong năm.

Họ đã để lại cho chúng tôi bảng giờ tàu chạy. Bảng giờ mùa hè. Bảng giờ mùa đông. Không có gì nhiều để thêm vào. Những ngày lễ, những ngày đình công và Chủ nhật, có ít người qua lại và ít tàu hơn. Họ hy vọng rằng chúng tôi đã được báo trước, giờ làm việc sẽ khó khăn, nhịp điệu công việc sẽ khiến chúng tôi mệt mỏi. Nhưng có hai người thì cũng không đến nỗi quá mức. À, có đấy, suýt thì họ quên: chúng tôi có ba phút, từ khi còi hiệu bắt đầu kêu cho đến khi tàu chạy đến, để hạ thanh chắn xuống. Ba phút để nhấn vào cái nút trên bảng điều khiển thanh chắn và ngăn dòng xe cộ. Sau khi tàu đã đi qua, quy định đặt ra là phải chờ một phút trước khi bấm nút nhắc thanh chắn lên.

Vừa khoác áo choàng, ông Lestrille vừa bảo chúng tôi:

– Một đoàn tàu này có thể che khuất một đoàn tàu khác, nhưng chúng tôi, trong suốt ba mươi năm làm việc, chưa từng nhìn thấy đoàn tàu này che khuất đoàn tàu khác bao giờ.

Khi đã bước ra ngưỡng cửa, bà Lestrille còn ngoái lại để cảnh báo

chúng tôi:

– Hãy đề phòng những chiếc xe cổ tình tìm cách băng qua khi thanh chắn sắp hạ xuống. Lúc nào cũng có những kẻ điên rồ. Và đám say rượu nữa.

Vội vàng về nghỉ hưu, ông bà chúc chúng tôi may mắn và nói thêm mà không hề mỉm cười:

– Đến lượt chúng tôi lên tàu đây.

Và chúng tôi không bao giờ gặp lại họ nữa.

Ngay khi họ vừa ra khỏi cửa, thay vì thay toàn bộ giấy dán tường, Philippe Toussaint ôm choàng lấy tôi và bảo:

– Ôi, Violette của anh, chúng ta sẽ rất ôn ở đây, khi nào em sắp xếp xong mọi thứ đâu vào đấy.

Tôi không biết liệu có phải là cuốn *Tạo tác của Chúa, một phần của Quỷ* mà tôi bắt đầu đọc hôm qua, hay cuốn từ điển mà tôi mua ngay sáng đó đã cho tôi sức mạnh hay không, nhưng tôi cảm thấy mình có đủ dũng khí để yêu cầu anh ta đưa tiền, lần đầu tiên. Từ một năm rưỡi nay, lương của tôi đổ vào tài khoản của anh ta, tôi tự xoay xở với những khoản tiền bo dành cho nhân viên phục vụ, nhưng lúc ấy, tôi không còn xu nào trong túi.

Anh ta hào hiệp đưa cho tôi ba tờ mười franc mà anh ta khó chịu móc từ trong ví ra. Chiếc ví mà tôi chưa bao giờ đựng vào. Mỗi ngày, anh ta đếm những tờ giấy bạc để biết chắc là không mất tờ nào. Khi thực hiện hành động đó, anh ta lại mất tôi một chút. Không phải tôi, mà tình yêu tôi đã dành cho anh ta.

Trong tâm trí Philippe Toussaint, mọi chuyện rất đơn giản: tôi là một đứa con gái bơ vơ mà anh ta nhặt được trong hộp đêm, và anh ta bắt tôi phải

làm việc để đổi lấy một mái nhà và sự che chở. Hơn thế nữa, tôi trẻ trung và xinh đẹp, không hay cãi, có thể chất tốt, khá dũng cảm và anh ta thích được sở hữu tôi về mặt thể xác. Và ở một tầng đáy tai ác hơn trong tâm trí Philippe, anh ta đã hiểu được rằng tôi rất sợ bị bỏ rơi, do đó tôi sẽ không bỏ đi. Và khi tôi có một đứa con với anh ta, anh ta biết rằng đã cố định được tôi ở đó, trong tâm tay anh ta.

Tôi có một giờ mười lăm phút trước chuyến tàu sắp tới. Tôi băng qua đường với ba mươi franc trong túi và bước vào siêu thị Casino để mua một cái xô, một cái chổi lau, các loại khăn lau và chất tẩy rửa. Tôi mua tất cả một cách ngẫu nhiên, lấy những thứ rẻ nhất. Tôi mười tám tuổi, tôi không biết gì về các sản phẩm gia dụng. Thông thường, ở tuổi đó, người ta mua đĩa nhạc. Tôi tự giới thiệu với nhân viên thu ngân:

– Chào chị, tôi tên là Violette Trenet, tôi là nhân viên gác ghi mới ở phía đối diện. Tôi thay cho ông bà Lestrille.

Nhân viên thu ngân, người có tên Stephanie ghi rõ trên tấm thẻ, không nghe tôi nói. Chị ta nhìn chằm chằm vào cái bụng tròn của tôi và hỏi:

– Cô là con gái của những người gác ghi mới sao?

– Không, tôi chẳng là con gái của ai cả. Tôi là người gác ghi mới.

Ở Stephanie mọi thứ đều tròn, từ thân hình, khuôn mặt cho đến đôi mắt. Cứ như thể chị được vẽ bằng bút chì để minh họa cho một cuốn truyện tranh, một nữ nhân vật không ranh ma, ngây thơ và tốt bụng lúc nào cũng có vẻ ngạc nhiên. Đôi mắt thường xuyên mở to.

– Nhưng cô bao nhiêu tuổi rồi?

– Mười tám tuổi.

– À ra vậy. Thế còn đứa bé, khi nào thì cô sinh?

– Tháng Chín.

– Ái chà được đấy. Thế thì chúng ta sẽ thường xuyên gặp nhau.

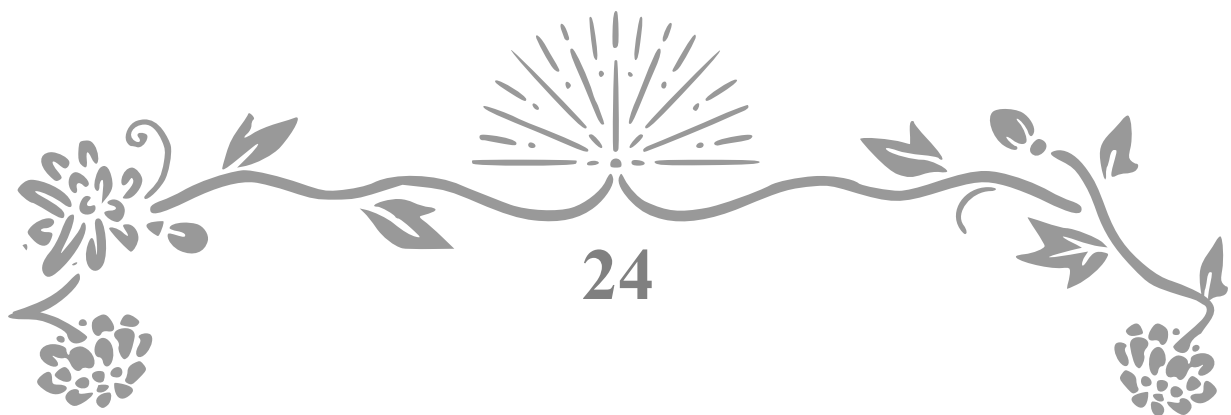
– Vâng, chúng ta sẽ thường xuyên gặp nhau. Tạm biệt chị.

Tôi bắt đầu với việc lau những chiếc giá trong phòng ngủ trước khi xếp đặt quần áo của chúng tôi.

Tôi nhìn xuống bên dưới tấm thảm cái bồn, thấy nền lát gạch. Tôi đang lôi tấm thảm ra thì còi báo ở thanh chắn vang lên. Chuyến tàu lúc 15h06 sắp đến.

Tôi chạy đến tận điểm giao cắt. Tôi ấn vào cái nút đỏ ứng với lệnh hạ thanh chắn. Tôi cảm thấy nhẹ cả người khi nhìn thấy nó hạ xuống. Một chiếc xe đi chậm rồi dừng lại ngang tầm tôi. Một chiếc xe dài màu trắng, người lái xe ném cho tôi cái nhìn giận dữ như thể chính tôi là người phải chịu trách nhiệm về giờ tàu. Chuyến tàu 15h06 chạy qua. Đường ray rung lên. Đây là những hành khách ngày thứ Bảy. Những nhóm thiếu nữ sắp dành cả buổi chiều ở Nancy để mua sắm hoặc tán tỉnh lũ con trai.

Tôi nghĩ: *Có lẽ là các cô gái ở Trung tâm bảo trợ, những người chỉ cần chút ít là đã hài lòng rồi.* Vừa ấn chiếc nút xanh lá cây để nhắc thanh chắn lên, tôi vừa mỉm cười: tôi có một công việc, một chùm chìa khóa, một căn nhà cần sơn lại, một đứa con trong bụng, một tấm thảm cần nhắc lên, một người đàn ông khập khiễng mà tôi không được quên trả lại tiền thừa đi chợ, một quyển từ điển, âm nhạc và cuốn *Tạo tác của Chúa*, một phần của *Quyển* để đọc.



Phải học cách tặng sự vắng mặt của bạn cho những người không hiểu được tầm quan trọng của việc bạn hiện diện.

Cái chết không cần thời gian nghỉ ngơi. Nó không biết đến những kỳ nghỉ dài, những ngày lễ, cũng không quan tâm đến những cái hẹn với nha sĩ. Những giờ thấp điểm, những lần đi xa, xa lộ Mặt Trời, chế độ ba mươi lăm giờ, những kỳ nghỉ hưởng lương, những tiệc tùng cuối năm, hạnh phúc, tuổi trẻ, sự vô tư, thời tiết đẹp, tất cả những thứ đó, nó không đếm xỉa gì đến. Nó ở đó, khắp nơi, bất cứ lúc nào. Không ai thực sự nghĩ đến nó, nếu không người ta sẽ phát điên. Nó giống như một con chó thường xuyên luôn lách giữa hai chân ta, nhưng ta chỉ nhận ra sự hiện diện của nó vào cái ngày nó cắn ta. Hoặc tệ hơn, khi nó cắn một người thân của ta.

Có một ngôi mộ gió trong nghĩa trang của tôi. Nó nằm ở hàng số 3, khu Bá Hương. Mộ gió là một ngôi mộ dựng lên trên một khoảng trống rỗng. Một khoảng trống rỗng để lại bởi một người quá cố đã mất tích trên biển, trên núi, trên máy bay hoặc trong một vụ thiên tai. Một người sống đã tan biến, nhưng cái chết dường như là điều không thể phủ nhận. Ngôi mộ gió ở Brancion không có bia mộ. Nó đã rất cũ và tôi không bao giờ biết nó được dựng lên cho ai. Hôm qua, rất tình cờ, Jacques Lucchini cho tôi biết

rằng nó được dựng vào năm 1967 để tưởng nhớ một cặp vợ chồng trẻ mất tích trên núi. Trước khi leo lên chiếc xe đòn, Jacques bảo tôi: “Đám thanh niên đi leo núi, hình như họ bị ngã vì hăng tay.”

Tôi thường nghe nói: “Mất một đứa con là điều tệ nhất.” Nhưng tôi cũng nghe nói rằng điều tệ hại nhất là không biết. Rằng còn có thứ đáng sợ hơn một ngôi mộ, đó là khuôn mặt một người mất tích gắn trên những cây cột, những bức tường, những tủ kính, những tờ báo, trên màn hình ti vi. Những bức ảnh cũ dần nhưng khuôn mặt in trên đó thì không bao giờ già đi. Rằng còn có thứ khủng khiếp hơn một lễ an táng, đó là ngày kỷ niệm vụ mất tích, chương trình thời sự, lễ thả bóng bay, cuộc tuần hành lặng lẽ.

Cách Brancion vài ki lô mét, một đứa trẻ đã mất tích cách đây ba mươi năm. Mẹ của cậu bé, Camille Laforêt, tuần nào cũng đến nghĩa trang. Tòa thị chính đã chấp nhận dành cho bà một ngoại lệ, theo đó bà có quyền lập một ngôi mộ gió cho đứa con trai mất tích: Denis Laforêt. Không có gì chứng tỏ rằng Denis đã chết. Cậu mười một tuổi khi mất tích trên đường từ phòng học đến trạm dừng xe buýt đằng trước trường. Denis rời lớp học sớm hơn các bạn một giờ. Hẳn là cậu đến phòng tự học. Thế rồi không còn tin tức gì. Mẹ cậu tìm cậu khắp nơi. Cảnh sát cũng thế. Mọi gia đình trong vùng đều biết mất Denis. Đó là “cậu bé mất tích năm 1985”.

Camille Laforêt thường nói với tôi rằng cái tên Denis ghi trên ngôi mộ gió này đã cứu mạng bà. Rằng cái tên khắc trên đá cẩm thạch ấy đã níu bà lại giữa cái khả dĩ và cái bất khả: đó là việc hình dung ra cậu có thể vẫn còn sống, đâu đó, một mình, không tình yêu, đầy đau khổ. Và mỗi lần đẩy cánh cửa nhà tôi, ngồi vào bên bàn bếp cùng tôi, uống một cốc cà phê, bà lại hỏi tôi: “Cô thế nào rồi, Violette?” và nói thêm: “Còn có thứ tệ hơn cái chết, đó là mất tích.”

Còn tôi, chưa bao giờ tôi thực sự quen được với việc Philippe Toussaint mất tích. Có lẽ tôi không bao giờ muốn biết rõ mọi chuyện.

Tôi mở chiếc phong bì có đựng bài diễn từ mà Julien Seul đã viết cho mẹ anh ta. Bài diễn từ mà anh ta sẽ đọc vào cái ngày rớt cuộc anh ta sẽ chấp nhận đặt bình tro cốt của bà lên mộ ông Gabriel Prudent. Cuộc gặp gỡ giữa hai con người đó thật đáng nguyên rủa. Nếu Irène Fayolle không gặp Gabriel Prudent, có lẽ Julien Seul sẽ không bao giờ đặt chân đến nghĩa trang của tôi.

Irène Fayolle là mẹ tôi. Bà rất thơm. Bà dùng nước hoa “L’heure bleue”.

Mặc dù sinh ra ở Marseille ngày 27 tháng Tư năm 1941, bà không bao giờ nói giọng miền Nam. Trong gen của bà không có miền Nam. Bà là người dè dặt, xa cách, ít nói. Bà luôn thích lạnh hơn nóng, thích trời mù mịt hơn trời nắng. Ngay cả thể chất bên ngoài cũng khẳng định con người bà. Bà có nước da trắng lấm tấm tàn nhang và mái tóc vàng.

Bà thích màu be. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy bà mặc những quần áo sặc sỡ hay đi dép, ngoại trừ một chiếc váy màu vàng trong một bức ảnh chụp bà hồi đi nghỉ ở Thụy Điển, trước khi tôi chào đời. Một chiếc váy giống như một sai lầm trong hành trình.

Bà thích trà Anh. Bà thích tuyết. Bà chụp ảnh tuyết. Trong các album ảnh gia đình, chỉ có những bức ảnh chụp dưới tuyết.

Bà ít khi cười. Bà thường đắm chìm trong dòng suy nghĩ.

Khi kết hôn với cha tôi, bà trở thành bà Seul. Như thế bà có cảm giác mình đang mắc một lỗi ngữ pháp khi viết cái họ ấy, nên bà giữ nguyên họ thời con gái của mình.

Bà chỉ có một người con, là tôi. Suốt một thời gian dài, tôi đã tự hỏi

phải chẳng chính vì tôi hoặc vì cái họ của gia đình chúng tôi mà cha mẹ tôi không muốn sinh thêm con nữa.

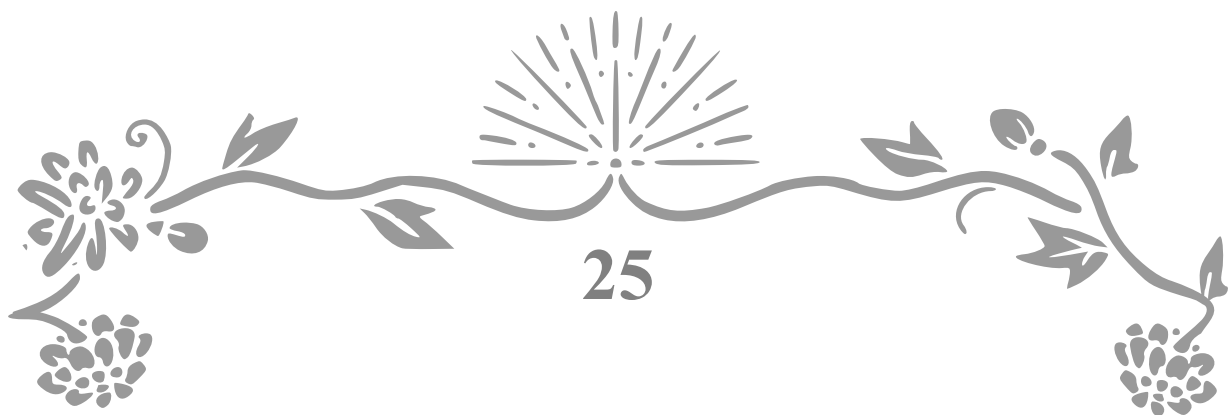
Trước kia mẹ tôi là thợ làm tóc, rồi sau đó bà trở thành thợ làm vườn. Bà đã tạo ra rất nhiều loài hoa hồng không sợ mùa đông. Những loài hồng giống với hình ảnh của bà.

Một hôm, bà nói với tôi rằng bà thích bán hoa, kể cả những bông hoa dành để tô điểm cho những ngôi mộ. Rằng hoa hồng là hoa hồng, và cho dù nó được gửi đến một đám cưới hay một nghĩa trang thì cũng chẳng có gì quan trọng. Rằng trên tất cả tủ kính của các cửa hàng hoa, luôn có ghi: “Hoa cưới và hoa tang”. Rằng không có thứ này thì cũng không có thứ kia.

Tôi không biết khi nói với tôi điều đó, bà có nghĩ đến người đàn ông xa lạ mà bà đã chọn sẽ cùng yên nghỉ ở cõi vĩnh hằng hay không.

Tôi tôn trọng lựa chọn của bà giống như bà đã luôn tôn trọng các lựa chọn của tôi.

Hãy yên nghỉ, mẹ yêu.



Tình yêu của người mẹ là một kho báu mà Chúa trời chỉ ban tặng một lần.

Léonine đã chờ đến khi tôi sơn xong tất cả các bức tường trong căn nhà của người gác ghi rồi mới chào đời.

Đêm mừng 2 rạng ngày mừng 3 tháng Chín năm 1986, tôi cảm thấy con co thắt đầu tiên, nó đánh thức tôi. Philippe Toussaint đang ôm tôi ngủ. Con gái tôi đã chọn được đêm đẹp để ra đời: đêm thứ Bảy, có một khoảng nghỉ dài chín tiếng đồng hồ giữa chuyến tàu cuối đêm thứ Bảy và chuyến tàu sáng Chủ nhật. Tôi đánh thức Philippe Toussaint. Anh ta có bốn giờ đồng hồ để đưa tôi đến nhà hộ sinh rồi quay lại hạ thanh chắn tàu vào lúc 7h10.

Léonine đã chần chừ rất lâu, cho đến khi bố quay lại con bé mới hét lên tiếng khóc đầu tiên. Đúng giữa trưa, khi tôi rặn đẩy con bé ra với cuộc đời.

Những làn sóng yêu thương và hoảng sợ nhấn chìm tôi. Một cuộc đời sẽ có sức nặng hơn cuộc đời tôi rất nhiều, và tôi phải chịu trách nhiệm về cuộc đời ấy. Tôi cảm thấy khó thở. Tôi có thể nói rằng Léo đã khiến tôi nghẹt thở. Tôi bắt đầu run rẩy từ đầu đến chân. Nổi xúc động và nỗi sợ hãi

khiến răng tôi va vào nhau cầm cập.

Con bé trông như một bà già bé nhỏ. Trong vài giây, tôi có cảm giác như con bé là một bậc tổ tiên, còn tôi chính là đứa trẻ.

Làn da con bé áp vào da tôi, cái miệng nó tìm núm vú tôi. Cái đầu nhỏ bé của nó lọt trong lòng bàn tay tôi. Cái thóp, mái tóc đen, thứ nước nhót màu xanh trên da, một cái miệng hình trái tim. Cụm từ “địa chấn” cũng không phải là quá mạnh.

Khi Léonine xuất hiện, tuổi trẻ của tôi vỡ tan tành chẳng khác nào một chiếc bình sứ rơi trên sàn nhà. Chính con bé đã chôn vùi cuộc đời thiếu nữ của tôi. Trong vòng vài phút, tôi hết cười lại khóc, tâm trạng chuyển từ nắng sang mưa. Giống như bầu trời tháng Ba, tôi vừa có chỗ quang nắng lại vừa có chỗ mưa rào. Toàn bộ các giác quan trong tôi tỉnh thức, nhạy bén chẳng khác nào giác quan của một người mù.

Suốt đời mình, khi nhìn thấy hình phản chiếu của bản thân trong gương, tôi vẫn luôn tự hỏi tôi giống bố hay giống mẹ. Khi đôi mắt to của con bé chăm chú nhìn tôi, tôi nghĩ nó giống với bầu trời, giống với vũ trụ, giống với một con quái vật. Tôi thấy nó vừa xấu lại vừa đẹp. Giận dữ và dịu dàng. Hòa hợp và xa lạ. Một điều tuyệt diệu và sự ác độc trong cùng một con người. Tôi nói chuyện với con bé như thể chúng tôi đang tiếp tục một cuộc trò chuyện đã khởi đầu từ rất lâu rồi.

Tôi chào mừng con bé đến với cuộc đời. Tôi vuốt ve con bé. Tôi ngón ngáu con bé bằng mắt, tôi hít hà nó, tôi nhả nó ra. Tôi dò xét từng xăng ti mét trên da con bé, tôi liếm láp nó bằng ánh mắt.

Khi người ta lấy nó khỏi tay tôi để cân, đo, tắm rửa cho nó, tôi siết chặt hai bàn tay. Ngay khi nó biến mất khỏi tầm nhìn, tôi cảm thấy mình như một đứa trẻ, thật nhỏ bé, bị tước bỏ hết khí giới, không còn biết làm gì.

Tôi gọi mẹ. Tôi không sốt, nhưng tôi gọi mẹ.

Tôi nhìn thấy tuổi thơ của mình trôi qua như một đoạn phim tua nhanh. Tôi sẽ làm thế nào để con gái tôi không bao giờ phải trải qua những gì tôi đã trải qua? Liệu người ta có tước mất nó từ tay tôi không? Ngay khi Léo xuất hiện trong đời tôi, tôi đã sợ rằng mẹ con tôi bị chia tách. Tôi sợ con bé bỏ rơi tôi. Và thật ngược đời, tôi lại muốn con bé biến mất, muốn sau này con bé hãy quay trở lại, khi tôi đã lớn.

Philippe Toussaint đến gặp mẹ con tôi vào chiều hôm đó, trong khoảng từ 15h07 đến 18h09. Anh ta từng muốn một đứa con trai. Anh ta không nói gì. Chỉ nhìn chúng tôi. Mỉm cười với chúng tôi. Anh ta hôn lên tóc tôi. Tôi thấy anh ta thật đẹp trai khi bế con của chúng tôi trên tay. Tôi đã yêu cầu anh ta bảo vệ chúng tôi, mãi mãi. Anh ta trả lời: “Đương nhiên rồi.”

Thế rồi, đến cơn địa chấn thứ hai. Léo được hai ngày tuổi. Con bé vừa bú xong. Tôi đặt con bé trên hai đùi, co chân lên, cái đầu nhỏ xiu của con bé đặt trên đầu gối tôi, hai bàn chân nhỏ áp vào bụng tôi, hai nắm tay bé bỏng nắm chặt hai ngón trỏ của tôi. Tôi ngắm nghía con bé. Tôi tìm kiếm quá khứ trên khuôn mặt nó, như thể cha mẹ tôi sắp hiện ra. Tôi ngắm nhìn con bé nhiều đến nỗi các bà đỡ bảo rằng nếu cứ thế này, tôi sẽ làm nó mòn đi mất. Nó nhìn tôi chăm chăm trong khi tôi nói chuyện với nó, tôi không còn nhớ lúc ấy tôi đang kể cho con bé nghe chuyện gì. Người ta nói rằng trẻ sơ sinh không cười, chúng chỉ cười với các thiên thần. Tôi không biết con bé nhìn thấy thiên thần nào qua tôi, nhưng rõ ràng là nó nhìn tôi chăm chăm và mỉm cười.

Như để trấn an tôi. Như để nói với tôi: “Mọi chuyện rồi sẽ ổn cả thôi.” Tôi chưa từng cảm thấy tình cảm yêu thương nào khiến tôi chấn động đến thế.

Trước hôm mẹ con tôi được về nhà, ông bà Toussaint đến nhà hộ sinh trong trang phục rất đẹp. Bà Toussaint đeo đá quý trên các ngón tay, còn ông Toussaint xỏ chân trong đôi giày có tua trang trí rất đắt tiền. Ông hỏi tôi có đặt tên thánh cho “đứa bé” không, còn bà mẹ thì bế Léonine lên tay mặc dù con bé đang ngủ say trong chiếc giường trong suốt của nó. Bà ta bế nó thật vững về mà không hề hỏi tôi bất cứ điều gì, như thể con bé thuộc về bà ta. Bà mẹ mình đó đã làm thóp của Léo thụt vào trong lớp vải áo sơ mi. Nỗi hận thù dâng trào trong tôi. Tôi cắn thật chặt bên trong má để không khóc òa lên vì giận dữ.

Chính vào ngày hôm đó mà tôi hiểu rằng người ta có thể làm hoặc nói bất cứ điều gì với tôi cũng được, rằng làn da và tâm hồn của Violette đã được miễn nhiễm ngay từ lúc chào đời, chống lại tất cả các hình thức hủy hoại. Ngược lại, tất cả những gì chạm vào con gái tôi sẽ xuyên thẳng vào tôi. Tôi sẽ hấp thụ tất cả những gì liên quan đến con bé, tôi là một người mẹ thấm hút.

Trong lúc bế con tôi, bà Toussaint nói chuyện với con bé và gọi nó là Catherine. Tôi chỉnh lại: “Con bé tên là Léonine.” Bà Toussaint trả lời tôi: “Catherine nghe hay hơn nhiều.” Đúng lúc đó, ông Toussaint nói với vợ: “Chantal, em quá lời rồi.” Chính nhờ thế mà tôi biết được rằng bà Toussaint cũng có tên riêng...

Léo bắt đầu khóc, hẳn là vì mùi của bà già, giọng nói của bà ta, những ngón tay co quắp và làn da thô ráp của bà ta. Tôi yêu cầu bà Toussaint trả con bé lại cho tôi. Nhưng bà ta không làm thế. Bà ta đặt Léo đang gào hét vào giường của nó, chứ không đặt vào vòng tay tôi.

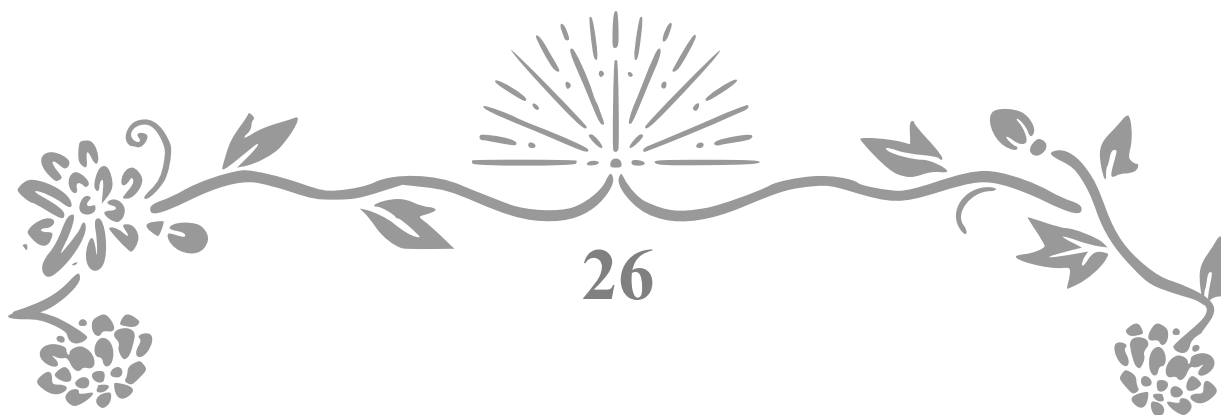
Thế rồi chúng tôi quay trở về “ngôi nhà tàu hỏa” như cách gọi của con bé sau này. Tôi ôm chặt Léo, trong giường của chúng tôi, trong phòng ngủ

của chúng tôi. Philippe Toussaint nằm bên phải, tôi nằm bên trái, và Léo nằm hẳn sang bên trái hơn nữa. Hai tháng đầu chúng tôi sống chung với nhau, tôi chỉ rời con bé để nhấc và hạ thanh chắn. Tôi thay đồ cho Léo trong chăn. Tôi sưởi ấm phòng tắm để tắm cho con bé hằng ngày.

Rồi đến mùa đông, những mũ trùm, khăn quàng, Léo được quấn kín trong chiếc xe đẩy. Những lần mọc răng, những tiếng cười, lần viêm tai giữa đầu tiên. Tôi đưa con bé đi dạo giữa hai chuyến tàu. Mọi người cúi xuống để ngắm nhìn con bé. Họ nói “Bé giống mẹ quá” còn tôi thì trả lời: “Không, cháu giống bố cháu.”

Rồi Léo đón mùa xuân đầu tiên, một tấm chăn trải trên cỏ, ở khoảng giữa căn nhà và đường ray, trong bóng râm. Những món đồ chơi, và con bé bắt đầu ngồi vững, vừa mỉm cười vừa nhét mọi thứ vào miệng, thanh chắn phải nâng lên hạ xuống, Philippe Toussaint đi dạo chơi nhưng luôn về đúng giờ để ngồi vào bàn ăn. Rồi lại đi một vòng. Anh ta rất thích chơi với Léo nhưng không bao giờ được quá mười phút.

Tôi nghĩ mình đã thành công trong việc chăm sóc con gái mặc dù tôi còn rất trẻ. Tôi biết thực hiện những động tác phù hợp, biết sử dụng giọng nói, biết tiếp xúc, biết lắng nghe. Qua các năm, nỗi sợ bị mất con bé dần tắt ngấm. Cuối cùng, tôi hiểu rằng không có lý do gì để mẹ con tôi bỏ rơi nhau cả.



Không có gì đôi đầu được với màn đêm, không có gì biện minh cho nó được.

Trích lời bài hát “Osez Josephine”, Alain Bashung.

Bởi vì bóng tối giành phần thắng

Bởi vì không có núi non

Bên trên những ngọn gió cao hơn cả bước đi của lãng quên

Bởi vì ta cần phải học

Do không hiểu được điều đó

Mơ về những ước muốn và sống trong những “giả dụ như thế”

Và bởi vì người nghĩ giống như một sự hiển nhiên sâu kín

Rằng đôi khi thậm chí cho đi tất cả không nhất thiết là đã đủ

Bởi vì trái tim người sẽ đập rộn ràng hơn

Ở một nơi khác

Và bởi vì chúng tôi yêu người quá nhiều để có thể níu kéo người ở lại

Bởi vì người ra đi...

Trích lời bài hát “Puisque tu pars”, Jean-Jacques Goldman.

Đó chính là bài hát mà người ta thường nghe thấy nhất trong các lễ an táng. Ở nhà thờ và ở nghĩa trang.

Trong hai mươi năm, tôi đã nghe mọi thứ. Từ “Ave Maria” cho đến “Mong muốn được mong muốn” của Johnny Hallyday. Trong một lễ an táng, một gia đình đã yêu cầu mở bài “Chim cò” của Pierre Perret, bởi vì đó là bài hát yêu thích nhất của người quá cố. Pierre Lucchini và cựu cha xứ ở chỗ chúng tôi đã từ chối. Pierre giải thích rằng không phải ước nguyện cuối cùng nào chúng tôi cũng có thể thực hiện được, cả trong nhà của Chúa lẫn trong “khu vườn của các linh hồn” – anh gọi nghĩa trang của chúng tôi bằng cái tên ấy. Gia đình đó đã không thể hiểu nổi tại sao quy trình an táng lại thiếu hài hước đến thế.

Vẫn thường có chuyện khách đến viếng thăm đặt một đài phát nhạc trên một ngôi mộ. Họ không bao giờ để âm lượng lớn, như để không làm phiền đến các hàng xóm.

Tôi cũng từng nhìn thấy một phụ nữ đặt chiếc đài nhỏ trên mộ chồng, “để ông ấy nghe tin tức”. Một cô gái rất trẻ để tai nghe hai bên cây thánh giá trên mộ một học sinh trung học, để cho cậu ta nghe album mới nhất của Coldplay.

Cũng có những lễ kỷ niệm mà người ta đến ăn mừng và đặt hoa trên mộ, hoặc bật nhạc từ một chiếc điện thoại di động.

Ngày 25 tháng Sáu hằng năm, một phụ nữ có tên là Olivia đến hát cho một người quá cố, người mà tro cốt đã được rải trong khu vườn kỷ niệm. Bà đến vào giờ mở cổng nghĩa trang. Bà uống một cốc trà không đường và

không nói lời nào trong bếp của tôi, có lẽ là ngoại trừ một nhận xét về thời tiết ngày hôm đó. Khoảng 9h10, bà đi về phía khu vườn kỷ niệm. Tôi không bao giờ đi cùng bà, bà đã thuộc lòng đường đi ra đó. Nếu trời đẹp và cửa sổ nhà tôi để ngỏ, tôi nghe thấy giọng hát của bà vang đến tận chỗ mình. Bà luôn hát cùng một bài, “Blue Room” của Chet Baker: *We'll have a blue room, a new room for two room, where ev'ry day's a holiday because you're married to me...*

Bà hát rất thong thả. Bà hát to nhưng chậm rãi, để kéo dài thời gian. Có những khoảng lặng dài giữa mỗi đoạn, như thể ai đó đáp lời bà, nhắc lại lời bà. Sau đó, bà ngồi một lát ngay trên mặt đất.

Tháng Sáu vừa rồi, tôi đã phải cho bà mượn một chiếc ô, bởi vì trời mưa như trút. Khi bà quay vào nhà để trả ô cho tôi, tôi hỏi bà có phải là ca sĩ không, bởi vì giọng bà rất hay. Bà cởi áo choàng, rồi ngồi xuống bên cạnh tôi. Bà bắt đầu nói chuyện với tôi như thể tôi đã hỏi bà cả đồng câu hỏi, trong khi suốt hai mươi năm, tôi chỉ hỏi bà có duy nhất một câu.

Bà kể với tôi về người đàn ông, François, năm nào bà cũng đến đây hát cho ông nghe. Khi gặp ông, bà đang là nữ sinh trung học ở Mâcon, còn ông là giáo viên Pháp văn của bà. Bà đem lòng yêu ông, ngay lập tức, trong giờ học đầu tiên. Bà yêu đến mất ăn mất ngủ. Bà chỉ còn sống để gặp lại ông. Những kỳ nghỉ hè chẳng khác nào những cái giếng không đáy. Tất nhiên, bà luôn sắp xếp để được ngồi phía trước, trên hàng ghế đầu. Bà chỉ còn học môn tiếng Pháp, và đạt kết quả xuất sắc. Một lần nữa bà khám phá ngôn ngữ mẹ đẻ của mình. Trong năm học, bà đã đạt điểm 19/20 cho một bài sáng tác. Bà đã chọn chủ đề: “Tình yêu phải chăng là một cái bánh vẽ?” Bà đã viết mười trang xuất sắc xoay quanh tình yêu mà một người đàn ông, một giáo viên, cảm nhận được từ một nữ sinh. Tình yêu mà ông vứt bỏ ngay

lập tức. Olivia đã xây dựng bài viết của mình giống như một tiểu thuyết trinh thám, trong đó thủ phạm không là ai khác ngoài bà. Bà đã thay đổi tên của tất cả các nhân vật (các học sinh trong lớp) và địa điểm xảy ra câu chuyện. Bà bẻ câu chuyện đặt vào một trường trung học Anh. Bà đã ngang nhiên hỏi François:

– Thừa thầy, tại sao lại chỉ có 19? Tại sao không phải là 20?

Ông đã trả lời bà:

– Bởi vì sự hoàn hảo không tồn tại, thưa quý cô.

– Nhưng thế thì, bà vẫn hỏi tiếp, tại sao con số 20 lại được tạo ra nếu sự hoàn hảo không tồn tại?

– Đây là dành cho môn toán, cho việc giải các bài toán. Còn trong môn Pháp văn, có rất ít đáp án chính xác tuyệt đối.

Bên cạnh điểm số 19/20, ông đã nhận xét bằng mực đỏ: “Văn phong hoàn hảo. Em đã biết cách phát huy trí tưởng tượng tuyệt vời của mình để xây dựng nên một cốt truyện văn học rất chặt chẽ. Chủ đề hấp dẫn và được xử lý xuất sắc với ngòi bút nhẹ nhàng, hài hước và có trọng tâm. Chúc mừng em, em đã thể hiện được khả năng viết lách rất điêu luyện.”

Đã cả nghìn lần bà bắt gặp ánh mắt ông nhìn bà khi bà đang cúi mũi vào đồng sách vở. Bà đã gặm mòn vô số đầu bút chì trong năm ấy, trong lúc ngắm nhìn ông giải thích về những cảm xúc của Emma Bovary.

Bà chắc chắn rằng tình yêu ấy là tình cảm từ cả hai phía. Và thật lạ lùng, ông và bà có cùng họ. Điều đó đã khiến bà bối rối, mặc dù họ của hai người, Leroy, là một cái họ phổ biến.

Vài ngày trước khi thi tú tài môn Pháp văn, Olivia, ngồi trong nhóm học sinh ôn bài cùng François, đã đánh bạo nói với ông:

– Thừa thầy Leroy, nếu chúng ta kết hôn với nhau, sẽ chẳng có gì thay đổi cả. Chúng ta sẽ không phải tiến hành bất cứ thủ tục hành chính nào, cả với giấy tờ tùy thân lẫn với các hóa đơn.

Cả nhóm cười ầm lên, còn François thì đỏ bừng mặt.

Olivia đã hoàn thành phần thi môn Pháp văn với 19 điểm nói và 19 điểm viết. Bà gửi cho François một mẫu tin nhắn: “Thưa thầy, em không đạt điểm 20 bởi vì thầy chưa tìm ra lời giải cho bài toán của chúng ta.”

Ông chờ đến khi bà thi xong rồi mới yêu cầu gặp bà để nói chuyện riêng. Sau một hồi im lặng dài mà bà tưởng là nổi bối rối yêu đương, ông nói với bà:

– Olivia này, một người anh trai và một người em gái không thể kết hôn với nhau được.

Nghe ông nói thế, bà phá lên cười. Bà cười bởi vì ông gọi bà bằng tên riêng, trong khi trước đó ông luôn gọi bà là “quý cô”. Rồi bà thôi không cười nữa trong khi ông nhìn bà chăm chăm. Bà không thốt lên được lời nào khi François cho bà biết rằng hai người họ có cùng một người cha. François ra đời từ lần kết hôn đầu tiên, hai mươi năm trước Olivia, ở gần Nice. Cha của họ và mẹ của François đã sống cùng nhau hai năm, rồi họ đau khổ chia tay nhau. Nhiều năm đã trôi qua.

François nói rất lâu sau đó ông mới tìm kiếm và phát hiện ra rằng cha ông đã tái hôn và là cha của một cô bé tên là Olivia.

Người cha đã che giấu sự tồn tại của François với gia đình thứ hai của ông. Họ đã gặp lại nhau. François xin chuyển công tác đến Mâcon để được gần cha.

François đã choáng váng khi phát hiện ra rằng em gái ông học trong lớp ông. Khi gọi tên bà, vào ngày khai giảng, ông đã nghĩ đây là một trùng

hợp tai hại khi bà rời miệng khỏi tai cô bạn để giờ ngón tay lên khi nghe đọc tên mình và thốt lên: “Có mặt” rồi nhìn thẳng vào mắt ông. Ông nhận ra bà bởi vì họ giống nhau. Ông nhận ra bà bởi vì ông biết chuyện, còn bà thì không, bởi vì bà không biết gì hết.

Lúc đầu, Olivia không muốn tin ông. Không muốn tin rằng cha bà đã che giấu sự tồn tại của François. Bà đã nghĩ ông bịa ra chuyện này để chấm dứt những trò khêu gợi kiêu trẻ con đồng đánh. Thế rồi, khi hiểu ra rằng chuyện này là thật, bà hét vào mặt François bằng giọng vờ tỏ ra phóng túng:

– Chúng ta đâu có chui ra từ cùng một bụng mẹ, nên chuyện đó chẳng có gì quan trọng cả. Em yêu thầy bằng tình yêu đôi lứa.

Ông trả lời bà bằng một câu lạnh lùng đầy giận dữ:

– Không, quên chuyện đó đi, quên chuyện đó ngay lập tức.

Rồi đến năm học cuối cấp. Họ gặp nhau trong các hành lang của trường trung học. Mỗi lần nhìn thấy ông, bà lại muốn lao vào vòng tay ông. Nhưng không giống như một cô em gái lao vào vòng tay anh trai.

Ông né tránh bà, ông cúi đầu. Giận dữ, bà vòng lại để đối mặt với ông, và gần như hét vào mặt ông:

– Chào thầy Leroy!

Còn ông rụt rè đáp lại:

– Chào cô Leroy.

Bà không dám hỏi gì cha bà. Bà không cần làm thế. Bà đã nhìn thấy cha bà ngắm François như thế nào, trong ngày bà nhận bằng tốt nghiệp cuối năm.

Olivia đã bắt gặp nụ cười trao đổi giữa François và cha của cả hai. Bà những muốn dùng người này để giết chết người kia. Nước mắt và cơn giận

dữ cùng dâng trào trong bà. Bà không thấy có lối thoát nào khác ngoài việc quên ông đi.

Sau buổi trao bằng tốt nghiệp, trường tổ chức lễ hội. Học sinh và giáo viên lần lượt biểu diễn trên sân khấu. Sau khi nghe các phần trình bày lại tác phẩm của các nhóm Trust và Téléphone, François hát a cappella bài “Blue Room”, da diết không kém gì Chet Baker: *We’ll have a blue room, a new room for two room, where ev’ry day’s a holiday because you’re married to me...*

Ông đã hát bài đó cho riêng bà, mắt ông nhìn sâu vào mắt bà. Bà hiểu rằng bà sẽ không bao giờ yêu một người đàn ông nào khác ngoài ông. Rằng tình yêu bất khả đó xuất phát từ cả hai phía.

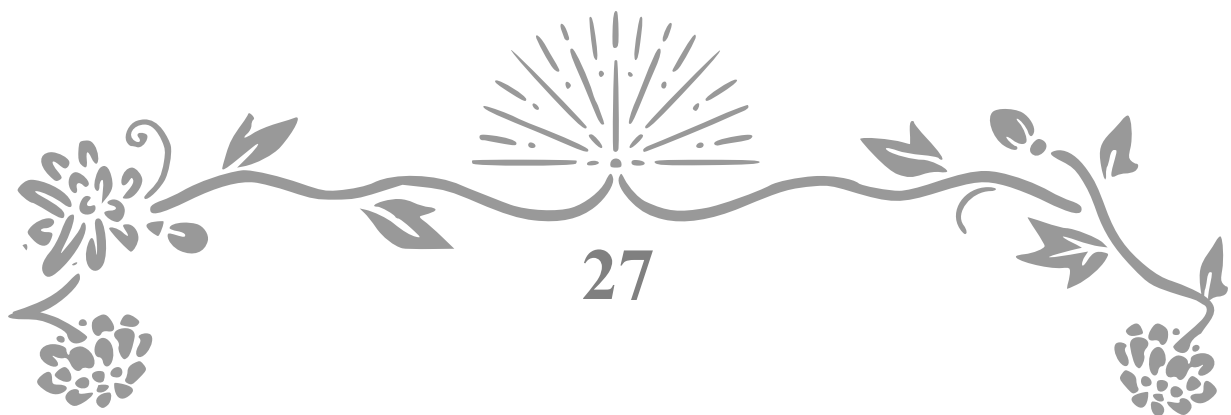
Bà liền ra đi. Vòng quanh thế giới và đạt nhiều bằng cấp khác nhau để rồi đến lượt bà cũng trở thành giáo viên văn học. Bà kết hôn với một người khác, ở một nơi khác. Bà đã đổi họ.

Bảy năm sau, ở tuổi hai mươi lăm, bà quay trở lại sống bên François. Bà đã gõ cửa nhà ông vào một buổi sáng và nói với ông: “Bây giờ chúng ta có thể sống cùng nhau, em không còn mang họ của thầy nữa. Chúng ta sẽ không kết hôn, chúng ta sẽ không có con, nhưng ít nhất, chúng ta sẽ sống chung với nhau.” François trả lời: “Đồng ý.”

Họ tiếp tục xung hô khách sáo với nhau, mãi mãi. Như một cách để người này giữ khoảng cách với người kia. Để dừng lại ở điểm khởi đầu, mãi mãi ở cuộc hẹn đầu tiên. Cuộc đời đã cho họ sống hai mươi năm cùng nhau. Vừa bằng khoảng cách tuổi tác giữa họ.

Vừa uống một ngụm rượu Porto, Olivia vừa nói với tôi: “Gia đình đã từ bỏ chúng tôi, nhưng chúng tôi không đau khổ nhiều lắm, gia đình của chúng tôi chính là chúng tôi. Khi François qua đời, như để trừng phạt chúng

tôi, mẹ anh ấy đã hỏa táng anh ấy ở đây, ở Brancion-en-Chalon này, quê hương của bà ấy. Để khiến con trai bà biến mất hoàn toàn, bà đã rải tro của anh ấy trong khu vườn kỷ niệm. Nhưng anh ấy sẽ không bao giờ biến mất, tôi luôn mang anh ấy trong lòng mình. Anh ấy là người tri kỷ của tôi.”



*Một bình minh yếu ớt đổ xuống cánh đồng nổi u sầu của những
vàng mặt trời hoàng hôn.*

Trích bài thơ “Soleils couchants”, Paul Verlaine.

Ngay khi Léonine ra đời, tôi đã đặt hàng một cuốn sách tập đọc để học đọc trở lại: *Ngày của bé. Phương pháp Boscher*, của M. Boscher, V. Boscher, J. Chapron, các giáo viên, và M. J. Carré. Ở cuối thai kỳ, tôi đã nghe một nữ giáo viên tiểu học nói về cuốn sách này trên đài. Bà kể rằng một trong số học sinh của bà phải học lại lớp vỡ lòng hai lần vì không biết đọc. Rằng cậu bé không tập đọc mà đoán chữ. Cậu có thể nói linh tinh hoặc sử dụng trí nhớ để giả vờ đang đọc trong khi thực ra cậu chỉ nhắc lại những gì cậu đã thuộc lòng. Đó chính xác là những gì tôi vẫn làm bấy lâu nay. Nữ giáo viên đó đã áp dụng phương pháp tập đọc này với cậu, và trong vòng sáu tháng, học sinh của bà đã đọc nhanh gần bằng các học sinh khác trong lớp. Phương pháp học đọc cổ điển này hoàn toàn dựa trên việc đánh vần. Nó ngăn cản việc học đọc theo kiểu tổng hợp không thể ăn gian bằng cách nhận dạng hoặc đoán các từ hoặc các câu.

Trong suốt nhiều giờ, khi Léonine vẫn còn là một em bé sơ sinh nằm trong nôi, tôi cao giọng đọc các từ cho con bé nghe: “Đường phố buổi trưa,

ư ơ ng ương ô u ô i uôi ưa ưa, cú, trắng, củi, bi. Lễ Giáng sinh. Ô i u iu, ô liu, máy bay, đô mi nô, đậu cô ve, quả mơ. Toto tu ti. Ta. Té. Ti. Te. Tu. Tè. To. Tê. Émile. Mặt trăng. Lô tô. Lưỡi dao. Cái giữa. Émile lịch sự ở trường. Cỏ. Xu. Điền. Su hào. Ru. Ngụ. Gu. Nồi xúp. Cái miệng. Khuỷu tay. Đồ trang sức. Cái đĩa. Sà lan. May vá. Con mương. Kẻ cắp. Éliane mua đồ chơi, tôi đập nắp bình, mẹ tôi thái bắp cải, nấu súp.”

Léonine mở tròn xoe mắt và nghe tôi đọc mà không phán xét gì về việc tôi đọc chậm, những lần lặp đi lặp lại, những lần phát âm sai, những từ tôi ngắc ngứ hoặc ý nghĩa của chúng. Mỗi ngày, tôi nhắc đi nhắc lại với con bé những vần giống nhau, cho đến khi chúng tự tuôn ra khỏi miệng tôi.

Những tranh minh họa có màu sắc rất sặc sỡ, vui mắt và hồn nhiên. Chẳng bao lâu, Léonine đã đặt những ngón tay bé xíu của mình lên đó. Cuốn sách tập đọc của tôi đã bị bôi bẩn ngay từ khi Léonine biết chộp lấy nó rồi vò nhàu. Nước dãi, sô cô la, xốt cà chua, bút dạ. Thậm chí con bé còn in cả dấu răng trên bìa sách, nó đưa cuốn sách lên miệng như để ngón ngấu.

Những năm đầu, tôi giấu cuốn sách đó. Tôi không muốn Philippe Toussaint tình cờ thấy nó. Nếu anh ta phát hiện ra rằng tôi đang học đọc trở lại, có lẽ tôi sẽ không thể chịu đựng nổi. Điều đó có nghĩa rằng tôi thực sự là đứa con gái khốn khổ vô học mà mẹ anh ta khinh bỉ.

Tôi lấy cuốn sách ra ngay khi anh ta cười mô tô đi dạo. Khi Léonine nhìn thấy cuốn sách, con bé hét lên vui thích, nó biết rằng buổi tập đọc sắp bắt đầu. Nó thả mình trong giọng đọc vỗ về của tôi, và ngắm nghía những bức tranh mà nó đã thuộc lòng. Những bé gái tóc vàng mặc váy đỏ, những con gà mái, những con vịt, những cây thông Noel, cây cối xanh tươi, những bông hoa, những cảnh quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày được vẽ cho các em bé. Những cuộc đời giản lược đầy hạnh phúc.

Tôi tự nhủ tôi có ba năm để đọc thành thạo, rằng khi con bé đi học mẫu giáo tôi sẽ học xong. Tôi đạt được mục tiêu trước đó rất lâu. Khi Léonine thổi tắt ngọn nến đầu tiên, tôi đã học đến trang 60.

Tôi đã học được cách đọc đúng, không bị vấp từ, chính nhờ phương pháp Boscher đó. Tôi những muốn nói điều này với nữ giáo viên trên đài, bảo với bà rằng câu chuyện của bà đã làm thay đổi dòng chảy cuộc đời tôi. Tôi đã gọi điện đến đài phát thanh RTL, tôi nói với một nữ nhân viên trực tổng đài rằng tôi đã nghe một nữ giáo viên kể câu chuyện của bà trong một chương trình của Fabrice vào tháng Tám năm 1986, nhưng người ta trả lời tôi là không thể tìm lại được nếu tôi không có ngày tháng chính xác, mà đúng là tôi không có thông tin đó.

Học đọc cũng giống như học bơi. Một khi đã thành thạo các động tác sai tay, khi đã vượt qua nỗi sợ chết đuối, thì vượt một bể bơi hay một đại dương cũng chẳng khác gì nhau. Vấn đề chỉ là khí thế và luyện tập.

Tôi nhanh chóng học đến sát trang cuối cùng, và câu chuyện kể ở trang đó đã trở thành câu chuyện ưa thích nhất của Léonine. Nó được trích ra từ một truyện cổ Andersen, “*Cây thông nhỏ*”.

“Ngày xưa, trong rừng có một cây thông xinh xắn nhất mà ta có thể tưởng tượng ra. Nó mọc ở một vị trí rất thuận lợi, nơi mặt trời có thể sưởi ấm cho nó, và xung quanh nó có rất nhiều bạn tốt: những cây thông khác. Ấy thế nhưng, nó chỉ nung nấu một ý nghĩ trong đầu: cao lớn thật nhanh. Lũ trẻ ngồi gần nó, ngắm nhìn nó và nói: ‘Cây thông nhỏ này mới xinh xắn làm sao.’ Và cây thông nhỏ không thể chịu đựng nổi điều đó. Lớn nhanh, lớn nhanh, trở thành một cái cây cao và lớn tuổi, đó là niềm hạnh phúc duy nhất trên trái đất, nó nghĩ... Đến cuối năm, những người tiểu phu luôn đến đốn hạ vài cây, và luôn chọn những cây đẹp nhất. Chúng đi đâu? Cây thông

nhỏ tự hỏi... Một con cò bảo với nó: “Tôi tin là tôi đã nhìn thấy chúng; chúng ngẩng cao đầu đứng sừng sững trên những con tàu đẹp đẽ mới tinh, và đi khắp thế giới.” Khi Giáng sinh đến, năm nào người ta cũng đón hạ những cây non, lựa chọn trong số những cây đẹp nhất, có dáng thích hợp nhất. Nhưng chúng có thể đi đâu được? cây thông tự hỏi. Cuối cùng, cũng đến lượt nó. Và nó được mang vào một căn phòng rộng lớn rất đẹp, nơi có những chiếc ghế bành tuyệt vời; trên tất cả cành nhánh của nó, những đồ chơi ánh lên lấp lánh, những ngọn đèn tỏa sáng lung linh. Thật huy hoàng! Thật tráng lệ! Thật vui sướng! Ngày hôm sau, cây thông bị mang bỏ vào một xó và người ta quên bẵng nó. Nó có thời gian để suy nghĩ. Hồi tưởng lại thời tuổi trẻ sung sướng ở trong rừng, đêm Giáng sinh vui vẻ, nó thở dài: ‘Quá khứ, tất cả những chuyện đó đã trở thành quá khứ! Ôi chao, giá mà ta biết tận hưởng bầu không khí trong lành và ánh nắng mặt trời khi còn có thể!’”

Tôi đã mua những cuốn sách cho trẻ em, những cuốn sách thực thụ. Tôi đọc đi đọc lại hàng trăm lần cho Léonine nghe. Chắc hẳn Léonine là bé gái được nghe đọc truyện nhiều nhất. Việc đó đã trở thành một nghi lễ mỗi ngày, con bé không bao giờ đi ngủ mà không nghe một câu chuyện. Kể cả trong ngày, con bé cũng chạy theo tôi, trên tay cầm vài cuốn sách, và bi bô: “Truyện, truyện” cho đến khi tôi đặt nó ngồi lên đầu gối và hai mẹ con cùng mở một cuốn sách. Khi đó, con bé không ngo nguây nữa, như thể đã bị từ ngữ thôi miên.

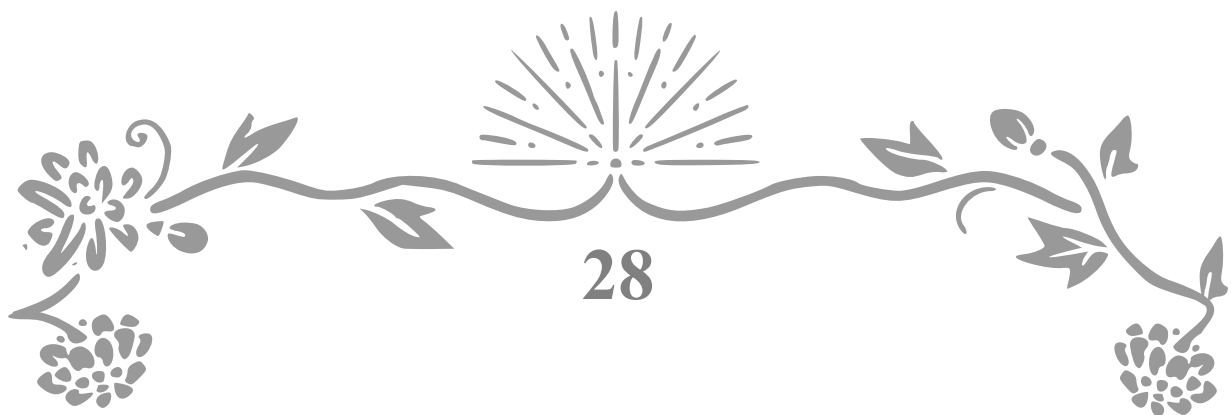
Tôi đã gấp cuốn *Tạo tác của Chúa*, một phần của *Quy* ở trang 25. Tôi

giấu nó trong một ngăn kéo chẳng khác nào người ta cất giấu một lời hứa. Những kỳ nghỉ bị hoãn. Tôi đã mở lại cuốn sách vào năm Léonine hai tuổi. Tôi không bao giờ gấp nó lại nữa. Ngay cả bây giờ, tôi cũng đọc lại nó nhiều lần mỗi năm. Tôi gặp lại những nhân vật giống như ta gặp lại gia đình bố mẹ nuôi của mình. Bác sĩ Wilbur Larch là người cha trong tâm tưởng của tôi. Tôi biến trại trẻ mồ côi Saint Cloud's ở Maine thành ngôi nhà thời thơ ấu của tôi. Cậu bé mồ côi Homer Wells là anh trai tôi, và y tá Edna cùng y tá Angela là hai người dì tưởng tượng của tôi.

Đó chính là đặc quyền lựa chọn của trẻ mồ côi. Nó muốn làm gì thì làm. Nó cũng có thể quyết định ai sẽ là cha mẹ của mình.

Tạo tác của Chúa, một phần của Quỷ là cuốn sách đã nuôi nấng tôi. Tôi không biết tại sao tôi chưa từng được nhận làm con nuôi. Tại sao người ta để tôi lê từ gia đình tiếp nhận nọ sang gia đình tiếp nhận kia thay vì cho tôi làm con nuôi. Phải chăng mẹ đẻ của tôi thỉnh thoảng vẫn hỏi thăm tin tức của tôi, để tôi không bao giờ được nhận làm con nuôi?

Tôi quay trở lại Charleville-Mézières vào năm 2003 để tra cứu hồ sơ của chính mình, đưa trẻ sinh ra từ người mẹ vô danh. Đúng như tôi đã dự đoán, nó trống rỗng. Không một bức thư, không một món đồ trang sức, không một bức ảnh, không một lời xin lỗi. Bộ hồ sơ cũng có thể được mẹ tôi tra cứu nếu bà muốn. Tôi liền bỏ cuốn tiểu thuyết nuôi nấng tôi vào bên trong.



Chỉ có nỗi cô đơn là không thể chia sẻ.

Sáng nay, chúng tôi chôn cất Victor Benjamin (1937-2017).

Cha Cédric không có mặt. Victor Benjamin muốn một lễ an táng dân sự. Jacques Lucchini đã sắp đặt bộ trang âm của anh gần ngôi mộ, và khách viếng tưởng niệm trong giai điệu bài hát “Anh bạn của tôi” của Daniel Guichard.

“Trong chiếc áo pa đờ xuy cũ sờn, anh rời đi, mùa đông, mùa hè, buổi sáng sớm lạnh lẽo, anh bạn của tôi...”

Không có cây thập giá, không có hoa, không có vòng hoa, đúng theo yêu cầu của Victor. Chỉ có vài tấm bia do bạn bè, đồng nghiệp và vợ con ông đặt trên mộ. Một trong số các con của Victor cầm sợi dây dắt chó. Con vật dự lễ an táng ông chủ, nó ngồi xuống khi Daniel Guichard hát:

“Chúng ta, chúng ta biết bài hát đó, mọi người rồi sẽ phải trải qua, tư sản, ông chủ, phái tả, phái hữu, kể cả Chúa lòng lành, cùng với anh bạn tôi.”

Các thành viên trong gia đình người quá cố rời đi, theo sau là con chó, Éliane có vẻ thích nó. Éliane bám theo họ một đoạn ngắn, rồi quay lại cuộn

tròn trong ổ của mình. Nó đã quá già để yêu đương.

Khi trở về nhà, tôi bỗng cảm thấy buồn rũ rượi. Nono cảm nhận được điều đó. Anh đi mua một chiếc bánh mì baguette giòn tan và một mớ trứng ở trang trại, chúng tôi làm món ốp lết rất ngon với chỗ pho mát mà tôi đã nạo ra. Chúng tôi tìm thấy chương trình nhạc jazz trên đài.

Trên bàn, giữa đồng quảng cáo các nhãn hiệu hạt giống xà lách và cây bách con, những hóa đơn mua cây, những catalogue của cửa hàng *Willem & Vurôn*, người đưa thư đã để một bức thư. Tôi nhìn con tem có hình lâu đài If, nó được gửi từ Marseille.

Violette Trenet-Toussaint

Nghĩa trang Brancion-en-Chalon (71)

Saône-et-Loire.

Tôi chờ đến khi Nono rời đi rồi mới mở bức thư.

Không có “Violette thân mến” cũng không có “Thưa chị”, Julien Seul bắt đầu bức thư mà không có phần sáo ngữ.

“Công chứng viên đã mở một bức thư gửi cho tôi. Mẹ tôi hẳn là thiếu tin tưởng ở tôi. Bà muốn mọi chuyện phải ‘chính thức’. Bà muốn chính ông ta là người đọc cho tôi nghe những ước nguyện cuối cùng của bà, để tôi không thể vi phạm được, tôi cho là thế.

Chỉ có một mong muốn duy nhất. Đó là được yên nghỉ bên cạnh Gabriel Prudent, trong nghĩa trang của chị. Tôi đã yêu cầu công chứng viên nhắc lại với tôi cái tên của người đàn ông mà tôi không hề quen biết đó. Gabriel Prudent.

Tôi đã nói với ông ta rằng chắc hẳn ông ta đã nhầm. Rằng mẹ tôi đã

kết hôn với cha tôi, Paul Seul, người được an táng tại nghĩa trang Saint-Pierre ở Marseille. Công chứng viên nói với tôi rằng không có nhầm lẫn nào cả. Rằng đó đúng là những nguyện vọng cuối cùng của Irène Fayolle tức bà Seul, sinh ngày 27 tháng Tư năm 1941 tại Marseille.

Tôi lên xe, và nhập vào phần mềm GPS những dữ liệu sau: ‘Brancion-en-Chalon, đường nghĩa trang’ bởi vì ‘nghĩa trang’ không hiển thị trong danh sách địa chỉ đề xuất. Ba trăm chín mươi bảy ki lô mét. Phải đi ngược nước Pháp, một đường thẳng tắp. Không có chỗ ngoặt cũng không có lối rẽ, đường quốc lộ chạy thẳng đến Mâcon. Ra ở đoạn Sancé và lái xe thêm mười ki lô mét đường nông thôn nữa. Mẹ tôi từng đến đó làm gì nhỉ?

Thời gian còn lại trong ngày, tôi cố gắng làm việc, nhưng vô ích. Tôi lên đường vào khoảng 21 giờ. Tôi lái xe trong suốt nhiều giờ liền. Tôi dừng lại ngang Lyon để uống cà phê, đổ xăng và gõ chữ ‘Gabriel Prudent’ vào trình duyệt tìm kiếm trên điện thoại di động. Thứ duy nhất mà tôi tìm thấy là một định nghĩa về sự can trọng trên Wikipedia: ‘Dựa trên sự phòng ngừa rủi ro và nguy hiểm’.

Trong lúc lái xe về phía người đàn ông đã chết và đã được chôn cất đó, tôi cố gắng nhớ đến mẹ tôi, những khoảnh khắc tôi ở cùng bà vào những năm gần đây. Vài bữa trưa ngày Chủ nhật, thỉnh thoảng một cốc cà phê, khi tôi ghé qua khu phố bà ở, phố Thiên Đường. Bà bình luận về tình hình thời sự, không bao giờ hỏi xem tôi có hạnh phúc không. Cả tôi cũng thế, tôi không bao giờ hỏi bà có hạnh phúc không. Bà hỏi tôi những câu hỏi về chuyện công việc. Bà có vẻ thất vọng khi nghe những câu trả lời của tôi, bà trông chờ những cảnh đổ máu và những vụ phạm tội vì tình, trong khi tôi chỉ kể với bà về những vụ buôn lậu ma túy, những tên tội phạm nghiện rượu và những vụ móc túi. Trước khi tôi rời đi, khi ôm hôn tôi trong hành lang,

bà luôn nói với tôi, một câu gắn với nghề nghiệp của tôi: “Dù sao con cũng phải cẩn thận đây.”

Tôi tìm kiếm những gì có thể hé lộ với tôi đôi chút về cuộc sống riêng tư của bà - không gì hết. Tôi không tìm thấy bất cứ dấu vết nào dù nhỏ nhất về người đàn ông này trong các ký ức của tôi, thậm chí một cái bóng cũng không.

Tôi đến Brancion-en-Chalon lúc 2 giờ sáng. Tôi dừng xe trước nghĩa trang vẫn còn đóng kín cổng, và ngủ thiếp đi. Tôi mơ thấy ác mộng. Tôi lạnh. Tôi nổ máy xe để sưởi ấm. Tôi thiếp ngủ trở lại. Tôi mở mắt vào khoảng 7 giờ.

Tôi nhìn thấy ánh đèn bên trong nhà chị. Tôi liền gõ cửa. Tôi không hề nghĩ mình sẽ gặp chị. Khi gõ cửa nhà một người quản trang, tôi chuẩn bị tinh thần nhìn thấy một ông già mặt mũi hồng hào bụng phệ. Tôi biết, những suy nghĩ mặc định thật ngu ngốc. Nhưng ai mà hình dung được là sẽ gặp chị cơ chứ? Và cả ánh mắt linh hoạt, sợ sệt, vừa dịu dàng lại vừa nghi hoặc của chị nữa?

Chị đã mời tôi vào và mời tôi uống cà phê. Trong nhà chị thật thơm, mọi thứ đều thơm và chị cũng thơm. Chị mặc một chiếc áo choàng trong nhà màu xám, thứ trang phục của bà già, trong khi từ chị thoát ra thứ gì đó gần như thanh xuân. Tôi không tìm được từ ngữ thích hợp để diễn tả. Một loại năng lượng nào đó, một thứ gì đó mà thời gian chưa phá hủy. Cứ như thể chị cải trang trong chiếc áo choàng mặc nhà. Thế đấy, giống như một cô bé mượn quần áo của một người lớn.

Tóc chị búi thành một búi. Tôi không biết liệu có phải là cú sốc tôi phải chịu ở phòng công chứng viên, chặng đường đêm trước, hay nỗi mệt mỏi đã khiến mắt tôi mờ đi, nhưng tôi thấy chị phi thực đến khó tin. Hơi

giống như một bóng ma, một sự hiện hồn.

Khi nhìn thấy chị, lần đầu tiên tôi cảm thấy rằng mẹ tôi chia sẻ cuộc đời song song kỳ lạ của bà với tôi, rằng bà đã đưa tôi đến nơi bà đang ở thực sự.

Thế rồi, chị lấy những cuốn sổ ghi chép về các lễ an táng của chị ra. Đó chính là lúc tôi hiểu ra rằng chị thật đặc biệt. Rằng có những phụ nữ không giống với bất kỳ ai khác. Chị không phải là bản sao của một ai đó, chị là một ai đó.

Trong lúc chị sửa soạn, tôi quay trở ra xe, nổ máy và nhắm mắt lại. Tôi không thể ngủ nổi. Tôi như lại nhìn thấy chị sau cánh cửa. Chị đã mở cánh cửa ấy cho tôi trong vòng một giờ. Giống như một trích đoạn phim mà tôi xem đi xem lại để nghe giai điệu nhạc nền của cảnh tượng tôi vừa trải qua.

Khi tôi ra khỏi xe, khi tôi nhìn thấy chị trong chiếc áo choàng dài màu xanh nước biển, chờ tôi đằng sau hàng rào, tôi đã nghĩ thầm: Mình phải biết cô ấy đến từ đâu, và cô ấy làm gì ở đây.

Sau đó, chị dẫn tôi tới tận ngôi mộ của Gabriel Prudent. Chị đứng thẳng, và dáng chị thật đẹp. Cứ mỗi lần chị bước, tôi lại thoáng nhìn thấy sắc đỏ bên trong chiếc áo choàng chị mặc. Như thể chị cất giấu những điều bí mật bên dưới đôi giày. Và tôi lại thầm nghĩ: Mình phải biết cô ấy đến từ đâu, và cô ấy làm gì ở đây. Lẽ ra tôi phải cảm thấy buồn trong buổi sáng tháng Mười ấy, giữa nghĩa trang buồn thảm lạnh giá của chị, nhưng cảm nhận của tôi lại hoàn toàn ngược lại.

Trước mộ Gabriel Prudent, tôi cảm thấy mình giống như một gã đàn ông đem lòng yêu một khách mời vào ngày cưới của chính anh ta.

Trong lần viếng thăm thứ hai, tôi đã quan sát chị rất lâu. Lúc ấy chị

đang lau chân dung của những người quá cố trên các ngôi mộ, vừa lau vừa nói chuyện với họ. Và tôi thầm nghĩ, lần thứ ba: Mình phải biết cô ấy đến từ đâu, và cô ấy làm gì ở đây.

Tôi đã không cần phải hỏi chuyện bà Bréant, chủ phòng trọ, bà ấy đã tự kể với tôi rằng chị sống một mình, rằng chồng chị đã “mất tích”. Tôi đã tưởng “mất tích” có nghĩa là “chết”. Và thú thực với chị là lúc ấy tôi cảm thấy vui mừng. Một niềm vui đen tối khi nghĩ rằng: cô ấy sống một mình. Khi bà Bréant nói rõ rằng chồng chị đã bỗng nhiên biến mất một hôm nào đó cách đây hai mươi năm, tôi cảm thấy anh ta có thể quay về. Rằng tình trạng phi thực mà tôi từng nhìn thấy ở chị đằng sau cánh cửa nhà, lần đầu tiên, có lẽ có nguyên nhân từ đó. Có lẽ nó gắn với những giờ lơ lửng nơi vụ mất tích đó giam cầm chị, giữa cuộc sống này và một cuộc sống khác. Một căn phòng chờ nơi chị ngồi suốt ngàn ấy năm trời, mà không có người nào đến gọi chị, không có người nào thốt ra cái tên của chị. Như thể Toussaint và Trenet đang chuyển bóng cho nhau. Hẳn chính là thế, cái cảm giác về sự cải trang, về nét thanh xuân của chị bên trong chiếc áo choàng mặc nhà màu xám.

Tôi đã muốn biết hết về chị. Tôi đã muốn giải thoát nàng công chúa. Đóng vai người anh hùng trong những cuốn truyện tranh. Gỡ bỏ chiếc áo choàng màu xanh nước biển để nhìn thấy chị trong chiếc váy màu đỏ. Phải chăng thông qua chị, tôi đã tìm cách để biết những gì tôi không biết về chính người mẹ của mình, cũng có nghĩa là về chính cuộc đời tôi? Chắc chắn là thế rồi. Tôi đã đột nhập vào cuộc đời riêng của chị để xoa dịu cuộc đời tôi. Và tôi xin chị tha lỗi cho tôi về việc đó.

Xin lỗi chị.

Trong vòng hai mươi tư giờ, tôi đã biết được điều mà hình như chị

không biết suốt hai mươi năm nay. Không khó để tôi có thể có được một bản sao tờ khai mà chị đã gửi đến đồn cảnh sát. Tôi đã đọc thấy trong ghi chép của viên hạ sĩ từng tiếp chị vào năm 1998 rằng chồng chị thường xuyên vắng nhà. Rằng không hiếm khi anh ta bỏ đi nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần liền mà không hề báo cho chị biết nơi anh ta ở trong suốt thời gian vắng mặt đó. Người ta không hề tổ chức tìm kiếm. Việc anh ta mất tích không được coi là nghiêm trọng. Đặc điểm tâm lý và tinh thần cũng như tình trạng sức khỏe của anh ta khiến mọi người nghĩ rằng anh ta đã tự nguyện bỏ đi. Tôi phát hiện ra rằng vụ mất tích đó chỉ là một giai thoại. Giai thoại mà chị và các cư dân ở Brancion đã dựng nên.

Một người trưởng thành có quyền thôi không tiếp xúc với người thân của mình nữa, và nếu người ta tìm thấy địa chỉ của họ, địa chỉ đó cũng chỉ được công bố nếu họ đồng ý. Tôi không có quyền cho chị địa chỉ của Philippe Toussaint nhưng tôi vẫn lầy. Chính chị đã nói với tôi: ‘Nếu chỉ làm trong phạm vi công việc được giao cho mình, thì cuộc đời có lẽ sẽ rất buồn tẻ.’

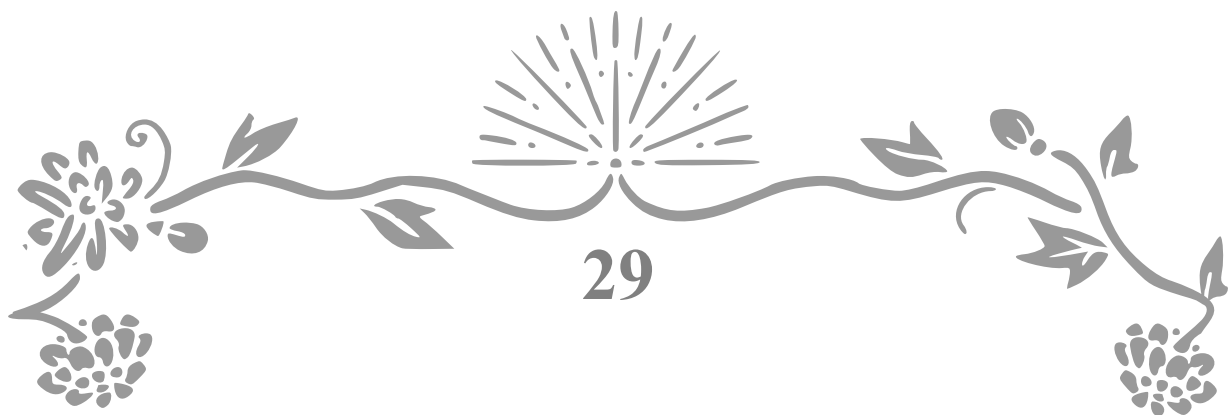
Hãy tùy ý sử dụng địa chỉ này. Tôi đã viết nó ra và bỏ vào trong phong bì đi kèm. Hãy mở phong bì nếu chị muốn.

Người bạn tận tụy của chị,

Julien Seul”

Đây là bức thư tình đầu tiên tôi nhận được trong suốt đời mình. Một bức thư tình kỳ lạ, nhưng dù sao cũng vẫn là một bức thư tình. Anh ta chỉ viết vài dòng để vinh danh bà mẹ. Những từ ngữ mà có vẻ anh ta phải vật vả lắm mới viết ra được. Ấy thế mà anh ta gửi cho tôi mấy trang liền. Rõ ràng là dốc bầu tâm sự trước mặt một người hoàn toàn xa lạ sẽ dễ dàng hơn là trong một cuộc họp gia đình.

Tôi ngắm nghía chiếc phong bì đi kèm, nó được dán kín và chứa đựng địa chỉ của Philippe Toussaint. Tôi kẹp nó vào giữa các trang của một cuốn Tạp chí *Hoa hồng*. Tôi chưa biết mình sẽ làm gì với nó. Giữ nó trong chiếc phong bì dán kín, vứt bỏ hoặc mở phong bì ra xem. Philippe Toussaint sống cách nghĩa trang của tôi một trăm ki lô mét, tôi không thể nào tin nổi điều đó. Tôi vẫn tưởng anh ta đang ở nước ngoài, ở tận đầu kia thế giới. Một thế giới đã không còn là thế giới của tôi từ rất lâu rồi.



Lá rụng, các mùa qua đi, chỉ có kỷ niệm là còn lại mãi.

Philippe Toussaint cưới tôi vào ngày 3 tháng Chín năm 1989, ngày Léonine tròn ba tuổi. Anh ta không hề hỏi cưới bằng cách quỳ xuống trước mặt tôi và các thứ các thứ khác. Anh ta chỉ nói với tôi, vào một buổi tối, giữa hai câu “Anh đi dạo một vòng”: “Có lẽ chúng ta nên cưới nhau vì con bé.” Hết chuyện.

Vài tuần sau, anh ta hỏi tôi đã gọi đến tòa thị chính để hẹn ngày chưa. Anh ta nói nguyên văn như thế “hẹn ngày”. Chữ “hẹn” không nằm trong phạm vi từ vựng của anh ta. Chính vì thế mà tôi hiểu được rằng anh ta chỉ nhắc lại một câu mà người khác mớm cho anh ta. Philippe Toussaint cưới tôi theo yêu cầu của bà mẹ. Để tôi không thể giành quyền nuôi Léonine trong trường hợp chúng tôi chia tay. Cũng không thể ngày một ngày hai bỏ đi không để lại dấu vết giống như “những đứa con gái loại đó”. Đúng thế, trong mắt bà Toussaint, tôi luôn là “con bé đó”, “cô ta”, “đứa ấy”. Tôi không bao giờ có tên. Cũng giống như đối với tôi, bà ta không bao giờ là Chantal cả.

Chiều hôm cưới, chúng tôi nhờ người trực thay ở trạm gác ghi, lần đầu tiên từ khi chúng tôi đến Malgrange-sur-Nancy. Chúng tôi xin nghỉ phép

theo lượt, nhưng không bao giờ cùng rời khỏi trạm gác. Cách đó rất ổn cho Philippe Toussaint, bởi vì như thế chúng tôi sẽ không bao giờ đi nghỉ được. Và trong những ngày nghỉ của tôi, bởi vì anh ta không hề thay đổi thói quen, tôi vẫn làm việc.

Tòa thị chính chỉ cách trạm gác của chúng tôi ba trăm mét, nó nằm trong Phố Lớn. Chúng tôi đi bộ đến đó: Philippe Toussaint, cha mẹ anh ta, Stéphanie – nữ thu ngân ở siêu thị Casino -, Léonine và tôi. Bà Toussaint làm nhân chứng cho con trai. Stéphanie làm nhân chứng cho tôi.

Từ khi Léo ra đời, ông bà Toussaint đến thăm chúng tôi hai lần mỗi năm. Khi họ đỗ chiếc xe to tương trước cửa nhà, căn nhà tồi tàn của chúng tôi biến mất. Sự sung túc của họ nuốt chửng cảnh thiếu thốn của chúng tôi trong khoảng thời gian chiếc xe đỗ ở đó. Chúng tôi không nghèo, nhưng cũng không giàu. Ít ra là tính trên tài sản chung. Theo năm tháng, tôi biết được rằng Philippe Toussaint có nhiều tiền nhưng anh ta gửi nó trong một tài khoản riêng, và mẹ anh ta nắm toàn quyền sử dụng. Tất nhiên, chúng tôi kết hôn theo chế độ tài sản riêng. Và chúng tôi không làm lễ ở nhà thờ, khiến ông bố rất thất vọng. Nhưng Philippe Toussaint không muốn nhân nhượng.

Bà Toussaint đều đặn gọi điện thoại cho chúng tôi, thường là vào thời điểm không hề thích hợp: khi Léo đang ngồi trong bồn tắm, khi chúng tôi sắp ngồi vào bàn ăn, khi phải ra khỏi nhà để hạ thanh chắn và Léo đang ngồi trong bồn tắm. Bà gọi nhiều lần mỗi ngày cho đến khi gặp được con trai, người thường xuyên vắng mặt để “đi dạo vài vòng”. Bởi vì tôi chính là người nhận phần lớn các cuộc gọi, tôi nghe thấy tiếng bà thở giận dữ sau khi giọng bà vang lên chẳng khác nào một ngọn roi quất vào không khí: “Đưa máy cho tôi nói chuyện với Philippe.” Không có thời gian để lắng

phí. Quá bận rộn. Khi rút cuộc bà gặp được con trai và cuối cùng câu chuyện cũng đề cập đến con người tôi, Philippe Toussaint ra khỏi phòng. Tôi nghe thấy anh ta hạ giọng như thể tôi là một kẻ thù, như thể anh ta phải đề phòng tôi. Anh ta có thể kể những gì về tôi? Cho đến tận hôm nay tôi vẫn tự hỏi anh ta có thể nói gì với bà mẹ. Anh ta nhìn nhận thế nào về tôi? Và chẳng anh ta có nhìn thấy tôi không? Tôi là đứa nuôi anh ta ăn, làm thay công việc của anh ta, giặt giũ, sơn lại các bức tường, nuôi con anh ta. Liệu anh ta có sáng tác ra một Violette Trenet khác không? Anh ta có gán cho tôi những thói quen không? Hoặc những tật xấu? Anh ta có sử dụng tất cả các nhân tình của anh ta, để rồi chỉ nói về một người phụ nữ, chỉ nói về vợ anh ta không? Anh ta có lấy của người này một chút, của người kia một chút, của mỗi người một chút để tái tạo con người tôi không?

Buổi lễ được trợ lý của trợ lý của thị trưởng chủ trì, ông ta đọc vài câu trong Luật dân sự. Khi ông ta đọc câu “hai người thề chung thủy và giúp đỡ lẫn nhau cho đến khi cái chết chia lìa hai người”, chuyến tàu 14h07 đã át mất tiếng ông ta còn Léonine thì hét lên: “Mẹ ơi, tàu đến!” Con bé không hiểu tại sao tôi lại không chạy ra hạ thanh chắn xuống. Philippe Toussaint trả lời có. Tôi trả lời có. Anh ta nghiêng người về phía tôi để hôn tôi. Vừa khoác áo vest bởi vì đang có người đợi ông ta ở chỗ khác, viên trợ lý vừa nói: “Tôi tuyên bố hai người đã được kết hợp với nhau trong mối quan hệ vợ chồng. Hẳn là các trợ lý của các trợ lý chỉ thực hiện phần nghi lễ tối thiểu khi cô dâu không mặc váy cưới trắng tinh. Vẫn còn bằng chứng là bức ảnh duy nhất do Stéphanie chụp, thứ tôi còn giữ được từ cuộc hôn nhân đó, Philippe Toussaint và tôi trông rất đẹp đôi.

Tất cả chúng tôi cùng đi ăn trưa ở quán Gino, một quán pizza mà chủ quán là những người Alsace chưa từng đặt chân đến Ý. Léonine đã thổi ba

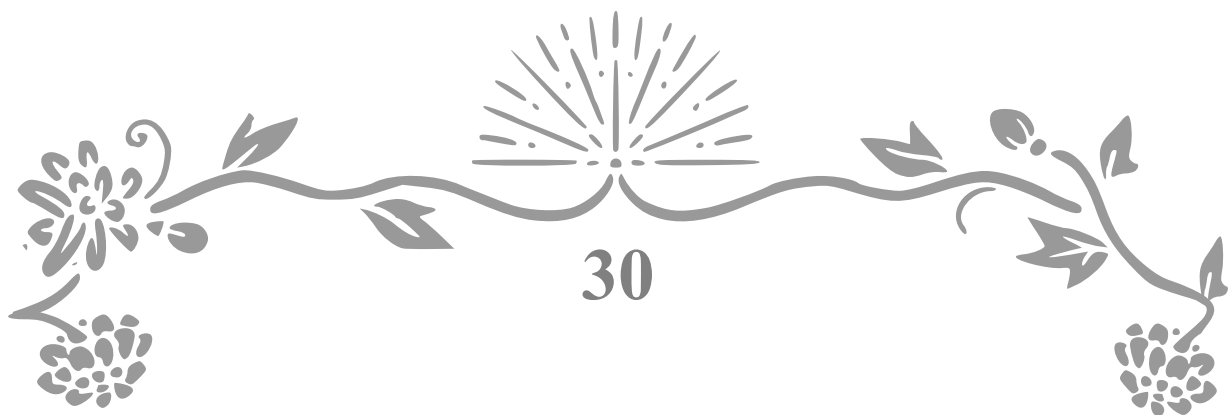
ngọn nến giữa hai tròng cười. Mắt lấp lánh ánh đèn. Về mặt ngất ngây khi con bé nhìn thấy chiếc bánh sinh nhật to đùng mà tôi đã làm cho nó. Tôi vẫn có thể cảm nhận khoảnh khắc đó hết lần này đến lần khác, sống lại nó khi nào tôi muốn. Léo và những lọn tóc xoăn giống hệt bố con bé.

Léo đã biến tôi thành một người mẹ nghiện con. Tôi luôn bế con bé trên tay. Philippe Toussaint thường xuyên bảo tôi: “Em không thể bỏ con bé xuống một chút hay sao?”

Hai mẹ con tôi đã trộn lẫn quà cưới và quà sinh nhật, chúng tôi mở ngẫu nhiên từng món. Quả là vui. Dù sao, tôi cũng rất vui. Tôi không mặc váy cô dâu trong ngày cưới, nhưng nhờ nụ cười của Léo, tôi đã được mặc chiếc váy đẹp nhất, chính là chiếc váy dệt từ tuổi thơ của con gái tôi.

Trong đồng quà của chúng tôi, có một con búp bê, một bộ nôi, đất nặn, một cuốn công thức nấu ăn, những chiếc bút chì màu, một phiếu đặt trước cả năm tờ *Giải trí nước Pháp*, một bộ đồ chơi công chúa và một cây đu đưa thần.

Tôi mượn cây đu đưa thần của Léo, và chỉ bằng một cú vẩy đu, tôi nói với nhóm nhỏ người đang cúi mũi vào đĩa ăn món chính theo ngày: “Xin tiên nữ Léonine ban phúc cho lễ cưới này.” Không ai nghe thấy câu nói của tôi ngoại trừ Léo, con bé phá lên cười và vừa giơ tay về phía cây đu đưa thần vừa nói: “Cho con, cho con, cho con.”



*Trước dòng sông nơi người ưa mơ mộng, lũ cá bạc trườn đi thật
khẽ khàng, hãy giữ gìn những kỷ niệm của chúng ta, những kỷ
niệm ấy không thể chết được.*

Sáng nay, nhà tôi rất đông người. Nono kể chuyện với cha Cédric và ba tông đồ khác. Thật hiếm khi anh em nhà Lucchini tập hợp đông đủ. Luôn có một người bận bịu ở cửa hàng, nhưng từ mười ngày nay, không có ai chết cả.

My Way cuộn tròn ngủ trên đầu gối Elvis, còn Elvis, theo thói quen, vừa nhìn ra cửa sổ vừa hát nghêu ngao.

Nono khiến mọi người cười ồ:

– Và khi chúng tôi bơm nước, đôi khi chúng tôi mở những cái hồ hoặc một cái hầm, chúng đầy nước, ngập mấp mé mặt đất. Chúng tôi cho một cái ống vào trong để rút hết nước, nhưng là một cái ống thế này này!

Nono khoát tay thật rộng để miêu tả đường kính của ống.

– Khi chúng tôi cho bơm chạy, phải giữ nó, cái ống ấy! Thế là, anh chàng Gaston, anh ta đã thả cái ống xuống lối đi... thế này này... ngang tầm những khóm cúc mâm xôi... cái ống phồng lên, phồng tương lên, thế

rồi, PĂNG, nước tung tóe khắp nơi! Và khi nước phụt ra như một cú bắn đại bác, Gaston và Elvis, họ đã làm một quý bà ướt sạch! Phụt thẳng vào búi tóc! Mọi thứ đều bay tung! Cả bà già, cặp kính, búi tóc và chiếc túi da cá sấu! Phải nhìn thấy họ làm cơ! Trong vòng ba năm, đây là lần đầu tiên bà ấy đến viếng thăm ông chồng quá cố, thế rồi chúng tôi không bao giờ gặp lại bà ấy nữa!

Elvis quay lại và hát: *With the rain in my shoes, rain in my shoes, searchin' for you.*

Pierre Lucchini xen vào:

– Tôi còn nhớ! Tôi cũng có ở đó! Trời ơi, tôi cười mới đã làm sao! Bà ấy là vợ của một đốc công! Kiểu người đáng sợ có thể phá lên cười khi bị bông. Cứng nhắc chẳng khác nào tòa án. Hồi còn sống, ông chồng gọi bà ấy là Mary Poppins bởi vì ông ấy ước là bà ấy sẽ biến mất, thế nhưng bà ấy chẳng bao giờ biến mất, mà lúc nào cũng bám ông ấy kè kè.

– Nhưng dù sao cũng không có đám tang nào giống đám tang nào, Nono nói tiếp.

– Cũng giống như những buổi hoàng hôn bên biển, Elvis ngâm nga.

– Cậu đã nhìn thấy biển chưa, cậu ấy? Nono hỏi Elvis.

Elvis quay nhìn ra ngoài, không trả lời.

– Còn tôi, Jacques Lucchini nói tiếp, tôi đã chứng kiến những đám tang đông nghịt người, và những đám tang chỉ có năm, sáu người. Nhưng có sao đâu, rồi cũng chôn xong thôi... Nhưng đúng là trong các đám tang, có những vụ cãi nhau vì một khoản thừa kế, họ cãi nhau ngay trước quan tài... Vụ tệ nhất mà tôi từng chứng kiến, đó là hai phụ nữ xinh đẹp mà người ta phải lôi ra bởi vì họ giật tung cả búi tóc của nhau... Hai cô nàng điên khùng... Còn cha tôi, cầu cho linh hồn ông được yên nghỉ, đã phải ăn

mấy cú đánh vào ngày hôm đó... họ hét vào mặt nhau: “Mày là đồ ăn cắp, tại sao mày lại lấy thứ đó, tại sao mày lại muốn thế này”, họ chửi bới nhau... cứ làm như còn chưa đủ bất hạnh ấy.

– Ngay giữa đám tang... thật đẹp mặt..., Nono thở dài.

– Đó là trước khi cô đến đây, Violette ạ, Jacques Lucchini nói với tôi. Hồi ấy vẫn là ông quản trang cũ, ông Sasha.

Nghe đến cái tên Sasha, tôi buộc phải ngồi xuống. Đã nhiều năm nay không có ai thốt ra cái tên ấy trước mặt tôi.

– Mà không biết ông ấy thế nào rồi nhỉ, ông Sasha ấy? Paul Lucchini hỏi. Có ai biết tin tức gì không?

Nono khéo léo phản ứng để chuyển hướng câu chuyện:

– Khoảng mười năm trước, một ngôi mộ rất cũ đã được mua lại... Phải vứt bỏ mọi thứ bên trên. Chúng tôi đã lau rửa sạch sẽ, chất hết lên một chiếc xe ben, để cho người nào thích thứ gì có thể lấy thứ đó. Nhưng thực tế là ngôi mộ đó cũ lắm rồi, hỏng hết rồi. Tôi tìm thấy một tấm bia cũ trên đó có ghi: “Tuông nhớ cặp đôi yêu quý”. Tôi liền ném nó vào xe. Thế rồi, tôi thấy một bà, rất tự tin, vì lòng kính trọng tôi sẽ không nói tên bà ấy đâu, bởi vì bà ấy là một người tốt bụng, một người dũng cảm... Bà ấy lấy tấm bia “Tuông nhớ cặp đôi yêu quý” trong chiếc xe rồi nhét nó vào một cái túi nhựa. Tôi liền hỏi: “Nhưng mà này, bà muốn dùng thứ ấy làm gì vậy?” Bà ấy trả lời luôn, rất nghiêm túc: “Chồng tôi không có hai hòn cà, tôi sẽ tặng cho ông ấy!”

Mấy người đàn ông cười ầm ĩ đến nỗi My Way đâm sợ và trèo lên phòng tôi.

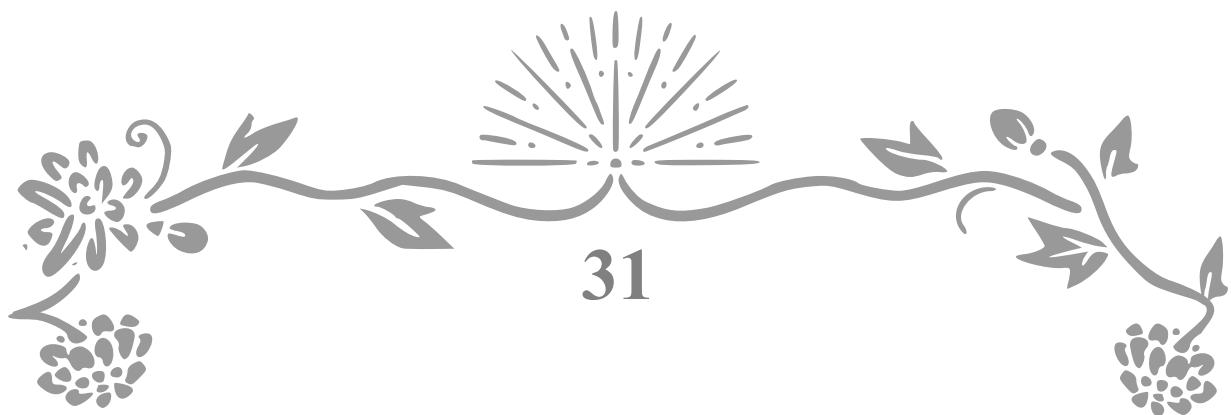
– Thế Chúa ở đâu trong những chuyện này? Cha Cédric hỏi. Những người này có tin vào Chúa không?

Nono lưỡng lự một lát rồi trả lời.

– Có những người tin vào Chúa vào cái ngày Người giải thoát họ khỏi những kẻ ngu ngốc. Tôi ấy, tôi từng chứng kiến những bà góa vui vẻ và những ông góa hạnh phúc, tôi có thể nói với cha rằng trong những trường hợp đó, họ nồng nhiệt cảm ơn Chúa của cha, thừa ngài cha xứ... Ái chà, tôi nói đùa đấy, thôi nào, đừng có trưng ra vẻ mặt đó nữa. Chúa của cha, Người rất biết xoa dịu những nỗi đau. Đơn giản thôi, nếu Người không tồn tại, thì ta sẽ phải sáng tạo ra Người.

Cha Cédric mỉm cười với Nono.

– Trong nghề của mình, chúng tôi chứng kiến đủ thứ chuyện, Paul Lucchini tiếp tục. Đau khổ, hạnh phúc, những người sùng đạo, thời gian trôi đi, những chuyện không thể chịu đựng, nỗi bất công, những điều tồi tệ... đời là thế, không đúng sao. Nói cho cùng, chúng tôi, những nhân viên tang lễ, chúng tôi đang tiếp xúc với cuộc đời. Có thể còn nhiều hơn những nghề khác. Bởi vì những người nói chuyện với chúng tôi, đó là những người ở lại, những người tiếp tục sống... Cha tôi, cầu mong cho linh hồn ông được yên nghỉ, vẫn luôn nói với tôi: “Các con của cha, chúng ta là những bà đỡ của cái chết. Chúng ta đỡ đẻ cái chết, thế nên hãy tận hưởng cuộc sống, và kiếm sống cho tốt.”



Chúng ta có hai người để yêu nhau, tôi còn lại một mình để khóc người.

Chiếc xe mô tô của Philippe Toussaint đã không đưa anh ta đi xa khỏi Brancion. Anh ta sống cách nghĩa trang của tôi chính xác là một trăm mười ki lô mét. Anh ta chỉ chuyển sang tỉnh khác.

Tôi vẫn thường tự hỏi mình cả loạt câu: *Điều gì đã khiến anh ta dừng lại trong một chặng đời khác và ở lại đó? Phải chăng anh ta gặp sự cố hay đã yêu một ai đó? Tại sao anh ta không báo với tôi? Tại sao anh ta không gửi cho tôi một bức thư sa thải, một bức thư từ chức, một bức thư buông bỏ? Đã xảy ra chuyện gì vào cái ngày anh ta ra đi? Phải chăng anh ta biết rằng anh ta sẽ không trở lại nữa? Phải chăng tôi đã nói điều gì đó không phải, hay ngược lại, phải chăng tôi đã không nói gì? Rốt cuộc, tôi chẳng còn nói gì cả. Tôi chỉ nấu cho anh ta ăn.*

Anh ta đã không thu dọn đồ đạc. Anh ta không mang theo thứ gì. Không quần áo, không đồ đạc lặt vặt, cả ảnh của con gái chúng tôi cũng không.

Lúc đầu, tôi nghĩ rằng anh ta nấn ná trên giường một phụ nữ nào khác. Một người phụ nữ trò chuyện với anh ta.

Sau một tháng, tôi nghĩ rằng anh ta gặp tai nạn. Sau hai tháng, tôi đến đồn cảnh sát để thông báo việc anh ta mất tích. Làm sao tôi có thể biết rằng Philippe Toussaint đã rút sạch tiền trong tài khoản, cái tài khoản mà tôi không được tiếp cận. Chỉ có mẹ anh ta là người được ủy quyền làm mọi thứ.

Sau sáu tháng, tôi sợ anh ta sẽ quay lại. Khi đã quen với sự vắng mặt của anh ta, tôi lấy lại được nhịp thở của mình. Như thể tôi đã ở dưới nước quá lâu, dưới đáy một bể bơi. Việc anh ta ra đi cho phép tôi đạp chân vào đáy bể và ngoi lên mặt nước để thở.

Sau một năm, tôi tự nhủ: *Nếu anh ta trở lại, mình sẽ giết anh ta.*

Sau hai năm, tôi tự nhủ: *Nếu anh ta trở lại, mình sẽ không cho anh ta vào nhà.*

Sau ba năm: *Nếu anh ta trở lại, mình sẽ gọi cảnh sát.*

Sau bốn năm: *Nếu anh ta trở lại, mình sẽ gọi Nono.*

Sau năm năm: *Nếu anh ta trở lại, mình sẽ gọi cho anh em nhà Lucchini. Chính xác hơn là gọi cho Paul, người chuyên trang điểm xác chết.*

Sau sáu năm: *Nếu anh ta trở lại, mình sẽ hỏi anh ta hàng đống câu hỏi trước khi giết anh ta.*

Sau bảy năm: *Nếu anh ta trở lại, mình sẽ là người ra đi.*

Sau tám năm: *Anh ta sẽ không trở lại.*

Tôi ra khỏi nhà luật sư Rouault, công chứng viên ở Brancion, để nhờ ông

gửi một bức thư cho Philippe Toussaint. Ông đã nói với tôi là ông không thể làm gì được. Rằng tôi phải nói chuyện với một luật sư chuyên về hôn nhân gia đình, rằng quy trình là như thế.

Bởi vì tôi rất thân với luật sư Rouault, nên tôi bạo dạn nhờ ông làm việc đó thay tôi. Gọi cho một luật sư mà ông chọn và viết bức thư đó giúp tôi, để tôi không phải giải thích gì, không phải thanh minh gì, không phải cầu xin gì cũng không phải ra lệnh gì. Chỉ là thông báo với Philippe Toussaint rằng tôi muốn lấy lại cái họ thời con gái của tôi, Trenet. Tôi đã nói với luật sư Rouault rằng tôi không đòi trợ cấp hay bất cứ thứ gì, chỉ là một thủ tục mà thôi. Luật sư Rouault nói với tôi về “phí bồi thường vì đã bỏ nhà ra đi”, tôi trả lời: “Không. Không gì cả.”

Tôi không muốn gì hết.

Luật sư Rouault nói rằng như thế có thể sẽ tốt hơn, sẽ tiện lợi hơn cho tôi khi tôi về già. Khi về già, tôi vẫn sẽ ở nghĩa trang. Tôi sẽ không cần tiện nghi hơn những gì tôi đang có lúc này. Ông vẫn kiên trì khuyên nhủ. Ông nói:

– Cô biết đấy, Violette thân mến ạ, có thể một ngày nào đó cô sẽ không còn khả năng làm việc nữa, cô sẽ phải về hưu, phải nghỉ ngơi.

– Không, không gì cả.

– Được rồi, Violette ạ, tôi sẽ đảm nhiệm mọi việc.

Ông ghi lại địa chỉ của Philippe Toussaint, địa chỉ mà Julien Seul đã viết bên trong chiếc phong bì dán kín mà cuối cùng tôi đã mở ra.

Ông Philippe Toussaint, tại nhà bà Françoise Pelletier

Số 13, đại lộ Franklin-Roosevelt

69500 Bron

– Cho phép tôi hỏi một câu, cô đã làm thế nào mà tìm được anh ta thế? Tôi cứ tưởng chồng cô mất tích rồi. Suốt bấy lâu nay, anh ta phải làm việc, anh ta phải có số an sinh xã hội chứ nhỉ!

Đúng là thế. Tòa thị chính đã ngừng trả lương quản trang cho anh ta vài tháng sau khi anh ta biến mất. Cả việc đó cũng mãi sau này tôi mới biết. Ông bà Toussaint nhận thông báo lương và khai thuế cho anh ta. Làm nghề gác ghi và quản trang, chúng tôi chưa bao giờ phải trả tiền thuê nhà hay các khoản phí. Tôi mua sắm cho cuộc sống hằng ngày bằng lương của tôi. Philippe Toussaint thường nói: “Anh cho em một mái nhà, anh sưởi ấm cho em, anh chiếu sáng cho em và đổi lại, em phải nuôi anh.”

Ngoại trừ việc bảo dưỡng chiếc xe mô tô, anh ta không động đến tiền lương trong suốt những năm tháng chúng tôi sống chung. Lúc nào tôi cũng là người mua quần áo cho anh ta và cho Léonine.

– Cô tin chắc đó đúng là anh ta chứ? Toussaint là một cái họ phổ biến. Có thể đó là một người trùng tên. Hoặc một người nào đó giống anh ta.

Tôi giải thích với luật sư Rouault rằng lúc nào ta cũng có thể nhầm lẫn, nhưng ta sẽ không nhầm khi thấy lại người đàn ông ta đã sống chung suốt từng ấy năm. Rằng cho dù anh ta có rụng tóc và lên cân, tôi cũng sẽ không bao giờ lẫn Philippe Toussaint với một người đàn ông khác.

Tôi kể về cảnh sát trưởng Julien Seul với luật sư Rouault, rằng anh ta THỰC SỰ tên là Julien Seul, anh ta đã đến nghĩa trang của tôi ra sao, bình tro cốt của bà mẹ, Gabriel Prudent, vụ điều tra anh ta đã tiến hành về Philippe Toussaint mà không xin phép tôi chỉ vì một chiếc váy màu đỏ lộ ra bên trong áo choàng, và sự trở lại với cuộc đời của Philippe Toussaint, người sống cách nghĩa trang của tôi chỉ một trăm ki lô mét. Rằng tôi đã mượn xe ô tô của Nono - “Norbert Jolivet, phu đào huyệt”, tôi nói rõ -, rằng

tôi đã lái xe đến tận Bron, rằng tôi đã dừng xe bên cạnh số nhà 13, đại lộ Franklin-Roosevelt, rằng số 13 là một ngôi nhà có lẽ cũng giống với ngôi nhà tôi từng ở tại Malgrange-sur-Nancy trước đây, khi tôi còn làm gác ghi ở miền Đông nước Pháp, nhưng trên các ô cửa sổ có treo những tấm rèm đẹp đẽ, cao hơn một tầng, và các khung cửa sổ được làm bằng gỗ sồi với hai lớp kính. Rằng đối diện số nhà 13 có quán bia Carnot. Rằng tôi đã uống ba cốc cà phê trong lúc chờ đợi. Chờ đợi điều gì, tôi không hề biết. Thế rồi, tôi nhìn thấy anh ta băng qua đại lộ.

Anh ta đi cùng một người đàn ông khác. Họ mỉm cười. Họ đi về phía tôi. Họ bước vào quán bia. Tôi cúi mặt xuống.

Tôi đã phải bấu chặt tay vào bàn quầy khi Philippe Toussaint đi qua sau lưng tôi. Tôi nhận ra mùi nước hoa của anh ta, loại nước hoa đặc biệt, pha trộn giữa “Dành cho đàn ông” của Caron và nước hoa của những phụ nữ khác. Anh ta luôn mang theo mùi của họ chẳng khác nào một thứ trang phục đáng ghét. Hẳn là mùi các tình nhân cũ của anh ta đã bám chặt giống như những ký ức tồi tệ, và tôi là người duy nhất ngửi thấy. Kể cả sau chừng ấy năm.

Hai người đàn ông gọi hai phần món chính trong ngày. Tôi nhìn anh ta ăn trưa, qua tấm gương trước mặt tôi. Tôi tự nhủ rằng mọi chuyện đều có thể xảy ra, rằng anh ta đang mỉm cười và rằng bất kỳ ai cũng có thể làm lại cuộc đời, rằng cả Léonine lẫn tôi đều không nhận được tin tức gì của anh ta từ rất lâu rồi và rằng mọi người không ai biết gì về anh ta trong cuộc sống hiện tại của anh ta. Rằng bất cứ ai cũng có thể xuất hiện trong một cuộc đời và biến mất khỏi một cuộc đời khác. Ở đây hoặc ở nơi nào đó, bất cứ ai cũng có thể tái tạo lại bản thân, làm lại tất cả. Bất cứ ai cũng có thể là Philippe Toussaint, người đã lái mô tô đi một vòng rồi không quay về nữa.

Philippe Toussaint đã béo lên, nhưng anh ta mỉm cười thực sự. Tôi chưa từng nhìn thấy anh ta mỉm cười như thế trong suốt khoảng thời gian chúng tôi sống chung. Ánh mắt anh ta vẫn không hề có nét tò mò. Anh ta sống ở đại lộ Franklin-Roosevelt và tôi biết rằng ngay cả trong hiện tại này, khi mà anh ta mỉm cười nhiều hơn trước đây, anh ta cũng không biết Roosevelt là ai, rằng cho dù anh ta có sống một quãng đời mới, nếu trong quãng đời mới này có ai đó hỏi anh ta Franklin Roosevelt là ai, có lẽ anh ta sẽ trả lời: “Tên phố nơi tôi ở.”

Níu chặt chiếc bàn quỳ, tôi hiểu rằng mình đã rất may mắn khi anh ta ra đi và không bao giờ trở lại nữa. Tôi không hề nhúc nhích. Tôi không quay người lại. Tôi xây lưng về phía anh ta. Tôi chỉ nhìn thấy hình ảnh phản chiếu của anh ta đang mỉm cười trong tấm gương.

Nhân viên phục vụ gọi anh ta là “ông Pelletier” nhưng người mà tôi tưởng là bạn của anh ta đã hai lần gọi anh ta là “ông chủ”, rồi nhân viên phục vụ nói: “Tôi ghi hết vào phiếu như thường lệ nhé, thưa ông Pelletier?” Và Philippe Toussaint trả lời: “Ok.”

Tôi theo anh ta ra phố. Hai người đàn ông bước đi cạnh nhau. Họ đi vào một xưởng sửa chữa nằm cách quán bia chừng hai trăm mét, xưởng sửa xe Pelletier.

Tôi nép mình đằng sau một chiếc xe ô tô, nó dường như cũng tôi tả chẳng khác gì tôi vào thời điểm Philippe Toussaint biến mất. Hồng hóc, rúm ró, xước xát, đổ bên vệ đường trong lúc chờ xem người ta sẽ làm gì với mình. Hẳn là vẫn có vài phụ tùng động cơ có thể sử dụng lại được. Một chút nhiên liệu dưới đáy bình xăng. Đủ để tái khởi động. Hoàn tất hành trình.

Philippe Toussaint đi về phía một văn phòng được ngăn bằng các vách

kính. Anh ta gọi điện thoại. Anh ta ra dáng là ông chủ. Nhưng mười phút sau, khi Françoise Pelletier xuất hiện, anh ta lại ra dáng chồng của bà chủ. Anh ta nhìn chị ta tươi cười. Anh ta nhìn chị ta đầy yêu thương. Anh ta ngắm chị ta.

Tôi rời đi.

Tôi quay lại chỗ chiếc xe của Nono. Một phiếu phạt kẹp giữa kính chắn gió và cần gạt nước, một trăm ba mươi euro tiền phạt bởi vì tôi đã đậu xe sai chỗ.

– Câu chuyện đời tôi, tôi vừa nói vừa mỉm cười với công chứng viên.

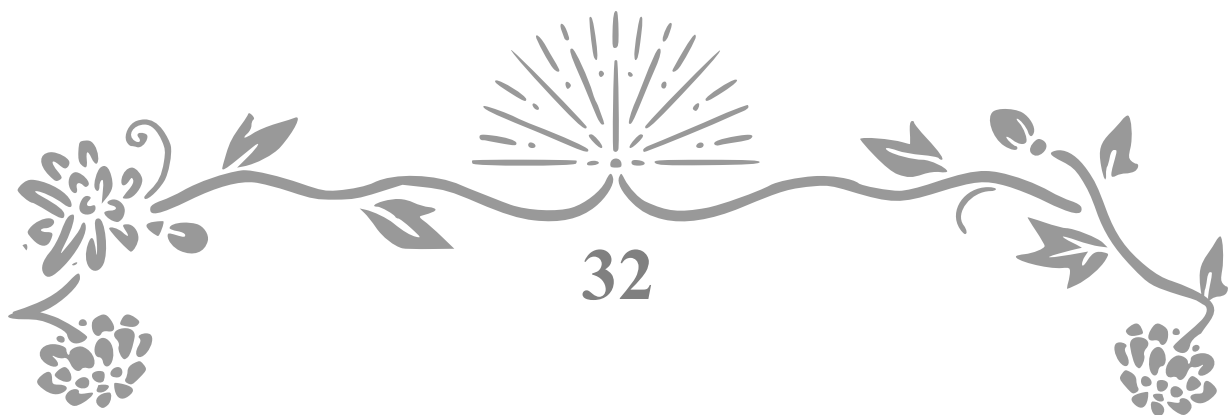
Luật sư Rouault không nói lời nào trong suốt nhiều giây liền.

– Violette thân mến, trong nghề công chứng viên của mình tôi đã chứng kiến đủ chuyện. Những ông chú lại tự nhận là con, những chị em gái không công nhận lẫn nhau, những bà góa giả, những ông góa giả, những đứa con giả, những ông bố bà mẹ giả, những chứng thực giả, những di chúc giả, nhưng chưa có ai kể cho tôi nghe một chuyện như vừa rồi.

Rồi ông tiễn tôi ra đến tận cửa.

Trước khi tôi rời văn phòng của ông, luật sư Rouault hứa với tôi rằng ông sẽ đảm nhiệm mọi chuyện. Luật sư, bức thư, các thủ tục ly hôn.

Luật sư Rouault hết lòng với tôi bởi vì mỗi khi sắp có băng giá, tôi sẽ cẩn thận che phủ những cây hoa lấy giống từ châu Phi mà ông trồng trên mộ vợ mình. Marie Dardenne, tức bà Rouault (1949-1999).



Các bạn thân mến, khi tôi chết, hãy trồng một cây liễu trong nghĩa trang. Tôi thích tán liễu rủ u buồn. Sắc xanh của nó thật dịu dàng và thân thiết, còn bóng liễu sẽ nhẹ nhàng xòa trên mặt đất nơi tôi yên ngủ.

Trích bài thơ “Lucie”, Alfred de Musset.

Vào tháng Tư, tôi thả ấu trùng bọ rùa lên những cây hoa hồng của tôi và những cây hoa hồng trồng trên mộ người quá cố để chống bọ rầy. Tôi trực tiếp dùng một cái bút lông nhỏ để đặt lần lượt từng con bọ rùa lên các cây. Như thế tôi vẽ lại nghĩa trang vào mùa xuân. Như thế tôi đang dựng những cái cầu thang giữa đất và trời. Tôi không tin có ma, cũng không tin có người trở về từ cõi chết, nhưng tôi tin vào lũ bọ rùa.

Tôi có niềm tin chắc chắn rằng khi một con bọ rùa đậu lên người tôi, đó chính là một linh hồn đang ra hiệu cho tôi. Khi còn nhỏ, tôi thường tưởng tượng rằng đó là cha tôi đến thăm tôi. Rằng mẹ tôi bỏ rơi tôi bởi vì cha tôi đã chết. Và bởi vì ta thường tự kể với mình những câu chuyện mà ta muốn kể cho bản thân, tôi luôn hình dung rằng cha tôi giống với Robert Conrad, nhân vật nam chính trong *Những bí ẩn miền Tây*. Rằng cha tôi đẹp trai, mạnh mẽ, dịu dàng và yêu thương tôi từ trên trời. Rằng từ nơi ông đang

ở, ông luôn bảo vệ tôi.

Tôi tự tạo ra một thiên thần hộ mệnh cho riêng mình. Người đã đến muộn vào ngày tôi chào đời. Thế rồi tôi lớn lên. Và tôi hiểu ra rằng thiên thần hộ mệnh của tôi sẽ không bao giờ ký một hợp đồng không thời hạn với tôi. Rằng có lẽ ông thường xuyên xuất hiện ở Trung tâm hỗ trợ việc làm ANPE, và như Brel vẫn hát, ông say xỉn “hàng đêm, với thứ rượu vang tồi”. Khi về già, Robert Conrad của tôi đã tệt đi nhiều.

Đặt từng con bọ rùa lên lá cây chiếm trọn của tôi mười ngày nếu tôi chỉ làm mỗi một việc đó. Nếu giữa chừng không có đám tang nào. Khi đặt chúng lên những cây hoa hồng, tôi có cảm giác mình đang mở cửa cho ánh mặt trời tràn vào khắp nơi trong nghĩa trang của tôi. Giống như một sự cho phép. Một giấy thông hành. Việc đó không ngăn được người chết vào tháng Tư, cũng không ngăn ai đó đến thăm tôi.

Một lần nữa, tôi lại không nghe thấy anh ta bước đến. Anh ta đứng sau lưng tôi. Julien Seul đứng sau lưng tôi. Anh ta quan sát tôi, không hề nhúc nhích. Anh ta đứng đó bao lâu rồi? Anh ta ôm chặt chiếc bình đựng tro cốt của bà mẹ. Đôi mắt lấp lánh giống như hai mảnh đá cẩm thạch đen phủ băng khi mặt trời mùa đông khẽ phản chiếu trên đó. Tôi im lặng không nói gì.

Việc nhìn thấy anh ta tác động đến tôi giống như hiệu ứng tú quần áo: một chiếc váy len màu đen phủ bên ngoài bộ đồ lót bằng lụa hồng. Tôi không mỉm cười với anh ta, nhưng tim tôi đập thành thịch chẳng khác nào một đĩa trẻ chậm phát triển đứng trước cửa hàng bánh ngọt mà nó yêu thích.

– Tôi quay lại để nói cho chị biết tại sao mẹ tôi muốn yên nghỉ trên mộ của Gabriel Prudent.

– Tôi đã quen với việc đàn ông biến mất rồi.

Đó là điều duy nhất tôi có thể đáp lại anh ta.

– Chị có muốn đưa tôi đến mộ ông ấy không?

Tôi khẽ đặt chiếc bút lông trên hòm mộ của gia đình Monfort, rồi đi về phía Gabriel Prudent.

Julien Seul đi theo, rồi nói với tôi:

– Tôi không có chút khiếu định hướng nào, thế nên trong một nghĩa trang...

Chúng tôi lặng lẽ đi bên nhau về hướng lối đi số 19. Khi chúng tôi đến trước mộ Gabriel Prudent, Julien Seul đặt chiếc bình xuống và di chuyển nó nhiều lần, như thể anh ta không tìm thấy vị trí phù hợp, như thể anh ta đang cố gắng xếp một mảnh ghép vào đúng chỗ. Cuối cùng, anh ta để bình bên cạnh bia mộ, trong vùng phủ bóng của nó.

– Bởi vì mẹ tôi thích bóng râm hơn ánh nắng...

– Anh có muốn đọc bài diễn từ mà anh đã viết cho bà không? Anh có muốn ở một mình không?

– Không, tôi muốn chị đọc thì tốt hơn, nhưng để sau đi. Khi nào nghĩa trang đóng cửa. Tôi tin chắc là chị rất biết cách làm việc đó.

Chiếc bình có màu xanh lá thông. “Irene Fayolle (1941-2016)” được khắc bằng chữ vàng. Anh ta tưởng niệm một lát, tôi đứng bên cạnh.

– Tôi chưa bao giờ biết cầu nguyện... Tôi quên hoa mất rồi. Chị vẫn bán hoa đấy chứ?

– Vâng.

Trong lúc chọn một bình thủy tiên, anh ta nói với tôi rằng anh ta muốn xuống phố để mua một tấm bia. Anh ta hỏi xem tôi có thể đi cùng anh ta đến Le Tourneurs du Val, cửa hàng đồ tang của anh em nhà Lucchini hay không. Tôi đồng ý mà không cần nghĩ ngợi gì. Tôi chưa bao giờ đến Le Tourneurs du Val. Đã hai mươi năm nay tôi chỉ đường cho những người khác đi đến đó, mà chưa từng đặt chân đến cửa hàng.

Tôi lên xe của viên cảnh sát trưởng, trong xe có mùi thuốc lá. Anh ta im lặng. Tôi cũng thế. Khi anh ta nổ máy xe, một chiếc CD bỏ trong hệ thống âm thanh trên ô tô bắt đầu gào tướng bài “Elsass Blues” của Alain Bashung. Chúng tôi giật mình. Anh ta ngắt âm thanh. Chúng tôi phá lên cười. Đây là lần đầu tiên Alain Bashung khiến ai đó phì cười với bài hát tuyệt vời nhưng buồn muốn chết này.

Chúng tôi dừng xe trước Le Tourneurs du Val. Cửa hàng của anh em nhà Lucchini nằm ngay cạnh nhà xác, đồng thời cũng nằm cạnh Phượng Hoàng, nhà hàng Trung Hoa ở Brancion-en-Chalon. Đó là câu nói đùa ưa thích của tất cả cư dân nơi đây. Tuy nhiên, điều đó cũng không ngăn cản Phượng Hoàng kín bàn vào bữa trưa.

Chúng tôi đẩy cánh cửa. Trong tủ kính, có những tấm bia và những bó hoa giả. Tôi ghét hoa giả. Một bông hồng bằng nhựa hoặc bằng chất dẻo tổng hợp, cũng giống như một ngọn đèn ngủ muốn bắt chước mặt trời. Bên trong, những loại gỗ đóng quan tài được trưng bày giống như trong các cửa hàng vật liệu xây dựng, nơi ta có thể lựa chọn màu gỗ ván lát sàn. Có những loại gỗ quý để đóng các quan tài ngoại hạng. Rồi những gỗ loại hai, những loại gỗ mềm, gỗ cứng, gỗ ngoại, gỗ ván ép. Tôi hy vọng rằng tình yêu mà ta dành cho một người khi họ còn sống không được đo đếm bằng chất lượng

loại gỗ mà ta chọn.

Trên hầu như tất cả các tấm bia bày trong tủ kính đều có ghi: “Son ca hời, nếu người có bay quanh ngôi mộ này, hãy hát vang giai điệu hay nhất của người.” Sau khi đọc vài mẫu câu mà Pierre Lucchini giới thiệu, Julien Seul chọn: “Tuớng nhớ mẹ”, chữ bằng đồng thau trên nền đen. Không có thơ cũng không có văn bia.

Pierre ngạc nhiên khi thấy tôi xuất hiện trong cửa hàng. Anh không biết nói gì với tôi, trong khi anh ghé nhà tôi nhiều lần mỗi tuần suốt nhiều năm nay, và anh chẳng bao giờ có ý nghĩ là đi vào nghĩa trang mà không ghé chào tôi.

Tôi biết gần như mọi chuyện về Pierre, những túi bi của anh, mối tình đầu của anh, vợ anh, những lần viêm họng của các con anh, nỗi u buồn của anh khi cha anh mất, những loại sản phẩm mà anh xoa lên đầu để ngăn tóc rụng, áy thế mà đột nhiên, tôi giống như một người xa lạ giữa đồng hoa nhự và những tấm bia chỉ nói đến vĩnh hằng của anh.

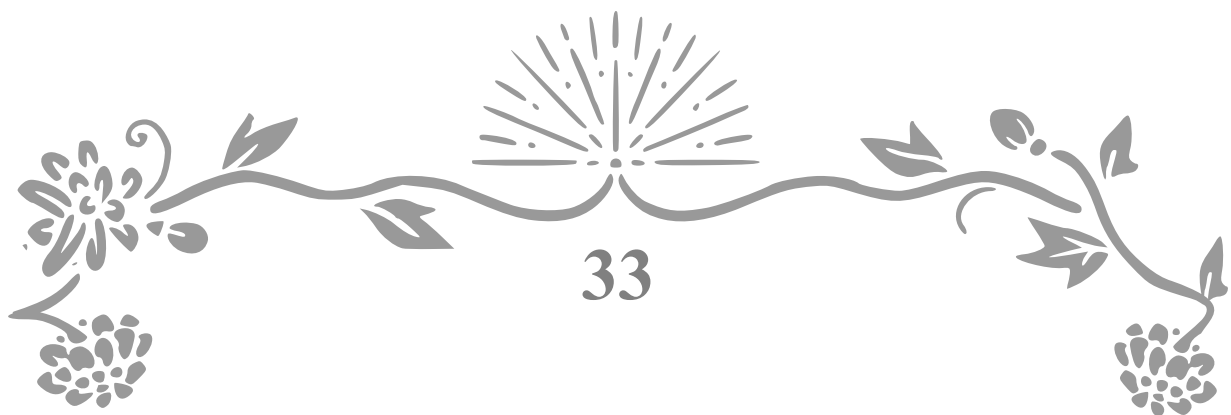
Julien Seul trả tiền rồi chúng tôi ra khỏi cửa hàng.

Trong lúc quay ngược về nghĩa trang, Julien Seul hỏi anh ta có thể mời tôi ăn tối được không. Anh ta muốn kể cho tôi nghe câu chuyện giữa mẹ anh ta và Gabriel Prudent.

Và cảm ơn tôi vì tất cả. Và cũng cố tìm cách xin lỗi vì đã tìm kiếm Philippe Toussaint mà không nói gì với tôi. Tôi trả lời: “Được thôi, nhưng tôi muốn chúng ta ăn tối ở nhà tôi hơn.”

Bởi vì chúng tôi sẽ được thư thả và không bị quấy rầy bởi một nhân viên phục vụ xuất hiện giữa mỗi món ăn. Sẽ không có thịt trong bữa tối, nhưng dù sao cũng vẫn ngon. Julien trả lời tôi rằng anh ta đi đặt phòng ở nhà bà Bréant, mặc dù phòng đó không bao giờ có khách thuê, và sẽ quay

lại nhà tôi lúc 20 giờ.



Theo thời gian, mọi thứ sẽ trôi đi, ta lãng quên những đam mê và ta lãng quên những giọng nói, chúng nói với bạn, thật khẽ khàng, lời lẽ của những con người tội nghiệp: đừng về quá muộn, và nhất là đừng để mình bị lạnh.

Trích lời bài hát “Avec le temps”, Léo Ferré.

Irène Fayolle và Gabriel Prudent gặp nhau tại Aix-en-Provence vào năm 1981. Khi đó bà bốn mươi tuổi, còn ông năm mươi. Ông bào chữa cho một tù nhân, người đã giúp một tù nhân khác vượt ngục. Irène Fayolle đến dự phiên tòa đó theo lời nhờ của một nhân viên, cũng là bạn bà, Nadia Ramirès. Bà này là vợ một đồng phạm của bị can. “Ta không chọn được người ta yêu, bà từng nói với Irène giữa lúc cuộn và sấy tóc, như thế thì đơn giản quá.”

Irène Fayolle tham dự phiên tòa vào ngày biện hộ của luật sư Prudent. Ông nói về âm thanh của những chiếc chìa khóa, về tự do, về nhu cầu đào thoát khỏi những bức tường không tuổi kia, được thấy lại bầu trời, thấy lại đường chân trời đã quên lãng, ngửi lại mùi cà phê trong một quán nhỏ bên đường. Ông nói đến tình đoàn kết giữa các tù nhân. Ông nói rằng cảnh chung đụng trong chốn giam cầm có thể làm nảy sinh một tình huynh đệ

thực thụ giữa cánh đàn ông, rằng giải phóng ngôn từ là một lối thoát. Rằng mất tự do chính là mất đi một người thân thiết. Rằng đó cũng giống như một quá trình để tang. Rằng không ai có thể hiểu được nếu chưa từng trải qua chuyện đó.

Giống như trong *Hai mươi bốn giờ trong cuộc đời một người đàn bà* của Stefan Zweig, trong suốt phiên biện hộ đó, Irène Fayolle chỉ ngắm nhìn bàn tay của luật sư Prudent. Đôi bàn tay to lớn, xòe ra rồi nắm vào. Với những cái móng tay trắng trẻo, được gọt giữa hoàn hảo. Irène Fayolle tự nhủ: *Thật kỳ quặc, bàn tay của người đàn ông này không già đi. Chúng vẫn như thời niên thiếu, đây là bàn tay của một chàng thanh niên. Đôi bàn tay của nghệ sĩ dương cầm.* Khi Gabriel Prudent nói với bồi thẩm đoàn, đôi bàn tay xòe ra, khi ông nói với công tố viên, chúng nắm lại co quắp như thể vừa già đi, như thể chúng vừa trở lại với tuổi thực của mình. Khi ông nhìn thẳng vào chủ tọa phiên tòa, đôi bàn tay ông sưng lại, khi ông quan sát cử tọa, đôi bàn tay ông không ở yên một chỗ, chẳng khác nào hai đứa trẻ vị thành niên đầy kích động, và khi ông quay trở về phía bị cáo, hai bàn tay ông chắp lại với nhau, bên nọ nép chặt vào bên kia chẳng khác nào hai chú mèo con đang tìm hơi ấm. Trong vài giây, đôi bàn tay ông chuyển từ cảnh giam hãm sang vui mừng, từ dè dặt sang tự do, rồi lại như thể đang cầu nguyện, đang nài nỉ. Trên thực tế, đôi bàn tay ông chỉ nhại lại những lời nói của ông.

Sau phiên biện hộ, mọi người phải rời phòng xét xử để đi uống một ly ở Aix trong khi bồi thẩm đoàn nghị án. Hôm ấy trời vẫn đẹp như thời tiết muôn thuở ở Aix, và điều đó khiến Irène không buồn cũng chẳng vui. Thời tiết đẹp chẳng hề tác động gì đến bà. Bà không quan tâm đến chuyện đó, cũng như không quan tâm đến chiếc áo mới mua.

Nadia Ramirès đã đi đến nhà thờ Saint-Esprit để thắp nến cầu nguyện.

Irène ngẫu nhiên bước vào một quán cà phê, bà không muốn ngồi ở ngoài hiên giống như tất cả những người khác. Bà lên tầng hai để được yên tĩnh. Bà muốn đọc sách. Tối hôm trước, khi Paul, chồng bà, đã ngủ, thì bà bắt đầu đọc một cuốn tiểu thuyết mà lúc này bà muốn đọc tiếp.

Luật sư Prudent, người thích ánh nắng nhưng không thích đám đông, đang ở đó, một mình, ông ngồi trong một góc. Chờ đợi bản án dành cho khách hàng của ông, bên một ô cửa sổ đóng kín. Mắt nhìn mông lung, ông hút thuốc, hết điếu này đến điếu khác. Mặc dù trên tầng hai chỉ có mình ông, một màn khói dày tràn ngập căn phòng đến tận chùm đèn. Trước khi dập tắt một điếu thuốc, ông dùng nó để châm điếu mới. Một lần nữa, Irène chờ người khi nhìn thấy bàn tay phải của ông ấn mẩu thuốc vào gạt tàn.

Trong cuốn tiểu thuyết bắt đầu từ hôm trước, bà đọc thấy rằng có một sợi dây vô hình kết nối những người mà định mệnh sắp đặt cho gặp nhau, rằng sợi dây đó có thể bị rớt, nhưng không bao giờ đứt.

Khi Gabriel Prudent nhìn thấy Irène Fayolle trên đầu cầu thang, ông nói với bà: “Vừa rồi cô đã ở trong phòng xử án.” Đó không phải là một câu hỏi, mà chỉ là một lời nhận xét. Trong phòng xử án lúc trước có rất đông người. Và bà ngồi ở cuối phòng, trên hàng ghế ngay trước hàng ghế cuối cùng. Làm sao ông lại để ý đến bà? Bà không hỏi. Mà chỉ ngồi vào một góc, lặng lẽ.

Và như thể nghe thấy suy nghĩ của bà, ông bắt đầu miêu tả trang phục của từng thành viên bồi thẩm đoàn cũng như của hai thành viên dự khuyết, của các bị can và của tất cả những người ngồi trong phòng xử án. Hết người này đến người khác. Ông dùng những từ ngữ buồn cười để nói về màu sắc của một chiếc quần, một chiếc váy ngắn hoặc một chiếc áo thun, “tía hoa dền”, “xanh biển khơi”, “trắng Tây Ban Nha”, “lục nhạt”, “san hô”. Cứ như

thể ông là một thợ nhuộm hoặc một người bán vải ở chợ Saint-Pierre. Thậm chí ông còn nhận xét rằng thiếu phụ ngồi ở rìa bên trái hàng ghế thứ ba, “người có búi tóc đen huyền, quàng chiếc khăn màu hoa Ngu Mỹ Nhân và mặc bộ trang phục lanh màu xám”, có một chiếc ghim cài hình con bọ hung. Trong màn miêu tả trang phục đáng kinh ngạc ấy, thỉnh thoảng có những lúc ông cử động hai bàn tay. Nhất là những khi ông phải phát âm từ “xanh lá”, cái từ mà ông không thốt ra. Như thể đối với ông đó là một từ cấm kỵ, ông đã dùng những từ “ngọc bích”, “nước bạc hà”, “lục ánh hồng” và “ô liu”.

Vẫn im lặng, Irène Fayolle tự hỏi một luật sư có lợi ích gì trong việc nhận biết trang phục của từng người.

Một lần nữa, như thể nghe thấy suy nghĩ của bà, ông nói với bà rằng trong một phiên tòa, mọi thứ đều được thể hiện qua trang phục. Sự vô tội, những hối tiếc, tội lỗi, lòng căm hận hoặc tha thứ. Rằng mỗi người sẽ chọn chính xác thứ mình sẽ mặc vào ngày phán quyết được đưa ra, dù phán quyết ấy dành cho người đó hay cho một người khác. Cũng giống như cho lễ an táng hoặc cho lễ cưới của chính mình. Rằng không có chỗ cho sự ngẫu nhiên. Và rằng theo như những gì mỗi cá nhân mặc trên người, ông có khả năng đoán được người đó thuộc bên nguyên hay bên bị, bên công tố hay bên bào chữa, người đó là cha, là anh em, là mẹ, là hàng xóm, là nhân chứng, là người tình, là bạn bè, là kẻ thù hay chỉ là một kẻ tò mò. Và rằng ông điều chỉnh phân biện hộ của mình theo trang phục và dáng dấp của mỗi người khi hỏi và nhìn người đó. Và rằng chẳng hạn như bà, Irène Fayolle, căn cứ vào cách ăn vận của bà hôm nay, rõ ràng bà không liên quan gì đến vụ này. Rằng bà chẳng đứng về phe nào. Rằng bà chỉ là một khán giả rảnh rỗi.

“Khán giả rảnh rồi”, thực sự là ông đã dùng cụm từ đó.

Bà không kịp trả lời ông, Nadia Ramirès vừa đến ngồi cùng bà. Nadia nói với Irène rằng bà đã làm quá lên khi giam mình trong cái quán này giữa tiết trời đẹp đến thế, rằng chồng Nadia, có lẽ ông ta mơ ước được ngồi ở một hàng hiên. Và rằng nếu ông ta trắng án, họ sẽ ngồi ở tất cả các hiên quán tại Aix, hết cái này đến cái khác, để ăn mừng. Còn Irène Fayolle thì nghĩ thầm: *Còn tôi, mơ ước của tôi là đọc tiếp cuốn tiểu thuyết đang ở trong đáy túi xách... hoặc đi đến Iceland cùng với người đàn ông có đôi bàn tay kia, người đang hút hết điếu này đến điếu khác trong góc phòng.*

Nadia chào luật sư Prudent, nói với ông rằng phần biện hộ của ông thật phi thường, và như đã thống nhất bà sẽ trả tiền cho ông mỗi tháng một ít, rằng *Jules của bà* chắc chắn sẽ được trắng án nhờ có ông. Và viên luật sư trả lời, giữa hai hơi thuốc, bằng giọng nghiêm trang:

– Lát nữa chúng ta sẽ biết được điều đó, khi tòa nghị án xong. Hôm nay cô rất đẹp, tôi rất thích chiếc váy hồng kẹo mà cô đang mặc. Tôi tin chắc là nó đã giúp chồng cô phấn chấn lên rất nhiều.

Irène uống một cốc trà, Nadia uống nước mơ còn Gabriel Prudent uống một ly bia hơi không bọt. Ông đã thanh toán tiền cả ba thứ đồ uống rồi rời đi trước hai người phụ nữ. Irène nhìn đôi bàn tay ông lần cuối, chúng quắp lại trên hai bên tay vịn ghế. Giống như hai cái kìm lớn kẹp lấy những công việc cần xử lý.

Irène Fayolle không thể vào phòng xử để nghe tuyên án, chỉ có người thân trong gia đình mới được cho vào. Nhưng bà chờ đằng trước tòa án, ở đầu cầu bộ hành, để quan sát màu sắc trang phục của những người sắp từ đó đi ra. Bà nhìn thấy chiếc áo thun màu xanh biển khơi, chiếc váy dài màu san hô, chiếc váy ngắn màu nước bạc hà và con bộ hung của người phụ nữ có

búi tóc đen huyền. Bà nhìn thấy tất cả bọn họ, hết người này đến người khác.

Irène đã một mình quay về Marseille. Nadia Ramirès ở lại Aix để ăn mừng việc Jules của bà trắng án, từ hiên quán này sang hiên quán khác.

Vài tuần sau, Irène đóng cửa hiệu tóc và bắt đầu nghề làm vườn. Bà tự nhủ rằng bà muốn làm một công việc khác với đôi bàn tay của bà, bà đã chán ngán những mái tóc phải cắt, những hóa chất chứa đầy amoniac, những cái ghế gọi đầu và nhất là những câu chuyện tán gẫu. Irène Fayolle vốn tính ít nói, bà quá kín đáo để có thể làm thợ tóc. Để là một thợ tóc giỏi, phải có tính hiếu kỳ, hài hước và hào hiệp. Bà nghĩ mình không có bất cứ phẩm chất nào trong cả ba phẩm chất đó.

Từ nhiều năm nay, đất đai và các giống hoa hồng vẫn khiến bà bối rối. Với khoản tiền nhượng lại cửa hàng, bà mua một khoảnh đất tại quận 7 của Marseille, và biến nó thành một vườn hồng. Bà đã học cách trồng cây, ươm mầm, tưới tắm, thu hái. Bà cũng học cách tạo ra những giống hồng mới màu đỏ son, màu mâm xôi, màu xi rô lựu và màu đùi tiên nữ xúc động khi nghĩ đến đôi bàn tay của Gabriel Prudent.

Bà tạo ra những bông hoa giống như người ta tạo ra những bàn tay biết mở và khép theo thời tiết.

Một năm sau, Irène Fayolle đi cùng Nadia Ramirès đến Aix-en-Provence để tham dự phiên tòa thứ hai. Chồng Nadia lại bị tóm trong một vụ liên quan đến ma túy. Trước khi đi, Irène tự hỏi bà phải ăn vận thế nào để không giống một “khán giả rảnh rỗi”.

Bà đã thất vọng, vì luật sư Prudent không có mặt ở phiên tòa. Ông đã rời khỏi vùng này.

Irène biết được thông tin đó khi bà đang trên đường từ Marseille đến Aix, trong xe hơi, khi Nadia nói rằng bà rất lo lắng, bởi vì lần này có lẽ luật sư Prudent sẽ không biện hộ để bào chữa cho Jules của bà, mà là một đồng nghiệp của ông.

– Nhưng tại sao chứ? Irène hỏi giống như một đứa trẻ đang đi nghỉ và biết được rằng nơi nó đến sẽ không có biển.

Một vụ ly hôn, ông ấy đã chuyển nhà. Nadia cũng không biết gì thêm.

Nhiều tháng trôi qua cho đến cái ngày một người phụ nữ bước vào vườn hồng của Irène Fayolle để đặt chuyển một bó hồng trắng đến Aix-en-Provence. Trong lúc điền thông tin vào biên lai giao hàng, Irène nhận thấy rằng bó hoa hồng được yêu cầu mang đến nghĩa trang Saint-Pierre ở Aix, dành cho bà Martine Robin, vợ của ông Gabriel Prudent.

Lần đầu tiên, chính Irène đích thân đi giao hàng vào sáng ngày 5 tháng Hai năm 1984, đến Aix-en-Provence nơi băng giá đã phủ kín mặt đất suốt đêm. Bà đặc biệt chăm chú cho bó hoa hồng mang đi giao. Bó hoa chiếm trọn băng ghế phía sau trên chiếc xe Peugeot đa dụng của bà.

Tại nghĩa trang Saint-Pierre, một nhân viên môi trường đô thị cho phép bà lái xe trong các lối đi để đặt bó hoa gần ngôi mộ của Martine Robin, người còn chưa được an táng. Lúc đó mới là 10 giờ, và phải đến chiều lễ an táng mới được tổ chức.

Trên mặt đá cẩm thạch có khắc: “Martine Robine, phu nhân Prudent (1932-1984)”. Bên dưới tên người quá cố, đã có gắn một bức ảnh: một phụ nữ xinh đẹp tóc nâu mỉm cười với ống kính máy ảnh, bức ảnh này hẳn là đã được chụp khi bà chừng ba mươi tuổi.

Irène trở ra ngoài chờ. Bà muốn nhìn thấy Gabriel Prudent một lần nữa. Cho dù là từ xa. Cho dù phải ần nấp. Bà muốn biết có đúng là ông không, người sắp được đưa vào lòng đất có đúng là vợ ông không. Bà tìm kiếm trong cáo phó, nhưng không tìm thấy gì có liên quan đến ông.

“Chúng tôi rất đau buồn thông báo rằng Martine Robin đã qua đời đột ngột tại Aix-en-Provence ở tuổi năm mươi hai. Martine là con gái của ông Gaston Robin và bà Micheline Bolduc quá cố. Bà để lại nỗi đau buồn cho con gái Marthe Dubreuil, anh trai Richard và chị gái Mauricette, dì Claudine Bolduc-Babé, mẹ kế Louise cùng đông đảo anh chị em họ, cháu trai cháu gái và những bạn bè thân thiết, Nathalie, Stéphanie, Mathias, Ninon cũng như rất nhiều người khác.”

Không có dấu vết gì của Gabriel Prudent. Như thể ông đã bị gạch khỏi danh sách những người được giao phó trách nhiệm phải đau buồn.

Irène ra khỏi nghĩa trang và lái xe đến cái quán đầu tiên nằm cách đó chừng ba trăm mét. Một quán rượu ven đường. Bà thầm nghĩ: *Thật kỳ lạ, một quán rượu kẹt giữa nghĩa trang và bể bơi công cộng của Aix. Cứ như thể nó bị lạc.*

Bà dừng xe và suýt thì vòng ngược trở lại khi nhìn thấy những ô kính bẩn thỉu và những tấm rèm treo trên các cửa sổ quá đổi cũ kỹ. Nhưng một cái bóng đã giữ bà lại. Bên trong, một bóng người cúi lom khom. Bà nhận ra ông bắt chập những ô kính bẩn thỉu. Ông đang ở đó. Thực sự đang ở đó. Tựa người vào một cửa sổ đóng kín, ông đang hút một điếu thuốc, ánh mắt nhìn vào khoảng không vô định.

Trong vòng vài giây, bà tưởng mình bị ảo giác, bị lẫn lộn, bị nhầm giữa ước muốn của bản thân và thực tại, tưởng như bà đang ở trong một cuốn tiểu thuyết chứ không phải trong cuộc đời, cuộc đời thực. Cuộc đời vốn không đẹp đẽ bằng những lời người ta hứa hẹn với nhau khi còn là học sinh năm cuối trung học cơ sở. Vội lại, bà mới chỉ gặp ông có một lần, từ ba năm trước.

Ông ngẩng đầu lên khi bà bước vào. Có ba người đàn ông đang tỉ khuy tay lên mặt quầy, chỉ một mình Gabriel Prudent là ngồi ở bàn. Ông nói với bà:

– Cô đã từng ở Aix để dự phiên tòa xử Jean-Pierre Reyman và Jules Ramirès vào năm Mitterrand trúng cử... Hồi ấy cô là một khán giả rảnh rỗi.

Bà không ngạc nhiên khi ông nhận ra bà. Như thể chuyện đó là hiển nhiên.

– Vâng, chào ông, tôi là bạn của Nadia Ramirès.

Ông gục gặc đầu, châm một điếu thuốc mới từ tàn của mẫu thuốc vừa hút, rồi trả lời bà:

– Tôi có nhớ.

Và không mời bà ngồi vào bàn mình, như thể đó là một sự đã rồi, ông gọi hai cốc cà phê và hai ly rượu táo, trong lúc giờ ngón trở chỉ lên trần nhà rồi chỉ về phía nữ nhân viên phục vụ. Một lần nữa, Irène Fayolle, người suốt đời chưa từng uống cà phê - bà chỉ uống trà - lại càng không bao giờ uống rượu táo vào lúc 10 giờ sáng, đã chăm chú nhìn đôi bàn tay to lớn của Gabriel và ngồi xuống trước mặt ông. Đôi bàn tay ông vẫn không hề già đi.

Lúc đầu, chính ông là người nói, rất nhiều. Ông nói rằng ông quay trở lại Aix để chôn cất Martine, vợ ông, đúng ra là vợ cũ của ông, rằng ông không chịu đựng nổi các loại nước thánh, cha xứ và cảm giác tội lỗi. Thế

nên, ông sẽ không đến dự lễ tang theo nghi thức tôn giáo, mà chỉ dự lễ an táng, rằng ông sẽ chờ ở đây, rằng ông sống với một phụ nữ khác ở Mâcon từ hai năm nay, rằng ông chưa từng gặp lại Martine, vợ ông, đúng ra là vợ cũ của ông, từ khi ông ra đi, rằng ông chia tay bà vì ông đã gặp một người khác, con gái bé bỏng của ông - hiện nó không còn bé bỏng nữa - đã giận ông, rằng ông đã suy sụp khi biết tin - Martine, chết ư! -, nhưng rằng sẽ không ai hiểu cả, rằng ông sẽ mãi là gã khờ đã bỏ rơi một phụ nữ, bỏ rơi người vợ của mình. Và như một sự trả thù sau khi bà đã chết, Martine, vợ ông, đúng ra là vợ cũ của ông, hoặc con gái ông, ông cũng không rõ nữa, đã cho khắc họ của ông lên tấm bia mộ. Bà đã mang theo cái họ của ông vào cõi vĩnh hằng.

– Thế còn cô? Liệu cô có làm thế không, cô ấy?

– Tôi không biết.

– Cô sống ở Aix?

– Không, Marseille, sáng nay tôi mang hoa đến giao, ở nghĩa trang, cho vợ ông, đúng ra là vợ cũ của ông. Trước khi rời đi, tôi muốn uống một cốc trà, trời lạnh quá, thực ra cái lạnh không phiền hà gì cho tôi cả, ngược lại là đáng khác, nhưng tôi bị lạnh. Ở đây, ít nhất thì rượu táo cũng làm ấm người, tôi nghĩ đầu tôi quay cuồng rồi, thực ra không phải là tôi nghĩ, đầu óc tôi quay cuồng rồi, tôi sẽ không thể lên đường về nhà ngay được, rượu táo này nặng thật... Xin thứ lỗi nếu tôi có tò mò, bình thường tôi không như thế, nhưng ông đã gặp người vợ mới của ông thế nào vậy?

– Ô, chẳng có gì đặc biệt cả, chỉ vì một người đàn ông mà tôi nhận bào chữa trong nhiều năm: suốt quá trình tổ chức việc bào chữa, giải thích mọi chuyện với vợ anh ta, rồi quay lại nhà tù hết năm này sang năm khác, rốt cuộc chúng tôi đã yêu nhau. Thế còn cô, chuyện đó từng xảy ra với cô

chưa?

– Chuyện gì?

– Yêu ai đó.

– Có rồi, tôi yêu chồng tôi, Paul Seul, chúng tôi có một con trai, Julien, thằng bé mười tuổi rồi.

– Cô có đi làm không?

– Tôi làm vườn, trước đây tôi là thợ làm tóc, nhưng tôi không chỉ bán hoa, tôi còn trồng chúng nữa, tôi thực hiện việc lai ghép.

– Việc gì?

– Lai ghép. Tôi trộn lẫn các giống hồng với nhau để tạo ra các giống mới.

– Tại sao?

– Tại vì tôi thích thế... Lai tạo.

– Thế kết quả sẽ cho ra màu gì? Làm ơn cho thêm hai ly rượu táo nữa!

– Đỏ son, đỏ mâm xôi, đỏ mận hoặc đùi tiên nữ xúc động. Tôi cũng có nhiều giống hồng trắng nữa.

– Trắng kiểu gì?

– Trắng tuyết. Tôi thích tuyết. Những cây hoa hồng của tôi cũng có đặc tính là không sợ lạnh.

– Thế còn cô, cô không bao giờ mặc trên người những trang phục sắc sỡ sao? Lần trước ở Aix, trong phiên tòa, cô mặc toàn màu be.

– Tôi thích nhìn các màu sắc sắc sỡ trên hoa và những cô gái xinh đẹp hơn.

– Nhưng cô còn tệ hơn là xinh đẹp. Khuôn mặt cô vẫn rất trẻ trung, như thể vẫn còn cả một cuộc đời trước mặt. Tại sao cô lại mỉm cười?

– Tôi không mỉm cười. Tôi say rồi.

Khoảng giữa trưa, họ gọi hai đĩa trứng ốp kèm xa lát, cùng một đĩa khoai tây chiên ăn chung. Và một cốc trà cho bà. Ông đã nói: “Tôi không chắc là trà và trứng ốp hợp nhau đâu”, và bà trả lời: “Trà hợp với mọi thứ, nó giống như màu đen và màu trắng, có thể phối với mọi màu sắc.”

Trong bữa ăn, ông liếm ngón tay, ông liếm muối trên khoai chiên. Ông uống một ly bia hơi. Trong khi bà pha trộn trà Anh với ly rượu táo không biết thứ bao nhiêu, ông nói: “Vùng Normandie và nước Anh cũng giống như màu đen và màu trắng, rất hợp với nhau.”

Ông đứng dậy hai lần. Bà nhìn lớp bụi, hiệu ứng tĩnh điện xung quanh ông, trong ánh mặt trời, trông giống như tuyết. Rồi họ gọi thêm khoai chiên, trà và rượu táo. Thông thường, ở một nơi bản thủ như thế này, có lẽ Irène Fayolle sẽ dùng vạt áo vest để lau miệng cốc, nhưng ở đây thì không.

Khi chiếc xe đòn đi qua đằng trước quán rượu, đã 15h10. Bà không nhận thấy thời gian trôi đi. Cứ như thể bà bước vào quán rượu này mới chỉ mười phút trước. Họ ngồi cùng nhau đã năm giờ đồng hồ.

Họ vội vàng đứng dậy, gấp gấp trả tiền rồi Irène bảo ông chui vào trong chiếc xe chuyên dụng của bà, bà sẽ chở ông đến nghĩa trang. Bà đã biết mộ của Martine Robin nằm ở đâu.

Ngồi trong xe, ông hỏi tên bà. Ông nói đã chán phải gọi bà là “cô” rồi.

– Irène.

– Còn tôi là Gabriel.

Họ đến trước cánh cổng dẫn tới chỗ Martine Robin. Ông không xuống xe. Ông nói:

– Chúng ta sẽ chờ ở đây, Irène ạ. Điều quan trọng là Martine biết tôi

có ở đây. Những người khác, tôi không quan tâm.

Ông hỏi ông có thể hút thuốc trong xe bà không, bà trả lời là tất nhiên, ông liền hạ cửa kính xuống, tựa đầu vào chỗ tựa đầu trên ghế xe, nắm lấy bàn tay trái của Irène trong tay mình rồi nhắm mắt lại. Họ lặng lẽ chờ. Họ nhìn mọi người đi rồi đến trong các lối đi. Tới một lúc, dường như họ nghe thấy tiếng nhạc.

Khi tất cả mọi người đã rời đi, khi chiếc xe đòn trông rỗng đã đi qua xe họ, Gabriel bước xuống. Ông bảo Irène đi cùng ông, bà lưỡng lự, ông nói: “Làm ơn đi.” Họ bước đi bên nhau.

– Tôi đã nói với Martine là tôi rời bỏ cô ấy vì một người phụ nữ khác, tôi đã nói dối. Với cô, Irène ạ, tôi có thể nói sự thật, tôi rời bỏ Martine là vì Martine. Những người khác, những người mà vì họ ta rời bỏ một ai đó, chỉ là những cái cớ, là những mẹo nghi binh. Ta rời bỏ mọi người là vì chính họ, không cần phải tìm kiếm đâu xa. Tất nhiên, tôi sẽ không bao giờ nói với Martine điều đó. Và hôm nay thì lại càng không.

Khi họ đến bên ngôi mộ, Gabriel hôn lên bức ảnh. Đôi bàn tay ông bầu lấy cây thánh giá dựng trên bia mộ. Ông thì thầm những lời mà Irène không nghe rõ, và bà cũng không tìm cách lắng nghe.

Những bông hồng trắng của bà được đặt giữa mộ. Có rất nhiều hoa, những lời yêu thương, thậm chí có cả một con chim bằng đá granit.

– Nhưng ai đã kể tất cả những chuyện đó với anh?

– Tôi đọc được trong cuốn nhật ký của mẹ tôi.

– Bà ấy viết nhật ký sao?

– Đúng thế. Tôi tìm thấy nó giữa đồng thùng các tông vào tuần trước, trong lúc thu dọn đồ đạc của mẹ tôi.

Julien Seul đứng dậy.

– Đã 2 giờ sáng, tôi phải về thôi. Tôi mệt rồi. Ngày mai tôi lên đường sớm. Cảm ơn cô vì bữa tối nay, đồ ăn rất ngon. Cảm ơn cô. Đã lâu rồi tôi không ăn ngon miệng như thế. Cũng không có được một khoảng thời gian ngọt ngào đến thế. Tôi cứ nói đi nói lại mãi, nhưng cứ khi nào cảm thấy dễ chịu là tôi lại nói đi nói lại như thế.

– Nhưng... họ đã làm gì sau lễ an táng đó? Anh phải kể cho tôi nghe phần kết của câu chuyện ấy.

– Có lẽ câu chuyện ấy không có hồi kết.

Anh cầm tay tôi và đặt lên đó một nụ hôn. Tôi chưa từng biết thứ gì khiến ta bồi hồi hơn là một người đàn ông ga lăng.

– Lúc nào cô cũng rất thơm.

– “Nước trời” của Annick Goutal.

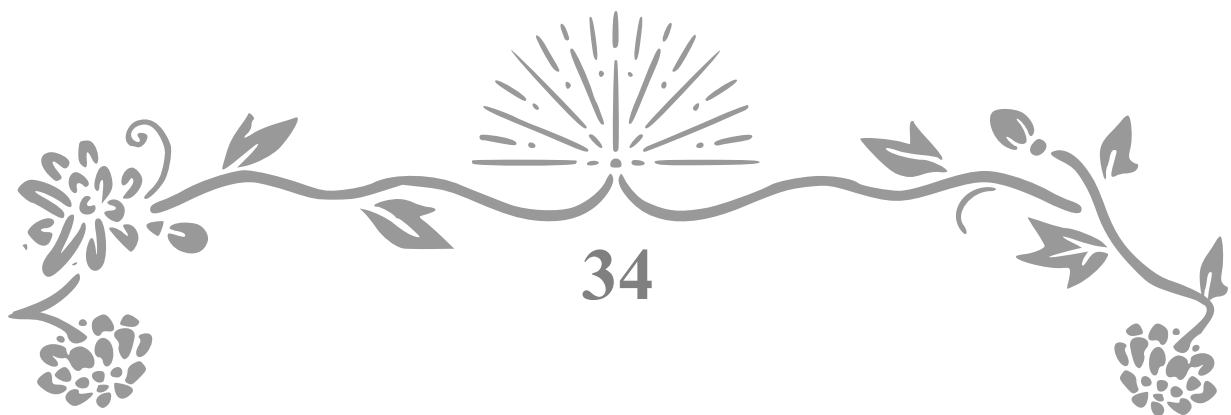
Anh mỉm cười.

– Vậy thì cô đừng bao giờ đổi sang nước hoa khác nhé. Chúc cô ngủ ngon.

Anh khoác áo choàng rồi ra khỏi nhà bằng cánh cửa quay ra phố. Trước khi đóng cánh cửa lại sau lưng, anh bảo tôi:

– Tôi sẽ quay lại để kể cho cô nghe đoạn kết. Nếu tôi kể cho cô nghe bây giờ, cô sẽ không còn muốn gặp tôi nữa.

Trong lúc nằm xuống giường, tôi nghĩ tôi sẽ không muốn chết khi mới đọc được một nửa cuốn tiểu thuyết mình yêu thích.



Trong tim chúng tôi, người còn ở lại mãi mãi.

Ba năm sau ngày chúng tôi cưới, vào tháng Sáu năm 1992, toàn bộ ngành đường sắt nước Pháp tê liệt. Ở Malgrange, chuyến tàu lúc 6h29 trở thành chuyến tàu lúc 10h20, còn chuyến tàu lúc 10h20 trở thành chuyến tàu lúc 12h05, cứ thế cho đến khi chuyến tàu lúc 13h30 dừng trên đường ray vào lúc 16h và không nhúc nhích nữa trong suốt bốn mươi tám giờ đồng hồ. Những người đình công đã dựng một chướng ngại vật cách thanh chắn của chúng tôi chừng hai trăm mét. Chuyến tàu đông nghịt người. Ngày hôm đó trời đặc biệt nóng nực. Hành khách nhanh chóng mở cửa sổ và cửa lên xuống của con tàu Nancy-Épinal.

Chưa bao giờ có đông người đến thế ở siêu thị Casino. Kho nước đóng chai được bán hết sạch chỉ trong vòng vài giờ đồng hồ. Đến cuối chiều, Stéphanie không quét mã vạch các chai nước ở quầy thu ngân nữa, mà trực tiếp phân phát chúng trên các bậc lên xuống của đoàn tàu. Không còn ai phân biệt được khoang hạng nhất với khoang hạng hai. Mọi người đều ở bên ngoài, dưới bóng của đoàn tàu, xung quanh các đường ray. Các nhân viên soát vé và nhân viên lái tàu thuộc SNCF đã cùng lúc biến mất.

Khi hành khách hiểu ra rằng chuyến tàu sẽ không đi tiếp nữa, những

chiếc xe hơi bắt đầu xuất hiện, những người hàng xóm, bạn bè. Một số hành khách gọi điện thoại từ nhà chúng tôi để nhờ người đến đón. Những người khác gọi từ ca bin công cộng. Trong vòng vài giờ, cả đoàn tàu lẫn khu vực xung quanh đã vắng ngắt.

Toàn bộ giao thông trong khu vực Malgrange-sur-Nancy bị ngắt quãng. Mọi người đến sát bên thanh chắn đang hạ, đón các hành khách rồi quay đầu xe. Đến 21 giờ, Phố Lớn đã tĩnh lặng còn siêu thị Casino thì đóng cửa. Khi Stéphanie kéo tấm lưới sắt xuống, mặt chị đỏ gay. Từ đằng xa, chúng tôi chỉ còn nghe thấy tiếng những người đình công. Họ sẽ ngủ lại tại chỗ, đằng sau chướng ngại vật của họ.

Khi màn đêm đã buông và Philippe Toussaint đã đi dạo một vòng được một lúc lâu, tôi nhìn thấy ở đầu đoàn tàu vẫn còn lại hai hành khách: một phụ nữ và một bé gái hẳn là trạc tuổi Léonine. Tôi hỏi người phụ nữ xem có ai đến đón chị không, nhưng chị trả lời là chị sống cách Malgrange bảy trăm hai mươi ki lô mét, rằng mọi chuyện rất phức tạp, rằng chị khởi hành từ Đức nơi chị vừa đón cô cháu gái nhỏ và họ đang đến Paris. Chị không thể báo cho bất kỳ ai trước ngày mai, và lại đến mai cũng chẳng chắc.

Tôi mời chị vào nhà ăn tối. Chị từ chối. Tôi vẫn cố nài. Tôi xách va li của hai người mà không hỏi ý chị, và họ đi theo tôi.

Léo đã ngủ say.

Tôi mở hết các cửa sổ, lần đầu tiên cả trong nhà cũng nóng.

Tôi cho bé Emmy ăn tối, cô bé đã mệt rũ. Trong bữa ăn, cô bé chơi với một trong số búp bê của Léo, rồi tôi cho cô bé nằm ngủ cạnh Léo. Nhìn hai đứa trẻ ngủ cạnh nhau như thế, tôi nghĩ mình muốn có thêm một đứa con. Nhưng hẳn là Philippe Toussaint sẽ không đồng ý, tôi từng nghe anh ta nói

rằng nhà chúng tôi quá chật để có thể có thêm đứa con thứ hai. Tôi nghĩ chính tình yêu của chúng tôi mới quá chật chội nên không thể đón thêm một đứa trẻ, chứ không phải là ngôi nhà.

Tôi nói với bà của Emmy, chị tên là Célia, rằng chị buộc phải ngủ lại nhà tôi, rằng tôi sẽ không để chị quay trở lại đoàn tàu trống rỗng kia, rằng như thế quá nguy hiểm. Và tôi cũng nói với chị rằng đây là lần đầu tiên từ nhiều năm nay, nhờ có vụ đình công này, mà tôi được nghỉ ngơi, mà tôi có khách và rằng tôi hy vọng đoạn đường sắt này sẽ bị ngắt quãng càng lâu càng tốt, rằng rốt cuộc tôi sẽ có thể ngủ liền một mạch hơn tám tiếng đồng hồ mà không bị quấy rầy bởi tiếng chuông báo của thanh chắn tàu.

Célia hỏi có phải tôi sống một mình cùng con gái không. Câu hỏi đó khiến tôi mỉm cười. Thay vì trả lời, tôi mở một trong những chai vang đỏ rất ngon mà tôi vẫn để dành chờ “khi có dịp”, chỉ có điều cái dịp ấy chẳng bao giờ xuất hiện cho đến tận ngày hôm ấy.

Chúng tôi bắt đầu uống. Sau hai ly, Célia đã chấp nhận lời mời ngủ lại của tôi. Tôi sẽ sắp xếp để chị ngủ trong phòng vợ chồng tôi, còn tôi và chồng tôi sẽ ngủ trên xô pha giường. Chúng tôi vẫn thường ngủ trên xô pha giường mỗi khi bố mẹ của Philippe Toussaint đến thăm chúng tôi - hai lần mỗi năm từ khi chúng tôi kết hôn. Họ đến đón Léo để đưa con bé đi nghỉ. Một tuần giữa Giáng sinh và Năm mới, và mười ngày vào mùa hè, để đi biển.

Sau ly thứ ba, vị khách của tôi nói rằng chị sẽ chấp nhận lời mời của tôi với điều kiện chính chị là người ngủ trên xô pha giường.

Hồi ấy, Célia chừng năm mươi tuổi. Chị có đôi mắt xanh rất đẹp, rất dịu dàng. Chị ăn nói nhỏ nhẹ, chị có chất giọng khiến người ta yên tâm và âm sắc thật đẹp của miền Nam.

Tôi nói: “Đồng ý về vụ xô pha giường” và tôi đã đúng khi làm thế. Cuối cùng, khi Philippe Toussaint quay về nhà, anh ta đi thẳng đến đồ sụp xuống chiếc giường trong phòng chúng tôi. Không ném về phía chúng tôi dù chỉ là một ánh nhìn.

Tôi nói với Célia, trong lúc nhìn Philippe Toussaint đi qua: “Đây là chồng em.” Chị mỉm cười với tôi nhưng không trả lời gì.

Célia và tôi vẫn ngồi lại trong phòng khách để trò chuyện cho đến 1 giờ sáng. Các cửa sổ vẫn để mở. Đây là lần đầu tiên bên trong các phòng nóng nực đến thế từ khi chúng tôi tới đây. Célia sống ở Marseille, tôi nói với chị rằng chắc chắn chính chị là người đã mang ánh mặt trời vào tận trong nhà. Rằng thông thường sự ẩm áp không vào trong nhà, rằng có một thanh chắn vô hình ngăn cản nó.

Khi chúng tôi uống hết chai rượu vang, tôi nói với chị rằng tôi đồng ý để chị ngủ trên xô pha giường với điều kiện là tôi cũng ngủ ở đó với chị, bởi vì tôi chưa bao giờ có bạn gái hay chị em gái, và ngoại trừ con gái tôi khi nó mới chào đời, tôi chưa từng ngủ với một cô bạn gái nào giống như những người bạn gái thực thụ vẫn làm. Célia trả lời: “Đồng ý, cô bạn ạ, chúng ta sẽ ngủ cùng nhau.”

Đêm đó, tôi đã thực hiện được một điều ước khi bù đắp được đôi chút cho sự muộn màng của mình trong tình bạn. Tất cả những đêm tôi từng muốn ngủ ở nhà một cô bạn thân cùng với bố mẹ cô ấy ở bên cạnh, tất cả những đêm tôi muốn trèo tường cùng cô ấy để tìm gặp những cậu trai ngồi trên xe gắn máy của họ ở đầu phố, tôi đã bù đắp được đôi chút cho những đêm ấy.

Tôi tin rằng chúng tôi đã trò chuyện đến tận 6 giờ sáng. Ngày đã rạng được một lát khi cuối cùng tôi cũng ngủ thiếp đi. Lúc 9 giờ, Léo đến đánh

thức tôi để nói rằng có một bé gái không biết nói ở trong giường con bé. Emmy là người Đức, cô bé không nói được một từ tiếng Pháp nào. Sau đó, Léo hỏi dồn dập:

– Thế tại sao mẹ lại ngủ trong phòng khách? Tại sao bố ngủ trên giường mà vẫn mặc nguyên quần áo đi đường? Bác này là ai thế? Tại sao lại không có tàu nữa? Những người này là ai thế, hả mẹ? Em bé kia là ai? Có phải người trong họ nhà mình không? Họ có ở lại đây không?

Than ôi, không. Hai ngày sau, Célia và Emmy ra đi.

Khi họ quay trở lại tàu, tôi tưởng mình sắp chết vì đau buồn. Như thế tôi đã quen biết họ từ bấy lâu nay. Cuộc đình công nào rồi cũng phải chấm dứt. Những kỳ nghỉ cũng thế. Nhưng tôi đã gặp được một người, người bạn gái đầu tiên của tôi. Qua ô cửa sổ mở hé của con tàu, khoang số 7, Célia bảo tôi:

– Hãy đến Marseille sống với bọn chị. Ở đó em sẽ thấy thoải mái, chị sẽ tìm việc cho em... Thông thường, chị không phán xét bất kỳ ai, nhưng bởi vì nước Pháp đang đình công, nên có thể cho rằng chị cũng đang đình công và chị sẽ nói với em suy nghĩ sâu kín của chị: Violette ạ, rõ ràng chồng em không phải là người dành cho em. Hãy rời bỏ anh ta đi.

Tôi trả lời rằng người ta đã tước mất cha mẹ của tôi, rằng tôi sẽ không bao giờ tước mất cha của Léonine. Philippe Toussaint là một người cha trong ngoặc kép, nhưng dù sao anh ta vẫn là cha.

Một tuần sau khi hai bà cháu rời đi, tôi nhận được một bức thư dài của Célia. Trong bức thư ấy, chị đã kẹp vào ba tấm vé tàu khứ hồi Malgrange-sur-Nancy - Marseille.

Chị có một ngôi nhà nhỏ ở khu vũng bờ đá Sormiou, chị cho chúng tôi toàn quyền sử dụng nó. Tủ lạnh đã chất đầy đồ ăn. Chúng tôi chỉ việc tận

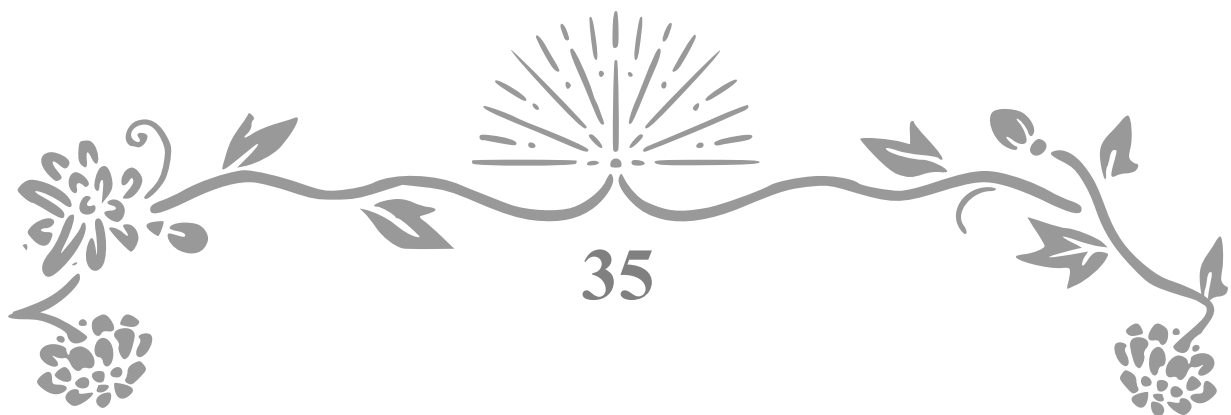
hưởng. Chị viết: “Rốt cuộc, hãy tận hưởng đi. Em sẽ có thể có một kỳ nghỉ thực sự, Violette ạ, và ngắm biển cùng con gái em.” Chị cũng viết rằng chị sẽ không bao giờ quên việc tôi đã cho chị trú chân và thết đãi chị. Rằng đổi lại hai ngày mà tôi đã dành cho chị, sẽ là những kỳ nghỉ hằng năm ở Marseille.

Philippe Toussaint nói rằng anh ta sẽ không đi. Rằng anh ta “còn có việc khác để làm thay vì đi đến nhà một ả đồng tính”. Đó là cách anh ta gọi tất cả những phụ nữ mà anh ta không ngủ với, những “ả đồng tính”.

Còn tôi, tôi trả lời rằng anh ta không đi cũng thật tốt, như thế anh ta có thể trông trạm trong khi tôi và Léo đi. Hẳn là anh ta không thích hình dung ra cảnh chúng tôi có thời gian vui vẻ mà không có anh ta. Tình yêu đã được hồi sinh: lần đầu tiên trong suốt sáu năm, theo đề nghị của anh ta, trong vòng vài giờ, SNCF đã tìm được người trực thay chúng tôi.

Mười lăm ngày sau, ngày 1 tháng Tám năm 1992, chúng tôi khám phá Marseille. Célia chờ chúng tôi ở đầu sân ga Saint-Charles. Tôi lao vào vòng tay chị. Thời tiết trên sân ga rất đẹp, và tôi nhớ mình đã nói điều ấy với Célia: “Mới đến sân ga thôi mà đã rất đẹp rồi...”

Tôi đang ngồi trên ghế sau xe của Célia thì thấy Địa Trung Hải lần đầu tiên, tôi hạ kính xuống và khóc như một đứa trẻ. Tôi nghĩ mình đã phải chịu cú sốc để đời. Cú sốc trước sự *tráng lệ*.



Tất cả sẽ xóa nhòa, tất cả sẽ trôi qua, ngoại trừ kỷ niệm.

Trích tiểu thuyết *Ni toi ni moi*, Camille Laurens.

Những bức thư tình, một chiếc đồng hồ, một thỏi son, một chuỗi vòng cổ, một cuốn tiểu thuyết, những câu chuyện cổ tích cho trẻ con, một chiếc điện thoại di động, một áo choàng, những bức ảnh gia đình, một cuốn lịch năm 1966, một con búp bê, một chai rượu rum, một đôi giày, một cây bút, một bó hoa khô, một cây kèn harmonica, một tấm huy chương bằng bạc, một chiếc xác tay, một cặp kính râm, một tách uống cà phê, một khẩu súng săn, một tấm bùa hộ mệnh, một đĩa than 33 vòng, một tạp chí có Johnny Hallyday trên trang bìa. Ta có thể tìm thấy mọi thứ trong một cỗ quan tài.

Hôm nay chúng tôi đã chôn cất Jeanne Ferney (1968-2017). Paul Lucchini nói với tôi rằng bên trong quan tài của Jeanne, anh đã bỏ một bức chân dung của các con cô ấy, đúng như cô ấy mong muốn. Những ý nguyện cuối cùng thường được tôn trọng. Chúng ta không dám làm trái ý người quá cố, chúng ta sợ rằng từ cõi ấy họ sẽ khiến chúng ta gặp vận rủi nếu không làm theo lời họ.

Tôi vừa khóa cổng nghĩa trang. Tôi đi qua ngôi mộ còn phủ đầy hoa tươi của Jeanne. Tôi bóc lớp ni lông quấn quanh những bông hoa, để chúng

có thể hít thở.

Hãy yên nghỉ nhé, Jeanne thân mến.

Nếu chuyện này là đúng, có lẽ cô đã được tái sinh ở một nơi nào đó, trong một thành phố khác, ở đâu kia của thế giới. Gia đình mới của cô đang vây quanh xung quanh cô. Họ ăn mừng việc cô chào đời. Họ ngắm nhìn cô, họ hôn cô, họ tặng cô thật nhiều quà, họ nói rằng cô giống mẹ cô, trong khi ở đây mọi người khóc thương cô. Còn cô, cô đang ngủ, cô chuẩn bị cho một cuộc đời mới với tất cả những việc cần làm, trong khi ở đây cô đã chết. Ở đây cô là một kỷ niệm, ở đó cô chính là tương lai.

Khi chiếc xe của Célia rẽ vào con đường nhỏ cheo leo dẫn xuống tận vũng bờ đá Sormiou, cái đẹp choán lấy mắt tôi. Léo nói với tôi rằng con bé buồn nôn, tôi đặt nó ngồi lên đầu gối tôi và bảo: “Con nhìn xem, con có thấy biển dưới kia không? Chúng ta gần đến nơi rồi.”

Chúng tôi mở hết cửa chớp của ngôi nhà nhỏ, chúng tôi để cho nắng, ánh sáng và các mùi hương ủa vào nhà.

Lũ ve sâu kêu vang. Cho đến lúc ấy, tôi mới chỉ nghe thấy chúng kêu trên ti vi. Tiếng chúng át cả tiếng chúng tôi.

Chúng tôi mặc ngay áo bơi mà không buồn dỡ đồ đạc trong vali ra. Chúng tôi phải uống cạn biển! Chúng tôi mới đi bộ chừng trăm mét mà chân đã chìm trong làn nước trong veo, xanh biếc. Nhìn từ xa, Địa Trung Hải có màu xanh lơ, còn nhìn gần, nước biển trong như pha lê. Tôi mới chỉ biết đến làn nước đầy clo của những bể bơi ở thành phố.

Tôi thôi căng chiếc phao bơi hình thiên nga của Léo, rồi vừa dần sâu

vào làn nước mát, chúng tôi vừa hét lên đầy thích thú.

Philippe Toussaint bày trò khiến chúng tôi cười, anh ta té nước vào chúng tôi. Anh ta hôn tôi. Anh ta khiến vị muối vương trên môi tôi. Léo nói: “Bố thơm mẹ kìa.”

Tiếng cười của Léo trên vai bố, lũ ve sầu, làn nước mát và mặt trời, đầu óc tôi quay cuồng. Giống như một vòng ngựa gỗ quay quá nhanh. Tôi ngụp đầu xuống nước và mở mắt ra. Muối làm mắt tôi bị xót. Tôi hoan hỉ.

Chúng tôi ở lại Marseille mười ngày. Tôi gần như không ngủ. Có điều gì đó trong tôi không chịu nhắm mắt, một niềm hạnh phúc quá tràn trề, những cảm xúc chất chứa trong tôi như chực trào ra. Tôi chưa bao giờ thấy con gái tôi vui thích đến thế.

Cho dù là giờ nào trong ngày, trời cũng vẫn sáng. Cho dù là giờ nào trong ngày, chúng tôi vẫn tắm biển. Hoặc chúng tôi ăn. Hoặc chúng tôi lắng nghe. Hoặc chúng tôi ngắm nhìn. Hoặc chúng tôi hít thở. Chúng tôi chỉ còn ba câu cửa miệng: “Thơm quá”, “Nước thích quá”, “Ngon quá”. Hạnh phúc khiến ta trở nên ngốc nghếch. Như thể chúng tôi đã đổi sang một thế giới khác, như thể chúng tôi vừa sinh ra ở một nơi khác, trong một ánh sáng chói lòa.

Suốt mười ngày ấy, Philippe Toussaint không hề đi dạo một vòng. Anh ta ở lại với chúng tôi. Anh ta làm tình với tôi và tôi đáp trả anh ta nồng nhiệt. Chúng tôi đánh đổi làn da ngăm đen ánh mặt trời lấy một niềm hạnh phúc giả tạo. Chúng tôi tìm lại được thuở ban đầu, nhưng không tìm lại được tình yêu. Hưởng thụ mọi thứ, đó chỉ là một thú vui. Tất cả đã xa rồi. Bầu trời miền Đông và những thứ khác.

Léo vùng vẫy thoát ra khi tôi bôi kem chống nắng cho nó. Con bé cũng vùng vẫy khi tôi muốn che nắng cho nó. Nó đã quyết định cứ thế ở

trần, trong nước. Con bé đã quyết định biến thành một nàng tiên cá nhỏ. Giống như trong những cuốn truyện tranh.

Tôi tin rằng trong suốt mười ngày, chúng tôi không hề xỏ chân vào giày. Thế đấy, tôi đã hiểu ra rằng đi nghỉ là như thế: không xỏ chân vào giày.

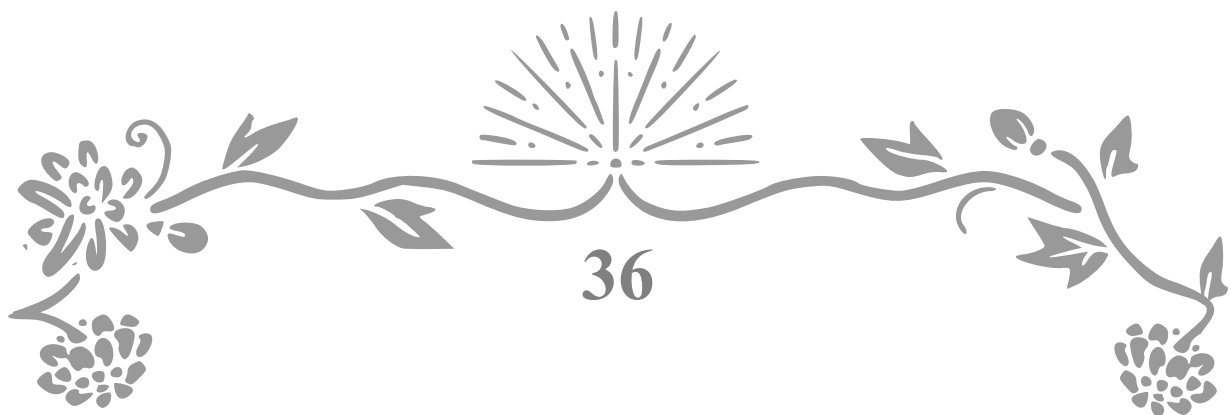
Kỳ nghỉ cũng giống như một phần thưởng, một giải nhất, một tấm huy chương vàng. Phải xứng đáng với nó. Và Célia nhất quyết là tôi đã sống nhiều cuộc đời thật xứng đáng. Cuộc đời với mỗi gia đình tiếp nhận, và cuộc đời với Philippe Toussaint.

Thỉnh thoảng, Célia xuống thăm chúng tôi. Chị kiểm tra hạnh phúc của chúng tôi. Và giống như một chỉ huy công trường đầy thỏa mãn, chị vừa rời đi vừa tủm tủm cười, sau khi uống với tôi một cốc cà phê.

Tôi bao phủ chị bằng những lời cảm ơn, giống như những người khác bao phủ người phụ nữ của họ bằng nữ trang. Tôi dành cho chị những bộ trang sức dẹt từ những lời cảm ơn. Và còn lâu tôi mới nói hết được. Tôi không phải là người đóng các cánh cửa chớp của căn nhà nhỏ vào cái ngày chúng tôi rời đi. Tôi đã nhờ Philippe Toussaint làm việc đó. Nếu tự tay đóng các cánh cửa chớp, có lẽ tôi sẽ cảm thấy như đang tự chôn sống chính mình, đóng cửa hãm mộ của chính mình. Giống như Jacques Brel từng hát, “anh sẽ tạo ra cho em những câu từ kỳ cục, mà em sẽ hiểu”. Đó chính là điều tôi đã làm để Léo không khóc khi rời đi, để con bé không bầu chặt lấy cánh cửa căn nhà mà la hét. Tôi bịa ra những câu từ kỳ cục. Những câu từ của tuổi thơ, những câu từ giản dị nhất.

– Con yêu, chúng ta phải đi thôi, bởi vì một trăm hai mươi ngày nữa là Giáng sinh rồi, mà một trăm hai mươi ngày trôi qua nhanh lắm. Thế nên, chúng ta phải bắt đầu lập danh sách quà tặng ngay lập tức, để còn gửi cho

ông già Noel. Ở đây, không có bút mực, không có bút chì màu, không có giấy. Chỉ có biển. Thế nên chúng ta phải về nhà. Sau đó, còn phải trang trí cây thông, phải treo những quả cầu đủ màu lên các cành cây, và năm nay, chúng ta sẽ chằng những dây trang trí bằng giấy mà chúng ta tự làm, đúng thế, mẹ con mình sẽ tự làm! Chính vì thế mà phải về nhanh thôi, chúng ta không còn nhiều thời gian nữa đâu. Và nếu con thật ngoan, chúng ta sẽ sơn lại tường phòng con. Màu hồng sao? Tùy con thôi. Vội lại, trước Giáng sinh, trước Giáng sinh thì còn có gì nhỉ? SINH NHẬT CON! Sinh nhật con sắp đến rồi. Chúng ta sẽ thổi bóng bay, ôi nhanh lên, nhanh lên, nhanh lên, phải về nhà thôi! Chúng ta có quá nhiều việc thú vị cần làm, ở nhà ấy. Con xỏ giày vào đi, con yêu. Nhanh, nhanh, nhanh lên, chúng ta sắp đồ vào va li! Chúng ta sẽ gặp lại những đoàn tàu - và thậm chí có thể chúng sẽ dừng lại! Và bác Célia sẽ ở trong đó. Nhanh, nhanh, nhanh lên, chúng ta về nhà thôi! Vội lại, dù sao đi nữa, sang năm chúng ta cũng sẽ quay lại Marseille mà. Cùng với tất cả các món quà của con.



Tất cả những ai từng quen biết người đều tiếc nhớ và khóc thương người.

Irène Fayolle và Gabriel Prudent rời khỏi mộ của Martine Robin, tức phu nhân Prudent. Trước khi rời đi, Gabriel Prudent đã vuốt ve cái họ của ông khắc trên mặt đá. Ông nói với Irène: “Dù sao cũng thật kỳ cục khi nhìn thấy họ của chính mình khắc trên một nấm mồ.”

Họ đi dọc các lối đi trong nghĩa trang Saint-Pierre, thỉnh thoảng dừng lại trước những ngôi mộ khác, trước những người xa lạ. Để ngắm nhìn những bức ảnh hoặc ngày tháng. Irène nói:

– Tôi ấy, tôi muốn được hỏa thiêu.

Ở bãi đỗ xe đằng trước nghĩa trang, Gabriel nói:

– Cô muốn làm gì?

– Chúng ta có thể làm gì, sau chuyện vừa rồi?

– Làm tình. Tôi muốn cởi bỏ bộ trang phục màu be kia khỏi người em và ngắm nhìn em trong tất cả các màu sắc, Irène Fayolle ạ.

Bà không trả lời. Họ chui vào chiếc xe chuyên dụng, lái xe đi, với tình yêu, rượu và nỗi u buồn ngập tràn trong máu. Irène lái xe và đưa Gabriel

đến trước ga Aix.

– Em không muốn làm tình sao?

– Một phòng khách sạn như hai kẻ cắp... chúng ta xứng đáng hơn thế, không phải sao? Vói lại, chúng ta sẽ đánh cắp của ai chứ, ngoại trừ chúng ta?

– Em có muốn cưới tôi không?

– Tôi kết hôn rồi.

– Vậy là tôi đã đến quá muộn.

– Đúng thế.

– Tại sao em không mang họ của chồng em?

– Bởi vì họ của anh ấy là Seul. Paul Seul. Nếu tôi mang họ của anh ấy, tôi sẽ có tên là Irène Seul. Đó sẽ là một lỗi chính tả.

Họ choàng tay ôm siết lấy nhau. Không hôn nhau. Không nói lời tạm biệt. Ông xuống khỏi xe, bộ trang phục người đàn ông góa vợ của ông nhàu nát. Bà ngẩng nhìn đôi bàn tay ông lần cuối. Bà tự nhủ đây là lần cuối cùng. Ông vẫy tay ra hiệu với bà trước khi quay người và bước đi xa dần trên sân ga.

Bà lên đường để quay về Marseille. Lối ra cao tốc không xa nhà ga cho lắm. Giao thông thuận lợi. Chưa đầy một giờ nữa, bà hẳn sẽ dừng xe trước ngôi nhà nơi Paul đang chờ bà. Và năm tháng sẽ trôi đi.

Rồi Irène hẳn sẽ nhìn thấy Gabriel trên ti vi, ông sẽ tranh biện xung quanh một vụ trọng án nào đó, sẽ bào chữa cho một người nào đó mà ông tin chắc là vô tội. Ông sẽ nói: “Toàn bộ vụ việc này đã được dàn dựng xung quanh một điều bất công mà tôi sẽ lần lượt phá vỡ từng mảnh một.” Ông sẽ nói: “Tôi sẽ chứng tỏ điều đó!” Ông sẽ có vẻ kích động, sự vô tội của người

kia sẽ cần rút ông, điều đó sẽ thể hiện rõ mòn mỏi. Bà sẽ thấy ông mệt mỏi, mắt thâm quầng, có lẽ đã già đi.

Trên đài, Irène hẳn sẽ nghe một bài hát của Nicole Croisille, “Anh vui như một người Ý khi anh biết mình sẽ có cả tình yêu và rượu vang”. Lúc đó bà hẳn sẽ phải ngồi xuống. Những câu từ của bài hát như chặt đứt chân bà, kéo phắt bà quay trở lại quán rượu ngày 5 tháng Hai năm 1984. Bà hẳn sẽ nhớ lại những mẫu đối thoại giữa những miếng khoai chiên, những tấm rèm bản thiêu, bia, lễ an táng, những bông hồng trắng, món trứng ốp và những cốc rượu táo.

– Em thích gì nhất, hơn tất cả mọi thứ?

– Tuyệt.

– Tuyệt ư?

– Đúng thế, tuyệt rất đẹp. Và lặng lẽ. Khi tuyết rơi, cả thế giới ngưng trệ. Như thể có một tấm trải lớn bằng bột trắng bao phủ lên nó... Tôi thấy cảnh tượng ấy thật tuyệt diệu. Giống như phép thuật, ông hiểu không? Thế còn ông? Ông thích thứ gì hơn tất cả những thứ khác?

– Em. Đúng ra, tôi tin rằng tôi thích em hơn mọi thứ. Thật kỳ lạ khi ta gặp người phụ nữ của đời mình đúng vào ngày an táng vợ mình. Có lẽ cô ấy đã chết để tôi được gặp em...

– Những điều ông nói nghe thật khủng khiếp.

– Có lẽ là thế. Có lẽ là không. Tôi vẫn luôn yêu sự sống. Tôi thích ăn, tôi thích làm tình. Tôi ở về phía chuyển động, phía ngạc nhiên. Nếu em muốn chia sẻ cuộc đời khốn khổ của tôi để chiếu rọi ánh sáng vào nó, thì tôi rất hân hạnh được đón nhận em.

Sau này, khi Irène Fayolle nghĩ đến Gabriel Prudent, có lẽ bà sẽ nghĩ

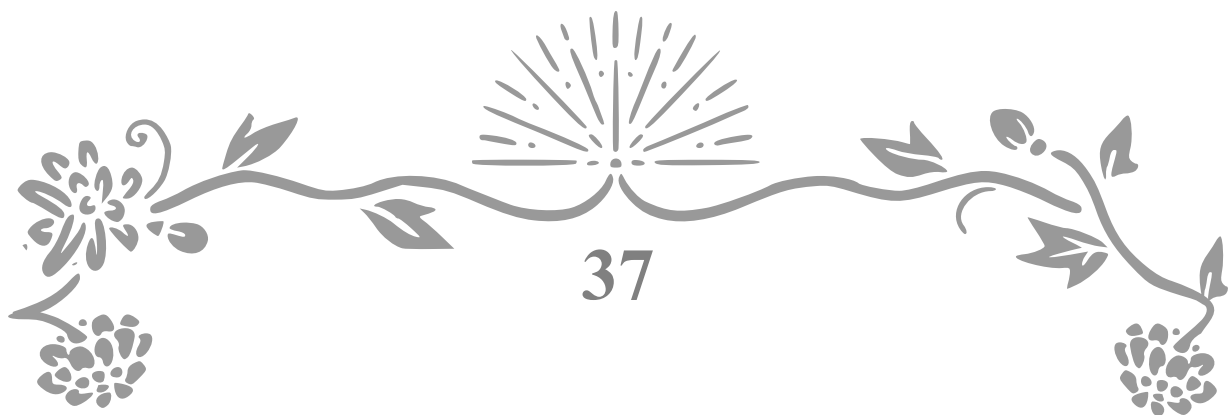
đến hai chữ *phù hoa*.

Irène tự nhủ bà không muốn sống ở điều kiện thức, mà ở thì hiện tại. Bà đã bật đèn hiệu xin đường. Bà đổi hướng. Bà đi theo lối ra Luynes, men theo một khu thương mại rồi bắt đầu lái xe rất nhanh về hướng Aix. Nhanh hơn giờ tàu chạy.

Khi đến trước ga Aix, bà đỗ chiếc xe chuyên dụng trên một chỗ đỗ dành cho nhân viên. Bà chạy đến tận sân ga. Chuyến tàu đi Lyon đã khởi hành nhưng Gabriel không lên chuyến tàu đó. Ông đang hút thuốc trong quán bia Khởi hành, bởi vì ở đây cấm hút thuốc, cô nhân viên phục vụ đã nói với ông hai lần: “Thưa ông, ở đây không ai được hút thuốc.” Còn ông trả lời: “Tôi chẳng biết *ai* là ai cả.”

Khi nhìn thấy bà, ông mỉm cười và nói với bà:

– Tôi sẽ đánh cắp em, Irène Fayolle ạ.



Tôi từng yêu người, tôi đang yêu người và tôi vẫn sẽ yêu người.

Tên một bài hát của Francis Cabrel.

Elvis hát “Don’t Be Cruel” dành tặng Jeanne Ferney (1968-2017). Tôi nghe thấy tiếng hát anh từ xa. Gaston đã đi mua sắm. Lúc này là 15 giờ, nghĩa trang vắng vẻ, chỉ có bài hát của Elvis tràn ngập các lối đi: *Don’t be cruel to a heart that’s true, I don’t want no other love, baby, it’s just you I’m thinking of...*

Anh thường cảm thấy gắn bó với một người quá cố mới được an táng, như thể anh cảm thấy mình có nghĩa vụ phải đồng hành với người ấy.

Trời rất đẹp. Tôi nhân dịp này để trồng cúc đại đóa. Chúng còn năm tháng nữa để đâm chồi nảy lộc, năm tháng nữa để bung nở rực rỡ vào dịp lễ Các Thánh.

Tôi không nghe thấy anh ta bước vào nhà và đóng cánh cửa lại sau lưng. Băng ngang phòng bếp, lên đến tận phòng ngủ của tôi, nằm dài trên giường tôi, trở xuống, đạp chân vào đám búp bê của tôi, ra ngoài qua lối khu vườn sau nhà, khu vườn riêng của tôi, nơi tôi trồng những khóm hoa mà tôi bán lại hằng ngày để bù vào các khoản chi tiêu cần thiết, bởi vì anh

ta thì chưa bao giờ bảo vệ chúng tôi.

– *Baby, if I made you mad, for something I might have said, please, let's forget the past...*

Phải chăng anh ta biết rằng hôm nay Nono sẽ không có ở đây? Phải chăng anh ta biết rằng tuần này anh em nhà Lucchini sẽ không đến? Rằng không có ai chết cả? Rằng sẽ chỉ có một mình anh ta với tôi?

– *The future looks bright ahead...*

Tôi không kịp phản ứng, tôi đứng dậy, hai bàn tay dính đầy đất, mớ cây con và chiếc bình tưới lăn lóc dưới chân, tôi quay lại khi nhìn thấy cái bóng của anh ta, to tướng, đầy đe dọa... tôi như bị một thanh kiếm băng giá xuyên suốt thân hình. Tôi chờ người. Philippe Toussaint đứng đó, đầu đội mũ bảo hiểm, kính mũ hất lên, mắt anh ta nhìn chòng chọc vào mắt tôi.

Tôi tự nhủ anh ta quay trở lại để giết tôi, để kết liễu tôi. Tôi tự nhủ anh ta đã quay trở lại. Tôi tự nhủ tôi đã tự hứa với chính mình là sẽ không đau khổ nữa.

Tôi có đủ thời gian để tự nhủ tất cả những điều ấy. Tôi nghĩ đến Léo. Tôi không muốn con bé nhìn thấy cảnh này. Không có bất cứ âm thanh nào thoát ra từ miệng tôi.

Là ác mộng hay thực tại?

– *Don't be cruel to a heart that's true, I don't want no other love, baby, it's just you I'm thinking of...*

Ánh mắt anh ta, tôi không thể nào đoán định nổi đó là sự khinh miệt, nỗi sợ hãi hay lòng căm thù. Tôi tin rằng anh ta nhìn tôi như thể tôi là thứ gì đó thấp kém hơn cả vô giá trị. Như thể theo thời gian, tôi đã teo tóp đi. Giống hệt như cách bố mẹ anh ta vẫn thường nhìn tôi trước đây, nhất là bà

mẹ. Tôi đã quên mất rằng họ từng nhìn tôi như thế.

Anh ta túm lấy cánh tay tôi và siết thật mạnh. Anh ta làm tôi đau. Tôi không vùng vẫy. Tôi không kêu lên nổi. Tôi bị tê liệt. Cho đến lúc này, tôi chưa từng nghĩ rằng sẽ có một ngày anh ta lại đặt tay lên người tôi.

– *Don't stop thinking of me, don't make me feel this way, come on over here and love me...*

Chính là khi nhìn thấy những gì tôi đang phải trải qua mà mọi người biết được rằng mọi chuyện đều ổn, rằng không có gì nghiêm trọng, rằng con người có một năng lực phi thường trong việc tái tạo, trong việc khử trùng, như thể có nhiều lớp da, lớp này chồng lên lớp khác. Những cuộc đời chồng lên nhau. Những cuộc đời khác bày bán trong cửa hàng. Và vốn kinh doanh của quên lãng là không giới hạn.

– *You know what I want you to say, don't be cruel to a heart that's true...*

Tôi nhắm mắt lại. Tôi không muốn nhìn thấy anh ta. Phải nghe anh ta nói đã là quá đủ rồi. Phải hít thở cái mùi của anh ta là điều không thể chịu đựng nổi. Anh ta siết cánh tay tôi càng lúc càng chặt hơn, rồi ghé sát vào tai tôi thì thầm:

– Tôi đã nhận được một bức thư của luật sư, tôi mang trả nó cho cô... Cô nghe cho rõ đây, nghe tôi nói cho rõ đây, cô sẽ KHÔNG BAO GIỜ viết thư đến địa chỉ này cho tôi nữa, cô nghe rõ chưa? Cả cô lẫn tay luật sư của cô, KHÔNG BAO GIỜ. Tôi không muốn đọc thấy tên cô ở bất kỳ đâu nữa, nếu không, tôi sẽ... tôi sẽ...

– *Why should we be apart? I really love you, baby, cross my heart...*

Anh ta nhét chiếc phong bì vào túi tạp dề của tôi rồi lập tức bỏ đi. Tôi quỳ sụp xuống. Tôi nghe thấy anh ta khởi động chiếc xe mô tô. Anh ta vừa

rời đi. Anh ta sẽ không bao giờ quay trở lại nữa. Bây giờ thì tôi tin chắc như thế, anh ta sẽ không quay trở lại nữa. Anh ta đến để nói lời vĩnh biệt tôi. Thế là hết, chấm dứt rồi.

Tôi xem bức thư mà anh ta đã vò nhàu, vị luật sư được ông Rouault gửi gắm có tên là Gilles Legardinier, giống như tên một nhà văn. Bức thư thông báo với Philippe Toussaint rằng một đơn đồng thuận ly hôn đã được Violette Trenet, tức bà Toussaint gửi đến phòng lục sự của Tòa đại hình Mâcon.

Tôi lên gác tắm một chậu. Tôi cậy bỏ lớp đất dưới móng tay. Nỗi căm hận đã chuyển từ anh ta sang tôi. Anh ta đã truyền nó cho tôi chẳng khác nào một thứ virus, một chứng viêm nhiễm. Tôi thu dọn đám búp bê và bỏ tắm trải giường vào một cái túi nhựa để mang đi giặt. Chẳng khác nào một tội ác đã xảy ra trong nhà tôi, và tôi muốn xóa bỏ mọi bằng chứng.

Tội ác, chính là anh ta. Dấu chân anh ta chồng lên dấu chân tôi. Sự hiện diện của anh ta trong các phòng. Không khí mà anh ta đã hít thở giữa những bức tường nhà tôi. Tôi mở hết các cửa cho thông gió. Tôi xịt loại nước xịt phòng pha trộn hương thơm của các loại hoa hồng.

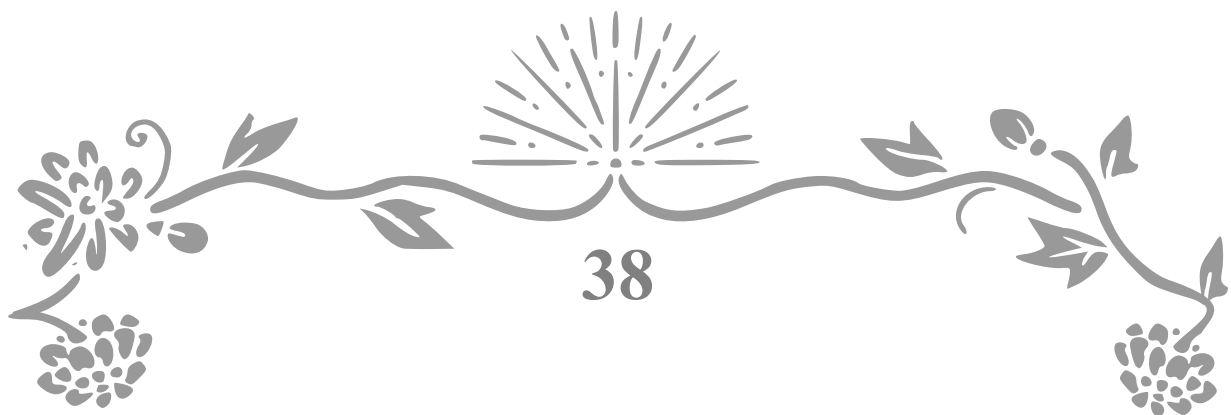
Trong tấm gương phòng tắm, trông tôi nhợt nhạt đến phát sợ, gần như trong suốt. Cứ như thể máu tôi không còn lưu thông nữa. Như thể toàn bộ máu trong người đã tập trung cả vào bên phía cánh tay bầm tím. Anh ta đã để lại những vết ngón tay trên da tôi. Đó là những gì tôi còn giữ được từ anh ta: những vết bầm tím. Tôi sẽ sớm phủ lên đó một làn da mới, rất nhanh thôi. Giống như tôi vẫn thường làm.

Tôi nhờ Elvis trực thay tôi trong vòng một giờ đồng hồ. Anh nhìn tôi như thể không nghe thấy tôi nói gì.

– Anh có nghe thấy tôi nói không, Elvis?

– Trông cô tái nhợt kìa, Violette. Tái xanh luôn ấy.

Tôi nghĩ đến đám thanh niên đã bị tôi dọa cho phát khiếp mấy năm trước. Ngày hôm nay, có lẽ tôi chẳng cần phải cải trang cũng khiến chúng bỏ chạy tán loạn.



Kỷ niệm về những ngày hạnh phúc sẽ xoa dịu nỗi đớn đau.

Thế là chúng tôi quay về nhà để chuẩn bị những dây trang trí cho cây thông Giáng sinh ngay giữa tháng Tám, để cắt giấy bìa. Chúng tôi quay lưng lại với biển, chúng tôi lần ngược con đường.

Trong những chuyến tàu đưa chúng tôi về với thanh chắn tàu ở Malgrange-sur-Nancy, Léo và tôi đã vẽ những con tàu trên biển bằng những chiếc bút dạ xanh mua ở sân ga, những mặt trời, lũ cá và những chú ve sấu, trong khi Philippe Toussaint kiểm tra mức độ râm nắng của anh ta với đám con gái mà anh ta bắt gặp trên những sân ga nơi chúng tôi dừng nghỉ, trong toa đồ ăn, hết khoang này đến khoang khác. Anh ta có vẻ rất thỏa mãn với những ánh mắt nhìn dán vào anh ta hồi lâu.

Khi chúng tôi về đến nhà, những người trực thay đã chờ chúng tôi trên ngưỡng cửa, họ chỉ kịp chào qua loa. Họ không để cho chúng tôi kịp dỡ đồ trong va li ra. Họ nói với chúng tôi rằng mọi chuyện đều ổn cả, rằng không có gì cần thông báo rồi để chúng tôi đứng như trời trồng ở đó sau khi bỏ lại một mớ lộn xộn không thể nào tin nổi sau lưng.

May mắn thay, họ đã không đặt chân vào phòng của Léo. Con bé ngồi xuống chiếc giường nhỏ của mình rồi lập ra hai danh sách: một danh sách

quà sinh nhật và một danh sách để gửi cho ông già Noel.

Tôi bắt đầu dọn dẹp trong lúc Philippe Toussaint đi dạo một vòng. Anh ta đang vội bù đắp lại khoảng thời gian vừa rồi.

Khoảng thời gian mà anh ta đã để mất với tôi trên chiếc giường ở căn nhà nhỏ ven biển.

Ngày hôm sau, tôi lau chùi tất cả, và cuộc sống quay trở lại dòng chảy quen thuộc. Tôi mở rồi đóng thanh chắn theo nhịp điệu của các chuyến tàu, Philippe Toussaint tiếp tục đi dạo còn tôi thì đi chợ.

Léo và tôi đã cùng tắm trong bồn tắm đầy bọt và xem những bức ảnh kỳ nghỉ của chúng tôi đến cả trăm lần. Chúng tôi treo ảnh gần như khắp nơi trong nhà. Để khỏi quên, để thỉnh thoảng được quay trở lại đó, chỉ bằng một ánh nhìn.

Vào tháng Chín, tôi sơn lại tường phòng Léo màu hồng, giữa hai chuyến tàu. Con bé giúp tôi, nó muốn sơn các gờ chân tường. Tôi phải đi đằng sau sơn lại mà không để con bé phát hiện ra.

Léo vào lớp hai, rồi chẳng bao lâu, chúng tôi lại mặc lên người những chiếc áo gi lê len.

Chúng tôi đã làm được một mớ dây trang trí bằng giấy và mua một cây thông Noel bằng nhựa tổng hợp, chúng tôi sẽ dùng được nó trong tất cả các mùa Giáng sinh sắp tới, lại còn tránh được việc mỗi năm đều phải giết chết một cây thông thực thụ.

Tôi tự nhủ đây là năm cuối cùng con bé còn tin là có ông già Noel, năm sau tất cả sẽ hỏng bét. Sẽ có một người lớn nào đó nói với con bé rằng ông già Noel không tồn tại. Suốt cuộc đời mình, chúng ta luôn gặp những người lớn nói cho chúng ta biết rằng ông già Noel không tồn tại, và chúng ta vấp vào những nỗi thất vọng.

Lẽ ra tôi phải không thể chịu đựng nổi việc Philippe Toussaint chạy theo tất cả những gì mặc váy, nhưng chuyện đó lại tốt cho tôi. Tôi không còn muốn anh ta chạm vào người tôi. Tôi cần ngủ. Tôi ngủ một chút giữa chuyến tàu cuối buổi đêm và chuyến tàu đầu tiên buổi sáng. Tôi cần được yên tĩnh. Và thân hình anh ta đè lên người tôi, đó là sự ấm ỉ mà tôi từng thích nhưng bây giờ tôi không còn thích nữa.

Có những khi tôi mơ về một chàng hoàng tử bạch mã, khi nghe những bài hát trên đài. Những giọng nam và giọng nữ đầy ắp những từ ngữ ngọt ngào, điên rồ, thô ráp. Những giọng nói đầy ắp lời hứa. Hoặc khi tôi kể chuyện cho Léonine nghe vào buổi tối. Phòng con bé chính là nơi ẩn náu của tôi, một thiên đường trên mặt đất, nơi nào búp bê, nào gấu, nào váy, nào vòng ngọc trai trong suốt, nào bút dạ, nào sách vở cùng nằm ngủ, lẫn lộn, chất chồng, trong cảnh lộn xộn thần tiên.

Lẽ ra tôi phải không thể chịu đựng nổi việc không nói chuyện với ai ngoài con gái tôi và Stéphanie, nhân viên thu ngân ở siêu thị Casino. Stéphanie bình luận về những món hàng tôi mua, lúc nào cũng là những món hàng ấỵ. Chị khuyên tôi dùng một loại nước rửa bát mới hoặc nói với tôi: “Em đã xem quảng cáo trên ti vi chưa? Em xịt sản phẩm này vào bồn tắm, em chờ chừng năm phút, thế là toàn bộ lớp cáu ghét sẽ trôi hết khi em xịt bằng vòi sen. Hiệu quả thật đấy, em cứ thử mà xem.”

Chúng tôi tuyệt đối không có gì để nói với nhau. Có lẽ chúng tôi sẽ không bao giờ trở thành bạn bè. Chúng tôi sẽ mãi là hai mảnh đời lướt qua nhau mỗi ngày. Đôi khi, chị ghé qua nhà tôi uống một cốc cà phê trong giờ

ngủ trưa. Tôi rất thích chị đến chơi, vì chị dịu dàng. Chị mang cho tôi những mẩu dầu gội đầu và kem dưỡng thể dùng thử. Chị thường bảo tôi: “Em là một người mẹ tốt, điều đó thì đúng, em thật sự là một người mẹ dịu dàng.” Rồi chị rời đi, trên người mặc chiếc áo cánh, hướng về phía quầy thu ngân và những cái giá cần chất hàng lên.

Mỗi tuần, Célia viết cho tôi một bức thư dài. Tôi đọc thấy nụ cười của chị thấp thoáng trong từng câu chữ. Và khi không có thời gian để viết thư, chúng tôi gọi điện thoại cho nhau vào tối thứ Bảy.

Philippe Toussaint ăn tối cùng tôi sau khi tôi cho Léo vào giường, con bé ngủ rất sớm. Chúng tôi trò chuyện vài câu tâm phào, và không bao giờ hét vào mặt nhau. Mỗi quan hệ của chúng tôi vừa thân tình lại vừa như không hiện hữu. Mỗi quan hệ của chúng tôi cam lặng chứ không bao giờ dữ dội. Chỉ có điều rằng, những cặp vợ chồng không la hét, không bao giờ giận dữ, người này hững hờ với người kia, đôi khi mỗi quan hệ giữa họ còn dữ dội hơn bao giờ hết. Không có chiếc bát chiếc đĩa nào bị đập vỡ trong nhà chúng tôi. Cũng không cần phải đóng cửa sổ để khỏi làm phiền hàng xóm. Duy chỉ có sự tĩnh lặng.

Sau bữa tối, khi không xách xe đi dạo một vòng, Philippe bật ti vi còn tôi mở cuốn *Tạo tác của Chúa, một phần của Quỷ*. Trong mười năm chung sống, Philippe Toussaint chưa bao giờ nhận ra rằng tôi luôn đọc một cuốn tiểu thuyết duy nhất. Khi tôi không đọc sách, chúng tôi cùng nhau xem một bộ phim, nhưng rất hiếm khi chương trình phát sóng khiến chúng tôi xích lại gần nhau. Ngay cả sở thích xem ti vi của chúng tôi cũng không giống nhau. Anh ta thường ngủ thiếp đi trước màn hình.

Còn tôi, tôi chờ chuyến tàu cuối cùng, chuyến Nancy-Strasbourg lúc 23h04, rồi đi ngủ cho đến chuyến Strasbourg-Nancy lúc 4h50. Sau khi nâng

thanh chắn lúc 4h50, tôi vào phòng Léo để ngắm con bé ngủ. Đó là hoạt động tôi ưa thích nhất. Một số người thích ngắm biển, còn tôi, tôi đã có con gái của mình.

Trong suốt những năm ấy, tôi chưa từng trách cứ Philippe Toussaint về nỗi cô đơn mà anh ta bỏ mặc cho tôi chống chịu, bởi vì tôi không cảm nhận được nó, tôi không trải qua nó, nó trượt qua tôi. Tôi tin rằng nỗi cô đơn và chán nản tác động đến khoảng trống trong mỗi con người. Còn tôi thì đã thỏa thuê, đã đầy chật rồi. Tôi có nhiều cuộc đời, chúng choán hết chỗ: con gái tôi, sách, âm nhạc và thế giới tưởng tượng. Khi Léo ở trường và cuốn tiểu thuyết đã gấp lại, tôi không bao giờ giặt đồ, lau dọn nhà cửa hay nấu nướng mà không nghe nhạc và mơ mộng. Tôi tự sáng tác ra cho mình hàng nghìn cuộc đời trong chặng đời ấy, chặng đời sống tại Malgrange-sur-Nancy.

Léonine chính là món quà tặng thêm cho cuộc sống hằng ngày. Món tặng thêm trong cuộc đời tôi. Philippe Toussaint đã tặng cho tôi món quà đẹp dễ nhất. Và hơn thế nữa, anh ta còn tặng cho con bé sắc đẹp của anh ta. Léo xinh đẹp hoàn hảo, chẳng khác gì bố con bé. Mà lại còn có thêm sự duyên dáng và tính tình vui vẻ. Cho dù con bé ở tư thế nào, đứng hay nằm, tôi cũng ngắm nghía không chán mắt.

Philippe Toussaint đối với con gái cũng chẳng khác gì đối với tôi. Tôi chưa bao giờ nghe thấy anh ta lên giọng với con bé. Nhưng Léo không khiến anh ta quan tâm được lâu. Anh ta thích thú với con bé trong vòng năm phút, nhưng rồi nhanh chóng chuyển sang thứ khác. Khi Léo hỏi anh ta câu gì đó, thì tôi chính là người trả lời. Tôi nói nốt những câu nói mà bố con bé không dành thời gian để kết thúc. Anh ta đối xử với con bé không giống một người bố, mà giống một người bạn. Thứ duy nhất mà anh ta thích chia

sẽ với con gái, đó là chiếc xe mô tô. Anh ta đặt con bé lên đằng sau chiếc xe rồi đi một vòng quanh nhà, thật chậm rãi, để mua vui cho con bé trong chừng mười phút. Thế rồi, ngay khi anh ta tăng tốc đôi chút, con bé phát sợ, và la hét âm ỉ.

Có lẽ với một đứa con trai, anh ta sẽ dễ dàng tìm ra được hướng dẫn sử dụng hơn. Đối với Philippe Toussaint, phụ nữ vẫn luôn là phụ nữ. Cho dù người phụ nữ đó mới sáu tuổi hay đã ba mươi. Và phụ nữ sẽ không bao giờ tốt hơn một gã đàn ông, một đáng nam nhi thực thụ. Một kẻ biết chơi bóng đá và xe tải siêu thanh. Một kẻ không khóc khi tự đứng lên sau cú ngã, làm bản đầu gối và biết điều khiển những cần điều khiển cùng tay lái. Hoàn toàn trái ngược với Léonine, một bé gái chuyên mặc màu hồng có điểm xuyết kim tuyến.

Tôi làm thẻ đọc cho con bé ở thư viện Malgrange-sur-Nancy. Đó là một căn phòng nằm cạnh tòa thị chính, mở cửa hai lần mỗi tuần, trong đó có chiều thứ Tư. Mỗi thứ Tư, giữa chuyến tàu lúc 13h27 và chuyến tàu lúc 16h05, hai chúng tôi, tay trong tay, chuồn đến đó tìm sách đọc cả tuần cho Léo, và trả những cuốn sách đã mượn tuần trước. Khi từ thư viện quay về, chúng tôi dừng lại ở siêu thị Casino nơi Stéphanie tặng cho Léo một cây kẹo mút, trong lúc chúng tôi mua một hộp bánh Savane de Papy Brossard. Tôi nhúng bánh vào cốc trà, còn Léo nhúng bánh vào cốc nước hoa cam, sau khi tôi nâng thanh chắn lúc 16h05.

Từ lúc lên ba, cứ mỗi khi có tín hiệu tàu sắp đến, Léo lại chạy ra bậc thềm để vẫy chào hành khách trên những chuyến tàu chạy qua trước nhà chúng tôi. Con bé giơ tay vẫy họ. Việc đó đã trở thành trò chơi ưa thích của Léo. Và một số hành khách chờ đợi thời điểm đó. Họ biết rằng họ sẽ nhìn thấy “cô bé”.

Malgrange-sur-Nancy chỉ là một thanh chắn, các đoàn tàu chạy qua mà không dừng lại, phải đi thêm bảy ki lô mét nữa mới đến ga đầu tiên, ga Brangy. Rất nhiều lần, Stéphanie lái xe chở chúng tôi đến đó để hai mẹ con tôi đi một chuyến khứ hồi Brangy-Nancy cùng nhau. Léo thích leo lên đoàn tàu mà ngày nào con bé cũng thấy đi qua, con bé thích leo lên cái thứ giống vòng quay ngựa gỗ ấy.

Lần đầu tiên chúng tôi thực hiện chuyến đi không mục đích ấy, con bé đã hét lên những tiếng kêu thích thú mà tôi không bao giờ quên được. Đến tận hôm nay, vẫn có khi tôi mơ thấy những tiếng kêu ấy. Nếu có khám phá một công viên giải trí, hẳn con bé cũng không hạnh phúc đến thế. Tất nhiên, chúng tôi đã chọn tuyến đường đi qua đằng trước nhà, nơi bố Léo đứng chờ con bé trên thềm nhà để vẫy tay ra hiệu. Thật thú vị khi thấy lũ trẻ vui thích đến thế khi mọi người đảo lộn vai trò.

Cả ba chúng tôi cùng ăn mừng Giáng sinh năm 1992. Giống như mọi năm, Philippe Toussaint đã đưa cho tôi một tấm séc để tôi mua “thứ gì em thích, nhưng dù sao cũng đừng đắt đỏ”. Còn tôi, tôi tặng cho anh ta chai nước hoa “Dành cho đàn ông” hiệu Caron và những bộ quần áo đẹp đẽ.

Đôi khi, tôi có cảm giác tôi chung diện và giúp anh ta thơm tho là cho những phụ nữ khác, để anh ta tiếp tục đi tán tỉnh bên ngoài. Và nhất là để anh ta tiếp tục tự yêu bản thân mình. Bởi vì chừng nào anh ta còn ưa thích chính anh ta, chừng nào anh ta còn tự ngắm mình trong gương hoặc trong ánh mắt những người phụ nữ khác, anh ta sẽ không để ý đến tôi. Và tôi muốn anh ta không để ý đến tôi. Người ta không rời bỏ một người vợ mà

người ta không còn ngắm nhìn nữa, người không gây chuyện, không gây ồn, không đóng sầm các cánh cửa, bởi như thế đã là quá tiện rồi.

Đối với Philippe Toussaint, tôi là một người vợ lý tưởng, người vợ không bao giờ quấy rầy anh ta. Anh ta sẽ không rời bỏ tôi vì say đắm một người phụ nữ khác. Anh ta không yêu những phụ nữ mà anh ta chinh phục, tôi cảm nhận được điều đó. Anh ta có mùi của họ trên các đầu ngón tay, nhưng không có được tình yêu của họ.

Tôi tin rằng tôi đã luôn có cái phản ứng ấy, đó là không làm phiền ai. Khi còn nhỏ, trong các gia đình đón tiếp, tôi thường tự nhủ: *Đừng làm ồn, như thế lần này mi sẽ ở lại, họ sẽ giữ mi lại.* Tôi biết rõ rằng tình yêu đã lướt qua nhà chúng tôi từ lâu rồi, và nó đã rời đi nơi khác, đến giữa những bức tường không bao giờ còn là tường nhà chúng tôi nữa. Căn nhà nhỏ bên bờ biển là một ngoại lệ của hai thân hình mẫn mòi vì nước biển. Tôi chăm sóc Philippe Toussaint như người ta chăm sóc một người bạn cùng nhà trọ mà người ta phải cung chiều, vì sợ rằng một ngày nào đó anh ta sẽ biến mất và mang theo Léo.

Vào lễ Giáng sinh, Léonine đã có được tất cả những gì con bé liệt kê trong danh sách. Những cuốn sách *của riêng* con bé, trong đó có *Chó xanh* của Nadja. Một váy công chúa, những băng cát xét, một con búp bê có mái tóc hung và một bộ đồ chơi ảo thuật mới. Còn cầu kỳ hơn bộ đồ chơi vào Giáng sinh năm trước. Với hai chiếc đĩa thần mới, bộ bài ảo thuật và những tấm thẻ huyền bí. Léo vẫn luôn say mê làm ảo thuật. Ngay từ khi còn bé xíu, nó đã muốn trở thành nhà ảo thuật. Con bé muốn làm mọi thứ biến mất bên trong những cái mũ.

Ngày hôm sau, bởi vì là ngày nghỉ lễ, nên có ít tàu hơn. Chỉ bằng một phần tư những ngày khác. Tôi có thể nghỉ ngơi, chơi đùa với Léonine, con

bé đã làm biến mất hai bàn tay bằng cách giấu chúng trong những chiếc khăn quàng sặc sỡ.

Buổi tối, tôi sắp va li cho con bé. Sáng 26 tháng Mười hai, giống như những năm trước, bố mẹ của Philippe Toussaint đến đón con gái tôi để đưa con bé đi chơi một tuần trên núi Alpes. Họ không ở lại lâu, nhưng bà mẹ và anh con trai vẫn có thời gian để giam mình trong bếp và thì thầm to nhỏ với nhau. Hẳn là bà mẹ đã cho Philippe một tấm séc để mừng tuổi, còn tôi, như mọi năm, tôi được nhận xô cô la đen có nhãn là xơ ri tắm rượu. Không phải xô cô la Mon Chéri, mà là một thương hiệu phụ có vỏ bọc màu hồng, được gọi là Mon Trésor.

Lần này chính tôi là người ra đứng ngoài bậc thềm để ra hiệu cho Léo, khi xe của ông bà Toussaint lên đường. Con bé mỉm cười, bộ đồ ảo thuật đặt trên đầu gối. Con bé hạ kính xe xuống và chúng tôi nói với nhau: “Hẹn một tuần nữa gặp lại.” Con bé gửi cho tôi những nụ hôn gió. Tôi giữ chúng lại.

Mỗi lần nhìn thấy chiếc xe to tướng của họ mang đứa con gái bé bỏng của tôi đi, tôi luôn sợ rằng họ sẽ không mang trả lại nó cho tôi. Tôi cố gắng không nghĩ đến điều đó, nhưng cơ thể tôi nghĩ thay cho tôi, tôi phát ốm, tôi phát sốt.

Giống như mỗi lần Léo đi xa, tôi dành cả tuần để thu dọn phòng con bé. Ở giữa đồng búp bê và những bức tường màu hồng ấy, tôi cảm thấy nhẹ nhõm.

Ngày 31 tháng Mười hai, Philippe Toussaint và tôi ngồi trước ti vi đón giao thừa. Chúng tôi đã ăn tất cả những món anh ta thích. Cũng giống như hằng năm, Stéphanie đã tặng cho chúng tôi những giỏ quà đầy ắp bị ế. “Violette này, em phải ăn hết chỗ này trước ngày mai, bởi vì sau đó chúng

sẽ hỏng hết đây, nhé.”

Léonine gọi cho chúng tôi vào sáng ngày mừng 1 tháng Một.

– Mẹ, chúc mẹ năm mới an lành. Chúc bố năm mới an lành. Chúc mừng năm mới bố mẹ. Con sẽ có được ngôi sao đầu tiên trong môn trượt tuyết!

Con bé quay về vào ngày 3 tháng Một, khuôn mặt rạng ngời. Con sốt của tôi tan biến. Ông bà Toussaint ở lại chừng một giờ đồng hồ. Léo gắn ngôi sao đầu tiên của mình trên ngực áo thun.

– Mẹ, con lấy được ngôi sao đầu tiên rồi!

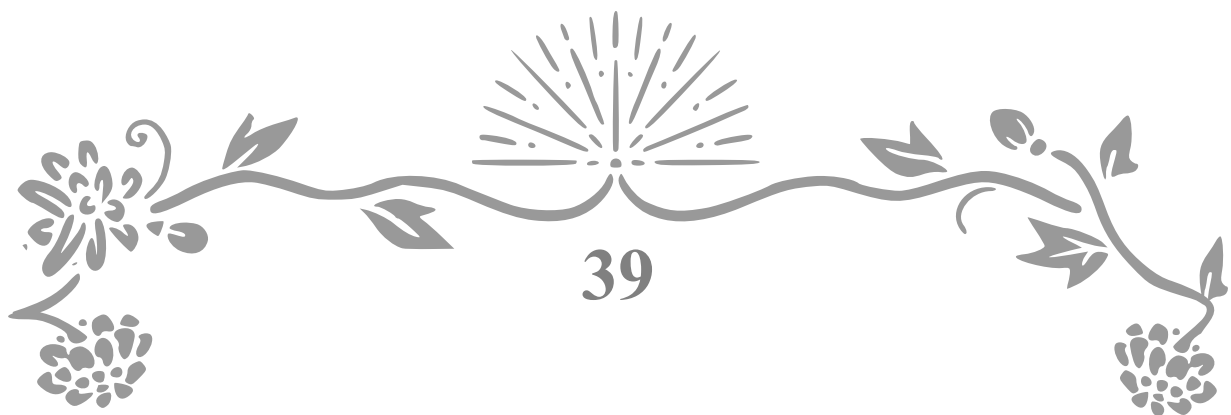
– Hoan hô con yêu.

– Con biết trượt lượn xuôi theo dốc rồi.

– Hoan hô, cưng của mẹ.

– Mẹ ơi, con có thể đi nghỉ với Anaïs không?

– Anaïs là ai thế?



Điều cốt yếu lại vô hình với đôi mắt.

Trích Hoàng tử bé, Antoine de Saint-Exupéry.

– Đạo này không có ai chết cả.

Cha Cédric, Nono, Elvis, Gaston, Pierre, Paul và Jacques đang tranh luận sôi nổi trong bếp nhà tôi. Anh em nhà Lucchini giậm chân tại chỗ, đã hơn một tháng nay không có ai bước vào cửa hàng của họ. Cả đám đàn ông uống cà phê quanh bàn bếp nhà tôi. Tôi đã làm cho họ một chiếc bánh sô cô la, họ vừa chia nhau ăn vừa trò chuyện riu rít chẳng khác nào những bé gái ngồi quanh một chiếc bánh sinh nhật.

Tôi đang trồng nốt đám cúc đại đóa trong vườn. Cánh cửa nhà để mở. Giọng họ vang ra đến tận chỗ tôi.

– Là bởi vì trời đẹp. Trời đẹp thì người ta chết ít hơn.

– Tối nay tôi có cuộc họp phụ huynh. Tôi rất khiếp thứ đó. Dù thế nào, tất cả bọn họ đều sẽ nói với tôi rằng thằng nhóc nhà tôi học hành không ra sao cả. Rằng nó chỉ nghĩ đến những trò nghịch ngợm ngu ngốc.

– Nguồn vốn kinh doanh của chúng ta, chính là con người. Chúng ta gặp những người còn sống nhưng lạc hướng, họ gán một tầm quan trọng

hàng đầu cho nghi lễ, để nó diễn ra tốt đẹp, bởi vì nó giúp họ đề tang, do đó đây là một nghề dịch vụ thực thụ, chúng ta không được quyền mắc sai lầm.

– Ta đã đặt tên thánh cho hai đứa bé vào Chủ nhật tuần trước, hai đứa bé sinh đôi, xúc động lắm.

– Điều khiến nghề của chúng ta khác biệt với tất cả các nghề khác, đó là chúng ta làm việc theo cái tình, chứ không làm việc theo cái lý.

– Ái chà, chúng ta đã có nhiều phen vui ra trò!

– Nghĩa là sao?

– Nghĩa là chúng ta không được phép sai lầm. Với mỗi gia đình, sẽ có một điểm rất quan trọng. Điều thích hợp với gia đình này chưa chắc đã thích hợp với gia đình khác. Tất cả đều phải tỉ mỉ đến từng chi tiết. Chẳng hạn, với người quá cố gần đây nhất, chỉ có một điều quan trọng duy nhất, đó là chiếc đồng hồ phải ở trên cổ tay phải.

– Tôi qua tôi đã xem một bộ phim rất hay trên ti vi, mà anh chàng diễn viên chính, người có mái tóc hơi vàng, tự nhiên tôi lại quên mất tên anh ta rồi...

– Chúng ta cũng không được quyền mắc lỗi chính tả trong các cáo phó, lúc nào cũng có một người nào đó có tên là Kristof với một chữ K, hoặc Chrystine với một chữ Y.

– Bricomarché đóng cửa lúc mấy giờ nhỉ? Tôi phải đến đó tìm phụ tùng thay thế cho cái máy cắt cỏ.

– Với lại, mọi chuyện đều liên quan đến mối quan hệ với người quá cố. Giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, tóm lại, đó là chuyện của con người.

– Này, các anh nói xem, tôi đã gặp bà già nhỏ bé đó, bà ta tên gì ấy

nhỉ... Bà Degrange, chồng bà ta trước đây làm cho Toutagri.

– Gaston, cẩn thận nào, anh làm cà phê vương khắp nơi rồi.

– Với lại chúng ta phải xử lý các vấn đề tôn giáo và toàn bộ khía cạnh cảm xúc.

– Còn cả ông thợ cắt tóc nữa, ông Jeannot ấy, ông ấy kể với tôi rằng ông ấy đã gặp vấn đề sức khỏe với vợ ông ta.

– Thật ngược đời, rất ít người khóc khi họ đẩy cánh cửa chỗ chúng ta, họ chỉ toàn nghĩ đến quan tài, nhà thờ, nghĩa trang.

– Thế còn mày, chó già Éliane, mày nói sao về chuyện này? Mày muốn một mẩu bánh ga tô không, hay mày muốn được vuốt ve?

– Và khi chúng ta nói với họ về việc chọn nhạc, chọn diễn từ, về những việc chúng ta có thể làm được, vinh danh, kỷ niệm, bởi vì có rất nhiều điều chúng ta có thể làm, dù sao họ cũng để cho chúng ta thoải mái hành động.

– Lâu lâu rồi không thấy anh chàng cảnh sát trưởng của Violette nhỉ.

– Tôi ấy à, tôi luôn thấy kỳ cục khi người ta đến cảm ơn tôi, để nói với tôi rằng: “Mọi chuyện đã rất tốt đẹp.” Dù sao chúng ta cũng đang nói đến một lễ an táng.

– Còn tôi, tôi cho rằng tay cóm đó đang tán tỉnh cô ấy, anh có nhìn thấy anh ta ngấm nhìn Violette của chúng ta thế nào không?

– Đã năm nghìn năm nay, người ta chôn người chết, nhưng thị trường vẫn còn rất mới mẻ. Chúng ta ấy à, chúng ta phủ bụi cho cái nghề này.

– Tối qua, Odile đã làm cho chúng tôi món gà hầm ca ra men.

– Các tục lệ tang ma của chúng ta đã thay đổi, trước đây người ta lũ lượt đến đặt hoa trên mộ vào ngày lễ Các Thánh, nhưng bây giờ mọi người

không còn sống ở nơi bố mẹ ông bà mình từng sống nữa.

– Tôi cứ băn khoăn không biết chủ tịch sắp tới của chúng ta là ai... Mong là không phải cô nàng tóc vàng.

– Bây giờ, việc quản lý ký ức đã khác rồi: người ta hỏa táng người chết. Các thói quen thay đổi, cả chi phí tài chính cũng thế, người ta tổ chức việc an táng cho chính mình.

– Dù sao thì cũng vẫn là như thế. Phe tả hay phe hữu thì cũng chỉ nghĩ đến việc vơ vét cho đầy túi thoi... Điều quan trọng là đến cuối tháng chúng ta còn được bao nhiêu trong ví, và điều đó thì chẳng bao giờ thay đổi, với ai cũng thế thoi.

– Anh có biết là vào năm 2040, hai mươi lăm phần trăm người Pháp sẽ lo liệu trước cho lễ tang của mình không?

– Tôi không đồng ý, đừng bao giờ quên rằng chính họ là người bỏ phiếu thông qua các luật.

– Nhưng điều đó lại phụ thuộc vào các gia đình, có những gia đình không bao giờ nói đến cái chết. Cũng giống như mông đất, đó là điều cấm kỵ.

– Nhưng với cha, thưa ngài cha xứ, mọi chuyện cũng vẫn thế thoi.

– Chúng ta là người đại diện của cái chết trên mặt đất. Vậy nên đối với mọi người, chúng ta nhất thiết phải buồn rầu.

– Một đĩa xa lát thật ngon, với thịt dê nóng trộn với hạt thông và một chút mật ong.

– Người ta gọi là “nhà quàn” nếu là tư nhân, và “nhà xác” nếu là công cộng.

– Với tôi như thế là xong rồi, tôi đã lấy bếp nướng thịt ra.

– Vệ sinh, mặc quần áo, dịch vụ quần xác trọn gói. Luật còn chưa bắt buộc chuyện đó, nhưng chắc là không lâu nữa đâu, vì các vấn đề về vệ sinh.

– Họ sẽ mở một cửa hàng mới ở vị trí nhà Carnat. Một cửa hàng bánh mì, tôi nghĩ thế.

– Dự luật: không còn ai được quyền giữ người chết tại nhà nữa.

– Toàn bộ cầu chì đều bị nhảy tối qua, tôi tin là cái máy giặt đã giở chứng và làm chập điện.

– Còn tôi, tôi cho rằng có một nơi cho người sống và một nơi cho người chết. Khi anh giữ một người chết trong nhà, thì nguy cơ chính là không thể để tang người đó được.

– Cô ta mới xinh đẹp làm sao, tôi mà có cô ta trong giường thì sẽ không nằm ngủ trong bồn tắm đâu.

– Đối với tôi, chỉ có một nguyên tắc: làm theo trái tim mình.

– Hè năm nay anh có đi nghỉ chút ít chứ?

– Khi bắt đầu công việc trong ngành này, tôi tự nhủ: *Mình sẽ không làm ra những chiếc quan tài đắt để mang đi hỏa táng đâu đó là một sai lầm của kẻ mới bắt đầu.* Bố tôi bảo tôi: “Sao thế, con cho rằng chôn sâu dưới ba thước đất là không còn gì đáng quan tâm nữa sao? Một gia đình muốn bỏ một đồng tiền để mua một cái quan tài rồi đốt đi, tất nhiên chuyện đó là phi lý, nhưng con không thể cấm họ chọn một cái quan tài đắt đỏ được. Con không biết gì về cuộc đời của mọi người, con không có quyền quyết định.”

– Tôi ấy à, tôi cho rằng về hưu chính là khởi đầu của kết thúc.

– Theo thời gian, sau khi đã gặp rất nhiều gia đình, tôi nhận ra rằng bố tôi nói đúng... Có những người muốn bỏ ra những khoản tiền không lồ để mua quan tài, vì lý do gì ư? Tôi không biết...

– Chúng tôi đến Bretagne, nhà ông anh rể.

– Chính là đám công nhân môi trường đô thị chịu trách nhiệm sắp đặt chuyện đó, vào đầu tháng Bảy tới. Tôi thì rất thích câu cá, tôi chẳng làm phiền ai cả, ngoại trừ lũ cá, mà đằng nào tôi cũng vớt lại chúng xuống sông.

– Chúng ta có sáu ngày để chôn cất một ai đó, luật là thế.

– Anh ta dạy đàn piano. Anh ta ở đây phải được đến ba năm rồi. Anh ta cao lớn, lúc nào cũng ăn mặc như sắp sửa lên ti vi.

– Chúng ta không có quyền phân chia tro cốt bởi vì theo luật đó là một thân thể.

– Một chút hành tây, và anh chiên nắm với kem ngon tuyệt.

– Rải tro xuống biển, ta chỉ thấy cảnh đó trên phim ảnh thôi, con thuyền trong thành, gió thổi, và tro nổi lên mặt nước. Sự thật là chúng ta phải vớt tro đựng trong một cái bình có thể phân hủy sinh học, cách bờ biển một ki lô mét.

– Cha còn bao nhiêu đứa nhóc đến học giáo lý, thừa ngài cha xứ? Hẳn là không được đông cho lắm.

– Với những hợp đồng tang lễ, mọi người không còn muốn chi tiêu hàng vài nghìn euro cho một cái hầm mộ, trong khi đám con cái lại sống ở Lyon hoặc ở Marseille. Rất nhiều người nói với chúng tôi: “Chúng tôi không đồng ý hỏa thiêu, nhưng sau khi suy nghĩ kỹ, chúng tôi muốn rằng con cái chúng tôi được hưởng thụ tiền bạc khi chúng tôi còn sống.” Tôi nói với họ là họ hoàn toàn có lý.

– Ta có ba đám cưới đã lên lịch vào tháng Bảy, và hai đám cưới vào tháng Tám.

– Dù sao cũng thật kỳ quặc khi tự sắp đặt lễ tang cho mình. Nhìn thấy

tên mình khắc trên một công trình trong khi mình vẫn còn chưa bị đưng trong bình.

– Còn tôi, tôi đã nói với thị trưởng rằng liên quan đến những đường giao thông ở cấp độ ấy, lẽ ra chúng ta phải làm gì đó. Rồi cũng sẽ có ngày phải khác chứ.

– Mọi người chuẩn bị lễ tang cho chính mình, họ không phải chịu đau đớn, không phải chấp nhận sự ra đi đột ngột. Kết quả là họ bớt được một nửa tiền.

– Ông bác sĩ thú y sẽ hài lòng lắm đấy!

– Trong nghề tang lễ, cấm không được cấm. Nhưng tôi vẫn khuyên các gia đình không nên dự các buổi cải táng.

– Anh đã xem chưa? Cú ghi bàn thứ hai, một tuyệt tác... Đứng vào giữa ô cửa sổ con.

– Phải giữ lại một hình ảnh đẹp của người mà ta yêu mến. Mất một người thân, rồi phải chôn người đó... đã là khó khăn lắm rồi. May mà ngành trang điểm người chết đã có nhiều tiến bộ, cứ mười lần thì có chín lần kết quả đạt được trông rất ổn, ta có cảm giác như người đó đang ngủ. Tôi trang điểm một chút, tôi khiến cho làn da trông có vẻ tự nhiên, tôi mặc quần áo và xịt loại nước hoa quen thuộc cho người quá cố, tôi hỏi gia đình để biết được điều đó.

– Tôi không biết nữa, phải xem xem, có lẽ là cái gioăng ở nắp xi lanh. Nếu đúng thế thì sẽ đắt lắm đấy.

– Nghiêm trọng đấy, nhưng không đến nỗi nghiêm trọng lắm, bởi vì bây giờ thì tôi biết thế nào là nghiêm trọng rồi. Hai tuần trước, tôi đã làm rụng cánh xe đòn, làm vỡ điện thoại di động, trong nhà thì nước rỉ khắp nơi, thật tệ, nhưng không nghiêm trọng.

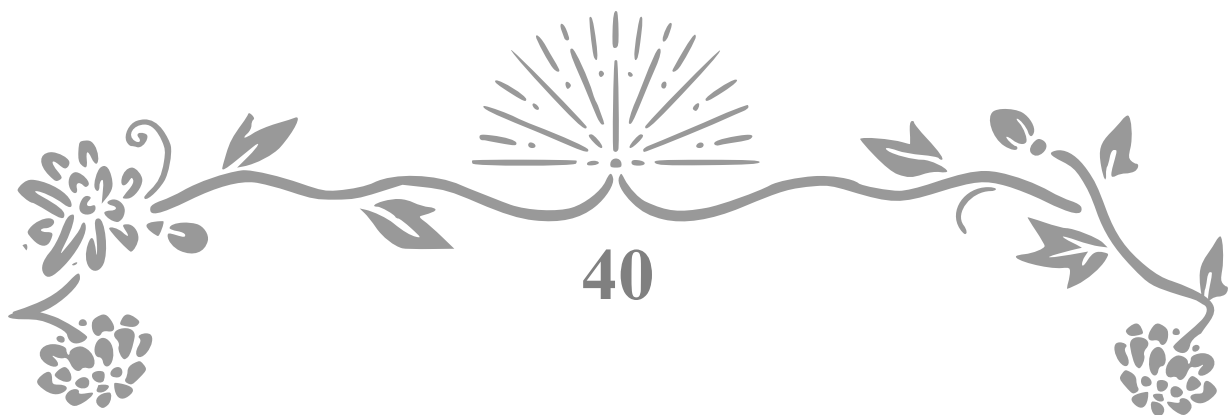
– Hôm trước, Elvis đẩy cánh cửa phòng kỹ thuật, thế là mặt đối mặt với tay chủ, gã Darmonville, gã đang quần nhau với mẹ Rémy. Xin lỗi, thưa ngài cha xứ. Anh chàng Elvis đã quay lưng bỏ chạy.

– Nói với mọi người là chúng ta yêu họ, tận hưởng họ khi họ còn sống. Có lẽ tôi cảm thấy vui sống hôm trước đây. Có độ lùi nhất định trước mọi việc.

– *Love me tender...*

– Tôi không nói là phải trở thành một loài động vật máu lạnh. Tôi hiểu nỗi đau đớn ấy, nhưng tôi không để tang. Tôi không quen biết những người quá cố.

– Còn khó khăn hơn nữa, khi mà chúng ta có kỷ niệm với người quá cố. Khi cá nhân chúng ta từng quen biết họ.



Bà tôi đã dạy tôi biết hái sao từ rất sớm: ban đêm, chỉ cần để một chậu nước giữa sân là có cả đống sao dưới chân mình.

Trích tiểu thuyết *Le ventre de l'Atlantique*, Fatou Diome.

Tôi đến nhà luật sư Rouault để đề nghị ông dừng tất cả mọi chuyện. Tôi nói với ông rằng hẳn là ông đã đúng, rằng Philippe Toussaint đã mất tích, rằng chúng tôi sẽ dừng chuyện này lại ở đây. Rằng tôi không muốn khuấy đảo quá khứ lên nữa.

Luật sư Rouault không hỏi han gì. Ông gọi cho luật sư Legardinier trước mặt tôi để bảo ông này dừng mọi thủ tục. Không tiếp tục xem xét đơn yêu cầu của tôi nữa. Rằng hôm nay tôi mang họ Trenet hay Toussaint cũng không có gì quan trọng. Mọi người gọi tôi là Violette hoặc “quý cô Violette”. Danh xưng “quý cô” có lẽ đã bị gạch bỏ khỏi tiếng Pháp, nhưng trong nghĩa trang của tôi thì chưa.

Trên đường về, tôi ghé qua mộ Gabriel Prudent. Một trong những cây thông của tôi tỏa bóng mát lên bình tro cốt của Irène Fayolle. Éliane đến bên tôi, nó gầm gừ gì đó rồi ngồi xuống cạnh chân tôi. Và không biết từ đâu, Moody Blue và Florence lao ra cọ vào chân tôi, rồi cùng nằm dài trên phiến đá lát mộ. Tôi cúi xuống để vuốt ve chúng. Bụng mấy con vật và lớp

đá cẩm thạch đều nóng ấm.

Tôi tự hỏi liệu có phải Gabriel và Irène đã nhờ đến lũ mèo để gửi tín hiệu cho tôi không. Giống như khi Léo bước ra bậc thềm để chào hành khách trên các chuyến tàu. Tôi hình dung ra cả hai người họ, khi Irène gặp lại Gabriel trên sân ga Aix. Tôi tự hỏi tại sao bà không rời bỏ Paul Seul, tại sao bà lại quay về nhà. Và nguyện vọng cuối cùng của bà, nguyện vọng được yên nghỉ bên người đàn ông này, mang ý nghĩa gì. Phải chăng bà hình dung rằng họ không được sống cùng nhau, nhưng sẽ được bên nhau ở cõi vĩnh hằng? Julien Seul liệu có quay lại để kể cho tôi nghe đoạn tiếp theo của câu chuyện này không? Những ý nghĩ đó đưa tôi trở về với Sasha, hướng về phía Sasha.

Nono đến bên tôi.

– Cô đang mơ mộng đấy à, Violette?

– Ta có thể mơ mộng nếu muốn mà...

– Xong rồi, có một khách hàng ở nhà anh em Lucchini.

– Ai thế?

– Một người bị tai nạn đường bộ... Có vẻ tình trạng rất tệ.

– Nhưng là ai thế? Anh có biết người đó không?

– Chẳng ai biết người đó là ai. Anh ta không có giấy tờ gì trên người.

– Kỳ cục thật.

– Các nhân viên môi trường đô thị tìm thấy anh ta trong một cái hố, có vẻ như anh ta đã ở đó được ba ngày rồi.

– Ba ngày sao?

– Đúng thế, một gã đi xe mô tô.

Trong phòng tang lễ, Pierre và Paul Lucchini giải thích với tôi rằng họ

đang chờ lệnh triệu tập của cảnh sát. Vài giờ nữa, xác của người lái mô tô kia sẽ được đưa đến Mâcon. Bác sĩ pháp y đã đưa ra yêu cầu pháp y, để tiến hành khám nghiệm tử thi.

Như trong một bộ phim dài tập hạng xoàng, dưới thứ ánh sáng yếu ớt, với những diễn viên tồi, Paul cho tôi xem xác người bị tai nạn. Chỉ có phần thân người, không xem khuôn mặt. “Không còn mặt”, Paul nói. Anh cũng nói là anh không được quyền cho tôi biết thông tin về người quá cố.

– Nhưng với cô, Violette ạ, thì không như với người khác. Chúng tôi sẽ không nói gì cả. Cô nghĩ cô quen biết anh ta sao?

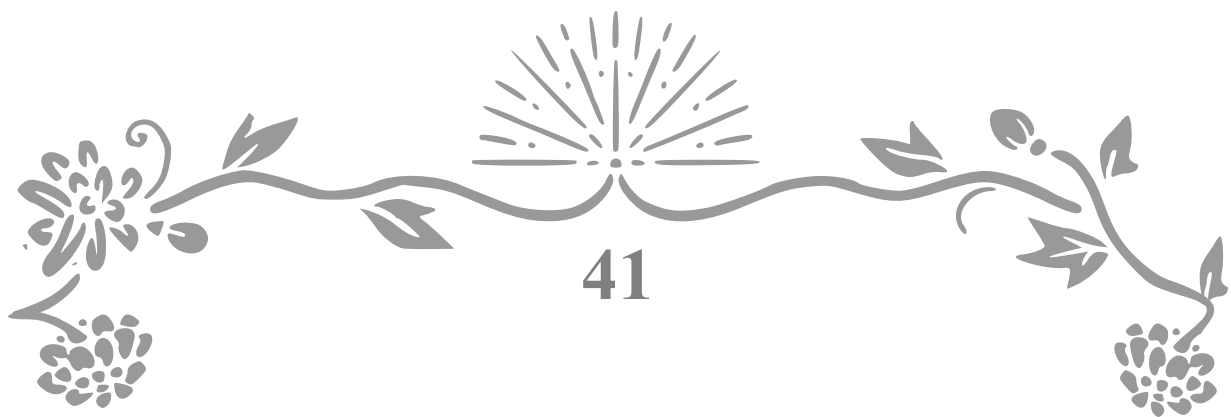
– Không.

– Thế thì tại sao cô lại muốn nhìn anh ta?

– Để không còn gì phải băn khoăn nữa. Anh ta không đội mũ bảo hiểm sao?

– Có chứ, nhưng anh ta không cài dây mũ.

Người đàn ông trần truồng. Paul đã phủ một mảnh vải lên vùng kín và lên đầu anh ta. Toàn thân anh ta đầy những vết bầm tím. Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy một người chết. Thông thường, khi tôi làm việc với họ, họ đã “nằm trong hộp”, theo cách nói của Nono. Tôi cảm thấy khó chịu, hai chân tôi nhũn ra, một màn đen phủ xuống trước mắt tôi.



Đắt che giấu người, nhưng tim tôi vẫn luôn nhìn thấy người.

Ngày 3 tháng Một năm 1993, trước khi rời đi, bà Toussaint đưa cho tôi một tờ quảng cáo. Anaïs là bạn của Catherine (mẹ chồng tôi không bao giờ gọi Léonine bằng tên con bé), đó là con gái của “những người rất tử tế”, họ đã thân thiết với nhau trong kỳ nghỉ trên núi Alpes. Ông bố là bác sĩ, bà mẹ là kỹ thuật viên X-quang. Khi bà Toussaint thốt ra những từ “bác sĩ” hoặc “luật sư”, bà hớn hờ hẩn lên. Giống như tôi khi tôi bơi trong biển Địa Trung Hải với một cái mặt nạ lặn. Đó chính là cái điện thờ hạnh phúc của bà, khi được “lui tới” với các bác sĩ và luật sư.

Anaïs ở cùng nhóm trượt tuyết với Léo. Hai đứa đã lấy được ngôi sao đầu tiên cùng nhau. Gia đình Anaïs sống ở Maxeville, gần Nancy, quả là một điều ngẫu nhiên may mắn.

Hằng năm, cô bé Anaïs đi nghỉ ở La Clayette vùng Saône-et-Loire và sẽ rất tuyệt nếu Léonine đi nghỉ cùng Anaïs vào tháng Bảy, thậm chí bố mẹ Anaïs còn đề nghị ghé qua đón Léonine, và bà Toussaint đã nói được, mà không hỏi ý kiến chúng tôi, bởi vì “con bé Catherine tội nghiệp, phải mắc kẹt suốt một tháng trời ở bên đường sắt...” Bà Toussaint luôn nói về Léo bằng giọng thương hại như thế. Như thể bà phải ra tay đảm đương mọi việc

để giải thoát con bé khỏi nỗi bất hạnh lớn lao là làm con gái của tôi.

Tôi không trả lời rằng “con bé tội nghiệp” chẳng hề khốn khổ khi ở bên đường sắt chút nào, dù vào mùa nào trong năm. Rằng giữa mỗi chuyến tàu, chúng tôi có vô khối chuyện để làm vào mùa hè, chúng tôi bơm một bể bơi trong vườn, tất nhiên bể bơi của chúng tôi bé xíu, nhưng dù sao chúng tôi cũng có thể tắm trong đó, và chúng tôi cảm thấy thích thú thực sự. Chúng tôi cười đùa trong cái bể bơi bằng nhựa đó. Nhưng cười đùa không nằm trong vốn từ vựng của bố mẹ Philippe Toussaint.

Tôi chỉ nói rằng vào tháng Tám chúng tôi sẽ quay lại Sormiou, và vào tháng Bảy thì nếu Léo thích, con bé có thể đi nghỉ cùng bạn, tại sao lại không chứ.

Sau khi ông bà Toussaint đi rồi, tôi mở tờ quảng cáo trại hè Notre-Dame-des-Prés tại La Clayette ra xem. “Chỉ có sự nghiêm túc của chúng tôi là không bao giờ đi nghỉ.” Bên dưới dòng slogan, có các điều kiện đăng ký và những bức ảnh chụp bầu trời xanh ngắt. Hẳn là mưa đã bị người chịu trách nhiệm soạn thảo tờ rơi quảng cáo này cấm tiệt. Ngay trang đầu tiên, có thể nhìn thấy bức ảnh chụp một lâu đài rất đẹp và một hồ nước rộng. Trong trang tiếp theo, một phòng ăn tập thể nơi những đứa trẻ khoảng mười tuổi đang dùng bữa, một xưởng vẽ nơi vẫn những đứa trẻ ấy đang vẽ tranh, bờ hồ nơi vẫn những đứa trẻ ấy đang tắm táp, và cuối cùng, trên hình ảnh lớn nhất, là những đồng cỏ tuyệt đẹp nơi vẫn những đứa trẻ ấy đang cưỡi những con ngựa con.

Tại sao được cưỡi lên một con ngựa con lại là giấc mơ của tất cả các bé gái?

Về phần mình, tôi vẫn luôn dè chừng lũ ngựa con kể từ khi xem bộ phim *Cuốn theo chiều gió*. Tôi sợ Léo cưỡi lên một con ngựa con còn hơn

là sợ con bé ngồi đằng sau Philippe Toussaint trên chiếc mô tô của anh ta.

Bà Toussaint đã nhồi vào đầu Léo: “Hè này, cháu sẽ đi cưới ngựa ở nông thôn cùng với Anaïs.” Câu nói kỳ diệu, câu nói khiến tất cả các bé gái bảy tuổi mơ mộng.

Ngày tháng và những chuyến tàu trôi qua. Léonine đã học được cách phân biệt giữa một cuốn truyện cổ tích và một tờ báo, một cuốn từ điển, một bài thơ và một bài luận. Con bé đã biết giải những bài toán đố: “Tôi có ba mươi franc để tiêu trong dịp Giáng sinh, tôi mua một cái áo chui đầu hết mười franc, một bánh ga tô hết hai franc, rồi mẹ lại cho tôi năm franc tiền tiêu vặt, vậy đến lễ Phục sinh thì tôi còn bao nhiêu tiền?” Con bé đã học về nước Pháp, vị trí của nước Pháp trên bản đồ, các thành phố lớn, vị thế của nước Pháp ở châu Âu và trên thế giới. Con bé đã chấm một chấm đỏ ở vị trí Marseille. Con bé chơi trò biểu diễn ảo thuật. Con bé làm biến mất mọi thứ, ngoại trừ đồng lộn xộn khủng khiếp trong phòng con bé.

Thế rồi, trong sổ điểm, con bé đã tự hào chỉ cho tôi thấy dòng chữ: “Lên lớp ba”.

Ngày 13 tháng Bảy năm 1993, bố mẹ Anaïs đến nhà chúng tôi để đưa con gái tôi đi.

Họ rất dễ mến. Họ giống như tờ quảng cáo trại hè. Chỉ có trời xanh trong ánh mắt họ. Léo lao vào vòng tay Anaïs. Hai cô bé cười vang không ngớt. Thậm chí tôi đã tự nhủ: *Với mình, Léo cũng không cười nhiều như thế.*

– Tôi mệt, tôi muốn nghỉ ngơi...

Julien Seul đứng trước mặt tôi. Trông mặt anh khó đảm đảm. Có lẽ là do thứ ánh sáng nhợt nhạt trên những bức tường của phòng bệnh. Chính Nono đã gọi cho anh sau khi đội cứu hộ bế tôi lên khỏi sàn nhà anh em Lucchini. Nono nghĩ rằng chúng tôi là tình nhân của nhau, rằng Julien Seul sẽ chăm sóc cho tôi. Nono nhầm rồi, sẽ không có ai chăm sóc cho tôi, ngoại trừ tôi.

Điều duy nhất mà tôi có thể nói với viên cảnh sát trưởng đang có vẻ lo lắng cho tôi là: “Tôi mệt, tôi muốn nghỉ ngơi.”

Nếu Irène Fayolle không quay đầu xe trên chặng đường từ Aix đến Marseille để gặp lại Gabriel Prudent trên sân ga, có lẽ Julien Seul sẽ không bao giờ đến nghĩa trang của tôi. Nếu Julien Seul không nhìn thấy vạt váy đỏ của tôi lộ ra sau lớp áo choàng vào buổi sáng tôi đưa anh đến tận bên mộ Gabriel Prudent, có lẽ anh sẽ không bao giờ dính dáng gì với cuộc đời tôi. Nếu Julien Seul không dính dáng gì đến cuộc đời tôi, có lẽ anh sẽ không tìm ra Philippe Toussaint. Và nếu Philippe Toussaint không nhận được thư yêu cầu ly hôn của tôi, có lẽ anh ta sẽ không bao giờ quay trở lại Brancion. Có lẽ tất cả đã khác.

Tôi không nói với bất kỳ ai rằng Philippe Toussaint đã quay trở lại nhà tôi vào tuần trước, kể cả với Nono cũng không.

Thứ đầu tiên mà Julien Seul nhìn thấy khi bước vào phòng bệnh nơi tôi nằm, đó là hai cánh tay tôi. Anh đúng là một chú chó săn. Anh không nói gì, nhưng tôi cảm thấy ánh mắt anh chăm chú hồi lâu vào những vết bầm trên tay tôi.

Nhưng còn có một chuyện điên rồ hơn: khi ra khỏi nhà tôi, Philippe Toussaint đã gặp tai nạn ở cùng chỗ với Reine Ducha (1961-1982), cô gái trẻ chết vì tai nạn cách nghĩa trang ba trăm mét và một số người nói rằng vẫn nhìn thấy cô xuất hiện bên vệ đường vào những đêm hè.

Philippe Toussaint có nằm trong số những người từng nhìn thấy cô không? Tại sao anh ta lại không cài quai mũ bảo hiểm, trong khi anh ta không hề cởi nó ra khỏi đầu lúc vào và ra khỏi nhà tôi? Tại sao anh ta không mang theo giấy tờ tùy thân?

Julien Seul đứng dậy và nói với tôi rằng anh sẽ quay lại sau. Trước khi rời khỏi phòng, anh hỏi tôi có cần gì không. Tôi lắc đầu thay cho câu không rồi nhắm mắt. Và tôi hồi tưởng lại, lần thứ một nghìn, có lẽ là nhiều hơn, cũng có thể là chưa đến.

Bố mẹ Anaïs không đi ngay lập tức. Họ muốn “làm quen”. Dành thời gian cho hai đứa bé thân thiết trở lại với nhau. Chúng tôi đến Gino, nhà hàng pizza do những người Alsace chưa từng đặt chân đến Ý làm chủ. Philippe Toussaint ở lại nhà để quản lý thanh chắn và “những chuyến tàu trưa”: 12h14, 13h08 và 14h06. Như thế cũng tiện cho anh ta. Anh ta ghét phải chuyện trò với người lạ, và đối với anh ta, nói về kỳ nghỉ, lũ trẻ và lũ ngựa con, toàn là chuyện của đám đàn bà.

Hai đứa trẻ ăn một chiếc bánh pizza có đặt một quả trứng ốp la bên trên, vừa ăn vừa nói về lũ ngựa, về áo tắm, về lớp 2, về ngôi sao đầu tiên, về những trò ảo thuật và về kem chống nắng.

Bố mẹ Anaïs, Armelle và Jean-Louis Caussin, đã gọi món chính trong

ngày. Tôi bắt chước họ, trong lòng thầm nghĩ tôi sẽ là người phải trả tiền cho bữa ăn. Rằng đó là điều tối thiểu mà tôi có thể làm, bởi vì họ chi trả tiền đi lại cho Léonine. Vì tôi vừa trả xong khoản phí tham gia trại hè, có lẽ tài khoản của tôi sẽ bị âm.

Tôi nghĩ đến chuyện đó trong suốt bữa ăn, giữa các lần nhai, tôi tự hỏi mình sẽ giải quyết khoản thâm hụt kia trong tài khoản ngân hàng ra sao, bởi vì tôi không có thẩm quyền cho việc ấy. Tôi thầm tính toán trong đầu: *Ba suất người lớn cộng với hai suất ăn trẻ em cộng thêm năm đồ uống*. Tôi nhớ mình đã tự nhủ: *May mà họ phải đi đường, nên sẽ không uống rượu vang*. Philippe Toussaint vẫn chẳng đưa cho tôi đồng nào. Cả ba chúng tôi sống bằng lương của tôi. Tôi luôn nghèo rớt mồng tơi.

Tôi còn nhớ bố mẹ Anaïs đã nói với tôi: “Cô còn trẻ quá, cô sinh Catherine năm bao nhiêu tuổi vậy?” Họ không biết rằng tên của Léonine là Léonine. Và tôi nhớ rằng Léo đã dầm miếng bánh pizza của con bé vào lòng đỏ trứng. Con bé nói: “Ta làm vỡ trứng của người đây.” Rồi cười vang.

Và tôi nhớ mình đã tự nhủ: *Thôi được rồi, con bé lớn rồi, nó có một người bạn gái thực thụ. Còn mình, người bạn đầu tiên của mình, đã phải xảy ra một vụ đình công thì mình mới gặp được chị ấy, năm mình hai mươi bốn tuổi*.

Tôi nói: “Vâng... không... Ồ... à... được rồi... thật tuyệt” và thỉnh thoảng lại nhìn thẳng vào hai cặp mắt xanh đẹp của vợ chồng nhà Caussin, nhưng tôi không nghe họ nói gì. Phải khó khăn lắm tôi mới rời được mắt khỏi Léo. Và tôi đếm: *Ba suất người lớn cộng với hai suất trẻ con cộng năm đồ uống*.

Léo vừa nói chuyện vừa xen vào những tiếng cười vang. Con bé vừa rưng hai cái răng. Nụ cười của con bé giống như một cây đàn piano bị bỏ

quên trên gác xép. Tôi đã tết cho con bé hai bím tóc, như thế đi lại sẽ tiện hơn.

Trước khi rời khỏi nhà hàng, con bé làm mấy tờ giấy ăn biến mất. Tôi những muốn con bé làm biến mất tờ biên lai thanh toán. Tôi vừa ký séc trả tiền vừa run. Khi nghĩ đến việc tờ séc đó không có khoản tiền bảo đảm, tôi xấu hổ tưởng chết đi được. Thật nực cười, tôi hình dung rằng cả vùng Malgrange này đều biết rằng chồng tôi lừa dối tôi, nhưng ánh mắt của mọi người trong Phố Lớn không khiến tôi bối rối. Ngược lại, nếu họ biết rằng tôi ký séc mà không có tiền bảo đảm, tôi sẽ không còn lối thoát nào nữa.

Chúng tôi quay trở lại trạm gác ghi. Léo đã trèo vào xe của gia đình Caussin, ở băng ghế sau, bên cạnh Anaïs. Con bé suýt quên thú bông, nó đã giấu con thú bông vào túi xách của tôi để Anaïs không biết rằng con bé cần đến người bạn ấy trong chuyến đi. Tôi đã cho Léo uống Cocculine bởi vì con bé bị say xe, và hành trình dài những ba trăm bốn mươi tám ki lô mét. Tôi nhét lọ thuốc vào túi áo con bé, để dành cho chuyến về.

Họ sẽ đến nơi vào cuối giờ chiều, họ sẽ gọi điện thoại cho tôi ngay lập tức.

Trong buổi chiều, khi thu dọn đồ đạc của Léo, tôi nhìn thấy tờ danh sách mà tôi đã lập ra từ mười lăm ngày trước để không quên bất cứ thứ gì khi chuẩn bị hành lý cho con bé.

Tiền tiêu vặt, 2 áo tắm, 7 áo ba lỗ, 7 quần đùi, dép quai hậu, giày thể thao (giày ống cao cổ do trại hè cung cấp), kem chống nắng, mũ, kính mát, 3 váy dài, 2 quần yếm, 2 quần soóc, 3 quần dài, 5 áo phông (tắm trải giường và khăn mặt do trại hè cung cấp), 2 khăn tắm, 3 cuốn truyện tranh, dầu gội dịu nhẹ + chống cháy, bàn chải răng, kem đánh răng vị dâu, 1 áo chui đầu dày ấm và 1

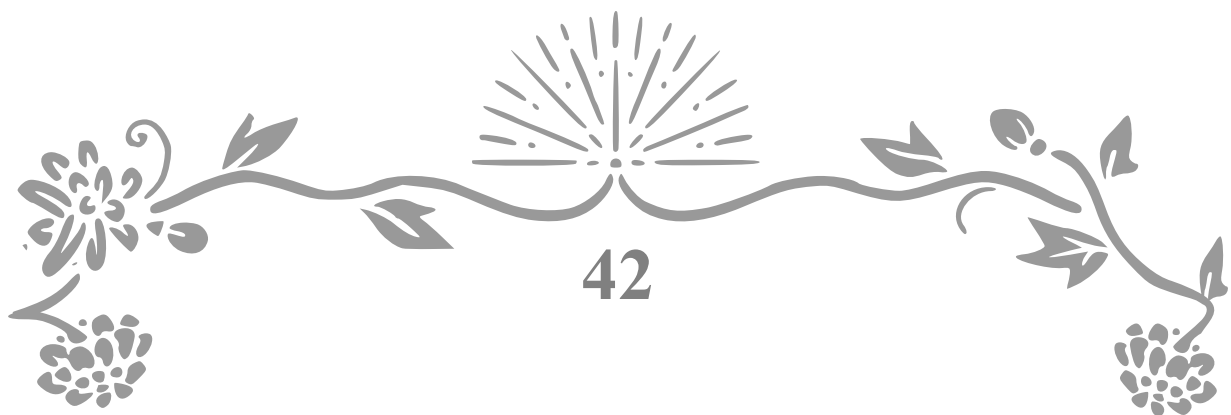
áo gi lê mặc tối + áo mưa Kway + 1 bút và vở nháp.

Máy ảnh dùng một lần + bộ đồ ảo thuật.

Thú bông.

Khoảng 21 giờ, Léo gọi điện thoại cho tôi, vô cùng phấn khích, mọi chuyện đều quá ổn. Khi đến trại hè, con bé đã nhìn thấy lũ ngựa con quá đáng yêu, con bé đã cho chúng ăn bánh mì và cà rốt, quá tuyệt, trời quá đẹp, các phòng ngủ quá đẹp, mỗi phòng có hai giường tầng, Anaïs sẽ ngủ giường dưới, còn Léo ngủ giường trên. Sau khi ăn tối, con bé đã biểu diễn vài trò ảo thuật, bọn trẻ tha hồ cười. Các cô phụ trách quá tốt bụng, có một cô rất giống tôi. Không, tôi không thể chuyển máy cho con bé nói chuyện với bố, bố đã đi dạo một vòng. “Con yêu mẹ, mẹ ạ, thơm mẹ. Thơm bố nữa.”

Sau khi gác máy, tôi bước ra mảnh vườn nhỏ của chúng tôi. Tôi nhìn thấy một cô búp bê Barbie bơi sấp bên trong bể bơi bằng nhựa. Nước đã ngả màu xanh. Tôi tháo nước cho cạn bể. Nước chảy dọc theo những gốc hoa hồng. Tôi sẽ lại xả nước đầy bể vào tuần sau, khi Léo quay về nhà.



*Tình yêu, chính là khi ta gặp một ai đó cho ta biết những điều mới
mẽ về chính mình.*

Trích dẫn André Breton.

Julien Seul đến bệnh viện đón tôi. Chúng tôi im lặng trong lúc anh lái xe. Anh phải lên đường quay về Marseille ngay lập tức sau khi thả tôi xuống trước nhà tôi. Cảnh sát trưởng Seul nói với tôi rằng anh sẽ sớm quay lại. Anh nắm lấy bàn tay phải của tôi và đặt lên đó một nụ hôn. Đây là nụ hôn thứ hai kể từ khi chúng tôi quen biết nhau.

Tôi quay về nghĩa trang với một tờ đơn đầy những thuốc tăng lực và vitamin D. Cùng các kết quả xét nghiệm, tất cả đều tốt. Éliane chờ tôi trên thềm nhà. Trong nhà, Elvis, Gaston và Nono cũng đang chờ tôi. Vợ Gaston đã nấu cho tôi một món, chỉ cần hâm lại trước khi ăn. Họ trêu chọc tôi một cách tế nhị, vì tôi đã ngất xỉu khi nhìn thấy một người chết, và “đối với một nữ quản trang thì chuyện đó quả là đỉnh!”

Tôi hỏi thăm tin tức về người chết kia, giống như người ta vẫn hỏi thăm tin tức về một đồng nghiệp về hưu. Cái xác “người lạ đi xe mô tô” đã được chuyển đến Mâcon. Không ai biết anh ta là ai. Chiếc xe mô tô của anh ta không có biển đăng ký, và đó là mẫu xe phổ biến, số xe ri đã mờ. Chắc

chấn là một chiếc xe ăn cắp. Cảnh sát đã phát lệnh tìm kiếm.

Nono cho tôi xem bài báo đăng trên tờ *Nhật báo Saône-et-Loire*, có nhan đề: “Góc cua bị nguyên rửa”.

Chúng ta đang nói đến một vụ tai nạn thảm khốc ở đúng nơi Reine Ducha đã qua đời năm 1982. Người đi xe mô tô đã không cài quai mũ bảo hiểm và lái xe với tốc độ rất cao. Cả khuôn mặt anh ta bị biến dạng. Đó chính là lý do khiến cảnh sát không thể chụp ảnh, mà phải vẽ chân dung nhận dạng.

Tôi ngắm nhìn bức chân dung nhận dạng phác họa bằng bút chì. Không thể nhận ra Philippe Toussaint. Ở phần ghi chú có ghi: “Nam giới khoảng năm mươi lăm tuổi, da sáng, tóc màu hạt dẻ, mắt xanh, cao 1,88 mét, không hình xăm, không dấu hiệu đặc biệt. Không đeo trang sức. Áo thun trắng. Quần jean hiệu Levi’s. Bốt đen và áo blu đông da đen hiệu Furygan. Để biết thêm bất cứ thông tin gì, mời đến trụ sở cảnh sát gần nhất hoặc bấm số 17 (cảnh sát cứu hộ và quân cảnh).”

Ai sẽ tìm kiếm anh ta? Françoise Pelletier, tôi nghĩ thế. Anh ta có bạn bè nào ngoài chị ta không? Khi chúng tôi còn chung sống, anh ta có nhiều nhân tình, nhưng không có bạn. Hai hoặc ba đồng đội trong nhóm mô tô ở Charleville và ở Malgrange. Và bố mẹ anh ta. Nhưng hiện giờ bố mẹ anh ta đã qua đời cả rồi.

Tôi không dành nhiều thời gian cho mấy trang báo. Tôi lên phòng để tắm và thay quần áo. Khi mở tủ quần áo hè và đông, tôi tự hỏi liệu tôi có nên mặc chiếc váy hồng bên trong áo choàng đi mưa không, hay tôi nên mặc một chiếc váy đen. Tôi góa chồng, và không một người nào biết điều đó.

Tôi đã nhận ra anh ta trong nhà xác. Tôi nhận ra thân hình anh ta. Tôi

tin rằng sau cơn hoảng hốt, chính nỗi ghê tởm đã khiến tôi ngã lăn ra sàn. Nỗi ghê tởm đối với anh ta. Nỗi căm hận, khi anh ta đến đe dọa tôi trong vườn nhà tôi, nỗi căm hận trong con người anh ta, anh ta đã truyền nó sang cho tôi qua phần cánh tay mà anh ta đã siết quá chặt. Chặt đến nỗi lúc này trên tay tôi vẫn còn vết bầm.

Tôi vẫn luôn mặc những đồ có màu sắc rực rỡ bên trong các trang phục tối màu để chế nhạo thần Chết. Giống như những người phụ nữ trang điểm bên dưới lớp khăn trùm đầu burqa. Hôm nay, tôi muốn làm điều ngược lại. Tôi muốn mặc một chiếc váy đen rồi khoác ra ngoài một chiếc áo choàng màu hồng. Nhưng tôi sẽ không bao giờ làm thế, vì tôn trọng những người khác, những người còn sống và đi đi lại lại trong các lối đi ở nghĩa trang của tôi. Với lại, tôi cũng chưa bao giờ có áo choàng màu hồng.

Tôi quay trở xuống bếp, tránh không giẫm vào đám búp bê đựng trong những cái hộp, tự rót cho mình chút rượu vào đáy cốc rồi nâng cốc chúc sức khỏe chính tôi.

Tôi bước ra ngoài, dạo một vòng trong nghĩa trang. Éliane bám theo tôi. Tôi đi một lượt hết bốn khu, Nguyệt Quế, Phu Danh, Bá Hương và Thông Đỏ. Tất cả đều hoàn hảo. Đám bộ rùa bắt đầu xuất hiện. Ngôi mộ của Juliette Montrachet (1898-1962) vẫn đẹp như mọi khi.

Thỉnh thoảng, tôi dựng lại những bình hoa bị đổ. José-Louis Fernandez đang ở đó. Ông đang tưới hoa trên mộ vợ. Tutti Fruitti đi cùng ông. Cả hai bà Pinto và Degrange nữa. Họ cùng lặng lẽ cào cỏ quanh rìa mộ của hai ông chồng. Họ cào cỏ trên phần đất chẳng còn gì để cào thêm được

nữa. Lũ cỏ dại đã hạ vũ khí đầu hàng từ rất lâu rồi.

Tôi gặp một cặp vợ chồng mà tôi quen mặt. Cô vợ thỉnh thoảng ghé qua thăm mộ chị gái, Nadine Ribeau (1954-2007). Chúng tôi chào nhau.

Mưa đã tạnh. Trời đẹp. Tôi thấy đói. Cái chết của Philippe Toussaint không khiến tôi ăn mất ngon. Tôi cảm thấy lớp vải lụa của chiếc váy hồng cọ vào hai đùi. Tôi tự nhủ rằng Léo sẽ không phải trải qua chuyện này. Chôn cất cha mình. Cả tôi cũng không.

Bằng việc lựa chọn biến mất khỏi cuộc đời tôi, Philippe Toussaint đã chọn cách biến mất khỏi cái chết của anh ta. Tôi sẽ không phải cào cỏ quanh mộ anh ta, cũng không phải mua hoa đặt lên đó. Tôi nhớ đến lần chúng tôi làm tình với nhau khi còn trẻ. Đã nhiều năm nay tôi không ngủ với ai. Trong khu Thông Đỏ, tôi tiến về khoang vuông dành cho trẻ em.

Đa số các ngôi mộ đều màu trắng. Có những thiên thần ở khắp nơi, trên bia mộ, trong những khóm hoa, trên những tấm đá lát. Có những trái tim màu hồng và những con gấu bông, rất nhiều nến và vô số bài thơ.

Ngày hôm nay, không có cha mẹ nào đi viếng mộ. Họ thường đến đây sau giờ làm, từ 17, 18 giờ trở đi, thường là những giờ ấy. Lúc đầu, họ ở đây suốt ngày. Thẩn thờ. Ngây dại vì đau khổ. Say khướt. Những cái xác sống. Sau vài năm, những lần viếng thăm của họ thưa dần, và như thế là hơn, bởi vì cuộc sống vẫn tiếp diễn. Và cái chết đã ở nơi khác.

Và rồi, trong khoảng vuông này, có những đứa trẻ có lẽ đã một trăm năm mươi tuổi.

Và trong một trăm năm mươi năm nữa, thậm chí người ta chẳng còn nghĩ nữa

Đến những gì người ta đã yêu, đến những gì người ta đã mất

*Thôi nào, hãy dốc cạn ly bia, vì những tên kẻ cắp trên đường phố!
Tất thấy đều kết thúc trong lòng đất, lạy Chúa tôi, đáng thất vọng biết
bao!*

*Và hãy nhìn những bộ xương đang nhìn thấu chúng ta
Đừng giận dữ, đừng gây chiến với họ nữa
Sẽ chẳng còn lại gì từ chúng ta, cũng sẽ chẳng còn lại gì từ họ
Tôi sẵn sàng đánh cược như thế, nếu sai thì cứ tay tôi mà chặt
Thế nên người hãy mỉm cười đi.*

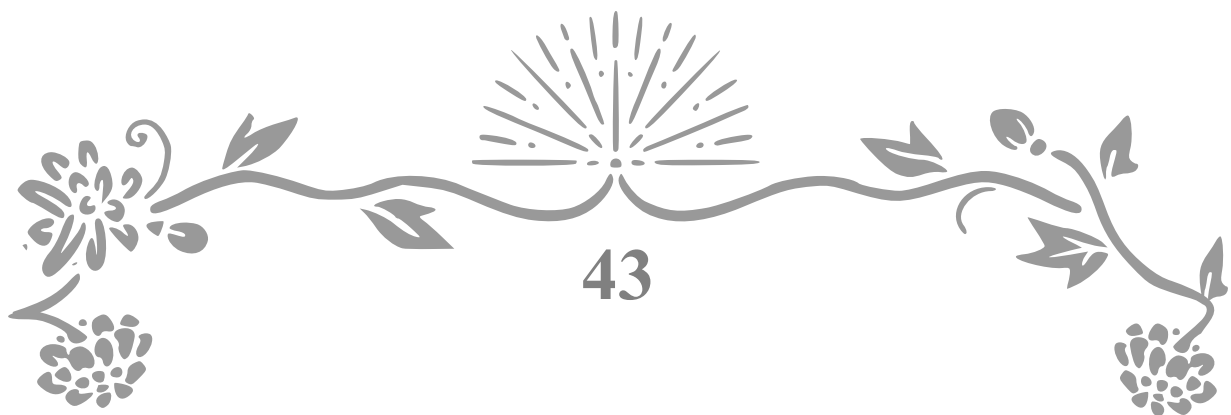
Tôi ngồi xổm đằng trước mấy ngôi mộ của:

Anaïs Caussin (1986-1993)

Nadège Gardon (1985-1993)

Océane Degas (1984-1993)

Léonine Toussaint (1986-1993)



Giống như một bông hoa gãy gục trong cơn giông tố, cái chết đã cướp cô bé đi khi tuổi mới chớm xuân.

Con gái của mẹ, con không thể tưởng tượng mẹ tự giận mình đến mức nào vì đã tặng cho con bộ đồ chơi ảo thuật gia đó vào dịp Giáng sinh, con đã thành công, con đã thực sự biến mất. Và con đã làm biến mất cả ba người bạn của con, trong đó có Anaïs.

Những phòng khác trong lâu đài không bị ảnh hưởng. Hoặc đám trẻ đã được giải cứu kịp thời. Tôi cũng không biết nữa, tôi đã quên chuyện đó rồi.

Chỉ có phòng của con. Phòng của các con. Căn phòng dành cho các con, chính là căn phòng gần với khu bếp nhất.

Một vụ chập điện. Hoặc một cái bếp không được tắt cẩn thận.

Hoặc có thể là đồ ăn đã bốc cháy trong lò.

Hoặc ga bị rò.

Hoặc một đầu mẩu thuốc lá.

Sau này, phải mãi sau này tôi mới biết.

Không phải một trò ảo thuật của con. Không có cánh cửa sập nào ầm trong lòng đất, không có tiếng vỗ tay, không có màn quay trở lại trong tiếng

nhạc và tiếng chào mừng vang dội.

Chỉ có hư không, tro tàn, tận thế.

Bốn cuộc đời bé nhỏ bị phá hủy, tan thành tro bụi. Cả bốn đứa các con, nằm nôi hàng dọc, cũng chưa dài tới ba mét, bốn bé gái mới sống được tổng cộng ba mươi một năm cuộc đời.

Sau đêm đó, các con đã cất cánh bay đi.

Chúng ta an ủi nhau trong khả năng của mình, các con đã không phải chịu đau đớn. Các con đã bị ngạt thở khi đang ngủ. Khi những ngọn lửa bắt đầu liếm vào các con, thì các con đã đi rồi. Các con đang mơ, và đã ở lại trong giấc mơ ấy.

Mẹ hy vọng rằng con đang ở trên lưng một con ngựa nhỏ, con yêu của mẹ ạ, hoặc con đang ở vùng bờ đá, làm một nàng tiên cá.

Sau chuyến tàu lúc 5h50, mẹ nằm dài trên ghế xô pha, và vừa mới ngủ lại. Tim mẹ bắt đầu đập thành thịch rồi loạn khi chuông điện thoại reo vang, mẹ tưởng mình đã quên chuyến tàu lúc 7h04. Mẹ nhắc máy. Mẹ vừa mơ thấy bà Toussaint tặng cho mẹ một con gấu bông không mắt không miệng, và mẹ vẽ mắt miệng cho nó bằng một trong số những cây bút dạ của con.

Một cảnh binh nói chuyện với mẹ, yêu cầu mẹ cho biết nhân thân của mẹ, mẹ nghe nhắc đến tên con, “lâu đài Notre-Dame-des-Prés... La Clayette... bốn thi thể chưa được nhận dạng”.

Mẹ nghe thấy những từ “thảm kịch”, “hỏa hoạn”, “trẻ em”.

Mẹ nghe thấy: “Tôi rất tiếc”, rồi lại nghe thấy tên con, “đến quá

muộn... lính cứu hỏa không làm được gì”.

Mẹ như lại nhìn thấy con đang chọc vỡ lòng đỏ quả trứng bằng miếng bánh pizza và làm biến mất những chiếc khăn ăn, trong lúc mẹ đang thầm đếm: *Ba suất người lớn cộng hai suất trẻ em cộng năm đồ uống.*

Lẽ ra mẹ đã có thể không tin người đàn ông đang nói chuyện với mẹ trong điện thoại. Lẽ ra mẹ đã có thể bảo ông ta: “Ông nhầm rồi, Léonine là ảo thuật gia, con bé sẽ xuất hiện trở lại thôi”, lẽ ra mẹ đã có thể bảo ông ta: “Đây chính là mảnh khốe của bà Toussaint, bà ta đã tước mất con bé từ tay tôi và thay thế nó bằng một con búp bê vải, con búp bê đã bị cháy trong giường”, lẽ ra mẹ đã có thể yêu cầu ông ta cung cấp bằng chứng, gác máy, nói với ông ta: “Trò đùa của ông quả thực là rất ác độc”, lẽ ra mẹ đã có thể nói với ông ta... Nhưng ngay lập tức, mẹ đã biết rằng những gì ông ta nói với mẹ đều đúng cả.

Từ khi còn nhỏ, mẹ chưa từng làm ồn, để người ta giữ mẹ lại, để người ta không bỏ rơi mẹ nữa. Mẹ rời khỏi tuổi thơ của con, bằng cách hét lên.

Philippe Toussaint xuất hiện, bố con cầm lấy điện thoại, bố con nói thêm vài câu với viên cảnh binh, rồi cả bố con cũng bắt đầu la hét. Nhưng không giống như mẹ. Bố con chửi rửa viên cảnh binh. Tất cả những từ ngữ độc địa mà chúng ta cấm con nói, bố con đều nói cả. Chỉ trong một câu. Còn mẹ, cái chết của con đã hủy hoại mẹ. Sau tiếng hét ấy, mẹ đã thôi không nói trong suốt một thời gian dài. Còn bố con, cái chết của con khiến bố con nổi khùng.

Khi chuyến tàu 7h04 đi qua, cả bố con lẫn mẹ, không ai bước ra để hạ thanh chắn xuống.

Chúa trời, người đã vắng mặt ở lâu đài Notre-Dame-des-Prés đêm đó,

dù sao cũng hạ cố dạo một vòng bên cạnh thanh chắn của chúng ta, bởi vì chỉ một thảm kịch thôi, trên danh sách cuộc đời chúng ta, hẳn cũng đã đủ rồi. Không có chiếc xe nào đi qua, không có chiếc xe nào đâm vào chuyên tàu lúc 7h04. Vào giờ ấy, thông thường, con đường này luôn rất nhộn nhịp.

Những lần nâng hạ thanh chắn sau đó, Philippe Toussaint đã đi báo cho một ai đó, đề nghị được trợ giúp. Mẹ không bao giờ biết người nào đã đến.

Mẹ nằm dài trong phòng con, và không cử động gì nữa.

Bác sĩ Prudhomme đã đến, mẹ biết, con không thích ông ấy, con gọi ông ấy là “đồ hôi hám” khi ông ấy chữa viêm họng, thủy đậu, viêm tai cho con.

Ông ấy đã tiêm cho mẹ một mũi.

Rồi một mũi khác. Rồi một mũi khác nữa.

Nhưng không phải trong cùng một ngày.

Philippe Toussaint đã gọi Célia đến giúp. Bố con không biết phải làm gì với nỗi đau của mẹ. Bố con đã tuồn nó cho một người khác.

Hình như bố mẹ của Philippe Toussaint đã đến. Họ không vào phòng con để thăm mẹ. Họ làm thế là đúng. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, họ đã làm đúng. Họ để mặc mẹ một mình. Cả ba người họ cùng lên đường đến La Clayette. Họ đi đến với con, đến với những gì còn lại của con, mặc dù chẳng còn lại gì.

Célia đến, sau đó, muộn hơn, mẹ không biết nữa, mẹ đã mất hết khái niệm về thời gian.

Mẹ nhớ rằng lúc đó là ban đêm, khi Célia đẩy cửa bước vào. Bác ấy nói: “Là chị đây, chị đã đến đây rồi, chị đây rồi, Violette ạ.” Giọng bác ấy không còn chút năng nào. Đúng thế, ngay cả trong giọng nói của Célia, trời cũng tối tăm, khi con đã mất.

Bác ấy không dám chạm vào mẹ. Còn mẹ, mẹ nằm rũ trong giường con. Một đống vô nghĩa lý. Célia nhẹ nhàng ép mẹ ăn chút gì đó. Mẹ nôn ra. Bác ấy lại nhẹ nhàng ép mẹ uống chút gì đó. Mẹ nôn ra.

Philippe Toussaint gọi điện thoại để nói với Célia rằng chẳng còn lại gì từ bốn thi thể. Rằng mọi thứ đã bị phá hủy. Rằng các con đã tan thành tro bụi. Rằng không thể nào phân biệt được người này với người kia. Rằng bố con sẽ đâm đơn kiện. Rằng chúng ta sẽ được bồi thường. Rằng tất cả những đứa trẻ khác đã trở về nhà chúng. Rằng tại hiện trường, khắp nơi đều có cảnh sát. Rằng các con sẽ được chôn cất cùng nhau, trong khu trẻ em, cùng nhau, với sự cho phép của chúng ta. Bố con đã nói lại điều đó “chôn cất cùng nhau”. Và rằng để tránh đám phóng viên, đám đông, cảnh hỗn loạn, mọi việc sẽ diễn ra kín đáo nhất có thể, trong nghĩa trang nhỏ ở Brancion-en-Chalon nằm cách La Clayette vài ki lô mét.

Mẹ đã nhờ Célia nhắc Philippe Toussaint lấy lại chiếc va li của con.

Célia nói với mẹ rằng chiếc va li đã bị cháy. Célia đã nhắc đi nhắc lại: “Chúng không đau đớn gì, chúng ra đi trong lúc ngủ.” Mẹ trả lời: “Chúng ta đau đớn thay cho chúng.” Célia hỏi mẹ có muốn người ta bỏ một đồ vật hoặc một món quần áo nào đó vào trong quan tài không. Mẹ trả lời: “Bỏ em vào.”

Ba ngày trôi qua. Célia nói với mẹ rằng ngày hôm sau bọn mẹ sẽ lên đường sớm. Rằng bác ấy phải đưa mẹ đến Brancion-en-Chalon để dự lễ tang. Célia đã hỏi mẹ muốn mặc gì, mẹ có muốn bác ấy đi mua quần áo cho mẹ không. Mẹ từ chối việc mua sắm và cũng từ chối việc đi dự lễ tang. Célia nói với mẹ rằng không thể như thế được. Rằng đó là điều không thể tưởng tượng nổi. Mẹ đã trả lời rằng có, có thể như thế được, rằng mẹ sẽ không đến dự buổi lễ chôn cất con gái đã thành tro bụi của mình. Rằng con bé đã đi xa, đã đến một nơi khác. Célia nói với mẹ: “Để em có thể để tang cho con bé, thì việc này là không thể thiếu được, em phải nói lời vĩnh biệt với Léonine.” Mẹ trả lời là không, mẹ sẽ không đến đó, mẹ muốn đến Sormiou, đến vùng bờ đá ấy. Chính ở đó, mẹ sẽ nói lời tạm biệt con. Biển sẽ kết nối mẹ với con, lần cuối cùng.

Mẹ ra đi cùng với Célia, trong xe của bác ấy. Mẹ không còn nhớ gì về chuyến đi. Mẹ đỡ dần ngâỵ đại, do phải dùng thuốc. Mẹ không ngủ, nhưng cũng không thức. Mẹ bồng bênh trong một thứ sương mù dày đặc, một trạng thái đỡ dần chẳng khác nào một cơn ác mộng thường trực, khi mà tất cả các giác quan đều bị tê liệt, tất cả ngoại trừ nỗi đau đớn. Giống như những người bị cố định trong một ca phẫu thuật nhưng vẫn cảm nhận được tất cả các động tác của bác sĩ phẫu thuật. Con trở của nỗi đau khổ đang nghiền nát xương mẹ được đẩy lên tận đỉnh điểm của mức độ không thể chịu đựng nổi. Hít thở thôi cũng khiến mẹ đau đớn.

“Trên thang đo từ 1 đến 10, cô xếp loại nỗi đau của mình ở số nào?” Ở mức “không xác định, vô tận, chung thân”.

Mẹ có cảm giác người ta mổ xẻ mẹ suốt cả ngày. Mẹ cứ tự nhủ thầm: *Tim mình sắp buông xuôi rồi, nó sẽ buông xuôi, càng sớm càng tốt*, mẹ hy vọng nó buông xuôi càng sớm càng tốt. Niềm hy vọng duy nhất của mẹ là

được chết đi.

Mẹ ôm siết hai chai rượu mặn lâu năm vào người. Những chai rượu mà Philippe Toussaint có từ hồi còn ở căn hộ một phòng. Thỉnh thoảng, mẹ uống một ngụm, rượu thiêu đốt bên trong mẹ, ở nơi mẹ từng mang thai con.

Bọn mẹ đi theo con đường dốc đứng để đến vũng bờ đá Sormiou. Con đường ấy được gọi là “đường lửa”. Năm trước, mẹ đã không để ý đến điều đó.

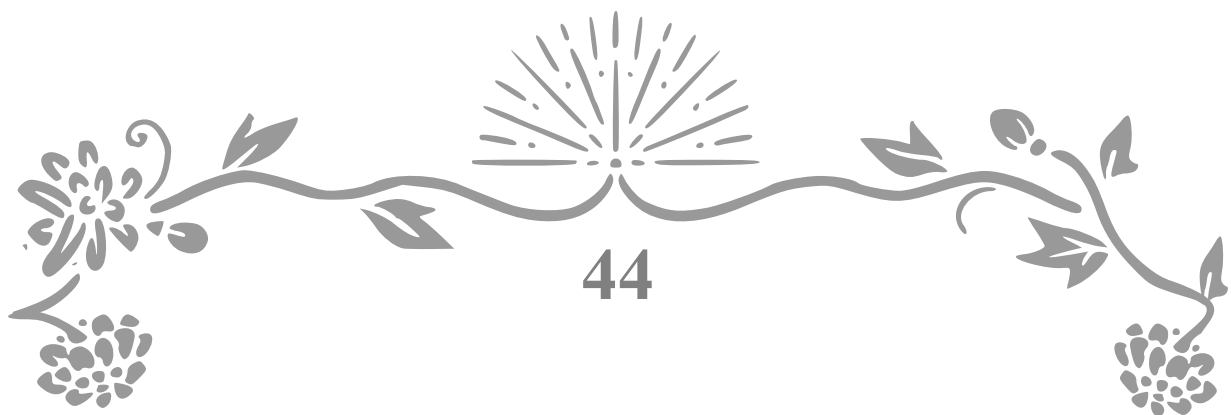
Mẹ không cởi quần áo trước khi hòa mình vào với biển. Mẹ ngâm mình trong nước, nhắm mắt lại, và lắng nghe sự tĩnh lặng, rồi mẹ nghe thấy những kỳ nghỉ trước của chúng ta, niềm hạnh phúc, nước mắt chảy ngược vào trong.

Mẹ lập tức cảm nhận được con, cảm nhận được rằng con đang hiện diện. Giống như những cái vuốt ve của một chú cá heo dường như đã lướt qua bụng mẹ, đùi mẹ, vai mẹ, mặt mẹ. Có thứ gì đó thật dịu dàng trườn đi rồi trườn đến trong những dòng nước xung quanh mẹ. Mẹ cảm thấy con rất dễ chịu ở nơi con đang ở. Mẹ cảm thấy con không sợ hãi. Mẹ cảm thấy con không đơn độc.

Trước khi Célia xóc nách mẹ và kéo mẹ lên mặt nước, mẹ đã nghe thấy tiếng con rành rọt. Con có giọng nói của một phụ nữ, giọng nói mà mẹ chưa từng nghe thấy. Mẹ nghĩ mẹ đã nghe thấy: “Mẹ ơi, mẹ phải biết rõ chuyện gì đã xảy ra đêm đó.” Mẹ không kịp trả lời con. Célia đã hét lên:

– Violette, Violette!!!

Mọi người, những du khách nghỉ hè mặc áo bơi giống như chúng ta năm trước, họ đã giúp bác ấy kéo mẹ lên bờ, chỉ là lên bờ thôi.



*Sơn ca ơi, nếu mi bay trên ngôi mộ này, hãy hát tặng cho cô bé
nghe bài hát du dương nhất của mi.*

Thời tiết đẹp tuyệt vời. Mặt trời tháng Năm ve vuốt mặt đất nơi tôi đang đào xới. Ba trong số lũ mèo già tìm lại được thời thanh xuân của chúng ở giữa đám lá sen cạn và cùng đuổi theo những con chuột nhắt tưởng tượng. Vài con chim hét đa nghi hót líu lo cách đó một quãng. Éliane ngủ trong tư thế nằm ngửa, bốn vó chống lên trời.

Ngôi xóm trong vườn, tôi vừa trồng nốt những cây cà chua giống vừa nghe một chương trình về Frédéric Chopin. Tôi đã đặt chiếc đài chạy pin trên một băng ghế gỗ mà tôi đã vác về vài năm trước từ một điểm bán đồ cũ. Thỉnh thoảng, tôi sơn lại ghế màu xanh da trời hoặc xanh lá cây. Năm tháng đã mang lại cho nó một lớp gỉ đồng đẹp đẽ.

Nono, Gaston và Elvis đã đi ăn trưa. Nghĩa trang có vẻ điều hiu. Mặc dù nghĩa trang nằm thấp hơn khu vườn của tôi, nhưng tôi vẫn không nhìn thấy một số lối đi, do bức tường bằng đá ngăn cách chúng.

Tôi đã cởi chiếc áo cánh màu xám để giải phóng những bông hoa trên chiếc váy vải bông. Tôi đã xỏ chân vào đôi bốt cũ.

Tôi thích mang lại sự sống. Gieo trồng, tưới tắm, thu hoạch. Và cứ thế tiếp diễn hằng năm. Tôi yêu cuộc sống giống như nó hiện hữu hôm nay. Ngập tràn ánh nắng. Tôi thích nắm giữ điều mầu chót. Chính Sasha đã dạy cho tôi điều đó.

Tôi đã dọn bàn ăn trong vườn. Tôi làm món xa lát cà chua đủ màu sắc và xa lát đậu lăng, tôi đã mua vài loại pho mát và một chiếc bánh mì dài ngon lành. Và tôi mở một chai vang trắng mà tôi đã đặt trong một xô đá.

Tôi thích bát đĩa bằng sứ và khăn trải bàn bằng vải bông. Tôi thích ly cốc bằng pha lê và dao thìa đĩa bằng bạc. Tôi thích vẻ đẹp của mọi vật bởi vì tôi không tin vào vẻ đẹp của tâm hồn. Tôi thích cuộc sống như nó hiện hữu hôm nay, nhưng cuộc sống chẳng có gì đáng giá nếu ta không thể chia sẻ nó cùng với một người bạn. Vừa tưới đám cây giống mới trồng, tôi vừa nghĩ đến cha Cédric, một người bạn mà tôi đang chờ đợi. Thứ Ba nào chúng tôi cũng ăn trưa cùng nhau. Đó là nghi thức của chúng tôi. Trừ phi có một lễ an táng.

Cha Cédric không biết rằng con gái tôi đang yên nghỉ trong nghĩa trang này. Ngoại trừ Nono, không ai biết điều đó. Kể cả ông thị trưởng cũng không biết.

Tôi thường nói về Léonine với những người khác bởi vì không nói đến con bé chính là bắt con bé phải chết một lần nữa. Không nhắc tên con bé sẽ là nhường phần thắng cho im lặng. Tôi sống với kỷ niệm về con bé, nhưng tôi không nói với bất kỳ ai rằng con bé chỉ còn là kỷ niệm. Tôi để con bé sống ở nơi khác.

Khi có người đề nghị tôi cho xem ảnh Léonine, tôi giơ ra bức ảnh chụp con bé hồi còn nhỏ, với nụ cười khuyết răng. Mọi người nói rằng con bé giống tôi. Không, Léonine giống Philippe Toussaint. Con bé chẳng có

nét gì của tôi cả.

– Chào Violette.

Cha Cédric vừa đến. Ông mang theo một túi giấy đựng bánh ngọt, và vừa mỉm cười vừa nói với tôi:

– Ham ăn là một tật xấu, nhưng không phải là tội lỗi.

Trên quần áo ông có mùi hương của nhà thờ, còn trên người tôi có mùi thơm của bột hoa hồng.

Chúng tôi không bao giờ bắt tay hay thơm má nhau, nhưng lại chạm cốc với nhau.

Tôi đi rửa tay rồi quay trở lại bên bàn ăn. Ông đã rót cho chúng tôi mỗi người một ly rượu vang. Chúng tôi ngồi quay mặt ra vườn rau, và như thường lệ, lúc đầu chúng tôi nói về Chúa trời như một người bạn chung đã lâu không gặp, đối với tôi là một gã khốn không có gì đáng kính trọng, còn với ông là một con người phi thường, một tấm gương tận tụy. Sau đó, chúng tôi bình luận về tình hình thời sự quốc tế và tình hình trong xứ Bourguignon. Và chúng tôi luôn kết thúc bằng chủ đề thú vị nhất: *tiểu thuyết và âm nhạc*.

Thông thường, chúng tôi không bao giờ vượt quá ranh giới của tình thân mật. Ngay cả sau khi đã uống hai ly rượu vang. Tôi không biết ông đã từng phải lòng ai đó chưa. Tôi không biết ông đã từng làm tình với ai chưa. Và ông cũng không biết gì về cuộc sống riêng tư của tôi.

Thế mà hôm nay, lần đầu tiên, trong lúc vuốt ve My Way, ông dám hỏi

tôi phải chẳng Julien Seul “chỉ là một người bạn” hay giữa chúng tôi đã có điều gì đó khác. Tôi trả lời ông rằng giữa chúng tôi chẳng có chuyện gì ngoài câu chuyện mà anh đã bắt đầu kể cho tôi nghe và tôi đang chờ đợi đoạn kết. Câu chuyện của Irène Fayolle và Gabriel Prudent. Tôi không nhắc đến tên họ. Tôi chỉ nói rằng tôi đang chờ Julien Seul kể cho tôi nghe nốt đoạn kết của câu chuyện.

– Con muốn nói rằng khi kể xong câu chuyện đó cho con, anh ta sẽ không gặp lại con nữa?

– Vâng, hẳn là thế.

Tôi đứng lên lấy đĩa ăn tráng miệng. Không khí ẩm áp dễ chịu. Rượu vang khiến đầu óc tôi hơi choáng váng.

– Cha vẫn muốn có một đứa con chứ?

Ông tự rót thêm cho mình một ly vang nữa rồi đặt My Way xuống bên chân.

– Chuyện đó khiến ta thức dậy giữa đêm. Tối qua, ta xem *Con gái của người đào giếng* trên ti vi, bởi vì phim đó chỉ nói về chuyện ấy, nói cho cùng, chỉ nói về tình cha con, tình yêu và huyết thống, ta đã khóc suốt cả tối.

– Cha ạ, cha là người rất đẹp trai. Cha hoàn toàn có thể gặp ai đó và có một đứa con.

– Và rồi bỏ Chúa ư? Không bao giờ.

Chúng tôi dầm sâu chiếc đĩa ăn tráng miệng của mình vào lớp đường tan chảy và lớp bột hạnh nhân phủ trên một trong số mấy cái bánh ngọt. Ông hiểu tôi không tán thành nhưng không nói gì. Mà chỉ mỉm cười.

Ông thường nói với tôi: “Violette này, ta không biết sáng nay con đã

nói những câu linh tinh gì với Chúa trong bữa sáng, nhưng có vẻ con rất giận Người.” Và tôi luôn trả lời: “Đó là bởi vì ông ấy không bao giờ chùi chân trước khi vào nhà con.”

– Ta đã hợp nhất con người mình với Chúa. Ta cam kết đi theo con đường của Người. Ta tồn tại trên thế giới này là để phụng sự Người, nhưng còn con, Violette, tại sao con không làm lại cuộc đời?

– Bởi vì cuộc đời không phải là thứ ta có thể làm lại được. Cha hãy lấy một tờ giấy rồi xé rách nó, thì cho dù cha có dán lại từng mảnh một, vẫn còn có những vết rách, những nếp gấp và những chỗ dán.

– Được rồi, nhưng khi các mảnh đã được dán lại với nhau, con có thể tiếp tục viết lên tờ giấy đó.

– Đúng thế, nếu cha có một cây bút tốt.

Chúng tôi cùng phá lên cười.

– Cha sẽ làm gì với mong muốn có con của mình?

– Quên nó đi thôi.

– Ta không thể quên một mong muốn, nhất là khi nó đã ăn sâu vào xương tủy ta.

– Ta sẽ già đi, giống như tất cả mọi người, và mong muốn đó rồi sẽ qua thôi.

– Thế nếu nó không qua được thì sao? Không phải vì già đi mà ta có thể quên mọi chuyện.

Cha Cédric bắt đầu cất tiếng hát:

– Theo thời gian, theo thời gian, trôi đi, tất cả sẽ trôi đi. Người mà ta yêu dấu, người ta kiếm tìm trong màn mưa, người mà ta ngỡ mình nhìn thấy, khi liếc mắt nhìn sang...

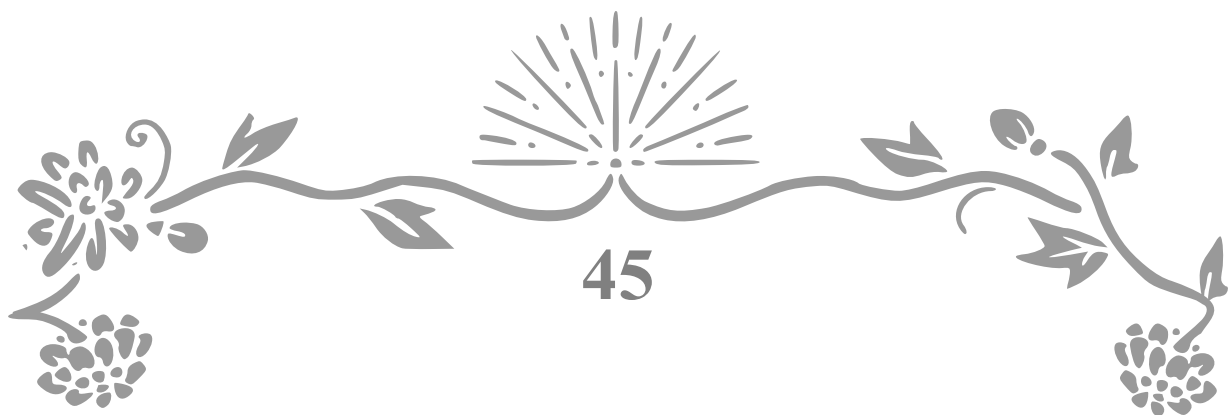
– Cha đã từng yêu ai đó chưa?

– Chúa.

– Ai đó kia?

Ông trả lời tôi, miệng đầy kem bánh ngọt:

– Chúa.



Người ta tin rằng cái chết là sự vắng mặt, trong khi nó lại là một sự hiện diện bí mật.

Trích Lời cầu nguyện cho người quá cố, Cha Sertillanges O.P.

Léonine tiếp tục làm biến mất đồ đạc của mình. Phòng của con bé trống trải dần. Quần áo và đồ chơi của con bé được gửi đến cho Emmaüs. Mỗi lần anh chàng có tên Paulo dùng chiếc xe tải có gắn hình nộm của cha xứ Pierre trước nhà tôi, mỗi khi tôi đưa cho anh ta những chiếc túi đựng đầy đồ màu hồng, tôi lại có cảm giác trao đi một cơ quan nội tạng nào đó của Léo, để một đứa trẻ khác được thụ hưởng nó. Để cuộc sống tiếp diễn thông qua những con búp bê, những chiếc váy, những đôi giày, những lâu đài, những chuỗi hạt, những con thú bông và những chiếc bút chì màu của con bé.

Léo đã làm Giáng sinh biến mất. Không bao giờ có cây thông Noel nữa. Cây thông bằng nhựa trứ danh để khỏi phải phá hủy những cây thông còn sống có lẽ sẽ mãi là món đầu tư tồi tệ nhất trong đời tôi. Phục sinh, Năm mới, ngày của Mẹ, ngày của Cha, những lần sinh nhật... Tôi không bao giờ thổi bất kỳ cây nến nào gắn trên một chiếc bánh ga tô nữa, kể từ khi Léo mất.

Tôi sống trong một dạng hôn mê thường trực do rượu. Như thể thân

xác tôi, để tự bảo vệ khỏi nỗi đau, đã đặt mình vào trạng thái say xỉn mặc dù tôi không hề nuốt lấy một giọt rượu. Đúng ra là không phải lúc nào cũng thế. thỉnh thoảng tôi uống như hũ chìm. Bởi vì tôi chính là như thế, một cái hũ chìm. Tôi sống trong trạng thái bông bênh, các cử chỉ ngắt quãng, như trong một cuốn phim quay chậm. Giống như Tintin khi cậu vẫn còn được treo trên tường trong phòng của Léonine: tôi đang đi bộ trên Mặt trăng.

Tôi đã uống hết chai xi rô lựu. Tôi đã ăn hết chỗ bánh bích quy Prince, bánh sô cô la Savane, món mì sợi, và uống hết chỗ thuốc Advil loại nhỏ giọt. Cũng trong khoảng thời gian ấy, tôi đã trở dậy, hạ thanh chắn, đi ngủ lại, tiếp tục trở dậy, nấu cho Philippe Toussaint ăn, nâng thanh chắn, rồi lại đi ngủ.

Tôi nói cảm ơn với những câu “Xin chân thành chia buồn” trên Phố Lớn. Tôi nói lời cảm ơn đáp lại rất nhiều thư từ. Tôi sắp xếp vô số những bức tranh của các bạn học cùng lớp Léo trong một cái cặp đựng tài liệu mà tôi đã chọn màu xanh da trời. Như thể Léo là một cậu bé. Như thể con bé chưa từng thực sự tồn tại.

Điều tồi tệ nhất trong những điều tồi tệ, đó là phải bắt gặp ánh mắt hoảng hốt của Stéphanie từ sau quầy thu ngân mỗi lần tôi đẩy cánh cửa siêu thị Casino. Ánh mắt ấy và ban đêm là những thứ khiến tôi e ngại nhất. Tôi chuẩn bị tinh thần suốt nhiều giờ liền rồi mới có thể ra khỏi nhà, băng ngang đường và mở cánh cửa siêu thị nhỏ. Tôi cụp mắt nhìn xuống trong lúc đẩy chiếc xe hàng nhỏ giữa các lối đi hẹp, cho đến khi ánh mắt Stéphanie bắt gặp ánh mắt tôi. Nỗi đau buồn, nỗi tuyệt vọng lắng đọng trên bề mặt đôi mắt chị giống như một lớp sương mù, ngay khi chị thoáng nhìn thấy tôi. Còn hơn cả một tấm gương, đó là sự sào nhào. Chị không phản nản gì khi nhìn thấy thứ tôi đặt lên băng chuyền trên mặt quầy. Những chai

rượu. Chị thông báo tổng giá, gán thêm cụm từ “làm ơn”. Tôi đưa cho chị thẻ tín dụng, nhập mật mã, tạm biệt, hẹn mai gặp lại.

Chị không còn mời tôi những món hàng mới, những “sản phẩm đỉnh cao” như chị vẫn thường nói trước đây. Tất cả những món hàng mà chị đã dùng thử. Loại nước rửa bát giúp tay mịn màng, loại nước giặt có mùi thơm dễ chịu và giặt sạch cả với nước ba mươi độ, cả với nước lạnh, món cắt-cút rau ngon lành trên giá đồ đông lạnh, cái chổi quét bụi thần thánh, loại dầu có chứa Omega 3. Người ta chẳng còn chào mời gì với một người mẹ đã mất con. Cả những đợt khuyến mại lẫn những coupon giảm giá. Người ta để mặc cô mua rượu whisky và cụp mắt nhìn xuống. Tôi vẫn còn cảm thấy ánh mắt Stéphanie sau lưng, khi tôi đẩy cánh cửa nhà mình.

Chúng tôi phải làm việc với các công ty bảo hiểm, các luật sư. Có thể sẽ có một vụ kiện, ban giám đốc Notre-Dame-des-Prés có thể sẽ bị truy tố, người ta có thể sẽ đóng cửa cơ sở đó vĩnh viễn. Tất nhiên, chúng tôi sẽ được đền bù.

Một mạng sống bảy năm rưỡi thì đáng giá bao nhiêu?

Đêm nào cũng thế, tôi lại nghe thấy giọng nói của Léo, giọng nói con bé khi đã trở thành một phụ nữ trưởng thành, nói với tôi: “Mẹ ơi, mẹ phải biết rõ điều gì đã xảy ra đêm đó, mẹ phải biết tại sao phòng của con bị cháy.” Chính những lời nói ấy đã giúp tôi trụ lại. Nhưng phải mất nhiều năm tôi mới thực hiện được yêu cầu của Léo. Hồi ấy tôi không đủ khả năng về mặt thể chất. Và nỗi đau đớn vẫn còn quá mạnh mẽ, không cho phép tôi hồi sức trở lại.

Tôi cần có thời gian. Không phải thời gian để cảm thấy ổn hơn, tôi sẽ không bao giờ ổn hơn được. Thời gian để có thể cử động trở lại, thời gian để có thể di chuyển.

Năm nào cũng vậy, từ ngày 3 đến ngày 16 tháng Tám, SNCF gửi người đến thay thế cho chúng tôi. Philippe Toussaint không đi theo tôi trong “con diên khủng bệnh hoạn”, mà đi mô tô đến gặp đám bạn của anh ta ở Charleville, còn tôi thì đi Sormiou. Célia đến đón tôi ở nhà ga Saint-Charles, chở tôi đến tận căn nhà gỗ rồi để tôi lại một mình với những kỷ niệm. Thỉnh thoảng, chị đến thăm tôi, và chúng tôi vừa uống rượu vang Cassis vừa ngắm biển.

Đối với tôi, ngày lễ của người chết là vào tháng Tám. Tôi ngâm mình trong nước, và lại cảm nhận được con gái tôi, đứa con gái đã không còn trên đời nữa.

Tôi không bao giờ nhận được tin tức gì từ Armelle và Jean-Louis Caussin, bố mẹ của Anaïs. Không một cuộc điện thoại, không một bức thư, không một dấu hiệu. Hẳn là họ giận tôi vì đã không đến dự lễ an táng tro cốt của các con chúng tôi.

Ông bà Toussaint đã nhiều lần quay lại nghĩa trang. Lần nào họ cũng dẫn con trai đi cùng. Cả họ cũng thế, tôi không bao giờ gặp lại họ sau cái chết của Léonine. Họ không vào nhà tôi nữa. Như thế giữa chúng tôi đã có một thỏa thuận ngầm.

Con diên giận và lời hứa hẹn về những khoản bồi thường kéké xù đã giúp Philippe Toussaint trụ vững. Nỗi ám ảnh của anh ta, đó là tác giả của vụ cháy phải trả giá. Nhưng người ta nhắc đi nhắc lại với anh ta rằng không có “tác giả” nào cả, rằng đó là một tai nạn. Điều đó càng khiến anh ta thêm giận dữ. Một cơn giận dữ thâm lặng. Anh ta muốn được bồi thường. Anh ta nghĩ rằng tro cốt của con gái chúng tôi phải có giá trị như vàng.

Anh ta bắt đầu thay đổi về mặt thể chất, các đường nét trên mặt anh ta đánh lại, còn mái tóc thì bạc trắng.

Khi mỗi năm hai lần anh ta từ nghĩa trang Brancion-en-Chalon quay về nhà, khi bố mẹ anh ta thả anh ta trước cửa mà không bao giờ vào nhà, anh ta chẳng nói gì với tôi hết. Khi anh ta trở dậy vào buổi sáng, anh ta không nói gì với tôi. Khi anh ta xách xe đi một vòng, anh ta không nói gì với tôi. Khi anh ta quay về, nhiều giờ sau, anh ta không nói gì với tôi. Ngồi bên bàn ăn, anh ta không nói gì với tôi. Chỉ có những trò chơi điện tử mà anh ta điều khiển bằng cần gạt, khi ngồi trước ti vi, là gây ra tiếng động. Và thỉnh thoảng, khi các cảnh binh hoặc luật sư hoặc người của công ty bảo hiểm gọi điện thoại đến, anh ta la hét và đòi được trả tiền.

Chúng tôi vẫn ngủ chung giường, nhưng tôi không ngủ được nữa. Tôi kinh hoàng với những cơn ác mộng. Ban đêm, anh ta áp sát vào người tôi. Và tôi hình dung rằng anh ta chính là con gái tôi, ngay sau lưng tôi.

Một hay hai lần gì đó, anh ta nói với tôi: “Chúng ta sẽ làm thêm một đứa” và tôi trả lời được thôi, nhưng tôi uống thuốc tránh thai cùng với thuốc chống trầm cảm và thuốc an thần. Bụng tôi đã vỡ rồi. Mang một sinh linh trong thân thể đã chết của tôi ư, không bao giờ. Léo đã làm biến mất cả cái đó nữa, cái khả năng về một đứa con khác ấy.

Lẽ ra tôi có thể ra đi, rời bỏ Philippe Toussaint sau cái chết của con chúng tôi, nhưng tôi không có sức lực, cũng không có dũng khí để làm thế. Philippe Toussaint là người thân duy nhất còn lại của tôi. Ở cạnh người đàn ông này cũng chính là ở cạnh Léonine. Nhìn thấy những đường nét của bố con bé hằng ngày, cũng chính là nhìn thấy những đường nét của con bé. Đi qua trước cửa phòng Léo, cũng chính là lướt qua thể giới của con bé, chạm vào những dấu vết của con bé, chuyển ghé qua Trái đất này của con bé. Tôi

sẽ vĩnh viễn là người phụ nữ không bỏ chồng, nhưng lại bị chồng bỏ.

Vào tháng Chín năm 1995, tôi nhận được một gói hàng không đề tên người gửi. Gói hàng được gửi đi từ Brancion-en-Chalon. Lúc đầu, tôi nghĩ nó chỉ có thể đến từ Célia thân yêu của tôi. Rằng chị đang ở đó, ở nghĩa trang ấy. Nhưng tôi nhận ra đó không phải là nét chữ của chị.

Khi mở gói hàng ra, tôi đã phải ngồi xuống. Trên tay tôi là một tấm bìa màu trắng, một con cá heo rất đẹp được khắc bên cạnh, cùng với dòng chữ: “Con yêu, con chào đời ngày 3 tháng Chín, con qua đời ngày 13 tháng Bảy, nhưng với mẹ, con sẽ mãi là ngày 15 tháng Tám của mẹ.”

Tôi đã có thể là người viết những chữ này. Ai đã gửi tấm bìa cho tôi? Một người nào đó muốn tôi đến đặt tấm bìa này lên mộ Léonine, nhưng là ai chứ?

Tôi gói tấm bìa trở lại, rồi cất nó vào chiếc tủ trong phòng ngủ, bên dưới chồng khăn mặt mà chúng tôi không bao giờ dùng đến.

Trong lúc gấp quần áo, tôi phát hiện ra một danh sách những cái tên và những chức vụ, nhét giữa hai tấm ga giường:

Édith Croquevieille, nữ giám đốc.

Swan Letellier, đầu bếp.

Geneviève Magnan, nhân viên phục vụ.

Éloïse Petit và Lucie Lindon, nhân viên phụ trách.

Alain Fontanel, nhân viên bảo trì.

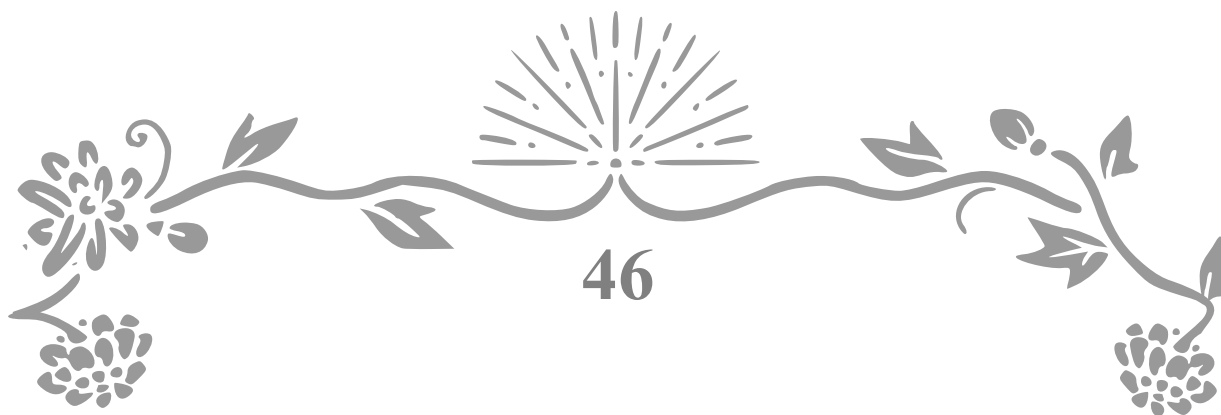
Danh sách nhân sự ở Notre-Dame-des-Prés, do Philippe Toussaint viết tay. Hẳn là anh ta đã ghi tên họ trong tuần diễn ra vụ xử án. Danh sách được lập đăng sau một tờ biên lai, một bữa ăn cho ba người ở quán cà phê Palais, năm diễn ra vụ xử, tại Mâcon. Ba người: Philippe Toussaint và bố mẹ anh ta, hẳn là thế.

Tôi coi bản danh sách này là một dấu hiệu do Léonine gửi đến. Cũng trong ngày hôm đó, tôi nhận được tấm bia mộ, và trước mắt tôi là danh sách những người đã nhìn thấy con gái tôi lần cuối cùng.

Chính là từ hôm đó trở đi mà tôi bắt đầu ra khỏi nhà, bắt đầu vẫy tay với các hành khách trên những chuyến tàu, từ nơi tôi đứng gác thanh chắn. Và chính là từ ngày hôm đó mà Philippe Toussaint bắt đầu nhìn tôi như thể tôi là kẻ mất trí. Nhưng anh ta không hiểu tôi: tôi đã tìm lại được lý trí.

Tôi bắt đầu bằng việc xé bỏ chiếc áo trói bằng hóa chất kia. Tôi dần dần từ bỏ các loại thuốc. Bỏ hẳn rượu. Tất cả những nỗi đau đớn sẽ trở lại tấn công tôi, hẳn là sẽ bám riết, nhưng tôi sẽ không chết vì lý do ấy nữa.

Tôi ra khỏi nhà, qua cửa kính tôi bắt gặp ánh mắt Stéphanie từ sau quây thu ngân, chị buồn bã mỉm cười với tôi. Tôi đi bộ chừng mười phút, trong đầu thầm nghĩ rằng trước đây, khi tôi đi trên con đường này, khi tôi men theo những ngôi nhà này, trong túi áo tôi luôn có bàn tay của con gái. Từ nay trở đi túi tôi sẽ luôn trống rỗng, nhưng bàn tay của Léonine vẫn tiếp tục dẫn dắt tôi. Tôi đẩy cánh cửa trường đào tạo lái xe Bernard để ghi tên học luật giao thông và thi bằng lái.



Người không còn ở nơi người từng ở, mà ở bất cứ nơi nào tôi có mặt.

Trích dẫn Victor Hugo.

Tôi dần tỉnh hẳn, trong lúc uống từng ngụm trà nhỏ nóng bỏng. Mặt trời buổi sáng chiếu vài tia nắng qua lớp rèm kéo kín của phòng bếp. Một chút bụi bay vờn trong không khí, tôi thấy cảnh tượng ấy thật đẹp, gần như cảnh thần tiên. Tôi bật nhạc khe khẽ, Georges Delerue, chủ đề *Đêm nước Mỹ*. Tôi cầm cốc trong tay phải, còn tay trái vuốt ve Éliane, con vật nhắm mắt vươn cổ ra. Tôi rất thích được cảm nhận hơi ấm của nó dưới những ngón tay.

Nono gõ cửa rồi bước vào. Cũng giống như cha Cédric, anh không bao giờ thơm má cũng không bao giờ bắt tay tôi. Chỉ chúc “Violette của tôi” một ngày hoặc một tối tốt lành. Trước khi tự rót cho mình một cốc cà phê, anh đặt tờ *Nhật báo Saône-et-Loire* lên bàn để tôi có thể đọc thấy: “Brancion-en-Chalon, thảm kịch trên đường bộ, đã xác định được danh tính người lái mô tô”. Tôi nghe thấy mình nói với Nono bằng giọng không âm sắc:

– Anh có thể đọc cho tôi nghe bài báo được không, tôi không đeo

kính.

Éliane cảm nhận được nỗi căng thẳng trên những ngón tay tôi, nó liền khẽ cọ người vào Nono như để chào anh và xin phép được ra ngoài bằng cách cào vào cánh cửa. Nono vuốt ve con vật, mở cửa cho nó rồi lại quay về phía tôi. Anh kéo một chiếc ghế tựa để ngồi xuống trước mặt tôi, lục tìm trong túi áo, giương đôi mục kính được Cơ quan An sinh xã hội hoàn trả một trăm phần trăm chi phí, rồi bắt đầu đọc, gần giống như một đứa trẻ học cấp một, ngắc ngứ trước mỗi âm tiết. Giống như khi Léonine còn nhỏ xíu và tôi đọc cho con bé nghe, theo phương pháp Boscher: “Nếu tất cả các cô gái trên thế giới có thể nắm tay nhau, đứng quanh biển, thì họ có thể tạo thành một vòng tròn.” Nhưng các từ ngữ ở đây thì không giống như trong cuốn sách sặc sỡ của tôi.

“Nạn nhân vụ tai nạn chết người ở Brancion-en-Chalon có thể đã được người phụ nữ sống chung nhận dạng. Dường như đây là một cư dân trong vùng Lyon. Người đàn ông được tìm thấy trong tình trạng đã chết vào ngày 23 tháng Tư vừa rồi tại Brancion-en-Chalon. Theo những nhận xét ban đầu của cảnh sát, chiếc mô tô của ông ta, một chiếc Hyosung Aquila đồ sộ màu đen loại 650 phân khối – biển đăng ký đã bị mờ – đã đâm vào vệ đường, làm người lái xe lúc ấy đang đội mũ bảo hiểm mà không cài dây bị ngã. Hôm sau ngày ông ta mất tích, người phụ nữ sống cùng ông ta đã báo cho các đồn cảnh sát và các bệnh viện trong vùng, chính vì thế mà người ta đã thiết lập được mối liên hệ giữa hai vụ việc.”

Chúng tôi bị ngắt ngang bởi một nhóm các thành viên gia đình một người quá cố vừa đến nghĩa trang. Vài người trong số họ chơi ghi ta mộc. Mỗi người cầm trên tay một quả bóng bay.

Nono đặt tờ báo xuống và bảo tôi:

– Tôi ra đó đây.

– Tôi cũng ra.

Vừa khoác chiếc áo choàng đen lên người, tôi vừa tự hỏi liệu tôi có phải nói với cảnh sát là khi đó Philippe Toussaint vừa ra khỏi nhà tôi hay không.

“Chỉ có sự im lặng,” Sasha thường nói thế.

Phải chăng tôi dâng hiến như thế còn chưa đủ? Phải chăng tôi không đáng được hưởng yên bình?

Ngay cả khi đã chết, Philippe Toussaint vẫn còn quấy rầy tôi. Tôi nhớ đến những lời nói sau cùng của anh ta, và những vết bầm tím mà anh ta để lại trên cánh tay tôi.

Tôi muốn được sống yên ổn. Tôi muốn sống như Sasha đã dạy tôi. Ở đây và bây giờ. Tôi muốn Cuộc Sống. Và thôi không suy nghĩ mãi về người đàn ông vốn đã là vô ích với cuộc sống của tôi. Chính bố mẹ người đàn ông đó đã tước mất vàng mặt trời duy nhất của tôi.

Chiếc xe đò đi vào nghĩa trang và chạy đến tận hầm mộ của gia đình Gambini. Ngày hôm nay, chúng tôi chôn cất một người diễn trò chợ phiên nổi tiếng, Marcel Gambini, ông ra đời vào một ngày trong năm 1942 tại xã Brancion-en-Chalon. Bố mẹ ông là những người bị trục xuất, họ chỉ kịp giấu ông trong nhà thờ của làng.

Thậm chí gần như đã có lúc tôi mong rằng những người tuyệt vọng sẽ đến giấu con họ tại nhà thờ của cha Cédric. Những may rủi của cuộc đời đôi

khi thật trở trêu. Tôi những muốn được nuôi dạy bởi một người đàn ông như cha Cédric hơn là chuyển từ gia đình này sang gia đình khác.

Có hơn ba trăm người dự lễ an táng Marcel, trong đó có những người chơi ghi ta, những người chơi violon và một người chơi bass, họ chơi nhạc của Django Reinhardt xung quanh quan tài ông. Âm nhạc của họ đối lập với nỗi đau buồn, những giọt nước mắt lăn dài, những ánh mắt u sầu, những dáng người thẫn thờ trĩu xuống. Mọi người đều im lặng khi cháu gái của Marcel, Marie Gambini, một thiếu nữ mười sáu tuổi, lên tiếng:

– Ông nội tôi có vị ngọt của kẹo bông, sự giòn tan của táo chín, mùi của bánh kẹp và bánh kẹp, vị ngọt dịu của kẹo dẻo, kẹo nu ga và bánh que. Những que khoai tây chiên nhúng trong muối cuộc đời, những ngón tay bóng nhờn những niềm hạnh phúc giản dị. Ông sẽ luôn mỉm cười như một đứa trẻ hoan hỉ cầm trên tay chiếc túi bóng nước đựng chú cá vàng. Một tay cầm cần câu, tay kia cầm bóng bay, cười trên lưng con ngựa gỗ. Cuộc chiến của đời ông chính là như thế: dạy chúng tôi bắn súng cạc bin, những con hồ bông xâm chiếm ga trải giường, những giờ chơi ú òa trên máy bay, xe tải của lính cứu hỏa hoặc xe hơi trên vòng quay ngựa gỗ. Ông nội tôi, chính là những nỗi xúc động đầu tiên khi ta giành chiến thắng, nụ hôn đầu tiên mà ta trao đi trong một cái kén, một tòa lâu đài bị ma ám, một mê cung. Nụ hôn bằng đường bột đó đã vĩnh viễn tặng cho chúng tôi ấn tượng đầu tiên về trò tàu lượn mà tương lai đã dành tặng cho chúng tôi. Ông nội tôi cũng còn là giọng nói, là âm nhạc, là vị thần của những cô gái bô hê miêng biết đọc số phận trên đường chỉ tay. Ông có âm nhạc của người Di gan trong máu, và ông đã ra đi để tạo nên những hợp âm mới, ở nơi chúng ta không thể nghe thấy ông được nữa. Đường chỉ tay của ông đã bị đứt đoạn. Cháu không xin ông yên nghỉ đâu, ông nội yêu quý ạ, bởi vì yên nghỉ là việc ông không thể

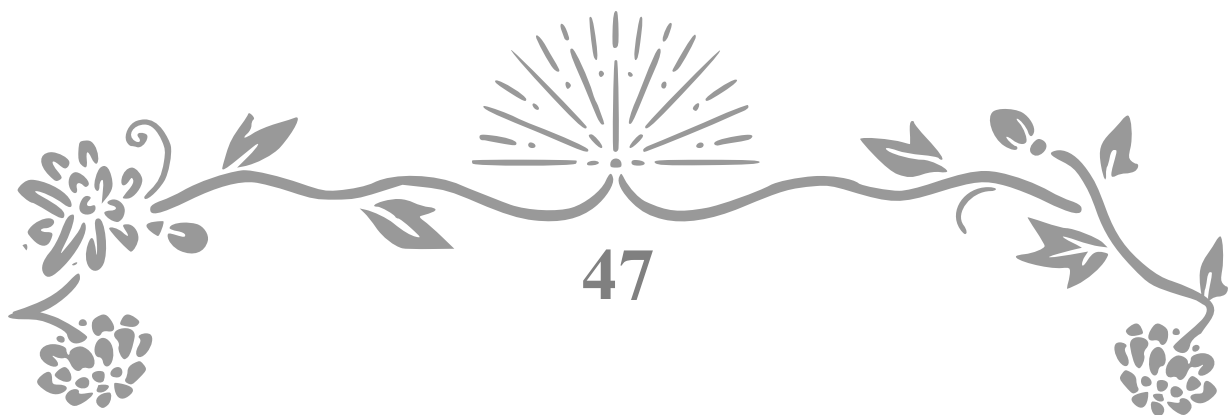
làm được. Cháu chỉ nói với ông: ông hãy vui chơi, và chúng ta sẽ gặp lại nhau.

Cô gái hôn lên quan tài. Các thành viên khác trong gia đình cũng làm theo cô.

Trong khi Pierre và Jacques Lucchini hạ quan tài của Marcel Gambini vào trong hầm mộ bằng dây thừng và ròng rọc, tất cả các nhạc công chơi lại bản “Minor Swing” của Django Reinhardt. Mọi người đều buông tay để thả bóng lên trời. Sau đó, mỗi thành viên trong gia đình ném những tờ vé số và những con thú bông lên mặt quan tài.

Tối nay, tôi sẽ không đóng cổng nghĩa trang vào lúc 19 giờ, gia đình Gambini đã xin phép ở lại bên mộ để ăn tối. Tôi đã cho phép họ ở đến nửa đêm. Để cảm ơn tôi, họ tặng tôi hàng chục tấm vé chơi vòng ngựa gỗ cảm giác mạnh, dùng cho hội chợ mười lăm ngày nữa sẽ diễn ra ở Mâcon. Tôi không dám từ chối. Tôi sẽ mang cho đám cháu của Nono.

Tôi không biết người ta có đánh giá cuộc đời của một người thông qua vẻ đẹp của lễ tang người đó không, nhưng lễ tang của Marcel Gambini là một trong những lễ tang đẹp nhất mà tôi có dịp tham dự.



Đêm tối phải dày đặc để ngôi sao đầu tiên có thể xuất hiện.

Trích tiểu thuyết L'homme-joie, Christian Bobin.

Vào tháng Một năm 1996, bốn tháng sau khi nhận được tấm bia mộ, tôi bỏ nó vào túi và nói với Philippe Toussaint rằng chỉ một lần này thôi, anh ta sẽ phải làm việc, trông trạm gác trong vòng hai ngày. Tôi không để anh ta kịp trả lời, mà đã rời đi ngay, tôi lái chiếc xe của Stéphanie, một chiếc Fiat Panda màu đỏ có một con hổ bông màu trắng treo ở kính chiếu hậu để làm bạn đồng hành.

Bình thường ra, tôi sẽ mất khoảng ba tiếng rưỡi đi đường. Lần đó tôi đi mất sáu tiếng. Chẳng còn thứ gì có thể bình thường được nữa. Tôi đã phải dừng xe rất nhiều lần. Trong suốt hành trình, tôi nghe đài. Tôi hát cho Léonine nghe, tưởng tượng ra cảnh hai năm rưỡi trước đó, con bé ngồi trên băng ghế sau trong chiếc xe của gia đình Caussin, lọ thuốc chống say xe Cocculine để trong túi, tay ôm con thú bông.

– Giống như ong, giống như chim, dang thẳng cánh, giấc mơ bay lên, giống như một đám mây, giống như làn gió, nhẹ nhàng như ánh trăng tỏa xuống trong đêm, ngọn lửa tàn dần trong các bếp lò, cả than hồng cũng ảm mình, bông hoa khép cánh ngậm sương đêm, chỉ còn sương mù sắp dâng

lên...

Vừa nhìn ngắm nhà cửa, cây cối, con đường, quang cảnh, tôi vừa có hình dung những thứ đã có thể khiến Léo chú ý. Liệu con bé có ngủ thiếp đi không? Liệu con bé có làm trò ảo thuật không?

Những lần hiếm hoi cả hai mẹ con được ngồi xe hơi, đó là khi chúng tôi đi xe của Célia và Stéphanie. Nếu không, chúng tôi đi tàu. Chúng tôi không có xe hơi, Philippe Toussaint chỉ có chiếc xe mô tô. Như thế, anh ta không phải chờ chúng tôi đi đâu cả. Dù sao chẳng nữa, anh ta có thể chờ chúng tôi đến đâu cơ chứ?

Tôi đến Brancion-en-Chalon vào khoảng 16 giờ. *Giờ ăn xế*, tôi thăm nghĩ. Cửa nhà người quản trang mở hé. Tôi không gặp ai cả. Tôi cũng chẳng hỏi gì. Tôi muốn một mình tìm kiếm Léonine.

Nghĩa trang này, cũng giống như một bản đồ kho báu lộn ngược. Đích đến là nỗi kinh hoàng.

Sau chừng nửa giờ đồng hồ lượn lách giữa các ngôi mộ, trên tay cầm tấm bia màu trắng, cuối cùng tôi cũng nhìn thấy khu mộ trẻ em, trong khu Thông Đỏ. Tôi thăm nghĩ: *Lẽ ra mình đang chuẩn bị cho Léonine vào lớp sáu, điền các biểu mẫu ghi danh, cầm con bé trang điểm mắt, ấy thế mà mình lại ở đây, chẳng khác nào một linh hồn đau khổ, một linh hồn lang thang, chết chóc hơn cả những người đã chết, tìm kiếm tên con bé trên một nấm mồ.*

Suốt một thời gian dài tôi tự hỏi mình đã làm gì mà đáng bị *thế này*. Suốt một thời gian dài, tôi đã tự hỏi *người ta* muốn trừng phạt tôi vì điều gì. Tôi xem xét lại tất cả những lỗi lầm của bản thân. Những khi tôi không biết cách hiểu con bé, những khi tôi nổi giận với con bé, những khi tôi không lắng nghe con bé, những khi tôi không tin tưởng con bé, những khi tôi

không hiểu rằng con bé bị lạnh hoặc bị nóng, hoặc thực sự đau cổ họng.

Tôi hôn lên họ tên con bé khắc trên đá cẩm thạch trắng. Tôi không xin con bé tha thứ vì đã không đến sớm hơn. Tôi không hứa sẽ thường xuyên quay trở lại. Tôi nói với Léo rằng tôi thích được gặp lại con bé trong vùng biển Địa Trung Hải vào tháng Tám hơn, rằng nơi đó giống với con bé hơn là cái nơi cô tịch đầy nước mắt này. Tôi hứa với con bé là sẽ tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra đêm đó, tại sao phòng của con bé lại bị cháy.

Và tôi đặt tấm bia, “Con yêu, con chào đời ngày 3 tháng Chín, con qua đời ngày 13 tháng Bảy, nhưng với mẹ, con sẽ mãi là ngày 15 tháng Tám của mẹ”. Giữa những bông hoa, những bài thơ, những trái tim và những thiên thần. Bên cạnh một tấm bia khác, trên đó có khắc dòng chữ: “Mặt trời lặn quá sớm”.

Tôi không thể nói mình đã ở lại đó bao lâu, nhưng khi tôi rời đi, cổng nghĩa trang đã khóa chặt.

Tôi phải gõ cửa nhà người quản trang. Bên trong nhà có ánh sáng. Thứ ánh sáng dịu nhẹ và lan tỏa. Tôi cố nhìn qua các ô kính, nhưng những tấm rèm kéo kín đã ngăn không để tôi nhìn thấy thứ gì. Tôi phải gõ hết lần này đến lần khác, vào cánh cửa, vào các ô kính, nhưng không có ai ra mở cửa. Cuối cùng, tôi đẩy cánh cửa đang mở hé. Tôi vừa bước vào nhà vừa hét: “Có ai không?” Không có ai trả lời tôi.

Tôi nghe thấy có tiếng động trên tầng, có tiếng bước chân trên đầu tôi, và cả tiếng nhạc. Một bản nhạc của Bach bị ngắt quãng bởi giọng nói của một người dẫn chương trình, phát ra từ một cái đài.

Tôi lập tức thích căn nhà này. Những bức tường và các mùi hương. Tôi đóng cánh cửa lại sau lưng và chờ đợi, đứng chôn chân ở đó ngắm nhìn đồ đạc xung quanh. Phòng bếp được cải tạo giống như một tiệm trà. Trên

các giá, có chừng năm chục cái hộp được dán nhãn. Tên nhãn được viết tay bằng bút mực. Những ấm trà đặt trên sàn nhà, chúng cũng được dán nhãn, tương ứng với những cái tên viết trên các hộp. Những ngọn nến thơm đã được thắp lên.

Một phút trước, tôi còn đối diện với tro cốt của con gái mình, thế mà sau khi đẩy cánh cửa này, tôi đã chuyển đến một lục địa khác.

Tôi nghĩ mình đã chờ đợi rất lâu trước khi nghe thấy tiếng bước chân trên cầu thang. Tôi nhìn thấy một đôi giày nhẹ màu đen, một chiếc quần bằng vải lanh đen và một chiếc áo sơ mi trắng. Người đàn ông hằn chừng sáu mươi lăm tuổi. Ông là người lai, có lẽ là sự pha trộn giữa Việt Nam và Pháp. Ông không ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi đứng sững trước cửa nhà, mà chỉ nói:

– Xin thứ lỗi, tôi vừa tắm xong, mời cô ngồi xuống đi.

Ông có giọng nói giống như Jean-Louis Trintignant. Bồi rồi, u sầu, dịu dàng và gợi cảm. Ông đã nói, bằng cái giọng ấy: “Xin thứ lỗi, tôi vừa tắm xong, mời cô ngồi xuống đi” như thể chúng tôi có hẹn. Tôi nghĩ rằng ông nhầm tôi với một người khác. Tôi không thể trả lời ông, bởi vì ông đã nói tiếp luôn:

– Tôi sẽ pha cho cô một cốc sữa đậu nành với chút bột hạnh nhân và hoa cam.

Tôi những muốn một chén rượu vodka, nhưng không nói gì. Tôi nhìn ông rót sữa, bỏ hoa cam và bột hạnh nhân vào một máy xay sinh tố, rồi rót thứ đồ uống ấy vào một cái cốc lớn, cắm vào đó một chiếc ống hút sặc sỡ, như thể chúng tôi đang dự tiệc sinh nhật của một đứa trẻ, rồi ông đưa cốc cho tôi. Trong lúc làm động tác đó, ông mỉm cười với tôi, chưa từng có ai cười với tôi như thế, kể cả Célia.

Mọi thứ ở ông đều dài. Chân, cánh tay, bàn tay, cổ, đôi mắt, cái miệng. Tay chân và các đường nét trên mặt ông đã được vẽ bằng một cái thước dài gấp đôi. Loại thước mà ta thường thấy ở trường cấp một, để đo thể giới trên các bản đồ địa lý.

Tôi bắt đầu uống bằng ống hút, tôi thấy món đồ uống đó thật ngon - nó gợi cho tôi nhớ đến tuổi thơ mà tôi chưa từng có, rồi tuổi thơ của Léonine, nó gợi cho tôi nhớ đến một điều gì đó vô cùng dịu dàng. Tôi giàn giụa nước mắt. Đây là lần đầu tiên tôi thấy thích thú khi nuốt một thứ gì đó. Kể từ ngày 14 tháng Bảy năm 1993, tôi đã đánh mất vị giác. Léonine đã làm cả trò đó nữa, làm cho vị giác của tôi biến mất.

Tôi nói với ông: “Xin ông thứ lỗi, công nghĩa trang bị khóa rồi.” Ông trả lời tôi: “Không sao đâu. Cô ngồi xuống đi.” Ông lấy một chiếc ghế và mang đến cho tôi.

Tôi không thể ở lại. Tôi không thể rời đi. Tôi không thể nói. Tôi không còn khả năng làm việc đó. Cái chết của Léo đã lấy mất cả từ ngữ của tôi. Tôi vẫn đọc, nhưng không còn khả năng nói. Tôi tích lũy mọi thứ, nhưng chẳng có thứ gì thoát ra từ tôi cả. Vốn từ của tôi chỉ còn bao gồm: “Cảm ơn... xin chào... tạm biệt... xong rồi... xin lỗi, tôi sẽ đi ngủ.” Ngay cả khi học luật và thi lấy bằng lái xe, tôi cũng không cần nói, mà chỉ cần tích vào các ô đúng và cho xe vào chuồng.

Tôi vẫn đứng. Nước mắt tôi chảy xuống đáy cốc sữa. Ông lấy khăn giấy thấm một loại nước hoa có tên là “Giấc mơ của Ossian” và cho tôi hít. Tôi vẫn tiếp tục khóc, như thể những cái van đã được xả, nhưng những giọt nước mắt trào ra khiến tôi cảm thấy dễ chịu. Chúng giúp tôi dốc hết những điều tồi tệ, giống như thứ mồ hôi đáng ghét, giống như những độc chất vừa ra khỏi người tôi. Tôi nghĩ mình đã khóc hết, nhưng hóa ra vẫn còn. Vẫn

còn thứ nước mắt bắn thiu, lầy bùn. Giống như thứ nước đọng hơi thối, tù hãm dưới đáy một cái hồ, khi mà đã lâu lắm rồi trời không mưa.

Ông già kéo tôi ngồi xuống, và khi bàn tay ông chạm vào người tôi, tôi cảm thấy như một cú điện giật. Ông đi ra sau lưng tôi và bắt đầu xoa bóp vai, cơ thang, gáy và đầu tôi. Ông xoa bóp như thể đang chữa trị cho tôi, như thể ông đang dán những dải băng nóng dọc lưng tôi và trên đỉnh đầu tôi. Ông thì thầm: “Lưng cô còn cứng hơn cả một bức tường. Nếu trong quân đội, khi có hiệu lệnh tập hợp, người ta có thể trèo lên lưng cô đấy.”

Tôi chưa từng được xoa bóp như thế. Đôi bàn tay ông rất ấm, và từ chúng tỏa ra một nguồn năng lượng lạ kỳ xâm chiếm tôi, giống như ông đang lướt một vết bóng nhẹ trên lưng tôi. Tôi không chống lại. Tôi không hiểu. Tôi đang ở trong nhà của một quán trang, ở nghĩa trang nơi tro cốt con gái tôi được chôn cất. Một ngôi nhà nhắc tôi nhớ đến chuyến du hành mà tôi chưa từng thực hiện. Sau này, tôi biết được rằng ông là chuyên gia trị liệu. “Một kiểu mạo xưng”, ông thường thích nói thế.

Tôi nhắm mắt dưới sức ép từ đôi bàn tay ông, và tôi ngủ thiếp đi. Một giấc ngủ sâu, thuần túy, không có những hình ảnh đau đớn, không có những tấm trải giường ướt sũng, không ác mộng, không có lũ chuột cắn xé tôi, không có Léonine thì thầm vào tai tôi: “Mẹ ơi, mẹ thức dậy đi, con không chết.”

Tôi thức dậy vào sáng hôm sau, nằm dài trên ghế xô pha, trên người đắp một tấm chăn dày và mềm mại. Khi mở mắt ra, phải khó khăn lắm tôi mới nhòe dậy được, mới biết được mình đang ở đâu. Tôi nhìn thấy những hộp trà. Và chiếc ghế nơi tôi đã ngồi vẫn kê ở giữa phòng.

Căn nhà trống vắng. Một ấm trà nóng bỏng đặt trên chiếc bàn thấp đối diện với ghế xô pha. Tôi tự rót trà cho mình, rồi uống từng ngụm nhỏ thứ

trà nhài ngon tuyệt. Bên cạnh ấm trà, trong một đĩa sứ, chủ nhân nơi này đã để những chiếc bánh hạnh nhân mềm nhỏ, tôi nhúng chúng vào cốc trà rồi thưởng thức.

Trong ánh sáng ban ngày, tôi lập tức nhận thấy rằng ngôi nhà của người quản trang cũng khiêm tốn như ngôi nhà của tôi. Nhưng người đàn ông đón tiếp tôi hôm qua đã biến nó thành một cung điện bằng nụ cười của ông, bằng sự ân cần, cốc sữa hạnh nhân, những cây nến và những mùi hương của ông.

Ông từ bên ngoài đi vào. Ông treo chiếc áo choàng to tướng lên mắc áo rồi thổi vào lòng bàn tay. Ông quay nhìn về phía tôi và mỉm cười với tôi.

– Xin chào.

– Tôi phải đi thôi.

– Đi đâu?

– Về nhà tôi.

– Ở đâu thế?

– Ở miền Đông nước Pháp, cạnh Nancy.

– Cô là mẹ của Léonine?

– ...

– Tôi đã nhìn thấy cô bên mộ con bé chiều qua. Tôi biết mẹ của Anaïs, Nadège và Océane. Còn cô, đây là lần đầu tiên...

– Con gái tôi không ở trong nghĩa trang của ông. Ở đây chỉ toàn tro cốt thôi.

– Tôi không phải là chủ sở hữu nghĩa trang này, tôi chỉ là người trông nom.

– Tôi không biết ông làm thế nào để làm được điều này... Công việc

này. Ông làm cái nghề thật lạ, đúng ra là chẳng thú vị gì. Không hề.

Ông lại mỉm cười. Không có bất cứ tia phán xét nào trong ánh mắt ông. Sau này, tôi cũng sẽ phát hiện ra rằng ông luôn đặt mình ngang tầm với những người đang nói chuyện cùng ông.

– Thế còn cô, cô làm nghề gì?

– Tôi là người gác ghi.

– Cô thì ngăn mọi người đi sang phía bên kia, còn tôi, tôi trợ giúp họ đôi chút để làm việc đó.

Tôi thử mỉm cười đáp lại ông, được chẳng hay chớ. Mỉm cười, tôi cũng không còn biết cách nữa. Toàn bộ con người ông là lòng tốt, toàn bộ con người tôi là sự tan vỡ. Tôi là một đồng đồ nát.

– Cô sẽ quay lại chứ?

– Vâng. Tôi phải biết tại sao phòng của lũ trẻ lại bốc cháy đêm hôm đó... Ông có quen biết họ không?

Tôi lấy bản danh sách nhân sự của Notre-Dame-des-Prés mà Philippe Toussaint đã viết đăng sau tờ biên lai và đưa cho ông.

“Édith Croquevieille, nữ giám đốc Swan Letellier, đầu bếp; Geneviève Magnan, nhân viên phục vụ, Éloïse Petit và Lucie Lindon, nhân viên phụ trách; Alain Fontanel, nhân viên bảo trì.”

Ông chăm chú đọc những cái tên. Rồi lại nhìn tôi.

– Cô có quay trở lại thăm mộ Léonine nữa không?

– Tôi không biết.

Tám ngày sau khi chúng tôi gặp nhau, tôi nhận được một bức thư của ông:

“Gửi cô Violette Toussaint,

Xin gửi lại cô, kèm theo thư này, bản danh sách những cái tên mà cô đã để quên trên mặt bàn ở nhà tôi. Thêm nữa, tôi đã chuẩn bị cho cô một gói trà hỗn hợp, gồm trà xanh và hạnh nhân, cánh hoa nhài và hoa hồng. Nếu tôi không có ở nhà, cô hãy lấy nó, cửa nhà luôn để mở, tôi để gói trà trên cái giá màu vàng, bên phải những ấm trà bằng gang, trên đó có ghi tên cô: ‘Trà dành cho Violette’.

Người phục vụ tận tụy của cô,

Sasha H.”

Đối với tôi, người đàn ông này dường như vừa đi ra từ một cuốn tiểu thuyết hoặc một bệnh viện tâm thần. Cũng giống nhau cả thôi. Ông làm gì trong một nghĩa trang? Thậm chí tôi còn không biết là cái nghề quản trang có tồn tại. Đối với tôi, thị trường kinh doanh cái chết chỉ dừng lại ở nhân viên tang lễ, với màu da trắng sáp và những bộ trang phục đen cùng một con quạ đậu trên vai, nếu không phải là một chiếc quan tài.

Nhưng còn một điều nữa khiến tôi bối rối hơn. Tôi nhận ra nét chữ của ông trên phong bì và trong thư. Chính ông là người đã gửi cho tôi tấm bia “Con yêu, con chào đời ngày 3 tháng Chín, con qua đời ngày 13 tháng Bảy, nhưng với mẹ, con sẽ mãi là ngày 15 tháng Tám của mẹ” để đặt lên mộ Léo bé bỏng của tôi.

Ông đã làm thế nào để biết được sự tồn tại của tôi? Ông làm thế nào để biết được những ngày tháng ấy, nhất là cái ngày hạnh phúc kia? Ông có

mặt ở đó khi mấy đứa trẻ được chôn cất không? Tại sao ông lại quan tâm đến chúng? Đến tôi? Tại sao ông lại lôi kéo tôi đến tận nghĩa trang? Ông đang dính vào chuyện gì vậy? Thậm chí tôi còn đi đến chỗ tự hỏi liệu ông có cố tình nhốt tôi lại nghĩa trang đó để tôi phải vào nhà ông hay không.

Cuộc đời tôi khi đó là một chiến trường đồ nát, giữa chiến trường đồ nát đó một quân nhân xa lạ đã gửi cho tôi một tấm bia mộ và một bức thư.

Đúng thế, cuộc chiến đã đến hồi kết. Tôi cảm nhận được điều đó. Tôi sẽ không bao giờ hồi phục được sau cái chết của con gái tôi, nhưng những trận bom đã ngừng. Tôi sẽ trải qua thời hậu chiến. Thời kỳ lâu dài nhất, khó khăn nhất, nguy hiểm nhất... Ta trở dậy và mặt đối mặt với một đứa con gái trạc tuổi con bé. Khi kẻ thù đã rời đi và chẳng còn lại gì trừ những người ở lại. Chỉ còn cảnh hoang tàn. Những ngăn tủ trống rỗng. Những bức ảnh ghi dấu mãi mãi tuổi thơ của con bé. Tất cả những thứ khác đều lớn lên, kể cả cây cối, hoa cỏ, mà không có con bé.

Kể từ tháng Một năm 1996, tôi tuyên bố với Philippe Toussaint là từ giờ trở đi, tôi sẽ đến nghĩa trang Brancion-en-Chalon hai Chủ nhật mỗi tháng, sáng đi tối về.

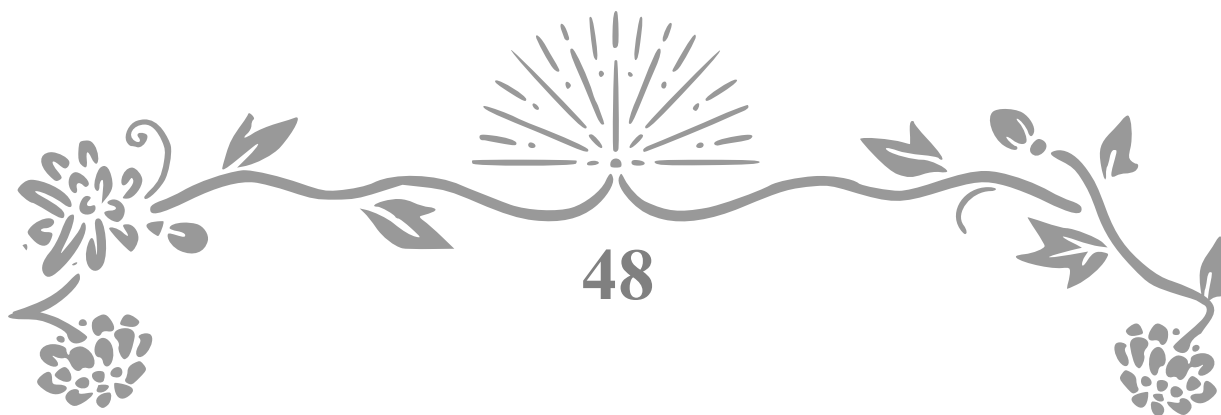
Anh ta thở dài. Anh ta ngược mắt lên trời như để nói: “Tôi sẽ phải làm việc hai ngày mỗi tháng.” Anh ta nói thêm rằng anh ta không hiểu gì cả, rằng tôi đã không đến dự lễ tang thế rồi đột nhiên lại giờ trò ngông như thế. Tôi không trả lời. Biết trả lời thế nào? Để đáp lại hai từ “trò ngông” ấy? Theo anh ta, đến nghiêng mình trước mộ con gái tôi là một thói đồng đánh, một trò ngông.

Christian Bobin đã nói: “Những lời câm nín sẽ gào thét trong đáy sâu tâm hồn ta.”

Ông không nói chính xác như thế. Nhưng tôi khi ấy, trong đáy sâu tâm

hồn tôi đầy ắp những cảm nín đang gào hét. Chúng khiến tôi thức dậy giữa đêm. Chúng khiến tôi béo lên, gầy đi, già đi, khóc lóc, ngủ cả ngày, uống như hũ chìm, đập đầu vào cửa vào tường. Nhưng tôi đã sống sót.

Prosper Cr billon    n  i: “N  i   au c  ng l  n, th  i vi  c s  ng c  ng v  i    i.” Khi ch  t   i, L  onine      làm bi  n m  t m  i th  u xung quanh t  i, ngo  i trừ t  i.



Giống như đàn chim én bay khi mùa đông đến, linh hồn người đã bay đi, không hy vọng trở về.

Julien Seul đứng trên ngưỡng cửa nhà tôi. Cánh cửa quay ra vườn rau, đằng sau nhà.

– Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy anh mặc áo thun. Trông anh ra đáng thanh niên đấy.

– Còn cô, đây là lần đầu tiên tôi thấy cô mặc đồ có màu sắc sỡ.

– Là bởi vì trong khu vườn này, tôi đang ở nhà tôi. Đằng sau bức tường này, không có ai bắt gặp tôi cả. Anh có ở lại lâu không?

– Đến sáng mai. Cô thế nào rồi?

– Khỏe như một quân trang.

Anh mỉm cười với tôi.

– Khu vườn của cô đẹp quá.

– Nhờ phân bón đấy. Gần nghĩa trang, cây gì cũng mọc rất nhanh.

– Tôi không biết là cô lại ưa châm chọc thế đấy.

– Là bởi vì anh không biết rõ về tôi.

– Có thể tôi biết rõ về cô hơn cô nghĩ đấy.

– Không phải vì lục lọi trong đời tư của mọi người mà ta biết rõ về họ đâu, anh cảnh sát trưởng ạ.

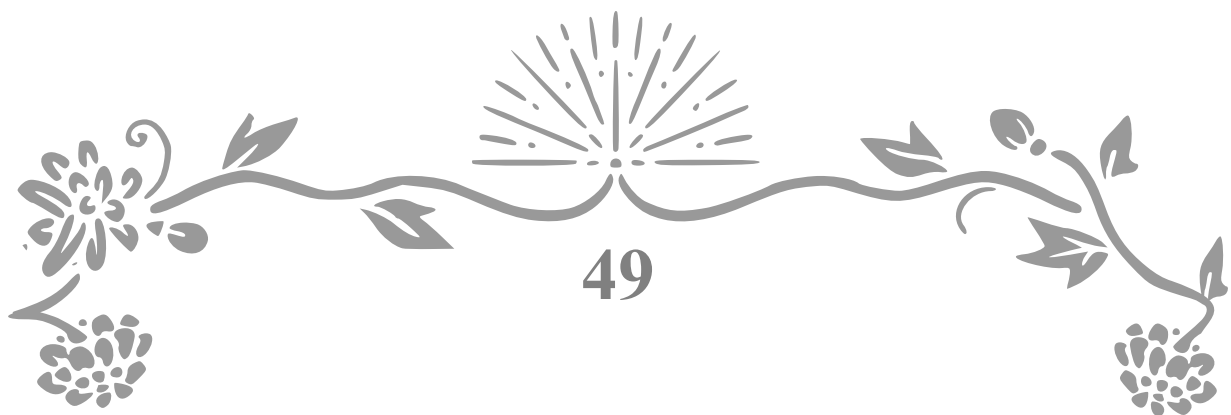
– Tôi có thể mời cô đi ăn tối được không?

– Với điều kiện là anh kể cho tôi nghe đoạn kết của câu chuyện.

– Câu chuyện nào?

– Câu chuyện giữa Gabriel Prudent và mẹ anh.

– Tôi sẽ ghé qua đón cô lúc 20 giờ. Và nhớ là đừng có thay đồ nhé, cứ màu sắc thế này đi.



Vài bông hoa để nhớ về thời gian đã qua.

Trích bài thơ “Souvenir”, Alfred de Musset.

Tôi vào nhà Sasha. Tôi mở gói trà, nhắm mắt lại và hít hà bên trong gói. Phải chăng tôi sẽ trở lại với cuộc sống trong căn nhà bên nghĩa trang này? Đây là lần thứ hai tôi vào trong nhà, ấy thế mà tôi đã lại ngửi thấy cái mùi hương từng kéo tôi, gần như là ép buộc, ra khỏi vùng tôi tắm nơi tôi vẫn giả vờ sống từ sau cái chết của Léo.

Đúng như Sasha đã nói trong thư, túi trà được đặt trên kệ giá màu vàng, bên cạnh những ấm trà bằng gang. Ông đã dán một cái nhãn, giống như người ta dán nhãn vở: Trà dành cho Violette. Nhưng điều ông không nói trong thư, đó là bên dưới gói trà còn có một chiếc phong bì bằng giấy kraft đề tên tôi. Phong bì không dán kín. Tôi phát hiện ra ông đã bỏ nhiều tờ giấy bên trong.

Lúc đầu, tôi tưởng đó là danh sách những người mới qua đời và chữ “Toussaint” ghi trên phong bì có thể tương ứng với những ngôi mộ cần đặt hoa vào ngày lễ Toussaint. Sau đó, tôi đã hiểu ra.

Sasha đã thu thập thông tin liên hệ của toàn bộ nhân sự có mặt tại lâu

đài Notre-Dame-des-Prés trong đêm 13 rạng ngày 14 tháng Bảy năm 1993. Nữ giám đốc, Édith Croquevieille, đầu bếp, Swan Letellier; nữ nhân viên phục vụ, Geneviève Magnan; hai nhân viên phụ trách, Éloïse Petit và Lucie Lindon; nhân viên bảo trì, Alain Fontanel.

Ngoại trừ bà giám đốc, đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy mặt những người đã nhìn thấy con gái tôi lần cuối cùng.

Người ta đã nói đến thảm kịch trong bản tin truyền hình lúc 20 giờ. Trên tất cả các kênh. Người ta đã chiếu một bức ảnh chụp lâu đài Notre-Dame-des-Prés, hồ nước, những con ngựa con. Và người ta nhai đi nhai lại cùng những từ khóa ấy: thảm kịch, vụ cháy do tai nạn, bốn đứa trẻ đã bị chết, trại hè. Những đứa trẻ được đăng lên trang bìa tờ *Nhật báo Saône-et-Loire* trong suốt nhiều ngày. Tôi đã đọc lướt qua những bài báo mà Philippe Toussaint mang về sau ngày an táng Léonine. Ảnh chân dung mấy đứa trẻ, những nụ cười khuyết răng, những cái răng mà chuột nhắt, chú chuột may mắn, đã tha đi. Chúng tôi, những người cha người mẹ, chúng tôi chẳng còn gì cả. Tôi sẵn lòng đánh đổi cả mạng sống để biết được hang của chú chuột ấy nằm ở đâu, để lấy lại những chiếc răng sữa của Léo, để vót vát đôi chút nụ cười của con bé. Nhưng trong những bài báo ấy, không có bức ảnh nào chụp đội ngũ nhân sự của lâu đài.

Nữ giám đốc, Édith Croquevieille, có mái tóc xám búi gọn sau gáy, bà ta đeo kính và mỉm cười hiền lành trước ống kính. Có cảm giác người chụp ảnh đang chỉ dẫn cho bà ta: “Đừng cười tươi quá, phải để người ta thấy bà dễ mến, đáng tin cậy, phải để người ta cảm thấy yên tâm.” Tôi biết bức ảnh này, nó được in đằng sau tờ quảng cáo mà bà Toussaint đã đưa cho tôi mấy năm trước. Tờ quảng cáo đầy những mảng trời xanh. Hơi giống những bức ảnh quảng cáo dịch vụ tang lễ.

“Chỉ có sự nghiêm túc của chúng tôi là không bao giờ đi nghỉ.” Đã bao nhiêu lần tôi giận mình vì không đọc được ý nghĩa đằng sau những từ ngữ ấy?

Bên dưới ảnh chân dung Édith Croquevieille, có ghi địa chỉ của bà ta.

Ảnh Swan Letellier là một tấm ảnh thẻ chụp lấy ngay. Sasha đã làm thế nào để có được nó? Cũng giống như với bà giám đốc, Sasha đã ghi lại địa chỉ của người đầu bếp. Nhưng có vẻ đó không phải là địa chỉ nhà riêng của anh ta. Tên của một nhà hàng ở Mâcon, Quán Quê. Swan chắc khoảng ba mươi lăm tuổi, đôi mắt hình quả hạnh, đẹp trai nhưng có nét lo âu, một vẻ mặt kỳ lạ, đôi môi mỏng, ánh mắt gian xảo.

Ảnh Geneviève Magnan, nhân viên phục vụ, hẳn đã được chụp trong một đám cưới. Chị ta đội một cái mũ nức cười giống kiểu mũ mà bố mẹ cô dâu chú rể đôi khi vẫn đội. Chị ta trang điểm đậm và vụng về. Geneviève Magnan hẳn là khoảng năm mươi tuổi. Chắc là người phụ nữ thấp béo, thân hình lèn chặt trong bộ váy áo có in hoa xanh kia, đã phục vụ bữa ăn cuối cùng của Léo. Tôi tin chắc rằng Léo đã nói lời cảm ơn chị ta, bởi vì con bé được dạy dỗ cẩn thận. Tôi đã dạy điều ấy cho Léo, đó là ưu tiên của tôi, lúc nào cũng phải nói xin chào, chúc một ngày tốt lành, tạm biệt, cảm ơn.

Hai nhân viên phụ trách, Éloïse Petit và Lucie Lindon, cùng tạo dáng trước trường trung học của họ. Trên bức ảnh, có lẽ họ chừng mười sáu tuổi. Hai thiếu nữ lạnh lợi và vô tư lự. Họ có ăn cùng bàn với đám trẻ không? Qua điện thoại, Léo đã nói với tôi rằng một trong các chị phụ trách “rất” giống tôi. Tuy nhiên, cả Éloïse lẫn Lucie, tóc vàng và mắt xanh, đều không giống tôi.

Khuôn mặt của nhân viên bảo trì, Alain Fontanel, được cắt ra từ một tờ báo. Anh ta mặc một chiếc áo ba lỗ của cầu thủ bóng đá. Hẳn là anh ta

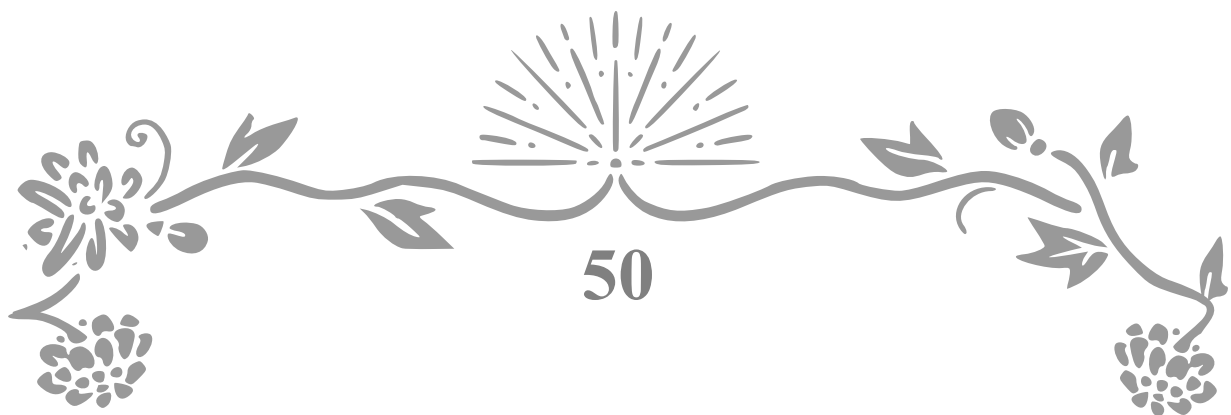
đang tạo dáng, ngồi xôm giữa các cầu thủ khác, cùng với một quả bóng. Anh ta có dáng dấp của Eddy Mitchell.

Luôn có một dòng địa chỉ viết tay bằng bút mực xanh bên dưới mỗi tấm ảnh. Địa chỉ của Geneviève Magnan và Alain Fontanel giống hệt nhau. Và vẫn luôn là nét chữ trên vỏ bọc gói hàng đựng tấm bia mộ, trên bức thư và trên nhãn các hộp trà.

Nhưng người quản trang đã lôi kéo tôi tới tận đây là ai mới được chứ? Và vì sao ông làm thế?

Tôi chờ đợi, nhưng ông không quay về. Tôi bỏ gói trà vào túi, cùng với chiếc phong bì đựng ảnh và tên của những người đã có mặt *tối hôm ấy*. Và tôi đi một vòng quanh nghĩa trang để tìm Sasha. Tôi gặp những người xa lạ đang tưới cây, những người đi dạo. Tôi tự hỏi người thân nào của họ được chôn cất ở đây. Tôi cố đoán biết bằng cách nhìn vào khuôn mặt họ. Một người mẹ? Một người anh họ? Một người em trai? Một người chồng?

Sau chừng một giờ đồng hồ đi khắp các lối đi để tìm Sasha, tôi thấy mình đang ở khu mộ trẻ em. Tôi lướt qua các thiên thần, và đến bên mộ Léo. Tôi lại bắt gặp tên con gái mình trên tấm bia - cái tên mà tôi đã thêu vào bên trong tất cả các cổ áo của con bé trước khi xếp áo vào va li. Việc đó là theo quy định, nếu không trại hè sẽ chối bỏ hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp bị lấy cắp hoặc bị mất đồ. Một chút rêu đã chớm xuất hiện trên lớp đá cẩm thạch kể từ lần thăm trước, trong một vùng bóng râm. Tôi quỳ xuống, dùng ve ống tay áo cọ sạch.



*Đôi với tôi, đã nhiều năm nay, nụ cười rạng rỡ của người khiến
một bông hồng nở mãi trong suốt mùa hè tươi đẹp của nó.*

Trích Sonnet, Stéphane Mallarmé.

Irène Fayolle và Gabriel Prudent vào khách sạn đầu tiên mà họ nhìn thấy, cách ga Aix chừng vài ki lô mét. Khách sạn Ngang Đường. Họ chọn căn phòng màu xanh da trời. Giống như tên một tiểu thuyết của Georges Simenon. Còn có các phòng khác nữa: phòng Joséphine, phòng Amadeus, phòng Renoir.

Tại quầy lễ tân, Gabriel Prudent gọi pasta và rượu vang đỏ cho bốn người, phục vụ tại phòng. Ông nghĩ rằng họ sẽ rất đói sau khi yêu nhau. Irène Fayolle hỏi ông:

– Tại sao lại là bốn người? Chúng ta chỉ có hai người thôi mà.

– Em chắc chắn sẽ nghĩ đến chồng em, còn tôi thì nghĩ đến vợ tôi, thế nên tốt hơn hết là mời họ ăn cùng luôn. Như thế sẽ tránh được những ẩn ý không nói thành lời, những rầu rĩ sứt sùi và tất cả những thứ khác.

– Những “rầu rĩ sứt sùi” là gì vậy?

– Đó là từ mà tôi bịa ra để chỉ chung nỗi u buồn, cảm giác tội lỗi,

những hồi tiếc, những rập rình tiến thoái. Tất cả những gì làm phiền chúng ta trong cuộc đời, đại loại thế. Những thứ ngăn cản chúng ta tiến lên.

Họ hôn nhau. Họ cởi đồ, bà muốn yêu nhau trong bóng tối, ông nói rằng không cần phải như thế, rằng ở tòa án ông đã cởi đồ bà rất nhiều lần bằng ánh mắt, rằng cả thân hình lẫn các đường cong của bà, ông đều đã thuộc lòng.

Bà vẫn kiên trì. Bà nói:

– Ông là một kẻ dẻo miệng.

Ông trả lời:

– Đương nhiên rồi.

Ông kéo kín những tấm rèm màu xanh da trời trong căn phòng màu xanh da trời.

Có người gõ cửa, phục vụ phòng. Họ ăn, uống, yêu nhau, ăn, uống, yêu nhau, ăn, uống, yêu nhau. Người này tận hưởng người kia, rượu vang khiến họ cười, họ tận hưởng, cười, khóc.

Họ cùng đưa ra một thỏa thuận là sẽ không bao giờ ra khỏi căn phòng ấy nữa. Họ nói với nhau là sẽ chết cùng nhau, tại đây, ngay bây giờ, có lẽ đó CHÍNH LÀ giải pháp. Họ nghĩ đến việc bỏ trốn, biến mất, một chiếc xe lấy cắp, một chuyến tàu, một chuyến máy bay. Họ hình dung mình sẽ du hành khám phá thế giới.

Họ quyết định là sẽ đến sống ở Argentina. Giống như những tội phạm chiến tranh. Bà ngủ thiếp đi. Còn ông vẫn thức, ông hút thuốc, ông gọi chai rượu vang trắng thứ hai và năm suất tráng miệng.

Bà mở mắt, hỏi ông ai là vị khách mời thứ ba ngoài chồng bà và vợ ông, ông trả lời: “Tình yêu của chúng ta”.

Họ vào phòng vệ sinh. Khi quay trở lại giường, họ quyết định khiêu vũ. Họ bật chiếc đài kiêm đồng hồ báo thức, biết được rằng Klaus Barbie sẽ bị dẫn độ về Pháp để xét xử. Gabriel Prudent liền nói: “Rất cuộc, cũng có công lý, phải ăn mừng vụ này.” Ông gọi rượu sâm banh. Bà nói: “Tôi mới quen ông được hai mươi tư giờ, và vẫn còn chưa hết say. Có lẽ sẽ tốt hơn nếu chúng ta gặp lại nhau mà không ăn uống gì.”

Họ khiêu vũ trên nền bài hát “Anh quay lại tìm em” của Gilbert Bécaud.

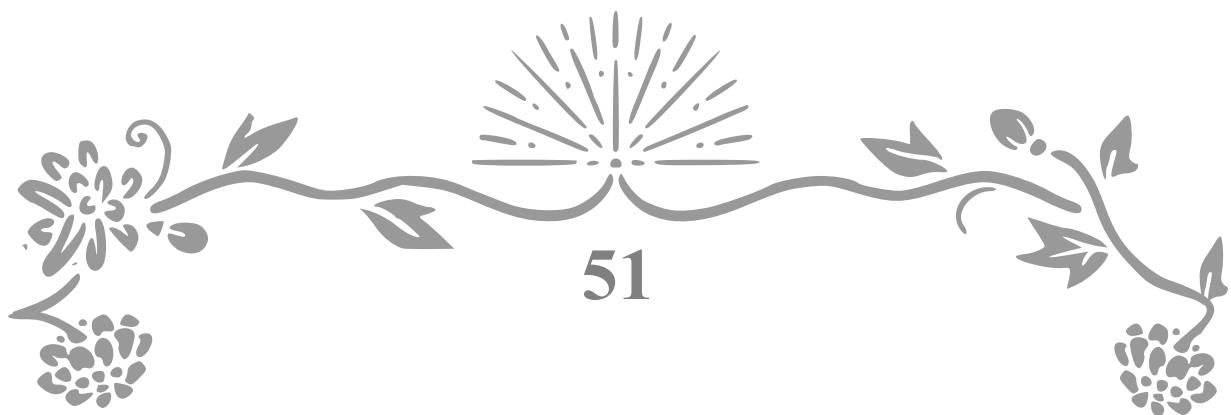
Bà ngủ thiếp đi lúc khoảng 4 giờ, và mở mắt ra lúc khoảng 6 giờ. Ông chỉ vừa ngủ thiếp đi.

Trong phòng nồng nặc mùi thuốc lá và rượu. Bà nghe thấy tiếng chim hót. Bà ghét chúng.

“Núu giữ màn đêm.” Những từ này quay trở lại trong tâm trí bà. Johnny Hallyday lúc 6 giờ sáng trong căn phòng màu xanh da trời. Bà cố gắng nhớ lại lời bài hát: “Núu giữ màn đêm, hôm nay, cho đến ngày tận thế, núu giữ màn đêm...” Bà không nhớ được đoạn tiếp theo.

Ông xoay lưng về phía bà, bà vuốt ve ông, hít hà ông. Việc đó khiến ông thức dậy, họ lại yêu nhau. Rồi thiếp ngủ trở lại.

Người ta gọi họ lúc 10 giờ để hỏi xem họ sẽ giữ phòng hay trả phòng. Nếu trả phòng thì họ phải rời đi trước 12 giờ trưa.



Mỗi ngày trôi qua lại dệt thêm một sợi vô hình vào kỷ niệm về người.

Dưới tầng trệt, bên cánh trái, có một hành lang chính, ba phòng ngủ cạnh nhau, mỗi phòng có hai giường tầng cùng khu vệ sinh và bồn rửa dành cho khách trọ và một phòng ngủ dành cho nhân viên. Ở tầng hai, ba phòng ngủ cạnh nhau, mỗi phòng có hai giường tầng cùng khu vệ sinh và bồn rửa dành cho khách, và năm phòng ngủ dành cho nhân viên.

Trong đêm 13 rạng ngày 14 tháng Bảy năm 1993, tất cả các phòng đều có người ở.

Phòng ngủ của Édith Croquevieille (nữ giám đốc và cũng là người giám sát), Swan Letellier (phục vụ), Geneviève Magnan (phục vụ và giám sát), Alain Fontanel (bảo trì), Éloïse Petit (giám sát) nằm trên tầng hai. Phòng của Lucie Lindon (giám sát) nằm ở tầng trệt.

Anaïs Caussin (bảy tuổi), Léonine Toussaint (bảy tuổi), Nadège Gardon (tám tuổi) và Océane Degas (chín tuổi) ở trong phòng ngủ 1 dưới tầng trệt. Bốn cô bé đã ra khỏi phòng ngủ mà không được phép, và không gây tiếng động để khỏi đánh thức người phụ trách (Lucie Lindon) đang ngủ tại một trong các phòng bên cạnh. Chúng đi về hướng khu bếp nằm cách

phòng của mình chừng năm mét, ở đầu hành lang chính. Chúng mở một trong các tủ lạnh và rót sữa vào một cái nồi hai lít bằng inox để mang hâm nóng. Chúng đã sử dụng một bếp tám ô nấu (hai điện, sáu ga). Chúng bật một trong số sáu ô nấu bằng ga bằng cách dùng hộp diêm. Chúng lục trong kho đằng sau bếp để lấy xô cô la dạng bột, rồi lục trong tủ bát đĩa để lấy bốn cái bát, sau đó rót sữa nóng vào bát.

Mỗi cô bé tự bê bát sữa nóng của mình về phòng. (Bốn cái bát đã được tìm thấy trong phòng 1 - chất liệu sứ không cháy.)

Bốn nạn nhân đã đặt lại chiếc nồi inox lên bếp ga, và do vô ý, bếp ga không được tắt hẳn mà chỉ vặn đến mức nhỏ nhất.

Tay cầm bằng nhựa của chiếc nồi inox bắt đầu chảy ra, rồi bắt lửa. (Đã tìm thấy cái nồi, chất liệu inox không cháy.)

Mười phút sau (khoảng thời gian ước lượng), ngọn lửa bốc ra từ tay cầm bằng nhựa bắt đầu lan sang các vật dụng làm bếp nằm bên trên bếp ga, phía tay phải.

Lớp vỏ bọc bằng nhựa của các vật dụng làm bếp này rất độc hại. Các hợp chất hữu cơ (sơn và véc ni) rất dễ bay hơi.

Người ta cũng nhận thấy rằng bốn đứa trẻ đã không đóng cửa phòng bếp, cũng không đóng cửa phòng ngủ của chúng.

Khoảng thời gian từ thời điểm bốn nạn nhân rời phòng bếp đến thời điểm khói độc lan khắp khu bếp, hành lang và phòng ngủ của chúng là chừng hai mươi lăm đến ba mươi phút.

Như đã nói ở trên, phòng số 1 nằm cách khu bếp chừng năm mét. Khói độc tỏa ra từ các vật dụng làm bếp bị cháy có thể đã nhanh chóng khiến bốn đứa trẻ bị hôn mê, khiến chúng chết vì ngạt thở và nhiễm độc.

Xác bốn nạn nhân đã cháy đen được tìm thấy trong giường. Chúng đang ngủ khi hít phải khí độc, và chính khí độc đã giết chết chúng.

Phòng ngủ số 1 đã bùng cháy khi một trong các cửa sổ phòng này nổ tung do hơi nóng, và tạo thành một ống hút gió.

Do lửa cháy cùng với nhiệt độ cực cao, tất cả các cửa kính trong phòng đều nổ tung, cho phép một phần khí độc thoát ra ngoài. Các phòng ngủ khác (đều đóng kín cửa) dưới tầng trệt không bị ảnh hưởng gì.

Nhân viên phụ trách (Lucie Lindon) ở trong phòng ngủ bên cạnh phòng của bốn nạn nhân đã lập tức sơ tán hai phòng ngủ còn lại ở tầng trệt, nơi tám đứa trẻ khác (bình an vô sự) đang ngủ, chúng không hề bị tác động bởi vụ cháy.

Lucie Lindon đã không thể vào phòng ngủ số 1.

Sau khi chắc chắn rằng tất cả mọi người ở tầng hai (mười hai trẻ em và năm người lớn) đều bình an vô sự, Lucie Lindon gọi cứu hỏa.

Việc tiếp cận lính cứu hỏa khó khăn hơn thường lệ, bởi vì đội ngũ này đã được huy động để đảm bảo an toàn cho cư dân trong lúc hai quả pháo bông được bắn cách địa điểm tên là La Clayette chừng mười ki lô mét.

Alain Fontanel và Swan Letellier đã cố vào phòng ngủ 1 bằng mọi cách một lần nữa, nhưng vô ích. Sức nóng tỏa ra quá lớn, và ngọn lửa bốc lên quá cao.

Từ khi Lucie Lindon gọi điện thoại cho tới khi lính cứu hỏa đến, khoảng thời gian dài chừng hai mươi lăm phút. Cuộc gọi được thực hiện lúc 23h25, và lính cứu hỏa đã đến hiện trường vụ cháy lúc 23h50.

Phần lớn cánh trái của lâu đài đã bị ngọn lửa tàn phá.

Mất ba giờ, vụ cháy mới được dập tắt hoàn toàn.

Do bốn nạn nhân còn ít tuổi và các xác chết đã bị cháy đen, việc nhận dạng bằng răng đã không thể thực hiện được.

Đó là những gì được tiết lộ trong kết quả điều tra.

Đó cũng gần như là những gì được viết trong bản báo cáo của sở cảnh sát, gửi cho công tố viên phụ trách vụ án.

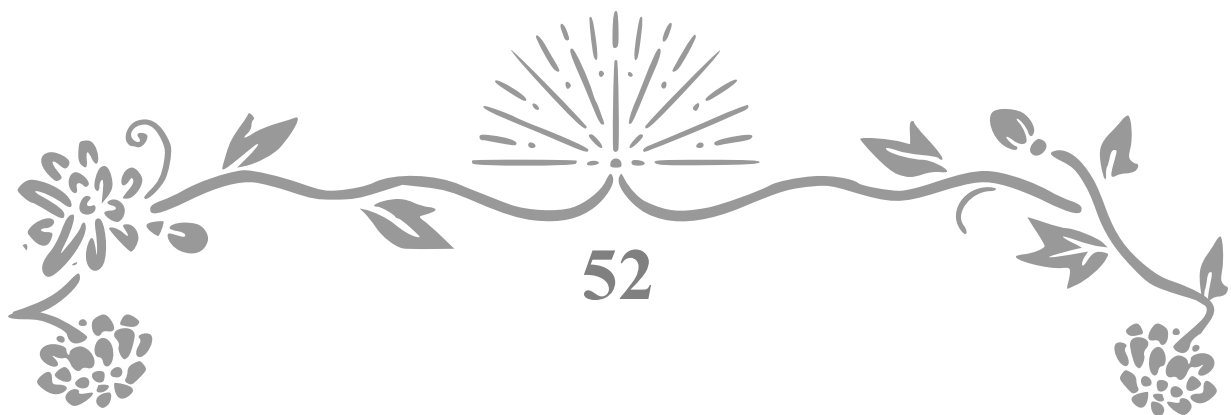
Đó là những gì được nói ra trong phiên tòa xét xử (mà tôi không tham dự) và Philippe Toussaint đã nhắc lại với tôi.

Đó là những gì được viết trong các báo (mà tôi không đọc).

Những từ ngữ ráo hoảnh, không chút xúc động, đầy chính xác. “Không thảm kịch, không nước mắt, những thứ vũ khí khôn khô và vô nghĩa, bởi vì có những nỗi đau chỉ khóc được trong lòng.”

Édith Croquevieille bị tuyên hai năm tù trong đó có một năm tù giam, bởi vì cửa khu bếp không được khóa và lớp phủ sàn, tường, trần trong lâu đài Notre-Dame-des-Prés đều đã quá cũ. Không có điều nào được nói hoặc viết rõ ràng rằng lũ trẻ phải chịu trách nhiệm về vụ cháy. Người ta không kết tội bốn nạn nhân nhỏ mới bảy, tám, chín tuổi đầu. Nhưng với tôi, đó là một sự ngẫm hiểu trong hình phạt dành cho bà giám đốc.

Vấn đề mà tôi lập tức nhìn ra trong bản báo cáo này của các chuyên gia, đó là Léonine không uống sữa, con bé còn sợ sữa. Chỉ một ngụm cũng đủ khiến con bé nôn mửa.



Nơi đây yên nghỉ bông hoa đẹp nhất trong khu vườn của tôi.

Vừa ngắm nhìn lũ cá nhiều màu sắc sỡ trong cái bể không lồ chiếm trọn một bức tường của nhà hàng Trung Hoa – Phụng Hoàng -, tôi vừa nghĩ đến vũng bờ đá ở Sormiou. Đến mặt trời, đến vẻ đẹp của nó trong ánh sáng.

– Anh có hay tắm biển ở Marseille không?

– Khi tôi còn nhỏ thì có.

Julien Seul rót thêm rượu vang vào ly của tôi.

– Khách sạn Ngang Đường, căn phòng màu xanh da trời, rượu vang, pasta, tình yêu với Gabriel Prudent, tất cả những chuyện đó đều được viết lại trong nhật ký của mẹ anh sao?

– Đúng thế.

Anh lấy từ túi áo trong ra một cuốn sổ. Với lớp bìa cứng màu xanh nước biển, cuốn sổ trông giống tác phẩm đoạt giải Goncourt năm 1990, *Chiến trường vinh quang*, mà Célia đã tặng tôi.

– Tôi mang nó đến cho cô. Tôi kẹp tờ giấy màu vào giữa các trang có liên quan đến cô.

– Sao lại liên quan đến tôi?

– Mẹ tôi nói về cô trong nhật ký của bà. Bà đã nhìn thấy cô, nhiều lần.

Tôi mở một trang ngẫu nhiên trong cuốn nhật ký, xem lướt những nét chữ viết bằng mực xanh.

– Cô cứ giữ nó đi. Rồi trả lại cho tôi sau.

Tôi cất cuốn sổ vào túi xách.

– Tôi sẽ giữ nó cẩn thận... Anh cảm thấy thế nào khi phát hiện ra một cuộc đời khác của mẹ anh, trong cuốn nhật ký của bà.

– Cứ như thể tôi đang đọc câu chuyện về một người nào khác, một người xa lạ. Với lại bố tôi cũng qua đời lâu rồi. “Đã hết thời hiệu”, như người ta thường nói.

– Anh không cảm thấy buồn khi mẹ anh không yên nghỉ cùng bố anh sao?

– Lúc đầu, tôi rất đau lòng. Bây giờ thì ổn rồi. Với lại, nếu không có chuyện này, có lẽ tôi đã không bao giờ quen biết cô.

– Thêm một lần nữa, tôi không chắc là chúng ta biết rõ về nhau đâu. Chúng ta chỉ gặp nhau, thế thôi.

– Vậy chúng ta hãy làm quen với nhau đi.

– Tôi nghĩ tôi cần uống.

Tôi uống một hơi cạn ly rượu mà anh vừa rót cho tôi.

– Thông thường, tôi uống ít, nhưng hôm nay thì không thể. Với lại, cái cách mà anh nhìn tôi như thế. Tôi không bao giờ biết được anh muốn tặng cho tôi một lệnh tạm giữ, hay cưới tôi.

Anh phá lên cười.

– Cưới hay tạm giữ thì cũng giống nhau mà thôi, không phải sao?

– Anh đã kết hôn chưa?

- Đã ly hôn.
- Hai người có con không?
- Một cậu con trai.
- Cậu bé mấy tuổi rồi?
- Bảy tuổi.

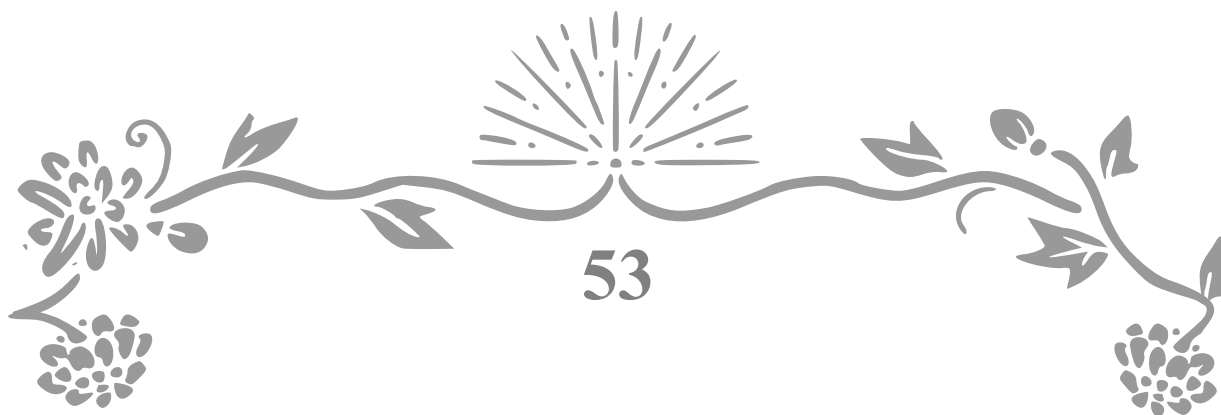
Im lặng một lát, như thể một thiên thần vừa bay qua.

- Anh có muốn chúng ta làm quen với nhau ở khách sạn không?

Anh có vẻ ngạc nhiên khi nghe câu hỏi của tôi. Anh đưa đầu ngón tay miết lên tấm khăn trải bàn bằng vải bông. Rồi lại mỉm cười với tôi.

– Khách sạn, cô và tôi, đó là một trong những dự định của tôi, về trung hạn hoặc dài hạn... Nhưng, bởi vì cô đã đề xuất, chúng ta có thể rút ngắn thời hạn.

- Khách sạn, đó là điểm khởi đầu của hành trình.
- Không đâu, khách sạn, bản thân nó đã là hành trình rồi.



Đừng khóc thương khi tôi chết. Hãy ca ngợi cuộc sống của tôi.

Lần thứ hai tôi gặp Sasha, ông đang ở trong vườn rau.

Tôi bước vào căn nhà lộn xộn của ông. Những cái nồi chất đầy bồn rửa, những cái cốc vương vãi khắp nơi, cả những cái ấm rỗng nữa. Vô số giấy tờ rải khắp mặt chiếc bàn thấp. Những hộp trà phủ bụi. Nhưng những bức tường vẫn thơm như trước.

Tôi nghe có tiếng động đằng sau nhà. Tiếng nhạc cổ điển từ bên ngoài vọng vào. Cánh cửa thông ra vườn rau mở rộng ở cuối bếp. Tôi nhìn thấy ánh nắng.

Sasha đang đứng trên đỉnh một cái thang chống vào một cây mận vàng. Ông hứng những quả ngọt vào một túi đựng khoai tây bằng sợi đay. Khi nhìn thấy tôi, ông nở nụ cười chỉ riêng ông mới có. Và tôi tự hỏi làm sao ông có thể có vẻ hạnh phúc đến thế ở một nơi buồn thảm như nơi này.

Tôi lập tức cảm ơn ông về túi trà và danh sách nhân sự ở lâu đài Notre-Dame-des-Prés. Ông trả lời tôi: “Ồ, có gì đâu.”

- Ông làm thế nào để tìm được ảnh và địa chỉ của những người đó?
- Ồ, có khó gì đâu.

– Édith Croquevieille và những người khác, ông có quen họ không?

– Tôi quen tất cả mọi người.

Tôi muốn hỏi ông nhiều câu về *những người đó*. Nhưng lại không thể hỏi.

Vừa xuống khỏi thang, ông vừa nói với tôi:

– Cô giống như một con chim sẻ, một chú chim non bị rơi khỏi tổ, trông cô thật đáng thương. Lại gần đây, tôi sẽ nói với cô điều này.

– Ông làm thế nào mà có địa chỉ của tôi? Tại sao lại gửi cho tôi tấm bia đó?

– Chính bạn cô, Célia, đã đưa nó cho tôi.

– Ông quen Célia sao?

– Vài tháng trước, cô ấy đến nghĩa trang để đặt một tấm bia lên mộ con gái cô. Cô ấy hỏi tôi vị trí ngôi mộ, tôi đưa cô ấy đi. Cô ấy nói với tôi là đã hình dung ra những lời mà cô có thể khắc lên nếu cô tự mình đến đây. Cô ấy đã chọn thay cho cô. Cô ấy không thể hiểu nổi tại sao cô không bao giờ đặt chân đến nghĩa trang này. Cô ấy nói chắc chắn cô sẽ dễ chịu hơn nếu làm thế. Cô ấy đã nói chuyện với tôi về cô rất lâu. Cô ấy bảo tôi rằng cô đang bị tổn thương. Thế nên tôi đã nảy ra ý tưởng này. Tôi xin phép cô ấy để gửi cho cô tấm bia, để cô tự đến đây đặt lên mộ. Cô ấy đã lưỡng lự rất lâu, rồi đồng ý để tôi làm thế.

Ông cầm một cái phích để ở đầu một lối đi trong vườn và rót cho tôi một cốc trà, vừa rót vừa thì thầm: “Hoa nhài và mật ong.”

– Tôi có khu vườn đầu tiên vào năm chín tuổi. Một mét vuông trồng hoa. Chính mẹ tôi đã dạy tôi ươm mầm, tưới tắm, thu hoạch. Tôi cảm thấy mình thích công việc đó. Mẹ tôi luôn nói với tôi: “Đừng phán xét mỗi ngày

theo những gì con thu hoạch được, mà theo những hạt giống con gieo trồng.”

Ông im lặng một lát, nắm lấy cánh tay tôi rồi nhìn thẳng vào mắt tôi:

– Cô có thấy khu vườn này không? Tôi có nó đã hai mươi năm nay. Cô có thấy nó đẹp đến mức nào không? Cô có nhìn thấy tất cả những cây rau kia không? Những màu sắc kia không? Khu vườn này có diện tích bảy trăm mét vuông, đó là bảy trăm mét vuông niềm vui, tình yêu, mồ hôi, dũng khí, mong muốn và kiên nhẫn. Tôi sẽ dạy cô cách chăm sóc nó, và khi cô đã đủ khả năng, tôi sẽ giao lại nó cho cô.

Tôi trả lời rằng tôi không hiểu ông nói gì. Ông liền tháo bỏ găng tay và cho tôi xem chiếc nhẫn cưới mà ông đeo trên ngón tay.

– Cô có nhìn thấy chiếc nhẫn cưới này không? Tôi đã tìm thấy nó trong vườn rau đầu tiên của tôi đây.

Ông dẫn tôi vào dưới một vòm thường xuân và bảo tôi ngồi xuống một chiếc ghế cũ. Ông ngồi xuống trước mặt tôi.

– Hôm đó là Chủ nhật, tôi khoảng hai mươi tuổi, tôi đang dắt con chó nhỏ đi dạo không xa khu nhà thuê giá rẻ nơi tôi sinh sống ở ngoại ô Lyon. Tôi đi xa khỏi các bãi đỗ xe và ngẫu nhiên rẽ vào một con đường. Cao hơn một chút có một khoảnh đất mang hơi hướng nông thôn, vài bãi cỏ kệt giữa bề mặt bê tông, những bãi cỏ khô úa, không được đẹp lắm, và một ốc đảo những cây cỏ thụ. Đến cuối con đường ấy, tôi gặp một nhóm người ngồi dưới gốc một cây sồi, họ đang rửa mớ trên một chiếc bàn cũ phủ vải dầu. Điều khiến tôi sửng sốt là họ có vẻ hạnh phúc. Đó là những người hàng xóm, những cư dân của các khu nhà cho thuê giá rẻ mà tôi biết mặt, những người không mỉm cười lấy lệ khi gặp tôi trong các khoang cầu thang. Xung quanh họ, tôi nhìn thấy những khu vườn tạm. Họ trồng cây ăn quả và rau.

Tôi hiểu rằng chính những khoảnh đất nhỏ và cái giếng này đã mang lại cho họ nụ cười ấy. Tôi liền hỏi họ liệu tôi cũng có thể có một mảnh vườn như họ hay không. Họ bảo tôi gọi điện đến tòa thị chính, họ thuê những khoảnh đất kia với giá rẻ như không, và đằng sau kia vẫn còn vài khoảnh đất như thế.

Tôi hãnh diện bắt tay đào xới khoảnh đất của mình vào tháng Mười và phủ kín phân lên đó. Mùa đông tiếp theo, tôi gieo hạt giống vào những cái hũ sữa chua rỗng. Bí đao đỏ, húng quế, ớt chuông, cà tím, cà chua, bí ngòi. Tôi nuôi một dự định lớn. Tôi mang tham vọng với đám rau của tôi. Tôi trồng chúng vào mùa xuân. Tôi làm theo đúng chỉ dẫn trong các sách dạy làm vườn, tôi gieo trồng bằng lý trí, chứ không bằng trái tim. Không quan tâm đến các tuần trăng, các kỳ đông giá, trời mưa hay trời nắng. Tôi cũng trồng cà rốt và khoai lang thẳng xuống đất vườn. Tôi chờ cây mọc. Thỉnh thoảng tôi ghé qua tưới tẩm còn lại thì trông chờ vào mưa.

Tất nhiên, chẳng có cây nào mọc được. Tôi đã không hiểu rằng phải ở vườn cả ngày thì phép màu mới thành hiện thực được. Tôi đã không hiểu rằng những loài cỏ dại, những thứ cỏ mọc quanh cây rau, nếu ta không hằng ngày nhổ bỏ, chúng sẽ hút hết nước, chúng sẽ giành hết sự sống.

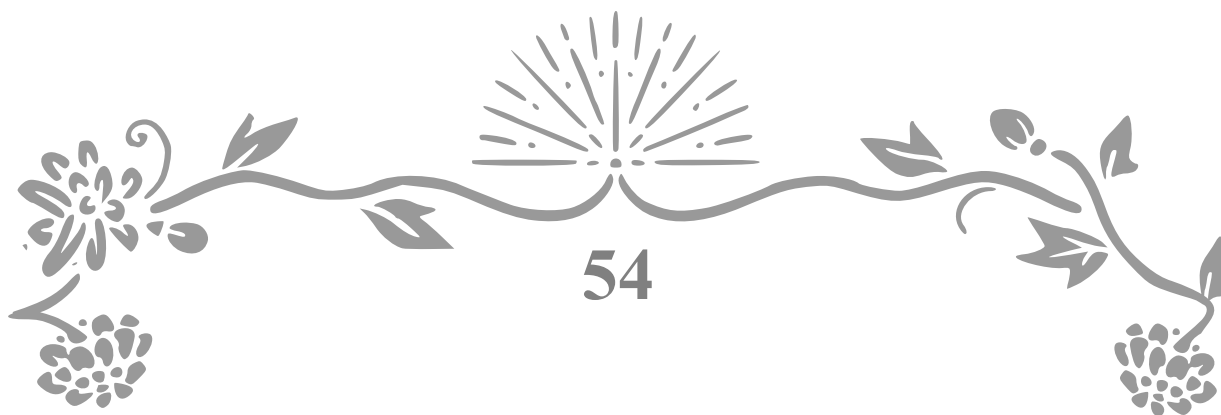
Ông đứng dậy đi vào bếp và quay trở lại với món bánh hạnh nhân đựng trong chiếc đĩa sứ.

– Ăn đi, cô gầy quá.

Tôi nói rằng tôi không đói, ông trả lời: “Tôi không thấy có gì khác biệt cả.” Chúng tôi vừa nhấm nháp món bánh của ông vừa mỉm cười, rồi ông tiếp tục câu chuyện:

– Cứ như thể mảnh vườn trên đũa tôi, vào tháng Chín, chỉ có một cây cà rốt mọc lên. Một cây duy nhất! Tôi nhìn thấy thân cây ngả vàng, đơn

độc, giữa mảnh đất khô khốc, bí bách. Mảnh đất mà tôi không hề thấu hiểu. Tôi nhổ nó lên, xấu hổ muốn chết, sẵn sàng ném củ cà rốt cho gà ăn, thì bỗng nhìn thấy một chiếc nhẫn bạc đeo trên củ cà rốt méo mó tội nghiệp của tôi. Một chiếc nhẫn cưới thực thụ bằng bạc mà hẳn là ai đó đã đánh mất nhiều năm trước trên mảnh vườn của tôi. Tôi rửa sạch củ cà rốt, nhai ngon lành, và rút chiếc nhẫn ra. Tôi coi đó là một dấu hiệu. Như thể tôi đã phá hỏng năm đầu tiên trong cuộc hôn nhân vì không hiểu gì về vợ mình, nhưng tôi vẫn còn sống vài chục năm nữa để khiến cô ấy hạnh phúc.



Nàng che giấu những giọt nước mắt, nhưng chia sẻ những nụ cười.

Giặt quần áo của anh ta bằng bột giặt, phơi khô, ngoại trừ những chiếc áo len dài tay, gấp quần áo khi chúng còn ẩm, xếp gọn, theo màu, trên các giá kệ của anh ta. Đi mua sắm, kem đánh răng có fluor, tạp chí *Ô tô-mô tô*, lưỡi dao cạo Gillette, dầu gội trị gàu hương cúc cam, kem cạo râu dành cho loại râu cứng, kem làm dịu da, xi đánh đồ da, xà phòng Dove, những lốc bia vàng, sô cô la sữa, sữa chua vị va ni.

Những thứ mà anh ta thích. Những nhãn hiệu anh ta ưa.

Trong phòng tắm, bàn chải tóc và lược sạch. Một cái nhíp và một cái bấm móng tay luôn sẵn sàng phục vụ.

Bánh mì dài, giòn tan. Tất cả các loại gia vị màu anh đào. Thái thịt mà không nguội. Rán vàng rồi để liu riu trong một cái nồi gang. Nhắc vung nồi và canh chừng những miếng thịt động vật chết, đổ bột, bày chúng vào đĩa, vài lá nguyệt quế nhúng trong nước xốt hành tây.

Phục vụ.

Chỉ ăn rau, pasta, khoai tây nghiền. Chỉ ăn những món ăn kèm. Tôi là

như thế. Một món ăn kèm.

Dọn bàn ăn.

Lau sàn nhà, lau bếp. Hút bụi. Thông gió. Phủi bụi. Đổi kênh ti vi ngay khi anh ta không thích chương trình truyền hình đang phát. Tắt nhạc. Không bao giờ bật nhạc khi anh ta ở nhà: những ca sĩ “ngu ngốc” của tôi khiến anh ta đau đầu.

Anh ta xách xe đi dạo một vòng, tôi ở lại nhà. Đi ngủ. Anh ta về muộn. Anh ta làm tôi thức giấc vì gây ồn, không quan tâm đến nước chảy trong bồn rửa, tiếng nước tiểu xối vào đáy bồn cầu, những cánh cửa đóng sầm. Anh ta áp sát người vào lưng tôi. Anh ta có mùi của một phụ nữ khác. Giả vờ ngủ. Nhưng đôi khi, anh ta vẫn ham muốn tôi. Bất chấp người phụ nữ kia, người mà anh ta vừa rời khỏi. Anh ta trườn lên người tôi, ép buộc, càu nhàu, tôi nhắm mắt. Tôi nghĩ đến nơi khác, tôi đến bơi trong biển Địa Trung Hải.

Tôi chỉ biết có thể. Chỉ biết cái mùi ấy. Chỉ biết cái giọng nói ấy, những lời lẽ và những thói quen của riêng anh ta. Những năm cuối sống chung với anh ta đã chiếm nhiều chỗ trong ký ức hơn là những năm đầu, những năm tháng ấy trôi qua nhanh chóng, những năm tháng ngắn ngủi, nhẹ nhõm và vô tư lự trong tình yêu. Khi tuổi thanh xuân của chúng tôi trộn vào nhau.

Philippe Toussaint đã khiến tôi già đi. Được yêu là vẫn còn trẻ.

Đây là lần đầu tiên tôi làm tình với một người đàn ông tinh tế. Trước Philippe Toussaint, có vài thanh niên trong trung tâm và ở Charleville. Chỉ toàn là vụng về, những cuộc đời đầy tổn thương va đập vào nhau. Những kẻ gây ồn ào, như những cái nồi không biết vuốt ve. Những kẻ học tiếng Pháp trong sách giáo khoa nhưng không đến nơi đến chốn, học yêu không đến

nơi đến chốn.

Julien Seul biết cách yêu.

Anh ngủ. Tôi lắng nghe hơi thở của anh, đó là một âm thanh mới mẻ. Tôi lắng nghe làn da anh, tôi hít hà những cử chỉ của anh, đôi bàn tay anh trên người tôi, một bàn tay trên vai trái, bàn tay còn lại vòng quanh hông phải của tôi. Cả người anh đều áp vào tôi. Bên ngoài tôi. Chứ không trong tôi.

Anh ngủ. Tôi phải trải qua bao nhiêu cuộc đời để được ôm ai đó ngủ thiếp đi? Đủ tin cậy để nhắm mắt và trút bỏ những linh hồn vẫn đang ám ảnh tôi? Tôi trần truồng bên dưới lớp chăn. Thân thể tôi không trần truồng dưới chăn như thế này từ lâu lắm rồi.

Tôi đã rất thích thời khắc yêu đương, thời điểm cao trào vừa rồi của cuộc sống.

Bây giờ, tôi những muốn về nhà. Tôi những muốn gặp lại Éliane, gặp lại cảm giác cô độc trên chiếc giường của tôi. Tôi những muốn rời khỏi căn phòng khách sạn này mà không làm anh thức giấc, đứng ra là bỏ trốn.

Nói lời tạm biệt vào sáng mai dường như là một thử thách không thể vượt qua đối với tôi. Một cuộc đời đầu cũng gần như không thể chịu đựng nổi như phải bắt gặp ánh mắt Stéphanie khi tôi mất Léonine.

Tôi sẽ nói gì với anh?

Chúng tôi đã uống hết một chai sâm banh để có đủ dũng khí, để rồi rốt cuộc mới dám chạm vào nhau. Chúng tôi người này hoảng sợ trước người kia. Giống như những người thực sự thích nhau. Giống như Irène Fayolle và Gabriel Prudent.

Tôi không muốn có một câu chuyện tình. Tôi đã qua tuổi đó rồi. Tôi

đã tích vào nhâm ô. Cuộc sống tình ái nghèo nàn của tôi là một đôi tất cũ cất dưới một đáy tủ. Mà tôi không bao giờ vứt đi nhưng cũng không xỏ vào chân nữa. Cũng không sao. Không có gì nghiêm trọng ngoại trừ cái chết của một đứa trẻ.

Tôi có cuộc đời trước mặt, chứ không phải tình yêu của một người đàn ông. Khi ta đã quen sống một mình, ta không thể sống hai người được nữa. Về điều đó thì tôi chắc chắn.

Chúng tôi đang ở cách Brancion-en-Chalon hai mươi ki lô mét, ngay cạnh Cluny, trong khách sạn Armance. Tôi sẽ không đi bộ về nhà. Tôi sẽ bắt một chiếc taxi. Xuống quây lễ tân và gọi taxi.

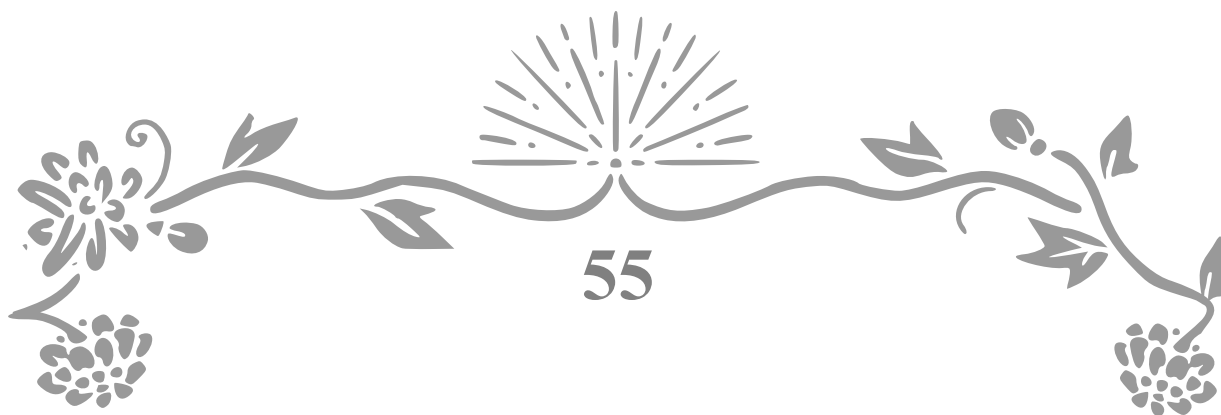
Ý nghĩ đó thôi thúc tôi. Tôi trườn người ra khỏi giường thật khẽ khàng. Giống như khi tôi còn ngủ chung với Philippe Toussaint và không muốn đánh thức anh ta.

Tôi mặc váy, vớ lấy chiếc túi xách rồi ra khỏi phòng, giày xách trên tay. Tôi biết anh đang nhìn tôi rời đi. Anh lịch thiệp nên không nói gì, còn tôi thì bất lịch sự nên không quay nhìn lại.

Đồ lãng loạn, đó là ý nghĩ của tôi về chính tôi.

Trong xe taxi, tôi cố đọc những trang nhật ký của Irène Fayolle giờ ngẫu nhiên, nhưng không đọc nổi. Trời quá tối. Khi chúng tôi đi qua một khóm nhà, ánh sáng đèn đường soi tỏ lố chỗ một số từ.

“Gabriel... bàn tay... ánh sáng... thuốc lá... hoa hồng...”



*Cuộc đời người là một kỷ niệm đẹp. Thiếu vắng người là nỗi đau
đơn âm thầm.*

Khi tôi rời khỏi nghĩa trang của Sasha, đã là 18 giờ. Tôi lái chiếc Fiat Panda thẳng hướng Mâcon để vào đường cao tốc. Con hồ trắng treo trên kính chiếu hậu vừa liếc mắt quan sát tôi vừa đung đưa đầy uể oải.

Tôi nghĩ đến Sasha, đến vườn rau của ông, đến nụ cười của ông, đến những lời ông nói. Tôi nghĩ một vụ đình công đã mang Célia đến với tôi, rồi cái chết của con gái tôi lại mang đến cho tôi người làm vườn đội mũ cói ấy. Một Wilbur Larch bằng xương bằng thịt. Một người đàn ông ở giữa sự sống và những người chết, giữa khu vườn và nghĩa trang của ông. *Tạo tác của Chúa, một phần của Quý.*

Tôi nghĩ đến những người làm ở trại hè. Chắc hẳn cả họ cũng thế, họ cũng là những người trung hậu. Tôi hình dung lại khuôn mặt của bà giám đốc, Édith Croquevieille, của người đầu bếp, Swan Letellier, của nhân viên phục vụ, Geneviève Magnan, của hai cô gái trẻ làm phụ trách, Éloïse Petit và Lucie Lindon, của nhân viên bảo trì, Alain Fontanel. Khuôn mặt họ chồng lên nhau.

Tôi sẽ làm gì với địa chỉ của họ? Liệu tôi có đi gặp họ, lần lượt hết

người này đến người khác không?

Trong lúc lái xe, tôi nhớ ra rằng người đầu bếp Swan Letellier làm việc tại nhà hàng Quán Quê ở Mâcon. Tôi đã thấy trên một tấm bản đồ là nhà hàng đó nằm ở trung tâm thành phố, phố L'Hérítan.

Tôi không đi đường cao tốc nữa, mà rẽ vào Mâcon, dừng xe ở một bãi đỗ nằm cách nhà hàng chừng hai trăm mét, gần tòa thị chính. Một nữ nhân viên phục vụ ân cần đón tiếp tôi. Đã có hai cặp thực khách ngồi vào bàn.

Lần cuối cùng tôi đặt chân vào một nhà hàng, đó là quán Gino, cái ngày tôi ăn trưa cùng với bố mẹ của Anaïs, cái ngày Léonine vừa chọc thủng trứng vừa cười phá lên. Cái ngày hôm ấy, tôi đã sống lại nó hàng ngàn lần, bữa ăn, chiếc váy mà Léo mặc, đôi bím tóc, nụ cười của con bé, trò ảo thuật, khoản tiền thanh toán, thời điểm con bé lên xe của gia đình nhà Caussin, khi con bé vẫy tay tạm biệt tôi, con thú bông giấu dưới đầu gối, một con thỏ xám mà mắt bên phải sắp rụng và tôi đã cho vào máy giặt nhiều lần đến nỗi nó cụt mất một tai. Có những giờ phút mà hẳn rồi ta sẽ quên đi thật nhanh. Nhưng các sự kiện đã quyết định theo một cách khác.

Tôi không nhìn thấy Swan Letellier. Hẳn là anh ta đang ở trong bếp. Chỉ có các nhân viên nữ bận rộn phục vụ. *Bốn cô gái giống như dưới mộ*, tôi thầm nghĩ.

Tôi uống một chai vang nhỏ và gần như không ăn gì. Nữ nhân viên phục vụ hỏi tôi phải chăng món ăn không hợp khẩu vị. Tôi trả lời là có, nhưng tôi không đói lắm. Cô mỉm cười với tôi, đầy vẻ chiều lòng. Tôi nhìn mọi người đi vào rồi đi ra. Đã nhiều tháng nay tôi không uống rượu, nhưng tôi cảm thấy quá cô độc ở cái bàn này, để có thể uống nước.

Đến khoảng 21 giờ, nhà hàng treo biển kín khách. Sau khi loạng choạng ra khỏi nhà hàng, tôi ngồi xuống một băng ghế cách đó một chút và

chờ Swan Letellier, mắt nhìn chăm chăm vào khoảng tranh tối tranh sáng trước mặt.

Ngay gần đó, tôi nghe tiếng dòng Saône đang chảy. Tôi muốn gieo mình xuống đó. Đi gặp Léo. Liệu tôi có gặp lại con bé không? Hay tốt hơn hết là gieo mình xuống biển? Liệu con bé có còn ở đó không? Dưới hình hài nào? Còn tôi, liệu tôi có còn ở đó không? Cuộc đời tôi còn có ý nghĩa gì? Nó có tác dụng gì? Cho ai? Tại sao người ta lại đặt tôi lên chiếc máy sưởi vào cái ngày tôi ra đời? Cái máy sưởi đó đã hỏng kể từ ngày 14 tháng Bảy năm 1993.

Tôi sẽ nói gì với cái gã Swan Letellier khôn khổ này? Chính xác thì tôi muốn biết điều gì? Căn phòng đã bị cháy, hỏi han vào thời điểm này còn có ý nghĩa gì đâu. Khuấy lộn cái hồ phân ấy để làm gì.

Tôi không đủ dũng khí để leo vào chiếc Panda của Stéphanie, quay về trạm gác ghi, lái xe trong đêm tối.

Đúng lúc tôi muốn đứng dậy, trèo qua bức tường sau lưng, nhảy xuống làn nước đen ngòm, thì một con mèo xiêm đi đến cọ người vào chân tôi, gừ gừ. Nó nhìn tôi chăm chăm bằng đôi mắt xanh lơ đẹp đẽ. Tôi cúi xuống để chạm tay vào nó. Lông của nó mềm mại, ấm áp, tuyệt đẹp. Nó leo lên đầu gối tôi, tôi giật mình. Tôi không dám cử động. Nó vươn người nằm dài lên tôi. Giống như một gánh nặng trên đùi tôi, một cái lan can. Tôi sắp sửa ngã người vào khoảng trống, ấy thế là nó ngăn tôi lại. Tôi tin rằng tối đó, con mèo ấy đã cứu lấy đời tôi, ít ra là chút ít còn lại của đời tôi.

Khi những khách hàng cuối cùng ra về, ánh đèn trong phòng ăn của nhà hàng đã tắt, Swan Letellier xuất hiện đầu tiên.

Tôi không nhúc nhích khỏi băng ghế nơi tôi đang ngồi.

Anh ta mặc một chiếc áo blu đông đen, lớp vải ánh lên dưới ánh đèn

đường, một chiếc quần jean và đi giày thể thao, dáng đi đu đưa như người khiêu vũ.

Tôi gọi tên anh ta. Tôi không nhận ra giọng mình nữa. Như thể một người phụ nữ khác gọi tên anh ta. Một người xa lạ ẩn náu trong con người tôi. Hẳn là do tác động của rượu. Mọi thứ dường như đều trở nên trừu tượng đối với tôi.

– Swan Letellier!

Con mèo đã nhảy xuống đất và ngồi bên chân tôi. Swan Letellier quay đầu nhìn về phía tôi, quan sát tôi trong vài giây rồi trả lời, không mấy tự tin:

– Vâng?

– Tôi là mẹ của Léonine Toussaint.

Anh ta chờ người ra. Anh ta có ánh mắt giống như ánh mắt đám thanh niên đã bị tôi làm cho phát hoảng vào cái đêm tôi biến mình thành người phụ nữ mặc đồ trắng. Tôi cảm thấy ánh mắt kinh hoàng của anh ta soi mói ánh mắt tôi. Trong khi chìm trong vùng tối, tôi nhìn rõ mồn một các đường nét trên mặt anh ta, ở nơi anh ta đang đứng.

Một trong số bốn nữ nhân viên phục vụ ra khỏi Quán Quê. Cô ta lại gần anh ta và nép người vào lưng anh ta. Anh ta nói với cô ta, giọng khá cộc cằn:

– Đi trước đi, anh sẽ đuổi theo.

Cô ta lập tức nhận thấy anh ta đang nhìn về phía tôi. Cô ta nhận ra tôi và thì thầm điều gì đó vào tai anh ta. Hẳn là tôi vừa một mình nốc hết chai vang nhỏ. Cô gái nhìn tôi dò xét rồi bỏ đi, gần như hét lên với Swan:

– Em chờ anh ở nhà Titi!

Swan Letellier lại gần tôi. Khi đến ngang tầm, anh ta chờ tôi lên tiếng:

– Anh có biết vì sao tôi ở đây không?

Anh ta lắc đầu thay cho câu trả lời.

– Anh có biết tôi là ai không?

Anh ta lạnh lùng trả lời:

– Cô vừa nói rồi: cô là mẹ của Léonine Toussaint.

– Anh có biết Léonine Toussaint là ai không?

Anh ta lưỡng lự một chút rồi trả lời:

– Cô đã không đến lễ an táng, cũng không dự phiên tòa.

Tôi không hề chuẩn bị tinh thần để nghe anh ta nói câu đó. Chẳng khác nào anh ta vừa giáng cho tôi một cái tát. Tôi siết chặt nắm tay đến mức móng tay đâm cả vào da thịt. Con mèo xiêm vẫn ở cạnh tôi. Ngồi bên chân tôi, nó nhìn tôi chăm chăm.

– Tôi chưa bao giờ tin rằng mấy đứa trẻ đi vào phòng bếp đêm hôm đó.

Anh ta trả lời tôi, đầy vẻ phòng thủ:

– Tại sao?

– Một linh cảm. Còn anh, anh đã nhìn thấy gì?

Giọng anh ta khàn đi:

– Chúng tôi đã cố vào trong phòng ngủ, nhưng dù sao cũng quá muộn rồi.

– Anh có mối quan hệ tốt với các nhân viên khác không?

Trông anh ta như bị khó thở. Anh ta lấy từ trong túi ra một tuýp Ventolin và xịt thẳng vào miệng.

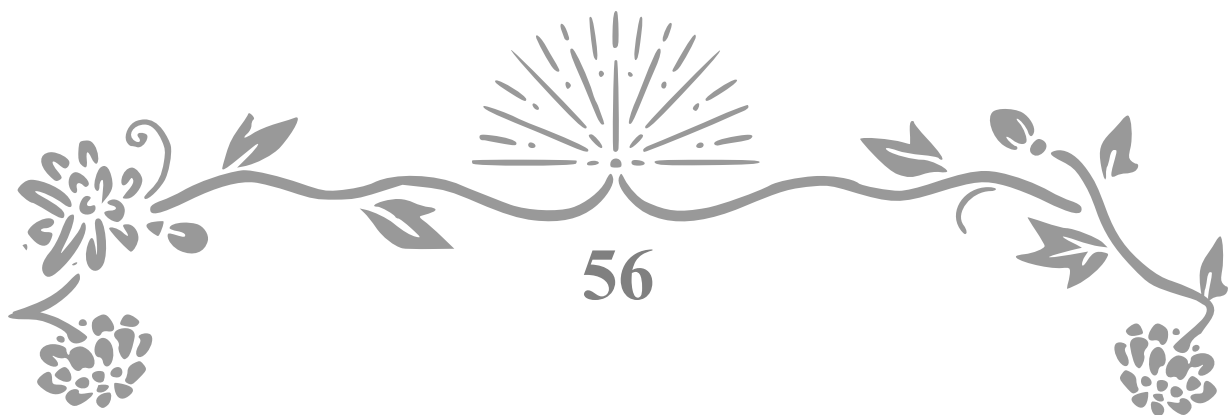
– Tôi phải đi thôi, có người đang chờ tôi.

Tôi đã phát giác ra nỗi sợ hãi của anh ta. Người đang sợ hãi sẽ dễ dàng đánh hơi ra sự sợ hãi ở người khác. Tôi đó, ngồi trên băng ghế ấy, đối mặt với gã thanh niên đầy lo âu và khiến người khác lo âu ấy, tôi cảm thấy sợ. Tôi cảm thấy ngọn lửa đã thiêu đốt con tôi sẽ mãi thiêu đốt con bé nếu tôi không khám phá ra sự thật.

– Tôi không muốn nhớ lại chuyện đó nữa. Có lẽ cô cũng nên làm như tôi. Chuyện thật đáng buồn nhưng đời là thế. Đôi khi, nó có thể rất tệ. Tôi rất tiếc.

Anh ta quay lưng về phía tôi rồi bắt đầu rảo bước thật nhanh. Gần như bỏ chạy. Phản ứng của anh ta càng khiến tôi tin chắc vào ý nghĩ rằng không có gì là thật trong bản báo cáo gửi cho công tố viên Nhà nước.

Tôi cup mắt nhìn xuống, con mèo xiêm đã rời đi từ lúc nào mà tôi không hay biết.



Dịu dàng biết bao, những kỷ niệm không bao giờ tàn phai.

Khi Jean-Louis và Armelle Caussin đến tưởng niệm trước mộ Anaïs, họ không biết tôi là ai. Họ không kết nối được cô gái trẻ nhút nhát và ăn mặc tuềnh toàng đã ăn trưa cùng họ vào ngày 13 tháng Bảy năm 1993 tại Malgrange với một nhân viên chửi chu của thành phố đi đi lại lại trong các lối đi của nghĩa trang Brancion bằng bước chân đầy quyết đoán. Họ đã mua hoa của tôi mà không nhận ra tôi.

Sau cái chết của con gái, tôi đã sút mất mười lăm cân, mặt tôi vừa hóp đi lại vừa phì ra. Tôi già đi cả trăm tuổi. Tôi có khuôn mặt và thân hình của một đứa trẻ bọc trong một chiếc vỏ nhàu nát.

Một bé gái già nua.

Tôi bảy tuổi và dính đầy cát bụi.

Sasha thường nói về tôi: “Một con chim non già nua rơi khỏi tổ và bị mắc mưa.”

Sau khi gặp Sasha, tôi đã lột xác. Tôi để tóc dài và thay đổi kiểu trang phục. Tôi không còn thích mặc quần jean và áo thun có mũ nữa.

Khi tôi lấy lại được thân hình trước đây, khi tôi nhìn thấy nó trong tủ

kính của một cửa hàng, thì đó đã là thân hình của một phụ nữ. Tôi đặt thân hình ấy trong những chiếc váy dài, váy ngắn và áo sơ mi. Các đường nét trên mặt tôi đã thay đổi. Nếu tôi là một bức tranh, có lẽ tôi đã thay đổi từ những hình ô van góc cạnh của Bernard Buffet sang những hình ô van gần như bầu bĩnh của Auguste Renoir.

Sasha khiến tôi dời về một thế kỷ khác, quay lại đằng sau để tiếp tục tiến lên.

Lần cuối gặp Paulo lái chiếc xe tải của tổ chức Emmaüs, tôi đã đưa cho anh những đồ đạc cuối cùng của Léonine, con búp bê Caroline của tôi, những chiếc quần và những đôi giày thô kệch của tôi. Tôi đã giũa móng tay, vẽ một đường chì lên lông mày và mua những đôi giày cao gót.

Stéphanie, người vẫn quen thấy tôi mặc quần jean và để mặt mộc, quan sát tôi bằng ánh mắt đầy nghi ngờ khi tôi đặt hộp phấn cùng hộp má hồng lên băng chuyền trên quầy thu ngân. Còn hoài nghi hơn cả thời kỳ tôi đặt những chai rượu đủ loại trước mặt chị.

Mọi người thật kỳ quặc. Họ không chịu đựng nổi việc nhìn thẳng vào mắt một người mẹ mất con, nhưng lại càng ngạc nhiên hơn khi nhìn thấy người mẹ đó gương dầy, ăn mặc, làm đẹp cho bản thân.

Tôi đã học cách dùng kem ngày, kem đêm, phấn má hồng giống như những người phụ nữ khác học làm bếp.

Người phụ nữ trông coi nghĩa trang có vẻ buồn bã, nhưng luôn mỉm cười với những người viếng mộ. Vẻ buồn bã ấy, tôi cho là do yêu cầu của nghề nghiệp. Cô ấy giống một nữ diễn viên mà tôi đã quên tên. Cô ấy xinh xắn nhưng không rõ tuổi. Tôi nhận thấy cô ấy luôn ăn mặc kín chu. Hôm qua tôi đã mua hoa của cô ấy để đặt lên mộ Gabriel. Tôi không muốn tặng hoa hồng của tôi cho ông ấy. Người phụ nữ trông coi nghĩa trang đã bán

cho tôi một khóm thạch thảo tím rất xinh. Chúng tôi trò chuyện với nhau về hoa, cô ấy có vẻ đam mê làm vườn. Khi tôi nói với cô ấy rằng tôi có một vườn hồng, khuôn mặt cô ấy rạng rỡ hẳn lên. Không còn u buồn như lúc trước nữa.

Đó là những gì Irène Fayolle đã viết về tôi trong nhật ký của bà, vào năm 2009. Một tháng sau khi Gabriel Prudent được chôn cất. Nhiều năm sau khi Philippe Toussaint mất tích.

Giả như Irène Fayolle biết rằng một ngày kia, “người phụ nữ trông coi nghĩa trang” sẽ có một đêm yêu đương cùng con trai bà.

Tôi không có tin tức gì của Julien Seul. Tôi hình dung là anh sẽ đến vào một buổi sáng, lạnh lẽ, giống như thói quen của anh. Giống như tôi khi rời khỏi khách sạn Armance.

Tôi nghĩ đến đêm yêu đương của chúng tôi trước quan tài của Marie Gaillard (1924-2017) mà người ta vừa hạ huyệt. Hình như Marie Gaillard rất độc ác khi còn sống. Người làm trong nhà bà vừa rỉ tai tôi rằng cô đến dự lễ an táng “bà già” để chắc chắn rằng bà ta đã chết thực sự. Tôi phải bám mạnh vào lòng bàn tay để khỏi bật cười. Không có một con mèo nào xung quanh mộ, kể cả lũ mèo sống trong nghĩa trang. Không một bông hoa, không một tấm bia tưởng niệm. Marie Gaillard được chôn cất trong hầm mộ của gia đình. Tôi hy vọng rằng bà sẽ không quá khó chịu với những người mà bà sắp gặp.

Không hiếm khi nhìn thấy những người đi dạo khạc nhổ vào những ngôi mộ. Thậm chí tôi còn chứng kiến cảnh ấy thường xuyên hơn mình vẫn tưởng. Khi mới vào nghề, tôi đã nghĩ rằng những thù địch sẽ chết cùng với người bị ghét. Nhưng những phiến đá lát không giam cầm được nỗi hận thù. Tôi từng dự những lễ tang không nước mắt. Thậm chí tôi từng dự những lễ

tang hạnh phúc. Có những cái chết tốt đẹp cho tất cả mọi người.

Sau lễ an táng Marie Gaillard, cô người làm của bà thì thầm rằng “sự độc ác cũng giống như phân, mùi thối còn vương trong gió rất lâu, cả sau khi ta đã gột rửa nó”.

Kể từ tháng Một năm 1996, cứ mỗi tháng hai lần vào Chủ nhật, tôi quay lại thăm Sasha. Giống như một người không được quyền nuôi con cứ cách một cuối tuần lại gặp đứa trẻ một lần. Tôi vẫn mượn chiếc Fiat Panda đỏ của Stéphanie, chị cho tôi mượn xe mà không hỏi han gì. Tôi khởi hành lúc 6 giờ sáng và quay trở về vào buổi tối. Tôi cảm nhận được rằng chuyện này không thể kéo dài. Rằng rất sớm thôi, Philippe Toussaint sẽ đặt cho tôi cả đồng câu hỏi, ngăn cản tôi đi. Anh ta vốn rất đa nghi.

Cùng với những chuyến viếng thăm nghĩa trang Brancion, tôi thay đổi về mặt ngoại hình. Giống như một phụ nữ có tình nhân. Tình nhân duy nhất của tôi là thứ phân bón mà Sasha đã dạy tôi làm từ phân ngựa. Ông dạy tôi xới đất vào tháng Mười, bắt đầu lại vào mùa xuân tùy theo thời tiết. Chú ý đến lũ giun đất, không làm chúng sây sát, để chúng có thể “làm công việc của mình”.

Ông dạy tôi cách nhìn trời và quyết định xem nên trồng cây vào tháng Một hay muộn hơn, nếu muốn thu hoạch vào tháng Chín.

Ông giải thích với tôi rằng tự nhiên cũng cần có thời gian, rằng cà tím trồng vào tháng Một sẽ không ra quả trước tháng Chín, và rằng trong các đồn điền công nghiệp người ta tưới rau với một lượng lớn phân bón hóa học, để chúng mọc nhanh. Năng suất đó hoàn toàn vô ích đối với vườn rau

trong nghĩa trang Brancion. Không ai chờ đợi những cây rau này ngoại trừ ông, người quản trang, và tôi, “con chim non già nua rơi khỏi tổ”. Chỉ sử dụng những gì tự nhiên để chăm bón cho tự nhiên. Không bao giờ sử dụng phân bón ngoại trừ phân bón thô. Ông dạy tôi cách ủ phân bằng cây tầm ma và hãm nước ngải đắng để trị sâu cho rau và hoa. Không bao giờ sử dụng thuốc trừ sâu. Ông thường nói với tôi:

– Violette này, làm theo phương pháp tự nhiên thì sẽ mất công hơn nhiều, nhưng thời gian, chừng nào ta còn sống, thì ta còn tìm ra được, nó nảy nở giống như nấm trong sương sớm.

Ông đã xưng hô thân mật với tôi, còn tôi thì không bao giờ.

Khi nhìn thấy tôi, ông bắt đầu bằng cách la mắng.

– Cháu nhìn xem cháu ăn mặc tuềnh toàng đến thế nào! Cháu không thể mặc cho người phụ nữ đẹp trong cháu sao? Mà này, tại sao cháu lại để tóc ngắn? Cháu có chấy à?

Ông nói với tôi điều đó giống như đang nói với một trong những con mèo của ông, lũ mèo mà ông yêu quý.

Sáng Chủ nhật, tôi đến nơi vào khoảng 10 giờ. Tôi đi vào trong nghĩa trang, đến bên mộ Léonine. Tôi biết rằng con bé không còn ở *đấy* nữa. Ràng bên dưới phiến đá cẩm thạch này, chỉ là sự trống rỗng. Giống như một miền đất hoang, một miền đất không người ở. Tôi đến đọc họ và tên của con bé. Rồi hôn lên đó. Tôi không đặt hoa, Léonine không thích hoa. Lúc bảy tuổi, ta thích đồ chơi và những chiếc đũa phép hơn.

Khi tôi đẩy cánh cửa nhà Sasha, luôn có cái mùi ấy, thứ mùi pha trộn của những món ăn đơn giản, của hành tây xào trong chảo, của các loại trà và của nước hoa “Giấc mơ của Ossian” mà ông xịt lên những chiếc mùi soa rải rác trong phòng. Và tôi, ngay khi bước vào nhà, tôi thở hít dễ dàng hơn.

Tôi đang đi nghỉ.

Chúng tôi ngồi đối diện nhau ăn trưa, bữa ăn lúc nào cũng ngon lành, nhiều màu sắc, nhiều gia vị, nhiều hương vị, đậm đà và không có thịt. Ông biết rằng tôi sợ thịt.

Ông hỏi han tôi về những tuần vừa qua, cuộc sống hằng ngày của tôi, cuộc sống ở Malgrange-sur-Nancy, công việc của tôi, những thứ tôi đã đọc, âm nhạc mà tôi đã nghe, những chuyến tàu chạy qua. Ông không bao giờ nói với tôi về Philippe Toussaint, hoặc khi có nhắc đến, ông chỉ nói “anh ta”.

Rất nhanh chóng, chúng tôi ra khu vườn của ông để làm việc cùng nhau. Cho dù có băng giá hay trời đẹp, vẫn luôn có việc gì đó để làm.

Trồng cây, ươm cây, cấy cây con, cắm cọc đỡ, xới đất, diệt cỏ, giâm cành, chăm nom các lối đi, cả hai cùng cúi người trên mặt đất, thọc tay vào đất, lúc nào cũng thế. Những ngày đẹp trời, trò chơi ông ưa thích là nhắm cái vòi tưới vào tôi mà phụt nước. Sasha có ánh mắt của trẻ thơ cùng với những trò chơi của lứa tuổi ấy.

Ông làm quản trang tại nghĩa trang này từ nhiều năm nay, ông không bao giờ nói về đời tư của mình. Chiếc nhẫn duy nhất mà ông đeo trên tay là chiếc nhẫn ông tìm được trong vườn rau đầu tiên của ông, đeo trên một củ cà rốt.

Đôi khi, ông lấy từ trong túi ra cuốn Hồi phục của Jean Giono và đọc cho tôi nghe vài đoạn. Tôi đọc cho ông nghe những trích đoạn của cuốn *Tạo tác của Chúa, một phần của Quỷ* mà tôi đã thuộc lòng.

Thỉnh thoảng, chúng tôi bị ngắt quãng bởi một việc khẩn cấp, có ai đó bị đau lưng hoặc bị trật mắt cá chân. Sasha thường bảo tôi: “Cháu cứ làm tiếp đi, bác sẽ quay lại sau.” Ông biến mất chừng nửa giờ để chăm sóc cho

bệnh nhân, và luôn quay trở lại cùng một cốc trà, nụ cười trên môi và câu hỏi: “Thế nào, đất đai của chúng ta thế nào rồi cháu?”

Tôi yêu thích cái lần đầu tiên ấy biết bao. Hai bàn tay thọc vào đất, mũi hếch lên trời, để kết nối hai yếu tố ấy lại với nhau. Biết được rằng sẽ không thể có yếu tố này nếu thiếu yếu tố kia. Hai tuần sau quay trở lại với những cây trồng đầu tiên và chứng kiến sự biến đổi, tính các mùa theo một cách khác, sức mạnh của sự sống.

Giữa những Chủ nhật ấy, tôi có cảm giác thời gian chờ đợi dài đằng đặc. Chủ nhật nào không đến Brancion đều là sa mạc, nơi chỉ có tương lai là đáng giá, đường chân trời chính là Chủ nhật tiếp theo.

Tôi sử dụng thời gian rảnh để đọc những gì tôi đã ghi chép, tôi đã trồng những gì, tôi đã ghép cảnh này cảnh kia ra sao, tôi đã gieo những hạt gì. Sasha đưa cho tôi những cuốn tạp chí làm vườn và tôi ngón ngấu chúng, chẳng khác gì tôi từng ngón ngấu *Tạo tác của Chúa, một phần của Quỷ* trước đây.

Sau chừng mười ngày, tôi có cảm giác mình như một tù nhân đang đếm những giờ giam cầm cuối cùng trước khi được phóng thích. Ngay từ tối thứ Năm, tôi đã bắt đầu đứng ngồi không yên. Ngày thứ Sáu và ngày thứ Bảy, không chịu nổi nữa, tôi đi bộ giữa các chuyên tàu. Tôi cần giải tỏa nguồn năng lượng trong tôi mà không để Philippe Toussaint nhận thấy. Tôi đi vào những con đường ngang mà anh ta không bao giờ đi mô tô vào. Nếu tình cờ gặp anh ta đâu đó, tôi sẽ bịa ra rằng tôi đang đi mua sắm tí chút. Chiều thứ Bảy, tôi ghé qua mượn chiếc Panda của Stéphanie, chiếc xe luôn đỗ trước cửa nhà chị.

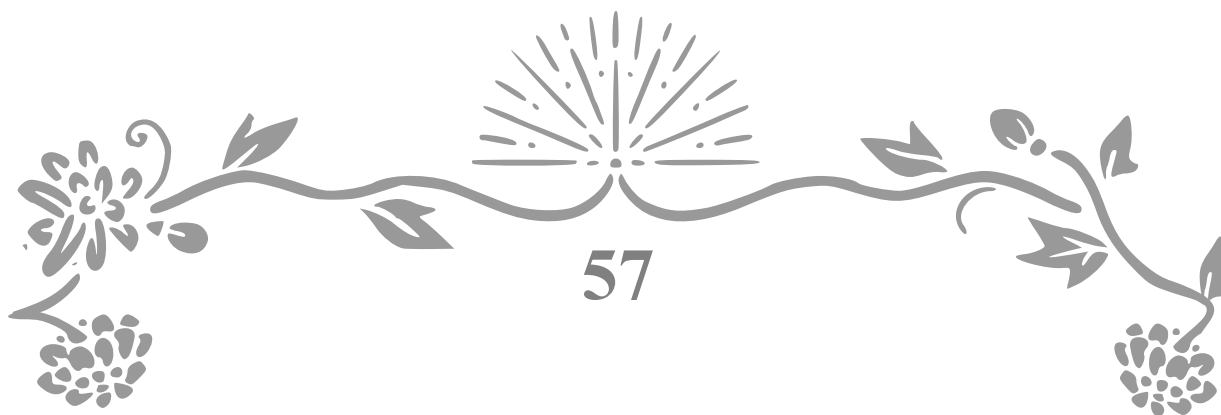
Không bao giờ có ai trên thế giới này yêu một chiếc xe như tôi yêu chiếc Fiat Panda của Stéphanie. Không một nhà sưu tập nào, không một tài

xế chuyên lái Ferrari hoặc Aston Martin nào có thể cảm nhận được những gì tôi cảm nhận khi đặt đôi bàn tay run rẩy lên vô lăng. Khi xoay chìa khóa, khi vào số một, khi dận chân nhấn ga.

Tôi nói chuyện với con hổ trắng. Tôi hình dung những gì tôi sắp gặp lại, những cái cây đã cao vống lên, những cây con phải trồng lại, màu sắc của lá cây, tình trạng đất, tơ xốp, khô hay màu mỡ, vỏ của những cây ăn quả, mức độ phát triển của các búp non, rau, hoa, nỗi sợ băng giá. Tôi tưởng tượng rằng Sasha đã chuẩn bị cho tôi một suất ăn trưa, cốc trà mà tôi sẽ uống cùng ông, mùi ngôi nhà của ông, giọng nói của ông. Gặp lại Wilbur Larch của tôi. Vị bác sĩ riêng của tôi.

Stéphanie nghĩ rằng tôi sốt ruột muốn gặp lại con gái, nhưng thực ra tôi sốt ruột muốn tìm lại cuộc đời sau khi mất con gái. Những cuộc đời khác với cuộc đời của tôi. Nhưng tôi cảm nhận được những sự phân nhánh, những con đường bên mọc lên trong lòng tôi. Những gì tôi đã bỏ lại, lúc này tôi cảm thấy chúng. Tôi gieo mầm cho chính mình. Tuy nhiên, vùng đất cằn cỗi mà con người tôi tạo nên còn nghèo nàn hơn rất nhiều so với vườn rau trong nghĩa trang. Một vùng đá sỏi. Nhưng một nhánh cỏ có thể mọc ở bất cứ đâu, và tôi được tạo ra từ cái bất cứ đâu ấy. Đúng thế, một nhánh rễ có thể sinh sôi giữa đám nhựa đường. Chỉ cần một kẽ nứt thật nhỏ để sự sống ngấm vào bên trong điều bất khả. Một chút mưa, một chút nắng và những gốc cây chẳng biết đến từ đâu, có lẽ là từ gió, sẽ xuất hiện.

Cái ngày tôi ngồi xổm để hái những quả cà chua đầu tiên mà tôi trồng từ trước đó sáu tháng, Léonine đã phủ sự hiện diện của mình lên khu vườn từ lâu, như thể con bé đã mang Địa Trung Hải đến tận cái vườn rau nhỏ trong nghĩa trang này, nơi con bé được chôn cất. Ngày hôm đó, tôi biết rằng con bé ở trong từng phép màu nhỏ mà đất đai sản sinh ra.



Số phận đã vạch ra con đường của nó, nhưng không bao giờ chia tách được trái tim chúng ta.

Tháng Sáu năm 1996, Geneviève Magnan.

Tôi nhạy cảm đến mức khi đọc hoặc nghe thấy từ “chua”, tôi cảm thấy đau ở lưỡi, còn hai mắt thì cay sè. Tất cả mọi thứ trên người tôi đều bùng cháy. Đó chính là điều tôi tự nhủ với bản thân khi nhìn thấy một quảng cáo kẹo chua trên truyền hình. “Con nhạy cảm quá đấy”, mẹ thường mắng tôi như thế giữa hai trận đòn.

Đó hẳn là một câu chuyện về những chiếc bình thông nhau: bởi vì tâm hồn tôi đã hỏng hết rồi, chỉ đáng vứt cho chó gặm, nên thân hình tôi vót vát lại đôi chút.

Tôi chuyển kênh. Giá như tôi có thể chuyển sang một cuộc đời khác bằng cách bấm lên điều khiển từ xa của mình. Từ khi bị thất nghiệp, tôi nằm ườn trong chiếc ghế bành cũ mà không biết mình phải làm gì. Để tự nhủ rằng chuyện này không có gì quan trọng cho lắm. Rằng thế là hết. Rằng ta không thể quay lại mà chỉnh sửa nó. Rằng vụ việc đã bị xếp lại. Lũ trẻ đã chết. Đã được chôn cất.

Tôi đang ngủ thì Swan Letellier gọi điện thoại đến. Anh ta để lại một lời nhắn mà tôi không hiểu, lời lẽ của anh ta mù mịt, anh ta hoảng hốt, mọi thứ đều xáo trộn trong cái đầu chim sẻ của anh ta. Tôi phải nghe đi nghe lại nhiều lần mới sắp xếp được lời nói của anh ta theo đúng trật tự của chúng: mẹ của Léonine Toussaint đã chờ anh ta trước cửa nhà hàng nơi anh ta làm đầu bếp, cô ta có vẻ điên khùng, cô ta không tin rằng đám trẻ đã vào bếp để pha sữa sô cô la đêm hôm đó.

Sau phiên tòa, tôi đã nghĩ mình sẽ không bao giờ nghe nhắc đến Léonine nữa. Cũng giống như tôi sẽ không bao giờ còn nghe nhắc đến Anaïs, Océane và Nadège. May thay, chính bà ta, bà giám đốc, là người gánh chịu mọi chuyện. Hai năm tù. Phải để cho đám nhà giàu ấy chịu khổ một chút, thỉnh thoảng công lý cũng phải được thực thi chứ. Tôi không bao giờ có thể ưa được bà ta, cái mục già đạo đức giả ấy.

Mẹ của Léonine Toussaint... Gia đình lũ trẻ không ở trong vùng này. Chỉ có đám tư sản nhà giàu thì mới gửi con đến nhúng mũi vào hồ nước của một tòa lâu đài. Tôi đã nghĩ các ông bố bà mẹ ấy sẽ chỉ lựa chọn cách ghé qua nghĩa trang khi đến đây, rồi lại nhanh chóng chuồn về nhà sau khi đã đặt hoa và thánh giá lên mộ con mình.

Cô ta tìm kiếm điều gì? Cô ta muốn gì? Liệu cô ta có đến nhà tôi không? Liệu cô ta có đi một vòng các nhà không? Letellier phát hoảng, nhưng tôi, đã lâu lắm rồi tôi không còn sợ ai nữa.

Chúng tôi có sáu người làm việc ở lâu đài. Letellier, Croquevieille, Lindon, Fontanel, Petit và tôi.

Khi nghĩ lại tất cả những chuyện đó, tôi lại nhớ đến lần đầu tiên tôi gặp anh ta. Không phải lần cuối cùng, mà là lần đầu tiên. Thông thường, tôi nhớ đến lần cuối cùng. Và nỗi căm hận rần rật trong máu tôi, giống như

những dòng sông chở đầy kẹo chua.

Lần đầu tiên, đó là một buổi tiệc cuối năm tổ chức cho các trường mẫu giáo trong vùng. Trên áo sơ mi của tôi là bãi nôn, thứ sữa đã đông lại, sản phẩm của cậu con út phát ốm vì trời nóng. Tôi đã che đậy đôi chút để mọi người không nhìn thấy quầng ố trên áo. Anh ta không nhìn tôi, anh ta chỉ liếc mắt vào chiếc áo nịt trên bộ ngực đang cho con bú của tôi. Tôi rùng mình. Cái nhìn của một con chó hứng tình. Anh ta khiến tôi ham muốn. Mãnh liệt.

Anh ta không nhìn tôi, nhưng tôi, “tôi chỉ dán mắt vào anh ta”, giống như đám nhà giàu hay nói.

Hai tháng nghỉ hè khiến tôi cảm thấy rầu rĩ.

Rồi tôi được tuyển dụng làm nhân viên phục vụ trong trường mẫu giáo. Ngày đầu tiên, tôi chờ đợi anh ta chẳng khác nào một con chó. Khi tôi nhìn thấy anh ta bước vào sân trường để đón con gái, da tôi căng lên chẳng khác nào lớp da trên chiếc áo blu đông của anh ta. Tôi những muốn được là con thú mà người ta đã lột da để giữ ấm cho anh ta.

Anh ta hiếm khi đến trường. Luôn là người mẹ làm công việc đưa đón con.

Phải mất nhiều tháng anh ta mới bắt chuyện với tôi. Chắc chắn là anh ta chẳng có việc gì khác để làm vào ngày hôm ấy. Không có những cô gái khác để tán tỉnh. Anh ta đầy ham muốn, và quỷ tha ma bắt, anh ta mới đẹp trai làm sao. Anh ta nổi bật từ khoảng cách hàng trăm mét với những chiếc áo thun và quần jean ôm sát. Bằng ánh mắt xanh lạnh lẽo, anh ta lột truồng tất cả những ai mặc váy ngắn, những bà mẹ đi đi lại lại trong các hành lang nồng mùi amoniac.

Những ô kính mà tôi lau ở Ajax sau khi hết giờ học... Những đứa

nhóc mà tôi phải đưa đi vệ sinh...

Một hôm, tôi chặn anh ta lại để nói một chuyện rất tầm phào. Chuyện về cặp kính mà tôi cho là đã tìm thấy trong ngăn tủ của một học sinh. Có phải là kính của anh ta không? Anh ta tỏ thái độ lạnh lùng chẳng khác gì chiếc tủ đá trong kho của trường. Anh ta nói: “Không, không phải kính của tôi.” Anh ta đã quen được đám đàn bà bắt chuyện, có thể nhìn thấy điều đó, có thể ngửi thấy điều đó. Anh ta có khuôn mặt của một ông hoàng đáng ghét, một kẻ xảo trá, một tên khốn, những gã đẹp trai trong những bộ phim cũ.

Cuối năm học ấy, vì cứ thường xuyên nhìn thấy tôi cấm chốt ngay giữa các hành lang để gặp anh ta, chặn đường anh ta, rốt cuộc anh ta cũng hẹn gặp tôi. Không phải một cuộc hẹn để giở trò tán tỉnh, không đâu, khi cho tôi biết thời gian và địa điểm hẹn gặp, anh ta như đã lột hết quần áo trên người tôi.

Anh ta ghé sát vào tôi: “Một tối, và chóng vánh thôi.” Bởi vì anh ta đã kết hôn và tôi cũng thế. Anh ta không muốn gặp chuyện rầy rà, cũng không muốn thuê phòng khách sạn. Anh ta làm tình trong phòng vệ sinh của các hộp đêm, tựa người vào thân cây hoặc trên băng ghế sau của xe hơi.

Tôi sửa soạn suốt nhiều giờ liền. Tẩy lông chân, thoa kem Nivea khắp người, đắp mặt nạ đất sét lên mặt, lên cái mũi to, xịt nước hoa vào vùng bên dưới cánh tay, gửi đám trẻ ở nhà một cô bạn sẽ giữ kín chuyện. Một người từng ngủ với hết người này đến người khác và đã được tôi che giấu giúp. Một người mà tiền sử ngoại tình sẽ ngăn cản cô đi buôn chuyện.

Chúng tôi phải gặp nhau ở gần “vách đá nhỏ”, cách mọi người trong vùng gọi một viên sỏi lớn đặt ở lối vào thành phố, một thứ trụ đá bị vỡ, một góc tối nơi đèn đường đã bị lũ trẻ ranh ném vỡ từ đời nào.

Anh ta đi xe mô tô đến. Anh ta đặt mũ bảo hiểm lên yên xe. Giống như một người sẽ không ở lại lâu. Anh ta không chào không hỏi, không chúc buổi tối tốt lành, không hỏi thăm sức khỏe. Tôi nghĩ tôi đã gượng mím cười với anh ta. Tim tôi đập thình thịch. Đến nỗi cổ họng tôi nghẹn lại. Đôi giày mới của tôi thụt sâu trong bùn, nó làm chân tôi có bọt nước.

Anh ta xoay người tôi lại. Không nhìn tôi. Anh ta kéo quần lót và tất của tôi xuống, rồi banh đùi tôi ra. Không vuốt ve, không một lời dịu dàng hay tàn nhẫn. Không một lời nào. Anh ta khiến tôi sung sướng tột độ, đến mức tôi tưởng có thể chết đi được. Tôi bắt đầu run rẩy như một chiếc lá úa mà cái cây muốn rũ bỏ càng nhanh càng tốt.

Sau đó, khi anh ta đã rời đi, cả đám bọt nước lẫn hai mắt tôi đều đồng loạt rỉ nước. Tình yêu, mẹ tôi vẫn luôn nói với tôi rằng đó là thứ dành cho người giàu. “Không dành cho một đứa con gái vô tích sự.”

Tất cả những lần tôi gặp lại anh ta bên vách đá nhỏ đó, anh ta đều xâm nhập tôi từ đằng sau mà không nhìn tôi. Anh ta tiến lùi trong tôi, khiến tôi hét lên những tiếng kêu giống một con lợn nái bị chọc tiết. Anh ta không bao giờ biết rằng những tiếng kêu đó của tôi chính là thiên đường và địa ngục, là cái tốt và cái xấu, là khoái lạc và đau đớn, là khởi đầu của kết thúc.

Tôi cảm thấy hơi thở anh ta phả vào gáy, và tôi thích điều đó. Tôi đòi hỏi thêm nữa. Trong lúc anh ta kéo khóa quần, tôi nói với anh ta: “Tuần tới chúng mình lại gặp nhau nhé? Vẫn giờ này?” Anh ta trả lời: “Ok.”

Tuần tiếp theo, tôi đã ở đó. Tôi luôn ở đó. Còn anh ta thì không phải lúc nào, không phải tuần nào cũng ở đó. Có đôi khi anh ta không đến. Anh ta mãi đi quan hệ ở nơi khác. Tôi cứ thế chờ đợi, tựa lưng vào vách đá nhỏ lạnh giá. Tôi chờ ánh đèn pha của anh ta. Chuyện kéo dài suốt nhiều tháng.

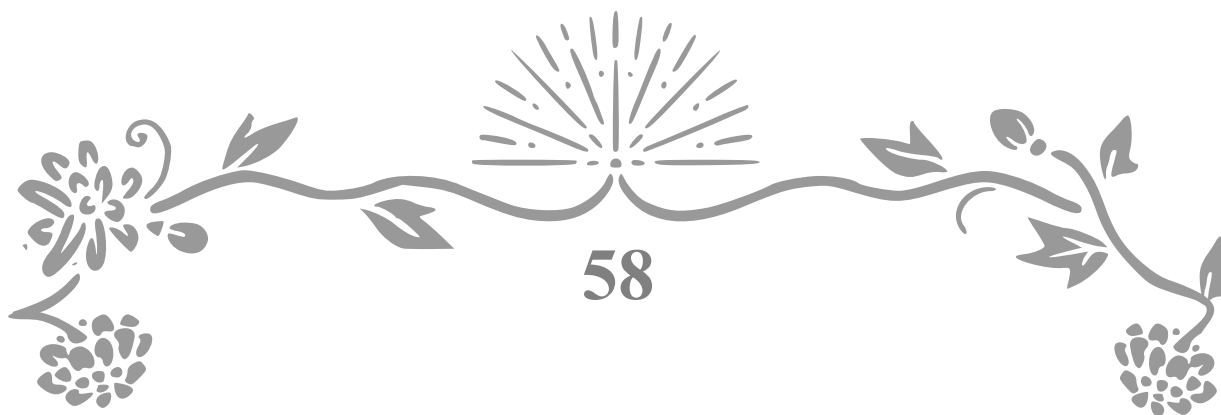
Lần cuối cùng tôi gặp anh ta, anh ta đến bằng xe hơi. Anh ta không đi

một mình. Có một người đàn ông trên ghế cạnh ghế lái. Tôi hoảng sợ, tôi muốn bỏ đi nhưng anh ta túm lấy cánh tay tôi, bầu lấy tôi thật mạnh và rít qua kẽ răng: “Cô ở lại đây, đừng có nhúc nhích, cô là của tôi.” Anh ta xoay người tôi lại, làm nhục tôi như thường lệ và tôi vừa để mặc anh ta vừa kêu la. Tôi nghe thấy mình gào hét. Tôi nghe thấy tiếng cửa xe đóng sập. Tôi nghe thấy mẹ tôi nói: “Tình yêu, đó là thứ dành cho người giàu.” Tôi nghe thấy anh ta nói với người đi cùng xe đang đứng sát gần chúng tôi: “Cô ta là của anh, tận hưởng đi.” Tôi nói không. Nhưng tôi vẫn để mặc hắn.

Cả hai người họ rời đi. Tôi vẫn đứng xoay lưng như thế, quần lót tụt dưới chân. Một con rối trật khớp. Miệng tôi áp chặt vào vách đá. Có vị đá trong miệng tôi, một chút rêu, tôi tưởng đó là máu.

Sau đó, tôi chuyển nhà, mang theo hai đứa con. Tôi không bao giờ gặp lại anh ta nữa.

Có người gõ cửa, chắc hẳn là cô ta. Cô ta đã không dự lễ tang. Cô ta cũng không có mặt ở phiên tòa. Rốt cuộc, cô ta phải đến một nơi nào đó chứ.



Chính những lời họ không nói ra mới khiến người quá cố nằm trong quan tài nặng đến thế.

Trích dẫn Henry de Montherlant.

Tháng Sáu năm 1996 - đã sáu tháng kể từ khi cách một tuần 1 tôi lại đến nhà Sasha một lần, vào Chủ nhật. Tôi vừa chia tay ông, trong kẽ móng tay tôi vẫn còn dính đất. Tôi đã để địa chỉ của họ trên bảng điều khiển xe. Một nơi được gọi là La Biche aux Chailles, ngay sau Mâcon. Tôi đã lái xe được chừng ba mươi phút, tôi bị lạc đường, tôi tiến lên rồi lùi lại, tôi phát khóc vì giận dữ. Cuối cùng tôi cũng tìm thấy. Một ngôi nhà nhỏ trát vữa nhám một màu và đen đúa, kẹt giữa hai ngôi nhà khác, to lớn và đồ sộ hơn. Cứ như thể một bé gái tội nghiệp đứng giữa ông bố bà mẹ ăn mặc lộng lẫy.

Có tên của họ trên hộp thư treo ở cánh cửa: “G. Magnan. A. Fontanel”.

Tim tôi bắt đầu hoảng loạn. Tôi cảm thấy buồn nôn.

Đã muộn rồi. Tôi nghĩ mình sẽ buộc phải lái xe trong đêm để quay về Malgrange, và tôi rất sợ điều đó. Bụng quặn thắt, tôi gõ cửa nhiều lần. Hẳn là tôi đã gõ rất mạnh. Ngón tay tôi đau đớn. Tôi nhìn thấy đất dính dưới kẽ

móng tay. Da tôi khô ráp.

Chính chị ta ra mở cửa, tôi không kết nối ngay được người phụ nữ đang đứng trước mặt mình với người phụ nữ tạo dáng cùng chiếc mũ kỳ cục trong một đám cưới trên bức ảnh mà Sasha đã bỏ vào phong bì. Chị ta đã già đi và béo lên nhiều kể từ khi bức ảnh được chụp. Trên ảnh chị ta trang điểm vụng về nhưng là có trang điểm. Trong ánh sáng cuối ngày lúc này, làn da chị ta đầy dấu vết của năm tháng. Dưới mắt có quầng thâm tím, và một vết sùi đỏ chạy dọc hai bên má.

– Xin chào, tôi tên là Violette Toussaint. Tôi là mẹ của Léonine. Léonine Toussaint.

Thốt ra tên họ của con gái tôi trước mặt người phụ nữ này, máu tôi như đông lại. Tôi thầm nghĩ: *Hắn là chính chị ta đã phục vụ con bé bữa ăn cuối cùng. Tôi nghĩ, không biết lần thứ bao nhiêu: Làm sao tôi có thể để đưa con gái bảy tuổi của mình đi đến đó được chứ?*

Geneviève Magnan không trả lời. Chị ta vẫn trơ như đá và để tôi nói tiếp mà không hề mở miệng. Toàn bộ con người chị ta đều đã khóa hai lần. Không mỉm cười, không biểu hiện cảm xúc nào, chỉ có đôi mắt kèm nhèm và vằn những tia máu nhìn chòng chọc vào tôi.

– Tôi muốn biết chị đã nhìn thấy những gì trong đêm ấy, cái đêm xảy ra vụ cháy.

– Để làm gì?

Câu hỏi của chị ta khiến tôi sững sờ. Và không suy nghĩ gì, tôi trả lời:

– Tôi không tin rằng con gái tôi, lúc bảy tuổi, lại tự vào bếp để hâm nóng sữa.

– Chuyện đó, lẽ ra cô phải nói trong phiên tòa.

Tôi cảm thấy chân mình run rẩy.

– Thế còn chị, chị Magnan, chị đã nói gì ở phiên tòa?

– Tôi chẳng có gì để nói cả.

Chị ta thì thậm chí nói chào tạm biệt, rồi đóng sầm cửa trước mũi tôi. Tôi nghĩ mình đã đứng như thế rất lâu, hơi thở ngất quãng, nhìn chăm chăm vào lớp sơn tróc lở và tên của họ viết trên một dải nhựa: “G. Magnan. A. Fontanel”.

Tôi chui vào chiếc Fiat Panda của Stéphanie. Hai bàn tay tôi vẫn còn run. Khi nói chuyện với Swan Letellier, tôi đã cảm thấy có điều gì đó không rõ ràng về diễn biến sự việc *đêm hôm đó*, và cuộc “gặp gỡ” giữa tôi và Geneviève Magnan càng khẳng định với tôi điều ấy. Tại sao những người này, ai vậy đều tỏ ra mờ ám như thế? Phải chăng chính tôi là người tự huỷ hoại mình? Phải chăng tôi đang phát điên? Trở nên điên khùng hơn nữa?

Trên đường về, tôi đi từ ánh sáng sang bóng tối. Tôi nghĩ đến Sasha và đội ngũ nhân sự ở lâu đài Notre-Dame-des-Prés. Tôi nghĩ rằng lần tới, hai Chủ nhật nữa, tôi sẽ đến lâu đài. Trước đây tôi chưa từng đủ dũng khí để đến đó. Tuy nhiên, nó chỉ nằm cách nghĩa trang Brancion chừng năm ki lô mét. Và sau đó tôi sẽ quay lại nhà Magnan và Fontanel, tôi sẽ đập cửa nhà họ cho đến khi họ chịu nói ra.

Khoảng 22h37, tôi về đến trước cửa nhà. Tôi chỉ kịp đỗ xe trước khi hạ thanh chắn cho chuyến tàu 22h40. Khi đẩy cửa vào nhà, tôi nhìn thấy Philippe Toussaint đã ngủ thiếp đi trên ghế xô pha. Tôi nhìn mà không đánh

thức anh ta, thầm nghĩ mình đã từng yêu anh ta, cách đây lâu rồi. Rằng giá như tôi mới mười tám tuổi và tóc ngắn, có lẽ tôi sẽ lao vào anh ta và nói: “Chúng ta làm tình chứ?” Nhưng tôi đã già thêm mười một tuổi, và tóc tôi đã dài ra.

Tôi đi đến bên giường rồi nằm dài xuống đó. Tôi nhắm mắt mà không thể dỗ giấc ngủ. Khoảng nửa đêm, Philippe Toussaint chui vào giường. Anh ta càu nhàu: “Thế đấy, về rồi đấy.” Tôi thầm nghĩ: *May quá, nếu không ai sẽ hạ thanh chắn lúc 22h40?* Tôi giả vờ ngủ, không nghe thấy anh ta nói. Tôi cảm thấy anh ta đang đánh hơi trên người tôi, đang tìm kiếm mùi của người nào đó trên tóc tôi. Thứ mùi duy nhất mà anh ta có thể ngửi thấy, đó là mùi nước hoa tổng hợp trên chiếc Fiat Panda. Anh ta ngáy khò khò rất nhanh.

Tôi nhớ đến câu chuyện về các loại hạt mà Sasha từng kể cho tôi nghe. Ông đã thử trồng dưa gang trong khu vườn, nhưng chúng không bao giờ mọc. Ông đã thử hai năm liên tiếp, nhưng bất thành, lũ hạt dưa vẫn không chịu nảy mầm. Năm sau đó, ông ném toàn bộ số hạt dưa còn lại cho chim ăn. Cách đó một quãng, đằng sau vườn rau, nơi ông chắt đồng nào chậu trồng cây, nào cào, nào bình tưới, nào chậu giặt. Một trong những con chim đó, ngó ngán hoặc ranh ma, đã ngậm một hạt dưa trong mỏ và làm rơi nó giữa một lối đi trong vườn. Vài tháng sau, một cái cây đẹp đẽ đã mọc lên, và Sasha không nhổ mà chỉ đi vòng qua nó. Cái cây cho hai quả dưa đẹp. Thật to, thật ngọt. Và mỗi năm, nó lại cho thêm một, hai, ba, bốn, năm quả. Sasha nói với tôi: “Cháu thấy đấy, đó là những quả dưa trời cho, tự nhiên là thế, chính tự nhiên nắm quyền quyết định.”

Tôi ngủ thiếp đi giữa những lời nói ấy.

Tôi mơ về một kỷ niệm. Tôi đang đưa Léonine đi học. Hôm đó là

ngày khai giảng lớp một. Chúng tôi đi dọc theo các hành lang. Tay Léo nằm gọn trong tay tôi. Rồi con bé buông tay tôi ra bởi vì “bây giờ con lớn rồi”.

Tôi vừa tỉnh dậy vừa hét:

– Tôi biết chị ta! Tôi đã từng nhìn thấy chị ta!

Philippe Toussaint bật đèn đầu giường.

– Cái gì thế? Có chuyện gì vậy?

Anh ta dụi mắt, nhìn tôi như thể tôi đang bị ma ám.

– Em biết chị ta! Chị ta từng làm việc ở trường. Không phải trong lớp Léonine, mà ở lớp bên cạnh.

– Làm gì?

– Em từng nhìn thấy chị ta. Sau khi ở nghĩa trang về, em đã ghé qua nhà Geneviève Magnan.

Khuôn mặt Philippe Toussaint như bị vỡ ra.

– Cái gì?

Tôi cụp mắt xuống.

– Em cần tìm hiểu. Cần gặp những người từng ở lâu đài Notre-Dame-des-Prés đêm hôm đó.

Anh ta trở dậy, đi vòng quanh giường, túm lấy cổ áo tôi, tôi nghệt thở khi anh ta nhắc bóng tôi và gào lên:

– Cô bắt đầu làm chúng ta phiền hà rồi đây! Nếu còn tiếp tục thế này, tôi sẽ để người ta giam cô lại! cô nghe rõ chưa!? Và tôi báo trước với cô, cô sẽ không quay lại đó nữa! cô nghe rõ chưa? Cô sẽ KHÔNG BAO GIỜ đặt chân tới đó nữa!

Theo năm tháng, anh ta đã để tôi chìm vào nỗi cô độc sâu hun hút, một cái giếng tối đen. Giá tôi có là một người nào khác, tìm người thay thế, thuê

một người tạm thời để nâng và hạ thanh chắn, đi mua sắm, nấu bữa trưa và bữa tối, giặt quần áo cho anh ta và nằm ngủ phía bên trái giường, anh ta cũng không cảm thấy, không nhìn thấy gì hết.

Anh ta chưa từng xô đẩy hay đe dọa tôi. Khi làm như vừa rồi, anh ta đã kéo tôi về với tôi. Tôi trở lại là chính mình.

Sáng hôm sau, tôi ghé qua nhà Stéphanie để trả chìa khóa chiếc Panda cho chị. Ngày thứ Hai, siêu thị Casino đóng cửa. Chị sống một mình trong Phố Lớn, trên tầng hai của một ngôi nhà. Chị mở cửa cho tôi vào và rót cà phê vào một cốc mazagran cho tôi. Chị mặc một chiếc áo thun dài có in hình Claudia Schiffer và nói với tôi: “Thứ Hai, ở nhà, là ngày dọn dẹp.” Tôi thấy thật buồn cười khi nhìn mặt chị bên trên khuôn mặt của cô siêu mẫu, tuy nhiên mặt chị khiến tôi xúc động muốn khóc, khuôn mặt ấy tròn trịa, đôi má phúng phính đỏ au, mái tóc màu hoe nhạt.

– Em đã đổ xăng rồi.

– Thế à, cảm ơn nhé.

– Có vẻ trời sẽ đẹp đấy.

– À đúng thế.

– Cà phê của chị ngon quá... Chồng em không muốn em đến nghĩa trang Brancion nữa.

– Thế à, dù sao thì cũng thế, nhỉ. Dù sao cũng là đến thăm con em ở đó, nhỉ.

– Vâng, em biết. Dù sao cũng cảm ơn chị, về mọi chuyện.

– Ô có gì đâu mà, nhĩ.

– Có đấy, chị Stéphanie ạ, đó là tất cả đấy.

Tôi ôm choàng lấy chị. Chị không dám cử động. Cứ như thể chưa từng có ai thể hiện chút tình trù mến nào với chị. Đôi mắt và khuôn miệng chị lại càng tròn xoe hơn bình thường. Ba cái đĩa bay. Stéphanie sẽ mãi là một ẩn số, là người ngoài hành tinh ở siêu thị Casino. Tôi bỏ mặc chị ở lại, hai tay buông thõng, ngay giữa phòng khách nhà chị.

Sau đó, tôi quay trở lại Phố Lớn và đi về phía trường tiểu học. Giống như trong bài hát “Bên phía nhà Swan”, tôi đang đi ngược con đường. Con đường mà trước đây sáng nào tôi cũng đi cùng Léo. Trong cặp của con bé, cái hộp Tupperware chiếm nhiều chỗ hơn cả sách vở. Tôi bị ám ảnh với việc chuẩn bị cho Léo những bữa xế thịnh soạn, để con bé không bị thiếu thốn gì. Bởi vì tôi vẫn còn cái cảm giác trống rỗng bám theo tôi suốt từ thời ở cùng các gia đình đón nhận. Khi chúng tôi đi chơi bằng xe khách cùng với cả trường, khi những đứa trẻ khác có khoai tây chiên, có những thanh sô cô la, có bánh sandwich kiểu nông thôn, kẹo và những món đồ uống sủi bọt trong ba lô. Còn tôi, tôi không thiếu thứ gì, nhưng cũng không có chút độc đáo nào trong cái túi nhựa của tôi. “Các cô gái ở Trung tâm bảo trợ chỉ cần chút ít thôi là đã hài lòng rồi.” Không phải việc có ít khiến tôi buồn tủi, mà là việc không thể chia sẻ bữa trưa đạm bạc của mình. Chỉ có đúng mức cần thiết. Tôi muốn cho Léonine cơ hội chia sẻ với những bạn khác.

Điều làm tôi bối rối khi vào sân chơi không phải là lũ trẻ, mà là các loại mùi, mùi của căng tin, một tòa nhà kế bên trường học, và các hành lang đông nghịt. Lúc đó đang là giờ ăn trưa. Tôi đến đón Léonine vào giờ ăn trưa. Và con bé thường nói với tôi: “Mẹ thấy không, mùi ở căng tin chẳng thơm mấy, mẹ ạ, con rất vui vì được về nhà chúng ta.”

Trên thang đo mùi, nếu cái thang khôn kiếp ấy có tồn tại, thì bước vào trường học của Léonine còn khó khăn hơn vào nghĩa trang. Ở Brancion, con gái tôi đã là một trong số những người quá cố. Trong khuôn viên trường học, con bé là người quá cố giữa những người đang sống.

Lũ trẻ từng là bạn học của Léonine không còn ở đó nữa. Chúng vừa lên trung học. Có lẽ tôi sẽ không chịu đựng nổi nếu phải gặp chúng, nhận ra chúng mà không hẳn là đã nhận ra. Vẫn những dáng hình ấy cộng thêm lựa chọn “sống”. Những đôi chân dài thon mảnh, những đường nét đã bớt bụ bẫm, những bộ niềng răng trong miệng, những đôi chân xỏ trong những đôi giày thể thao khổng lồ.

Hai túi áo rộng, tôi đi dọc các hành lang. Tôi nghĩ rằng có lẽ Léonine sẽ không còn muốn tôi nắm tay con bé đi đến tận lớp nữa. Một người mẹ có lần nói với tôi rằng khi chúng lên trung học, mỗi năm chúng ta lại mất chúng thêm một chút. Đúng thế, và khi chúng đi trại hè, chúng ta có thể mất chúng chỉ trong một lần.

Léonine gọi cô giáo lớp một/hai của con bé là “cô Claire”. Khi cô Claire Berthier dịu dàng, đang cúi nhìn vào những cuốn vở, ngẩng đầu lên và nhìn thấy tôi bước vào lớp, cô tái mặt. Chúng tôi không còn gặp lại nhau từ khi con gái tôi mất. Sự hiện diện của tôi khiến cô khó xử, nếu có thể trốn vào trong một cái lỗ chuột, hẳn cô đã làm thế.

Cái chết của một đứa trẻ khiến người lớn, những người trưởng thành, những người khác, hàng xóm, những người bán hàng, trở nên khó xử. Họ cụp mắt nhìn xuống, tránh né ta, chuyển sang vỉa hè đối diện. Khi một đứa trẻ chết, đa phần các ông bố bà mẹ cũng chết theo.

Chúng tôi chào nhau lịch sự. Tôi không để cô kịp lên tiếng. Tôi lập tức lấy ra bức ảnh chụp Geneviève Magnan, trên đó chị ta đang đội chiếc mũ

nực cười.

– Cô có quen chị ta không?

Ngạc nhiên trước câu hỏi của tôi, nữ giáo viên tiểu học nhú mày và nhìn chăm chú vào bức ảnh, rồi trả lời tôi rằng nó chẳng gọi lên cho cô điều gì. Tôi kiên trì:

– Tôi tin rằng chị ta từng làm việc ở đây.

– Ở đây ư? Chị muốn nói là ở trường này?

– Đúng thế, trong lớp bên cạnh.

Claire Berthier lại cup đôi mắt xanh lục đẹp đẽ của cô xuống bức ảnh và chăm chú quan sát khuôn mặt Geneviève Magnan lâu hơn.

– À... tôi nghĩ tôi nhớ ra rồi, chị ta từng làm trong lớp của cô Piolet, với các nhóm trẻ mẫu giáo lớn... Chị ta đến hồi giữa năm học. Chị ta không ở lại đây lâu lắm.

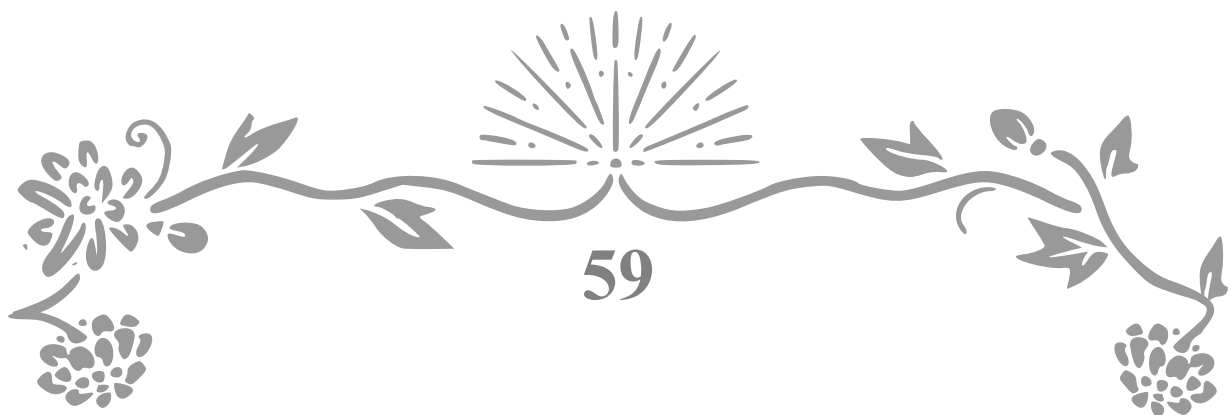
– Cảm ơn cô.

– Tại sao chị lại cho tôi xem bức ảnh này? Chị đang tìm kiếm người phụ nữ này sao?

– Không, không đâu, tôi biết chị ta đang sống ở đâu.

Claire mỉm cười với tôi như với một ả điên, một kẻ bệnh hoạn, một bà góa, một kẻ mồ côi, một kẻ nghiện rượu, một kẻ vô học, một người-mẹ-đã-mất-con.

– Tạm biệt, cảm ơn cô.



Chính là khi cây nằm xuống mà ta đo đếm tâm vóc của nó.

Tôi cất cuốn nhật ký của Irène Fayolle trong ngăn kéo bàn đầu giường. Tôi đọc một cách ngẫu nhiên những đoạn có liên quan đến mình, không bao giờ theo trật tự thời gian. Bà đều đặn đến nghĩa trang của tôi từ năm 2009 đến năm 2015, để tưởng niệm trước mộ Gabriel. Nhiều năm ròng trong đó bà ghi chép về thời tiết, Gabriel, những ngôi mộ lân cận, những chậu hoa và tôi.

Julien đã kẹp những tờ giấy màu giữa những trang mẹ anh nói về “người phụ nữ trông coi nghĩa trang” trong nhật ký của bà. Giống như những bông hoa đặt trên những dòng bà nói về tôi. Điều đó khiến tôi lập tức nhớ đến cuốn *Thư gửi người đàn bà không quen* của Stefan Zweig.

Ngày 3 tháng Một năm 2010

Hôm nay tôi nhận thấy người phụ nữ trông coi nghĩa trang đã khóc...

Ngày 6 tháng Mười năm 2009

Khi rời khỏi nghĩa trang, tôi gặp người phụ nữ trông coi nghĩa trang, cô ấy mỉm cười, cô ấy đi cùng một phu đào huyệt, một con chó và hai con mèo...

Ngày 6 tháng Bảy năm 2013

Người phụ nữ trông coi nghĩa trang thường xuyên lau chùi các ngôi mộ, cô ấy đâu có buộc phải làm thế...

Ngày 28 tháng Chín năm 2015

Tôi đã gặp người phụ nữ trông coi nghĩa trang, cô ấy mỉm cười với tôi nhưng dường như lại đang nghĩ đến chuyện khác...

Ngày 7 tháng Tư năm 2011

Tôi vừa biết được rằng chồng của người phụ nữ trông coi nghĩa trang đã mất tích...

Ngày 3 tháng Chín năm 2012

Ngôi nhà của người phụ nữ trông coi nghĩa trang khóa kín, các cánh cửa chớp cũng hạ hết. Tôi hỏi một phu đào huyệt để biết lý do, anh ta nói với tôi rằng ngày Giáng sinh và ngày 3 tháng Chín, cô quản trang không muốn gặp bất cứ ai. Đó là hai ngày duy nhất trong năm cô ấy nhờ người trông thay, không tính kỳ nghỉ hè...

Ngày 7 tháng Sáu năm 2014

Hình như người phụ nữ trông coi nghĩa trang ghi vào các cuốn sổ những diễn từ dành cho người quá cố...

Ngày 10 tháng Tám năm 2013

Trong lúc mua hoa, tôi biết được rằng người phụ nữ trông coi nghĩa trang từng đi nghỉ hè ở Marseille. Có thể tôi đã gặp cô ấy...

Khi tôi thoát khỏi những dòng chữ liên quan đến mình, khi tôi mở cuốn nhật ký ở những vị trí không có tờ giấy đánh dấu nhiều màu mà Julien kẹp vào, tôi có cảm giác đang bước vào phòng ngủ của Irène và lục lọi dưới đệm của bà. Giống như con trai bà khi anh bắt đầu tìm kiếm Philippe Toussaint. Còn tôi, tôi kiếm tìm Gabriel Prudent mỗi khi ra khỏi giới hạn.

Có một số từ mà tôi không hiểu, Irène viết cũng xấu như các bác sĩ

viết tên thuốc trên đơn thuốc. Bà vẽ những cái chân ruồi bé xíu bằng chiếc bút bi.

Sau đêm yêu đương của họ trong căn phòng khách sạn màu xanh da trời, Gabriel Prudent và Irène Fayolle không rời khách sạn cùng nhau.

Họ phải trả phòng vào lúc giữa trưa. Gabriel đã gọi cho lễ tân để nói rằng ông sẽ ở lại thêm hai mươi tư giờ nữa. Ông vừa lướt ngón tay vuốt ve Irène vừa thì thầm, giữa hai lần rít thuốc:

– Tôi phải tỉnh táo sau khi đã nốc hết từng ấy rượu, và nhất là tôi phải tỉnh táo khỏi cơn say em trước khi ra khỏi đây.

Bà không vui vì câu nói ấy. Chẳng khác nào ông vừa nói với bà: “Tôi phải rũ bỏ em khỏi tôi trước khi ra khỏi đây.”

Bà đứng dậy, tắm một chậu rồi mặc lại quần áo. Từ khi kết hôn, bà chưa từng ngủ lang. Khi bà ra khỏi phòng tắm, Gabriel đã ngủ thiếp đi. Trong chiếc gạt tàn, một làn khói đặc tỏa ra từ đầu mẫu thuốc lá dập chưa hết.

Bà mở tủ lạnh nhỏ và tìm thấy một chai nước. Gabriel mở mắt và nhìn bà uống nước luôn từ chai. Bà đã mặc xong áo choàng.

– Hãy ở lại thêm một lát nữa.

Bà đưa ống tay áo lên lau miệng. Ông rất thích cử chỉ ấy. Làn da bà, ánh mắt bà, mái tóc bà buộc gọn bằng một sợi dây chun màu đen.

– Tôi đã đi từ sáng hôm qua. Lẽ ra tôi phải giao hoa đến Aix rồi quay về ngay... Tôi tin chắc là chồng tôi đã đi báo cảnh sát về việc tôi mất tích rồi.

– Em không muốn biến mất sao?

– Không.

- Hãy đến sống cùng tôi.
- Tôi đã có chồng và có một đứa con trai.
- Em hãy ly hôn và đưa con trai em theo. Tôi khá ăn ý với đám trẻ con đây.
- Chúng ta không thể ly hôn như vậy nữa phép thế được. Với ông, có vẻ mọi chuyện đều đơn giản.
- Nhưng mọi chuyện đều đơn giản mà.
- Tôi không muốn đến dự lễ an táng chồng tôi. Ông đã bỏ rơi vợ ông và vì thế mà cô ấy chết.
- Em đang trở nên khó chịu rồi đây.
- Bà tìm túi xách. Kiểm tra để biết chắc rằng chìa khóa xe vẫn ở trong túi.
- Không, là tôi thực tế. Ta không thể bỏ rơi mọi người như thế được. Thật dễ dàng với ông khi vứt bỏ tất cả và tái tạo lại ở nơi khác, không quan tâm đến những người khác, nỗi đau khổ của họ, thế nên... càng tốt thôi.
- Mỗi người có cuộc sống của riêng mình mà.
- Không đâu. Cuộc sống của người khác cũng quan trọng.
- Tôi biết, tôi dành cuộc đời mình để bảo vệ nó trong các phiên tòa.
- Thứ ông bảo vệ là cuộc sống của những người khác. Cuộc sống của những người mà ông không quen biết. Không phải cuộc sống của ông. Không phải cuộc sống của những người thân thiết với ông. Chuyện đó gần như là... dễ dàng.
- Chúng ta bắt đầu chuyển sang trách móc nhau rồi đây. Sau một đêm yêu đương duy nhất. Có lẽ chúng ta đã tiến triển quá nhanh.
- Chỉ có sự thật mới gây tổn thương mà thôi.

Ông cao giọng hơn:

– Tôi ghê tởm sự thật! Sự thật, nó không hề tồn tại! Cũng giống như Chúa trời... Đó là một sáng tác của con người!

Bà nhún vai, có vẻ như muốn nói lại điều bà đã nói:

– Tôi không ngạc nhiên về điều đó.

Ông buồn rầu nhìn bà.

– Đã thế rồi đấy... Tôi không còn khiến em ngạc nhiên nữa.

Bà gật đầu. Khẽ mỉm cười với ông và đóng sầm cánh cửa mà không nói lời tạm biệt.

Bà bước xuống cầu thang, ba tầng, tìm kiếm chiếc xe chuyên dụng của mình. Bà không nhớ hôm qua bà đã đỗ nó ở đâu. Trong lúc tìm kiếm trên các đường phố lân cận khách sạn, đằng trước các cửa hàng nơi những đợt bán hạ giá cuối cùng trong mùa đông đang được tiến hành, bà suýt quay trở lên phòng, lao mình vào vòng tay ông. Đúng lúc sắp sửa quay lại, bà nhìn thấy xe của mình đỗ ở cuối một ngõ cụt, một nửa vất lên vỉa hè, có chút được chằng hay chớ.

Ở cuối một ngõ cụt. Được chằng hay chớ. Thật vớ vẩn. Bà phải về nhà, gặp lại Paul và Julien thôi.

Trong xe vẫn còn mùi thuốc lá. Bà mở toang cửa sổ bất chấp đang là mùa đông. Bà lái xe đến tận Marseille. Bà không ghé qua vườn hồng. Mà về thẳng nhà.

Paul đang chờ bà. Khi bà mở cửa, ông gần như hét lên: “Là em đó à?” Ông lo lắng đến phát điên nhưng chưa trình báo việc bà mất tích. Ông biết rằng vợ ông có thể mất tích ngày một ngày hai. Ông vẫn biết như thế. Bà quá đẹp, quá kiêu kì, quá bí ẩn.

Bà xin lỗi ông. Nói với ông rằng bà có một cuộc gặp gỡ bất ngờ ở nghĩa trang, một người đàn ông góa vợ bị gia đình bỏ rơi, tóm lại là một chuyện kỳ cục, bà đã phải đảm đương tất cả.

– Tất cả là thế nào?

– Tất cả.

Paul không bao giờ đặt câu hỏi. Đối với ông, các câu hỏi thuộc về quá khứ. Paul sống trong hiện tại.

– Lần tới, hãy gọi cho anh.

– Anh ăn chưa?

– Chưa.

– Julien đâu?

– Ở trường.

– Anh đói không?

– Có.

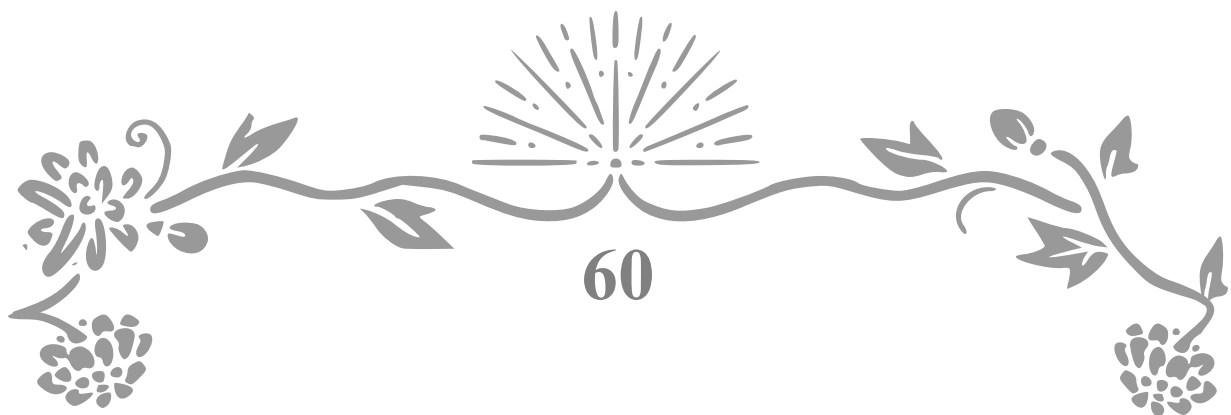
– Em sẽ làm pasta.

– Đồng ý.

Bà mỉm cười, đi vào bếp, lấy ra một cái nồi, đổ nước vào, đặt lên bếp đun rồi bỏ muối và gia vị vào đó. Bà nghĩ đến món pasta mà bà đã ăn hôm qua cùng với Gabriel, đến cuộc yêu đương của họ.

Paul vào bếp, áp người vào lưng bà, hôn lên gáy bà.

Bà nhắm mắt lại.



Một kỷ ỨC không bao giờ chết, nó chỉ ngủ thiếp đi.

Tháng Sáu năm 1996, Geneviève Magnan.

Đám trẻ người Paris đến trên một chiếc xe bus nhỏ, nào va li, nào bím tóc, nào đuôi sam, nào váy hoa, nào túi nôn, và những tiếng kêu vui thích.Ồn ào, ríu rít: một bầy trẻ con từ sáu đến chín tuổi. Tôi biết mặt một số đứa, tôi đã gặp chúng năm trước. Chỉ toàn là bé gái. Có bốn đứa sắp đến bằng xe hơi, muộn hơn một chút. Hai bé gái từ Calais, hai bé khác từ Nancy.

Tôi chưa từng yêu thích lũ quỷ nhỏ này, chúng nhắc tôi nghĩ đến mấy đứa em gái. Tôi không thể ưa được chúng. May mắn thay, tôi chỉ có hai đứa con trai, hai chú nhóc cứng cáp. Nhưng tôi đã biết cái gọi là tỷ lệ xác suất, cuộc đời chết tiệt của tôi đã dạy cho tôi thấm thía điều đó, xem này, ta sẽ tổng cái này vào mông nguoi. Con số càng lớn thì khả năng sự kiện xảy ra càng cao. Nhưng ở đây, con số rất nhỏ. Một nơi khỉ ho cò gáy nghèo nàn với ba trăm sinh mạng, nơi tôi đã làm nhân viên thay thế được hai năm.

Khi nhìn thấy con bé từ chiếc xe hơi bước xuống, mặt mũi tái mét, lúc đầu tôi nghĩ chỉ là một trường hợp người giống người, chứ không nghĩ đến tỷ lệ xác suất. Tôi tự nhủ: *Cô mình ơi, cô mình bị khủng rồi. Cô mình nhìn thấy cái xấu ở khắp nơi.*

Tôi đi vào bếp để làm bánh kẹp cho cái đám người ấy. Tôi gặp lại chúng trong phòng ăn tập thể, chúng ngồi xung quanh những bình nước và những chai xi rô lựu, để mang cho chúng một chồng bánh kẹp rắc đường mà chúng ăn ngẫu nhiên.

Khi bà giám đốc điểm danh và con bé trả lời: “Có mặt”, khi nghe thấy cái họ của con bé, tôi suýt ngất xỉu. Cái họ cũng là ngày lễ của người chết.

Một trong hai nhân viên phụ trách đưa cho tôi một cốc nước mát. Cô ta nói: “Geneviève này, chị không khỏe vì trời nóng quá phải không?” Tôi trả lời: “Chắc là thế đấy.”

Vào thời điểm ấy, tôi hiểu rằng quỹ dữ có tồn tại. Chúa trời thì tôi vẫn luôn biết rằng chỉ là một sản phẩm của những kẻ khờ khạo, nhưng quỹ dữ thì không. Ngày hôm ấy, tôi gần như đã ngã mũ trước nó, cái mũ mà tôi chưa từng đội. Ở nhà chúng tôi, mọi người hầu như không bao giờ đội mũ.

“Mũ là thứ dành cho đám tư sản”, mẹ tôi thường nói thế, giữa hai cái tát.

Con bé giống bố nó như hai giọt nước. Tôi nhìn nó ngón ngấu bánh kẹp và nhớ lại cái lần cuối cùng ấy, cùng vị máu trong miệng tôi. Đã ba năm nay tôi không gặp lại anh ta, nhưng tôi vẫn không ngừng nghĩ đến chuyện đó. Đôi khi, giữa đêm, tôi giật mình thức dậy, người đầm mồ hôi, tôi mơ thấy nỗi nhớ anh ta, tôi cũng mơ thấy mong muốn được trả thù, được lấy mạng anh ta giống như anh ta đã lấy mạng tôi.

Sau bữa xế, lũ trẻ ra ngoài chơi để cho chân tay được hoạt động. Tôi dọn bàn, trời rất đẹp, tôi mở các cửa sổ. Tôi nhìn thấy con bé chơi đùa, vừa chạy nhảy với những đứa trẻ khác vừa hét lên vui vẻ. Tôi tự nhủ tôi sẽ không thể trụ đến hết tuần. Bảy ngày phải nhìn thấy anh ta qua con bé, khi phục vụ các bữa sáng, trưa và tối. Tôi phải giả vờ ốm thôi. Nhưng tôi cần

công việc này. Công việc ở lâu đài giúp tôi sống sót hết năm. Và tôi không thể chuồn khỏi đây giữa mùa du lịch được. Bà giám đốc đã cảnh báo tất cả chúng tôi: vào tháng Bảy và tháng Tám, không chấp nhận bất cứ trường hợp vắng mặt nào, ngoại trừ ốm sắp chết. Mụ già này đúng là một miếng da bò đẹp đẽ, với cái vẻ đạo đức giả của mụ.

Tôi đã nghĩ sẽ ngáng chân con bé để nó bị gãy chân trong cầu thang, để người ta gửi trả nó về cho bố nó ngay lập tức. Bưu gửi vô thừa nhận, chuyển trả cho người gửi. Với một mẫu giấy dính vào váy con bé: “Cùng những ký ức tồi tệ nhất của tôi”.

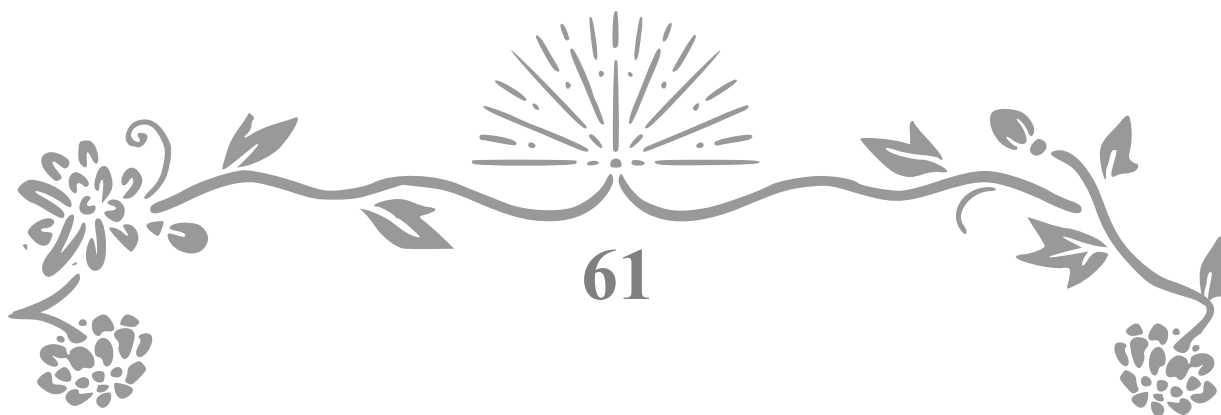
Tôi chuẩn bị bữa ăn. Xa lát cà chua, cá chiên xù, cơm rang thập cẩm và kem tráng miệng. Tôi bày bàn ăn, hai mươi chín bộ đồ ăn, Fontanel giúp tôi một tay.

– Trông em không được ổn lắm, cưng ạ.

Tôi bảo anh im miệng đi. Anh phá lên cười.

Anh ngó qua cửa sổ để ngắm nhía hai cô nàng phụ trách trong khi lũ nhóc chơi trò Một, hai, ba.

Một, hai, ba...



Chúng tôi biết rằng người sẽ ở cùng chúng tôi hôm nay, nếu bầu trời không cách xa đến thế.

Khi chúng tôi dọn đến ngôi nhà ở nghĩa trang vào tháng Tám năm 1997, Sasha đã rời khỏi đó. Như thường lệ, cửa nhà để mở. Ông đã để lại cho chúng tôi một tờ giấy nhắn cùng chùm chìa khóa trên mặt bàn. Ông chào mừng chúng tôi đến ở, giải thích với chúng tôi chỗ để bình nước nóng, công tơ điện, các đường nước vào nhà, các bóng điện và những cầu chì thay thế.

Những hộp trà đã biến mất. Ngôi nhà sạch sẽ. Không có ông, nó thật buồn bã, nó đã đánh mất linh hồn. Giống như một cô gái bị môi tình thời thanh xuân bỏ rơi. Tôi lên tầng hai, phòng ngủ trống trải.

Vườn rau vừa được tưới hôm trước.

Người phụ trách các dịch vụ chuyên trách của thành phố gặp chúng tôi tối đó để biết chắc rằng chúng tôi đã chuyển đến ổn thỏa.

Thời gian đầu, nhiều người đến nhà chúng tôi để nhờ chữa viêm gân hoặc những cơn đau mãn tính, họ không biết là Sasha đã rời đi. Ông không nói lời tạm biệt với bất kỳ ai.

Chuông nhà thờ điểm thánh thót. Không bao giờ có lễ tang vào ngày Chủ nhật, chỉ có lễ mi xa để nhắc nhở những người còn sống phải cư xử sao cho phải phép.

Thường thì trưa Chủ nhật, Elvis là người đến ăn trưa cùng tôi. Anh mang đến cho tôi những chiếc bánh chòe vị va ni, còn tôi, tôi nấu cho anh món nui sốt nấm. Tôi đặt lên trên đĩa vài nhánh mùi tây tươi. Một thú vui. Tùy theo mùa, tôi hái những gì có trong vườn và chúng tôi ăn cà chua, củ cải hoặc xa lát đậu Hà Lan.

Elvis rất ít nói. Tôi không thấy phiền chút nào về chuyện đó, với anh, ta không cần nhọc công bắt chuyện. Elvis cũng giống tôi, anh không có cha mẹ. Anh ở trong một Trung tâm bảo trợ tại Mâcon cho đến năm mười hai tuổi, sau đó anh được sắp xếp cho làm người phụ việc trong trang trại ở Brancion-en-Chalon. Trang trại đó nằm ngay cổng làng, hiện nó đã là một đồng cỏ nát.

Tất cả các thành viên của gia đình ấy đều đã chết và được chôn trong nghĩa trang của tôi từ lâu rồi. Elvis không bao giờ đến gần hầm mộ của gia đình. Anh sợ ông bố, Émilien Fourrier (1909-1983), một người đàn ông thô lỗ đánh đập tất cả những gì cử động được. Xung quanh hầm mộ của gia đình họ, các lối đi không được quét dọn. Anh vẫn luôn nói với tôi là anh không muốn được chôn cùng họ. Anh đã bắt tôi phải hứa sẽ lo chuyện đó. Để làm được như thế, thì tôi phải chết sau anh. Thế là tôi bắt anh lấy một hợp đồng tang lễ ở cửa hàng của anh em nhà Lucchini, để anh, chỉ mình anh, được nhượng chỗ đất để dựng mộ, với bức ảnh Elvis Presley gắn bên trên, và những ca từ trong “Always in my mind” bằng chữ vàng. Mặc dù Elvis có dáng vẻ của một đứa trẻ, giống như những bé trai không biết đến

những vuốt ve của người mẹ, anh đã sắp về hưu.

Chính Nono và tôi mở tài khoản cho anh, và điền giấy tờ hành chính cho anh. Tên thật của anh là Eric Delpierre, nhưng tôi chưa bao giờ nghe thấy ai gọi anh như thế. Tôi nghĩ rằng toàn bộ cư dân ở Brancion không biết gì về danh tính thật của anh. Từ trước đến nay, anh vẫn sống với nghệ danh của mình. Anh đã yêu Elvis Presley từ khi lên tám tuổi. Có những người bước vào tôn giáo, còn anh, anh bước vào thế giới Elvis, hoặc đã để cho Elvis ngấm vào con người mình. Những bài hát của Elvis đã xuyên qua anh rồi ở lại, giống như những bài kinh cầu. Cha Cédric hát “Kính Lạy Cha”, còn Elvis hát: “Love Me Tender”. Tôi chưa bao giờ thấy anh có bạn gái. Nono cũng không nốt.

Trong lúc tìm lá nguyệt quế khô trong ngăn tủ đựng gia vị, tôi bắt gặp một bức thư của Sasha, kẹp giữa chai dầu ô liu và chai giấm Balsamic. Tôi rải những bức thư của Sasha gần như khắp nơi trong nhà để quên chúng đi rồi cuối cùng lại bắt gặp chúng một cách ngẫu nhiên. Bức thư này đề tháng Ba năm 1997.

“Violette thân mến,

Vườn của bác đã trở nên buồn bã hơn nghĩa trang rồi. Ngày tháng tiếp nối nhau, và giống như những lễ tang nhỏ.

Làm thế nào để gặp lại cháu đây? Cháu có muốn bác tổ chức một cuộc bắt cóc, ở đó, bên phía những đoàn tàu?

Tuy nhiên, hai Chủ nhật mỗi tháng đâu có nhiều nhận gì. Đâu có phải việc gì khó khăn.

Nhưng thế thì tại sao cháu lại vâng theo lời anh ta? Cháu có biết rằng đôi khi, ta không được khuất phục không? Với lại, ai sẽ chăm sóc cho những cây cà chua mà bác mới trồng đây?

Hôm qua, bà Gordon đến nhờ bác chữa bệnh zona. Bà ấy ra về với nụ cười trên môi. Khi bà ấy hỏi bác: “Tôi có thể làm gì để cảm ơn ông?”, suýt thì bác đã trả lời: “Đi tìm Violette giúp tôi.”

Bác đang ươm cà rốt. Bác đã gieo hạt trong những cái cốc bằng đất. Bác rải chúng trong phòng khách, bên cạnh những hộp trà, ngay đằng sau cửa kính. Như thế, khi mặt trời lên, ánh nắng sẽ chiếu thẳng vào chúng. Và có nắng ấm thì cây sẽ mọc rất nhanh. Không có gì bằng hơi ấm. Lý tưởng nhất là để chúng đằng trước lò sưởi, nhưng căn nhà nhỏ của bác lại không có lò sưởi. Chính vì thế mà ông già Noel không bao giờ ghé qua nhà bác. Sau đó, khi chúng đã mọc cao rồi, bác sẽ để chúng bên dưới mái kính. Hành tây, hành tằm và đậu Hà Lan, cháu có thể trồng trực tiếp xuống đất. Nhưng cà rốt thì không. Đừng bao giờ quên dịp lễ Các Thánh Băng, các ngày 11, 12 và 13 tháng Năm hằng năm. Đó chính là thời điểm quyết định tất cả, chính là thời điểm gieo trồng mọi loại cây. Về lý thuyết là thế. Nếu cháu muốn bảo vệ các cây non, thì ban đêm cháu hãy úp chậu hoặc phủ lên chúng một màng ni lông mỏng.

Hãy sớm quay lại nhé. Đừng bắt chước ông già Noel.

*Bạn thân mến của cháu,
Sasha”*

Elvis gõ cửa và bước vào cùng những cái bánh chòng vị vani bọc trong giấy trắng. Tôi đọc lại bức thư của Sasha rồi cất nó vào chỗ cũ, để quên nó đi, rồi lại ngẫu nhiên bắt gặp nó vào một lần khác.

– Ôn cả chứ, Elvis?

– Violette này, có người tìm cô đấy. Cô ta nói: “Tôi tìm vợ của Philippe Toussaint.”

Máu trong người tôi đông lại. Một bóng người đi đằng sau Elvis. Chị

ta bước vào. Chị ta nhìn tôi chăm chăm mà không nói lời nào. Sau đó, chị ta đưa mắt lướt khắp trong nhà, rồi lại nhìn tôi. Tôi thấy là chị ta đã khóc nhiều, tôi đã quen nhìn những người khóc nhiều, cho dù đã từ nhiều ngày trước.

Elvis gọi Éliane bằng cách đập hai đùi vào nhau rồi đưa nó ra ngoài, như thể anh muốn bảo vệ nó. Con chó vui vẻ đi theo anh. Nó đã quen đi dạo cùng anh.

Chỉ còn lại chị ta và tôi trong nhà.

– Cô có biết tôi là ai không?

– Có. Françoise Pelletier.

– Cô có biết tại sao tôi lại đến đây không?

– Không.

Chị ta hít một hơi thật sâu để ngăn dòng nước mắt.

– Hôm trước, cô đã gặp Philippe phải không?

– Đúng thế.

Chị ta trằn mình chịu đựng câu trả lời của tôi.

– Cậu ấy đến đây làm gì?

– Trả cho tôi một bức thư.

Chị ta có vẻ không khỏe, mặt chị ta biến sắc, những giọt mồ hôi to tướng rịn ra trên trán. Chị ta không hề nhúc nhích, tuy nhiên tôi nhìn thấy trong ánh mắt xanh sẫm của chị ta như thể đang có gió xoáy. Hai bàn tay chị ta co rút lại. Các móng tay bấm sâu vào da thịt.

– Chị ngồi xuống đi.

Chị ta khẽ nở một nụ cười cảm ơn rồi kéo một chiếc ghế về phía mình. Tôi rót cho chị ta một cốc nước to.

– Bức thư nào?

– Tôi đã gửi cho anh ta một bức thư yêu cầu ly hôn, đến địa chỉ nhà chị, ở Bron.

Câu trả lời của tôi dường như khiến chị ta nhẹ nhõm.

– Cậu ấy không muốn nghe nói đến cô nữa.

– Tôi cũng không.

– Cậu ấy nói cậu ấy đã phát điên vì cô. Cậu ấy ghét nơi này, cái nghĩa trang này.

– Tại sao cô ở lại đây khi cậu ấy đã bỏ đi rồi? Tại sao cô không chuyển nhà? Làm lại cuộc đời?

– Cô là một phụ nữ xinh đẹp.

– ...

Françoise Pelletier uống một hơi cạn cốc nước. Chị ta vẫn run rẩy. Cái chết của người này sẽ làm chậm các cử chỉ của người còn sống kia. Mỗi cử chỉ của chị ta như thể bị trì hoãn trong sự chậm rãi. Tôi rót thêm nước cho chị ta. Chị ta khó nhọc mỉm cười với tôi.

– Lần đầu tiên tôi gặp Philippe, là ở Charleville-Mézières vào năm 1970, cái ngày cậu ấy chịu lễ ban thánh thể. Cậu ấy mười hai tuổi, còn tôi mười chín. Cậu ấy mặc một chiếc áo dài, trên cổ đeo cây thánh giá bằng gỗ. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy người nào mặc đồ xộc xệch đến thể. Tôi còn nhớ mình đã tự nhủ: *Không thể tin được cái cậu nhóc ăn mặc thế này lại là thành viên dàn đồng ca hát lễ*. Đúng là kiểu người uống rượu vang trong lễ mi xa và hút thuốc trộm. Tôi vừa đính hôn với Luc Pelletier, em trai của Chantal Toussaint, mẹ của Philippe. Luc đã nài nỉ để chúng tôi đi lễ mi xa buổi sáng và ăn trưa cùng gia đình họ. Anh ấy không hòa hợp chút nào với

chị gái và anh rể, anh ấy gọi họ là “những kẻ cao ngạo khó ưa”, nhưng lại rất quý cậu cháu trai. Chúng tôi đã có một ngày khá chán ngán. Chúng tôi chờ cho Philippe mở quà, và đến 15 giờ, chúng tôi đã rời đi. Mẹ của Philippe liếc xéo tôi suốt cả ngày, có cảm giác bà ấy khó chịu khi thấy em trai mình lấy một cô vợ trẻ trung như tôi. Tôi kém Luc ba mươi tuổi.

Cũng trong năm ấy, Luc và tôi, chúng tôi cưới nhau ở Lyon, Philippe cùng bố mẹ cậu ấy đến dự lễ cưới, thái độ đầy thù hận. Philippe say bét vì cậu ấy uống hết chỗ rượu thừa trong cốc của người lớn. Cậu ấy say đến nỗi khi màn khiêu vũ bắt đầu, cậu ấy hôn lên môi tôi và rống lên: “Tôi yêu cô, bà mợ ạ”. Cậu ấy đã khiến tất cả các khách mời cười ồ. Suốt thời gian còn lại của buổi tối hôm ấy, Philippe nôn mửa trong phòng vệ sinh, trong lúc bà mẹ vừa giữ cửa vừa nói: “Thằng bé tội nghiệp, đã một tuần nay nó bị khó tiêu.” Lúc nào bà mẹ cũng bảo vệ cậu ấy, bằng mọi giá. Tôi rất quý Philippe, tôi thích khuôn mặt đẹp trai của cậu ấy.

Sau đám cưới, Luc và tôi mở một xưởng sửa chữa ô tô tại Bron. Thời gian đầu, chúng tôi cung cấp những dịch vụ sửa chữa cơ bản, thay dầu, bảo trì, sơn xe, sau đó chúng tôi trở thành đại lý đặc quyền. Việc làm ăn lúc nào cũng thịnh vượng. Chúng tôi làm việc vất vả nhưng chưa từng cực khổ. Chưa bao giờ. Hai năm trôi qua, và Luc mời “cậu nhóc Philippe”, như anh ấy thường gọi, đến chơi nhà chúng tôi trong kỳ nghỉ hè. Hồi ấy chúng tôi sống trong một ngôi nhà nông thôn nằm cách xưởng chừng hai mươi phút lái xe. Philippe mừng sinh nhật lần thứ mười bốn cùng chúng tôi, và để làm quà, Luc đã tặng cậu ấy một chiếc xe mô tô, một chiếc 50 phân khối. Philippe đã khóc vì vui sướng. Vào thời điểm ấy, Luc và bà chị gái đã bắt hòa với nhau. Chantal mắng mỏ em trai qua điện thoại, gọi anh ấy bằng đủ loại từ ngữ bần thiêu, hạch hỏi anh ấy có quyền gì mà dám tặng cho con trai

bà ấy một cái xe mô tô, như thế quá nguy hiểm, anh ấy muốn Philippe tự giết chết bản thân hay sao, trong khi Luc là kẻ vô tích sự không bao giờ có thể có con được. Đúng là như thế. Anh ấy chưa từng có con. Cả với người vợ đầu lẫn với tôi.

Ngày hôm ấy, Chantal đã chạm vào điểm nhạy cảm. Luc không bao giờ nói chuyện lại với chị gái nữa. Nhưng bất chấp sự phản đối của bố mẹ, hè nào Philippe cũng đến nhà tôi. Và cậu ấy không bao giờ muốn rời đi. Cậu ấy nói muốn sống với chúng tôi cả năm. Cậu ấy nài nỉ chúng tôi giữ cậu ấy lại, nhưng Luc giải thích với cậu ấy rằng không thể làm thế được, rằng nếu anh ấy làm thế, sẽ là bản án tử dành cho anh ấy, bà chị gái sẽ giết anh ấy. Philippe là một cậu nhóc tử tế, bừa bộn nhưng tử tế. Luc rất thích gặp cậu ấy, anh ấy đã chuyển toàn bộ tình yêu thương trìu mến cho cậu cháu trai. Philippe đã trở thành cậu con trai thay thế của anh ấy từ rất lâu rồi. Tôi rất hòa hợp với cậu ấy. Tôi nói chuyện với cậu ấy như với một đứa trẻ con, cậu ấy thường xuyên trách giận tôi vì thế, cậu ấy nói: “Tôi không phải là trẻ con.”

Hè năm Philippe mười bảy tuổi, cậu ấy đi nghỉ với chúng tôi ở Biot, gần Cannes. Chúng tôi đã thuê một biệt thự nhìn ra biển. Ngày nào chúng tôi cũng ra biển. Chúng tôi đi từ sáng, ăn trưa trong một căn nhà tranh rồi trở về vào buổi tối. Philippe đi chơi với đám con gái, mỗi ngày một cô. Thỉnh thoảng một trong số các cô đó nhập hội với chúng tôi trên bãi biển, trong ngày. Cậu ấy ôm hôn họ trên chiếc khăn của mình, tôi thấy cậu ấy trưởng thành đến mức khiến người ta bối rối, và thờ ơ đến khó hiểu. Cậu ấy luôn tỏ vẻ bất cần tất cả. Tối nào cậu ấy cũng đi nhảy, và về khi đêm muộn. Trước khi đi, cậu ấy độc chiếm phòng tắm và để những cái nút lọ nước hoa vung vãi khắp nơi. Cậu ấy lấy dao cạo râu của Luc, lúc nào cũng để vương

kem cạo râu trên mép bồn rửa, và không bao giờ đóng nắp tuýp kem đánh răng, vớt khăn tắm dưới sàn nhà. Tất cả những điều đó khiến Luc nổi xung. Anh ấy nổi xung, nhưng lại cũng thấy thú vị. Còn tôi, tôi thu nhặt và giặt quần áo của đứa trẻ mà tôi và Luc sẽ không bao giờ có được cùng nhau. Chúng tôi thích Philippe đến chơi, cậu ấy mang đến cho chúng tôi tuổi thanh xuân và sự vô tư lự. Philippe và tôi chỉ cách nhau có bảy tuổi. Khoảng cách đó là lớn trong hai mươi năm đầu đời, chúng tôi sống trên hai hành tinh khác nhau, nhưng theo thời gian, sự khác biệt tuổi tác nhòa dần đi, hai hành tinh sáp lại gần nhau: chúng tôi thích xem cùng những bộ phim ấy, cùng những chương trình truyền hình ấy, nghe cùng thứ nhạc ấy. Cuối cùng, chúng tôi cười vì những chuyện giống nhau.

Trong kỳ nghỉ ấy ở Biot, tôi có quan hệ với một tay phục vụ quán rượu, chuyện không có gì đặc sắc cũng không nguy hiểm. Luc và tôi yêu nhau. Chúng tôi vẫn yêu nhau điên cuồng. Luc thường nói với tôi: “Anh là một lão già, nếu em thích chơi đùa với đám trai trẻ hơn, thì cứ việc, chỉ cần làm sao để anh không biết là được. Với lại, em đừng có yêu họ, điều đó thì anh không chịu đựng được đâu.” Bây giờ nghĩ lại, tôi tin và chắc chắn rằng bằng cách đẩy tôi vào vòng tay của những gã đàn ông khác đôi chút, anh ấy hy vọng tôi sẽ có thai. Ý muốn đó là vô thức, tất nhiên, nhưng tôi tin rằng đã có một thời gian dài anh ấy hy vọng một ngày nào đó tôi sẽ về nhà với một mầm sống trong bụng. Một đứa bé mà anh ấy có thể truyền lại cái họ của mình cho nó. Tóm lại, trong kỳ nghỉ hè năm ấy, chúng tôi đã tổ chức một bữa tiệc tại căn biệt thự, có khoảng hai chục người tham dự, chúng tôi đã uống khá nhiều, và Philippe bắt gặp tôi ở cùng anh chàng nhân tình đẹp trai trong bể bơi. Tôi không bao giờ quên được ánh mắt cậu ấy nhìn tôi lúc ấy. Trong mắt cậu ấy, tôi thấy sự sững sốt trộn lẫn với niềm thích thú, làn

đầu tiên cậu ấy thấy tôi là một phụ nữ. Một phụ nữ, tức là một con mồi. Philippe là một kẻ săn mồi đáng gờm. Có vẻ đẹp có thể khiến một vị thánh phải sa ngã. Điều này thì tôi không cần phải nói với cô...

Tất nhiên, cậu ấy không nói gì với Luc, cậu ấy không bán đứng tôi, nhưng khi tôi gặp cậu ấy trong biệt thự, cậu ấy mỉm cười với tôi đầy ẩn ý. Nụ cười như muốn nói: “Chúng ta là tòng phạm.” Và tôi ghét điều đó. Tôi đã có thể tát cậu ấy suốt ngày nếu có thể. Cậu ấy trở nên ngạo mạn không chịu nổi. Trong khi trước đó chúng tôi thường cười đùa với nhau, thì sau đó chúng tôi không còn cười như thế nữa. Tôi bắt đầu không thể chịu nổi sự hiện diện của cậu ấy, mùi nước hoa của cậu ấy, mớ lộn xộn mà cậu ấy gây ra khắp nơi, tiếng ồn cậu ấy tạo ra khi trở về vào lúc 5 giờ sáng. Khi tôi tổng cậu ấy đi dạo, Luc bảo tôi: “Nói nhẹ nhàng với thằng bé thôi, nó phải đương đầu với bà mẹ là đã đủ lắm rồi.” Ở bàn ăn, ngay khi Luc quay lưng đi Philippe liền nhìn tôi chăm chăm và khẽ mỉm cười. Tôi cụp mắt xuống, nhưng vẫn cảm nhận được ánh mắt kiêu ngạo của cậu ấy đang thiêu đốt tôi.

Tối cuối cùng, cậu ấy về sớm hơn thường lệ và không đưa theo cô nàng nào về. Lúc ấy tôi đang ở ngoài hiên, một mình, nằm dài trên một chiếc ghế vải gập, mơ màng ngủ. Cậu ấy áp môi lên môi tôi, tôi giật mình và tát cậu ấy, tôi nói: “Nghe tôi nói cho rõ đây, đồ vất mũi chưa sạch, cậu mà còn lặp lại chuyện này thì đừng bao giờ đặt chân đến nhà chúng tôi nữa.” Cậu ấy bỏ đi ngủ mà không ý kiến gì. Ngày hôm sau, chúng tôi rời khỏi căn biệt thự. Chúng tôi đưa cậu ấy đến tận nhà ga. Cậu ấy bắt tàu đi Charleville-Mézières. Trên sân ga, cậu ấy ôm siết lấy tôi và Luc để hôn tạm biệt, mỗi người một bên tay. Tôi không thích cách bày tỏ tình cảm dạt dào của cậu ấy, nhưng không có lựa chọn nào khác. Luc không chấp nhận được việc tôi không thể chịu đựng nổi cậu cháu trai của anh ấy. Điều đó khiến

anh ấy đau khổ. Tôi bị mắc kẹt. Philippe cảm ơn chúng tôi đến cả trăm lần. Trong lúc ôm chúng tôi, cậu ấy luôn một tay dọc lưng tôi rồi áp bàn tay vào hông tôi, đồng thời giữ tôi ép chặt vào đùi cậu ấy. Tôi không thể phản ứng, vì Luc cũng đang áp sát chúng tôi. Hành động của Philippe khiến tôi lạnh người. Tôi tự nhủ cậu ấy có sự táo tợn của một con quỷ, và những hành động của một người đàn ông vô cùng tự tin. Cuối cùng, cậu ấy cũng buông chúng tôi ra, “tạm biệt mẹ, tạm biệt cậu”. Cậu ấy lên tàu, vắt chiếc túi qua vai, vẫy tay tạm biệt chúng tôi kèm nụ cười thiên thần mà chỉ cậu ấy mới có. Và trong khi tôi nhìn cậu ấy đầy giận dữ, thì cậu ấy mỉm cười, vẻ như muốn nói: “Tôi đã có được em.”

Chúng tôi quay về Bron và trở lại với công việc. Mùa xuân năm sau đó, Philippe gọi điện để nói rằng cậu ấy sẽ không đến nhà chúng tôi nghỉ hè nữa, cậu ấy đi ăn mừng sinh nhật tuổi mười tám ở Tây Ban Nha cùng đám bạn. Thú thực là chuyện đó khiến tôi nhẹ cả người. Tôi sẽ không phải gặp cậu ấy, cũng không phải né tránh những ánh mắt và cử chỉ không đúng nơi đúng chỗ của cậu ấy. Luc rất thất vọng, nhưng khi gác máy anh ấy nói: “Cũng bình thường thôi, ở độ tuổi của thằng bé.” Chúng tôi lại đi Biot, ở lại một tháng cùng với những người bạn gặp ở đó, nhưng Luc nhớ Philippe. Anh ấy thường xuyên bảo tôi: “Căn nhà gọn gàng quá, chẳng có tiếng ồn nào cả.” Luc không hẳn là nhớ Philippe, mặc dù anh ấy rất gắn bó với cậu ấy, mà anh ấy thấy thiếu vắng đứa con của chúng tôi. Tôi vẫn còn nhớ là sau kỳ nghỉ ấy, trên đường về, tôi đã đề nghị nhận nuôi một đứa con. Anh ấy trả lời là không. Hẳn là vì anh ấy đã nghĩ đến chuyện đó trong một thời gian dài. Anh ấy chỉ nói với tôi rằng hai chúng tôi hiện sống rất ổn, rất tốt rồi.

Tháng Một năm sau đó, mẹ của Luc và Chantal qua đời. Chúng tôi

đến dự lễ tang, và bất chấp bối cảnh ấy, Luc và người chị gái vẫn không nói chuyện với nhau. Philippe cũng có mặt. Đã một năm rưỡi chúng tôi không gặp cậu ấy. Cậu ấy đã thay đổi nhiều. Luc ôm siết lấy cậu ấy hồi lâu, và nói với cậu ấy rằng, hiện tại, Philippe đã cao hơn anh ấy một cái đầu. Philippe giả vờ như không nhìn thấy tôi trong suốt buổi lễ. Chỉ trước khi lên xe, trong khi Luc đi chào họ hàng, cậu ấy mới ép tôi vào cánh cửa xe, với chiều cao một mét tám mươi tám của mình, và nói: “Xem này, bà mợ, mợ cũng ở đây, thế mà tôi không nhìn thấy.” Và cậu ấy lại hôn lên môi tôi mà tôi không kịp phản ứng, rồi thì thâm vào tai tôi: “Hẹn đến mùa hè tới.”

Và mùa hè tới đã đến. Mùa hè năm cậu ấy hai mươi tuổi. Trước cả khi cậu ấy đặt chân vào phòng của mình ở biệt thự, tôi đã túm lấy cổ áo cậu ấy. Cậu ấy tròn tròn mắt thích thú, tôi nghĩ trông cảnh ấy chắc hẳn rất nực cười. Tôi, cao 1m60, đang nhón trên đầu ngón chân, còn cậu ấy, khổng lồ, bị ép vào tường hành lang, đôi bàn tay run rẩy của tôi dồn hết sức để túm chặt lấy cậu ấy. “Tôi cảnh báo cậu, tôi nói với cậu ấy, nếu cậu muốn có một kỳ nghỉ vui vẻ, thì thôi ngay cái trò ngớ ngẩn của cậu đi. Không được lại gần tôi, không được nhìn tôi, không nói bất cứ điều gì ám chỉ, và mọi chuyện sẽ tốt đẹp cả.” Cậu ấy trả lời tôi, đầy châm chọc: “Đồng ý, thưa mợ, xin hứa, tôi sẽ giữ mình.”

Kể từ lúc đó, cậu ấy làm như tôi không tồn tại. Cậu ấy giữ phép lịch sự, chào buổi sáng, chào buổi tối, cảm ơn, lát nữa gặp lại, nhưng toàn bộ trao đổi giữa chúng tôi chỉ dừng ở bốn mẫu câu lịch sự đó. Chúng tôi cùng ra bãi biển vào buổi sáng, cậu ấy ngồi băng ghế sau, hai chúng tôi ngồi ghế trước. Cậu ấy vẫn đi chơi về muộn, rắc đồ khắp nơi trong nhà. Đám con gái đến tìm cậu ấy ban đêm hoặc trên tấm khăn tắm trên bãi biển vào buổi chiều, đôi khi cậu ấy quan hệ với một cô nàng ngay sau vách đá, cậu ấy là

một kẻ tán gái thường trực. Và đám con gái cười rúc rích ở bất cứ nơi nào chúng tôi đặt chân đến. Điều đó khiến Luc hớn hờ. Philippe rất đẹp trai, gương mặt thiên thần, những lọn tóc vàng loăn xoăn, nước da rám nắng. Cậu ấy có thân hình của một người đàn ông, thanh mảnh và săn chắc, trên bãi biển tất cả đám con gái đều dồn mắt nhìn cậu ấy, cả đám phụ nữ lớn tuổi nữa, thậm chí cả những người đàn ông khác cũng ghen tị với cậu ấy. Tất cả những ánh mắt đổ dồn ấy càng khiến Philippe tự tin hơn. Thỉnh thoảng Luc rỉ tai tôi: “Hắn là chị gái anh đã lừa dối ông anh Toussaint, không thể nào hai con người kinh khủng ấy lại sinh được một thằng bé đẹp trai đến thế.” Câu nói đó khiến tôi cười rữ. Luc luôn làm tôi cười rữ. Tôi đã có một cuộc đời thật sự tốt đẹp với anh ấy. Tôi được chiều chuộng trong tình yêu. Chúng tôi là đôi bạn thân thiết nhất trên đời, có lẽ tôi sẽ không thể sống nổi nếu phải chia tay anh ấy. Anh ấy là một người bạn, một người cha, một người anh. Đời sống giường chiếu của chúng tôi không đáng kể cho lắm, nhưng thỉnh thoảng tôi tự bù đắp cho mình, ở chỗ khác.

Tôi biết cô đang nghĩ gì: Rốt cuộc thì Philippe đã có được chị ta từ khi nào?

Sau đó là một khoảng im lặng dài, trước khi Françoise tiếp tục cuộc độc thoại. Chị ta đưa mu bàn tay phẩy một vết bản tường tượng trên chiếc quần jean. Thời gian ngưng đọng. Chỉ có hai chúng tôi với nhau, mặt đối mặt. Như thể Philippe đã đổi nước hoa. Như thể Françoise đã đưa một người lạ vào bếp nhà tôi.

– Buổi tối cái ngày cậu ấy tròn hai mươi tuổi, Luc và tôi đã tổ chức một bữa tiệc cho Philippe tại biệt thự. Đám bạn thanh niên của cậu ấy đến dự. Có nhạc, có rượu và đồ ăn tự chọn bên bể bơi nhỏ. Trời đẹp, tất cả chúng tôi nhảy cùng nhau, tôi không biết điều gì đã xui khiến tôi, nhưng tôi

bắt đầu tán tỉnh một cậu bạn của Philippe, một gã có tên là Roland, một thanh niên đàn độn suốt ngày đi cùng Philippe. Chúng tôi tách riêng một chút để hôn hít nhau. Cuối cùng chúng tôi cũng nhập bọn với những người khác để dự tiết mục thổi nến trên bánh sinh nhật và mở quà. Khi chúng tôi trở lại, Philippe giận dữ nhìn tôi. Tôi tưởng cậu ấy sắp tát tôi đến nơi. Cậu ấy thổi tắt hai mươi ngọn nến, ánh mắt đầy giận dữ. Đúng lúc đó, Luc cho kéo ra món quà có thắt dây nơ đỏ mà anh ấy dành cho cậu cháu trai: một chiếc Honda CB100 màu xám, cùng tám séc một nghìn franc đựng trong chiếc phong bì treo trên chiếc mũ bảo hiểm kín đầu. Mọi người ôm hôn nhau, những ly sâm banh được giơ cao, những tiếng hét vui thích và ngạc nhiên. Tôi thấy Philippe giả vờ thư giãn, mỉm cười với tất cả mọi người, khoe khoang như thường lệ, nhưng hai bên quai hàm vẫn nghiến chặt. Cậu ấy giận dữ kinh khủng. Khi nhạc tiếp tục vang lên, khi tất cả chúng tôi bắt đầu nhảy, Roland quay lại áp sát tôi, Philippe liền túm vai rồi thì thầm điều gì đó vào tai cậu ta, và Roland hỏi lại: “Mày nói nghiêm túc đấy hả?” Và trận ẩu đả bắt đầu. Luc, vốn đã đi nằm, liền trở dậy khi nghe thấy tiếng ồn ào, anh ấy tông Roland ra cửa bằng những cú đập đích đáng vào mông. Khi có liên quan đến cậu cháu trai, Luc hành động chẳng khác gì chị gái anh ấy: Philippe không có lỗi gì hết. Luc hỏi Philippe xem đã xảy ra chuyện gì, Philippe trả lời, khi đó cậu ấy đã khá say: “Roland đi săn trên đất của cháu... đất của cháu là đất của cháu!!!”

Bữa tiệc tiếp tục như chưa hề xảy ra chuyện gì. Đêm đó, tôi không ngủ. Philippe đã lột quần áo và ép một cô bạn gái vào cạnh cửa sổ phòng ngủ của chúng tôi. Tôi nhìn thấy cái bóng lơ mờ của họ cựa quậy theo mọi hướng. Tôi nghe thấy cô gái rên rỉ còn Philippe thì nói với cô ta cả đống những lời lẽ bản thủ rõ ràng là dành cho tôi. Cậu ấy nói to để tôi nghe thấy,

nhưng không đủ âm ỉ để đánh thức Luc. Philippe biết rằng người cậu của mình phải dùng thuốc ngủ để ngủ. Cậu ấy cũng biết rằng tôi đang ở đó, ngay gần họ, hai mắt mở to, đầu đặt trên gối, và tôi nghe thấy tất cả. Cậu ấy đang trả thù. Những ngày sau đó, thẳng hoặc chúng tôi mới gặp cậu ấy. Cậu ấy xách xe mô tô đi dạo từ sáng đến tối. Ngay cả trong ngày, cậu ấy cũng không ra bãi biển cùng chúng tôi nữa. Chiếc khăn tắm của cậu ấy khô khốc và trông trải. Đôi khi, tôi ngủ thiếp đi, và tôi mơ thấy cậu ấy đứng cạnh tôi, rồi nằm dài đè cả người lên lưng tôi. Tôi giật mình thức dậy, nghệt thờ.

Sau sinh nhật chừng chục ngày, cậu ấy lại xuất hiện trên bãi biển. Tôi đã bơi ra xa bờ. Tôi thấy cậu ấy lại gần Luc, chỉ nhỏ bằng một dấu chấm. Mái tóc vàng và vóc dáng của cậu ấy. Cậu ấy ôm hôn Luc nồng nhiệt, rồi ngồi xuống bên anh ấy. Cuối cùng, Luc đưa tay chỉ về phía tôi. Philippe xác định vị trí của tôi, rồi cởi quần áo. Cậu ấy lao xuống nước để bơi đến gặp tôi. Cậu ấy bơi sai ra chỗ tôi. Tôi không thể bỏ trốn. Tôi bị mắc kẹt, chẳng khác gì một con chuột dính bẫy. Trong khi cậu ấy lại gần, tôi phát hoảng, tôi không thể bơi được nữa, đành bơi đứng tại chỗ. Tôi không biết tại sao, nhưng tôi tự nhủ cậu ấy lại gần là để dìm chết tôi, để làm đau tôi. Tôi hoảng sợ đến mức òa khóc nức nở. Tôi bắt đầu la hét. Nhưng từ chỗ tôi đang ở lúc ấy, không ai có thể nghe thấy tiếng tôi. Tôi đã bơi ra ngoài phao số không từ lâu. Trong vài phút, cậu ấy bơi đến ngang tầm tôi. Cậu ấy lập tức nhận thấy là tôi không ổn. Tôi tiếp tục kêu cứu mà không nhìn cậu ấy. Cậu ấy muốn giúp tôi, nhưng tôi vừa đánh cậu ấy vừa hét: “Đừng có động vào tôi!” Rồi tôi uống một ngụm nước biển. Cậu ấy kéo tuột tôi lên lưng rồi chạt vật đưa tôi quay vào đến tận một cái phao nổi. Trong khi cậu ấy bơi, tôi ra sức đấm, cậu ấy cũng đấm trả để tôi bình tĩnh lại. Cuối cùng chúng tôi cũng đến nơi. Tôi túm lấy cái phao. Cậu ấy cũng đã thấm mệt. Chúng tôi cùng thở hỗn

hên. Cậu ấy nói: “Bây giờ thì mợ bình tĩnh lại đi! Mợ hít thở, rồi chúng ta vào bờ!” Tôi hét lên: “Cậu không được chạm vào người tôi! – Tôi không chạm vào người mợ, nhưng tất cả lũ bạn của tôi đều có thể ngủ với mợ, phải không?! – Cậu là cháu trai của tôi! – Không, tôi là cháu trai của cậu Luc. – Cậu chỉ là một đứa trẻ được nuông chiều! – Tôi yêu mợ! – Thôi ngay đi! – Không, tôi sẽ không bao giờ thôi!” Tôi bắt đầu ngấm lạnh, tôi run cầm cập. Tôi nhìn vào bờ, thấy nó quá đổi xa xôi. Tôi nhìn thấy Luc. Tôi muốn đôi cánh tay nặng nề, che chở, đầy trấn an của anh ấy. Tôi yêu cầu Philippe đưa tôi vào bờ. Cậu ấy lại kéo tôi lên lưng, tôi vòng tay quanh cổ cậu ấy, cậu ấy bắt đầu bơi ếch, còn tôi thì để mặc cho cậu ấy công đi. Tôi nhận thấy cơ bắp của cậu ấy bên dưới thân mình, nhưng không có cảm giác gì ngoài sợ hãi và ác cảm.

Hai hè sau đó, tôi không gặp lại Philippe. Luc và tôi đã đi Maroc. Thỉnh thoảng cậu ấy gọi điện thoại để thông báo tin tức cho chúng tôi. Cậu ấy đến thăm chúng tôi vào tháng Năm, gần ba năm sau vụ việc trên bãi biển. Năm cậu ấy hai mươi ba tuổi. Cậu ấy đến trên chiếc xe Honda mà Luc đã tặng, cùng một cô bạn gái ngồi phía sau. Khi cậu ấy cởi mũ bảo hiểm, khi tôi nhìn thấy khuôn mặt cậu ấy, nụ cười cậu ấy, ánh mắt cậu ấy, tôi sẽ nhớ đến chết rằng tôi đã tự nhủ: Mình yêu cậu ta. Ngày hôm đó trời đẹp. Cả bốn chúng tôi ăn tối trong vườn. Chúng tôi chuyện trò rất lâu, về tất cả các chủ đề. Cô bạn gái, mà tôi đã quên tên, còn rất trẻ. Cô ấy có vẻ rất rụt rè. Luc vui sướng khi được gặp lại cậu cháu trai. Philippe đã thôi học từ lâu, làm hết việc vặt này đến việc vặt khác. Tôi suýt ngất khi Luc đề nghị tuyển cậu ấy vào làm ở xưởng. Anh ấy bảo sẽ đào tạo cậu ấy, và nếu mọi chuyện ổn thỏa, anh ấy sẽ tuyển dụng cậu ấy. Tôi chưa từng tin vào Chúa. Tôi không học giáo lý, và hiếm khi đặt chân đến nhà thờ, nhưng tối ấy, tôi đã

cầu nguyện: Lạy Chúa, xin Người đừng để Philippe làm việc với chúng con. Tôi lập tức cảm thấy ánh mắt Philippe nhìn mình. Cậu ấy trả lời Luc: “Đề cháu bàn với bố cháu đã, không nên để ông ấy biến vụ này thành to chuyện.” Chúng tôi về phòng ngủ. Cả đêm hôm ấy tôi không ngủ. Hôm sau là ngày nghỉ lễ. Philippe và cô bạn gái dậy muộn. Chúng tôi kê cà đến tận giờ ăn trưa. Buổi chiều, Luc ngủ còn tôi ngồi lại xem ti vi cùng bạn gái của Philippe, trong khi cậu ấy xách xe đi một vòng.

Từ khi họ đến, tôi đã làm mọi cách để không phải ở một mình với cậu ấy. Thế rồi đến giờ khai vị. Tôi xuống hầm lấy một chai sâm banh, và tôi ngửi thấy mùi nước hoa của cậu ấy sau lưng. Cậu ấy đã không để phí thời gian. Cậu ấy bảo tôi: “Tôi sẽ không đến làm việc trong xưởng của nhà mợ đâu, nhưng hôm nay, lúc nửa đêm, mợ hãy ra vườn, ngồi trên bức tường thấp và chờ đợi.” Trước khi tôi kịp mở miệng, cậu ấy đã cắt ngang: “Tôi sẽ không chạm vào mợ đâu.” Cậu ấy trở lên ngay lập tức. Tôi lấy chai rượu và thấy Luc cùng cô gái trẻ đang đợi tôi bên bàn. Năm phút sau Philippe đi vào, như thể cậu ấy vừa ra ngoài về. Tôi tự hỏi cậu ấy chờ đợi điều gì ở tôi.

Ở cuối vườn, có một căn nhà gỗ, đằng sau đó là một bức tường thấp cũ kỹ. Bức tường nơi Philippe vẫn chơi đùa với một chiếc ván trượt khi còn là một thiếu niên. Và lại, Luc cũng gọi đây là “bức tường của Philippe”: “Có lẽ chúng ta nên đặt mấy bồn cây lên bức tường của Philippe”, “Có lẽ phải sơn lại bức tường của Philippe”, “Hôm trước, anh đã nhìn thấy một con mèo Angora rất đẹp trên bức tường của Philippe...”

Bữa tối đó trôi qua, như bị bao phủ bởi một màn sương mù, tôi uống như hũ chìm. Lúc 23 giờ, mọi người đều đứng dậy đi ngủ. Philippe nhìn tôi, rồi nói với Luc: “Cậu này, cháu không nghĩ cháu có thể đến làm việc ở xưởng của cậu đâu, hôm nay cháu đã nói chuyện với bố mẹ, họ làm âm ỉ cả

lên.” Luc đáp lại: “Không sao cả, cháu trai ạ.”

Tôi nằm trên giường, mở một cuốn sách, Luc ngủ thiếp đi bên cạnh tôi. Thời gian càng trôi đi, tim tôi càng loạn nhịp. Trong nhà không có bất cứ động tĩnh gì. Lúc 23h55, tôi mặc áo choàng rồi đi đến ngòai trên bức tường thấp. Tôi ngồi trong bóng tối dày đặc. Khu vườn nhìn ra phía sau nhà, không bóng đèn đường nào chiếu sáng được tới đây. Tôi nhớ đã giật thót người mỗi khi nghe thấy bất cứ tiếng động nào. Thế rồi tôi sợ Luc thức dậy, sợ anh ấy đi tìm tôi khắp nơi. Tôi không biết mình đã ngồi như thế, không nhúc nhích, trong bao lâu. Tôi tê liệt cả người vì sợ. Chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Chỉ có bầu không khí tĩnh mịch bao quanh tôi. Nhưng tôi không dám cử động, tôi thầm nghĩ: Nếu mình nhúc nhích, Philippe sẽ đổi ý, cậu ta sẽ đến làm ở nhà mình. Nếu đúng như thế, tôi sẽ bỏ đi. Có lẽ tôi sẽ ly hôn mà không nói gì với Luc. Có lẽ anh ấy sẽ chết mất, nếu biết rằng cháu trai anh ấy muốn tôi. Có lẽ anh ấy sẽ chết mất, nếu biết rằng tôi yêu cậu ấy.

Cuối cùng, Philippe và cô bạn gái cũng xuất hiện. Cậu ấy bảo cô ta: “Đừng nói gì cả, cứ để mặc anh.” Philippe cầm tay cô ta, cô ta dò dẫm bước đi, mắt cô ta bị băng kín. Trong tay kia, cậu ấy cầm một chiếc đèn pin và chiếu về phía tôi. Cậu ấy rọi đèn vào tôi. Tôi bị chói mắt. Tôi chỉ nhìn thấy bóng hai người họ. Cậu ấy để cô gái tựa lưng vào một thân cây. Cậu ấy đối diện với tôi. Cậu ấy đặt chiếc đèn xuống chân, vẫn xoay về phía tôi. Tôi như bị mắc bẫy giữa luồng đèn pha ô tô. Cậu ấy nói: “Tôi muốn nhìn thấy mặt em.” cô gái nghĩ rằng cậu ấy đang nói với cô ta. Cậu ấy đưa ra cho cô ta cả đồng chỉ dẫn, và cô ta làm theo trước mắt tôi, không hề biết tôi ở đó, ngay sát gần. “Bởi vì chuyện này là cấm kỵ, nên tôi muốn ít nhất cũng được làm tình với mặt em.”

Cậu ấy quan hệ với cô gái. Tôi không nhìn thấy cậu ấy, mắt tôi bị lóa, nhưng tôi cảm thấy cậu ấy nhìn mình chăm chăm. Đến một lúc, cậu ấy nói: “Lại đây, lại đây, lại đây.” Cho đến khi tôi đứng dậy và lại gần họ. Cô gái vẫn xoay lưng lại, Philippe áp sát vào người cô ta, đối diện cô ta, đối diện tôi. Tôi ở gần đến nỗi có thể ngửi thấy mùi trên thân thể họ. “Đúng, thế đấy, hãy xem tôi yêu em thế nào.” Ánh mắt cậu ấy nhìn chăm chăm vào mắt tôi, tôi sẽ không bao giờ quên được. Cả nụ cười đau khổ của cậu ấy nữa. Cách cậu ấy chiếm hữu cô gái, ra rồi vào, mắt vẫn nhìn vào mắt tôi, cơn cực khoái của cậu ấy, chiến thắng của cậu ấy trước tôi.

Tôi quay về phòng mình, run rẩy, tôi ôm lấy Luc mà ngủ thiếp đi. Đêm đó tôi mơ về Philippe. Và cả những đêm sau đó cũng thế. Ngày hôm sau, Philippe và cô gái quay về nhà. Tôi không nhìn thấy họ rời đi. Tôi viện cớ đau đầu để nằm trong giường. Khi nghe tiếng động cơ xe mô tô của cậu ấy nổ vang rồi biến mất, tôi mới trở dậy, tự hứa với bản thân là sẽ không bao giờ gặp cậu ấy nữa. Nhưng tôi nghĩ đến cậu ấy. Thường xuyên. Mùa hè sau đó, tôi thu xếp để đi Seychelles với Luc, như một cặp tình nhân, tôi nói với Luc rằng tôi muốn sống lại tuần trăng mật cùng anh ấy.

Tôi gặp lại Philippe vào mùa hè năm cậu ấy hai mươi lăm tuổi. Cậu ấy đến căn biệt thự mà không báo trước. Luc thì biết chuyện, họ muốn dành cho tôi một điều bất ngờ. Tôi giả vờ vui mừng, nhưng thực ra tôi muốn nôn mửa, quá nhiều cảm xúc, ghê tởm, quyến rũ. Ngay tối đó, cậu ấy làm tình với một cô gái dưới cửa sổ phòng tôi và thì thầm: “Lại đây, lại đây, lại đây, nhìn xem tôi yêu em thế nào.” Chuyện đó kéo dài một tháng. Cả ngày tôi tìm cách tránh né cậu ấy. Khi gặp tôi vào bữa sáng, cậu ấy bảo tôi, vờ như không có chuyện gì: “Chào mợ, mợ ngủ ngon không?” Nhưng cậu ấy không mỉm cười nữa. Cậu ấy có vẻ đau khổ. Có điều gì đó đã thay đổi. Tuy

nhiên, đêm nào cậu ấy cũng lặp lại trò đó với một cô gái khác. Cả tôi, tôi cũng không cười nữa. Cả tôi cũng đau khổ. Cậu ấy đã khiến tôi nhiễm phải một tình yêu độc địa. Tôi phát ốm vì cậu ấy nhiều hơn là yêu.

Ngày cuối cùng trong kỳ nghỉ, chính tôi là người đưa cậu ấy ra ga. Tôi nói rằng tôi không bao giờ muốn gặp lại cậu ấy nữa. Cậu ấy trả lời: “Đi nào, chúng ta cùng đi. Tôi cảm thấy rằng với mọi chuyện đều có thể, với mọi tôi có đủ lòng can đảm để làm bất cứ việc gì. Nếu mọi từ chối, tôi sẽ trở thành một gã khốn khổ, một kẻ vô tích sự.” Cậu ấy khiến tim tôi đau xé. Tôi nhẹ nhàng giải thích với cậu ấy rằng tôi sẽ không bao giờ rời bỏ Luc. Không bao giờ. Cậu ấy hỏi liệu cậu ấy có thể hôn tôi lần cuối cùng không, tôi trả lời là không... Nếu để cậu ấy hôn tôi, có lẽ tôi sẽ đi cùng cậu ấy mất.

Ngày 30 tháng Tám năm 1983, khi chuyến tàu của cậu ấy đi khuất, tôi biết rằng mình sẽ không gặp lại cậu ấy nữa. Tôi cảm thấy điều đó. Dù sao đi nữa, cũng không phải trong cuộc đời ấy. Cô biết đấy, có nhiều cuộc đời trong một cuộc đời mà.

Chúng tôi không còn gặp lại Philippe nữa. Thời gian đầu, cậu ấy tiếp tục gọi điện thoại cho chúng tôi, thế rồi dần dần, theo năm tháng, không còn gì nữa. Luc nghĩ cuối cùng cậu ấy đã vâng theo lời bố mẹ. Rằng cậu ấy đã về phe họ. Chúng tôi tiếp tục những thói quen của mình, cuộc sống của mình. Một cuộc sống yên bình và thanh thản. Một năm sau, chúng tôi biết được rằng Philippe đã gặp một người, là cô, rằng cậu ấy có một đứa con, rằng cậu ấy đã kết hôn. Rằng cậu ấy đã chuyển nhà. Nhưng cậu ấy chưa hề gọi điện thoại để cho chúng tôi biết những chuyện ấy. Tôi thì biết nguyên nhân là vì tôi. Nhưng Luc đã rất buồn khổ vì không có tin tức gì của cậu ấy nữa. Tôi nghĩ có lẽ anh ấy muốn gặp hai người, gặp... Lẽ ra mọi chuyện đã có thể khác đi. Dễ dàng hơn. Thế rồi lại xảy ra thảm kịch đó. Chúng tôi biết

chuyện một cách gần như ngẫu nhiên. Vụ trại hè. Thật khủng khiếp. Luc muốn gặp Philippe. Anh ấy gọi điện thoại cho chị gái để hỏi địa chỉ của hai người, bà ấy đã đập máy ngay trước mũi anh ấy. Anh ấy cũng không nài thêm. Anh ấy cho đó là vì bà ấy đau khổ. Luc nói với tôi: “Vội lại, chúng ta biết nói gì với hai đứa nó? Tôi nghiệp Philippe.”

Tháng Mười năm 1996, Luc qua đời trong vòng tay tôi, do nhồi máu cơ tim. Tuy nhiên, ngày hôm ấy trời rất đẹp. Chúng tôi đã cùng cười trong bữa sáng. Đến gần trưa, anh ấy thôi không thở nữa. Tôi đã hét lên bảo anh ấy mở mắt ra, tôi đã hét lên để tim anh ấy đập trở lại, nhưng không ích gì. Luc không còn nghe thấy tiếng tôi nữa. Tôi đã tự kết tội mình. Tôi đã tự nhủ rất lâu rằng đó là vì Philippe. Vì cái tình yêu giấu giếm ló bịch kia. Chẳng hay ho chút nào.

Tôi làm lễ an táng cho anh ấy trong phạm vi hết sức riêng tư. Tôi không báo cho bố mẹ Philippe biết. Để làm gì chứ? Luc hẳn sẽ không chịu đựng nổi nếu phải nhìn thấy họ đến dự lễ tang anh ấy. Có lẽ anh ấy sẽ tái sinh trong năm phút để tát cho họ một cái và yêu cầu họ biến đi. Tôi cũng không báo cho Philippe. Để làm gì chứ? Tôi quyết định giữ lại cái xưởng, nhưng thuê người quản lý, và đi xa Bron suốt nhiều tháng. Tôi cần suy nghĩ, cần “để tang” như người ta vẫn nói.

Đi xa không giúp ích gì cho tôi cả. Ngược lại. Suýt thì đến lượt tôi cũng chết. Tôi bị trầm cảm. Tôi được đưa vào bệnh viện tâm thần để điều trị bằng thuốc. Thậm chí tôi còn không đếm được đến mười. Cái chết của Luc khiến cả tôi phải trả giá, bằng chính cuộc đời mình. Khi mất đi người đàn ông của mình, tôi mất luôn toàn bộ các dấu mốc. Tôi đã gặp anh ấy khi còn rất trẻ. Khi bắt đầu hồi phục, quay trở lại được với cuộc đời, tôi quyết định nắm lại công việc kinh doanh. Cái xưởng này là toàn bộ cuộc đời của

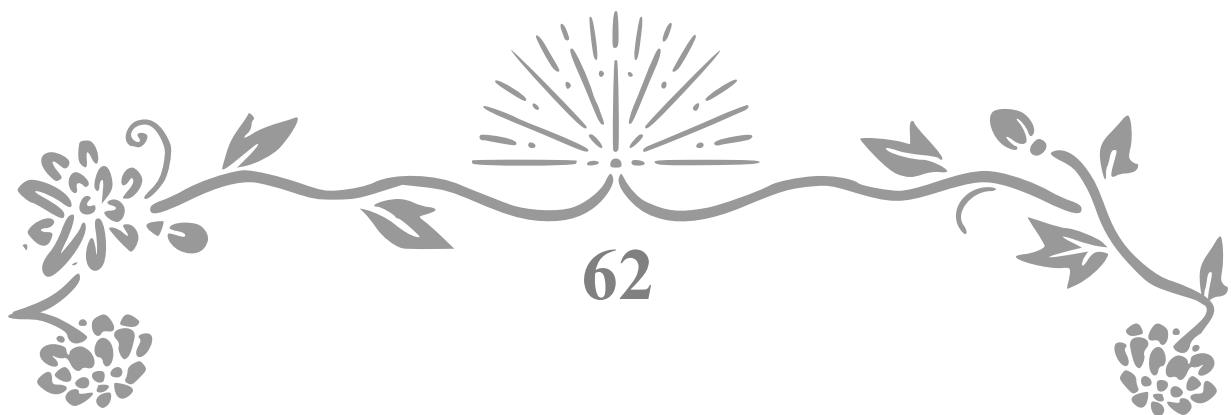
chúng tôi, đặc biệt là cuộc đời tôi. Tôi bán ngôi nhà ở nông thôn để mua một căn nhà ở thành phố, cách xưởng chừng năm phút. Ngày bán nhà, khi tôi đưa chìa khóa cho các chủ mới, một con chim hét đã đậu trên bức tường của Philippe, hét văng lên.

Năm 1998, tôi đang lập báo giá sửa xe cho một khách hàng thì nhìn thấy cậu ấy bước vào xưởng. Lúc ấy tôi đang ngồi bên bàn giấy, qua ô cửa kính, tôi nhìn thấy cậu ấy đi xe mô tô đến. Cậu ấy còn chưa cưới mũ bảo hiểm, tôi đã biết chính là cậu ấy. Mười lăm năm không gặp. Thân hình cậu ấy đã thay đổi, nhưng dáng dấp vẫn y như trước. Tôi nghĩ mình sắp chết. Giống như chồng tôi, tôi tin là tim tôi sắp ngừng đập. Tôi không nghĩ sẽ gặp lại cậu ấy một ngày nào đó. Tôi hiếm khi nghĩ đến cậu ấy. Cậu ấy là một phần đêm ngủ của tôi. Tôi thường mơ đến cậu ấy, nhưng ban ngày thì hiếm khi tôi nghĩ tới. Cậu ấy thuộc về những ký ức trong tôi. Cậu ấy cưới mũ bảo hiểm. Và thế là cậu ấy bắt đầu thuộc về hiện tại. Khuôn mặt bản thiêu. Vẻ mặt thảm hại. Một cú sốc. Tôi đã bỏ lại một cậu nhóc hai mươi lăm tuổi trên một sân ga, rồi phát hiện ra một người đàn ông u sầu. Tôi thấy cậu ấy vô cùng đẹp trai. Thảm hại, nhưng đẹp trai. Tôi những muốn lao vào vòng tay cậu ấy, giống như trong các bộ phim của Lelouch. Tôi nhớ đến những lời cuối cùng cậu ấy nói với tôi: “Đi nào, chúng ta cùng đi. Tôi cảm thấy rằng với mọi chuyện đều có thể, với mọi tôi có đủ lòng can đảm để làm bất cứ việc gì. Nếu mọi từ chối, tôi sẽ trở thành một gã khốn khổ, một kẻ vô tích sự.”

Tôi bước về phía cậu ấy. Còn tôi thì sao? Tôi cũng thế, tôi đã thay đổi. Tôi sắp bốn mươi bảy tuổi. Tôi đã gầy tọp đi. Làn da tôi thể hiện rõ điều đó. Tôi đã uống rượu và hút thuốc quá nhiều. Tôi nghĩ cậu ấy chẳng hề quan tâm đến tất cả những điều đó, vừa nhìn thấy tôi cậu ấy đã lao vào vòng tay

tôi. Có lẽ là “gục ngã trong vòng tay tôi” thì đúng hơn. Cậu ấy òa khóc nước nỡ. Rất lâu. Ngay giữa xưởng. Tôi đưa cậu ấy về nhà tôi. Nhà chúng tôi. Và cậu ấy đã kể cho tôi nghe mọi chuyện.

Françoise Pelletier đã đi được một giờ đồng hồ. Giọng chị ta vẫn còn vang vọng giữa các bức tường nhà tôi. Tôi tin rằng chị ta tìm đến tận tôi là để khiến tôi tổn thương, trong khi trên thực tế chị ta lại tặng cho tôi món quà sự thật.



Tôi không còn mơ, tôi không còn hút thuốc, thậm chí tôi cũng không còn gây chuyện, tôi bắn thủ khi không có em, tôi xấu xí khi không có em, tôi như một kẻ mồ côi trong một phòng ngủ tập thể.

Trích lời bài hát “Je suis malade”, Serge Lama.

Gabriel Prudent dụi tắt đầu mẩu thuốc lá và bước vào vườn hồng năm phút trước giờ đóng cửa. Irène Fayolle đã tắt đèn trong cửa hàng, lối ra vườn cũng đã đóng. Bà hạ tấm lưới sắt nặng nề xuống. Bà đang đứng trong nhà kho thì nhìn thấy ông đứng trước quầy thanh toán. Ông chờ đợi như một khách hàng bị bỏ mặc, đang chờ trả tiền.

Họ nhìn thấy nhau cùng lúc, bà đứng trong ánh sáng trắng của một bóng đèn halogen, còn ông chỉ được chiếu sáng bởi bóng đèn nê ông đồ treo phía trên cửa ra vào.

Cô ấy vẫn xinh đẹp như thế. Ông ấy làm gì ở đây? Mình hy vọng đây là một điều bất ngờ thú vị. Phải chăng ông ấy đến đây để nói với mình điều gì đó? Cô ấy không thay đổi gì. Ông ấy không thay đổi gì. Đã bao lâu rồi nhỉ? Ba năm. Lần cuối cùng, cô ấy hơi giận dữ. Trông ông ấy có vẻ mất hồn. Cô ấy đã rời đi mà không nói lời tạm biệt. Mình hy vọng ông ấy không giận mình. Không, nếu không ông ấy đã không đến đây. Phải chăng cô ấy

vẫn sống cùng chồng? Phải chăng ông ấy đã làm lại cuộc đời? Có vẻ cô ấy đã đổi màu tóc, trông có vẻ sáng màu hơn. Vẫn chiếc áo choàng cũ màu xanh biển ấy. Vẫn mặc toàn đồ màu be. Ông ấy có vẻ trẻ hơn trên ti vi, lần mình nhìn thấy gần đây nhất. Cô ấy đã làm gì suốt từ hồi ấy đến giờ? Ông ấy đã gặp gỡ, bào chữa, làm quen, ăn, trải qua những gì? Chừng ấy năm. Biết bao là nước chảy qua cầu. Liệu cô ấy có đồng ý đi uống với mình một ly không? Tại sao ông ấy lại đến muộn thế? Liệu cô ấy có còn nhớ đến mình không? Ông ấy đã không quên mình. Thật tốt vì cô ấy có ở đây. Bọn mình thật may mắn, thông thường, Paul vẫn đến đón mình vào tối thứ Năm. Mình có thể rời đi mà không nói gì. Liệu ông ấy có hôn mình không? Liệu cô ấy có thời gian gặp mình không? Có một cuộc họp phụ huynh tối nay. Lẽ ra mình nên đi theo cô ấy trên phố. Liệu ông ấy có đi theo mình không? Giả vờ bắt gặp cô ấy trên vỉa hè, một cách ngẫu nhiên. Paul và Julien chờ mình trước cổng trường, lúc 19h30. Giáo viên Pháp văn muốn nói chuyện với mình và Paul. Bước đầu tiên, mình muốn cô ấy là người bước lên trước. Đó là một bài hát. Và sống, mỗi người sống cuộc đời của mình. Liệu bọn mình có đến khách sạn không? Liệu ông ấy có cho mình uống như lần trước không? Chắc chắn cô ấy có nhiều điều để nói với mình. Còn có cả giáo viên tiếng Anh nữa. Mình phải đưa món quà cho cô ấy, mình không thể rời đi mà không đưa cho cô ấy món quà. Mình đang làm gì ở đây thế này? Làn da cô ấy, khách sạn. Hơi thở của cô ấy. Ông ấy không hút thuốc nữa. Không thể nào, ông ấy sẽ không bao giờ bỏ thuốc. Ở đây, chỉ là vì ông ấy không dám. Đôi bàn tay ông ấy...

NHẬT KÝ CỦA IRÈNE FAYOLLE

Ngày 2 tháng Sáu năm 1987

Tôi ra khỏi nhà kho, Gabriel vừa đi theo tôi vừa mỉm cười rụt rè, ông, một luật sư nổi tiếng, người quyến rũ đến thế, hoạt ngôn đến thế, lúc ấy lại không biết nói gì, chẳng khác nào một cậu nhóc bé nhỏ. Ông, người từng bào chữa cho những tên tội phạm và những người vô tội, lại chẳng thể nói gì để bào chữa cho tình yêu của chúng tôi.

Chúng tôi gặp lại nhau trên phố. Gabriel vẫn chưa đưa cho tôi món quà, và chúng tôi vẫn chưa nói với nhau dù chỉ một lời. Tôi đã khóa cửa cửa hàng và chúng tôi đi bộ đến tận xe của tôi. Giống như ba năm trước, ông ngồi vào bên cạnh tôi, đặt gáy vào gối tựa đầu trên ghế còn tôi lái xe, đi trong vô định. Tôi không muốn dừng lại, không muốn đỗ xe nữa. Tôi không muốn ông xuống khỏi xe tôi. Tôi thấy mình đi trên đường cao tốc, về hướng Toulon, rồi chạy dọc bờ biển đến tận mũi Antibes. Đã 22 giờ khi bình xăng cạn sạch, tôi đỗ xe bên bờ biển, cạnh một khách sạn, Bờ Vịnh Vàng. Chúng tôi đi bộ đến chỗ những tấm biển niêm yết giá thuê phòng và thực đơn của nhà hàng. Một phụ nữ tóc vàng đón chúng tôi với nụ cười tươi tắn. Gabriel hỏi liệu đã quá muộn để ăn bữa tối hay chưa.

Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy giọng ông kể từ khi ông bước vào vườn hoa hồng. Trong xe, ông không nói lời nào. Ông chỉ tìm kênh âm nhạc trên đài.

Người phụ nữ ở quầy lễ tân trả lời rằng vào mùa này, nhà hàng đóng cửa trong tuần. Bà ấy sẽ cho người mang lên phòng chúng tôi hai đĩa xa lát và vài chiếc bánh sandwich.

Chúng tôi đâu có hỏi thuê phòng.

Không chờ câu trả lời, bà ấy đưa cho chúng tôi một chiếc chìa khóa,

chìa khóa phòng số 7, và hỏi chúng tôi thích rượu vang trắng, đỏ hay hồng hơn, để dùng kèm với bữa tối. Tôi nhìn Gabriel: rượu thì anh sẽ là người chọn.

Cuối cùng, bà lễ tân hỏi chúng tôi sẽ ở lại bao nhiêu đêm, và lần này thì chính tôi là người trả lời: “Chúng tôi chưa biết.” Bà ấy đưa chúng tôi đến tận phòng số 7 để hướng dẫn chúng tôi cách sử dụng đèn và ti vi.

Trong cầu thang, Gabriel rỉ tai tôi: “Hẳn là trông chúng ta giống một cặp tình nhân, nên bà ấy mới mời chúng ta thuê phòng.”

Phòng số 7 có màu vàng nhạt. Những màu sắc của miền Nam. Trước khi rút đi, bà lễ tân mở một ô cửa kính trông ra một hàng hiên, biển tối đen và gió thổi mát mẻ. Gabriel vắt chiếc áo choàng màu xanh biển lên lưng tựa một chiếc ghế, và lấy từ trong áo ra thứ gì đó rồi đưa cho tôi. Một vật nhỏ nhắn bọc trong giấy gói quà.

– Tôi đến để tặng em thứ này, tôi không nghĩ rằng khi tôi bước vào vườn hồng của em, chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đây, trong khách sạn này.

– Ông hối tiếc sao?

– Không bao giờ.

Tôi bóc lớp giấy gói quà. Và nhận ra đó là một quả cầu tuyết. Tôi lật lên lật xuống nó nhiều lần.

Bà nhân viên lễ tân gõ cửa rồi đẩy vào một chiếc khay di động, bỏ nó lại giữa phòng. Bà xin lỗi rồi biến mất cũng nhanh như khi đi vào.

Gabriel đưa hai tay nâng mặt tôi lên rồi hôn tôi.

“Không bao giờ” là những lời cuối cùng ông thốt ra tối hôm ấy. Chúng tôi không động đến cả đồ ăn lẫn rượu vang.

Sáng hôm sau, tôi gọi cho Paul để nói rằng tôi sẽ không về ngay được,

rồi dập máy. Sau đó tôi báo cho nhân viên, yêu cầu cô ấy tự lo cho vườn hoa hồng trong vài ngày. Có đôi chút hoảng hốt, cô hỏi tôi: “Tôi phải quản lý cả ngân quỹ nữa sao?” Tôi trả lời đúng thế. Rồi tôi dập máy, không chào cô.

Tôi nghĩ mình sẽ không bao giờ trở về nữa. Biến mất một lần cho mãi mãi. Không còn phải đối mặt với bất cứ thứ gì, nhất là ánh mắt của Paul. Bỏ trốn một cách hèn nhát. Gặp lại Julien, nhưng là sau này, khi thằng bé đã lớn, khi thằng bé đã hiểu chuyện.

Cả Gabriel lẫn tôi đều không có quần áo thay thế. Ngày hôm sau, chúng tôi đến một cửa hàng để mua vài bộ. Ông không cho tôi chọn đồ màu be, và tặng tôi những chiếc váy nhiều màu, có viền óng ánh khắp nơi. Và cả một đôi xăng đan. Tôi vẫn luôn ghê sợ những đôi xăng đan. Sợ người ta nhìn thấy ngón chân tôi.

Trong vài ngày ấy, tôi cảm thấy mình như đang cải trang. Một người nào khác trong những bộ quần áo khác. Quần áo của một phụ nữ khác.

Tôi đã tự hỏi mình rất lâu, rằng phải chăng tôi đang cải trang, hay là tôi vừa tìm thấy chính mình, lần đầu tiên phát hiện ra con người mình.

Một tuần sau khi chúng tôi đến mũi Antibes, Gabriel phải đến tòa án Lyon để bào chữa cho một người bị kết tội giết người. Gabriel tin chắc rằng người đó vô tội. Ông cầu xin tôi đi cùng. Tôi nghĩ: có lẽ ta có thể bỏ mặc đám hoa hồng và gia đình mình, nhưng không thể bỏ rơi một người bị kết tội giết người.

Chúng tôi quay trở lại Marseille để lấy chiếc xe của Gabriel đỗ cách vườn hoa hồng của tôi vài dãy phố. Tôi sẽ để lại chiếc xe chuyên dụng của mình cùng chùm chìa khóa giấu ở bánh trước bên trái như tôi vẫn thường làm, rồi chúng tôi sẽ cùng xuôi xuống Lyon.

Khi nhìn thấy chiếc xe của Gabriel, một chiếc xe thể thao màu đỏ, tôi đã nghĩ mình không quen biết người đàn ông này. Rằng tôi không hiểu gì về ông. Tôi vừa trải qua những ngày đẹp đẽ nhất trong cuộc đời mình, rồi sau đó thì sao?

Tôi không biết tại sao, điều này khiến tôi nhớ đến những chuyện tình trong kỳ nghỉ. Chàng đẹp trai xa lạ trên bãi biển mà ta đem lòng yêu say đắm, rồi ta gặp lại chàng đóng hộp trong mớ quần áo ở Paris, trên một con phố u ám vào tháng Chín, và chàng đã đánh mất toàn bộ nét quyến rũ của mùa hè.

Tôi nghĩ đến Paul. Tôi biết mọi điều về Paul. Sự dịu dàng của anh, nét đẹp của anh, sự tế nhị của anh, tình yêu của anh, tính cách rụt rè của anh, con trai chúng tôi.

Đúng lúc ấy, tôi nhìn thấy Paul ngồi sau tay lái chiếc xe của anh. Hẳn là anh vừa từ vườn hoa hồng đi ra. Hẳn là anh đã tìm tôi khắp nơi. Sắc mặt anh tái nhợt, anh đang chìm đắm trong dòng suy nghĩ. Anh không nhìn thấy tôi. Tôi những muốn ánh mắt anh bắt gặp ánh mắt tôi. Khi không nhìn thấy tôi, anh để tôi được lựa chọn. Quay về với anh hay lên xe của Gabriel. Tôi tự nhìn mình trong tủ kính của một cửa hàng. Trong chiếc váy màu xanh lá và vàng. Tôi vừa nhìn thấy một phụ nữ khác.

Tôi nói với Gabriel, ông đã ngồi sau vô lăng chiếc xe thể thao của mình: “Chờ tôi”. Tôi đi đến tận vườn hoa hồng, đi qua cửa, không có ai. Nhân viên của tôi hẳn là đang ở trong vườn, đằng sau cửa hàng.

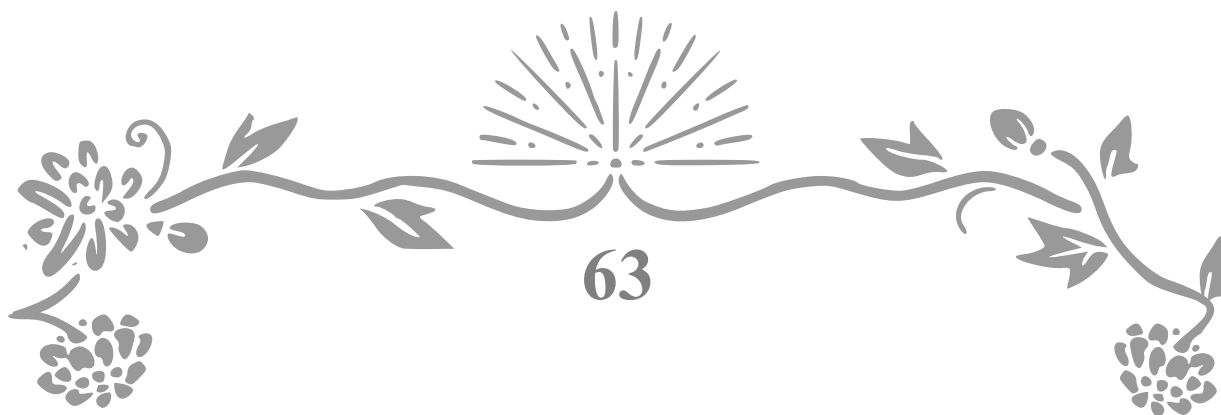
Tôi bắt đầu chạy như thể đang bị ai đó đuổi theo. Tôi chưa từng chạy nhanh đến thế. Tôi vào khách sạn đầu tiên gặp trên đường, và giam mình trong một phòng để lặng lẽ khóc.

Ngày hôm sau, tôi tiếp tục công việc tại vườn hồng, mặc lại những

trang phục màu be, đặt quả cầu tuyết lên mặt bàn quây rồi trở về nhà.

Nhân viên của tôi kể rằng một luật sư rất nổi tiếng đã đến vườn hồng hôm qua, người ấy tìm tôi khắp nơi, như một gã điên. Rằng ở bên ngoài ông ấy không đẹp trai bằng trên ti vi, thấp hơn.

Một tuần sau, báo chí đăng tin luật sư Gabriel Prudent đã bào chữa giúp người đàn ông ở Lyon trắng án.



Sự vắng mặt của người cha sẽ khiến kỷ niệm về sự hiện diện của ông sống động hơn.

Sau Geneviève Magnan, ở phiên tòa, chỉ có một điều duy nhất khiến anh để ý, và bị ám ảnh: khuôn mặt của Fontanel. Bộ trang phục, cử chỉ, thái độ của anh ta. Trong tất cả những người đến làm chứng, anh chỉ nhớ mình anh ta.

Alain Fontanel được luật sư bên nguyên gọi hỏi cuối cùng. Sau các nhân viên phụ trách, lính cứu hỏa, các chuyên gia, đầu bếp. Khi Fontanel trả lời bằng giọng tự tin những câu hỏi của thẩm phán, Philippe Toussaint thấy Geneviève Magnan sụp mắt xuống. Khi nhìn thấy chị ta trong hành lang tòa án vào ngày đầu tiên của phiên tòa, khi biết được rằng chị ta có mặt ở Notre-Dame-des-Prés trong đêm đó, anh đã lập tức nghĩ thầm: *Chính cô ta là người phóng hỏa căn phòng đó, cô ta đã trả thù.*

Tuy nhiên, chính là khi Fontanel lên tiếng Philippe Toussaint mới cảm thấy vô cùng khó chịu. Anh tự nhủ có lẽ anh không phải là người duy nhất cảm thấy điều đó, cảm giác chóng mặt khi đối diện với lời nói dối. Anh quan sát các ông bố bà mẹ khác, nhìn xem liệu Fontanel có gây ra cho họ cảm giác như của anh không, nhưng không nhận thấy gì. Các ông bố bà mẹ khác đều đã như người chết. Họ cũng giống như Violette, họ đã chết. Giống

như bà giám đốc đang đứng trong ô bị cáo, ánh mắt trống rỗng, bà ta nghe Fontanel mà không hiểu anh ta nói gì.

Thêm một lần nữa, Philippe Toussaint tự nhủ: *Mình là người duy nhất còn sống*. Anh tự thấy mình tội lỗi. Cái chết của Léonine không hủy hoại anh như những người khác. Cứ như thể trong vợ chồng họ, Violette đã một mình lãnh trọn cú sốc. Cứ như thể cô không chia sẻ nỗi đau khổ với ai. Nhưng trong thâm tâm, anh biết rằng chính nỗi giận dữ đã kéo bỏng anh lên, níu giữ anh bên trên mớ lộn xộn ấy. Một cơn giận dữ ngấm ngấm, nặng nề, dữ dội, u ám, mà anh chưa từng nói với bất cứ ai bởi vì Françoise không còn ở đây nữa. Nỗi hận thù đối với bố mẹ anh, nỗi hận thù đối với mẹ anh, nỗi hận thù đối với những người này, những người đã không hành động gì khi ngọn lửa...

Anh đã không phải là một người cha tốt. Một người cha luôn vắng mặt, một người cha xa cách, một người cha giả vờ. Anh đã quá ích kỷ, đã quá chăm chú vào bản thân mình nên không thể lan tỏa tình yêu cho người khác. Anh đã quyết định sẽ chỉ quan tâm đến chiếc xe mô tô cùng những người phụ nữ khác. Tất cả những người phụ nữ đang chờ được anh ngón ngấu giống như những trái chín trên quầy hàng. Theo năm tháng, anh hưởng thụ ở nhà các cô hàng xóm nhiều đến nỗi một người bạn đã cho anh biết *địa chỉ*, một nơi có thể vui chơi đông người. Nơi những phụ nữ tận tình không phải lòng, không giận dỗi, không cần nhần, họ cũng đến đó để tìm kiếm thứ mà đám đàn ông tìm kiếm.

Bản án đã được tuyên: hai năm tù dành cho bà giám đốc, trong đó có một năm tù giam. Và tiền bồi thường, rất nhiều tiền bồi thường. Mà anh sẽ giữ cho riêng mình. Một thói quen mà bà mẹ khốn kiếp của anh đã truyền cho anh: “Hãy giữ tất cả cho con, còn con bé kia, nó ở đó để vợ vét hết tiền

của con đây.”

Khi anh ra khỏi tòa án, bố mẹ đang đợi anh bên ngoài, còn cứng nhắc hơn cả thứ công lý mà anh vừa trải qua. Anh những muốn bỏ trốn, những muốn đi qua một cánh cửa bí mật để khỏi phải đối diện với ánh mắt họ. Anh không còn chịu đựng nổi họ dù chỉ một chút, từ sau cái chết của Léonine. Mẹ anh, người vốn kết tội Violette về tất cả những chuyện tồi tệ, đã không thể gây chuyện với cô từ sau thảm kịch. Bà đã thử mọi cách, nhưng nói cho cùng chính bà là người đã kiên quyết đòi cho Léonine đi nghỉ hè ở cái nơi bất hạnh ấy. Anh đi ăn trưa cùng họ, lưng không xuống. Anh không thể nuốt nổi thứ gì, không thể nói bất cứ điều gì. Đằng sau tờ biên lai bữa ăn, anh đã viết nguệch ngoạc, bằng chiếc bút mà bố anh dùng để viết séc: “Édith Croquevieille, nữ giám đốc; Swan Letellier, đầu bếp; Geneviève Magnan, nhân viên phục vụ, Éloïse Petit và Lucie Lindon, nhân viên phụ trách; Alain Fontanel, nhân viên bảo trì.”

Anh quay trở về nhà, cùng với lời khai của Fontanel, giống như thứ hành lý duy nhất trên chiếc xe mô tô: “Tôi thì tôi ngủ trên tầng hai. Tôi bị đánh thức bởi tiếng la hét của Swan Letellier. Đám phụ nữ đã bắt đầu sơ tán lũ trẻ. Căn phòng bên dưới đang bốc lửa, không thể vào được, mọi chuyện đã có thể tệ hơn.”

Violette không phải ứng gì khi anh cho cô biết bản án đã tuyên. Cô nói: “Được rồi”, và đi ra hạ thanh chắn tàu. Vào lúc ấy, anh lại nghĩ đến Françoise, đến những mùa hè ở Biot. Anh thường xuyên nhớ đến thời gian ấy, anh quay trở lại những kỳ nghỉ hè trong ký ức, mỗi khi hiện tại khiến anh quá suy sụp. Rồi anh nhặt tay cầm điều khiển trò Nintendo và chơi cho đến khi đồ dẫn cả người, gào hét, giận dữ khi Mario bỏ lỡ một chương ngại vật, đạp chân vào đồng hạt mè. Khi anh tắt ti vi, Violette đã vào ngủ trong

phòng họ từ lâu. Anh không vào ngủ cùng cô. Anh ngồi lên xe mô tô và đi đến tận địa chỉ, quan hệ với những phụ nữ đang có cùng nhu cầu với anh, thứ tình dục buồn tẻ, khoái cảm, một nơi tách biệt. Nhưng những lời nói của Fontanel không buông tha anh: “Tôi thì tôi ngủ trên tầng hai. Tôi bị đánh thức bởi tiếng la hét của Swan Letellier. Đám phụ nữ đã bắt đầu sơ tán lũ trẻ. Căn phòng bên dưới đang bốc lửa, không thể vào được, mọi chuyện đã có thể tệ hơn.”

Chuyện gì đã có thể tệ hơn?

Cái chết của Léonine đã làm đổ vỡ cái thói quen coi mình là tâm điểm vũ trụ của anh. Cái tâm điểm mà mẹ anh đã dạy anh phải duy trì bằng mọi giá: “Đừng nghĩ đến người khác, hãy nghĩ đến con.”

Thỉnh thoảng, anh nói với Violette: “Chúng ta sẽ làm thêm một đứa.” cô trả lời đồng ý để thoát khỏi anh. Thoát khỏi người đã bỏ rơi cô từ bao năm nay, người đã lừa dối cô, không phải với tất cả những người phụ nữ vây quanh anh mà là với Françoise, người duy nhất anh từng yêu. Anh không cưới Violette để khiến cô hạnh phúc, anh cưới cô để giải thoát bản thân anh khỏi bà mẹ, người luôn quấy rầy anh.

Anh cảm thấy vô cùng đau buồn cho Violette khi cô mất đứa con của họ. Anh đau khổ vì nỗi đau của vợ còn nhiều hơn vì nỗi đau mất con. Anh đau khổ vì không thể làm gì được cho cô. Vì không thể chăm sóc cô. Vì sự im lặng của cô, vì không bao giờ khiến cô nói được về chuyện gì khác ngoài một nhãn hiệu dầu gội đầu hoặc một chương trình truyền hình. Vì không thể nói với vợ mình: “Em cảm thấy thế nào?” Anh tự cảm thấy mình tội lỗi cả về chuyện đó nữa. Thậm chí anh còn không học cách đau khổ. Nói cho cùng, anh chưa học được điều gì cả. Không biết yêu, không biết làm việc, không biết cho đi. Một kẻ vô tích sự.

Anh gục ngã trước Violette lần đầu tiên khi anh nhìn thấy cô đằng sau quầy bar. Anh cảm thấy bị thu hút bởi tất cả những gì ngọt ngào dường như thấm đẫm vào cô. Giống như một cái kẹo mút nhiều màu trong chiếc xe tải ở hội chợ. Cảm giác ấy không liên quan gì đến những gì anh từng và vẫn luôn cảm thấy với Françoise, nhưng anh muốn có cô gái này. Giọng nói của cô, làn da của cô, nụ cười của cô, thân hình nhẹ bồng của cô. Dáng dấp con trai của cô, sự mong manh của cô, cái cách cô dang hiến không chút e dè. Chính vì điều đó mà anh đã khiến cô có con rất sớm, anh muốn giữ cô cho anh, cho riêng mình anh. Giống như ta tự tặng cho mình món bánh ngọt mà ta không muốn chia sẻ với bất cứ ai. Mà ta ngón ngấu trong một góc, cho dù có làm bánh dây ra khắp chỗ. Và mẹ anh đã bắt được quả tang anh, đưa con cưng, với chiếc áo thun dính đầy kem béo. Lại còn kèm theo một đứa trẻ trong bụng của cô nữa.

Tháng Tám năm 1996, khoảng chín tháng sau phiên tòa khiến Édith Croquevieille phải vào tù, Violette đi Marseille mười ngày, cô ở trong căn nhà gỗ của Célia. Người phụ nữ ấy, anh không ưa, và anh cảm nhận được rằng chị cũng không ưa anh. Còn anh, anh nói rằng trong khoảng thời gian ấy anh sẽ đi mô tô cùng đám bạn ở Charleville, đám bạn ngày trước. Thực ra, anh không còn người bạn nào. Cả ngày trước lẫn ngày nay.

Anh đến Chalon-sur-Saône, một mình. Alain Fontanel làm việc trong một bệnh viện ở đó. Bệnh viện Sainte-Thérèse, xây dựng năm 1979, nơi anh ta phụ trách việc bảo trì hệ thống điện, nước và sơn mới cùng với hai đồng nghiệp khác từ khi mất việc ở Notre-Dame-des-Prés. Philippe Toussaint không biết phải làm thế nào để tiếp cận anh ta. Liệu anh nên ăn nói nhã nhặn với Fontanel, hay nện cho anh ta một trận nhừ tử, cho đến khi anh ta chịu nhả thông tin ra? Fontanel hơn Philippe chừng hai mươi tuổi,

không khó để vô hiệu hóa rồi khóa chặt tay anh ta. Philippe không dự tính điều gì, ngoại trừ việc sẽ một mình mặt đối mặt với Fontanel. Hỏi anh ta những câu mà không ai đặt ra trong suốt phiên tòa.

Philippe Toussaint đi vào khuôn viên bệnh viện, đến quầy lễ tân đề nghị được nói chuyện với Alain Fontanel, người ta trả lời anh: “Anh có biết số phòng của anh ấy không?” Philippe Toussaint lúng búng: “Không, anh ta làm việc ở đây.”

– Anh ấy là y tá à? Hay bác sĩ nội trú?

– Không, anh ta thuộc bộ phận bảo trì.

– Tôi sẽ tìm thông tin.

Trong khi nữ nhân viên lễ tân nhắc điện thoại lên, Philippe Toussaint nhìn thấy Fontanel đi vào căng tin nằm ở tầng trệt, cách anh chừng năm chục mét. Anh ta mặc đồng phục lao động màu xám. Philippe lại có cảm giác khó chịu giống lúc ở tòa án, anh không thể chịu đựng gã này. Không suy nghĩ gì, anh đi thật nhanh về phía anh ta, cho đến khi áp sát sau lưng. Fontanel cầm trên tay một cái khay và đứng xếp hàng ở quầy tự phục vụ.

Philippe Toussaint đứng sau anh ta, cũng cầm một cái khay và gọi món chính trong ngày. Fontanel đi đến bên một cửa sổ, một mình. Philippe Toussaint cũng đến bàn đó, ngồi xuống trước mặt anh ta mà không xin phép.

– Chúng ta có biết nhau không?

– Chúng ta chưa từng nói chuyện với nhau, nhưng chúng ta có biết nhau.

– Tôi có thể giúp gì cho anh?

– Chắc chắn rồi.

Người kia bắt đầu cắt thịt, như thể không có chuyện gì xảy ra.

– Tôi không ngừng nghĩ đến anh.

– Thông thường, tôi hay gây hiệu ứng đó với cánh phụ nữ.

Philippe Toussaint cắn thật mạnh vào má để giữ bình tĩnh, để không nổi đóa lên.

– Là thế này, tôi nghĩ anh đã không nói hết mọi chuyện trong phiên tòa... Lời chứng của anh, nó vẫn quay cuồng trong đầu tôi, giống như một con mãnh thú trong chuồng.

Fontanel không có biểu hiện gì là ngạc nhiên. Anh ta nhìn Philippe Toussaint trong một phút, hẳn là để nhớ lại hình ảnh anh trong phiên tòa, định vị anh, rồi vét nước xốt trong đĩa bằng một miếng bánh mì.

– Và anh cho rằng tôi sẽ nói thêm điều gì đó, ở đây, chỉ vì khuôn mặt đẹp đẽ của anh?

– Ờ.

– Thế tại sao tôi lại làm như thế?

– Bởi vì tôi có thể bớt tử tế đi rất nhiều.

– Cho dù anh có lấy mạng tôi, tôi cũng hoàn toàn không quan tâm. Thậm chí tôi còn nói với anh rằng như thế sẽ tốt cho tôi hơn. Tôi không thích công việc tôi đang làm, tôi không yêu vợ tôi và cũng không yêu các con tôi.

Philippe Toussaint siết hai nắm tay thật chặt, đến nỗi bàn tay anh trắng bệch ra.

– Tôi không thêm quan tâm đến cuộc đời anh, tôi muốn biết anh đã nhìn thấy những gì vào đêm đó... Anh nói dối như cuội vậy.

– Cô ả Magnan, anh có biết cô ta không, cô ả Magnan ấy? Cô ta là vợ

tôi.

– ...

– Ở phiên tòa, cô ta đã vãi tè ra quần mỗi khi đưa mắt nhìn anh.

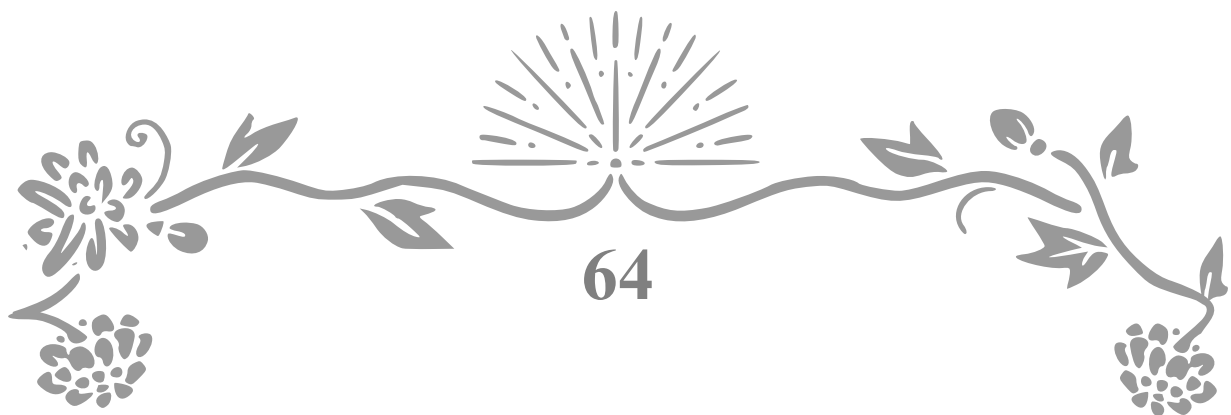
Khi Fontanel thốt ra cái tên ấy, anh như lại nhìn thấy Geneviève Magnan trong hành lang trường tiểu học, đôi mắt kèm nhèm, chạy theo anh như một con chó cái động đực. Anh như lại nhìn thấy chính mình đang quan hệ với chị ta, bao giờ cũng ở chỗ ấy, chân dầm bùn, trong ánh đèn xe mô tô. Cảnh tượng đó khiến anh buồn nôn. Fontanel, mùi đồ ăn và mùi bệnh viện trộn lẫn vào nhau... Phải chăng cô ta đã châm lửa căn phòng đó để trả thù? Câu hỏi đó tra tấn anh.

– Lạy Chúa, đã xảy ra chuyện gì...

– Đó là một tai nạn. Không hơn, không kém. Một vụ tai nạn khôn kiếp. Đừng tìm kiếm nữa, anh sẽ không tìm thấy gì hơn đâu, tôi xin nói với anh như thế.

Philippe Toussaint nhảy lên mặt bàn, túm lấy anh ta mà nện như thể anh đã phát điên. Vào mặt, vào bụng, anh nện khắp nơi, bạ đâu nện đấy. Anh có cảm giác đang nện vào một tấm đệm bị vút ở góc phố. Anh ra sức nện, không đếm xỉa gì đến những tiếng la hét xung quanh. Fontanel không tự vệ. Anh ta để mặc cho Philippe đánh. Có ai đó kéo cánh tay Philippe, để ngăn anh đánh tiếp, cố giữ chặt anh, cố đè anh xuống sàn, nhưng anh vùng vẫy, bằng một thứ sức mạnh siêu nhiên, rồi anh chạy trốn. Hai nắm tay nóng rực, vấy máu vì anh đã đánh quá mạnh.

Đúng như anh đã dự kiến, Fontanel không nói gì, không đàm đơn kiện anh đã đánh anh ta bị thương. Anh ta tuyên bố không biết danh tính người tấn công mình.



Ngủ đi, ba, nhưng mong sao những tiếng cười thơ trẻ của chúng con, ba vẫn nghe thấy trên bầu trời xa thẳm.

Nghĩa trang Bron, ngày 2 tháng Sáu năm 2017, bầu trời xanh, hai mươi lăm độ, 15 giờ. Lễ an táng Philippe Toussaint (1958-2017). Quan tài bằng gỗ sồi. Hầm mộ bằng đá cẩm thạch màu xám. Không có thánh giá.

Ba vòng hoa - “Những đóa hoa đẹp để những kỷ niệm đẹp không bao giờ phai mờ” - những bông ly trắng - “Hãy nhận lấy những đóa hoa này, bằng chứng tình cảm sâu sắc của tôi”.

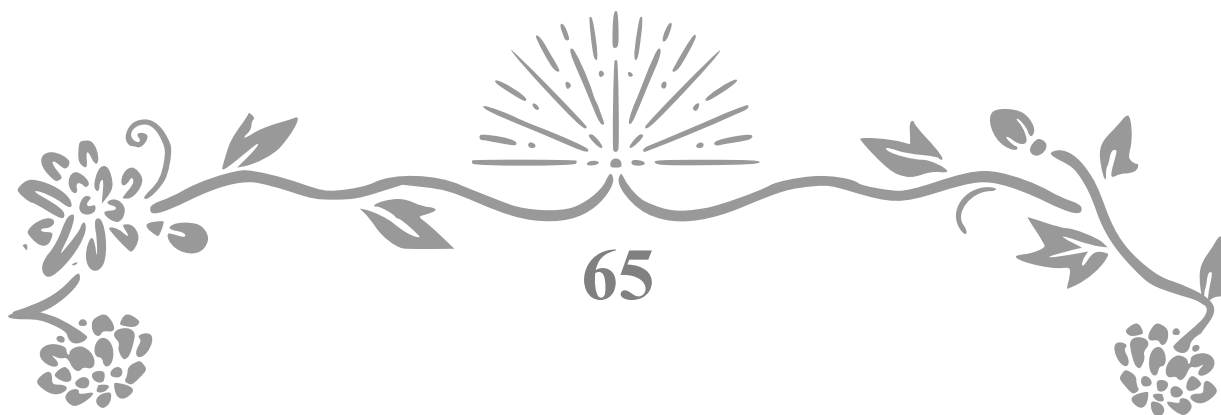
Những dải băng tang, trên đó viết: “Vô cùng thương tiếc người bạn đời”, “Vô cùng thương tiếc người đồng nghiệp”, “Vô cùng thương tiếc bạn”. Trên một tấm bia tưởng niệm, bên cạnh hình một chiếc xe mô tô ánh vàng: “Người đã mất đi nhưng không bao giờ bị quên lãng”.

Khoảng hai chục người có mặt xung quanh mộ. Những người trong quăng đời kia của Philippe Toussaint.

Với tư cách là vợ chính thức, tôi cho phép Françoise Pelletier chôn cất Philippe Toussaint trong hầm mộ của Luc Pelletier. Để anh ta gặp lại người cậu mà tôi không hề biết đến. Cũng như tôi không hề biết đến một phần đời

của Philippe Toussaint.

Tôi chờ cho mọi người ra về rồi lại gần hầm mộ. Tôi đặt một tấm bia tưởng niệm thay cho Léonine: “Vô cùng thương tiếc bố”.



Chỉ một câu để nói với người rằng chúng tôi yêu người. Chỉ một câu để xin người giúp chúng tôi vượt qua những thử thách khắc nghiệt nơi trần gian này.

Tháng Tám năm 1996, Geneviève Magnan.

Tôi đã chờ anh ta rất lâu. Tôi biết rằng rốt cuộc anh ta sẽ đến. Tôi biết điều đó từ lâu trước khi nhìn thấy mặt Fontanel. Khuôn mặt biến dạng khi anh ta về đến nhà. Anh ta phải chống nạng để bước đi. Khuôn mặt chỗ đỏ chỗ tím, hai chiếc răng bị gãy.

“Anh lại gây chuyện gì nữa thế?” tôi hỏi. Tôi nghĩ rằng anh ta đã nốc quá nhiều rượu, rằng anh ta lại đánh nhau với những gã say khác. Từ xưa anh ta đã có chất bạo lực từ trong máu, sự điên cuồng. Anh ta cũng thường nện tôi vào những tối say rượu.

Nhưng anh ta trả lời: “Đi mà hỏi cái gã đã ngủ với cô sau lưng tôi ấy.”

Câu nói đó, nó còn khiến tôi đau đớn hơn là những cú đánh của mẹ tôi và của Fontanel. Những trận đòn của họ, nếu so với câu nói ấy, thì chẳng có nghĩa lý gì. Những nhát dao thọc vào bị thọt.

Anh ta là người bị đánh đến biến dạng, anh ta là người phải chống

nặng, nhưng chính tôi mới là người lãnh đủ. Không còn cử động nổi nữa. Tôi chờ đợi cả người. Kinh hoàng.

Tôi lại nghĩ đến con lợn mà người ta đã giết tuần trước ở nhà hàng xóm. Nó mới sợ hãi, mới run rẩy làm sao, nó gào rống thật to. Vì sợ hãi và vì đau đớn.

Nỗi kinh hoàng. Đám đàn ông vật lộn với nó, những tiếng cười của họ. Sau đó, đám phụ nữ chúng tôi được triệu tập để làm món dồi. Mùi của cái chết. Ngày hôm đó, tôi những muốn treo cổ chính mình. Đây không phải là lần đầu tiên, cái mong muốn “kết thúc” ấy, như đám nhà giàu thường nói. Không, đó không phải là lần đầu tiên. Nhưng nó đã bám lấy tôi rất lâu. Lâu hơn lệ thường. Thậm chí tôi còn lấy tiền để đi mua dây thừng ở cửa hàng Bricorama. Rồi tôi lại để tiền xuống khi nghĩ đến hai đứa con trai. Bốn tuổi và chín tuổi. Chúng sẽ làm gì nếu chỉ còn lại mình chúng với Fontanel?

Tôi biết rằng một ngày nào đó anh ta sẽ đến hỏi chuyện tôi, khi trông thấy ánh mắt anh ta nhìn tôi trong hành lang tòa án.

Có ai đó gõ cửa, tôi tưởng là người đưa thư, tôi đang chờ một gói hàng từ La Redoute. Nhưng không phải người đưa thư, mà là anh ta, đang đứng sau cánh cửa. Đôi mắt anh ta mệt mỏi. Tôi nhìn thấy nỗi buồn rầu ở anh ta. Tôi nhìn thấy vẻ đẹp của anh ta. Rồi nhìn thấy nỗi khinh bỉ. Anh ta nhìn tôi như thể tôi là một đồng phân.

Tôi những muốn đóng cửa lại, nhưng anh ta đã giơ chân đạp mạnh. Chẳng khác nào một gã điên. Tôi nghĩ đến việc gọi cảnh sát, nhưng tôi có thể nói gì với họ? Tôi sợ từ cái đêm ấy. Anh ta không chạm vào tôi, tôi khiến anh ta quá ghê tởm. Tôi cảm thấy anh ta vừa căm thù vừa kinh hãi. Tôi chỉ có thể nói một điều: “Đó thực sự là một tai nạn, tôi không hề cố ý, tôi không bao giờ làm hại trẻ con.”

Anh ta nhìn tôi chăm chăm, rồi làm một việc mà tôi không ngờ tới. Anh ta ngồi lên bàn bếp, gục đầu vào hai cánh tay và bắt đầu khóc. Anh ta khóc nức nở như một đứa trẻ bị lạc mẹ trong đám đông.

– Anh muốn biết chuyện gì đã xảy ra phải không?

Anh ta trả lời là không.

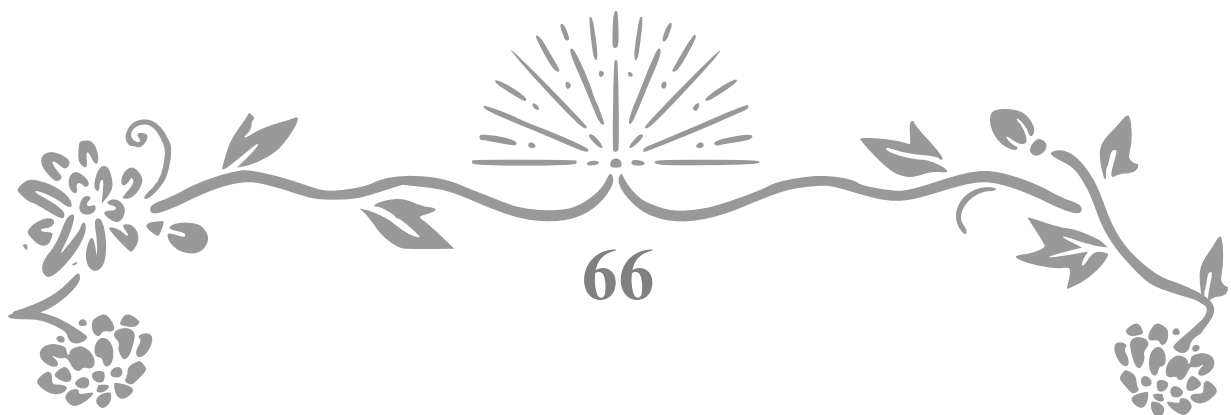
– Tôi thề với anh rằng đó là một tai nạn.

Anh ta cách tôi chừng một mét. Tôi muốn chạm vào anh ta, muốn cởi quần áo anh ta, muốn cởi quần áo tôi, muốn anh ta ôm lấy tôi, khiến tôi áp mặt vào vách đá, như trước kia. Chưa từng có ai tự ghét mình như tôi ghét tôi vào lúc ấy.

Còn anh ta, tuyệt vọng, lạc lõng trong căn bếp mà đã lâu lắm rồi tôi không lau chùi. Từ khi thất nghiệp, tôi chẳng thiết làm gì hết. Tôi là người phải chịu trách nhiệm. Tôi là thủ phạm.

Anh ta đứng dậy và bỏ đi mà không nhìn tôi. Sau khi anh ta đi rồi, tôi ngồi vào chỗ anh ta vừa ngồi. Vẫn còn mùi nước hoa của anh ta.

Sau khi bọn trẻ tan trường, tôi sẽ mang chúng đến nhà em gái. Em gái tôi, nó tử tế hơn tôi rất nhiều. Tôi sẽ bảo chúng ngoan ngoãn. Không nhúc nhích. Tôi sẽ lại lấy số tiền lần trước. Khi trở về, tôi sẽ mua một sợi dây thừng ở cửa hàng Bricorama.



Mẹ qua đời là lần đau khổ đầu tiên ta khóc mà không có mẹ.

Trích dẫn Jean Antoine Petit.

– Ông muốn ném thử không?

– Rất sẵn lòng.

Tôi lấy mấy quả cà chua bi và đưa cho luật sư Rouault, ông ăn ngon lành.

– Ngon quá. Cô sẽ ở lại đây sao?

– Ông muốn tôi đi đâu được chứ?

– Với số tiền thừa kế, cô có thể nghỉ làm.

–Ồ không, không đâu. Tôi yêu căn nhà, tôi yêu nghĩa trang này, tôi yêu công việc, tôi yêu các bạn của tôi. Với lại, ai sẽ chăm sóc cho mấy con vật của tôi?

– Nhưng rốt cuộc, dù sao, cũng nên mua cho mình một tài sản nhỏ, một thứ gì đó, ở đâu đấy.

–Ồ không. Sau đó lúc nào tôi cũng sẽ buộc phải đi đến đó. Ông biết đấy, những ngôi nhà thứ hai, chúng sẽ ngăn ta có những chuyến du lịch khác, những chuyến du lịch chỉ được quyết định vào phút chót. Với lại, nói

thật lòng, ông có hình dung được người như tôi mà lại có ngôi nhà thứ hai không?

– Cô sẽ làm gì với tất cả số tiền ấy, nếu câu hỏi của tôi không quá tọc mạch?

– Một trăm chia cho ba là bao nhiêu?

– 33,33333 đến vô cùng.

– Thế thì, tôi sẽ cho 33,33333% đến vô cùng cho Restos du coeur, cho Amnesty International và cho Quỹ Bardot. Như thế, tôi sẽ có thể trợ giúp thế giới đôi chút từ cái nghĩa trang nhỏ này. Lại đây nào, luật sư, chúng ta sẽ uống một ly.

Ông nhặt cây ba toong và mỉm cười đi theo tôi. Chúng tôi ngồi dưới giàn cây hình vòm để thưởng thức một chai vang Sauternes lạnh ngon tuyệt. Luật sư Rouault cởi chiếc áo vest đồng phục và duỗi dài đôi chân, đồng thời sục các ngón tay vào đĩa lạt rang muối.

– Ông nhìn xem, hôm nay trời đẹp quá, mỗi ngày tôi đều ngất ngây trước vẻ đẹp của thế giới. Tất nhiên, có cái chết, nỗi đau buồn, thời tiết xấu, ngày lễ Các Thánh, nhưng sự sống luôn lấn át. Luôn có một buổi sáng trời sáng đẹp, cây cỏ lại đâm chồi trên lớp đất bị thiêu rụi.

– Có lẽ tôi nên gửi các gia tộc đang lăng mạ nhau trong văn phòng của tôi đến chỗ cô, ở bên cô họ có thể thực tập môn thông thái học.

– Tôi thì tôi nghĩ rằng lẽ ra không nên có việc thừa kế. Tôi nghĩ ta nên trao hết mọi thứ cho những người ta yêu ngay khi họ còn sống. Thời gian và tiền bạc. Tài sản thừa kế, có lẽ đó là một phát kiến của quỷ, để các gia đình tan đàn xẻ nghé. Tôi chỉ tin vào sự hiến tặng khi còn sống. Chứ không tin vào những hứa hẹn khi chết.

– Cô có biết rằng chồng cô giàu có không?

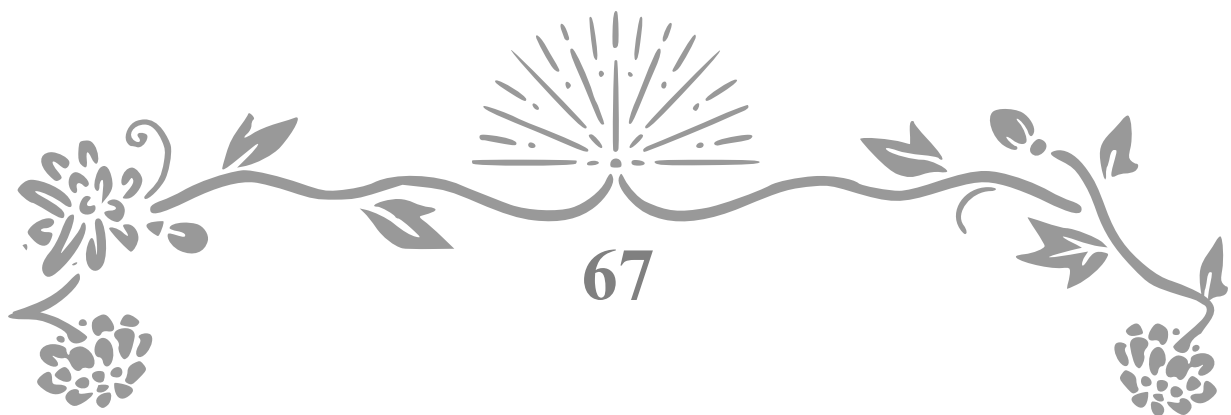
– Chồng tôi không giàu có. Anh ấy quá cô độc và quá bất hạnh. May thay, lúc cuối đời, anh ấy đã sống cùng với người phù hợp.

– Cô bao nhiêu tuổi rồi, Violette thân mến?

– Tôi cũng không biết. Kể từ tháng Bảy năm 1993, tôi không còn ăn mừng sinh nhật nữa.

– Cô có thể làm lại cuộc đời.

– Cuộc đời tôi như thế này là rất tốt rồi.



*Trên lớp cát lún nơi cuộc đời chìm xuống, mọc lên bông hoa dại
dàng mà trái tim tôi đã lựa chọn.*

Tháng Tám năm 1996, một năm trước khi chuyển đến sống ở nghĩa trang, tôi rời căn nhà gỗ ở Sormiou sớm hơn thường lệ. Tôi bắt tàu đến tận Mâcon, rồi đi chuyển xe buýt có chặng dừng ở Brancion-en-Chalon, trên hành trình đi Tournus. Chuyển buýt của tôi đi qua La Clayette, tôi nhìn thấy lâu đài Notre-Dame-des-Prés, từ xa, qua cửa kính xe, lần đầu tiên. Vài phút sau thì chuyển buýt của tôi dừng lại đằng trước tòa thị chính Brancion-en-Chalon, và khi bước xuống xe, tôi run rẩy từ đầu đến chân. Hai chân tôi phải khó khăn lắm mới đưa được tôi đến tận nghĩa trang. Sau mỗi bước chân, tôi như lại nhìn thấy lâu đài, những ô cửa sổ, những bức tường màu trắng. Tôi thoáng nhìn thấy hồ nước, từ đằng sau, ánh lên như một biển ngọc lam. Trời rất nóng.

Cánh cửa vào nhà Sasha từ phía nghĩa trang mở hé, nhưng tôi không vào nhà. Tôi đi thẳng đến mộ Léonine, vẫn như nhìn thấy những bức tường của tòa lâu đài. Đằng trước tấm bia có khắc tên con gái tôi và tên các bạn của con bé, lần đầu tiên tôi trách giận bản thân vì đã không đến dự lễ tang, vì đã để con bé ra đi đơn độc, vì đã không đặt lên mộ con bé dù chỉ là một

viên sỏi trắng. Tuy nhiên, cũng ngày hôm đó, thêm một lần nữa, tôi biết rằng Léonine hiện hữu rõ rệt ở biển Địa Trung Hải, nơi tôi vừa từ đó trở về, và trong những bông hoa ở vườn của Sasha, hơn là bên dưới phiến đá trên ngôi mộ kia. Tôi đi đến nhà Sasha, tâm hồn nặng trĩu.

Ông không biết là tôi đến, tôi đã không báo trước với ông. Đã hơn hai tháng tôi không gặp ông. Từ khi Philippe Toussaint cấm tôi. Trong nhà gọn gàng. Cánh cửa thông ra vườn rau mở rộng. Tôi không gọi ông. Tôi đi ra vườn và nhìn thấy ông, nằm trên một băng ghế, ông đang ngủ trưa, một chiếc mũ cói che trên mặt. Tôi khẽ khàng bước lại bên ông, ông lập tức bật dậy và ôm choàng lấy tôi.

– Không có gì đẹp hơn là bầu trời nhìn qua một chiếc mũ cói. Bác thích nhìn ngắm bầu trời qua những cái lỗ, như thế mặt trời không làm bác chói mắt. Con chim sẻ nhỏ của bác, thật là một điều ngạc nhiên tuyệt vời... Cháu ở lại cả ngày chứ?

– Hơn thế một chút.

– Tuyệt quá! Cháu ăn chưa?

– Cháu không đói.

– Bác sẽ làm bánh cho cháu.

– Nhưng cháu không đói.

– Với bơ và pho mát Gruyère bào nhỏ, đi nào, lại đây, chúng ta có việc phải làm đây! Cháu thấy mọi thứ mọc nhanh thế nào chưa? Đúng là một năm làm vườn bội thu! Một năm bội thu!

Đúng lúc đó, khi nhìn ông phấn khích và mỉm cười, tôi cảm thấy điều gì đó ấm áp trong lòng, gần giống như hạnh phúc. Không phải thứ gì đó giả tạo, không phải những con bùng phát chỉ kéo dài vài giây, mà là cảm giác

trơn vẹn, một nụ cười không lập tức biến mất trên môi, nổi khát khao, đơn giản là thế. Tôi không còn ở chế độ điều khiển từ xa, mà trong tôi đã thực sự có một con người đang sống.

Tôi những muốn giữ lại mùa hè và khoảnh khắc ấy, khu vườn và Sasha, mãi mãi.

Tôi ở lại cùng ông bốn ngày. Chúng tôi bắt đầu bằng việc hái cà chua chín để đóng hộp. Trước hết, chúng tôi khử trùng những chiếc bình trong một cái chậu giặt đựng đầy nước mà Sasha đã đun sôi bằng bếp củi. Sau đó, chúng tôi cắt và bỏ hạt cà chua trước khi bỏ chúng vào trong bình cùng những nhánh lá húng vừa mới hái. Sasha dạy tôi về tầm quan trọng của những cái nút cao su mới để nút các bình cho thật kín. Chúng tôi đã nấu chúng trong mười lăm phút.

– Bây giờ, những bình này, chúng ta có thể để dành ít nhất là bốn năm. Nhưng cháu thấy đấy, tất cả những người đang yên nghỉ trong nghĩa trang này, họ đã để dành nhiều thứ, chúng có ích gì cho họ đâu? Bác cháu ta, chúng ta sẽ không chờ đợi gì hết, và tối nay, chúng ta sẽ mở luôn một bình.

Chúng tôi cũng làm tương tự với đậu cô ve. Chúng tôi ngắt cuống, bỏ đậu vào những chiếc bình rồi rót thêm một cốc nước muối, đây nắp lại rồi mang đun sôi.

– Năm nay, đậu cô ve của bác chín chỉ trong một đêm, đúng hai hôm trước, hẳn là chúng cảm nhận được là cháu sắp đến... Đừng bao giờ đánh giá thấp năng lực tiên đoán của khu vườn của cháu.

Ngày thứ hai, có một lễ an táng. Sasha đề nghị tôi đi cùng ông. Tôi sẽ không phải làm gì hết, chỉ đứng cạnh ông thôi. Đây là lần đầu tiên tôi dự một lễ an táng. Tôi nhìn thấy những khuôn mặt, nổi đau buồn, vẻ nhợt nhạt, những bộ trang phục đẹp đẽ sẫm màu. Tôi nhìn thấy những bàn tay siết chặt

lấy nhau, những người khoác tay nhau, đầu cúi thấp. Tôi vẫn còn nhớ bài diễn từ do con trai của người quá cố đọc, giọng đầm nước mắt:

– Ba à, như André Malraux đã nói, ngôi mộ đẹp nhất chính là ký ức của mọi người. Ba từng yêu cuộc sống, phụ nữ, rượu vang ngon và Mozart. Từ nay trở đi, mỗi khi con mở một chai rượu ngon hoặc gặp một phụ nữ đẹp, mỗi lần con thưởng thức một ly vang ngon bên cạnh một phụ nữ đẹp, con sẽ biết rằng ba không ở xa con. Mỗi lần vườn nho đổi màu, chuyển từ xanh sang đỏ, mỗi khi bầu trời, trong vòng vài giờ, rạng lên trong thứ ánh sáng dịu dàng, con sẽ biết rằng ba cách đó không xa. Khi con nghe một bản concerto dành cho kèn clarinet, con sẽ biết rằng ba đang ở đó. Hãy yên nghỉ, ba nhé, chúng con sẽ lo mọi chuyện.

Khi mọi người đã rời đi, khi chúng tôi quay về nhà, tôi hỏi Sasha xem có khi nào ông lưu lại những bài diễn từ vĩnh biệt mà ông nghe thấy không. Xem ông có chép lại chúng ở đâu đó không.

– Để làm gì?

– Cháu muốn biết mọi người đã nói gì vào ngày an táng Léonine.

– Bác không giữ lại thứ gì. Rau không mọc lại từ năm này sang năm khác. Mỗi năm, chúng ta lại phải trồng lại hết. Ngoại trừ cà chua bi: loài cây này, nó tự mọc, hơi lộn xộn, hơi lung tung.

– Tại sao bác lại nói điều đó với cháu?

– Cuộc sống giống như một cuộc chạy tiếp sức, Violette ạ. Cháu chuyển nó cho một ai đó, người ấy tiếp nhận nó rồi lại giao nó cho một người khác. Với cháu, bác đã giao lại nó cho cháu, rồi một ngày cháu sẽ giao lại nó.

– Nhưng cháu chỉ có một mình trên đời.

– Không, bác vẫn ở đây, và sẽ có một người nào đó sau bác. Nếu cháu muốn biết mọi người đã nói những gì trong lễ an táng Léonine, cháu hãy tự viết ra, một lát nữa hãy viết ra, trước khi đi ngủ.

Ngày thứ ba, tôi đọc một bài diễn từ vĩnh biệt dành cho Léonine.

Tôi gặp lại Sasha ở một lối đi trong nghĩa trang. Chúng tôi bước đi dọc theo các ngôi mộ, ông nói với tôi về những người quá cố, những người đã qua đời từ lâu, và về những người khác, những người vừa mới dọn đến.

– Bác có con không, bác Sasha?

– Khi còn trẻ, bác cũng muốn giống như mọi người, bác đã kết hôn. Và đó quả là một điều vô cùng ngu ngốc, một ý tưởng ngớ ngẩn: muốn giống như mọi người. Những kiểu cách, những trò vờ vịt và những định kiến chính là những thứ giết người. Vợ bác tên là Verena, bà ấy rất xinh, bà ấy có giọng nói dịu dàng, giống như cháu. Mà cháu cũng có chút giống bà ấy đấy. Hồi ấy, bác vẫn còn là một gã trai ngu ngốc tự phụ, bác cứ tưởng là sắc đẹp của bà ấy sẽ khiến bác cứng lên được. Ngày cưới, khi nhìn thấy bà ấy trong chiếc khăn choàng đăng ten trắng, rụt rè, mặt đỏ ửng, khi vén tấm voan che phủ khuôn mặt xinh đẹp của bà ấy, bác đã biết rằng bác nói dối tất cả mọi người, đầu tiên là chính bác. Bác đã đặt một nụ hôn lạnh nhạt lên môi bà ấy, trong khi các khách mời vỗ tay hoan hô, còn thứ duy nhất khiến bác quan tâm chính là cơ bắp của đám đàn ông, bên trong lớp áo sơ mi. Bác đã uống say trước khi vũ hội bắt đầu. Đêm tân hôn quả là một cơn ác mộng. Bác đã cố gắng, bác nghĩ đến người anh trai của vợ bác, một anh chàng tóc nâu có đôi mắt to đen. Nhưng không ổn, bác không thể quan hệ với vợ bác. Verena gán “chuyện đó” cho nỗi xúc động và tình trạng say rượu. Sau nhiều tuần, nhiều đêm ôm ấp nhau, cuối cùng bác cũng làm được. Cuối cùng bác cũng chiếm đoạt được sự trinh trắng của bà ấy. Thậm chí bác không thể nói

với cháu chúng đã khiến bác đau đớn đến thế nào, đôi mắt tràn ngập tình yêu và sự dịu dàng của bà ấy, trong khi bác chỉ chạm được vào người bà ấy nhờ trí tưởng tượng đáng ghê tởm của bác. Đêm nối đêm, và tất cả đàn ông trong làng bác đều được viện đến, bác đã quan hệ với tất cả bọn họ thông qua vợ bác.

Rồi bọn bác chuyển nhà. Chuyện ngu xuẩn thứ hai, không phải vì đổi địa chỉ nhà mà ta thay đổi được ham muốn. Thứ đó dính chặt vào va li của ta. Trái ngược với lũ chim di cư và đám cỏ dại, nó không có cái năng lực thích ứng với mọi loại khí hậu. Bác đã thay mới cửa sổ và bậc thềm, nhưng vẫn tiếp tục ngắm nhìn đám đàn ông. Bác đã nhiều lần phản bội vợ bác trong các nhà vệ sinh công cộng. Thật hổ thẹn... Vì phải giả vờ quá nhiều, bác đâm ngã bệnh. Bác không giả vờ yêu Verena, bác yêu bà ấy chân thành. Bác nhìn như muốn ăn tươi nuốt sống bà ấy, nhưng chỉ bằng ánh mắt mà thôi. Bác yêu những cử chỉ, làn da, những chuyển động của bà ấy, nhưng bác nhìn món tóc nâu xinh đẹp rủ xuống mặt bà ấy giống như một sự cấm đoán dành cho bác. Cuối cùng, bác bị ung thư máu. Lũ bạch cầu của bác bắt đầu ăn thịt các hồng cầu. Những bạch cầu ấy, bác coi chúng như những người phụ nữ mặc váy cưới, chúng sinh sôi nảy nở trong huyết mạch bác, nổi nhọc nhãi giày vò bác. Có thể chuyện này sẽ khó hiểu đối với cháu, nhưng những ngày nằm trong bệnh viện đã xoa dịu bác. Chúng giúp bác tránh được cái nghĩa vụ phải “vinh danh” Verena trên giường. “Làm ô danh” bà ấy có lẽ là đúng hơn. Nằm trong chăn, bác tiếp tục nhắm mắt và vuốt ve thân hình bà ấy trong lúc nghĩ đến một người khác, bất kỳ ai. Kể cả những anh chàng dẫn chương trình truyền hình.

Verena có thai. Bác nhìn thấy ánh sáng trong sự thai nghén ấy, giống như sự đền đáp tích cực duy nhất cho ba năm kết hợp tâm tối của bọn bác.

Bác nhìn thấy bụng bà ấy tròn lên, bác bắt đầu làm vườn trở lại. Bác lại trở thành một người đàn ông gần như hạnh phúc. Đứa con ấy, bác vẫn hằng mơ về nó. Và nó ra đời. Một đứa con trai mà bọn bác đặt tên là Émile. Verena bớt quan tâm đến bác, bớt ham muốn bác, bà ấy toàn tâm toàn ý với đứa con, và bác ngày càng cảm thấy tốt hơn. Bác có những người tình, một người vợ dịu dàng, mẹ của con trai bác, bác gần như bơi trong hạnh phúc, một thứ hạnh phúc ô nhiễm nhưng dù sao cũng là hạnh phúc. Bác là một người cha tuyệt vời, cháu biết không? Với lại, một đứa nhóc quả là rất tiện khi ta không muốn chạm vào người vợ mình nữa. Bà ấy mệt mỏi, dễ tổn thương, bà ấy thường xuyên đau đầu, vì phải nghe thằng bé khóc đêm, quá nóng, quá lạnh, mọc răng, mơ thấy ác mộng, viêm tai. Bác chỉ ngủ lại một lần duy nhất với Verena sau một giao thừa quá chén, và chỉ lần ấy đã đủ để bà ấy mang thai thêm lần nữa. Ba năm sau khi Émile chào đời, đến lượt Ninon được sinh ra. Một bé gái vô cùng đáng yêu.

Bác đã có hai đứa con với Verena. Hai đứa con. Bác đã trao đi sự sống, sự sống thực sự, hai lần. Như thể Chúa trời cười nhạo mọi thứ, kể cả những gã pê đê.

– Bây giờ họ bao nhiêu tuổi rồi?

– Cùng tuổi với vợ bác.

– Cháu không hiểu.

– Họ không còn tuổi nữa. Họ đã chết vào năm 1976, trong một tai nạn xe hơi. Trên xa lộ Mặt Trời. Theo kế hoạch, ba ngày sau đó bác sẽ lên tàu đến nhập hội với họ, trong ngôi nhà thuê của bọn bác bên bờ biển. Cháu có biết tại sao không?

– Tại sao cái gì ạ?

– Tại sao ba ngày sau bác mới đến nhập hội với họ?

– ...

– Bác đã nói với Verena rằng bác có việc phải làm nốt. Vào năm 1976, bác là kỹ sư. Sự thật là bác đã dự kiến ba ngày vui vẻ với một gã đồng nghiệp. Khi biết họ đã chết, bác trở nên điên dại. Người ta đã phải nhốt bác trong bệnh viện, rất lâu. Chính ở đó, giữa các bức tường trắng, mà bác học được cách chữa trị cho người khác bằng đôi bàn tay. Cháu thấy đấy, Violette ạ, cháu và bác, số phận của chúng ta là phải chịu đau khổ, tuy nhiên chúng ta vẫn còn đây. Hai bác cháu ta giống với tất cả các tiểu thuyết của Victor Hugo tập hợp lại. Một tuyển tập những bất hạnh lớn lao, những hạnh phúc nhỏ nhoi và những niềm hy vọng.

– Họ được chôn ở đâu?

– Gần Valence, trong hầm mộ của gia đình Verena.

– Nhưng làm sao bác lại ở đây, trong nghĩa trang này?

– Sau khi ra khỏi bệnh viện, bác là một trường hợp cần được cứu trợ xã hội. Thị trưởng ở đây quen biết bác từ lâu, ông ấy tuyển bác làm công nhân sửa đường. Cái gã mặc đồ bảo hộ màu xanh lam vừa nói một mình vừa lia chổi bên cạnh các thùng rác của thành phố, bác từng là như thế. Khi đã hồi phục, bác xin nhận chân quần trang lúc đó đang khuyết người. Chỗ của bác là ở bên những người quá cố. Thân nhân đã chết của những người khác.

Sasha cầm lấy cánh tay tôi. Chúng tôi bắt gặp một người đàn ông và một phụ nữ, họ hỏi Sasha vị trí của một ngôi mộ. Trong khi ông chỉ dẫn họ phải đi hướng nào, theo những lối đi nào, tôi quan sát ông. Sau khi ông kể với tôi về những người thân đã mất, thân hình ông hơi không xuống. Tôi nghĩ chúng tôi là hai kẻ sống sót vẫn còn đang trụ vững. Hai kẻ đắm tàu mà đại dương bất hạnh không thể chìm chết hoàn toàn.

Sau khi người đàn ông và người phụ nữ cảm ơn Sasha, tôi đưa tay nắm lấy bàn tay ông và chúng tôi tiếp tục bước đi.

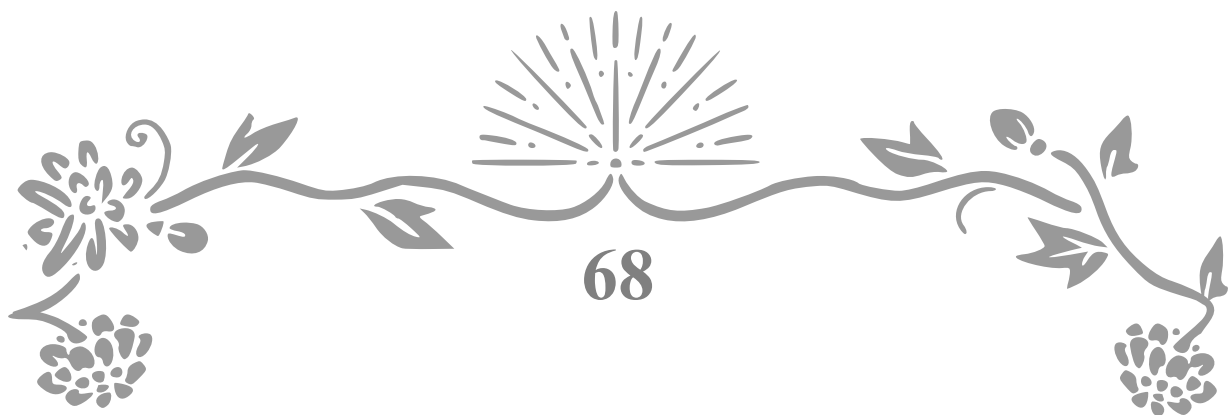
– Lúc đầu, thị trưởng ngần ngại. Nhưng người thân của bác đã chết hết từ lâu, đã hết thời hạn hiệu lực rồi. Bác sẽ không cần phải dạy cháu rằng giữa cái chết và thời gian, luôn có một thời hạn hiệu lực... Cháu nhìn xem, tiết trời hôm nay đẹp tuyệt. Hôm nay, bác sẽ dạy cháu nghệ thuật giám cảnh hồng. Cháu có biết những cảnh nhánh đã hóa gỗ không?

– Không ạ.

– Đó là những cái cảnh bắt đầu tạo lỗi gỗ từ tháng Tám trở đi. Những đốm nâu xuất hiện trên nền xanh lá cây, giống như những cái đốm mà cháu nhìn thấy trên bàn tay bác. Đó là những dấu hiệu của tuổi già. Người ta gọi chúng là “cảnh nhánh hóa gỗ”. Thế thì, cháu hãy hình dung là chính với những cảnh già nua ấy mà cháu sẽ tạo ra được những cái chồi mới. Chẳng phải là điều khó tin sao? Cháu muốn ăn gì tối nay? Hay bác làm cho cháu món bơ rưới chanh? Món đó rất tốt cho sức khỏe của cháu đấy, rất nhiều vitamin và a xít béo.

Ngày thứ tư, ông đưa tôi đến tận ga Mâcon, bằng chiếc xe Peugeot cũ kỹ. Ông đã nhét những bình cà chua và đậu cô ve vào va li của tôi. Nó nặng đến nỗi tôi phải chật vật mới kéo nó về được Malgrange.

Trên đường về, giữa nghĩa trang và bãi đỗ xe của nhà ga, ông nói với tôi rằng ông muốn về hưu. Rằng ông đã mệt mỏi, rằng đã đến lúc ông chuyển giao cho một người khác và rằng cái người khác ấy chỉ có thể là tôi.



Tình yêu của họ còn xanh thắm hơn bầu trời chung quanh.

Trích lời bài hát “Petite Marie”, Francis Cabrel.

Con sẽ không bao giờ được mở tiệc vĩnh biệt đời con gái của mình.

Con sẽ không ăn mừng ngày lễ Thánh Catherine.

Con sẽ không nhảy điệu slow.

Con sẽ không có xác tay cũng không phải trải qua những kỳ kinh đau đớn.

Con sẽ không đeo niềng răng.

Mẹ sẽ không nhìn thấy con lớn lên, béo ra, đau khô, ly hôn, ăn kiêng, sinh con, cho con bú, yêu đương.

Con sẽ không có mụn trứng cá cũng không phải đặt vòng tránh thai.

Mẹ sẽ không phải nghe con nói dối. Cũng không phải bao che hay bảo vệ con.

Con sẽ không ăn trộm tiền lẻ trong ví mẹ. Mẹ sẽ không mở tài khoản tiết kiệm không kỳ hạn để trợ giúp cho con.

Con sẽ không uống thuốc tránh thai.

Mẹ sẽ không nhìn thấy những nếp nhăn và những vết nám xuất hiện

trên mặt con, không thấy da con bị sần sùi, không thấy da bụng con bị rạn.

Mẹ sẽ không ngửi thấy mùi thuốc lá trên quần áo con, mẹ sẽ không chứng kiến con hút thuốc rồi bỏ thuốc.

Mẹ sẽ không bao giờ nhìn thấy con say rượu hay phê thuốc.

Con sẽ không ôn thi tú tài môn Pháp văn trước màn hình ti vi tường thuật giải Roland-Garros, con sẽ không trách cứ bà Bovary, “người phụ nữ tội nghiệp ấy”, cũng không trách cứ Marguerite Duras hay các giáo viên dạy con.

Con sẽ không có một chiếc xe gắn máy, cũng không bị thất tình.

Con sẽ không có nụ hôn kiểu Pháp, con sẽ không tận hưởng.

Chúng ta sẽ không ăn mừng con đỗ tú tài.

Chúng ta sẽ không bao giờ chạm cốc cùng nhau.

Con sẽ không xịt khử mùi, con sẽ không bị đau ruột thừa.

Mẹ sẽ không phải sợ con lên xe với bất kỳ ai. Chuyện đó thì con đã làm rồi.

Con sẽ không bị đau răng.

Chúng ta sẽ không phải đến phòng cấp cứu lúc nửa đêm.

Con sẽ không đến Trung tâm giới thiệu việc làm ANPE.

Con sẽ không có tài khoản ngân hàng, không có thẻ sinh viên, không có thẻ thanh niên, không có sổ an sinh xã hội, cũng không có thẻ khách hàng thường xuyên.

Mẹ sẽ không bao giờ biết được sở thích của con, những điều khiến con bị thu hút. Loại quần áo nào, thể loại văn chương nào, thể loại âm nhạc nào, loại nước hoa nào.

Mẹ sẽ không nhìn thấy con giận dữ, đóng sầm các cánh cửa, trốn nhà

đi chơi, chờ đợi ai đó, đi máy bay.

Con sẽ không ra đi. Con sẽ không thay đổi địa chỉ.

Mẹ sẽ không bao giờ biết liệu con có găm móng tay không, liệu con có sơn móng tay, có thoa phấn mắt, có chuốt mi không.

Cũng không biết con có năng khiếu ngoại ngữ không.

Con sẽ không bao giờ đổi màu tóc.

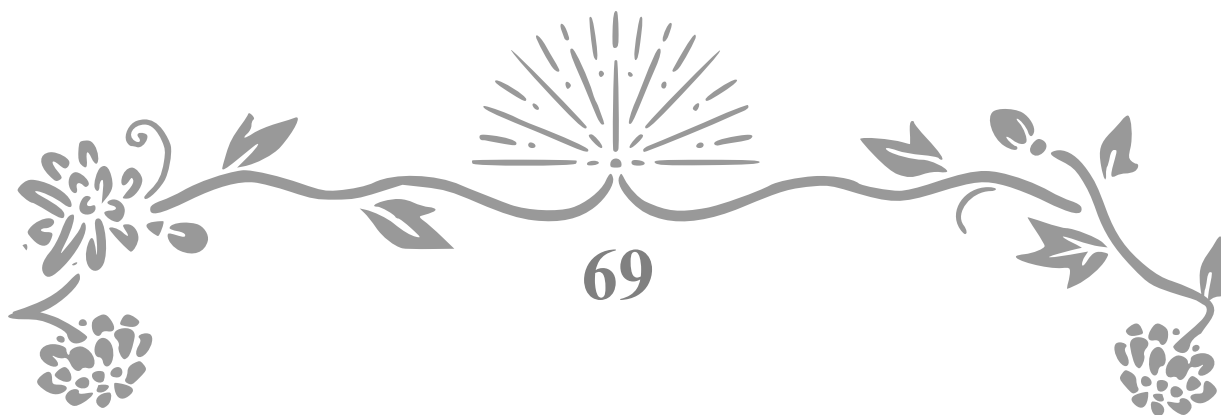
Trong tim con, con sẽ giữ mãi Alexandre, người yêu của con từ hồi lớp hai.

Con sẽ không cưới ai hết.

Con sẽ mãi là Léonine Toussaint. Quý cô.

Con sẽ chỉ mãi thích món “bánh mì đi lạc”, trứng ốp lết, khoai tây chiên, mì nui, bánh kếp, cá chiên xù, trứng tuyết và kem chantilly.

Con sẽ lớn lên theo cách khác, trong tình yêu mà mẹ mãi dành cho con. Con sẽ lớn lên ở nơi khác, trong tiếng thì thầm của thế giới, trong biển Địa Trung Hải, trong khu vườn của Sasha, trong sỏi cánh của một chú chim, trong buổi bình minh, khi màn đêm xuống, thông qua một thiếu nữ mà mẹ sẽ tình cờ bắt gặp, trong tán lá của một cái cây, trong lời cầu nguyện của một phụ nữ, trong nước mắt của một người đàn ông, trong ánh sáng của một ngọn nến, rồi con sẽ tái sinh, một ngày nào đó, dưới hình hài của một bông hoa hoặc một cậu nhóc, ở nhà của một người mẹ khác, con sẽ ở bất kỳ nơi nào ánh mắt mẹ chạm đến. Nơi nào trái tim mẹ còn sống, nơi đó trái tim con còn đập.



Không gì có thể khiến nó úa tàn, không gì có thể khiến nó héo hon, bông hoa tuyệt đẹp có tên là kỷ ức ấy.

– Chào cô.

– Chào chàng trai nhỏ.

Một cậu bé dễ thương rút mạnh chiếc ống hút để hút nốt những giọt nước ép táo cuối cùng còn sót trong đáy lon. Cậu ngồi bên bàn ăn trong bếp nhà tôi, một mình.

– Bố mẹ cháu đâu?

Để trả lời tôi, cậu hát đầu về phía nghĩa trang.

– Bố cháu bảo cháu chờ ở đây, bởi vì trời đang mưa.

– Cháu tên là gì?

– Nathan.

– Cháu có muốn một miếng bánh ga tô sô cô la không, Nathan?

Cậu mở to đôi mắt háu ăn.

– Có ạ, cảm ơn cô. Đây là nhà cô sao?

– Đúng thế.

– Cô làm việc ở đây ư?

– Đúng.

Cậu chớp mắt. Cậu có hai hàng mi đen dài.

– Cô cũng ngủ ở đây sao?

– Đúng rồi.

Cậu nhìn tôi như thể tôi là một nhân vật trong bộ phim hoạt hình yêu thích của cậu.

– Ban đêm cô không sợ sao?

– Không, tại sao cô lại phải sợ chứ?

– Vì có lũ zombie.

– Zombie là gì thế?

Cậu ngón ngấu một miếng bánh ga tô sô cô la thật to.

– Là lũ xác sống khiến mọi người chết khiếp. Cháu đã xem một bộ phim, đáng sợ cực.

– Không phải cháu vẫn còn hơi nhỏ để có thể xem thể loại phim đó sao?

– Đây là ở nhà Antoine, trong máy tính xách tay của nó, chúng cháu không xem hết, vì sợ quá. Nhưng dù sao cháu cũng bảy tuổi rồi đấy.

– À đúng, dù sao cháu cũng bảy tuổi rồi cơ đấy.

– Cô đã nhìn thấy lũ zombie chưa?

– Chưa, chưa bao giờ.

Cậu có vẻ vô cùng thất vọng. Cậu bấu môi một cái, trông thật đáng yêu. Tutti Frutti chui vào qua lỗ mèo. Lông nó ướt sũng. Nó đến chỗ Éliane đang nằm trong ổ để tìm chút hơi ấm. Con chó cái mở một mắt rồi lại ngủ

lại ngay. Nathan rời ghế đến vuốt ve chúng. Cậu dùng hai tay kéo chiếc quần jean, rồi lại kéo ống tay chiếc áo thun có mũ. Cậu đi đôi giày thể thao, để giày sáng lên dưới mỗi bước chân. Chúng khiến tôi nhớ đến những hình ảnh trong đoạn video “Billie Jean” của Michael Jackson.

– Con mèo này là của cô à?

– Ừ.

– Nó tên là gì ạ?

– Tutti Frutti.

Cậu phá lên cười. Răng cậu dính đầy sô cô la.

– Cái tên nghe buồn cười quá.

Julien Seul gõ vào cánh cửa nhà tôi, phía nghĩa trang, rồi bước vào. Anh cũng ướt sũng, chẳng khác gì con mèo.

– Xin chào.

Anh đưa mắt nhìn về phía cậu bé và dịu dàng mỉm cười với tôi. Tôi cảm thấy anh muốn đi về phía tôi, chạm vào tôi, nhưng vẫn đứng yên không nhúc nhích. Anh chỉ làm điều đó bằng ánh mắt. Tôi cảm thấy như anh đang cởi áo choàng của tôi. Cởi bỏ mùa đông để ngắm nhìn mùa hè.

– Ổn không, con yêu?

Người tôi cứng đờ.

– Ba ơi, ba có biết con mèo này tên là gì không?

Nathan là con trai của Julien. Tim tôi nảy lên chẳng khác nào một con ngựa rừng Nam Mỹ phi nước đại, như thể tôi vừa chạy lên rồi chạy lại xuống cầu thang nhiều lần.

Julien lập tức trả lời:

– Tutti Frutti.

– Làm sao ba biết được?

– Ba biết mà. Đây không phải lần đầu tiên ba đến đây. Nathan này, con đã chào cô Violette chưa?

Nathan nhìn tôi chăm chú.

– Cô tên là Violette sao?

– Đúng rồi.

– Ở đây, mọi người có những cái tên buồn cười thật!

Cậu quay lại bên bàn, ngồi xuống và ăn nốt miếng bánh. Bố cậu vừa ngắm nhìn cậu vừa mỉm cười.

– Chúng ta đi thôi nào, con yêu.

Đến lượt tôi cảm thấy thất vọng khủng khiếp. Giống như Nathan khi biết rằng tôi chưa từng nhìn thấy zombie.

– Hai bố con không ở lại thêm chút nữa sao?

– Mọi người đang chờ bố con anh ở Auvergne. Chiều nay là đám cưới của một cô em họ.

Anh chăm chăm nhìn tôi:

– Con yêu, hãy ra xe chờ ba, cửa xe vẫn mở đấy.

– Nhưng trời đang mưa như bò đái kìa!

Chúng tôi rất ngạc nhiên trước câu trả lời của cậu bé và cùng phá lên cười.

– Người nào ra đến xe trước sẽ được bật nhạc theo ý mình.

Nathan nhanh nhẹn chạy đến hôn lên má tôi.

– Nếu cô nhìn thấy lũ zombie, cô hãy gọi cho bố cháu, bố cháu là cảnh sát đấy.

Cậu bé chạy ra cửa phía nghĩa trang, về phía chiếc xe đang đỗ.

– Thằng bé tuyệt quá.

– Nó thừa hưởng điều đó từ mẹ nó... Em đã đọc nhật ký của mẹ tôi chưa?

– Tôi còn chưa đọc xong. Anh muốn mang chút cà phê đi đường không?

Anh lắc đầu.

– Để đi đường, tôi muốn đưa em đi cùng hơn, em ấy.

Lần này, anh lại gần tôi rồi ôm siết tôi trong vòng tay. Tôi cảm thấy anh hít hà cổ tôi. Tôi nhắm mắt lại. Khi tôi mở mắt ra, anh đã đứng trước cửa. Anh đã làm ướt quần áo tôi.

– Violette này, tôi tuyệt đối không muốn rằng một ngày kia người ta sẽ đến đặt bình tro của em lên mộ tôi. Thật ra là tôi không quan tâm. Tôi muốn sống cùng em bây giờ, ngay lập tức. Khi chúng ta vẫn còn có thể cùng nhau ngắm nhìn bầu trời... Ngay cả khi trời mù mịt như hôm nay.

– Sống cùng tôi ư?

– Tôi chỉ muốn chuyện này... cuộc gặp gỡ giữa mẹ tôi và người đàn ông ấy, chính là để phục vụ cho việc này, đúng ra là cho chúng ta.

– Nhưng tôi không đủ khả năng.

– Khả năng?

– Đúng thế, khả năng.

– Nhưng tôi đâu có bảo em đi làm nghĩa vụ quân sự đâu.

– Tôi không đủ khả năng, tôi đã bị gãy vỡ. Tình yêu là điều bất khả đối với tôi. Tôi không thể sống được nữa. Tôi còn chết chóc hơn những bóng ma đang lang thang trong nghĩa trang này. Vậy là anh không hiểu sao?

Chuyện đó là không thể.

– Chẳng có gì là không thể cả.

– Có đấy.

Anh buồn bã mỉm cười với tôi.

– Thật đáng tiếc.

Anh đóng cửa lại sau lưng rồi hai phút sau lại quay vào nhà mà không gõ cửa.

– Bọn tôi dẫn em đi cùng.

– ...

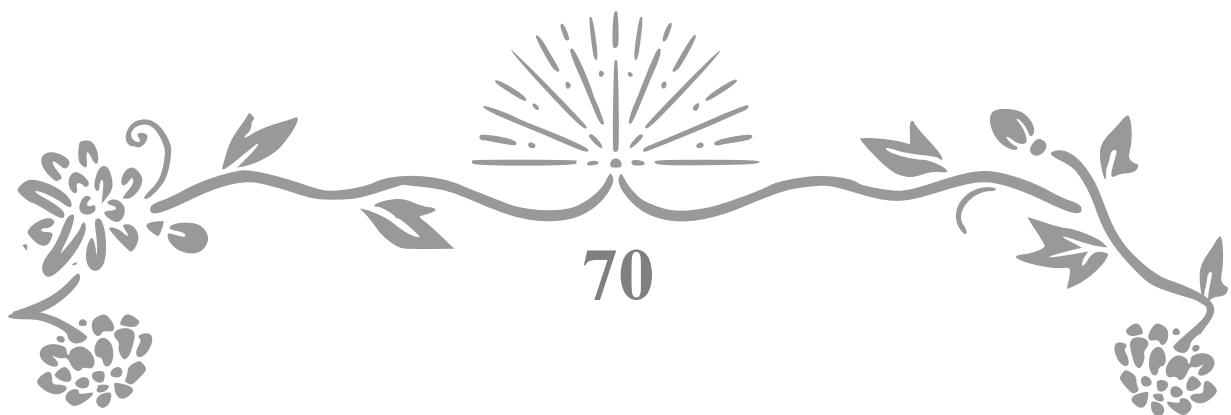
– Đến đám cưới. Cách đây hai giờ đi đường.

– Nhưng tôi...

– Tôi cho em mười phút để sửa soạn.

– Nhưng tôi không thể...

– Tôi vừa gọi điện thoại cho Nono, năm phút nữa anh ấy sẽ đến trực thay em.



Một ngày nào đó, chúng ta sẽ đến ngôi bên người trong ngôi nhà của Chúa.

Tháng Tám năm 1996.

Khi ra khỏi nhà Geneviève Magnan, Philippe còn đau khổ hơn cả sỏi đá – thật là một cách nói kỳ cục mà ông cậu Luc của anh thường dùng. Anh đã lái mô tô đến tận nghĩa trang. Ngày hôm đó có một lễ tang. Mọi người tập trung dưới nắng nóng, thành từng nhóm, cách xa ngôi mộ của Léonine. Anh đã không mang theo hoa. Anh chưa bao giờ mang hoa đến đây. Thông thường, mẹ anh là người lo chuyện này.

Đây là lần đầu tiên anh đến thăm mộ con một mình. Anh đến đây hai lần mỗi năm, luôn đi cùng bố mẹ.

Bố mẹ anh thường đỗ xe trước trạm gác ghi mà không vào bên trong nữa vì sợ phải gặp Violette, sợ phải đối diện với nỗi tuyệt vọng của cô. Còn anh, với tư cách là một đứa con trai ngoan ngoãn, anh ngồi trên băng ghế sau giống như hồi còn nhỏ, khi cả nhà cùng đi nghỉ, khi ấy anh cảm thấy băng ghế rộng mênh mông nhưng ở cuối chuyến đi là biển.

Philippe vẫn luôn tự nhủ anh là con trai duy nhất là bởi vì bố mẹ anh

chỉ làm tình có một lần, do tình cờ. Philippe vẫn luôn tự nhủ rằng anh chính là một tai nạn.

Bố anh, thân hình còng gập vì đau buồn và vì những năm tháng sống cùng với vợ, lái xe rất tồi. Ông đạp phanh mà không ai biết tại sao, ông nhấn ga cũng chẳng ai hiểu hơn vì lý do gì. Hết chạy bên trái rồi lại lấn sang bên phải. Vượt xe khác khi không nên vượt, để rồi lại không vượt ở những đoạn đường thẳng. Rất thường xuyên bị lạc. Đường như ông không biết gì về những tấm biển chỉ đường.

Con đường từ trạm gác ghi đến nghĩa trang dường như kéo dài bất tận đối với Philippe. Lần đầu tiên đi con đường này, anh đã ngửi thấy mùi cháy khét từ khi họ còn cách lâu đài cả mấy ki lô mét. Không khí nồng nặc giống như sau một vụ hỏa hoạn khủng khiếp.

Lúc đầu, họ dừng xe đằng trước cổng lâu đài, để xe ở đó. Không dám vào ngay lập tức, cả ba người cứ thế ngồi rúm ró trên xe. Rồi họ đi bộ hai trăm mét đến tòa nhà đồ sộ ấy, nơi cánh trái đã bị tàn phá, đen sì. Đông đảo lính cứu hỏa, cảnh sát, những ông bố bà mẹ thất thần, những vị dân biểu. Một cảnh tượng hoang mang trong kinh hoàng. Rất nhiều những khoảng lặng, những cử chỉ loạng choạng, như thể bị đóng băng. Mọi sự đều như trong một đoạn phim quay chậm. Mọi sự đều như mơ hồ, như nhìn thấy từ xa, như bị bọc trong một lớp vải, một lớp bông gòn. Giống như khi thể xác và tinh thần tách nhau ra để khỏi buông xuôi. Như thể tính tương hỗ đã trở nên quá nặng nề, không thể nào cáng đáng nổi. Sức nặng của nỗi đau.

Philippe đã không thể lại gần phòng ngủ số 1. Toàn bộ khu vực đã bị phong tỏa - một câu kiểu phim truyền hình Mỹ ở vùng Bourgogne và trong cuộc sống thực. Những dây nhựa dẻo đỏ được dùng để khoanh vùng nỗi kinh hoàng. Những vị chuyên gia thăm soi sàn nhà và các bức tường, chụp

ảnh. Nghiên cứu đường đi của ngọn lửa, ghi lại câu chuyện bằng cách khai thác những điểm rõ ràng, những bằng chứng, những chỉ dẫn, những dấu vết. Phải có một bản báo cáo chi tiết để nộp cho công tố viên, không thể đùa với cái chết của bốn đứa trẻ. Người ta sẽ trừng phạt và kết tội.

Anh đã nghe rất nhiều lần câu “Tôi rất tiếc, chúng tôi rất tiếc, xin thành thật chia buồn, các cháu đã không phải đau đớn gì”. Anh không nhìn thấy các nhân viên làm việc cho tòa lâu đài, hoặc có thể có nhìn thấy, nhưng đã quên mất. Những đứa trẻ khác, những đứa trẻ may mắn, những đứa trẻ thoát nạn, đã rời đi rồi. Người ta đã khẩn cấp di tản chúng.

Không cần phải nhận dạng cái xác của Léonine, vì không còn xác nữa. Cũng không cần phải chọn quan tài hay sửa soạn diễu hành cho tang lễ, bố mẹ anh đã lo chuyện đó. Vậy là anh sẽ chẳng có gì phải chọn lựa. Anh nghĩ: *Mình chưa từng mua, cho dù chỉ là một đôi giày, một cái váy, một cái kẹp tóc, một đôi tất cho con gái mình. Violette là người làm việc đó, cô ấy vốn thích làm việc đó.* Nhưng để mua quan tài, thì Violette sẽ không có mặt. Violette sẽ không có mặt nữa. Vậy là anh sẽ chẳng phải chăm lo cho ai hết.

Buổi tối, từ khách sạn, anh gọi điện thoại cho cô. Là người phụ nữ Marseille nghe máy. Anh gọi Célia như thế. Anh nhớ anh đã nhờ chị ta đến. Violette đang ngủ. Bác sĩ đã ghé qua nhà nhiều lần để tiêm thuốc an thần cho cô.

Lễ an táng diễn ra vào ngày 18 tháng Bảy năm 1993.

Những người khác, họ nắm tay nhau, khoác tay nhau, nâng đỡ nhau. Còn anh thì không đụng chạm, cũng không nói chuyện với bất kỳ ai. Mẹ anh đã thử, nhưng anh bắt chợt lùi lại khi bà muốn ôm hôn anh như khi anh mới mười bốn tuổi.

Những người khác, họ khóc, họ gào. Những người khác, họ quy ngã.

Người ta đã phải vực dậy những người phụ nữ đổ gập như đám sậy những ngày gió lớn. Trong lễ an táng, tưởng như toàn thể đám đông đều say xỉn, chẳng còn người nào đứng vững. Chỉ có anh là đứng thẳng người, không một giọt nước mắt.

Thế rồi, giữa đám người đông nghịt dồn lại xung quanh ngôi mộ, anh nhìn thấy chị ta. Mặc toàn đồ đen. Mặt tái nhợt. Ánh mắt mông lung vô định. Geneviève Magnan làm cái quái gì ở đây? Anh đã lẩn tránh. Anh chẳng còn lòng dạ cho bất cứ điều gì. Lòng anh đã dành trọn cho Françoise. Lòng anh đã dành trọn cho Violette và Léonine. Mọi chuyện đã chấm hết.

Câu nói duy nhất xuyên thấu anh cả nghìn lần trong suốt bốn ngày ở Bourgogne đó, chính là: Thậm chí mình còn không bảo vệ nổi con gái mình.

Sau đó, những người khác, họ đi nghỉ. Sau đó, những người khác, họ ở lại đó, trong cái nghĩa trang bất hạnh ấy. Còn anh, anh quay vào trong xe hơi của bố mẹ, ngồi trên băng ghế rộng mênh mông, và ở đầu kia của hành trình, sẽ không có biển, mà là Violette và nỗi đau đớn không thể nào đo đếm của cô.

Một căn phòng trống rỗng. Một căn phòng màu hồng mà anh vẫn luôn bỏ mặc. Nơi từng vang lên những tiếng cười và giọng Violette đọc sách cho con gái nghe mỗi tối.

Ba năm sau thảm kịch đó, một mình trước mộ con gái, anh chẳng nói gì. Không hề thốt ra một lời nào, một câu cầu nguyện nào cho con bé. Tuy nhiên, những bài cầu nguyện thì anh có thuộc. Anh từng theo học lớp giáo lý, anh đã được làm lễ ban thánh thể trang trọng. Cũng chính ngày hôm đó anh đã nhìn thấy Françoise lần đầu tiên, khi nàng đang khoác tay ông cậu của anh. Cái ngày mà anh, cùng với anh trai của một thằng trong đám bạn,

vừa nhăm nháp rượu lễ vừa khe khẽ đọc:

Lạy Cha chúng con ở trên trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời.

Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày và tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con.

Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ.

Amen.

Họ đã cười đến chảy cả nước mắt, nhất là khi họ choàng chiếc áo lễ ra ngoài áo thun và quần jean. Rồi người này chế giễu người kia:

– Trông mày y hệt cha xứ!

– Còn mày thì trông như một mụ đàn bà!

Thế rồi anh nhìn thấy Françoise. Và anh chỉ còn nhìn thấy mỗi nàng.

Trông nàng giống như con gái của ông cậu anh. Giống như một người chị lớn. Giống một người mẹ lý tưởng. Giống như sự hoàn hảo. Giống một tình yêu lớn. Giống tình yêu lớn của chính anh.

Anh muốn được gặp lại nàng, và vì năm nào cũng gặp lại nàng, anh lại càng muốn được gặp lại nàng hơn nữa.

Ba năm sau thảm kịch, ở trước mộ con gái, anh nghĩ anh sẽ không quay trở lại Brancion-en-Chalon nữa bởi vì anh chẳng thể thốt ra lời nào. Bởi vì anh không thể nói chuyện với Léonine. Anh muốn lên xe mô tô và đến gặp Françoise, anh muốn được lao vào vòng tay nàng. Nhưng năm tháng đã trôi qua, và anh buộc phải quên nàng.

Anh phải quay về với Violette, quỳ xuống trước mặt cô, cầu xin cô, mong cô tha thứ. Quyên rũ cô như anh đã từng làm lúc đầu. Trước khi có

trạm gác ghi và những chuyến tàu. Cố gắng chăm lo cho cô, khiến cô cười. Khiến cô có con thêm lần nữa. Xét cho cùng, thì Violette, cô vẫn còn rất trẻ. Nói với cô rằng anh sẽ tìm ra điều gì đã thực sự xảy ra trong đêm hôm đó ở lâu đài, thú nhận với cô rằng anh đã nện vỡ mặt Fontanel và trước đây anh từng quan hệ với Magnan. Thú nhận với cô rằng anh thật thảm hại nhưng anh sẽ biết được sự thật. Đúng thế, cùng cô sinh một đứa con khác, và anh sẽ chăm lo cho đứa con này. Có thể họ sẽ có một đứa con trai, một cậu nhóc, giấc mơ của anh. Và giữ mình. Không đi ngủ lang chỗ này, chỗ kia nữa. Chuyển nhà, có lẽ thế. Thay đổi cuộc sống cùng với Violette. Có thể thay đổi cuộc sống, anh đã thấy người ta làm thế trên ti vi.

Trước hết, anh phải quay lại gặp Magnan. “Tôi không bao giờ làm hại trẻ con.” Tại sao cô ta lại nói thế? Anh phải quay lại đó để bắt cô ta nói ra mọi chuyện, lúc trước suýt thì cô ta đã nói, nhưng anh lại từ chối không muốn nghe. Chưa sẵn sàng để nghe.

Anh nhìn ngôi mộ của Léonine lần cuối, tuyệt nhiên vẫn không thể mở miệng, bởi vì khi con bé còn sống anh cũng đã ít trò chuyện với nó rồi. Anh chưa bao giờ trả lời những câu hỏi của con bé. “Bố ơi, tại sao mặt trăng lại sáng lên?”

Trong lúc rời khỏi mộ Léonine, trong lúc rảo bước ra phía cổng nghĩa trang, anh đã nhìn thấy họ. Violette và lão già đó trong lối đi. Violette khoác cánh tay ông ta. Philippe đã nhìn thấy điều dối trá. Anh như lại nghe thấy câu nói của mẹ anh: “Đừng có tin bất kỳ ai, hãy chỉ nghĩ đến con, một mình con thôi.”

Anh tưởng cô đang ở Marseille, trong căn nhà gỗ của Célia. Anh tưởng cô đang đi hành hương. Ấy thế mà cô lại ở đây, với một gã đàn ông khác. Cô đang mỉm cười. Philippe chưa từng nhìn thấy Violette mỉm cười

lần nào từ khi Léonine chết.

Trong sáu tháng, cứ cách một Chủ nhật Violette lại đến nghĩa trang này một lần. Hóa ra là chuyện này. Cô mượn chiếc xe hơi màu đỏ của ả thu ngân siêu thị Casino để khiến Philippe tin rằng cô đến mộ Léonine. Cô thật giỏi che giấu trò chơi của mình. Cô có nhân tình chăng? Chính là lão già này? Cô gặp lão thế nào? Ở đâu? Violette mà có nhân tình, không thể có chuyện đó được.

Anh nấu mình đằng sau một cây thánh giá lớn bằng đá và quan sát hai người họ một lát. Họ thân thiết khoác tay nhau đi đến ngôi nhà nằm ở lối vào nghĩa trang. Khoảng 19 giờ lão già trở ra ngoài để đóng cổng. Hóa ra là thế, hóa ra lão là quản trang ở cái nghĩa trang đáng nguyên rủa này. Vợ anh ngủ với lão quản trang cai quản cái nghĩa trang nơi chôn cất con gái họ. Philippe nghe thấy tiếng chính mình cười, một tiếng cười độc địa. Anh sôi sục muốn giết, muốn đánh, muốn tàn sát.

Violette vẫn ở trong nhà. Anh nhìn thấy cô qua một ô cửa sổ, cô đang bày bàn ăn cho hai người, giống như cô vẫn làm khi ở nhà, một cái khăn lau thắt quanh eo. Điều đó khiến anh đau đớn đến nỗi anh cắn ngón tay đến chảy máu. Giống như trong những bộ phim cao bồi mà anh xem hồi còn nhỏ, khi gã cao bồi nghiêng chặt một mẩu củi giữa hai hàm răng để người ta lấy viên đạn ra khỏi bụng hắn. Violette có một cuộc sống kép, ấy thế mà anh không hề nhận thấy điều gì.

Đêm buông xuống. Lão già và Violette đã tắt đèn. Đóng cửa chớp. Và cô ở lại bên trong nhà. Cô ngủ ở đó. Không thể nghi ngờ gì nữa.

Hai tháng trước, anh đã cấm Violette quay lại Bourgogne. Khi cô nói với anh về cô nàng Magnan, khi cô kể với anh rằng cô đã đến gặp cô ta, anh thấy lo sợ. Sợ bị lộ tẩy. Sợ Violette biết rằng Magnan đã từng là tình nhân

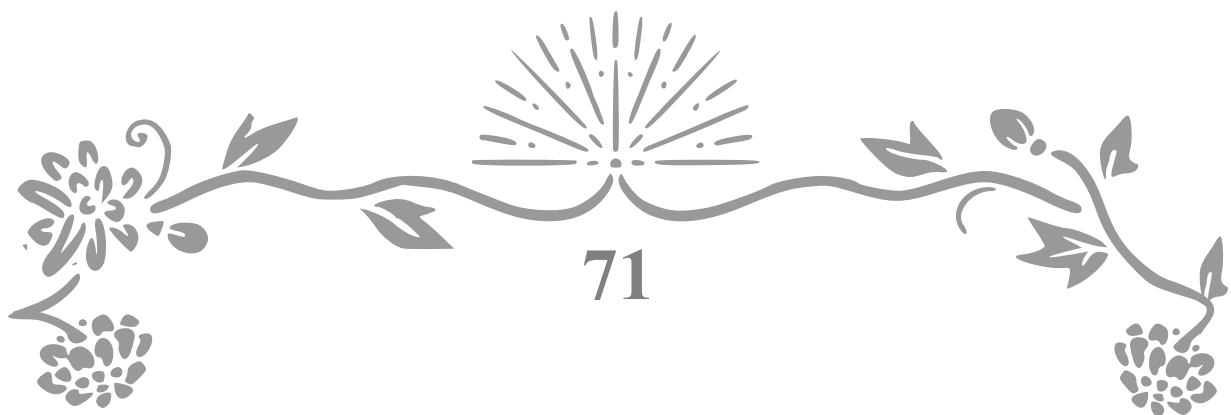
của chồng cô, cũng chính là người nấu ăn tại lâu đài kia.

Nhưng chuyện lại hoàn toàn khác, cô có nhân tình. Chính vì thế mà cô có vẻ nhẹ nhõm hơn vào những ngày trước khi lên đường. Cứ hai tuần một lần, vào Chủ nhật. Cô đã dám nói với anh: “Cứ cách một Chủ nhật em lại đến nghĩa trang một lần.” Thế mà anh chẳng nhận thấy điều gì, lúc này thì anh đã hiểu tại sao vợ anh mỗi tuần lại có vẻ khá hơn.

Anh đã leo qua một bức tường để ra ngoài, đêm muộn rồi. Anh đạp mạnh chân vào cánh cửa phía đường phố, cưỡi lên xe mô tô rồi lao đi như một gã điên.

Khi anh đi đến con phố có ngôi nhà nơi cô nàng Magnan đang ở, là khoảng 22 giờ. Trong nhà đang có cảnh sát, chiếc xe công vụ của họ đỗ đằng trước nhà. Những phụ nữ hàng xóm mặc áo choàng ngủ đang nói chuyện dưới ánh đèn đường. Có vẻ như Fontanel đã đánh cô ta quá tay.

Philippe vòng xe lại và quay về miền Đông mà không dừng dọc đường. Về đến nơi, anh đi thẳng đến *địa chỉ*, nơi các thân xác được hiến dâng tự nguyện.



Qua cửa sổ để mở, chúng tôi cùng ngắm nhìn cuộc sống, tình yêu, niềm vui. Chúng tôi lắng nghe tiếng gió.

NHẬT KÝ CỦA IRÈNE FAYOLLE

Ngày 22 tháng Mười năm 1992

Tối qua, tôi đã nghe thấy giọng nói của Gabriel trên bản tin thời sự. Tôi nghe thấy ông nói về việc “bảo vệ một người phụ nữ đã rời bỏ tôi”. Tất nhiên ông không nói thế, mà tâm trí tôi tự biến đổi lời lẽ của ông.

Lúc ấy, Paul đang giúp tôi nấu bữa tối trong bếp, ti vi bật trong phòng bên cạnh. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi được nghe lại sắc giọng của Gabriel, giọng nói gắn liền với những kỷ niệm đẹp đẽ nhất của tôi, đến mức làm rơi nồi nước sôi đang bê trên tay. Cái nồi rơi choang xuống sàn nhà, và mắt cá chân tôi bị nước sôi bắn vào. Thế là đã làm nảy sinh một vụ om sòm, Paul phát hoảng. Chồng tôi tưởng tôi run rẩy vì vết bỏng.

Paul dìu tôi vào phòng khách và để tôi ngồi xuống ghế xô pha đối diện với ti vi, đối diện với Gabriel. Ông đang ở đó, bên trong cái hình chữ nhật mà tôi không bao giờ nhìn đến ấy. Trong khi Paul loay hoay áp gạc thấm nước lên làn da bỏng rát của tôi, tôi nhìn thấy hình ảnh của Gabriel trong

một tòa án. Một phóng viên đã giải thích rằng ông tranh tụng ở Marseille suốt cả tuần. Rằng ông đã cãi trắng án cho ba trong số năm người đàn ông bị kết tội đồng lõa vượt ngục. Phiên tòa kết thúc hôm qua.

Gabriel ở Marseille, sát gần cuộc sống của tôi, thế mà tôi không biết. Dù sao đi nữa, nếu có biết thì tôi cũng làm được gì? Tôi sẽ đến gặp ông chẳng? Để nói gì với ông? “Năm năm trước, tôi đã bỏ trốn trên phố bởi vì tôi không muốn từ bỏ gia đình mình. Năm năm trước, tôi đã sợ, sợ ông, sợ chính tôi. Nhưng ông hãy biết cho rằng tôi chưa bao giờ thôi nghĩ đến ông” chẳng?

Julien ra khỏi phòng, nó nói với bố là phải đưa tôi đi bệnh viện. Tôi không chịu. Trong khi chồng và con trai tôi cùng bàn luận, trước khi tìm thấy một tuýp thuốc Biafine trong tủ thuốc gia đình, tôi ngắm nhìn Gabriel vung vẩy đôi bàn tay đẹp đẽ của ông trước mặt các phóng viên. Tôi nhìn thấy niềm đam mê mà ông dành cho việc bảo vệ những người khác trong chiếc áo chùng dài màu đen. Tôi những muốn ông ra khỏi màn hình, biến thành Mia Farrow trong bộ phim của Woody Allen, Bông hồng tím Cairo.

Thế còn tôi? Liệu ông có bào chữa cho tôi không? Liệu ông có tìm ra cho tôi những tình tiết giảm nhẹ vào cái ngày tôi cho ông leo cây không?

Ông đã ngồi sau tay lái trên xe và chờ tôi trong bao lâu? Cuối cùng, ông đã nổ máy rời đi khi nào? Vào thời điểm nào thì ông hiểu ra rằng tôi sẽ không quay trở lại nữa?

Những giọt nước mắt bắt đầu lăn dài trên má tôi. Chúng cứ tự chảy ra, dù tôi không muốn.

Paul tắt ti vi.

Tôi đổ sụp xuống trước màn hình tối đen.

Con trai và chồng tôi nghĩ rằng đó là vì tôi đau quá. Họ liền gọi điện

thoại cho bác sĩ gia đình, ông này xem xét các vết bỏng và nói rằng chúng chỉ ở trên bề mặt da.

Suốt đêm ấy tôi không hề ngủ.

Khi lại nhìn thấy Gabriel, khi lại nghe thấy giọng nói của ông, tôi hiểu ra rằng tôi đã nhớ ông quá đời.

Sáng hôm sau, Irène tìm số điện thoại văn phòng của Gabriel. Văn phòng đó vẫn đặt ở Saône-et-Loire tại Mâcon. Bà yêu cầu một cuộc hẹn với ông, người ta trả lời bà rằng sẽ phải chờ nhiều tháng, rằng lịch làm việc của luật sư Prudent rất kín, nhưng nếu làm việc với một trong hai cộng sự của ông thì có lẽ sẽ nhanh hơn. Irène nói rằng bà không có gì phải gấp gáp, rằng bà sẽ chờ luật sư Prudent. Bà cho biết tên và số điện thoại, không phải số điện thoại ở nhà mà là số điện thoại ở vườn hồng. Người ta hỏi về vụ án của bà, bà im lặng một lát, rồi trả lời: “Một vụ án mà luật sư Prudent đã nắm được thông tin.” Người ta cho bà một cái hẹn, sẽ phải chờ ba tháng.

Hai hôm sau, Gabriel gọi đến vườn hồng gặp bà. Sáng đó, Irène đang nâng tấm cửa lưới thì tiếng chuông điện thoại vang lên. Bà nghĩ đến một đơn đặt hàng mua hoa, vội chạy vào nhắc máy, vừa nghe điện thoại vừa thở hổn hển. Bà đã cầm sẵn cuốn sổ đặt hàng và một chiếc bút, đầu bút bị cô nhân viên găm nham nhỏ. Ông nói: “Là tôi đây.” Còn bà nói: “Xin chào.”

– Em đã gọi đến văn phòng của tôi sao?

– Đúng thế.

– Cả tuần này tôi tranh tụng ở Sedan. Em có muốn đến không?

– Có.

– Hẹn lát nữa gặp lại nhé.

Và ông gác máy.

Trên tờ phiếu đặt hàng, Irène viết nguệch ngoạc: “Sedan” trong ô “Thông điệp của người gửi”.

Phải vượt qua một nghìn hai trăm ki lô mét. Phải đi ngược sang đầu kia nước Pháp. Vẽ một đường dài thẳng tắp.

Khoảng 10 giờ bà rời khỏi Marseille, bắt nhiều chuyến tàu, nhiều chặng xe. Tại ga Lyon-Perrache, bà giậm phấn lên mặt rồi thoa chút son bóng lên môi, trong lúc soi mình trong gương phòng vệ sinh. Đang là tháng Tư, bà mặc một chiếc áo choàng đi mưa màu be. Nó khiến bà mỉm cười. Bà buộc mái tóc vàng bằng một sợi dây chun màu đen. Bà đã mua một chiếc bánh mì sandwich không vỏ, một bàn chải răng và kem đánh răng vị chanh.

Bà đến Sedan lúc khoảng 21 giờ. Bà lên một chiếc taxi và yêu cầu tài xế thả bà trước cửa tòa án. Bà biết rằng bà sẽ tìm thấy Gabriel trong quán cà phê hoặc nhà hàng gần nhất. Irène biết rằng Gabriel không phải kiểu người về khách sạn sớm. Các hồ sơ vụ án, ông nghiên cứu chúng khi ngồi trong một góc bàn. Đặt chúng giữa một ly bia và một đĩa khoai tây. Giữa một ly vang và món ăn chính của ngày hôm đó. Gabriel cần cảm nhận cuộc sống xung quanh ông. Ông ghét sự tĩnh lặng của những căn phòng khách sạn, những khăn trải giường, những tấm rèm, chiếc ti vi mà người ta bật để có tiếng người trong phòng.

Bà nhìn thấy ông qua một ô cửa sổ, ông đang ngồi cùng bàn với ba người đàn ông khác. Gabriel vừa nói chuyện vừa hút thuốc. Họ đã làm bẩn khăn trải bàn và cởi cúc cổ áo sơ mi. Cà vạt của họ vắt trên tay vịn ghế.

Khi nhìn thấy bà bước vào, Gabriel giơ một tay lên và gọi bà:

– Irène! Lại đây ngồi cùng bọn tôi!

Ông nói với bà như thể bà chỉ tình cờ ghé qua, trên đường trở về nhà.

Irène chào ba người đàn ông kia.

– Giới thiệu với em đây là ba đồng nghiệp của tôi, Laurent, Jean-Yves và David. Thưa các vị, xin giới thiệu đây là Irène, người phụ nữ của đời tôi.

Đám đàn ông mỉm cười. Như thể Gabriel đang nói đùa. Như thể Gabriel chỉ có thể nói những chuyện như thế này bằng giọng bông đùa. Như thể trong đời ông, có rất nhiều phụ nữ của đời ông.

– Em ngồi đi. Em đói không? Có chứ, phải ăn chứ. Cô Audrey, làm ơn mang thực đơn lại đây cho chúng tôi! Em muốn uống gì? Trà nhé? À không, ở Sedan người ta không uống trà! cô Audrey, hãy cho chúng tôi một chai như vừa rồi! Một chai Volnay 2007, rồi em sẽ thấy... tóm lại ta sẽ uống một thứ tuyệt diệu. Lại đây ngồi cạnh tôi nào.

Một trong số đồng nghiệp của Gabriel đứng dậy để nhường chỗ cho Irène. Gabriel cầm tay Irène và nhắm mắt, đặt lên đó một nụ hôn. Irène nhìn thấy ông đeo nhẫn cưới. Một chiếc nhẫn tròn bằng vàng trắng.

– Tôi rất vui vì em ở đây.

Irène gọi món cá rồi ngồi nghe câu chuyện của họ, vẻ lơ đãng. Bà cảm thấy mình giống như một cô nàng hâm mộ đã băng ngang đất nước để được ở một tối bên cạnh ngôi sao nhạc rock, người chẳng vội vã gì để được ở một mình cùng cô nàng, bởi vì cô nàng là người mà anh ta đã chắc chắn có được. Đêm yêu đương giành được sau tối hòa nhạc.

Irène những muốn mình biến mất. Bà hối tiếc. Bà tự hỏi làm cách nào để đứng dậy, tìm kiếm một lối thoát hiểm, một cửa hậu để chạy đến tận nhà ga và trở về nhà, chui vào trong lớp chăn ga sạch sẽ mà bà đã xịt nước hoa

mùi lô hội. Bà kín đáo yêu cầu nữ nhân viên phục vụ mang cho mình một cốc trà xanh. Thỉnh thoảng, Gabriel quay sang với bà, hỏi bà mọi chuyện ồ ồ cả chứ, bà có lạnh không, có khát không, có đói không.

Cuối cùng, Gabriel cùng ba người đồng nghiệp cùng lúc đứng dậy. Gabriel đi đến quầy bar để thanh toán. Irène lặng lẽ dõi theo ông.

Bên ngoài, trời bắt đầu mưa. Hoặc trời đã mưa từ lâu mà Irène không để ý thấy. Càng lúc bà càng cảm thấy khó ở. Bà nghĩ đến việc bà ra đi mà không mang hành lý. Chỉ có chiếc xách tay, vài tờ giấy bạc và một cuốn séc. Bà nghĩ mình thật điên rồ, và tất cả những chuyện này chẳng giống bà chút nào. Bà, người vốn khôn ngoan đến thế. Bà tự thấy mình thật đáng thương, một kẻ hâm mộ giả hiệu.

Gabriel đã mượn một chiếc ô của nhà hàng, ông nói ngày mai sẽ mang nó đến trả lại. Ông khoác tay Irène và nói gót ba người đàn ông kia. Họ đi về cùng một hướng. Gabriel siết cánh tay bà thật chặt.

Trong sảnh khách sạn Ardennes, cả bốn người họ cùng lấy chìa khóa ở quầy lễ tân, cùng vào thang máy. Hai người trong số họ dừng ở tầng ba. “Chào mọi người nhé, hẹn ngày mai gặp lại.” Người thứ ba dừng ở tầng năm. “Chúc ngủ ngon, David, hẹn mai gặp lại.”

– Lúc 7h30 ở phòng ăn sáng nhé?

– OK.

Từ tầng năm lên tầng bảy, chỉ còn hai người họ với nhau, mặt đối mặt. Gabriel không rời mắt khỏi bà.

Cánh cửa thang máy mở ra một hành lang tối. Họ đi đến tận phòng 61. Irène ngửi thấy mùi thuốc lá ngay khi Gabriel đẩy cánh cửa. Những bức tường màu cam, bắt chước lớp vữa trát kiểu Maroc.

Ông đi lên trước bà và nói: “Xin lỗi”, để bước đến bật đèn ở các góc phòng, rồi biến mất trong phòng tắm.

Irène không biết phải làm gì với cả chiếc áo choàng đi mưa lẫn tấm thân bà. Bà đứng sững ở lối vào phòng, giống như một bức tượng bằng đá cẩm thạch, một con búp bê làm mẫu trong tủ kính. Bà nhìn chiếc va li mở hé của Gabriel, những chiếc áo sơ mi không chē vào đầu được của ông. Những chiếc áo thun, những đôi giày. Bà tự hỏi ai đã là cổ áo, đã gấp quần áo cho ông.

Gabriel ra khỏi phòng tắm, môi nở nụ cười.

– Vào đi, cởi đồ ra đi.

Hắn là trông mặt Irène rất kỳ cục, nên ông phá lên cười.

– Không phải là cởi hết đâu. Cởi áo khoác của em ra thôi.

– ...

– Tôi thấy em lặng lẽ quá đấy.

– Tại sao ông lại bảo tôi đến đây?

– Bởi vì tôi muốn thế. Tôi muốn gặp em. Tôi luôn muốn gặp em.

– Thế còn chiếc nhẫn cưới này là sao?

Ông ngồi lên giường. Bà cởi chiếc áo choàng.

– Có người hỏi cưới tôi, tôi đã không thể trả lời là không đồng ý. Thật khó khăn khi phải nói không với một phụ nữ hỏi cưới mình. Với lại như thế là bất lịch sự. Còn em? Vẫn sống cùng chồng chứ?

– Vâng.

– Như thế là chúng ta hòa rồi. Một điều.

– ...

– Tôi thường xuyên mơ về em.

– Tôi cũng thế.

– Tôi nhớ em. Lại đây nào.

Irène ngồi xuống bên ông, nhưng không ngồi sát. Bà để một khoảng trống giữa hai người, một đường ngăn đôi.

– Ông đã lừa dối vợ mình chưa?

– Với em thì không phải là lừa dối, mà là tôi sẽ phản bội cô ấy.

– Tại sao ông lại tái hôn?

– Tôi nói với em rồi, vợ tôi đã cầu hôn tôi.

– Ông có yêu cô ấy không?

– Tại sao em lại hỏi tôi câu ấy? Em có bỏ chồng để đến với tôi không?

Tôi không cần phải trả lời em. Em là người phụ nữ đã bị ràng buộc, Irène ạ, người bị ngăn cản. Cởi đồ ra đi. Cởi hết ấy. Tôi muốn ngắm em.

– Tắt đèn đi.

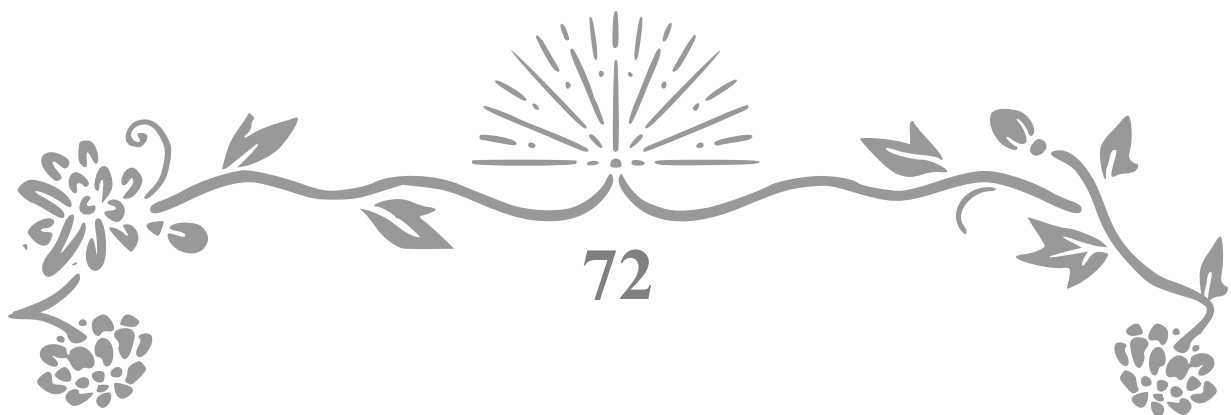
– Không, tôi muốn nhìn thấy em. Giữa hai ta đâu cần phải cả thẹn như thế.

– Ông có nghĩ rằng ba người bạn kia tưởng tôi là con điểm của ông không?

– Họ không phải bạn tôi, họ là đồng nghiệp. Cởi quần áo ra đi.

– Thế thì ông cũng cởi quần áo ra đi, cùng lúc với tôi.

– Đồng ý.



*Ôi Chúa ơi, hãy để niềm vui của con ở lại. Để người sáng tạo ra
lũ chim biến con thành một người hùng.*

Trích lời bài hát “La dernière heure du dernier jour”, Benjamin
Biolay.

Trời vẫn mưa. Cần gạt kính quét qua quét lại trước mặt chúng tôi.

Trên băng ghế sau, Nathan đã ngủ thiếp đi. Tôi thường xuyên quay lại để ngắm thằng bé. Đã lâu lắm rồi tôi không ngắm nhìn một đứa trẻ ngủ. Thỉnh thoảng, chúng tôi nghe thấy những bài hát trên đài, rồi chúng rè đi ở những chỗ ngoặt. Giữa hai điệp khúc, Julien và tôi nói chuyện về Irène và Gabriel.

– Sau vụ ở Sedan, họ thường xuyên gặp lại nhau.

– Anh cảm thấy thế nào khi biết được tất cả những chuyện ấy về mẹ anh?

– Nói thật lòng nhé? Tôi có cảm giác mình vừa đọc câu chuyện về một người xa lạ. Với lại, cuốn nhật ký của mẹ tôi, tôi tặng cho em đấy, tôi không muốn lấy lại nó. Em sẽ giữ nó cùng với đồng sổ sách của em.

– Nhưng tôi...

– Tôi năn nỉ em đấy. Hãy giữ nó đi.

– Anh đã đọc hết chưa?

– Rồi, nhiều lần. Nhất là những trang mẹ tôi nói về em. Tại sao em không nói cho tôi biết rằng hai người từng quen biết nhau?

– Bọn tôi đâu có thực sự quen biết nhau.

– Em biến đổi mọi sự theo một cách thức khó tin, Violette ạ, bằng cách chơi chữ... Tôi luôn muốn bắt em phải khai ra bí quyết để làm việc đó. Em còn tệ hơn tất cả những kẻ từng bị tôi tạm giữ... Nói thật lòng, tôi không muốn bắt em... Tôi sẽ phát điên trong lúc hỏi cung em mất.

Tôi phá lên cười.

– Anh khiến tôi nhớ đến một người bạn.

– Một người bạn ư?

– Ông ấy tên là Sasha. Ông ấy đã cứu vớt cuộc đời tôi... Bằng cách khiến tôi bật cười, giống như anh.

– Tôi coi đó là một lời khen.

– Đó đúng là một lời khen. Chúng ta đi đâu đây?

– Đến Xin Thứ Lỗi.

– ...

– Đó là tên một con phố ở La Bourboule. Đó chính là nơi bố tôi chào đời. Một phần gia đình tôi vẫn đang sống ở đó... Thậm chí đôi khi họ còn kết hôn nữa.

– Họ sẽ tự hỏi tôi là ai.

– Tôi sẽ nói với họ rằng em là vợ tôi.

– Anh điên rồi.

– Chưa điên lắm đâu.

– Chúng ta sẽ tặng gì cho đôi vợ chồng trẻ?

– Thật ra, họ không trẻ lắm đâu. Họ đã sống khá lâu trước khi gặp nhau. Chị họ tôi sáu mươi một tuổi còn chồng tương lai của chị ấy khoảng năm chục. Hai mươi ki lô mét nữa sẽ có một trạm xăng, chúng ta sẽ tìm mua cho họ món đồ gì đó thú vị. Vói lại, Nathan cần phải thay đồ.

– Tôi thì đã thay rồi.

– Em thì lúc nào cũng thay đồ. Em sống trong sự thay đồ... Em luôn ăn mặc tề chỉnh, phù hợp để đến một buổi lễ, dù là lễ cưới hay lễ tang.

Tôi phá lên cười lần thứ hai.

– Còn anh? Anh không thay đồ sao?

– Không, tôi thì không bao giờ thay. Luôn là quần jean và áo thun dài tay vào mùa đông, jean và áo thun cộc tay vào mùa hè.

Anh nhìn tôi và mỉm cười với tôi.

– Anh thực sự sẽ đi mua quà tặng đám cưới trong một trạm xăng sao?

– Thực sự.

Trong khi Julien đổ xăng, tôi dẫn Nathan đi về phía cửa hàng ở trạm xăng. Tôi nắm tay thằng bé. Một thói quen cũ. Những cử chỉ mà ta không bao giờ quên. Chúng tạo thành một phần của chúng ta, lúc nào không hay. Giống như một màu tóc, một thứ mùi quen thuộc, một sự giống nhau. Đã lâu lắm rồi tôi không nắm một bàn tay trẻ con. Tôi choáng váng khi cảm thấy những ngón tay nhỏ bé của Nathan siết chặt ngón tay tôi. Thằng bé hát nghêu ngao

một giai điệu gì đó mà tôi không biết.

Tôi cảm thấy mình thật nhẹ nhõm khi bước vào bên trong cửa hàng. Nathan tròn xoe mắt khi nhìn thấy vô số những thanh sô cô la và kẹo đăng trước quầy thu ngân.

Tôi dừng lại trước cánh cửa dẫn vào khu vệ sinh nam.

– Cô không được vào trong, cô chờ cháu trước cửa nhé.

– Được ạ.

Nathan đi vào, đóng cửa lại, cùng với cái túi đựng quần áo. Năm phút sau, thằng bé trở ra, dáng vẻ đầy tự hào, trong bộ lễ phục đầy đủ cả com lê và gi lê bằng vải lanh màu ghi sáng, mặc bên ngoài áo sơ mi trắng.

– Cháu đẹp trai quá, Nathan ạ.

– Cô có gel không?

– Gel ư?

– Để cháu vuốt tóc.

– Cô sẽ xem ở đây họ có bán không.

Trong khi chúng tôi tìm kiếm gel trong nhiều dãy hàng, Julien mua hai cuốn tiểu thuyết, một cuốn sách dạy nấu ăn, một hộp bánh ngọt, một áp kê, những bộ đồ ăn đủ màu sắc, một bản đồ nước Pháp, ba DVD, một tuyển tập nhạc phim hay nhất, một bản đồ thế giới, kẹo vị hoa hồng, một áo gió cho nam, một mũ rom cho nữ và một con thú nhồi bông. Anh nhờ nhân viên thu ngân gói toàn bộ bằng giấy gói quà. Nhân viên thu ngân không có giấy gói quà. Anh ta vừa mỉm cười vừa nói thêm rằng chúng tôi đang không ở Trung tâm mua sắm Galeries Lafayette, mà ở trên đường cao tốc A89. Cuối cùng, Julien cũng tìm thấy một cái túi to bằng vải có gắn logo của WWF, và bỏ toàn bộ đồ vào đó. Nathan đề nghị anh đi mua giấy dán nhiều màu để cậu

dán lên cái túi nhằm tạo màu cho con gấu trúc, rồi vẽ những cây trúc và một bầu trời xanh xung quanh. Julien trả lời cậu: “Ý tưởng tuyệt vời đây, con trai ạ.”

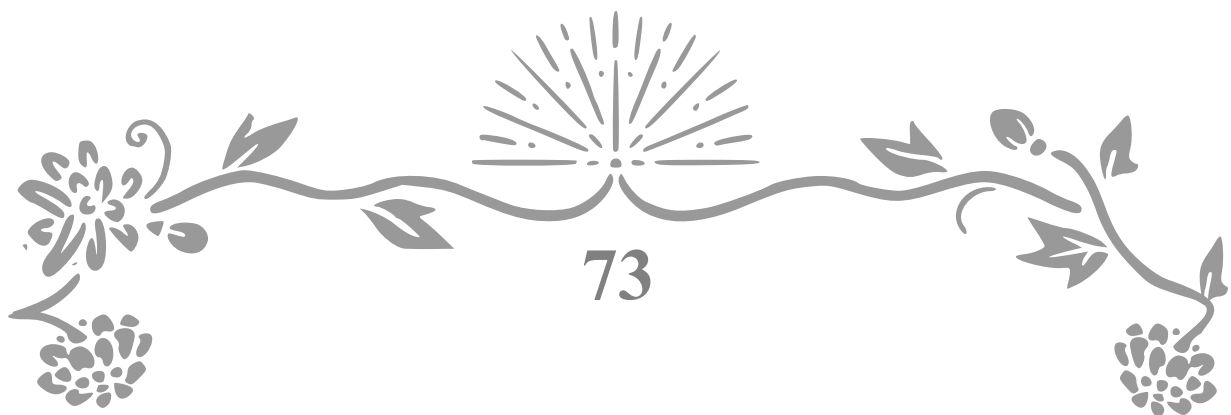
Tôi có cảm giác mình đã biến thành một người phụ nữ khác, đã thay đổi cuộc đời. Đã ở trong thân thể của một người khác. Giống như Irène khi bà đổi trang phục màu be lấy những thứ quần áo sặc sỡ và đôi xăng đan ở mũi Antibes.

Nathan và tôi cuối cùng cũng tìm thấy lọ gel vuốt tóc cuối cùng loại “siêu cứng tạo kiểu” nằm kẹp giữa hai chiếc dao cạo, ba bàn chải đánh răng và một gói giấy ướt. Chúng tôi hét lên chiến thắng. Tôi phá lên cười lần thứ ba.

Nathan hớn hờ chạy vào phòng vệ sinh lần nữa để vuốt tóc. Thằng bé đi ra với mái tóc bù xù, hẳn là cậu nhóc đã dốc cả lọ gel lên đầu. Julien ngắm nghía con trai bằng ánh mắt đầy nghi hoặc, nhưng anh không nói gì.

– Hai người thấy con đẹp trai không?

Julien và tôi cùng trả lời là có.



Sẽ không có chuyến tàu tốc hành nào đưa tôi đến với niềm hạnh phúc, sẽ không có chiếc xe nào ghé bến ấy, sẽ không có chiếc Concorde nào có được sải cánh của người, sẽ không có con tàu nào khởi hành, ngoại trừ người.

Trích lời bài hát “Aucun express”, Alain Bashung.

Tháng Chín năm 1996.

Mỗi ngày trong cuộc đời Philippe vẫn diễn ra như thế từ bấy lâu nay. Thức dậy lúc khoảng 9 giờ. Bữa sáng do Violette chuẩn bị sẵn. Cà phê pha nhạt, bánh mì nướng, bơ nhạt, mứt xơ ri sánh mịn. Tắm và cạo râu. Đi dạo bằng xe mô tô đến tận 13 giờ. Đi vào những con đường nông thôn, ngày nào cũng sượt qua cái chết bằng cách tăng tốc ở những nơi anh biết rằng không có cả cảnh sát lẫn ra đa. Ăn trưa với Violette.

Chơi Mortal Kombat, trò chơi điện tử của anh, trên Mega Drive cho đến 16, 17 giờ. Lại xách xe mô tô đi dạo đến 19 giờ. Ăn tối với Violette. Sau đó, anh đi bộ ra Phố Lớn, viện có cần đi lại, để đến gặp một tình nhân hoặc tham gia một tối truy lạc tổ chức tại *địa chỉ*. Khi đó, anh sẽ đi xe mô tô đến và không về nhà trước 1 hoặc 2 giờ sáng. Nếu không muốn làm gì, vì trời mưa hoặc bị cơn mệt mỏi xâm chiếm, anh xem ti vi. Violette ngồi bên

anh, đọc sách hoặc xem bộ phim mà anh đã chọn.

Từ khi bắt gặp cô ở cùng với ông già quần trang mười lăm ngày trước, Philippe không còn nhìn Violette bằng ánh mắt trước đây nữa, anh liếc mắt quan sát cô. Anh tự hỏi liệu cô có đang nghĩ đến lão già đó, liệu cô có gọi điện thoại cho lão những lúc anh vắng nhà, liệu cô có viết thư cho lão.

Từ một tuần nay, khi Philippe về nhà, anh ấn nút “bis” trên điện thoại, nhưng thường xuyên nghe được giọng nói khó chịu của mẹ anh, người mà anh đã gọi từ hôm trước hoặc hôm trước nữa, rồi lại đập máy ngay trước mũi bà.

Cứ cách một hoặc hai ngày, anh phải gọi điện cho bà một lần. Đó là một nghi lễ. Và lời lẽ lúc nào cũng giống nhau: “Thế nào, con trai, ổn cả chứ? Con ăn tốt không? Con có ngủ đủ giấc không? Sức khỏe con thế nào? Đi đường cẩn thận đấy. Đừng có làm hỏng mắt với cái trò chơi điện tử ấy. Thế còn vợ con? Công việc ổn không? Nhà cửa sạch sẽ chứ? Nó có giặt ga giường hằng tuần không? Mẹ vẫn theo dõi các tài khoản của con. Đừng lo, con không thiếu thốn gì cả. Bố con đã chuyển một khoản vào bảo hiểm nhân thọ của con tuần trước. Mẹ lại bị đau trở lại. Dù sao, chúng ta cũng chưa bao giờ gặp may mắn, ôi không, thật sự là thế. Mọi người mới đáng thất vọng làm sao. Con phải dè chừng đấy. Bố con càng ngày càng thiếu can đảm. May mà còn có mẹ để trông nom cho hai bố con. Hẹn gặp lại, con trai của mẹ.” Mỗi lần gác máy, Philippe lại cảm thấy mệt mỏi. Mẹ anh là một lưỡi dao cạo càng ngày càng khiến anh đau rát. Đôi khi, anh tự hỏi không biết bà có tin tức gì về Luc, ông cậu của anh không. Anh nhớ ông. Và thiếu vắng Françoise khiến anh bị hủy hoại. Nhưng mẹ anh trả lời, giận dữ hoặc buồn rầu nếu bà muốn khiến anh cảm thấy tội lỗi: “Đừng có nói với mẹ về những người đó, làm ơn đi.” Mẹ anh tổng cả Françoise và Luc vào cùng

một cái túi đựng rác.

Ngoại trừ những cuộc trò chuyện khiến anh nổi gai ốc ấy, nhìn từ bên ngoài, Philippe có một cuộc sống hoàn toàn thuận lợi. Anh vẫn là chàng trai mà Françoise đã tiễn lần cuối cùng đến nhà ga Antibes vào năm 1983: một đứa trẻ thất thường. Một đứa trẻ bất hạnh.

Nhưng hai cái tin, cách nhau năm phút, đã khiến những ngày tháng nối tiếp nhau của anh bị khựng lại. Tin đầu tiên đến qua đường thư.

Trong lúc anh đang ngón ngấu một cái bánh tarte nóng giòn như anh vẫn thích, Violette thông báo với anh rằng trạm gác ghi sẽ được tự động hóa vào tháng Năm năm 1997. Họ có tám tháng để tìm một công việc mới. Cô đặt bức thư được gửi đến cho họ lên mặt bàn, giữa hũ mứt và đĩa bơ chảy, rồi đi ra hạ thanh chắn cho chuyến tàu 9h07.

Mình sẽ mất Violette. Đó là điều đầu tiên Philippe nghĩ đến khi anh đọc bức thư. Từ nay trở đi, không còn gì giữ cô lại nữa. Ngôi nhà và công việc này vẫn kết nối họ, thậm chí anh cũng không biết vì sao. Chúng kết nối họ bằng một sợi dây mảnh đến mức gần như vô hình. Ngoại trừ căn phòng của Léonine nơi cánh cửa vẫn luôn đóng kín, họ chẳng còn lại điều gì chung. Khi mất trạm gác ghi này, cô sẽ vĩnh viễn ra đi cùng với lão già ở nghĩa trang kia.

Qua cửa sổ phòng bếp, anh nhìn thấy một phụ nữ đang nói chuyện với Violette. Anh không nhận ra cô ta ngay lập tức. Lúc đầu, anh nghĩ đó là một trong những tình nhân của anh đến đây để tố cáo anh, nhưng ý nghĩ đó chỉ thoáng qua, đám phụ nữ anh giao du không phải loại hay ghen. Anh chẳng gặp bất cứ rủi ro nào. Anh tự vấy bẩn mình, vấy bẩn Violette, nhưng không tự chuốc lấy bất cứ rủi ro nào.

Tuy nhiên, anh nhìn thấy rằng người phụ nữ kia càng nói, thì mặt

Violette càng tái nhợt đi.

Anh lập tức bước ra và mặt đối mặt với cô giáo của Léonine. Cô ta tên là gì ấy nhỉ?

– Chào anh Toussaint.

– Chào cô.

Cả cô ta cũng thế, mặt cô ta tái nhợt. Cô ta có vẻ đang choáng váng. Cô ta quay lưng về phía anh rồi hấp tấp rời đi.

Chuyến tàu 9h07 đi qua. Philippe nhìn thấy vài khuôn mặt ở cửa sổ các khoang, và nhớ đến Léonine khi con bé vẫy chào họ. Lặng lẽ thao tác như một cái máy, Violette nhắc thanh chắn lên và nói với Philippe:

– Geneviève Magnan đã tự sát.

Philippe nhớ đến lần cuối cùng anh đi qua đằng trước nhà Magnan mười lăm ngày trước. Chiếc xe cảnh sát, những phụ nữ mặc áo choàng ngủ đứng dưới ánh đèn đường. Hẳn là cô ta đã tự sát sau khi nhìn thấy anh. Anh đã khóc trước mặt cô ta. “Tôi không bao giờ làm hại trẻ con.” Phải chăng sức nặng của cảm giác tội lỗi đã đẩy cô ta đến với cái chết?

Violette nói thêm:

– Làm ơn, hãy làm sao để chị ta không được chôn trong cùng nghĩa trang với Léonine.

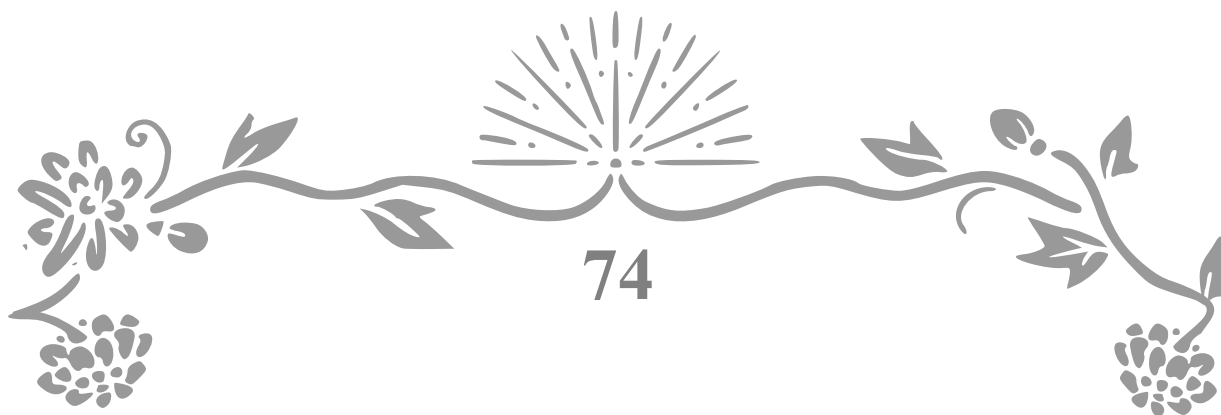
Philippe hứa. Cho dù có phải tự tay quật mồ cô ta lên, anh hứa với Violette.

Violette nhắc đi nhắc lại nhiều lần:

– Tôi không muốn chị ta làm vậy bản đất trong nghĩa trang của tôi.

Sáng đó Philippe không tắm. Sau khi đánh răng vội vàng, anh cười lên chiếc xe mô tô rồi phóng đi. Để lại đằng sau là Violette, thất thần, đứng

trước cái thanh chắn mà hai giờ nữa cô mới phải hạ xuống.



*Người sẽ thấy chiếc bút lông kết bằng tia nắng mặt trời của tôi
rải tuyết trên mặt giấy thành hình tổng lãnh thiên thần đánh thức
con người.*

Trích lời bài hát “Tu verras”, Claude Nougaro.

*Tại sao thời gian trôi qua
Soi mói rồi đập vỡ chúng ta
Tại sao người không ở lại cùng tôi
Tại sao người ra đi
Tại sao cuộc sống và những con tàu
Đi trên mặt nước như là có cánh...*

Phòng tiệc vắng lặng. Chỉ có hai nữ nhân viên phục vụ đang dọn nốt các bàn, một người rút những chiếc khăn trải bàn bằng giấy cuối cùng, người kia quét đám hoa giấy màu trắng.

Chỉ còn Julien và tôi nhảy trên sàn nhảy ngẫu hứng. Những ánh sáng cuối cùng của một quả cầu disco vẽ những ngôi sao nhỏ xíu trên quần áo

nhà nát của chúng tôi.

Mọi người đều đã rời đi, kể cả cô dâu chú rể, cả Nathan cũng đã ngủ ở nhà anh họ. Chỉ còn giọng hát của Raphaël vang lên trong loa. Đây là bài hát cuối cùng. Sau đó, DJ, một ông chú bụng hơi phệ, sẽ thu dọn đồ nghề.

Tôi những muốn kéo dài mãi cái ngày mình vừa trải qua. Kéo dài nó ra. Giống như khi chúng tôi ở Sormiou trước đây, khi đêm đã buông từ lâu mà chúng tôi vẫn không thể nào quay về căn nhà gỗ được. Khi ngón chân chúng tôi không thể rời bỏ những đọt sóng lẫn tăn xô vào bờ biển.

Kể từ hồi đó đến nay, tôi đã không cười như thế này. Từ rất lâu rồi. Tôi chưa từng cười nhiều như hôm nay. Trước đây, tôi cười với Léonine, nhưng ta cười với con không giống như ta cười với những người khác. Đó là những tiếng cười xuất phát từ nơi khác, từ bên ngoài. Những tiếng cười, những giọt nước mắt, nỗi khiếp sợ, niềm vui sướng, chúng ảm náu ở nhiều nơi khác nhau bên trong cơ thể chúng ta.

Và một ngày khác trôi qua

Trong cuộc sống bé mọn này, không nên chết vì buồn phiền...

Bài hát kết thúc. Qua micro, DJ chúc chúng tôi một buổi tối vui vẻ. Julien hét lên: “Chúc chú ngủ ngon!”

Tôi chưa từng dự đám cưới nào ngoại trừ đám cưới của chính mình. Nếu đám cưới nào cũng vui vẻ và thú vị như thế này, tôi rất muốn thay đổi thói quen của bản thân.

Trong lúc tôi mặc áo vest, Julien biến vào bếp và quay trở ra mang theo một chai sâm banh cùng hai cái ly bằng nhựa.

– Anh không nghĩ là chúng ta đã uống đủ rồi sao?

– Không.

Ở bên ngoài, không khí rất mát mẻ. Chúng tôi bước đi bên nhau, Julien khoác tay tôi.

– Chúng ta đi đâu đây?

– Đã 3 giờ sáng rồi, em muốn chúng ta đi đâu đây? Tôi rất muốn đưa em về nhà tôi, nhưng nó cách đây tận năm trăm cây số, thế nên chúng ta sẽ về khách sạn.

– Nhưng tôi không có ý định qua đêm cùng anh đâu.

– Ái chà, như thế là rất, rất ngốc đấy bởi vì tôi thì có. Và lần này, em sẽ không bỏ trốn được đâu.

– Anh sẽ giam tôi chẳng?

– Đúng thế, cho đến hết đời em. Em đừng quên rằng tôi là cảnh sát, và tôi có mọi quyền hạn.

– Julien, anh biết rằng tôi không có khả năng yêu đương mà.

– Em ăn nói lảm nhảm rồi đấy, Violette ạ. Em làm tôi phát mệt.

Và thế là nó quay trở lại. Giống như những bọt nước của nổi điên đại dịu dàng, những bọt nước của niềm vui dâng lên đến tận cổ họng tôi, ve vuốt khoang miệng tôi, khiến bụng dạ tôi đảo lộn vì vui sướng và khiến tôi nổ tung trong tiếng cười. Tôi không hề biết đến sự tồn tại của âm thanh đó, của nốt nhạc đó bên trong con người mình. Tôi cảm thấy mình giống như một thứ nhạc cụ có thêm một phím bấm. Một khiếm khuyết hữu ích trong khâu sản xuất.

Phải chăng đây chính là nó, tuổi thanh xuân? Phải chăng tôi có thể làm quen với nó khi đã sắp bước sang tuổi ngũ tuần? Tôi, người chưa từng có thanh xuân, phải chăng tôi đã cẩn thận giữ gìn nó mà không hề hay biết? Phải chăng nó chưa từng rời bỏ tôi? Phải chăng nó đã xuất hiện vào hôm

nay, một ngày thứ Bảy? Trong một đám cưới ở vùng Auvergne? Trong một gia đình không phải gia đình của tôi? Bên cạnh một người đàn ông không phải người đàn ông của đời tôi?

Chúng tôi đến trước khách sạn nơi cánh cửa đóng kín. Julien như bị suy sụp.

– Violette, em đang đứng trước gã ngốc nhất trong số những gã ngốc. Hôm qua, tôi đã nói chuyện qua điện thoại với nhân viên lễ tân, cô ta đã bảo tôi ghé qua để lấy chìa khóa và mã vào cửa khi đến nơi lúc buổi chiều... Và tôi đã quên mất.

Thế là lại tiếp diễn. Tôi không thể dừng lại được nữa. Tôi cười to đến nỗi dường như tiếng cười của tôi tự âm vang, như thể âm thanh trong tôi đã được đẩy đến đỉnh điểm. Tiếng cười đó tuyệt đến nỗi làm tôi đau cả bụng. Tôi thở hổn hển, và càng cố thở, tôi lại càng cười nhiều hơn.

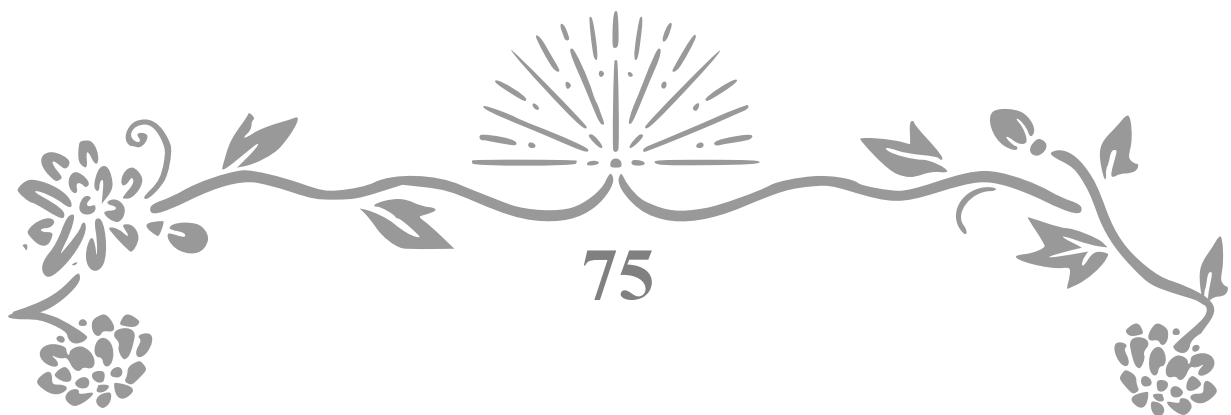
Julien quan sát tôi, đầy thích thú. Tôi cố nói với anh: “Anh sẽ khó mà giam nổi tôi cho đến hết đời tôi”, nhưng lời lẽ không muốn thoát ra khỏi miệng tôi nữa, những tiếng cười đã chặn đứng tất cả. Tôi cảm thấy những giọt nước mắt lăn dài trên má, Julien đưa ngón tay lên lau chúng và cũng cười càng lúc càng to.

Chúng tôi đi bộ đến tận xe của anh. Chúng tôi tạo thành một cặp đôi lố bịch, tôi thì gập người làm đôi, còn anh thì vừa cầm chai rượu trên tay vừa cố dìu tôi đi được chừng nào hay chừng ấy, mỗi bên túi quần bỏ một cái ly nhựa.

Chúng tôi ngồi cạnh nhau ở băng ghế sau xe của anh, và Julien khiến tôi ngừng cười bằng cách hôn tôi. Một niềm vui lặng lẽ lan tỏa trong đáy sâu tâm hồn tôi.

Tôi có cảm giác Sasha không ở xa đây. Rằng ông vừa chỉ dẫn cho

Julien để anh giâm lại những mầm chồi tái sinh của chính tôi trong từng cơ quan sinh cốt tử thân thể tôi.



Tôi là một người dạo chơi, tôi mắc hội chứng bờ bên kia.

Trích dẫn Pierre Barouh.

Ngày hôm nay, chúng tôi chôn cất Pierre Georges (1934-2017). Cháu gái ông đã vẽ lên quan tài. Những hình vẽ ngây thơ đến độ khiến người ta choáng váng. Cô bé đã dành ra ba ngày để vẽ một vùng đồng quê và bầu trời xanh lơ trên nền gỗ mộc. Hẳn là vì cô bé nghĩ ông nội mình sẽ dạo chơi ở đó.

Trước đây, Pierre có tên là Elie Barouh, giống như tên nam ca sĩ, nhưng trước chiến tranh, bố mẹ ông, cả hai người họ cùng được chôn cất ở Brancion, đã phải thay đổi cả họ lẫn tên cho ông. Một nữ pháp sư Do Thái đã từ Paris đến để tỏ lòng tôn kính với ông lần cuối. Bà là nữ pháp sư Do Thái thứ ba ở Pháp. Bà đã hát những bài kinh cầu nguyện, nghe rất hay. Bà đọc kinh kaddish khi chiếc quan tài được hạ xuống hầm mộ gia đình, nơi bố mẹ của Pierre yên nghỉ từ nhiều thập kỷ nay. Sau đó, mỗi người thả một nhúm cát lên quan tài. Sau vùng nông thôn và bầu trời xanh, bằng cách thả xuống những nhúm cát trắng, gia đình và bạn bè của Pierre còn tặng cho ông cả một bờ biển.

Bởi vì Chúa của ông không được viếng đến, nên cha xứ Cédric ở lại

phòng bếp nhà tôi trong suốt thời gian diễn ra lễ an táng.

Người ta nói rằng một người đàn ông sẽ có một gia đình mà người đó xứng đáng có được. Cứ nhìn những người con, người cháu quây quần xung quanh mộ Pierre, tất cả cùng gắn bó với nhau trong lời chào tạm biệt, tôi tự nhủ chắc hẳn Pierre từng là một con người tốt đẹp.

Sau đó, một bữa tiệc rượu đơn giản được tổ chức trong phòng tiệc nhỏ của tòa thị chính. Gia đình và bạn bè của Pierre tụ họp ở đó để hát cho ông nghe. Các cánh cửa mở rộng, và từ nhà tôi, tôi nghe thấy những giọng hát và tiếng nhạc.

Nữ pháp sư, có tên là Delphine, đến nhà tôi để uống một cốc cà phê. Cha Cédric vẫn còn ở đó. Người đàn ông của nhà thờ Kitô giáo và người phụ nữ của giáo đường Do Thái trông thật đẹp đôi, khi họ ngồi cùng nhau trong bếp nhà tôi. Họ đã pha trộn đức tin cũng như những tiếng cười và tuổi trẻ của họ với nhau. Tôi nghĩ chắc Sasha sẽ rất thích cảnh này.

Bởi vì trời đẹp, nên tôi ra ngoài làm vườn. Delphine và Cédric đến ngồi dưới vòm cây của tôi, họ ở đó hơn hai giờ đồng hồ, để tiếp tục nói chuyện và cùng cười.

Delphine tỏ vẻ say mê vẻ đẹp của những cây con và cây ăn quả trong vườn nhà tôi. Cédric dẫn bà đi thăm một vòng quanh vườn, như thể ông chính là chủ nhân hạnh phúc của nó. Như thể chính đức Chúa của ông, người có ngôi nhà nằm ngay gần đây, đã tạo ra tất cả những phép màu nhỏ nhỏ này.

Vừa trông cà tím, tôi vừa lắng nghe một trong những bài hát mà gia đình và bạn bè của Pierre Georges hát trên khoảng sân đằng trước tòa thị chính. Hẳn là họ đã rời phòng tiệc để đến ngồi bên những gốc cây.

Ngay cả Delphine và Cédric cũng im lặng nghe bài hát.

*Không, tôi không còn muốn tự phỉnh phờ mình
Bằng cách miệt mài đi tìm tiếng vọng của câu anh yêu em
Không, tôi không còn tâm trạng nào để giày vò trái tim mình
Bằng cách nhại lại những trò chơi mà tôi đã thuộc lòng...
Em, ngày hôm nay em đã tặng cho tôi cảnh tượng đẹp đẽ nhất
Với nhan sắc xinh tươi nhường ấy, em đã có thể ngăn cản tôi...
Nhưng tôi không còn nhìn thấy gì từ bí ẩn tuyệt đẹp ấy
Tôi sợ rằng không có điều gì khiến tôi sợ hãi hay hy vọng
Bởi vì bất chấp mọi giấc mơ của tâm hồn bị giam cầm của tôi
Tôi sẽ không bao giờ còn dũng khí để yêu đương nữa...*

Cúi người trên lớp đất vườn, tôi tự hỏi người ta đang hát cho Pierre hay là cho chính tôi.

Khoảng 18h30, tất cả ai lên xe người nấy để hướng về Paris. Thêm một lần nữa, tôi nghe thấy âm thanh mà tôi xiết bao căm ghét, tiếng những cánh cửa xe đóng lại.

Ba người đàn ông đồng nghiệp ăn tối cùng tôi, ngoài trời. Tôi làm cho họ món xa lát ngẫu hứng, khoai tây xào và trứng tráng ốp la. Chúng tôi ăn ngon lành. Lũ mèo quanh quần xung quanh chúng tôi như để lắng nghe những câu chuyện rời rạc, vô thưởng vô phạt nhưng đầy vui vẻ của chúng tôi. Nono nhắc đi nhắc lại trong suốt bữa ăn: “Ở đây, chúng ta không vui sao, hả Violette thân mến?” Và chúng tôi đồng thanh trả lời anh: “Ô vui lắm chứ.” Rồi Elvis nói thêm: “Donte live mi nao.”

Ba người họ rời đi lúc khoảng 21h30. Vào tháng Sáu này, ngày dài hơn. Tôi ngồi trên một băng ghế trong vườn để lắng nghe sự tĩnh mịch. Lắng nghe toàn bộ thứ âm thanh mà Léonine không bao giờ tạo ra nữa,

ngoại trừ một giai điệu tình yêu khe khẽ trong tim tôi, mà chỉ tôi mới biết được nhịp điệu của nó.

Tôi nhớ đến cảnh Nathan nằm trên băng ghế sau xe. Khi cả ba chúng tôi lái xe quay về vào sáng Chủ nhật. Tôi và Julien vẫn còn cảm thấy chénh choáng, giống như một cái mầm nhỏ, mọc lên từ một nhánh cây, thứ nhánh cây non, một cái lá bé xíu vừa mới nhô lên khỏi mặt đất, hai ba cái rễ trông giống như những sợi chỉ, mong manh dễ đứt. Một mối tình trẻ con chớm nở vừa mới bắt rễ. Dạo chơi đôi ba vòng rồi ra đi.

Trên tóc Nathan, lớp gel đã tạo thành những mảng màu trắng. Gần giống như tuyết. Julien nói với cậu bé rằng khi về đến Marseille, cậu sẽ phải gội đầu nhiều lần trước khi quay về nhà mẹ cậu. Nathan vừa nhăn mặt vừa tìm kiếm ánh mắt tôi, mong được tôi giúp đỡ.

Hai bố con thả tôi xuống trước nhà tôi, đằng trước cánh cửa mở ra phố. Họ sắp sửa đi tiếp nhưng Nathan lại muốn xem lũ mèo. Florence và My Way đi đến cọ người vào đôi chân bé bỏng của cậu. Nathan vuốt ve chúng hồi lâu. Cậu bé hỏi tôi:

– Thật sự thì cô có bao nhiêu con mèo?

– Hiện tại là mười một con.

Tôi kể tên chúng, chẳng khác nào đang đọc một bài thơ của Prévert.

Cậu bé cười giòn tan. Chúng tôi đổ đầy thức ăn cho mèo vào những cái cà mèn, ném chỗ thức ăn cũ cho lũ chim. Chúng tôi lấy nước mới cho chúng. Trong lúc ấy, Julien đi ra mộ của Gabriel để thăm bình tro cốt của mẹ anh.

Khi anh quay vào nhà tôi, Nathan nài nỉ anh ở lại thêm chút nữa. Còn tôi, tôi những muốn năn nỉ với bố thằng bé để cả hai bố con ở lại lâu hơn nữa. Nhưng tôi không nói gì.

Họ ăn bữa xế trong vườn nhà tôi rồi tiếp tục lên đường. Tôi tiễn họ. Trước khi lên xe, Julien cố hôn lên môi tôi, nhưng tôi lùi lại. Tôi không muốn hôn anh trước mặt Nathan.

Nathan muốn lên ngồi đằng trước, bố cậu bảo: “Không đâu, khi nào con được mười tuổi đã.” Nathan rên rỉ, rồi đặt một nụ hôn lên má tôi. “Tạm biệt cô Violette.”

Tôi bỗng muốn khóc kinh khủng. Khi đóng sập lại, cánh cửa xe của hai bố con gây ra tiếng động lớn hơn những cánh cửa xe khác. Tuy nhiên, tôi làm ra vẻ bình thường khi họ rời đi. Như thể tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Như thể tôi có cả nghìn việc khác để làm.

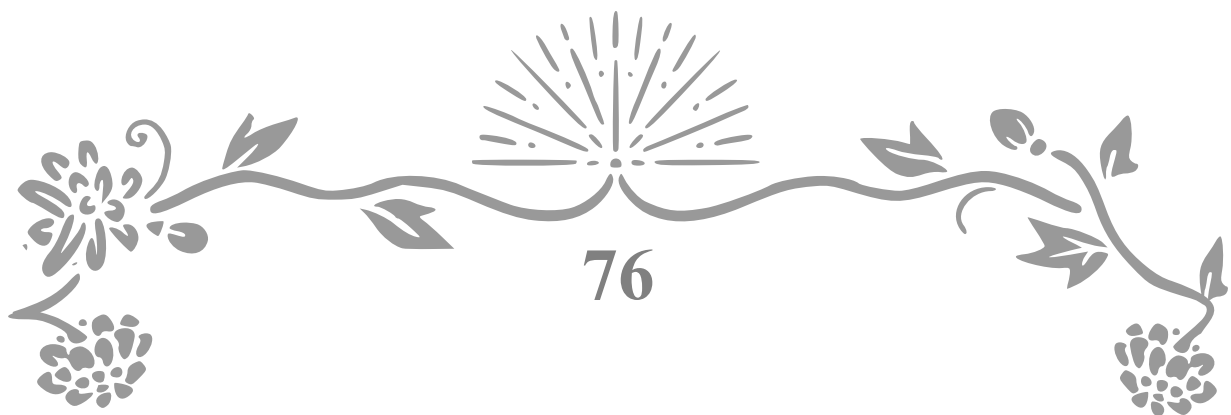
Sau khi nghĩ lại tất cả những chuyện ấy trong lúc ngồi trên băng ghế, tôi quay vào nhà và đóng cửa, cả cánh cửa ra phố lẫn cánh cửa ra nghĩa trang. Éliane theo tôi lên tận phòng ngủ rồi nằm duỗi dài dưới chân giường. Tôi mở cửa sổ để không khí mát mẻ buổi tối tràn vào phòng. Tôi thoa kem dưỡng hoa hồng, mở ngăn kéo tủ đầu giường rồi tiếp tục đắm chìm trong cuốn nhật ký của Irène.

Trước khi đọc các trang viết của bà, tôi tự nhủ bà đã làm quen với cháu trai được vài năm. Tôi băn khoăn không biết bà thuộc kiểu bà nội nào. Không biết bà đã đón nhận Nathan chào đời ra sao. Tôi tính toán được rằng cậu bé ra đời một năm sau khi Gabriel chết.

Mối tình của Irène và Gabriel khiến tôi nhớ đến trò chơi người treo cổ, khi người chơi phải đoán một từ. Và tôi vẫn chưa tìm thấy từ định nghĩa cho mối tình đó.

Khi vào nhà tôi, Julien đã bước vào cùng cả mẹ anh và Gabriel.

Những cuộc gặp của chúng tôi rồi sẽ kết thúc ra sao?



Gia đình không bị phá hủy, mà nó biến đổi. Một phần gia đình sẽ tan biến trong hư vô.

Trích lời cầu nguyện của cha Sertillanges O.P.

Tháng Chín năm 1996.

Sáng hôm đó, sau khi hứa với Violette rằng Geneviève Magnan sẽ không được chôn cất trong nghĩa trang Brancion, lúc đầu Philippe đi theo hướng Mâcon, thế nhưng đến phút chót, anh đi tiếp và xuôi xuống đến tận Lyon, rồi đến Bron. Khoảng giữa chiều thì anh đến trước xưởng sửa xe Pelletier. Anh dừng xe đủ xa để không bị ai nhìn thấy. Cái xưởng vẫn giống như trong ký ức của anh. Những bức tường trắng và vàng. Mười ba năm nay anh không đặt chân đến nơi này, và mặc dù đang đứng cách rất xa, anh vẫn có thể ngửi thấy thứ mùi pha trộn của các loại dầu máy. Thứ mùi anh từng yêu thích biết bao.

Chỉ có mẫu mã và các hàng xe trưng bày mà anh nhìn thấy qua kính mũ bảo hiểm là đã thay đổi. Anh vẫn đội mũ bảo hiểm trên đầu trong suốt nhiều giờ. Anh đã chờ rất lâu để được nhìn thấy *họ*.

Khoảng 19 giờ, khi nhìn thấy Françoise và Luc ngồi bên nhau trên

chiếc Mercedes, nàng cầm lái, còn ông ngồi bên cạnh, tim anh bỗng lòng lên như một tay võ sĩ điên cuồng. Nó đập thành thành, dội lên đến tận cổ họng anh. Ánh đèn hậu của chiếc xe đã biến mất một lúc lâu, Philippe vẫn đang nhớ đến những thời khắc đẹp đẽ nhất trong cuộc đời anh, khi ở cùng với họ. Những thời khắc anh thực sự cảm thấy mình được yêu thương và che chở. Những thời khắc chẳng có ai kỳ vọng gì ở anh. Những thời khắc anh sống xa bố mẹ. Anh không đi theo chiếc Mercedes. Anh chỉ muốn nhìn thấy họ, để biết chắc rằng họ vẫn còn ở đây, vẫn đang sống. Chỉ cần như thế, vẫn đang sống.

Rồi anh lên đường đi La Biche-aux-Chailles. Cái địa điểm đáng nguyên rủa, nơi Geneviève và Alain Fontanel đang sống. Anh lái xe trong đêm. Anh thích lái mô tô, vào ban đêm, khi bụi bặm và lũ bướm xoay vòng trong ánh đèn pha.

Anh dừng xe trước nhà họ. Một trong những phòng ở tầng trệt có ánh đèn. Bất chấp hoàn cảnh hiện tại, Philippe vẫn không ngần ngại gõ cửa. Alain Fontanel chỉ có một mình, rõ ràng là đang say rượu. Vết thâm tím mà Philippe tặng cho anh ta hai tuần trước đã gần như biến mất.

– Geneviève tự sát rồi. Tối nay thì mày không làm tình được đâu.

Đó là những gì Fontanel đã nói khi nhìn thấy Philippe đứng trên ngưỡng cửa. Những lời lẽ ấy khiến Philippe bủn rủn chân tay, anh cảm thấy buồn nôn. Suýt thì anh nôn ra đó. Làm sao anh có thể suy sụp đến mức ấy?

Gã đàn ông đứng trước mặt anh thuộc loại người tệ hại nhất, nhưng anh cũng chẳng khác gì hắn. Chính anh là kẻ từng quan hệ với Magnan. Chính anh là kẻ, một buổi tối, từng cho một gã bạn “mượn” cô ta không chút đắn đo.

Nhớ lại chuyện đó, Philippe cảm thấy chóng mặt. Anh tựa người vào

khung cửa. Tối đó, đứng trước mặt gã đàn ông say rượu nhìn mình soi mói, Philippe đã hiểu Magnan phải khốn khổ đến thế nào khi bị hai gã khốn kiếp giày vò: anh và Fontanel. Và nỗi thống khổ ấy xuyên thấu anh giống như một luồng gió buốt giá. Như thể bóng ma của Geneviève Magnan đã đâm xuyên người anh bằng một lưỡi dao dài. Màn đêm bao trùm lấy anh.

Nhìn thấy anh suy sụp tưởng sắp ngất như thế, Fontanel mỉm cười tai ác rồi quay lưng bỏ vào nhà, không thèm đóng cửa lại. Philippe đi theo anh ta vào một hành lang tối tăm. Bên trong, cái mùi ẩm thấp tù túng, thứ mùi hôi khét của dầu mỡ và bụi bặm trộn lẫn vào nhau, giống như ở những nơi không bao giờ được thông khí. Nơi chưa từng có mảnh giẻ lau hay chiếc chổi nào lướt qua. Philippe nghĩ đến Violette, người mở cửa nhà cho thông gió ngay cả trong mùa đông. Violette. Trong lúc đi theo Fontanel, Philippe bỗng có một mong ước mãnh liệt là được ôm choàng lấy cô trong vòng tay. Ôm siết lấy cô, điều anh chưa từng làm. Nhưng có lẽ là điều mà lão già ở nghĩa trang kia đã làm.

Hai người đàn ông ngồi vào bên bàn ăn. Một phòng ăn nhưng chẳng có gì để ăn, chỉ có hàng chục chai bia rỗng đặt trên lớp vải dầu. Hai, ba chai vodka rỗng nằm lẫn lóc, cùng các loại rượu mạnh khác. Và như thể quỹ dữ đã đột nhập vào giữa những bức tường bị nguyên rửa này để đồng hành với họ, hai người đàn ông bắt đầu lặng lẽ uống.

Phải rất lâu sau Fontanel mới bắt đầu nói, khi Philippe đưa mắt ngấm nhìn bức ảnh chụp chân dung hai cậu bé trai, để rồi không thể rời mắt ra được nữa. Hai nụ cười được lồng khung ở góc một chiếc tủ buýp phê bản thủ không biết có tự đời nào. Một bức ảnh chụp ở trường học, khi đã chụp xong bức ảnh tập thể, người ta tách những cặp anh em ra để tặng thêm cho các ông bố bà mẹ những bức ảnh kỷ niệm khác.

– Hai thằng bé đang ở nhà em gái của Geneviève. Chúng ở với cô ấy còn tốt hơn là ở với tôi. Tôi chưa bao giờ là một người bố tốt... Còn anh?

– ...

– Về cái chết của lũ trẻ, về con gái anh, Geneviève, cô ấy chẳng liên quan gì cả... Tôi muốn nói, cô ấy không cố ý làm bất cứ điều gì. Tôi thì tôi chỉ biết đoạn cuối của câu chuyện, khi cô ấy đến đánh thức tôi. Tôi đang ngủ, tôi cứ tưởng mình gặp ác mộng. Cô ấy lay người tôi, chẳng khác nào một ả điên. Cô ấy vừa khóc vừa gào thét, tôi chẳng hiểu cô ấy lắp bắp những gì... Cô ấy nói về anh, cô ấy bảo tôi là con gái anh đang ở đây, việc làm thế chân ở trường Malgrange, số phận, nó thật quá ác ôn... Cô ấy nói với tôi về mẹ cô ấy, tôi cứ tưởng cô ấy say rượu. Cô ấy vừa kéo tay tôi vừa gào lên: “Đi nào! Đi nhanh lên! Khủng khiếp quá... khủng khiếp quá”, cô ấy chưa bao giờ nói những chuyện như thế, Geneviève ấy. Khi tôi xuống đến căn phòng ở tầng dưới, thì chẳng thể làm gì được nữa rồi...

Fontanel uống một hơi cạn sạch chai bia, tiếp theo là một cốc vodka. Anh ta hít mạnh một hơi, rồi vừa nói như khạc ra từng lời vừa nhìn chăm chăm vào một vết rách trên lớp vải dầu, dùng móng tay gãi vào đó.

– Bà giám đốc, cái bà Croquevieille ấy, bà ta trả cho tôi một khoản tiền rẻ mạt để làm công việc bảo trì. Điện, nước, sơn, các khoảng không gian xanh... Không gian xanh, tôi mặc kệ những cái không gian xanh ấy. Toàn là cỏ với đá dăm. Geneviève thì phụ trách việc đi chợ và nấu nướng trong mùa hè. Bà giám đốc, bà ta kéo dài công việc để cả hai chúng tôi ngủ lại đó khi lũ trẻ đến... Để có thêm người giám sát. Tối đó, lẽ ra Geneviève không phải làm việc. Nhưng khi lũ trẻ đã đi ngủ, Lucie Lindon nhờ Geneviève trực thay trong vòng hai giờ đồng hồ, trông coi các phòng dưới tầng trệt. Lindon muốn lên tầng để hút một điếu cần trong phòng của

Letellier. Geneviève không dám từ chối... Lúc nào cô ả Lindon ấy cũng phụ giúp Geneviève. Nhưng Geneviève lại không ở lại lâu dài. Cô ấy chuẩn đi. Cô ấy để lũ trẻ một mình để đến nhà em gái cô ấy, thăm hai đứa con của chúng tôi bởi vì thằng bé út bị ốm và cô ấy rất lo. Mùa hè, cô ấy phát điên khi phải bỏ chúng lại trong khi những đứa trẻ khác được đi biển... Cô ấy trách móc tôi vì chuyện đó: “Anh chẳng được tích sự gì, thậm chí còn chẳng bao giờ cho mẹ con tôi đi biển...”

Fontanel vừa đi vệ sinh vừa rít lên: “Cuộc đời chó má.” Khi quay trở lại phòng ăn, anh ta ngồi xuống phía bên kia bàn, ở một chỗ khác. Cứ như thể chỗ của anh ta lúc trước đã bị một người khác chiếm mất trong lúc anh ta vắng mặt.

– Geneviève chuẩn đi cùng lắm là khoảng một giờ đồng hồ. Khi quay trở lại, khi cô ấy đẩy cửa phòng ngủ số 1, đầu cô ấy bắt đầu quay cuồng, cô ấy ngã đập mặt xuống đất... Ngay từ chiều, cô ấy đã bị choáng rồi. Cô ấy cứ tưởng mình bị ốm... Cứ tưởng đã bị lây vi rút từ thằng bé con. Phải khó khăn lắm cô ấy mới đứng được dậy... Cô ấy mở cửa sổ để hít một hơi thật sâu... Chính điều đó đã cứu sống cô ấy. Khoảng năm phút sau cô ấy tự nhủ có điều gì đó không ổn... Rằng lũ trẻ ngủ quá say. Geneviève không hiểu ra ngay lập tức... Cacbon monoxit là loại khí mà ta không ngửi thấy được... Trong mỗi phòng, có một bình nước nóng cá nhân có từ đời nào đời nào rồi... Một thứ già nua không còn hoạt động được nữa, mà cũng không ai được động vào... Tuy nhiên, có ai đó đã động vào nó. Geneviève lập tức nhận ra, bởi vì những cái bình nước nóng khôn kiếp ấy được lắp đằng sau một cái tủ giả, thế mà cái tủ ấy đang mở toang... Cánh tủ lủng lẳng trong không trung.

Alain Fontanel bật nắp một chai bia khác bằng chiếc bật lửa nằm lẩn

lóc trên bàn, miệng vẫn không ngừng nói.

– Tất cả chúng tôi đều biết rằng trang thiết bị trong cái lâu đài ấy đã hỏng hết rồi... Một quả bom nổ chậm thực thụ. Tôi đã chẳng thể làm gì được. Quá muộn rồi... Chết ngạt... Ngộ độc cacbon monoxit. Cả bốn đứa.

Fontanel im bật. Lần đầu tiên, giọng nói của anh ta để lộ nỗi xúc động. Anh ta châm một điếu thuốc và nhắm mắt lại.

– Tôi lập tức ngắt điện bình nước nóng. Thậm chí tôi còn tìm thấy que diêm đã được dùng để khởi động nó. Geneviève, cô ấy chưa bao giờ biết nói dối... Khi anh quan hệ với cô ấy, tôi biết hết. Cô ấy có đôi mắt của kẻ đang yêu say đắm. Một ả ngốc thực thụ. Cô ấy sắc mùi lẳng lơ, đắp đủ thứ lên mặt, đi những đôi giày làm hỏng cả chân... Tối đó, tôi nhìn thấy trong mắt cô ấy rằng cô ấy không làm điều đó, cô ấy chẳng liên quan gì hết. Tôi nhìn thấy nỗi hoảng sợ của cô ấy. Cô ấy sắc mùi chết chóc... Vội lại, cũng cần phải biết cách thì mới bật được cái bình nước nóng cũ rích ấy. Cô ấy không thể làm được... Người ta đã chính thức cấm động vào những cái bình nước nóng cũ trong lâu đài. Và toàn bộ nhân viên đều biết. Người ta đã lải nhải vào tai chúng tôi đủ nhiều. Lệnh cấm ấy không được ghi trong nội quy, nếu không bà giám đốc sẽ phải đi tù ngay lập tức, nhưng chúng tôi thì biết... Lẽ ra bà ta phải cho tháo dỡ chúng... Croquevieille, bà ta ở đó để khiến các ông bố bà mẹ phải nộp tiền ra, nhưng khi phải trả tiền để mua đồ mới thì chẳng thấy mặt ai cả. Các bình nước nóng mới duy nhất đều nằm trong các phòng tắm chung.

Có ai đó gõ cửa. Fontanel không mở. Anh ta chỉ càu nhàu: “Lũ hàng xóm khôn kiếp” rồi lại tiếp tục rót rượu vào cốc của mình. Trong lúc Fontanel kể chuyện, Philippe không hề cử động. Anh uống những ngụm lớn rượu vodka để thiêu đốt nỗi đau đớn, để nhận chìm nỗi buồn, theo từng đợt

đều đặn.

Geneviève đã phát hoảng. Cô ấy nói cô ấy không muốn đi tù. Rằng nếu có ai đó biết rằng cô ấy đã bỏ đi thăm con, cô ấy sẽ phải gánh tội cho tất cả mọi người. Cô ấy cầu xin tôi giúp cô ấy. Lúc đầu, tôi nói không. “Với lại cô muốn tôi giúp cô thế nào? tôi hỏi. Chúng ta sẽ nói sự thật, rằng đây là một tai nạn... Chúng ta sẽ tìm ra thằng ngu đã làm chuyện đó.” cô ấy phát điên thật sự, mặt cô ấy biến dạng... Cô ấy chửi rửa tôi, đe dọa tôi. Cô ấy nói sẽ kể với toàn bộ cảnh sát là tôi nhòm ngó đám nhân viên phụ trách... rằng cô ấy đã nhìn thấy tôi lấy trộm quần lót của họ trong giỏ đồ giặt... rằng cô ấy có bằng chứng. Tôi giáng cho cô ấy một cái tát để cô ấy im miệng... Thế rồi tôi nhớ lại rằng khi còn trong quân ngũ, một đêm, một gã binh nhì đã thiêu rụi một phần trại lính vì quên một cái nồi thức ăn trên bếp ga không tắt hết... Chính vì thế mà tôi nảy ra ý tưởng... Với lửa, mọi thứ đều sẽ biến mất. Khi mọi thứ đã cháy hết, sẽ chẳng có ai phải đi tù cả... Nhất là nếu chính lũ trẻ đã làm chuyện ngốc nghếch là để quên cái nồi sữa trên bếp lửa.

Lúc ấy, Philippe những muốn bảo Fontanel im miệng. Nhưng anh không thể mở miệng, không thể thốt ra bất cứ lời nào. Anh những muốn đứng dậy, ra khỏi đó thật nhanh, bịt tai lại. Nhưng anh vẫn dờ dẫm, tê liệt, bất lực. Như thể có hai bàn tay băng giá giữ chặt anh trên ghế.

– Chính tôi là người châm lửa trong bếp... Geneviève thì để mấy cái bát vào trong phòng lũ trẻ... Tôi chờ ở đầu hành lang, để cửa phòng mở hé. Geneviève đi lên phòng ngủ của chúng tôi... Kể từ đêm đó, cô ấy không lúc nào ngừng khóc lóc nữa... Cô ấy cũng rất sợ... Cô ấy nói rằng anh hoặc vợ anh, thế nào rồi hai người cũng đến lấy mạng cô ấy...

Vài con run rẩy khiến thân hình Philippe chấn động. Như thể anh vừa phải nhận các cú giật điện qua những điện cực vô hình.

– Khi lửa lan vào phòng, tôi chạy lên tầng trên, ra sức đập mạnh vào cửa phòng Letellier... Tôi cùng Geneviève núp trong phòng ngủ của chúng tôi. Lindon thức giấc, cô ta quay xuống tầng trệt, rồi rú lên khi nhìn thấy lửa, tôi làm như thể mình vừa ra khỏi giường, như thể tôi không hiểu chuyện gì đang xảy ra... Letellier muốn vào trong phòng lũ trẻ nhưng đã quá muộn... Lửa đã bốc quá cao. Chúng tôi sơ tán tất cả mọi người... Khi cứu hỏa đến nơi thì tất cả đã biến mất... Chẳng khác nào địa ngục, mà còn tệ hơn cả địa ngục... Lindon không bao giờ dám hỏi Geneviève xem cô ấy ở đâu tối hôm đó, tại sao mấy đứa trẻ lại thức dậy rồi đi vào bếp mà không có ai nhận ra, hay chúng đã làm việc đó thế nào, bởi vì toàn bộ vụ này, xét cho cùng, chính là lỗi của cô ta. Không bao giờ có người nào biết được ai đã bật lại cái bình nước nóng... Cũng không biết để làm gì... Cũng không biết vào lúc nào... Anh nên biết rằng tôi đã xem trong các phòng khác, chẳng có ai động đến thứ đó cả... Và tôi không bao giờ nói gì.

Philippe đã mất khả năng nhận thức. Anh mở mắt ra, đầu nặng trĩu, miệng đắng nghét, trong bụng nóng như có lửa đốt.

Alain Fontenel vẫn ngồi nguyên ở chỗ cũ, ánh mắt vô định, hai con mắt vẫn những tia máu, cái cốc cầm trên tay. Anh ta không hút điếu thuốc vẫn đang kẹp giữa các ngón tay, tàn thuốc rơi xuống lớp vải dầu.

– Đừng có nhìn tôi như thế, tôi tin chắc chắn là Geneviève không làm việc đó. Đừng có nhìn tôi như thế, tôi xin nói với anh, tôi là một gã khốn... người ta tránh tôi, khi gặp tôi, người ta tránh sang vỉa hè bên kia, nhưng tôi chưa từng đụng đến một sợi tóc của trẻ con.

Geneviève Magnan được chôn cất ngày 3 tháng Chín năm 1996. Trò mĩa mai của số phận hay một sự ngẫu nhiên tệ hại, đó là ngày lễ ra Léonine sẽ ăn mừng sinh nhật lần thứ mười.

Khi cô ta được chôn trong hầm mộ gia đình ở nghĩa trang nhỏ La Biche-aux-Chailles cách nhà cô ta chừng ba trăm mét, Philippe đã trên tàu trở về miền Đông.

Trong suốt mùa đông cuối năm 1996 đầu 1997, anh không đến địa chỉ và để chiếc xe mô tô ngủ yên trong ga ra.

Bố mẹ anh đến tìm anh một lần, vào tháng Một, để đến nghĩa trang Brancion, tưởng niệm trước mộ Léonine, nhưng anh không chịu lên xe. Chẳng khác nào một đứa trẻ bướng bỉnh. Giống như khi anh đi nghỉ hè ở nhà Luc và Françoise bất chấp sự phản đối của bà mẹ.

Anh dành cả sáu tháng để chơi Nintendo, để mình mù đi trước màn hình những trò chơi buộc anh phải giải cứu một nàng công chúa. Anh cứu nàng hàng trăm lượt, trong khi không thể cứu được nàng công chúa của chính anh, nàng công chúa thực thụ.

Một buổi sáng, giữa món bánh tarte nóng quen thuộc và bữa trưa, Violette thông báo với Philippe rằng vị trí quản trang ở Brancion-en-Chalon đang trống, và cô muốn nhận vị trí đó hơn tất cả mọi thứ trên đời này. Cô vẽ ra trước mắt anh đôi chút hạnh phúc. Cô miêu tả công việc đó như một nơi đầy ánh nắng, những kỳ nghỉ hè hạng năm sao.

Anh nhìn cô như thể cô đã mất trí. Không phải vì đề xuất của cô, mà bởi vì anh hiểu rằng cô đang đề nghị anh tiếp tục chung sống. Lúc đầu, theo phản xạ, anh nói không, bởi vì anh nghĩ cô làm thế chính là để được gần gũi với lão quản trang già kia, nhưng ý nghĩ đó không có căn cứ. Nếu cô muốn gần gũi lão, có lẽ cô đã rời bỏ Philippe và chuyển đến sống ở nhà lão. Anh

hiều rằng cô muốn tiếp tục, rằng anh là một phần trong các dự định của cô, trong tương lai của cô.

Ý nghĩ trở thành quản trang khiến anh kinh hãi. Nhưng anh sẽ chẳng phải làm gì nhiều hơn so với khi ở Malgrange. Violette sẽ lo mọi chuyện. Với lại, anh có thể làm gì khác được? Hôm qua, anh có một cuộc hẹn ở Trung tâm việc làm, người ta bảo anh phải cập nhật sơ yếu lý lịch. Cập nhật cái gì? Ngoại trừ việc sửa xe mô tô và quyến rũ những người đàn bà dễ dãi, anh chẳng biết làm gì hết. Người ta đề nghị anh theo học một khóa đào tạo cơ khí để làm việc trong một xưởng sửa chữa hoặc một đại lý xe, anh có hình thức ưa nhìn, anh cũng có thể chuyển sang ngạch bán hàng. Viễn cảnh anh trở thành nhân viên đại lý với những chiếc xe hơi, những hợp đồng bảo dưỡng đi kèm khiến anh ngán ngẩm. Tiếng chuông đồng hồ báo thức vang lên trong khi với anh nó không bao giờ đổ chuông, những giờ giấc phải tuân thủ, rồi cơm lê cà vạt, ba mươi chín giờ làm việc mỗi tuần, thà chết còn hơn. Một cơn ác mộng không tưởng. Anh chưa bao giờ muốn làm việc, ngoại trừ năm mười tám tuổi, trong xưởng của Luc và Françoise.

Nếu chấp nhận công việc nhân viên mai táng đó, một khoản lương sẽ tiếp tục được rót vào tài khoản mỗi tháng, khoản lương mà anh sẽ không động đến. Violette mua sắm bằng tài khoản của cô, việc bếp núc, nội trợ. Anh sẽ vẫn giữ được vợ trong chiếc giường ấm áp, những chiếc bánh nướng, chăn ga và bát đĩa sạch tinh tươm, anh sẽ chỉ việc di chuyển những thói quen của bản thân, cùng nhãn hiệu sữa chua mà anh ưa thích. Và tiếp tục cuộc sống của kẻ mãi mãi ở tuổi thiếu niên. Theo như Violette nói, cô sẽ treo rèm ở cửa sổ nhà họ, và anh sẽ không phải tham dự các lễ an táng. Anh sẽ chuyển bộ chơi game Nintendo vào một phòng kín và lần lượt giải cứu các nàng công chúa, hết nàng này đến nàng khác, để tránh bị làm phiền bởi

một phu đào huyết hoặc một khách viếng nghĩa trang đi lạc trong lúc tìm một ngôi mộ.

Cuối cùng, đó sẽ là cơ hội để biết xem kẻ khốn kiếp nào đã bật cái bình nước nóng trong đêm 13 rạng ngày 14 tháng Bảy năm 1993 ở lâu đài Notre-Dame-des-Prés. Anh sẽ đến đó để đặt ra những câu hỏi, để đập vỡ vài cái răng, khiến sự im lặng phải lên tiếng. Anh sẽ làm việc đó trong bí mật, để không bao giờ có người nào đến lấy lại hoặc đòi hỏi số tiền bảo hiểm mà anh đã nhận được, khoản bồi thường cùng tiền lãi đã được rót vào tài khoản của anh sau vụ tai nạn khiến Léonine mất mạng.

Cái tật để dành mọi thứ, đúng như mẹ anh đã dạy, khiến anh ghê tởm, nhưng nó mạnh hơn anh. Một căn bệnh di truyền. Một loại vi rút, một loại vi khuẩn chết người. Tính keo bần ấy giống như một dị tật bẩm sinh. Một khoản thừa kế đáng nguyên rủa mà anh không thể chống lại. Để dành tiền để đi đâu? Để làm gì? Anh không có ý tưởng gì cả.

Họ chuyển nhà vào tháng Tám năm 1997. Hành trình được thực hiện trên một chiếc xe tải nhỏ chưa đầy hai mươi khối, họ không có đồ đạc gì đáng kể.

Người quản trang già không còn ở đó. Ông ta để lại một mảnh giấy nhẵn trên mặt bàn. Philippe vờ như không nhận ra rằng Violette biết rõ từng góc ngách trong nhà. Vừa đến nơi, cô đã biến ra vườn. Cô gọi anh, rủ anh ra xem: “Ra đây! Ra đây nhanh lên!” Đã nhiều năm nay Philippe không nghe thấy nụ cười ấy trong giọng nói của cô. Khi nhìn thấy cô đang ngồi xỏm ở góc vườn rau, hái những quả cà chua chín đỏ hây hây như màu má thiếu nữ, khi nhìn thấy cô nhai rau rầu một quả trong số đó, anh nhớ đến tia sáng ánh lên trong mắt cô ở nhà hộ sinh, vào cái ngày Léonine ra đời. Cô bảo anh: “Lại đây ăn thử đi.” Thoạt tiên, anh bước lùi lại. Rồi anh thấy rằng

khu vườn này ở cao hẳn về phía thượng nguồn so với nghĩa trang, nên nước thải sẽ không đổ về đây được. Tuy nhiên, anh vẫn khó nhọc mỉm cười với cô, ép mình cắn một quả cà chua mà cô đưa cho. Nước từ quả cà chua chảy ra bàn tay anh, Violette liền nắm lấy chúng rồi liếm các ngón tay. Đúng lúc đó anh hiểu rằng anh chưa bao giờ ngừng yêu cô, nhưng đã quá muộn rồi. Họ không thể quay trở lại quá khứ được nữa.

Anh lấy xe mô tô ra khỏi xe tải, rồi nói với Violette: “Anh đi dạo một vòng đây.”



Thà khóc người còn hơn chưa từng quen biết người.

“Ngày 22 tháng Mười năm 1996

Violette rất quý giá ơi,

*Đã hai tháng nay chồng cháu cấm cháu quay lại đây. Bác nhớ cháu.
Cháu nói xem, khi nào thì cháu quay trở lại?*

Sáng nay, bác đã nghe Barbara, thật điên rồ, giọng cô ấy vô cùng ăn nhập với mùa thu, mùi của đất ẩm, không phải loại đất nơi rễ cây mọc dài ra, mà là nơi chúng ngoan ngoãn ngủ yên để rồi tái sinh mạnh mẽ hơn, chuẩn bị dốc cạn sức lực của mình trong mùa đông. Mùa thu là cái nôi cho sự sống trở lại. Tất cả những chiếc lá thay màu kia, cứ như thể một cuộc trình diễn thời trang cao cấp, giống như những nốt nhạc trong giọng hát của Barbara. Bác thấy cô ấy thật thú vị, Barbara ấy. Khi thực sự lắng nghe cô ấy, ta hiểu rằng trong mắt cô ấy chẳng có gì thực sự nghiêm trọng, cho dù nó có nghiêm trọng đi chăng nữa. Có lẽ bác đã có thể yêu cô ấy đến phát điên, nhất là giá như cô ấy là đàn ông. Biết làm sao được, bác đâu có đức hạnh được như những người vợ của các thủy thủ.

Bởi vì giai đoạn cuối mùa này rất dễ chịu, và còn chưa có băng giá,

bác vừa mới thu hoạch những quả cà chua, ớt chuông và bí xanh cuối cùng. Sắp đến lễ Các Thánh rồi, nó cũng giống như một cái rào chắn vô hình: một khi đã qua lễ ấy, thì không còn rau quả mùa hè nữa. Đám xa lát của bác vẫn tươi tốt như trước, nhưng chỉ một tháng nữa, sẽ chỉ còn rau cải thảo. Bắp cải đang mọc mầm. Trong khi chờ đợi những đợt băng giá đầu tiên, bác đã cuốc lật một số khoảnh đất rồi phủ phân lên, chính là những chỗ chúng ta đã cùng nhau dỡ khoai tây và hành vào tháng Tám vừa rồi. Ông bạn nông dân của bác đã mang đến cho bác năm tạ phân chuồng, bác phủ bạt che ở gần căn nhà gỗ. Bác phải phủ bạt bởi vì nếu trời mưa, phân tốt nhất trong phân sẽ trôi theo nước mưa, chỉ còn lại toàn rơm rác. Cũng hơi thôi một chút, nhưng không thôi lắm đâu (vẫn còn tốt hơn thứ phân hóa học khôn kiếp). Bác không nghĩ mình làm phiền các hàng xóm lân cận. Nhân nói đến họ, bọn bác vừa chôn cất Edouard Chazel (1910-1996) ba ngày trước - ông ấy chết khi đang ngủ. Đôi khi bác tự hỏi ta có thể nhìn thấy gì trong đêm để đến mức muốn chết vì nó.

Bác đã biết chuyện về Geneviève Magnan, một cái kết thật buồn. Bác nghĩ cháu phải quên đi thôi, Violette ạ. Bác nghĩ cháu cần tiếp tục sống và thôi đừng tìm hiểu như thế nào, tại sao, người nào nữa. Quá khứ không màu mỡ như lớp phân mà bác rải trên mặt đất đâu. Nó giống với vôi sống hơn. Thứ chất độc thiêu đốt các gốc cây. Đúng thế, Violette ạ, quá khứ chính là chất độc đối với hiện tại. Xem đi xét lại quá khứ chính là chết đi một chút.

Tháng trước, bác đã bắt đầu tỉa cành cho những cây hồng già. Trời quá đẹp, quá phù hợp với các loại nấm. Thông thường, vào cuối mùa hè, nếu có hai hoặc ba cơn bão kèm mưa lớn, bảy ngày sau sẽ có nấm mốc gà xuất hiện. Hôm qua, bác đã đi vào rừng, cái góc bí mật nơi bác thường thu

hoạch được cả đồng năm, bác trở về như một người Paris, gần như tay không. Chỉ có ba cây nấm mỏng gà như đang chế nhạo bác ở dưới đáy giỏ. Trông chẳng khác gì một nấm giòi. Bác đã lập tức làm món trứng chiên nấm. Thật đáng đời chúng! Tuần trước, bác đã gặp ông thị trưởng, bác đã nói chuyện với ông ấy về cháu, bác đã nhiệt tình giới thiệu cháu. Ông ấy muốn gặp cháu và không phản đối gì việc cháu thay thế bác. Bác đã báo trước với ông ấy rằng cháu không sống một mình, rằng cháu có chồng. Lúc đầu ông ấy nhăn nhó vì như thế thì sẽ phải trả thêm một suất lương, nhưng bởi vì trước đây có bốn phu đào huyệt còn bây giờ thì chỉ có ba, nên chắc là vợ chồng cháu cũng không làm ảnh hưởng gì đến ngân sách. Thế nên, nếu bác là cháu, bác sẽ không chần chừ đâu. Trước khi có một người nào đó đến xin xỏ ông ấy - lúc nào mà chẳng có một anh cháu, một người chị họ, một người hàng xóm đang tìm kiếm một chân công chức. Bác đồng ý với cháu, không phải ai cũng đổ xô đến xin được trở thành nhân viên quản trang, nhưng dù sao, chúng ta cũng phải cảnh giác! Không có chuyện bác để lũ mèo và khu vườn của bác lại cho một người nào đó không phải là cháu!

Hãy quay lại để bác thu xếp cho cháu gặp ông thị trưởng. Nói chung, ta phải đề phòng các vị dân biểu, nhưng ông này là người khá tốt. Nếu ông ấy đã hứa, thì cháu sẽ không cần ký giấy hẹn tuyển dụng. Thế nên cháu phải khẩn trương tìm một cái cớ nào đó để đến đây càng sớm càng tốt. Bác đã nói với cháu về giá trị của lời nói dối chưa nhỉ? Nếu bác quên, thì cháu hãy nhắc bác nhớ nhé.

Bác thơm cháu thật dịu dàng, Violette quý giá của bác ạ.

Sasha”

– Philippe, em phải đi Marseille!

– Nhưng bây giờ đâu có phải là tháng Tám.

– Em không đến căn nhà gỗ. Célia cần em vài ngày, ở nhà chị ấy. Cùng lắm là ba hoặc bốn ngày thôi... Nếu không có gì phức tạp. Chưa tính thời gian đi lại.

– Để làm gì thế?

– Chị ấy phải vào viện mà không có ai trông Emmy.

– Bao giờ?

– Ngay lập tức, là một ca cấp cứu.

– Ngay lập tức sao!?

– Đúng thế, em đã nói với anh là cấp cứu mà!

– Chị ta bị sao vậy?

– Viêm ruột thừa.

– Ở tuổi chị ta ư?

– Viêm ruột thừa thì có liên quan gì đến tuổi tác đâu... Stéphanie sẽ chở em đến Nancy, rồi em sẽ đi tàu. Trong lúc chờ em đến, Emmy sẽ ở nhà hàng xóm... Célia đã nài nỉ em, chị ấy chỉ có em, em buộc phải đi, thật nhanh. Em đã ghi lại toàn bộ giờ tàu cho anh trên một tờ giấy để cạnh điện thoại. Em đã đi chợ, anh sẽ chỉ phải hâm nóng món la gu hoặc khoai tây nướng pho mát trong lò vi sóng, có hai cái bánh pizza loại anh thích trong tủ lạnh, em đã chất đầy cả sữa chua và xa lát ăn liền trong tủ. Buổi trưa, Stéphanie sẽ mang cho anh một cái bánh mì dài mới. Em đã để cho anh các gói bánh bích quy trong ngăn tủ, bên dưới ngăn đựng dao thìa đĩa, như thường lệ. Em đi đây, hẹn gặp lại anh trong vài ngày nữa. Em sẽ gọi điện cho anh khi đến nhà Célia.

Trên chặng đường kéo dài chừng hai mươi lăm phút, và trong câu chuyện ngắn ngủi với Stéphanie, tôi đã nói dối chị. Tôi nhắc lại những gì đã nói với Philippe Toussaint, Célia bị viêm ruột thừa, tôi phải đến ngay để trông cháu gái chị ấy, Emmy. Stéphanie không biết nói dối. Nếu tôi nói thật với chị, có thể chị sẽ làm lộ chuyện mặc dù không cố ý. Chị có thể sẽ đỏ mặt và áp úng trước mặt Philippe Toussaint khi gặp anh ta.

Stéphanie nhờ người trông hộ quầy thu ngân một giờ đồng hồ để đưa tôi đến Nancy. Chúng tôi không nói chuyện nhiều trong xe. Tôi nghĩ hình như chị đã nói với tôi về một nhãn hiệu bánh bích quy hữu cơ mới. Từ vài tháng nay, các loại sản phẩm hữu cơ bắt đầu xuất hiện trên các giá hàng ở siêu thị Casino, và Stéphanie nói với tôi về chúng như thể đó chính là Chén Thánh. Tôi không nghe chị nói. Tôi thậm chí đọc lại bức thư của Sasha trong đầu. Tôi đã đang ở trong vườn nhà ông, trong nhà ông, trong căn bếp của ông. Tôi sốt ruột muốn đến ngay. Vừa ngắm nghía con hổ trắng treo ở gương chiếu hậu của chiếc Panda, tôi đã bắt đầu tìm kiếm những từ ngữ phù hợp, những lập luận để Philippe Toussaint đồng ý chuyển nhà, chấp nhận công việc quản trang này.

Tôi bắt chuyến tàu đi Lyon, bắt một chuyến khác đến Mâcon, rồi lên chuyến xe khách đi qua đằng trước lâu đài. Tôi nhắm mắt khi đi ngang qua nó.

Tôi đẩy cánh cửa ngôi nhà tương lai của tôi vào cuối chiều. Ngày đã gần tàn hẳn, trời lạnh khủng khiếp. Môi tôi tái nhợt. Bên trong, bầu không khí thật ấm áp. Sasha đã thấp nển, và vẫn là cái mùi ngọt ngào ấy, những chiếc khăn mùi xoa bằng vải mà ông tắm nước hoa “Giấc mơ của Ossian”. Khi nhìn thấy tôi, ông chỉ mỉm cười nói:

– Bác phải cảm ơn giá trị của lời nói dối!

Ông đang gọt rau củ. Đôi bàn tay hơi run rẩy của ông cầm cái nạo như thể đó là một viên đá quý.

Chúng tôi ăn món cháo rau vô cùng ngon. Chúng tôi nói chuyện về khu vườn, về đám nấm, về những bài hát và những cuốn sách. Tôi hỏi ông sẽ đi đâu nếu chúng tôi chuyển đến đây ở. Ông trả lời tôi rằng ông đã dự kiến mọi chuyện. Rằng ông sẽ đi du lịch và dừng chân ở nơi nào ông thích. Rằng tiền lương hưu của ông cũng còm cõi như ông, nhưng vì ông ăn ít, nên như thế là đủ. Rằng ông sẽ đi bộ, đi tàu hạng hai và đi nhờ xe. Đó là những chuyến dạo chơi duy nhất mà ông muốn trải qua. Ông muốn tặng cho mình những điều mới lạ. Cùng với những người bạn, giống như những điểm dừng chân. Ông có ít bạn bè, nhưng là bạn bè thực thụ. Đến gặp họ cũng là một phần trong dự định của ông. Chăm sóc khu vườn của họ. Và nếu họ không có vườn, thì giúp họ tạo ra một khu vườn.

Ấn Độ là đích nhắm của Sasha. Người bạn thân nhất của ông, Sany, là một người Ấn Độ mà Sasha gặp từ hồi ông còn là một đứa trẻ. Là con trai của đại sứ, Sany sống ở Kerala từ những năm 1970. Sasha đã nhiều lần đến thăm ông, trong đó có một lần cùng với bà Verena, vợ ông. Sany là cha đỡ đầu của Émile và Ninon, hai con của Sasha. Sasha muốn sống nốt cuộc đời ở đó. Sasha không bao giờ nói “kết thúc cuộc đời” mà nói “đi đến tận cái chết của bác”.

Để tráng miệng, ông lấy ra món sữa gạo mà ông đã làm tối qua, đựng trong những cái hũ sữa chua đủ loại bằng thủy tinh. Tôi ăn thìa xuống tận đáy để tìm ca ra men. Khi nhìn thấy cử chỉ đó của tôi, Sasha bỗng đổi giọng:

– Khi bọn trẻ mất, bác cũng cất được một gánh nặng khổng lồ. Nỗi lo

để chúng đơn độc sau khi bác chết, nỗi lo phải bỏ rơi chúng. Nỗi kinh hoàng khi hình dung chúng có thể bị lạnh, bị đau, bị đói mà bác thì không còn trên đời để ôm chúng trong vòng tay, che chở chúng, nâng đỡ chúng. Khi bác chết, sẽ không có ai khóc bác. Sẽ không có nỗi đau buồn nào sau lưng bác. Và bác sẽ ra đi nhẹ nhàng, thanh thản vì đã cất được gánh nặng về cuộc đời của chúng. Chỉ có những kẻ ích kỷ mới run rẩy khi nghĩ đến cái chết của chính mình. Những người khác, họ run rẩy khi nghĩ đến những người mà họ bỏ lại.

– Nhưng cháu sẽ khóc bác, bác Sasha ạ.

– Cháu sẽ không khóc bác giống như vợ con bác khóc bác, nếu họ còn sống. Cháu sẽ khóc bác giống như khi ta mất một người bạn. Cháu sẽ không bao giờ khóc ai như cháu đã từng khóc Léonine. Cháu biết rõ điều đó mà.

Ông đun nước để pha trà. Ông nói ông rất vui vì tôi ở đây. Rằng trong số những người bạn thực thụ mà ông sẽ đến thăm sau khi nghỉ hưu, có cả tôi trong đó. Ông nói thêm: “Những khi chồng cháu đi vắng.”

Ông bật nhạc, những bản xô nát của Chopin. Rồi ông nói với tôi về những người đang sống và những người đã chết. Những khách quen. Những bà góa. Khó khăn nhất chính là những lễ an táng trẻ em. Nhưng sẽ không ai buộc phải làm gì cả. Nhân sự ở nghĩa trang và các nhân viên tang lễ thực sự đoàn kết. Mọi người có thể thay thế cho nhau. Một phu đào huyệt có thể thay thế cho một người khiêng áo quan, người này có thể thay thế cho một thợ làm đá ốp mộ, anh ta lại có thể thay thế cho người làm lễ thuộc nhà tang lễ, anh này lại có thể thay thế nhân viên quản trang khi một trong số họ cảm thấy mình không đủ sức đối diện với một lễ tang khó khăn. Người duy nhất không thể thay thế chính là cha xứ.

Tôi sẽ nhìn thấy và nghe thấy hết. Bao lực và hận thù, khuây khỏa và

đau khổ, xót xa và ân hận, đau đớn và vui sướng, và cả những hồi tiếc. Cả xã hội, đủ các loại gốc gác và tôn giáo, trong phạm vi vài héc ta đất. Hằng ngày, có hai điều cần chú ý: không khóa cửa nhốt khách viếng thăm bên trong nghĩa trang - khi một người thân vừa qua đời, một số người sẽ mất hoàn toàn khái niệm về thời gian - và đề phòng những vụ trộm - không hiếm trường hợp khách viếng mộ tận dụng hoa tươi và thậm chí cả những tấm bia tưởng niệm trên các ngôi mộ xung quanh (“Vô cùng thương tiếc bà”, “Vô cùng thương tiếc chú” hoặc “Vô cùng thương tiếc bạn” sẽ phù hợp với tất cả các gia đình).

Tôi sẽ gặp người già nhiều hơn là thanh niên. Đám thanh niên, họ phải đi xa để học hành, để làm việc. Họ không đi viếng mộ nhiều. Và nếu họ đến, thì đó là một dấu hiệu xấu, bởi vì họ đến viếng một người bạn.

Ngày hôm sau là mừng 1 tháng Mười một, ngày quan trọng nhất trong năm. Rồi tôi sẽ thấy, phải hướng dẫn cho những người không thường xuyên đến nghĩa trang. Sasha đã chỉ cho tôi những nơi có đặt các sơ đồ khác nhau của nghĩa trang, những tấm phiếu bằng bìa cứng ghi tên những người mới qua đời trong vòng sáu tháng vừa qua để trong một cái tủ có mái che bên ngoài nhà, phía nghĩa trang. Ông giải thích thêm với tôi rằng những người khác, những người qua đời trước đó, được lưu trữ hồ sơ ở tòa thị chính.

Tôi nghĩ rằng hồ sơ của Léonine cũng đã được lưu trữ. Con bé còn nhỏ thế, mà đã có hồ sơ lưu.

Trên những tấm phiếu có ghi thông tin của từng ngôi mộ, cùng với họ tên và ngày mất của người quá cố, cũng như vị trí ngôi mộ.

Những ngày cải táng, vốn rất hiếm hoi, tôi phải chú ý để mọi người không làm ảnh hưởng đến những ngôi mộ bên cạnh.

Một trong ba phu đào huyệt là người đặc biệt hậu đậu.

Một số khách viếng mộ sẽ đi cả xe vào trong nghĩa trang. Tôi sẽ nhanh chóng nhận ra họ, chỉ cần nghe tiếng động cơ xe, nhất là khi những nhân vật khó chịu này lúc nào cũng làm cho bộ ly hợp trên chiếc Citroen của họ kêu rít lên.

Tất cả những chuyện khác, tôi sẽ khám phá dần dần. Không ngày nào giống ngày nào. Một ngày nào đó, khi đọc xong cuốn *Tạo tác của Chúa, một phần của Quỷ* đến lần thứ một trăm, có lẽ tôi có thể viết một cuốn tiểu thuyết về chuyện này hoặc một hồi ký về những người sống và người chết.

Sasha lập danh sách đầu tiên trên một cuốn vở trắng tinh, một cuốn vở học trò. Ông ghi tên của những con mèo sống trong nghĩa trang, tính cách của chúng, những món chúng ăn, những thói quen của chúng. Ông đã làm ngẫu hứng một cái chuồng mèo bằng những chiếc áo len và những tấm chăn, ở cuối khu Phu Danh, về bên tay trái. Đó là nơi không có ai đến tưởng niệm, mười mét vuông không có lối đi, và với sự giúp đỡ của các phu đào huyệt, ông đã dựng lên một cái chuồng. Một nơi khô ráo và ấm áp vào mùa đông. Ông đã ghi lại thông tin liên hệ của các bác sĩ thú y ở Tournus, cả bố lẫn con, những người chịu di chuyển đến tận đây để tiêm phòng, triệt sản và chăm sóc cho lũ mèo với mức giá được giảm năm mươi phần trăm. Có thể có cả những con chó, chúng ngủ trên mộ chủ, tôi cũng phải chăm sóc chúng.

Trên một trang khác, ông ghi tên của các phu đào huyệt, biệt danh của họ, thói quen của họ, phần công việc mà họ phụ trách. Thông tin về anh em nhà Lucchini, địa chỉ và chức trách của họ. Và để kết thúc danh sách, ông ghi tên của người phụ trách giấy chứng tử ở tòa thị chính. Rồi ông kết luận: “Đã hai trăm năm mươi năm nay người ta chôn cất người thân ở đây, và vẫn còn chưa kết thúc đâu.”

Phần còn lại của cuốn vở, ông mất hai ngày để viết xong. Phần đó liên quan đến khu vườn, các loại rau, các loại hoa, các cây ăn quả, các mùa, cách thức gieo trồng.

Ngày hôm sau là lễ Các Thánh, một lớp băng mỏng đậu trên mặt đất trong vườn. Trước khi mở cổng nghĩa trang, lúc trời còn tối, tôi giúp Sasha thu hoạch nốt đám rau mùa hè. Trong lúc chúng tôi bước đi giữa những lối đi phủ băng, tay cầm đèn pin, áo choàng trùm kín người, Sasha nói với tôi về Geneviève Magnan. Ông hỏi tôi cảm thấy thế nào khi biết tin chị ta tự sát.

– Cháu vẫn luôn nghĩ rằng đám trẻ không hề đặt chân vào bếp. Rằng có ai đó đã không dập hết tàn thuốc lá hoặc một điều gì đó tương tự. Cháu tin rằng Geneviève Magnan biết sự thật và không chịu đựng nổi sự thật đó.

– Cháu có muốn biết không?

– Sau khi Léonine mất, cháu trụ được cũng chính là để biết sự thật. Ngày hôm nay, điều quan trọng đối với con bé, đối với cháu, đó là chăm sóc cho cây nở hoa.

Chúng tôi nghe thấy những khách thăm đầu tiên dừng xe trước cổng nghĩa trang. Sasha đi ra mở cổng cho họ. Tôi đi cùng ông. Ông nói với tôi: “Rồi cháu sẽ thấy, cháu sẽ tự đặt ra giờ giấc mở cổng và đóng cổng. Trên thực tế, cháu sẽ tự đặt ra theo nỗi đau buồn của người khác. Cháu sẽ không có lòng dạ nào để bắt những người khách đến sớm phải chờ, và buổi tối cũng thế. Đôi khi, cháu sẽ không nở yêu cầu họ rời đi.”

Tôi dành cả ngày để quan sát các khách thăm, những cánh tay ôm đầy hoa cúc, họ đi đi lại lại trong các lối đi. Tôi đến thăm lũ mèo, chúng cọ người vào chân tôi. Tôi vuốt ve chúng. Chúng khiến tôi cảm thấy dễ chịu. Ngày hôm trước, Sasha đã giải thích với tôi rất nhiều các khách thăm viếng

nhập hồn người chết vào các con vật trong nghĩa trang. Họ hình dung rằng linh hồn người thân quá cố của họ hiện về thông qua những con vật này.

Khoảng 17 giờ, tôi lại gần Léonine, thực ra không phải lại gần con bé mà là cái tên của con bé viết trên một ngôi mộ. Máu tôi đông lại khi nhìn thấy ông bà Toussaint đang đặt lên đấy những bông hoa cúc vàng. Tôi đã không nhìn thấy họ kể từ sau thảm kịch. Khi họ đến đón con trai hai lần mỗi năm và dừng xe trước cửa nhà, tôi không nhìn họ qua cửa sổ. Tôi chỉ nghe thấy tiếng động cơ xe của họ rồi Philippe hét lên với tôi: “Anh đi đây!” Họ đã già đi. Ông Toussaint thì còng rạp. Lung bà Toussaint vẫn rất thẳng nhưng đã lùn đi. Thời gian đã đè nặng lên họ.

Không được để họ nhìn thấy tôi, nếu không họ sẽ lập tức báo cho Philippe Toussaint, trong khi anh ta cứ tưởng tôi đang ở Marseille. Tôi quan sát họ, ẩn nấp như một kẻ trộm. Như thể tôi vừa làm một điều gì đó xấu xa.

Sasha đến sau lưng tôi, tôi giật mình. Ông nắm lấy cánh tay tôi mà không hỏi gì, chỉ bảo tôi: “Đi nào, chúng ta về nhà thôi.”

Buổi tối, tôi kể với ông là tôi đã nhìn thấy ông bà Toussaint bên mộ Léonine. Tôi kể với ông về sự độc ác của bà Toussaint. Sự khinh miệt mà bà ta dành cho tôi ngay khi nhìn mà như không nhìn thấy tôi. Chính họ là những kẻ sát nhân, chính họ đã gửi con gái tôi đến tòa lâu đài bất hạnh ấy. Họ đã sắp đặt cái chết của con bé. Tôi nói với Sasha rằng đến sống ở Brancion, làm việc trong nghĩa trang này có lẽ không phải là một ý tưởng hay. Bắt gặp bố mẹ chồng tôi hai lần mỗi năm, trong các lỗi đi, nhìn thấy họ đặt những bình hoa để xóa bỏ mặc cảm tội lỗi là việc vượt quá sức chịu đựng của tôi. Ngày hôm nay, họ đã kéo tôi trở lại với nỗi đau buồn. Không một phút nào, không một giây nào trong đời mà tôi không nghĩ đến Léonine, nhưng bây giờ thì đã khác. Tôi đã biến đổi sự vắng mặt của con

bé: con bé đang ở nơi khác, nhưng càng lúc càng gần với tôi hơn. Thế rồi hôm nay, khi nhìn thấy ông bà Toussaint, tôi cảm thấy con bé rời xa tôi.

Sasha trả lời tôi rằng cái ngày ông bà Toussaint biết rằng tôi cùng chồng tôi sống ở đây, họ sẽ tránh mặt tôi và không đến nữa. Rằng ở đây có lẽ chính là cách tốt nhất để không bao giờ phải nhìn thấy họ nữa. Cách xa họ vĩnh viễn.

Sáng hôm sau, tôi đã gặp ông thị trưởng. Tôi chỉ vừa mới đặt chân vào văn phòng ông, ông đã nói với tôi rằng Philippe Toussaint và tôi, chúng tôi sẽ được tuyển dụng vào tháng Tám năm 1997, để làm quản trang. Rằng mỗi người chúng tôi sẽ được hưởng một mức lương tối thiểu, một căn nhà công vụ, còn tiền điện, tiền nước cũng như các khoản thuế phí sinh hoạt sẽ do tòa thị chính chi trả. Tôi có còn câu hỏi nào nữa không?

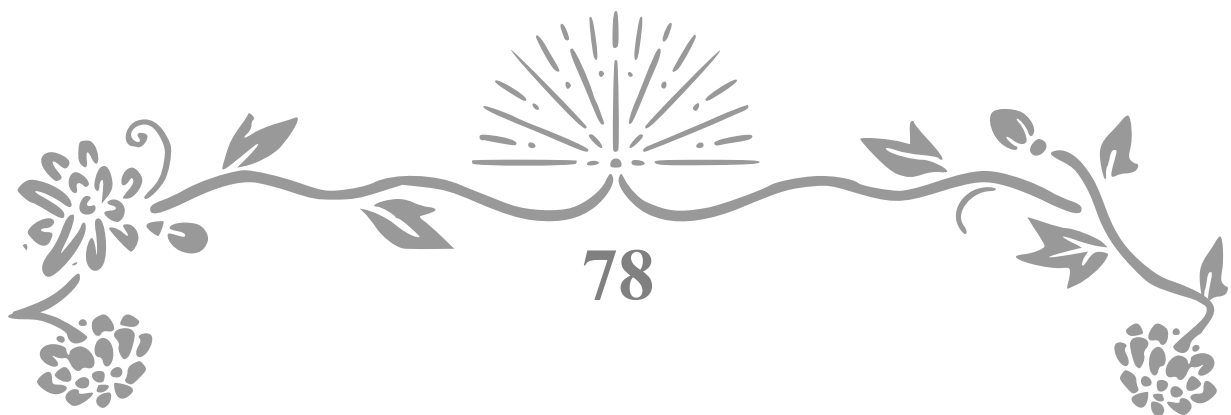
– Không ạ.

Tôi nhìn thấy Sasha mỉm cười.

Trước khi để chúng tôi ra về, ông thị trưởng mời chúng tôi uống trà và ni loại túi lọc và những chiếc bánh bích quy khô khốc mà ông nhúng vào tách của mình giống như một đứa trẻ. Sasha không dám từ chối mặc dù ông ghét uống trà túi lọc. “Nhựa xóp rỗng gắn vào một sợi dây xấu xí, thật hổ thẹn cho nền văn minh của chúng ta, Violette ạ, thế mà họ dám gọi đây là ‘tiến bộ’ đấy.” Giữa hai chiếc bánh bích quy, thị trưởng vừa xem lịch làm việc vừa nói với tôi:

– Sasha chắc là đã báo trước với cô rồi, cô sẽ được nghe những chuyện thái quá và gây sốc. Hai chục năm trước, trong nghĩa trang của chúng tôi có chuột, rất nhiều chuột. Chúng tôi đã gọi chuyên gia diệt chuột, ông ấy đã rải asen dạng bột gần như khắp nơi giữa các ngôi mộ, nhưng lũ chuột vẫn tiếp tục hoành hành, và không còn ai dám đặt chân đến nghĩa

trang nữa. Chẳng khác nào trong *Dịch hạch* của Camus. Chuyên gia diệt chuột đã tăng liều thuốc độc lên, nhưng vẫn không ăn thua. Lần thứ ba, ông ấy vẫn đặt mồi như thế, nhưng thay vì rời đi, ông ấy ẩn nấp để tìm hiểu, xem lũ chuột hành động thế nào. Thế là, cô sẽ không tin đâu, nhưng một bà già nhỏ bé bỗng xuất hiện cùng một cái xẻng và một cái chổi, rồi quét dọn hết toàn bộ chỗ bột asen. Bà ấy đã lén lút bán lại asen suốt nhiều tháng ròng! Ngày hôm sau, trên báo giật một dòng tít lớn: “Buôn lậu asen ở nghĩa trang Brancion-en-Chalon”!



Có biết bao điều đẹp đẽ mà người không biết đến, niềm tin phập phồng trên những ngọn núi, suối nguồn trắng trong tâm hồn người, hãy nghĩ đến nó khi người thiếp ngủ, tình yêu còn mạnh hơn cái chết.

Trích lời bài hát “Tant de belles choses”, Françoise Hardy.

– Mỗi ngôi mộ là một thùng rác. Chúng ta chôn cất phần xác ở đây, linh hồn thì đã đi xa.

Sau khi thì thầm những lời vừa rồi, nữ bá tước de Darrieux uống một hơi cạn cốc rượu. Người ta vừa chôn cất Odette Marois (1941-2017), vợ của tình yêu lớn của bà. Bà hồi lại sau cơn xúc động, khi đang ngồi bên bàn bếp nhà tôi.

Nữ bá tước đã chứng kiến buổi lễ từ xa. Các con của Odette biết rằng bà là nhân tình của cha họ, tình địch của mẹ họ, nên tỏ thái độ lạnh nhạt với bà.

Từ giờ trở đi, nữ bá tước có thể đặt hoa hướng dương trên mộ người tình mà sau đó tôi sẽ không phải nhìn thấy chúng bị vứt sạch từng cánh, vứt trong một cái thùng rác.

– Cứ như thể tôi vừa mất một người bạn thân... Tuy nhiên, chúng tôi vẫn ghét nhau. Nhưng mà, nói cho cùng, những người bạn gái lâu năm luôn có chút ghét nhau. Với lại, tôi thấy ghen tị, chính bà ấy là người được gặp lại người tình của tôi trước. Quả là suốt đời, bà ấy luôn là người đến trước, cái đồ khôn ấy.

– Bà sẽ tiếp tục đặt hoa trên mộ họ chứ?

– Không. Bây giờ, khi bà ấy đã ở dưới đó cùng ông ấy, thì không đâu. Như thế thì tôi là người kém tế nhị quá.

– Bà đã gặp tình yêu lớn của bà như thế nào?

– Ông ấy làm việc cho chồng tôi. Ông ấy trông nom đàn ngựa cho chồng tôi. Ông ấy đẹp trai lắm, giá mà cô nhìn thấy mông ông ấy. Cơ bắp, thân hình, cái miệng, đôi mắt! Đến hôm nay tôi vẫn còn rùng mình khi nghĩ đến chúng. Chúng tôi là nhân tình của nhau trong suốt hai mươi lăm năm.

– Tại sao ông bà không bỏ chồng bỏ vợ để đến với nhau?

– Odette đã dọa ông ấy là sẽ tự tử: “Nếu anh bỏ em, em sẽ tự sát.” Với lại, nói riêng với cô, Violette ạ, như thế rất hợp với tôi. Tôi sẽ làm gì với một tình yêu lớn suốt hai tư trên hai tư giờ mỗi ngày? Như thế thì lại thành công việc mất! Tôi chưa từng làm gì với mười ngón tay mình, trừ đọc sách và chơi dương cầm, ông ấy sẽ sớm chán tôi thôi. Trong khi như thế này, chúng tôi vui đùa khi nào chúng tôi muốn, tôi được chiều chuộng, được thoa kem, được xúc nước hoa, được ăn mặc đẹp. Các ngón tay tôi không bao giờ nồng mùi bếp núc hoặc dính sữa vón cục, và như thế, tin tôi đi, đàn ông họ thích lắm. Dù sao cũng phải thừa nhận rằng như thế rất tiện. Những chuyến du lịch vòng quanh thế giới cùng với chồng tôi, những khách sạn hạng sang, những bể bơi và những bãi tắm ở các vùng biển phía Nam. Tôi trở về với làn da rám nắng, sẵn sàng và sẵn lòng dâng hiến, tôi

gặp lại tình yêu lớn của mình, và chúng tôi yêu nhau càng say đắm hơn nữa. Tôi có cảm giác mình là Phu nhân Chatterley. Tất nhiên, tôi vẫn luôn khiến ông ấy tin rằng ông bá tước, già hơn tôi hai chục tuổi, không còn động đến tôi nữa, rằng chúng tôi ngủ riêng phòng. Còn ông ấy thì khẳng định rằng Odette không quan tâm đến chuyện tình dục. Chúng tôi nói dối nhau vì tình yêu, để không hủy hoại lẫn nhau. Mỗi lần nghe “Bài hát của những cặp tình nhân già”, tôi lại khóc... Nói đến khóc, tôi rất muốn uống thêm ly cuối, thứ rượu này của cô, Violette ạ. Hôm nay tôi rất cần uống... Mỗi lần gặp Odette, bà ấy cứ nhìn tôi chòng chọc, tôi cảm thấy rất thích thú... Tôi thì mỉm cười với bà ấy, cố tình đấy. Chồng tôi và người tình của tôi qua đời cách nhau một tháng. Cả hai đều bị nhồi máu cơ tim. Thật khủng khiếp. Chỉ ngày một ngày hai, tôi mất hết. Cả đất lẫn nước. Cả lửa lẫn băng. Cứ như thể Chúa trời và Odette đã hợp sức lại để hủy diệt tôi. Nhưng thôi, tôi đã có những năm tháng đẹp đẽ, tôi không bao giờ than thở cả... Bây giờ, nguyện vọng cuối cùng của tôi chính là được hỏa thiêu, rồi mọi người thả tro của tôi ra biển.

– Bà không muốn được chôn gần ông bá tước sao?

– Vĩnh viễn ở bên chồng tôi ư!? Không bao giờ! Tôi sợ phải chết vì buồn chán lắm!

– Nhưng bà vừa nói với tôi rằng những gì chôn ở đây chỉ là phần xác thôi mà.

– Kể cả phần xác của tôi cũng sẽ phát chán khi ở gần ông bá tước. Tôi chán ngấy ông ấy rồi.

Nono và Gaston bước vào uống một cốc cà phê. Họ có vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi cười thành tiếng. Nono đỏ mặt. Anh rất có cảm tình với bà bá tước. Mỗi lần nhìn thấy bà, anh đều đỏ mặt như một cậu học trò.

Vài phút sau, cha Cédric đến, ông hôn tay bà bá tước.

– Thế nào, thưa cha, mọi chuyện thế nào rồi?

– Đó là một lễ an táng, thưa nữ bá tước.

– Các con bà ấy có cử nhạc không?

– Không.

–Ồ, đúng là một lũ ngốc, Odette rất thích Julio Iglesias.

– Làm sao mà bà biết điều đó?

– Phụ nữ biết mọi điều về tình địch của mình. Các thói quen, loại nước hoa ưa dùng, các sở thích của người kia. Khi một nhân tình đến nhà tình nhân nữ của mình, ông ta phải cảm thấy mình đang đi nghỉ, chứ không phải ở trong một túp lều.

– Tất cả những chuyện này có vẻ không được ngoan đạo cho lắm, bà bá tước ạ.

– Thưa cha, mọi người phải phạm lỗi chứ, nếu không thì buồng xung tội của cha sẽ vắng ngắt. Tội lỗi chính là quỹ đầu tư của cha. Nếu mọi người chẳng có gì phải tự trách mình, thì trên các hàng ghế nhà thờ của cha sẽ chẳng có ai ngồi.

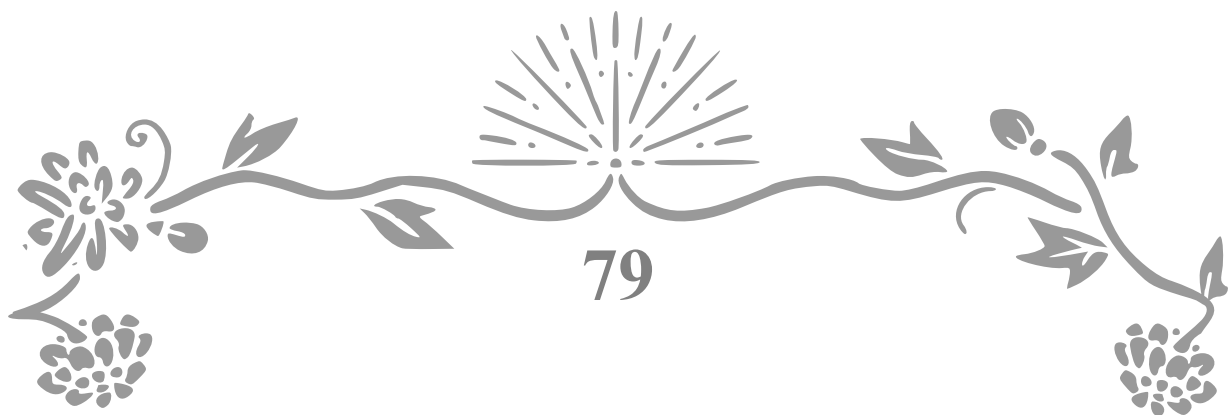
Bà bá tước đưa mắt tìm Nono.

– Nôbert này, anh có vui lòng đi cùng tôi không?

Nono bối rối, mặt lại càng đỏ dừ hơn trước.

– Tất nhiên rồi, thưa nữ bá tước.

Nono và bà bá tước vừa đi qua ngưỡng cửa thì Gaston làm vỡ cái tách của mình. Trong lúc tôi cúi xuống thu dọn những mảnh sứ vỡ bằng xẻng hót rác và chổi, Gaston thì thâm vào tai tôi: “Tôi đang tự hỏi không biết liệu Nono có phang bà bá tước không.”



Trong khoảng thời gian kết nối bầu trời và mặt đất, ẩn giấu điều bí ẩn đẹp đẽ nhất.

Trích lời bài hát “Tant de belles choses”, Françoise Hardy.

NHẬT KÝ CỦA IRÈNE FAYOLLE

Ngày 29 tháng Năm năm 1993

Paul bị ốm. Theo bác sĩ gia đình, anh có những biểu hiện biến chứng ở gan, dạ dày hoặc tuyến tụy. Paul rất đau đớn nhưng không chịu điều trị. Thật lạ lùng, thay vì làm các xét nghiệm, hỏi ý kiến các chuyên gia y tế, trong một tuần anh đã gặp ba thầy bói, tất thấy đều dự đoán rằng anh sẽ có một cuộc sống dài lâu và vui vẻ. Paul chưa từng quan tâm dù chỉ một chút đến đám đồng cốt hay những chuyện thuộc loại đó. Anh khiến tôi nghĩ đến những người vô thần bắt đầu nói chuyện với Chúa khi tàu của họ bị chìm, và tôi có cảm giác anh phát bệnh là vì tôi. Rằng những lời dối trá của tôi nhằm mục đích đến gặp Gabriel trong một phòng khách sạn rồi cuộc đã tác động đến Paul.

Lyon, Avignon, Châteauroux, Amiens, Épinal. Từ một năm nay, Gabriel và tôi lang thang từ giường này sang giường khác, giống như

những người khác đi khắp các nước.

Tôi đã xin hai cái hẹn cho Paul để anh đi chụp cắt lớp ở Viện Paoli-Calmettes, nhưng anh không đến. Tối nào cũng vậy, khi tôi nói với anh rằng anh phải điều trị gấp, anh mỉm cười với tôi và trả lời: “Em đừng lo, mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi.”

Tôi nhìn thấy anh đau đớn, anh gầy đi. Ban đêm, trong giấc ngủ, cơn đau khiến anh rên rỉ.

Tôi tuyệt vọng. Anh đang tìm kiếm điều gì? Phải chăng anh đã hóa điên, hay anh muốn tự sát?

Tôi không thể ép anh lên xe của tôi để đưa anh đến bệnh viện. Tôi đã thử làm mọi cách, mỉm cười, khóc lóc, giận dữ, có vẻ như chẳng cách nào tác động được đến anh. Anh để mặc cho mình chết, anh đang trôi giạt.

Tôi cầu xin anh nói chuyện với tôi, giải thích với tôi tại sao anh làm như thế. Tại sao anh lại buông xuôi. Anh liền đi ngủ.

Tôi hoàn toàn tuyệt vọng.

Ngày 7 tháng Sáu năm 1993

Sáng nay, Gabriel gọi điện thoại đến vườn hồng gặp tôi, nghe giọng ông vui vẻ, ông tranh tụng ở Aix cả tuần, ông muốn gặp tôi, muốn ở bên tôi tất cả các đêm. Ông nói với tôi rằng ông chỉ nghĩ đến tôi.

Tôi trả lời ông rằng không thể được. Rằng tôi không thể để Paul một mình.

Gabriel dập máy ngay trước mũi tôi.

Tôi cầm quả cầu tuyết đang đặt trên bàn quầy rồi dồn sức ném mạnh vào tường để nó vỡ tan, vừa ném vừa gào thét.

Thậm chí đó còn chẳng phải là tuyết thật, mà chỉ là hạt xốp. Thậm chí đó không phải là tình yêu thực sự, mà chỉ là những lần qua đêm trong khách sạn.

Chúng tôi điên hết cả rồi.

Ngày 3 tháng Chín năm 1993

Tôi đã đầu độc bát thuốc sắc của Paul. Tôi bỏ một liều thuốc ngủ mạnh vào đó để anh ngất đi, để tôi có thể gọi đội cấp cứu.

Họ phát hiện ra Paul nằm sõng soài giữa phòng khách, liền đưa anh đến phòng cấp cứu, nơi anh được chẩn đoán bệnh.

Paul bị ung thư.

Căn bệnh và các loại thuốc mà tôi cho anh uống làm anh suy yếu đến nỗi các bác sĩ quyết định bắt anh nhập viện vô thời hạn.

Các xét nghiệm độc tố mà họ thực hiện với Paul cho thấy rằng anh đã uống một liều thuốc ngủ lớn. Anh đã khiến các bác sĩ tin rằng chính anh là người bỏ thuốc ngủ vào bát thuốc, rằng anh muốn chấm dứt mọi đau đớn. Anh đã nói thế để tôi khỏi phải lo lắng.

Tôi giải thích việc làm của mình với Paul: tôi không có cách nào khác, đó là giải pháp duy nhất mà tôi tìm được để rút cuộc anh cũng phải nhập viện. Anh trả lời tôi rằng anh choáng váng khi thấy tôi yêu anh đến thế. Anh cứ tưởng rằng tôi không còn yêu anh nữa.

Đôi khi, tôi những muốn biến mất cùng Gabriel. Nhưng chỉ là đôi khi thôi.

Ngày 6 tháng Mười hai năm 1993

Tôi gọi điện cho Gabriel để kể cho ông nghe về ca mổ, về đợt hóa trị. Nói với ông rằng lúc này chúng tôi sẽ không gặp nhau nữa.

Ông trả lời tôi: “Tôi hiểu” rồi dập máy.

Ngày 20 tháng Tư năm 1994

Sáng nay, một phụ nữ xinh đẹp có thai bước vào vườn hồng. Cô ấy muốn mua những loại hồng cổ và mẫu đơn để trồng vào ngày em bé chào đời. Chúng tôi nói chuyện về các chủ đề khác nhau. Nhất là về khu vườn và căn nhà của cô ấy, cả hai đều quay hướng Tây Nam, hướng tốt nhất để trồng hoa hồng và hoa mẫu đơn. Cô ấy nói với tôi rằng em bé trong bụng cô là con gái, rằng như thế thật tuyệt, tôi trả lời rằng tôi có một cậu con trai và như thế cũng rất tuyệt. Câu trả lời của tôi khiến cô phá lên cười.

Hiếm khi tôi khiến người khác cười phá lên như thế. Ngoại trừ Gabriel. Và con trai tôi, khi nó còn nhỏ.

Khi trả tiền, cô khách hàng ký một tờ séc, rồi đưa cho tôi một tấm thẻ căn cước và nói:

– Xin lỗi chị, đây là thẻ căn cước của chồng tôi. Nhưng họ và địa chỉ

của anh ấy với của tôi là một.

Trên tấm séc, tôi nhìn thấy cô tên là Karine Prudent và cô sống ở số 19, đường Contamines ở Mâcon. Rồi tôi phát hiện ra tấm thẻ căn cước có tên Gabriel. Ảnh ông, ngày sinh của ông, nơi sinh của ông, cũng địa chỉ ấy, số 19 đường Contamines ở Mâcon, dấu vân tay của ông. Phải mấy giây sau tôi mới hiểu ra. Mới kết nối được mọi sự với nhau. Tôi cảm thấy mặt mình đỏ lên, hai má như bốc lửa. Vợ Gabriel nhìn tôi chăm chăm, không hề cụp mắt xuống, rồi lấy lại tấm thẻ căn cước từ tay tôi để bỏ nó vào túi trong áo vest, ngay sát trái tim, bên trên đứa con sắp chào đời.

Cô ta rời đi, mang theo những cái cây đựng trong một chiếc thùng các tông.

Ngày 22 tháng Mười năm 1995

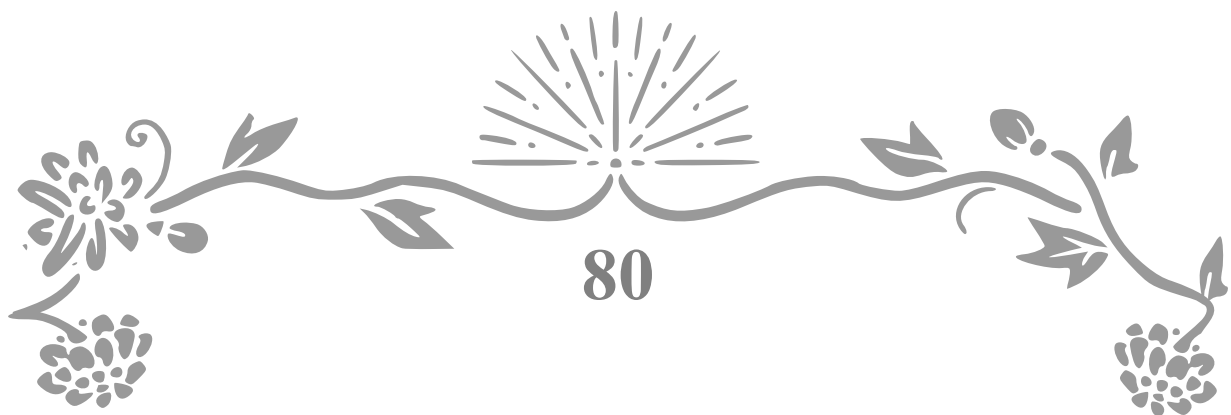
Bệnh tình của Paul tạm thuyên giảm. Chúng tôi đi ăn mừng cùng với Julien. Con trai tôi sống trong một căn hộ gần trường học của thằng bé. Lúc này tôi sống một mình. Tôi cảm thấy đơn độc giống như trước khi sinh Julien. Bọn trẻ lấp đầy cuộc sống của chúng ta, rồi để lại một khoảng trống lớn, một khoảng trống mênh mông.

Ngày 27 tháng Tư năm 1996

Đã ba năm nay tôi không biết tin tức gì về Gabriel. Mỗi lần sinh nhật tôi, tôi lại nghĩ ông sẽ xuất hiện. Tôi nghĩ, tôi tin hay tôi hy vọng?

Tôi nhớ ông.

Tôi hình dung ra cảnh ông đang ở trong vườn nhà ông cùng với vợ, con gái, những cây hoa mầu đơn và hoa hồng. Tôi hình dung ra cảnh ông đang rất chán nản, bởi vì ông vốn chỉ yêu những quán rượu mù mịt khói thuốc, những phiên tòa, những lần tranh tụng thua cuộc. Tôi.



*Hãy nói với tôi giống như người vẫn thường làm
Đừng nói bằng giọng hững hờ đến thế
Đừng lấy vẻ mặt trang trọng hoặc buồn rầu
Hãy tiếp tục cười vang về những gì từng khiến chúng ta cùng
cười vang thích thú.*

Tháng Chín năm 1997.

Đã bốn tuần kể từ khi Philippe đến sống ở Brancion-en-Chalon. Mỗi buổi sáng, ngay khi mở mắt, bầu không khí tĩnh mịch khiến anh kinh hoàng. Ở Malgrange, giao thông tấp nập, những chiếc xe con và xe tải liên tục đi qua trước cửa nhà, chúng dừng lại khi Violette hạ thanh chắn xuống, tiếng chuông kêu vang, những chuyến tàu chạy qua ầm ĩ. Ở đây, trong vùng quê âm đạm này, sự im lặng của những người quá cố khiến anh khiếp sợ. Ngay cả những người khách viếng thăm cũng bước đi thật khẽ khàng. Chỉ có tiếng chuông nhà thờ ngân vang mỗi giờ một lần là nhắc nhở anh, bằng âm thanh sâu thẳm của nó, rằng thời gian đang trôi qua, và chẳng có chuyện gì xảy ra hết.

Anh ở đây mới bốn tuần, mà đã thấy nơi này thật khủng khiếp. Những

ngôi mộ, ngôi nhà, khu vườn, vùng đất này. Kể cả mấy người phu đào huyệt. Khi chiếc xe tải của họ đi qua trước cổng, Philippe tránh mặt họ. Anh chào họ từ xa. Anh không muốn chơi bời thân thiết với ba kẻ thoái hóa ấy. Một gã ngơ ngẩn tự gọi mình là Elvis Presley, một gã khác lúc nào cũng đùa cợt và thu nhặt lũ mèo hư đốn cùng những con vật đủ loại khác để chăm sóc, còn gã thứ ba thì cứ đi chệch một bước là ngã sấp mặt, và trông chẳng khác nào một gã vừa mới sống ra từ bệnh viện tâm thần.

Philippe vẫn luôn dè chừng những gã đàn ông quan tâm đến lũ súc vật. Chỉ có đám đàn bà ủy mị mới mỉm cười trước một túm lông như thế. Philippe biết rằng Violette vẫn luôn mơ ước được nuôi mèo và chó, nhưng anh không đồng ý. Anh khiến cô tin rằng anh bị dị ứng với chúng. Sự thật là anh sợ chúng, và thấy chúng thật ghê tởm. Anh ghét lũ súc vật. Vấn đề là trong nghĩa trang này lúc nhúc mèo, bởi vì Violette và hai trong số ba gã thoái hóa kia nuôi chúng.

Lần đầu tiên kể từ khi họ dọn đến sống ở đây, một lễ an táng được lên kế hoạch lúc 15 giờ ngày hôm ấy. Anh đã rời đi từ sáng sớm, để dạo một vòng. Thông thường, anh sẽ quay về lúc giữa trưa, nhưng anh lại sợ gặp phải gia đình người quá cố cùng chiếc xe tang. Anh lái xe đi vô định trong miền quê, và đến Mâcon vào giờ ăn trưa.

Dừng xe trước một đèn đỏ, anh nhìn thấy lũ trẻ ra khỏi trường tiểu học. Giữa một nhóm bé gái, anh tưởng như vừa nhìn thấy Léonine. Cũng màu tóc ấy, cũng kiểu đầu ấy, cũng vóc người ấy, cũng dáng đi ấy, và nhất là cũng chiếc váy ấy. Hồng pha đỏ và có chấm bi trắng. Đúng lúc ấy, anh bỗng nghĩ: *Biết đâu Léonine đã không ở trong phòng lúc mọi thứ bốc cháy? Biết đâu Léonine vẫn còn sống, ở đâu đó? Biết đâu đã có người bắt cóc con bé?* Hạng người như Magnan và Fontanel có thể làm bất cứ chuyện gì.

Anh tắt động cơ xe mô tô và đi về phía đứa trẻ. Rồi, khi lại gần đứa bé gái, anh nhớ ra rằng lần cuối cùng anh nhìn thấy Léonine, con bé bảy tuổi. Và rằng hôm nay có lẽ con bé không còn ở trong nhóm trẻ đang hò hét nhảy nhót kia nữa, mà đã thành học sinh trung học rồi. Rằng con bé sẽ không còn quay về trong chiếc váy đỏ và hồng có chấm bi trắng kia nữa.

Khi anh ngồi lên xe mô tô, nỗi căm hận quay trở lại trong anh. Nỗi căm hận về cái chết của con gái. Anh sống ở đây, ở cái nơi đáng nguyên rủa này, chính là vì bọn họ.

Anh đi vào một quán rượu, ngón ngấu một đĩa bít tết kèm khoai tây, rồi thêm một lần nữa, trên mặt sau tờ giấy trải bàn, anh ghi lại:

Édith Croquevieille

Swan Letellier

Lucie Lindon

~~Geneviève Magnan~~

Éloïse Petit

~~Alain Fontanel~~

Anh sẽ làm gì với những cái tên này? Họ chính là thủ phạm vì đã ở đó, vì đã bắt cản. Kẻ nào đã bật cái bình nước nóng khốn kiếp ấy? Và để làm gì? Phải chăng Fontanel đã nói linh tinh với anh? Nhưng để làm gì mới được chứ? Giờ đây khi Geneviève Magnan đã chết, anh ta hoàn toàn có thể nói rằng chính cô ta là thủ phạm. Anh ta có thể nói với anh rằng vụ hỏa hoạn đó là một tai nạn. Duy trì giả thuyết về một tai nạn sinh hoạt. Mà anh ta cũng có thể chẳng cần nói gì hết. Lần đầu tiên, Alain Fontanel có vẻ chân thành khi bắt đầu nói một mạch, không ngừng nghỉ, không suy nghĩ. Những lời lẽ

của anh ta nồng nặc mùi rượu. Và nhận thức của Philippe vào lúc đó cũng thế. Cả hai người họ cùng say khướt trong cái phòng ăn quý quái ấy.

Philippe đọc lại danh sách những cái tên mà anh thường xuyên viết ra đó. Phải đi đến cùng. Gặp gỡ, mặt đối mặt với những nhân vật chủ chốt khác. Đã quá muộn để không biết gì nữa rồi.

Ngày 18 tháng Mười một năm 1997

Trong lúc mời một bệnh nhân nữ vào phòng chờ, Lucie Lindon nhận ra anh ta ngay lập tức. Cô nhớ rất rõ khuôn mặt của từng ông bố bà mẹ mà cô đã nhìn thấy ở phiên tòa, những người được gọi là “bên nguyên”. Và anh ta, bố của Léonine Toussaint, cô đã để ý đến anh ta bởi vì anh ta chỉ có một mình và đặc biệt đẹp trai. Đơn độc, không đi cùng vợ, giữa các cặp vợ chồng là bố mẹ của Anaïs, Nadège và Océane.

Cô đã làm chứng trước mặt họ. Giải thích rằng cô không thể làm gì đêm đó ngoại trừ sơ tán các phòng khác và báo động cho những người còn lại trong đội ngũ nhân viên. Rằng cô đã không nghe thấy bọn trẻ trở dậy để đi vào bếp.

Từ sau cái chết của bốn bé gái, Lucie Lindon lúc nào cũng cảm thấy lạnh. Cứ như thể cô thường xuyên sống trong một luồng gió. Cho dù đã ra sức mặc thật nhiều quần áo, cô vẫn liên tục rùng mình. Thảm kịch đã chôn vùi cô trong một sa mạc lạnh giá, nó thiêu hủy cô chẳng khác nào ngọn lửa từng thiêu hủy lũ trẻ. Một màng băng mỏng đã len lỏi vào bên trong da cô. Khi nhìn thấy bố của Léonine, cô khoanh tay lại, bàn tay nọ túm lấy cánh tay kia, chà xát như để cho ấm người.

Anh ta làm gì ở đây? Không có gia đình nạn nhân nào sống trong vùng này. Anh ta có biết cô là ai không? Anh ta tình cờ đến đây, hay chính là để gặp cô? Anh ta có hẹn, hay anh ta muốn nói chuyện với cô?

Ngồi trước một khung cửa sổ, anh ta như thể đang chờ đến lượt mình, chiếc mũ bảo hiểm đặt dưới chân. Toussaint. Lucie Lindon tìm cái tên ấy trong lịch làm việc của ba bác sĩ có mặt sáng hôm đó ở phòng khám nơi cô làm hộ lý, nhưng không thấy tên anh ta ở đâu cả. Trong hơn hai giờ đồng hồ, các bác sĩ ra mở cửa phòng chờ nhưng không hề gọi tên Toussaint. Đến trưa, anh ta vẫn ở đó, ngồi đằng trước cửa sổ. Cùng với hai bệnh nhân khác đang chờ đến lượt. Nửa giờ sau, khi phòng chờ đã hết người, Lucie Lindon bước vào và đóng cửa lại sau lưng. Philippe quay đầu lại và chăm chăm nhìn cô. Tóc vàng, thanh mảnh, khá xinh xắn. Trong những hoàn cảnh khác, có lẽ anh đã tán tỉnh cô. Mặc dù anh chưa từng tán tỉnh, mà chỉ ăn nói cộc lốc trước khi tận hưởng con mồi.

– Chào anh, anh có hẹn không?

– Tôi muốn nói chuyện với cô.

– Với tôi ư?

– Đúng thế.

Đây là lần đầu tiên cô nghe thấy âm sắc giọng nói của anh ta. Cô thất vọng. Giọng nói của anh ta để lộ một âm sắc hơi ề à, quê mùa. Tiếng hét không ăn nhập với bộ lông. Cô nghĩ như thế trong vòng hai giây, rồi bắt đầu lo sợ. Hai bàn tay cô bắt đầu run lên. Cô lại đặt chúng lên hai cánh tay, căng thẳng chà xát.

– Tại sao lại là tôi?

– Fontanel nói với tôi rằng cô đã nhờ Geneviève Magnan trông chừng lũ trẻ thay cô tối hôm đó... Có đúng thế không?

Anh nói điều đó bằng giọng không có chút âm điệu nào. Không giận dữ, không hận thù, không say mê. Anh nói điều đó mà không tự giới thiệu, anh biết rằng Lucie Lindon biết anh là ai, rằng cô đã nhận ra anh. Rằng cô sẽ hiểu ý nghĩa của cụm từ “tối hôm đó”.

Nói dối cũng chẳng ích gì. Lucie cảm thấy cô không có lựa chọn nào hết. Fontanel, chỉ cái tên ấy thôi đã đủ khiến cô kinh hoàng. Một con chó già dâm dục có đôi mắt thâm hiểm. Cô chưa bao giờ hiểu tại sao anh ta lại được tuyển vào làm việc tại lâu đài, bên bọn trẻ.

– Đúng thế. Tôi đã nhờ Geneviève trông thay tôi. Tôi ở cùng Swan Letellier trên tầng hai. Tôi đã ngủ thiếp đi. Có ai đó đập vào cửa phòng, tôi chạy xuống và nhìn thấy... lửa... Tôi chẳng thể làm gì được, tôi xin lỗi, chẳng thể làm gì được...

Philippe đứng dậy và bỏ đi mà không chào cô. Cho đến lúc này, Fontanel đã không nói dối.

Ngày 12 tháng Mười hai năm 1997

- Có người nào ghét bà không?
- Ghét tôi ư?
- Trước vụ cháy, có người nào có thể khó chịu với bà không?
- Khó chịu với tôi ư?
- Khó chịu với bà đến mức độ phá hủy các trang thiết bị.
- Tôi không hiểu, anh Toussaint ạ.
- Có phải các bình nước nóng lắp trong các phòng ngủ ở tầng trệt đều

đã hỏng rồi không?

– Hỏng ư?

Philippe túm cổ áo Édith Croquevieille. Anh đã chờ bà ta trong bãi đỗ xe ngầm của siêu thị Cora ở Épinal. Épinal, đó chính là nơi bà ta chuyển đến sống sau khi ra tù, cùng với ông chồng.

Philippe đã kiên nhẫn chờ đến khi bà ta quay ra xe cùng chiếc xe chở hàng, chờ bà ta mở cốp xe và chất đồ vào. Phải chờ đến lúc bà ta ở một mình.

Khi anh lại gần bà ta, đầy đe dọa, bà ta mất vài giây để nhận ra anh. Rồi bà ta tự nhủ anh đến đây để giết bà ta, chứ không phải để đặt câu hỏi. Bà ta thầm nghĩ: *Thế là xong, chấm hết, mình đang sống những giây phút cuối cùng*. Bà ta đã sống với ý nghĩ rằng một ngày nào đó, một trong các phụ huynh sẽ sát hại bà ta.

Từ khi biết nơi bà ta sống, Philippe đã quan sát bà ta trong suốt hai ngày. Bà ta không bao giờ đi đâu mà không có ông chồng. Ông ta hộ tống bà ta đi khắp nơi, cái bóng của cái bóng bà ta. Sáng nay, lần đầu tiên, bà ta rời khỏi căn hộ mà chỉ ngồi một mình sau tay lái. Đến lượt Philippe không rời bà ta.

– Tôi chưa bao giờ đánh phụ nữ, nhưng nếu bà tiếp tục trả lời những câu hỏi của tôi bằng một câu hỏi, tôi sẽ đập vỡ mặt bà... Và tin tôi đi, tôi chẳng còn gì để mất nữa, tôi đã mất hết cả rồi.

Anh buông tay ra. Édith Croquevieille nhìn thấy đôi mắt xanh của Philippe tối sầm lại. Như thể đôi đồng tử của anh đã dẫn ra vì giận dữ.

– Nói rõ hơn, có phải đúng là lũ trẻ rửa tay bằng nước lạnh trong phòng ngủ bởi vì bình nước nóng đã bị hỏng hết không?

Bà ta suy nghĩ hai giây rồi thở ra một từ “Đúng thế” gần như không nghe được.

– Có phải toàn bộ nhân viên đều biết rằng không được động đến những cái bình nước nóng đó?

– Đúng thế... Đã nhiều năm nay chúng không hoạt động nữa.

– Liệu một đứa trẻ có thể bật một trong số các bình nước nóng không?

Bà ta căng thẳng quay đầu từ trái sang phải, rồi trả lời:

– Không.

– Sao lại không?

– Bình nước nóng lắp cách mặt đất hơn hai mét, và được giấu đằng sau một cửa bảo vệ. Không có nguy cơ nào hết.

– Mặc dù vậy, ai đã có thể làm điều đó?

– Làm gì?

– Bật một bình nước nóng?

– Nhưng làm gì có ai. Không ai cả.

– Magnan thì sao?

– Geneviève ư? Tại sao cô ấy lại làm thế? Geneviève tội nghiệp. Mà tại sao anh lại nói với tôi về những cái bình nước nóng?

– Fontanel, bà có hòa thuận với anh ta không?

– Có. Tôi chưa từng có vấn đề gì với các nhân viên cả. Chưa bao giờ.

– Thế một hàng xóm thì sao? Một nhân tình?

Philippe càng liên tục đặt câu hỏi, khuôn mặt Édith Croquevieille càng méo xệch đi. Bà ta không hiểu anh muốn nói đến chuyện gì nữa.

– Anh Toussaint này, cho đến ngày 13 tháng Bảy năm 1993, cuộc đời

tôi vẫn dẫu vào đây, ngăn nắp chẳng khác gì một tờ giấy chép nhạc.

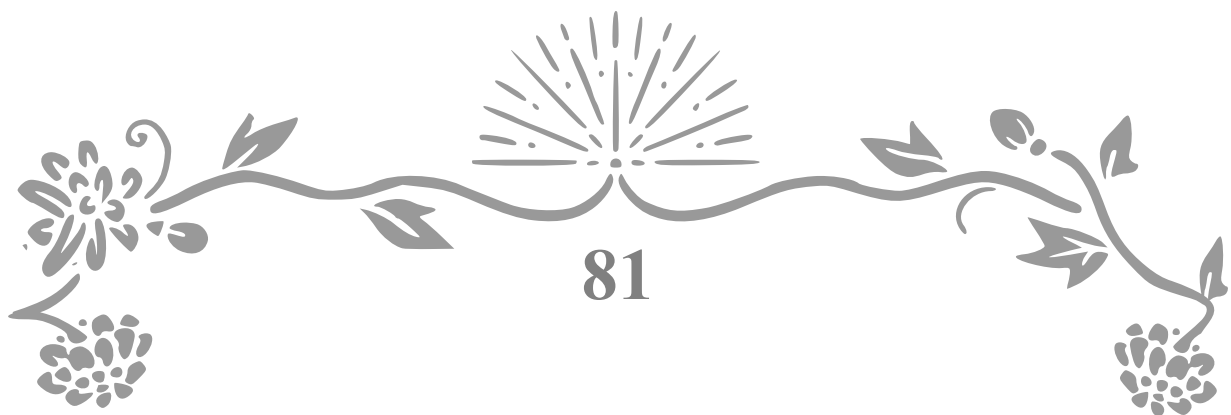
Philippe ghét cách nói ấy. Mẹ anh thường xuyên dùng nó. Philippe những muốn giết chết Édith. Nhưng làm thế phỏng có ích gì? Người phụ nữ này đã chết rồi. Phải nhìn thấy cảnh bà ta co rúm người trong chiếc áo choàng buồn thảm. Vẻ mặt buồn bã, ánh mắt u sầu. Ngay cả các đường nét trên mặt bà ta cũng buông thõng. Anh xoay lưng bỏ đi, không nói một lời. Édith Croquevieille hét lên:

– Anh Toussaint?

Anh quay nhìn bà ta không chút tin tưởng. Anh không còn muốn nhìn thấy bà ta nữa.

– Anh tìm kiếm điều gì vậy?

Anh không trả lời bà ta, mà ngồi lên xe mô tô rồi miễn cưỡng đi về phía Brancion-en-Chalon. Anh thấy lạnh, anh thấy mệt. Anh đã đi khỏi nhà ba ngày mà không báo tin gì cho Violette. Anh muốn tìm lại những tấm chăn và ga giường sạch sẽ. Anh muốn chơi với bộ tay cầm điều khiển, không nghĩ ngợi gì nữa, tiếp tục những thói quen cũ, không nghĩ ngợi gì nữa...



Tôi không biết liệu người đang ở trong tôi hay tôi đang ở trong người, liệu người có thuộc về tôi. Tôi nghĩ rằng cả hai chúng ta đang ở trong một con người khác mà chúng ta đã tạo ra, con người đó có tên là “chúng ta”.

Trích dẫn tiểu thuyết Những cây cầu ở quận Madison, Robert
James Waller.

Gabriel Prudent không thích những lựa chọn của vợ mình. Ông thường xuyên ngủ thiếp đi trước những bộ phim mà cô thuê ở Vidéo Futur, ngôi đền của những cuộn băng video nằm ngay góc phố. Cô luôn thuê những bộ phim hài lãng mạn. Gabriel ưa thích *Phiêu lưu là phiêu lưu* của Claude Lelouch, bộ phim mà ông thuộc lòng cả lời thoại, hoặc Belmondo và Gabin trong *Một con khỉ mùa đông*.

Ngoại trừ Robert De Niro, nhìn chung, ông không khoái đám người Mỹ. Nhưng ông không bao giờ phản đối Karine. Với lại, ông yêu thích cái nghi lễ này vào tối Chủ nhật, ngồi trên ghế xô pha, sát bên vợ, nhắm mắt trong hơi ấm của cô, trong hương nước hoa mùi gia vị cay của cô. Những lời thoại tiếng Anh chìm dần. Trong lúc thiếp ngủ, ông tưởng tượng ra những diễn viên toàn trai xinh gái đẹp, kiểu tóc không chê vào đâu được, họ

gặp gỡ nhau, giằng vò nhau, chia tay nhau, gặp lại nhau ở một góc phố để rồi lại ôm choàng lấy nhau và hôn nhau đắm đuối. Karine nhẹ nhàng đánh thức ông trong tiếng nhạc kết thúc phim, hai mắt đỏ lên vì những cảnh phim suốt muốt, và nói với ông, vừa thích thú vừa khó chịu: “Anh yêu, anh lại ngủ nữa rồi.” Họ trở dậy, ghé qua phòng đưa con đã lớn lên quá nhanh, ngắm nhìn cô bé, đầy ngây ngất, rồi yêu nhau trước khi ông lại ra đi, vào sáng thứ Hai, đến những tòa án nơi các bị cáo đang chờ ông, kêu gào rằng họ vô tội.

Vào tối ấy trong năm 1997, Gabriel không ngủ thiếp đi. Ngay khi Karine ấn băng video vào đầu đọc, ngay khi những hình ảnh đầu tiên xuất hiện, ông đã bị câu chuyện hấp hồn. Ông như bị hút vào đó. Ông không nhìn thấy một người đàn ông và một người phụ nữ tuyệt vời đang diễn xuất, mà thực sự sống trong tiếng sét ái tình đang diễn ra trước mắt. Như thể chính ông, Gabriel, là nhân chứng may mắn của mối tình ấy. Giống như trước mặt tất cả những người xa lạ từng đi qua vành móng ngựa, mà ông chất vấn để luận tội hoặc gỡ tội. Ông cảm thấy ánh mắt lạnh lẽo của Karine nhìn vào ông nhiều lần, lo lắng khi thấy ông không chìm vào giấc ngủ say.

Và khi, trong những phút cuối cùng của bộ phim, nhân vật nữ chính, đang ngồi bên chồng mình, không mở cánh cửa xe để đến bên chiếc xe nơi có người tình của cô đang đợi, khi người tình ấy nháy đèn để rời đi mãi mãi, Gabriel dần cảm thấy con đập cảm xúc mà ông đã dựng nên từ bốn năm nay để lãng quên Irène vừa đổ sụp dưới sức ép của một cơn bão, một cơn lốc xoáy, một thảm họa tự nhiên. Ông cảm thấy cơn mưa trong những hình ảnh cuối cùng của bộ phim chảy tràn trên người mình. Ông như nhìn thấy chính mình, khi từ mũi Antibes trở về, đang chờ Irène trong xe. “Năm phút nữa tôi sẽ quay lại, tôi mang cất chìa khóa xe.” Ông đã chờ bà suốt nhiều giờ, hai bàn tay co quắp trên vô lăng. Những phút đầu tiên, ngồi sau

kính chắn gió, ông đã hình dung ra cuộc sống bên cạnh Irène. Ông đã mơ về một tương lai khi ông có bà đồng hành. Thế rồi thời gian đợi chờ cứ kéo dài mãi.

Cuối cùng, ông cũng buông vô lăng. Ông xuống khỏi xe để đi vào vườn hồng. Ông bắt gặp một nhân viên bán hàng, cô này không nhìn thấy Irène đã mấy ngày nay. Ông tìm bà trong các con phố, một cách ngẫu nhiên, đầy tuyệt vọng, không chịu hiểu rằng bà sẽ không quay trở lại, rằng bà đã lựa chọn ở lại với cuộc đời mình, rằng bà sẽ không thay đổi cuộc đời vì ông. Chắc hẳn là vì tình yêu của bà dành cho chồng và con mình. Miễn cưỡng, trái ngược với mong muốn của bản thân – một cách diễn đạt mà ông thường xuyên nghe thấy trong các phiên tòa.

Ông trở vào trong xe, và trước kính chắn gió, trong ánh đèn pha, ông nhìn thấy màn đêm và không gì khác nữa.

Thế rồi một buổi sáng, tại văn phòng, người ta nói với ông rằng Irène Fayolle đề nghị một cuộc hẹn. Lúc đầu, ông ngờ nghệch nghĩ rằng đó là một người trùng tên. Thế rồi khi nhìn thấy số điện thoại mà ông thuộc lòng, số điện thoại của vườn hồng mà ông chưa bao giờ dám bấm, ông biết rằng đó chính là bà.

Thế rồi đã có Sedan, các khách sạn khác, các thành phố khác trong suốt một năm, rồi căn bệnh của Paul và Cloé chào đời. Một bên là bệnh tật, một bên là hy vọng.

Không có tin tức gì của Irène từ hơn bốn năm nay. Bà ra sao rồi? Bà có khỏe không? Paul đã khỏi bệnh chưa? Bà vẫn sống ở Marseille chẳng? Bà vẫn giữ vườn hồng chẳng? Ông nhớ nụ cười của bà, dáng dấp của bà, mùi hương của bà, làn da của bà, những nốt tàn nhang của bà, thân thể bà. Mái tóc bà, mà ông vẫn thích làm rối tung lên. Với bà, ông có cảm giác

hoàn toàn khác với tất cả những người khác, với bà, mọi thứ đều tốt đẹp hơn.

Trước cảnh cuối của bộ phim, khi những đứa con rắc tro của mẹ họ từ trên một cây cầu, Gabriel bật khóc. Trong thế giới của Gabriel, đàn ông không khóc. Ngay cả khi những bản án điên rồ nhất, bất ngờ nhất, khó xảy ra nhất, vui mừng nhất, tuyệt vọng nhất được tuyên. Lần cuối cùng ông khóc, có lẽ là khi ông tám tuổi. Người ta đã khâu một vết thương trên đầu ông mà không có thuốc tê, sau một cú ngã xe đạp.

Còn Karine, cô không khóc. Thông thường, trước một bi kịch như thế, hẳn cô đã phải xoắn vặn chiếc khăn mùi soa, nhưng thái độ chăm chú của Gabriel trước bộ phim khiến cô không còn cảm thấy bất cứ điều gì ngoài nỗi sợ hãi.

Cô nhớ đến Irène trong vườn hồng. Nét thanh thoát của đôi bàn tay, màu tóc, làn da trắng sáng, mùi thơm của bà. Karine nhớ đến buổi sáng khi cô đưa cho Irène tấm thẻ căn cước của Gabriel để nói với Irène rằng cô tồn tại và cô đang mang thai.

Karine đã phát hiện ra sự tồn tại của Irène khi văn phòng của Gabriel để lại cho cô một lời nhắn: người gác cổng ở khách sạn Loges tại Lyon muốn gửi trả cho cô những món đồ mà Gabriel đã để quên trong lần thuê khách sạn gần đây của ông. Tuần trước đó, vị luật sư chồng cô đã tranh tụng ở tòa đại hình Lyon. Karine đã gọi lại cho khách sạn, nói chuyện với người gác cổng, cho anh ta địa chỉ nhà riêng, và hai ngày sau, cô nhận được một gói hàng bên trong có chứa hai chiếc áo sơ mi bằng lụa trắng, một chiếc khăn Hermès và một chiếc lược vẫn còn mắc vài sợi tóc vàng dài. Lúc đầu, Karine nghĩ khách sạn bị nhầm lẫn, rồi cô nhớ đến Gabriel. Về u ám của ông khi từ Lyon trở về, trong khi ông đã thắng ở phiên tòa phúc thẩm. Khi

ấy cô đã tưởng là ông ốm, trông khí sắc của ông thật tệ. Cô nói với ông nhận xét ấy, ông phẩy tay gạt đi và vừa mỉm cười chán nản vừa trả lời cô rằng ông chỉ rất mệt mà thôi.

Đêm sau đó, Gabriel đã gọi tên ai đó nhiều lần trong giấc ngủ: Reine. Sáng hôm sau, Karine kể lại với ông. “Reine là ai?” Gabriel đỏ mặt, nhìn chăm chăm vào cốc cà phê.

– Reine ư?

– Anh đã nhắc cái tên ấy suốt đêm.

Gabriel đã phá lên cười, tiếng cười mà cô yêu biết bao, tiếng cười vang rền như sấm, rồi trả lời: “Đó là vợ của bị cáo. Khi hiểu rằng chồng cô ta được trắng án, cô ta đã ngất xỉu.” Lựa chọn sai lầm. Karine biết rõ vụ án. Bị cáo tên là Cédric Piolet, còn vợ anh ta có tên là Jeanne. Nhưng cô không tỏ thái độ gì, người ta hoàn toàn có thể đổi tên hoặc có hai tên khác nhau.

Suốt nhiều đêm, Gabriel tiếp tục gọi Reine trong lúc ngủ.

Karine cho rằng đó là do sức ép công việc. Chồng cô nhận quá nhiều vụ án.

Khi Karine gặp Gabriel, ông góa vợ và đã chia tay bạn gái. Khi cô hỏi trong đời ông có người nào không, ông trả lời: “Thỉnh thoảng.”

Trong lúc cầm hai chiếc áo sơ mi lụa thơm mùi “Cỏ xanh”, cô nhớ đến chuyện đó. Karine đã vứt hai chiếc áo và chiếc khăn thơm mùi Guerlain cùng cái lược vào sọt rác. Những thứ này không thuộc về một ả điếm qua đường, mà sự việc còn nghiêm trọng hơn nhiều. Từ nhiều tháng nay, Gabriel đã thay đổi. Khi về nhà, ông vẫn như đang ở đâu đâu. Ông mãi mê với một điều gì đó, giống như đang bị dẫn vật. Karine nhận thấy khi ngồi ở bàn ăn, ông uống rượu vang nhiều hơn. Khi cô nói ra nhận xét đó với ông, Gabriel trích dẫn Audiard: “Nếu tôi có thiếu điều gì đó, thì hẳn không phải

là rượu vang, mà là cơn say.” Có một người phụ nữ khác trong những lời nói dối của Gabriel.

Không khó để tìm ra số điện thoại thường xuyên xuất hiện trên những bản kê cuộc gọi chi tiết mới nhất. Cùng một số gọi đi vào những tuần Gabriel không đi công tác, dù ông ở lại văn phòng hay ở trong phòng làm việc tại nhà. Lúc nào cũng là khoảng 9 giờ sáng. Những cuộc trò chuyện không mấy khi vượt quá hai phút. Như để chúc nhau một ngày tốt lành rồi gác máy. Đến lượt Karine bấm số điện thoại ấy. Một cô gái trẻ nghe máy:

– Vườn hồng xin nghe.

Karine gác máy. Tuần sau đó cô gọi lại, và vẫn gặp cô gái ấy:

– Vườn hồng xin nghe.

– Vâng, chào cô, mấy cây hồng của tôi bị bệnh, chúng có những cái vết kỳ lạ màu vàng ở đầu cánh hoa.

– Chúng là loại hồng gì vậy?

– Tôi không biết.

– Chị có thể mang một hoặc hai cành đến vườn hồng không?

Karine gọi lại lần thứ ba. Vẫn là giọng nói ấy:

– Vườn hồng xin nghe.

– Reine?

– Xin giữ máy, tôi sẽ chuyển cho bà ấy. Ai đang gọi vậy?

– Đây là chuyện riêng.

– Irène, có người gọi cho bà!

Karine đã nhầm: cái tên mà Gabriel gọi trong lúc ngủ không phải Reine, mà là Irène. Có người nào đó bước đến cầm ống nghe, và lần này, Karine nghe thấy một giọng nữ, trầm hơn, đầy khơi gợi:

– A lô.

– Irène à?

– Vâng.

Karine gác máy. Ngày hôm đó, cô đã khóc rất nhiều. Cái “thỉnh thoảng” kia của Gabriel, chính là *bà ta*.

Để kết thúc, cô đã gọi lại lần thứ tư, cũng là lần cuối cùng.

– Vườn hồng xin nghe.

– Chào cô, tôi muốn xin địa chỉ vườn hồng.

– Số 69, đường Mauvais-Pas, khu Hoa Hồng ở Marseille 7.

Karine lấy cuốn băng video ra khỏi đầu đĩa rồi bỏ lại vào bên trong vỏ bọc. Gabriel vẫn ngồi trên ghế xô pha, ông xấu hổ vì đã khóc. Đến lượt ông có bộ mặt của những kẻ phạm tội mà ông đã dành cả cuộc đời để bào chữa.

Trong lúc bỏ cuộn băng vào túi xách để khỏi quên khi đi làm sáng hôm sau, Karine nói với Gabriel:

– Cách đây bốn năm rưỡi, khi đang mang thai Cloé, em đã gặp Irène.

Mặc dù, trong các phiên tòa đại hình, ông đã quen đôi mắt với những vụ án phức tạp và bản thủ nhất, với tất cả các tầng lớp trong xã hội loài người, Gabriel vẫn không biết phải trả lời vợ như thế nào. Ông sửng sờ.

– Em đã đến Marseille. Em đã mua hoa hồng và hoa mẫu đơn trắng của bà ấy. Lúc trả tiền, em đã tự giới thiệu. Những cây hoa ấy, em không trồng chúng trong vườn nhà mình, em ném chúng xuống biển... Giống như khi một người nào đó qua đời.

Tối đó, họ không ghé qua phòng trẻ con trước khi về phòng mình, và không yêu nhau. Trên giường, người nọ xoay lưng vào người kia. Karine không hề chớp mắt. Cô hình dung ra cảnh Gabriel, hai mắt mở to, không thể ngủ nổi, đang nhớ lại những cảnh trong bộ phim mà ông vừa xem và những cảnh ông đã sống cùng với Irène. Họ không bao giờ đề cập đến chủ đề Irène nữa. Vài tháng sau cái ngày Chủ nhật đó, họ chia tay nhau. Karine hối tiếc rất lâu vì đã thuê cuốn băng *Những cây cầu ở quận Madison*. Và trái ngược với Gabriel, cô không bao giờ xem lại bộ phim đó, dù nó được phát lại rất nhiều lần trên ti vi.

NHẬT KÝ CỦA IRÈNE FAYOLLE

Ngày 20 tháng Tư năm 1997

Đã một năm nay tôi không động đến cuốn nhật ký này. Nhưng tôi vẫn không thể bỏ nó được. Tôi giấu nó dưới đáy một ngăn tủ, dưới đồng quần áo, giống như một cô thợ khâu. thỉnh thoảng tôi mở nó ra và ra đi trong vài giờ. Nói cho cùng, kỷ niệm là những chuyến đi dài, những bãi biển riêng tư. Ta không còn viết nhật ký khi đã vượt quá ngưỡng có tuổi, và cái ngưỡng có tuổi ấy của tôi, tôi đã vượt quá nó từ lâu rồi. Đến phải tin rằng Gabriel sẽ luôn đưa tôi về với cái tuổi mười lăm.

Tóc ông đã rụng nhiều. Ông đã phát tướng ra một chút. Ánh mắt ông vẫn nghiêm trang, đẹp đẽ, đen thẳm như thế. Giọng nói trầm ấm, độc nhất vô nhị. Một bản giao hưởng. Bản giao hưởng mà mình thích nhất.

Tôi đã gặp lại Gabriel trong một quán cà phê gần vườn hồng. Ông để tôi gọi trà, không đưa ra nhận xét kiểu “Đó là thứ đồ uống buồn tẻ”, và

không đổ rượu calvado vào đó. Tôi thấy ông trầm lặng hơn, có vẻ ông đã bớt dần vất, bớt giận dữ. Mặc dù trước nay Gabriel luôn có sức quyến rũ, nhưng ông là người hay giận dữ. Hẳn là vì những lời buộc tội dành cho người khác, những người mà ông đã dành cả cuộc đời để chịu đựng, để phản bác thay cho. Một buổi tối, khi tôi và ông đang ở mũi Antibes, ông đã nói với tôi rằng sự bất công trong một số bản án sẽ lấy mạng ông. Rằng một số lời kết tội sẽ găm nhám ông đến tận xương tủy. Trước khi gọi cà phê, hết cốc này đến cốc khác, để kể cho tôi nghe những năm tháng vừa qua của ông, về con gái nhỏ của ông, về con gái lớn của ông, cô con gái đã lấy chồng, về người vợ cuối của ông, về vụ ly hôn của ông, về công việc của ông, ông hỏi thăm tin tức của Paul và Julien. Nhất là Paul, căn bệnh ung thư của Paul, tình trạng bệnh thuyên giảm. Những ngày tiếp sau căn bệnh, khi Paul biết rằng anh đã được cứu sống.

Gabriel nói với tôi rằng ông hiểu tôi, rằng ông đã bỏ thuốc, rằng ông đã xem một bộ phim khiến ông bị đảo lộn, rằng ông có rất ít thời gian, người ta chờ ông ở tòa đại hình Lille vào ngày hôm sau, ông phải bắt một chuyến bay, ông có hẹn với các đồng nghiệp vào cuối chiều. Đây là lần đầu tiên ông không đề nghị tôi đi với ông, đi cùng ông. Tôi và ông ở cùng nhau trong một giờ đồng hồ. Mười phút cuối cùng, ông nắm hai bàn tay tôi trong hai bàn tay ông, và trước khi rời đi, ông nhắm mắt, hôn lên chúng.

– Tôi những muốn chúng ta yên nghỉ cùng nhau ở nghĩa trang. Sau cả cuộc đời hồng bét này, tôi muốn ít ra chúng ta cũng sum họp khi đã chết. Em có đồng ý ở bên tôi trong cõi vĩnh hằng không?

Tôi đã trả lời là có, không hề suy nghĩ.

– Lần này, em sẽ không trốn đi nữa chứ?

– Không. Nhưng ông sẽ chỉ có được tro cốt của tôi thôi.

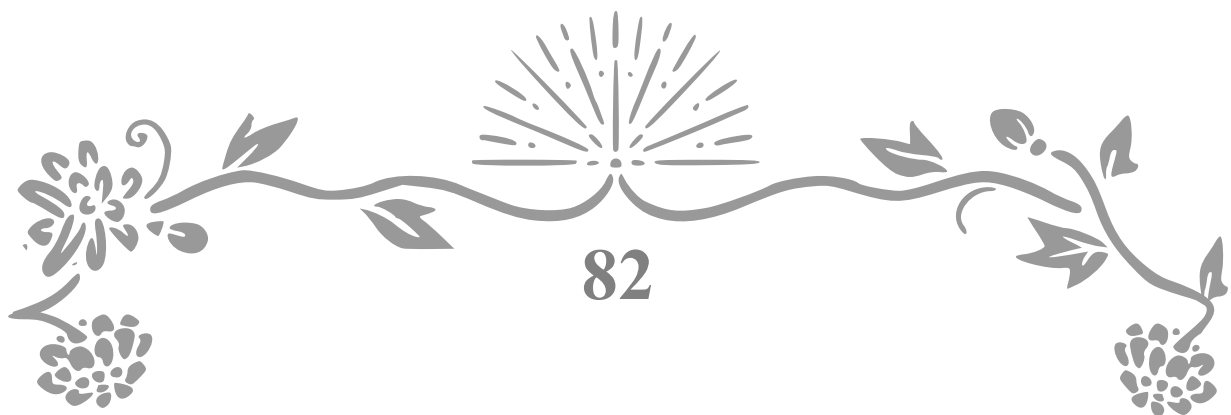
– Kể cả là tro cốt, tôi cũng muốn em bên tôi mãi mãi. Tên chúng ta đặt cạnh nhau, Gabriel Prudent và Irène Fayolle, cũng đẹp như Jacques Prévert và Alexandre Trauner. Em có biết rằng thi sĩ và nhà thiết kế của ông ấy đã được chôn bên cạnh nhau không? Tôi thấy thật tuyệt khi được chôn cùng với người thiết kế của mình. Nói cho cùng, em chính là người thiết kế của tôi. Em đã tặng cho tôi những cảnh quan đẹp đẽ nhất.

– Anh sắp chết sao, Gabriel? Anh bị ốm à?

– Đây là lần đầu tiên em xưng hô thân mật với tôi. Không đâu, tôi không sắp chết, đúng ra là tôi không nghĩ thế, không có dự đoán như thế. Đó là vì bộ phim mà tôi vừa kể với em. Nó đã khiến tôi choáng váng. Tôi phải đi rồi. Cảm ơn em, hẹn sớm gặp lại em, Irène ạ, tôi yêu em.

– Tôi cũng thế, tôi yêu ông, Gabriel ạ.

– Ít ra đó cũng là một điểm chung giữa hai chúng ta.



Nơi đây yên nghỉ tình yêu của tôi.

Chuyện xảy ra vào một buổi sáng tháng Một năm 1998. Tôi chỉ đoán được tên của họ. Những cái tên mang theo điều bất hạnh. Magnan, Fontanel, Letellier, Lindon, Croquevieille, Petit. Chúng được nhét trong túi hậu một chiếc quần jean của Philippe Toussaint, gần như không thể đọc nổi. Bản danh sách đã bị cho vào máy giặt, mực đã phai đi giống như có một người nào đó đã khóc rất lâu trên tờ giấy đã bỏ ra. Tôi sấy chiếc quần của anh ta trên máy sưởi phòng tắm, và khi rút nó xuống, tôi thấy có thứ gì đó thò ra. Đó là một mảnh khăn trải bàn bằng giấy được gấp làm tư, trên đó, thêm một lần nữa, Philippe Toussaint đã ghi tên bọn họ.

– Tại sao?

Tôi ngồi xuống mép bồn tắm trong lúc nhắc đi nhắc lại, nhiều lần, mấy từ đó: “Tại sao?”

Chúng tôi đã sống ở Brancion-en-Chalon được năm tháng. Mỗi ngày, Philippe Toussaint lại đào thoát theo hai cách: những ngày trời mưa thì anh ta chúi đầu vào trò chơi điện tử, những ngày trời không mưa thì anh ta lái mô tô đi. Anh ta đã khôi phục lại những thói quen ở Malgrange, nhưng thời gian vắng mặt lâu hơn.

Anh ta tránh né những người đến viếng nghĩa trang, các lễ an táng, thời gian mở cổng và đóng cổng. Anh ta sợ những người quá cố hơn là sợ những chuyến tàu. Sợ những người khách đang để tang hơn là những hành khách quen thuộc của hãng SNCF. Anh ta tìm kiếm những người mê mô tô như anh ta, để thực hiện những cuộc đua tập hợp ở vùng nông thôn. Những chặng đua dài sẽ kết thúc bằng những cuộc ăn chơi của đám tình nhân vùng trộm, tôi nghĩ thế. Cuối năm 1997, anh ta vắng nhà bốn ngày liền. Anh ta trở về, bơ phờ sau chuyến đi, và thật lạ lùng, tôi lập tức nhìn thấy, hiểu ra, cảm nhận được rằng anh ta đã không tìm gặp một trong số đám tình nhân mà anh ta đã quen tìm gặp.

Về đến nhà, anh ta nói với tôi: “Xin lỗi em, lẽ ra anh phải gọi cho em, bọn anh đi xa hơn dự kiến và trên đường đi không có ca bin điện thoại, đúng là một nơi khi ho cò gáy.” Đây là lần đầu tiên Philippe Toussaint thanh minh. Lần đầu tiên anh ta xin lỗi vì đã không bán tín hiệu gì để cho thấy là anh ta còn sống.

Anh ta trở về vào ngày cải táng Henri Ange, qua đời ở tuổi hai mươi hai trên chiến trường vào năm 1918 tại Sancy thuộc vùng Aisne. Trên tấm bia mộ màu trắng, vẫn có thể đoán ra dòng chữ: “Đời đời tiếc thương”. Sự vĩnh hằng của Henri Ange đã chấm dứt vào tháng Một năm 1998, những gì còn lại của ông bị ném vào hồ hài cốt. Lần cải táng đầu tiên tôi được tham dự. Tôi và mấy phu đào huyệt chẳng thể làm gì để kiêng né nơi yên nghỉ của ông. Mộ của ông đã đổ nát quá mức, bị rêu phủ đầy suốt nhiều thập kỷ nay.

Trong lúc ba phu đào huyệt mở chiếc quan tài bị ngón ngáu bởi thời gian, độ ẩm và lũ sâu bọ, tôi nghe thấy tiếng động cơ xe mô tô của Philippe Toussaint. Tôi để họ lại đó làm nốt việc. Tôi đi về phía ngôi nhà theo thói

quen. Khi Philippe Toussaint về nhà, tôi chào đón anh ta... Giống như đám gia nhân trong nhà, khi ông chủ trở về.

Anh ta chậm rãi bỏ mũ bảo hiểm, khuôn mặt thảm hại, đôi mắt mệt mỏi. Anh ta tắm rất lâu, rồi lặng lẽ ăn trưa. Sau đó, anh ta lên tầng hai ngủ trưa, và ngủ đến tận sáng hôm sau. Khoảng 23 giờ, tôi vào giường nằm cạnh anh ta. Anh ta liền áp người sát vào người tôi.

Sáng hôm sau, sau khi ăn sáng, anh ta lại lái xe mô tô đi, nhưng chỉ vắng mặt vài giờ đồng hồ. Sau đó, anh ta thú nhận với tôi rằng trong bốn ngày đi vắng đó, anh ta đã đến Épinal để nói chuyện với Édith Croquevieille.

Đã năm tháng chúng tôi sống ở đây, nhưng tôi không quay lại nhà Geneviève Magnan để hỏi chuyện Fontanel, cũng không đến nhà hàng nơi Swan Letellier làm việc. Tôi không tìm kiếm nơi ở của hai nhân viên phụ trách để nói chuyện với họ. Bà giám đốc hẳn là đã ra tù, bà ta chỉ bị tù giam có một năm. Tôi chưa bao giờ đi qua trước lâu đài lần nữa. Tôi không còn nghe thấy giọng nói của Léonine hỏi tôi tại sao tất cả lại cháy rục đêm hôm đó. Sasha đã không nhầm: nơi này chữa lành cho tôi.

Tôi lập tức tìm được các dấu mốc cho mình trong nghĩa trang, trong nhà, trong khu vườn. Tôi thích ở bên các phu đào huyệt, anh em nhà Lucchini và lũ mèo ngày càng thường xuyên vào bếp nhà tôi khi chồng tôi không có ở nhà, người thì để uống một cốc cà phê, kẻ lại để xin một cốc sữa. Khi chiếc xe mô tô của Philippe Toussaint đỗ trước cánh cửa mở ra phố, họ không bao giờ vào nhà. Giữa họ và Philippe Toussaint không có chút thân thiết nào, chỉ chào hỏi xã giao. Còn lũ mèo, chúng trốn anh ta như trốn dịch.

Chỉ có ông thị trưởng, người đến thăm chúng tôi mỗi tháng một lần, là

không quan tâm đến việc Philippe Toussaint có ở nhà hay không, ông luôn nói chuyện với tôi. Ông có vẻ hài lòng với công việc “của chúng tôi”. Ngày 1 tháng Mười một năm 1997, sau khi tưởng niệm trước phần mộ gia đình và trông thấy những cây thông tôi mới trồng, ông đề nghị tôi trồng và bán vài chậu hoa trong nghĩa trang, như thế sẽ là một điểm cộng, và tôi chấp thuận.

Lễ an táng đầu tiên mà tôi tham dự với tư cách là quản trang diễn ra vào tháng Chín năm 1997. Ngay từ hôm ấy, tôi đã bắt đầu ghi lại những bài diễn từ, miêu tả những người có mặt, những bông hoa, màu sắc của quan tài, những lời ca ngợi ghi trên những tấm bia tưởng niệm, thời tiết ngày hôm đó, những bài thơ hoặc bài hát được lựa chọn, có con mèo hay con chim nào lại gần ngôi mộ không. Tôi lập tức cảm nhận được sự cần thiết của việc ghi lại dấu vết thời khắc cuối cùng ấy, để không có thứ gì bị xóa nhòa. Cho những người không thể tham dự lễ tang vì quá đau đớn, quá buồn rầu, đang đi vắng, bị xua đuổi hoặc loại trừ, một người nào đó sẽ có mặt để cất tiếng nói, để chứng kiến, để kể lại, để thuật lại. Tôi những muốn có ai đó làm thế trong lễ an táng con gái tôi biết bao. Con gái mẹ. Tình yêu lớn của mẹ. Phải chăng mẹ đã bỏ rơi con?

Ngồi trên mép bồn tắm, mảnh giấy trải bàn cầm trên tay, nhìn vào những cái tên nhòe nhoẹt, tôi thấy trào lên trong mình một mong muốn không thể chế ngự là được làm như Philippe Toussaint, bỏ đi trong vài giờ. Ra khỏi đây. Đi đến nơi khác. Nhìn thấy những đường phố khác, những khuôn mặt khác, những ô kính cửa hàng bày quần áo và sách. Quay trở về với cuộc sống, với một dòng chảy. Ngoài những lần đi chợ trong khu trung tâm thành phố nhỏ hẹp, suốt năm tháng nay tôi chưa hề rời khỏi nghĩa trang.

Tôi đi khắp các lối đi trong nghĩa trang, tìm Nono để nhờ anh chở tôi

đến Mâcon rồi quay lại đón tôi vào cuối giờ chiều. Anh hỏi tôi có bằng lái xe không.

– Có.

Anh đưa cho tôi chùm chìa khóa chiếc xe chuyên dụng của tòa thị chính.

– Tôi có quyền lái nó ư?

– Cô là viên chức của thành phố. Sáng nay tôi vừa đổ đầy xăng rồi. Chúc cô một ngày tốt lành.

Tôi đi về hướng Mâcon. Kể từ sau chiếc Fiat của Stéphanie, tôi không còn chạm tay vào vô lăng của bất cứ chiếc xe nào khác, với cảm giác tự do đến thế. Tôi vừa lái xe vừa hát: “Nước Pháp dịu dàng, quê hương yêu dấu của tuổi thơ tôi, ru vỗ trong biết bao vô tư, tôi giữ người trong tim tôi.” Tại sao tôi lại hát bài ấy? Những bài hát của ông chú tưởng tượng vẫn luôn hiện ra trong đầu tôi, giống như những ký ức không hề tồn tại.

Tôi dừng xe ở trung tâm thành phố. Lúc ấy có lẽ là 10 giờ, các cửa hàng đã mở cửa. Đầu tiên, tôi uống một cốc cà phê trong một quán nhỏ, ngắm nhìn những người sống đi ra đi vào, bước đi trên vỉa hè, dừng xe trước đèn đỏ. Những người sống không phải chịu tang ai.

Tôi đi qua cầu Saint-Laurent, đi dọc sông Saône và lang thang vô định trên những con phố. Chính trong ngày hôm đó, tủ đồ mùa đông và tủ đồ mùa hè của tôi đã ra đời. Tôi tự tặng cho mình một chiếc váy dài màu xám, và một chiếc áo lót màu hồng đang bán hạ giá.

Đến giờ ăn trưa, tôi muốn đến khu phố có nhiều nhà hàng để mua một chiếc bánh sandwich. Trời lạnh nhưng bầu trời lại rất xanh. Tôi muốn ăn trưa trên một băng ghế bên hồ nước, ném vụn bánh mì cho lũ vịt. Trong lúc nhớ đến con mèo xiêm đã cứu mạng tôi vào cái tối tôi chờ Swan Letellier,

tôi bị lạc đường. Tôi thấy mình đứng trong những con phố mà tôi không biết. Đến một ngã tư, tôi tưởng đã xác định được vị trí của mình, nhưng thay vì đi đúng hướng, tôi lại đi xa khu trung tâm. Hai bên đường san sát nhà ở và nhà nghỉ hè. Tôi nhìn những hàng rào, những chiếc xích đu trông, những bộ salon sân vườn ẩn dưới những tấm bạt nhựa vào tiết tháng Một này.

Đúng lúc đó, tôi nhìn thấy nó, dựng trên chân chống, một bánh xe khóa chặt vào cột chống trộm. Chiếc xe mô tô của Philippe Toussaint đỗ cách tôi chừng trăm mét. Tim tôi bắt đầu đập thành thịch chẳng khác nào tìm một bé gái mà bố mẹ không cho phép ra khỏi nhà. Tôi những muốn quay người và bỏ chạy thì có điều gì đó giữ tôi lại: tôi muốn biết anh ta làm gì ở đây. Khi anh ta rời khỏi nhà lúc tầm 11 giờ và quay trở về vào khoảng 16 giờ, tôi tưởng là anh ta đi xa lắm. Đôi khi, lúc về nhà, anh ta kể với tôi những gì anh ta đã thấy. Không hiếm khi anh ta đi hơn bốn trăm ki lô mét trong ngày. Khi nhìn chiếc Honda của anh ta, tôi nghĩ tôi vẫn luôn nhìn thấy nó đỗ trước cửa nhà chúng tôi. Philippe Toussaint chưa bao giờ đề nghị chở tôi đi đâu. Chưa bao giờ có hai chiếc mũ bảo hiểm trong nhà, chỉ có mũ của anh ta. Và khi thay sang mũ mới, anh ta bán cái cũ đi.

Một con chó sủa đằng sau một hàng rào, tôi giật bắn người. Cùng lúc đó, tôi nhìn thấy anh ta qua cửa sổ một tòa nhà nằm bên một bãi cỏ đã úa vàng, ở phía bên kia đường phố. Anh ta đi qua một phòng ở tầng trệt, và tôi nhận ra vóc dáng anh ta, bộ tịch lơ lửng của anh ta, cái áo blu đông mà anh ta khoác vội, vẻ mặt khả nghi và thân hình gầy nhẳng của anh ta: Swan Letellier. Tôi cảm thấy hai bàn tay như có kiến bò, như thể tôi đã giữ nguyên một tư thế quá lâu. Anh ta ở trong một căn nhà nhỏ bốn tầng bằng bê tông, sơn những màu phấn đã phai đi. Những hàng ban công kiêu cổ với

những lan can cũ kỹ mang đầy dấu ấn của thời gian, trên đó vẫn treo vài cái chậu hoa rỗng không, có vẻ như chúng đã trải qua rất nhiều mùa xuân nhưng hiếm khi được chứa đựng những bông hoa.

Swan Letellier xuất hiện ở tiền sảnh, anh ta đẩy một cánh cửa nhôm và đi dọc vỉa hè trước mặt tôi. Tôi đi theo anh ta cho đến khi anh ta bước vào quán bar ở góc phố. Anh ta đi về phía cuối quán. Nơi Philippe Toussaint đang chờ. Swan ngồi vào bàn, đối diện với Philippe. Họ nói chuyện với nhau rất bình tĩnh, giống như hai người quen biết cũ.

Philippe Toussaint đang lần ngược dòng câu chuyện, nhưng là câu chuyện nào? Anh ta tìm kiếm một người nào đó, một điều gì đó. Chính vì thế mà có cái bản danh sách kia, luôn là nó, bản danh sách mà anh ta viết lại đằng sau một tờ biên lai hoặc một tờ giấy trải bàn, như để giải một câu đố.

Qua lớp kính, tôi chỉ nhìn thấy tóc Philippe. Giống như tối đầu tiên ở Tibourin, khi anh ta quay lưng về phía tôi. Khi, từ quầy bar, tôi ngắm nghía những lọn tóc vàng chuyển từ ánh xanh lá sang ánh đỏ rồi sang xanh da trời dưới những ngọn đèn chiếu. Những lọn tóc ấy đã bạc đi đôi chút, và ánh cầu vồng của thời trai trẻ đã tắt ngấm. Cả lăng kính ánh sáng qua đó tôi ngắm nghía anh ta cũng thế. Tôi nghĩ rằng từ nhiều năm nay, khi tôi đưa mắt nhìn Philippe, bầu trời lúc nào cũng một màu xám xịt. Những cô gái xinh đẹp thì thắm những lời dịu ngọt vào tai Philippe trong khi tôi ngắm nghía khuôn mặt nhìn nghiêng của anh ta đã biến mất. Hẳn là chỉ còn lại những phụ nữ sò sè trên những chiếc giường tạm bợ của anh ta. Mùi nước hoa mà họ để lại trên làn da Philippe đã thay đổi, những hương thơm tinh tế đã trở thành những thứ mùi rẻ tiền.

Chỉ có hai người họ ở trong góc phòng ăn của cái quán nhỏ tối tăm. Họ nói chuyện với nhau mười lăm phút, rồi Philippe Toussaint đột ngột

đứng dậy rời đi. Tôi chỉ vừa kịp lẩn vào trong một ngõ cụt nằm bên cạnh quán. Anh ta nổ máy xe mô tô và lái đi.

Swan Letellier vẫn ngồi bên trong quán. Anh ta đang uống nốt cốc cà phê thì tôi tiến đến gần. Tôi thấy là anh ta không nhận ra tôi.

– Anh ta muốn gì thế?

– Sao cơ?

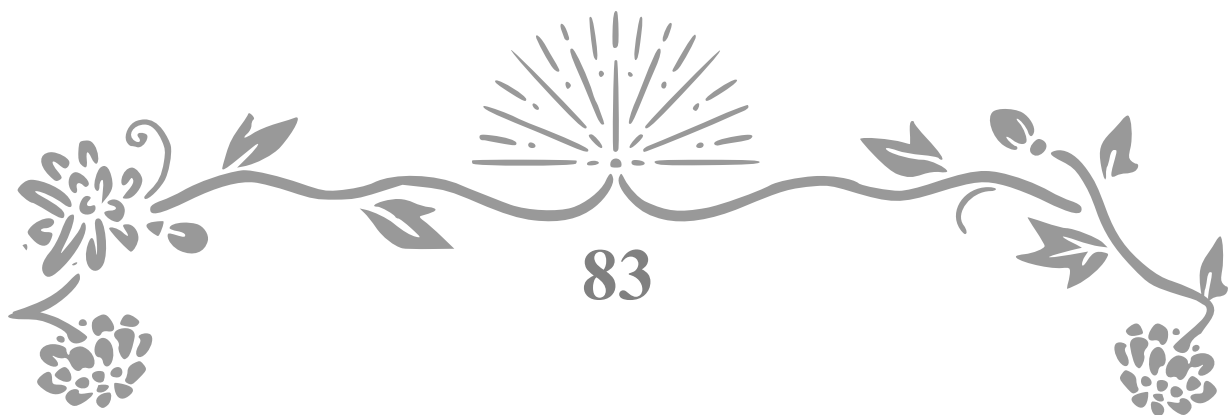
– Tại sao anh lại nói chuyện với Philippe Toussaint?

Ngay khi anh ta nhận ra tôi, nét mặt Letellier bỗng đánh lại. Anh ta trả lời tôi bằng giọng cộc cằn:

– Anh ta nói rằng lũ trẻ đã bị chết ngạt vì cacbon monoxit. Rằng có ai đó đã bật một chiếc bình nóng lạnh hay gì đó, tôi cũng không rõ lắm. Chồng cô đang tìm một thủ phạm không hề tồn tại. Nếu cô muốn nghe ý kiến của tôi, thì tốt hơn hết cả hai hãy nhìn về tương lai mà sống.

– Cái ý kiến của anh, anh nên tống nó vào cái nơi mà tôi đang nghĩ đến ấy.

Hai mắt Letellier tròn tròn. Anh ta không dám nói thêm lời nào nữa. Tôi đi ra phố và nôn thốc tháo trên vỉa hè, chẳng khác gì một ả say rượu.



Mọi người có những vì sao khác nhau. Đối với những người ưa đi lại, những ngôi sao chính là người dẫn đường, còn đối với những người khác, chúng chẳng là gì khác ngoài những đốm sáng.

Trích Hoàng tử bé, Antoine de Saint-Exupéry.

Đôi khi, tôi hối tiếc vì đã mắng Léonine khi con bé không vâng lời hoặc giờ thối mè nheo. Tôi hối tiếc vì đã lôi con bé ra khỏi giường để đi học khi nó vẫn muốn ngủ thêm chút nữa. Tôi hối tiếc vì đã không biết rằng con bé chỉ ghé qua đây... Tôi không bao giờ hối tiếc lâu. Tôi thà nhớ đến những kỷ niệm đẹp, tiếp tục sống với những niềm hạnh phúc mà con bé để lại cho tôi.

– Tại sao hai người không sinh thêm những đứa con khác?

– Bởi vì tôi không còn là mẹ nữa, chỉ là một kẻ mồ côi. Bởi vì tôi không có người cha phù hợp với những đứa con khác của tôi... Với lại, sẽ rất khó khăn cho lũ trẻ khi phải làm “những đứa con khác”, “những đứa con về sau”.

– Thế bây giờ thì sao?

– Bây giờ thì tôi già rồi.

Julien phá lên cười.

– Suyt!

Tôi đặt tay lên miệng anh. Anh túm lấy các ngón tay tôi rồi hôn chúng. Tôi sợ. Sợ mớ lộn xộn trong nhà mình. Sợ những cánh cửa xe vài giờ đồng hồ nữa sẽ sập lại. Sợ mình sẽ lao thẳng vào tường với câu chuyện vốn không phải là một câu chuyện này.

Nathan và cậu anh họ Valentin ngủ trên ghế xô pha, gần chúng tôi. Có thể nhìn thấy hai cái thân hình bé nhỏ nằm tráo đầu đuôi của chúng dưới lớp chăn ga hỗn độn. Mái tóc đen của chúng phủ lên hai chiếc gối trắng, trông giống như một mảnh nông thôn bày ra, một con đường nhỏ thơm mùi hạt dẻ. Lùa tay vào mái tóc của một đứa trẻ cũng giống như bước đi trên lớp lá khô trong rừng lúc tiết trời chớm xuân.

Julien, Nathan và Valentin từ Auvergne đến đây tối qua. Trong thời gian lưu lại phố Xin Thứ Lỗi, Nathan hẳn đã ra sức quấy rầy ông bố: “Không về Marseille đâu, chúng ta đến nhà cô Violette cơ, không về Marseille đâu, đến nhà cô Violette cơ...” Cho đến khi Julien phải nhượng bộ và lái xe về hướng nghĩa trang. Họ đến nhà tôi vào khoảng 20 giờ, sau giờ đóng cổng nghĩa trang. Họ gõ vào cánh cửa hướng ra phố, nhưng tôi không nghe thấy. Lúc ấy tôi đang ở trong vườn, giâm nốt mấy cây xà lách. Hai cậu bé nhón chân đi đến sau lưng tôi: “Chúng ta là xác sống đây!” Éliane sữa vang, còn lũ mèo thì bu lại như thể chúng vẫn còn nhớ Nathan.

Tối qua, tôi đã muốn ở một mình, tôi cảm thấy mệt mỏi, tôi muốn đi ngủ sớm, nằm trên giường xem một tập phim. Không nói chuyện. Nhất thiết là không nói chuyện nữa. Tôi đã làm mọi cách để thể hiện cho họ thấy rằng tôi không muốn gặp họ. Tôi những muốn cảm thấy hạnh phúc trước điều bất ngờ này. Nhưng tôi không hạnh phúc. Tôi đã nghĩ rằng Nathan nói quá to, tôi đã nghĩ rằng Julien còn quá trẻ.

Julien chờ chúng tôi trong bếp. Anh ngượng ngùng nói với tôi: “Xin lỗi vì đã đến mà không báo trước, nhưng con trai tôi phải lòng em mất rồi... Bọn tôi đưa em đi ăn tối nhé?... Tôi đã đặt phòng ở nhà bà Bréant.”

Ngay khi anh vừa mở miệng, tôi đã cảm thấy nỗi cô đơn bong ra khỏi mình, chẳng khác nào một mẩu da chết. Giọng nói của anh tác động đến tôi như một khoảng trời quang mây, như thể anh vừa bật sáng một ngọn đèn đường bên trên đầu tôi. Giống như khi một ngày được báo hiệu là sẽ hồng hết, thì bầu trời xám xịt bỗng hé mở và mặt trời không biết từ đâu lộ ra, để chiếu sáng một số điểm trong quang cảnh. Tôi muốn giữ họ ở lại, cả ba người.

Không có chuyện đi nhà hàng, họ sẽ ăn tối ở nhà tôi. Không có chuyện ngủ ở nhà bà Bréant, họ sẽ ngủ ở đây. Tôi đã làm cho họ món bánh sandwich kẹp pho mát, mì ống, trứng ốp la và xa lát cà chua. Julien giúp tôi bày bàn ăn. Món tráng miệng thì có kem nước quả vị dâu trong tủ đá. Có kẹo, kem, bánh ga tô sô cô la trong các ngăn tủ, sữa chua trong tủ lạnh. Vẫn là thói quen xưa cũ, giống như thói quen nắm bàn tay Nathan trong tay tôi.

Tôi mời Julien uống thật nhiều vang trắng để anh không thể thay đổi ý kiến được nữa, để anh không đi ngủ ở nhà bà Bréant, mà ở lại nhà tôi, cùng với tôi.

Sau khi thu dọn đĩa bẩn, tôi biến ghế xô pha thành chiếc giường cho hai đứa trẻ, xô pha là nơi tôi vẫn ngủ khi đến thăm Sasha trước đây. Hai cậu bé reo to và bắt đầu nhảy nhót trên đám lò xo cũ kỹ tội nghiệp kêu cọt kẹt đầy vui vẻ.

Trước khi đi ngủ, chúng nài nỉ tôi đưa chúng ra các lối đi trong nghĩa trang để “xem ma”. Chúng hỏi tôi một đống câu hỏi trong lúc đọc những cái tên trên các tấm bia mộ. Chúng hỏi tôi tại sao một số ngôi mộ có rất nhiều

hoa, số khác lại không. Chúng đọc các ngày tháng, nói với tôi rằng đa phần người chết thực sự đã rất già.

Thất vọng khủng khiếp vì không nhìn thấy con ma nào, hai cậu bé đòi tôi kể “những chuyện đáng sợ”. Tôi kể cho chúng nghe chuyện về Diane de Vignerot và về Reine Duché, mà người ta có thể nhìn thấy ở những vùng lân cận nghĩa trang, trên vệ đường hoặc trong những con phố ở Brancion-en-Chalon. Hai cậu bé bắt đầu tái mặt, thế nên để trấn an chúng, tôi liền khẳng định rằng đó chỉ là những truyền thuyết, và bản thân tôi chưa bao giờ nhìn thấy họ.

Julien ngồi chờ chúng tôi trên một băng ghế trong vườn. Anh hút thuốc cạnh Éliane, anh vuốt ve nó, đắm chìm trong dòng suy nghĩ. Anh mỉm cười khi hai cậu bé kể cho anh nghe rằng chúng tôi chẳng nhìn thấy con ma nào nhưng nhiều người đã gặp ma ở bên trong hoặc bên cạnh nghĩa trang. Chúng năn nỉ tôi cho chúng xem những bức tranh vẽ Diane trong hình dạng ma trên những tấm bưu thiếp cũ. Tôi khiến chúng tin rằng tôi đã đánh mất hết rồi.

Cả bốn chúng tôi cùng vào nhà. Hai cậu bé kiểm tra ba lần để chắc chắn rằng các cánh cửa đều đã được khóa cẩn thận. Tôi chiếu chúng bằng cách để điện sáng trong hành lang dẫn lên phòng tôi. Nhưng khi nhìn thấy lũ búp bê của bà Pinto, chúng liền yêu cầu tôi thắp cho mỗi đứa một ngọn đèn ngủ.

Julien và tôi lên tầng, tránh không làm đổ lũ búp bê. Anh đi theo tôi. Có một lúc, tôi đứng lại. Tôi cảm thấy hơi thở anh phả vào gáy tôi, anh vuốt

ve thắt lưng tôi và thì thầm: “Nhanh lên nào.”

Chúng tôi vừa đóng cửa thì hai cậu bé đã mở nó ra để vào ngủ trong giường tôi. Tôi và Julien nằm dài mỗi người một bên giường để chờ chúng ngủ, chúng tôi xoa đầu hai thằng bé, thỉnh thoảng bàn tay chúng tôi lại gặp nhau, tìm thấy nhau, kết vào nhau trên mái tóc của Nathan.

Rồi chúng tôi trở xuống xô pha để yêu nhau. Khoảng 4 giờ, hai cậu bé kéo tung chăn để nằm sát vào chúng tôi. Chúng tôi nằm nép vào nhau chẳng khác nào một hộp cá sặc đin. Tôi không hề nhắm mắt, mà nằm nghe hơi thở của chúng. Tôi lắng nghe chúng giống như nghe những bản xô nát của Chopin mà Sasha thường bật.

Đến 6 giờ, Julien kéo tay tôi và chúng tôi lại lên phòng ngủ để yêu nhau. Trước đó, tôi không nghĩ rằng mình sẽ làm tình nhiều lần với cùng người đàn ông này. Chỉ là với một khách qua đường. Một người xa lạ. Một khách viếng nghĩa trang. Một người đàn ông góa vợ. Một người tuyệt vọng. Chỉ một lần để giết thời gian.

Lúc này, chúng tôi thì thầm trò chuyện, người nào gí mũi vào cốc cà phê của người nấy. Hai bàn tay tôi thơm mùi quế và thuốc lá. Thân thể tôi thấm đẫm mùi tình yêu, mùi hoa hồng và mùi mồ hôi. Tóc tôi rối bù, môi tôi nứt nẻ. Tôi sợ. Lát nữa thôi, khi Julien rời đi, bởi vì anh sẽ rời đi, nỗi cô đơn sẽ quay lại đồng hành với tôi, trung thành và bất tử.

– Còn anh, tại sao anh không có thêm đứa con nào khác sau Nathan?

– Chung lý do với em. Chưa gặp được người phụ nữ phù hợp để làm mẹ.

– Mẹ của Nathan thế nào?

– Yêu một người đàn ông khác. Cô ấy rời bỏ tôi để đi theo anh ta.

- Tệ quá.
- Ồ đúng thế, rất tệ.
- Anh vẫn yêu cô ấy chứ.
- Tôi không nghĩ thế.

Anh nhònm dậy và hôn tôi. Tôi nín thở. Quả là vô cùng dễ chịu khi được hôn trong những ngày đẹp trời. Tôi cảm thấy mình vụng về, lóng ngóng. Tôi đã quên mất các cử chỉ. Chúng ta học cách cứu lấy mạng sống, nhưng không bao giờ học cách hồi sinh bản thân mình và người khác.

- Ngay khi hai đứa trẻ thức dậy, chúng tôi sẽ lên đường.

– ...

– Giá mà em nhìn thấy sắc mặt em tối qua khi chúng tôi vừa đến... Chết tiệt, khi ấy tôi đau đớn quá... Nếu không có Nathan ở đây, có lẽ tôi đã đi ngay rồi.

- Là bởi vì tôi không còn quen với việc...

- Tôi sẽ không quay lại nữa, Violette ạ.

– ...

– Tôi không muốn mỗi tháng ngủ với em một lần trong nghĩa trang của em.

– ...

– Em sống với những người đã chết, những cuốn tiểu thuyết, những ngọn nến và vài giọt rượu porto. Em nói đúng, trong những thứ đó không có chỗ cho một người đàn ông. Lại còn là một người đàn ông kèm thêm một đứa con nữa chứ.

– ...

- Với lại, tôi đọc thấy trong mắt em rằng em không tin tưởng vào

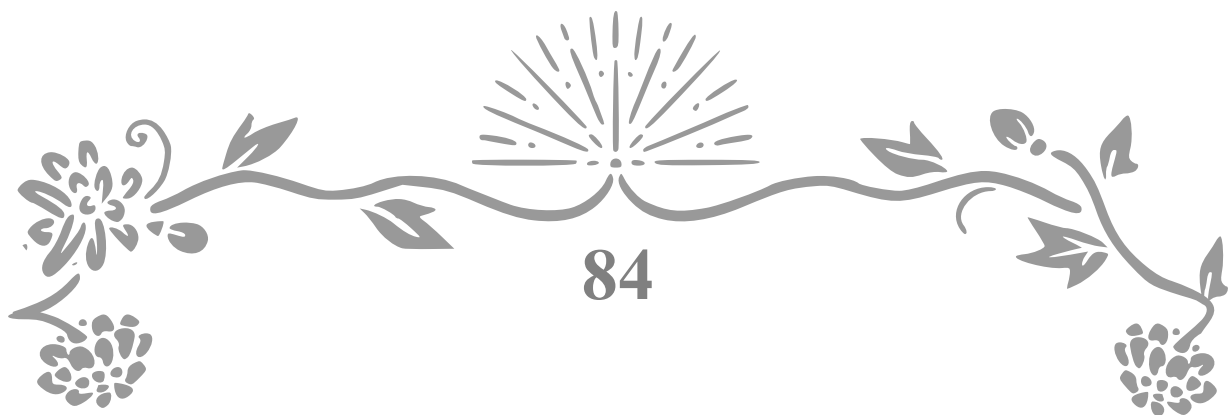
chuyện của chúng ta.

– ...

– Nói đi, làm ơn nói đi. Hãy nói điều gì đó đi.

– Anh biết rõ rằng hai chúng ta không thể kéo dài được.

– Tất nhiên là tôi biết điều đó. Mà thực ra là không, tôi chẳng biết gì hết. Chính em mới là người biết rõ. Thỉnh thoảng hãy cho tôi biết tin tức về em. Nhưng đừng thường xuyên quá, nếu không tôi sẽ mong chờ em đấy.



Hôm nay chúng ta đang ở bên bờ vực bởi vì chúng ta tìm kiếm khắp nơi khuôn mặt mà chúng ta đã mất.

Trích *Au bord du vide*, Paul Éluard.

NHẬT KÝ CỦA IRÈNE FAYOLLE

Ngày 13 tháng Hai năm 1999

Tôi không biết Gabriel làm thế nào mà biết được về cái chết của Paul. Sáng nay, tôi nhìn thấy Gabriel ở nghĩa trang Saint-Pierre. Đứng lùi xa một chút, ẩn mình đằng sau một ngôi mộ khác, giống như một kẻ trộm.

Người ta đang chôn cất chồng tôi, ấy thế mà tôi, tôi lại chỉ nhìn Gabriel. Tôi là ai vậy? Tôi là thứ quái vật nào vậy?

Tôi cup mắt xuống để thăm cầu nguyện cho Paul và khi tôi ngược mắt lên, Gabriel đã biến mất. Đôi mắt tôi tuyệt vọng tìm kiếm ông, lục lọi từng góc ngách của nghĩa trang, nhưng vô ích.

Tôi òa khóc, như một “bà góa”.

Khi một người phụ nữ mất chồng, người ta gọi cô ta là bà góa. Nhưng khi một người phụ nữ mất người tình, người ta gọi cô ta là gì? Một kẻ tâm phào chăng?

Ngày 8 tháng Mười một năm 2000

Tôi bán vườn hồng.

Ngày 30 tháng Ba năm 2001

Sáng nay, Gabriel đã gọi cho tôi. Ông gọi cho tôi khoảng một tháng một lần. Mỗi lần tôi nhấc máy, ông lại có vẻ ngạc nhiên khi nghe thấy giọng tôi. Ông hỏi han tôi vài câu: “Em thế nào rồi? Em đang làm gì đây? Em đang mặc đồ như thế nào? Em có buộc tóc không? Hồi này em đang đọc gì? Gần đây em có đi xem phim không?” Dường như ông đang kiểm tra để chắc chắn rằng tôi thực sự tồn tại. Hoặc tôi vẫn tồn tại.

Ngày 27 tháng Tư năm 2001

Gabriel đến nhà tôi ăn trưa. Ông rất thích căn hộ mới của tôi, ông nói với tôi rằng nó giống tôi.

– Các phòng đều sáng và thơm tho, giống như em.

Ông thích thú khi thấy tôi sống ở phố Thiên Đường.

– Tại sao?

– Bởi vì em là thiên đường của tôi.

– Thịnh vượng tôi là thiên đường của ông.

– Em có nhìn thấy những đường biểu diễn được vẽ nên bởi nhịp tim trên một bản điện tâm đồ không?

– Có.

– Những đường biểu diễn của tim tôi chính là em.

– Anh đúng là một tay dẻo miệng.

– Tôi hy vọng thế. Người ta trả cho tôi cả gia tài chính vì điều đó.

Ông nói với tôi rằng tôi không biết nấu nướng, rằng tôi có khiếu trồng hoa hơn là nấu một con vật trong một cái nồi.

Ông hỏi tôi có nhớ công việc của mình không.

– Không. Không hẳn. Những bông hoa thì tôi có nhớ đôi chút, chắc thế.

Ông hỏi tôi xem ông có thể hút thuốc trong bếp được không.

– Được. Ông hút thuốc trở lại rồi à?

– Đúng thế. Cũng giống như với em, tôi không thể bỏ được.

Như thường lệ, ông kể với tôi về những vụ án ông đang theo, về cô con gái lớn mà ông chỉ biết được rất ít tin tức, và về cô con gái út, Cloé. Ông nói với tôi rằng ông quá nhớ con bé, rằng chắc là ông sẽ quay lại sống với mẹ con bé.

– Đúng thế, để có thể tiếp tục sống cùng con gái, tôi sẽ phải đi qua cửa Karine. Mà qua cửa vốn không phải là thế mạnh của tôi.

Ông cũng hỏi thăm tôi về Julien.

Trước khi rời đi, ông đặt một nụ hôn lên môi tôi. Như thể chúng tôi là hai thiếu niên. “Tình yêu” là danh từ giống đực hay giống cái nhỉ?

Ngày 22 tháng Mười năm 2002

Hôm nay là ngày Gabriel.

Bây giờ, mỗi lần ghé qua Marseille, ông đều đến ăn trưa ở nhà tôi. Ông đặt hai suất ăn trong ngày ở nhà hàng bên dưới (bởi vì đồ ăn tôi nấu rất tệ hại: “Không đủ bơ, không đủ kem, không đủ xốt, thứ gì em cũng lược, tôi thà ăn rau dầm trong rượu nho còn hơn”).

Ông bấm chuông cửa nhà tôi, mang theo đồ ăn đựng trong những cái túi nhôm. Ông luôn ăn nốt đĩa của tôi. Nhìn chung, tôi ăn ít. Và khi có Gabriel trong bếp nhà tôi, tôi còn ăn ít hơn cả ít.

Ông lại sống cùng Karine, để được gần Cloé. Đó là theo lời ông nói. Và lại, tôi cũng nhận xét với ông: “Đó là ông nói đấy nhé.” Và ông trả lời tôi: “Em đừng có ghen chứ, em không cần phải ghen đâu. Với bất kỳ ai.”

– Tôi không ghen.

– Dù sao cũng có ghen một chút. Tôi thì ghen đấy. Em có gặp gỡ ai không?

– Ông muốn tôi gặp ai mới được chứ?

– Tôi biết đâu đấy, một gã nhân tình, một người đàn ông, nhiều người đàn ông, em vốn xinh đẹp mà. Em biết rằng người ta ngắm nhìn em khi em bước vào đâu đó. Em biết rằng người ta thèm khát em ở bất cứ nơi nào em đến.

– Tôi chỉ nhìn thấy ông thôi, ông đấy.

– Nhưng chúng ta không ngủ cùng nhau.

– Ông có muốn ăn nốt đĩa của tôi không?

– Có.

Ngày 5 tháng Tư năm 2003

Hôm nay là ngày Gabriel. Ông đã gọi điện thoại cho tôi tối qua, cuối tuần này ông sẽ ghé nhà tôi, sau khi phiên tòa kết thúc. Tôi phải mua Suze, Gabriel rất thích Suze.

Có những ngày không Gabriel. Và những ngày Gabriel.

Ngày 25 tháng Mười một năm 2003

Tối qua, Gabriel đến muộn. Ông đã ăn nốt chỗ xúp thừa, một hũ sữa chua và một quả táo. Ông còn uống cả một ly Suze. Tôi thấy là ông làm thế để cho tôi vui.

– Nếu tôi ngủ thiếp đi mất, thì sáng mai, em hãy đánh thức tôi lúc 7 giờ nhé.

Ông nói câu đó như thể ông đã có thói quen ngủ lại nhà tôi, trong khi chuyện đó chưa từng xảy ra. Hai mươi phút sau, ông thiếp đi trên ghế xô pha. Tôi đắp lên người ông một tấm chăn. Tôi không thể nào chớp mắt bởi vì ông đang ở trong phòng bên cạnh. Người đàn ông ở bên cạnh. Suốt cả đêm, tôi thầm nghĩ: Gabriel là người đàn ông ở bên cạnh mình. Tôi nhớ đến một đoạn trong phim của Truffaut, Người đàn bà ở bên cạnh, khi Fanny Ardant ra viện và nói với chồng mình, trong lúc nghĩ đến người tình mà cô chuẩn bị giết chết: “Tốt quá, anh đã nghĩ đến việc mang cho em chiếc áo sơ mi trắng, em rất thích nó (cô hít hà chiếc áo) bởi vì nó màu trắng.”

Sáng nay, tôi thấy Gabriel trong tư thế nằm sấp, ông đã cởi giày. Có mùi thuốc lá trong phòng khách, ông đã trở dậy trong đêm để hút thuốc. Một ô cửa sổ mở hé.

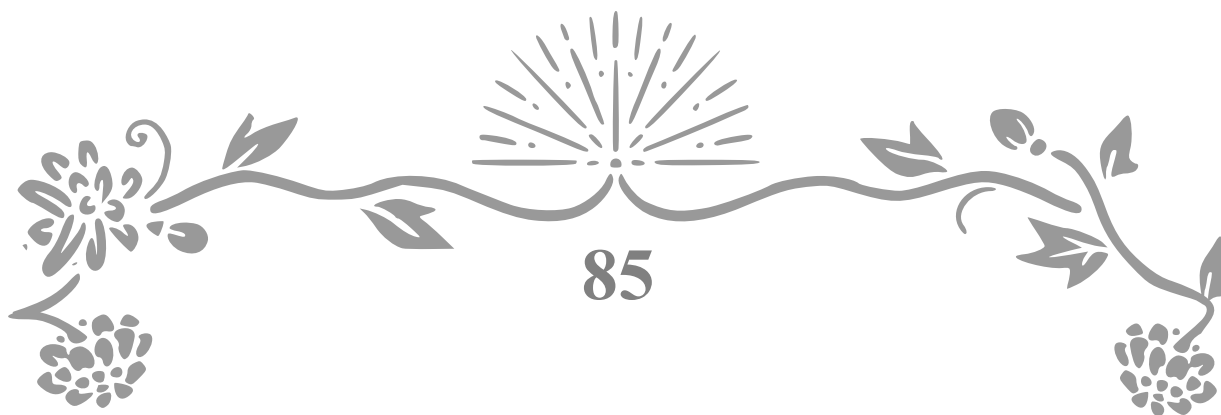
Tôi nuối tiếc vì ông đã không vào giường ngủ cùng tôi. Ông tắm một chậu dưới vòi sen, uống một cốc cà phê. Sau mỗi ngụm, ông lại nói với tôi: “Em rất đẹp, Irène ạ.” Theo thói quen, trước khi rời đi, ông đặt lên môi tôi một nụ hôn. Khi đến, Gabriel thường ghé mặt vào cổ tôi hít một hơi thật sâu. Khi rời đi, Gabriel đặt một nụ hôn lên miệng tôi.

Ngày 22 tháng Bảy năm 2004

Tôi đã quyết định ngủ với Gabriel. Ở tuổi của chúng tôi, chuyện đó chẳng còn được bao lâu. Với lại, ta đâu có thể làm tình được vĩnh viễn. Ngay khi tôi mở cửa căn hộ nhà tôi, Gabriel đã biết, đã nhìn thấy, đã đọc thấy, đã cảm thấy rằng tôi muốn ông. Ông nói:

- Ái chà, rắc rối bắt đầu rồi đây.*
- Sẽ không phải là lần đầu.*
- Đúng thế, sẽ không phải là lần đầu...*

Tôi không để ông kịp nói hết câu.



Đừng ở lại khóc lóc quanh quan tài của tôi. Tôi không ở đó, tôi không ngủ. Tôi là một phần nghìn cơn gió đang nhẹ thổi.

Bản danh sách tôi viết cho Nono đã xong. Năm nay, cũng như những năm trước, chính anh là người sẽ thay thế tôi, anh sẽ tiếp sức tôi để tưới tắm cho những cây hoa trên mộ người thân của các gia đình đi nghỉ hè. Còn Elvis, anh sẽ chăm sóc Éliane và lũ mèo. Cha Cédric sẽ chăm lo rau và hoa trong vườn. Tôi đã gửi gắm ông một phiếu viết tay của Sasha - ông soạn một phiếu cho mỗi tháng.

THÁNG TÁM

Ưu tiên trong tháng: tưới tắm.

Phải tưới vào buổi tối bởi vì cây cối sẽ được mát cả đêm, nhưng nhớ là đừng tưới quá sớm: nếu không đất vẫn còn quá nóng và nước sẽ bốc hơi ngay lập tức, thế nên tưới quá sớm chắc sẽ vô ích thôi.

Phải tưới vào lúc đêm buông bằng một bình tưới – dùng nước giếng hoặc nước mưa đã hứng từ trước. Bình tưới nhẹ nhàng hơn vòi xịt, nếu tưới bằng vòi xịt, cháu sẽ làm đất bị lún chặt, khiến nó không hô hấp được nữa. Phải để cho đất hô hấp. Chính vì thế mà thỉnh thoảng, dưới các gốc cây,

cháu nên cào thật cẩn thận và nhẹ nhàng bằng một cái móc cào, để thông khí.

Thu hoạch các rau quả chín.

Cà chua có thể chờ được vài ngày.

Thu hoạch cà tím ba ngày một lần, nếu không chúng sẽ to lên và bị cứng.

Thu hoạch đậu cô ve hằng ngày. Và phải dùng ngay lập tức. Hoặc có thể tích trữ chúng, bằng cách cấp đông sau khi vớt cuống, hoặc mang cho mọi người xung quanh.

Tương tự với những loại rau quả khác, đừng quên là chúng ta trồng trọt để chia sẻ, nếu không việc trồng trọt sẽ chẳng có ý nghĩa gì.

Cha Cédric sẽ không phải chăm vườn rau một mình. Kể từ khi rừng Calais bị phá hủy, các gia đình người Sudan được đón đến lâu đài Chardonnay. Cha Cédric đến đó ba lần mỗi tuần để hỗ trợ các tình nguyện viên. Một cặp vợ chồng trẻ tuổi, Kamal và Anita, mười chín tuổi, đang sắp sinh con. Cha Cédric đã xin được giấy phép của thành phố để đón họ về nhà thờ của ông. Ông sẽ cố gắng che chở họ càng lâu càng tốt, sau khi đưa trẻ ra đời. Trong thời gian đó họ sẽ tiếp tục học tập, lấy một tấm bằng, và nhất là xin được giấy phép cư trú vĩnh viễn. Tình cảnh rất tạm bợ, cha Cédric nói rằng ông đang sống trên một kho thuốc súng, nhưng ông ở trong tình cảnh mong manh mà ông sẵn lòng đón nhận. Và trong suốt thời gian chuyện này còn kéo dài, ông sẽ tiếp nhận niềm vui ấy, niềm vui được chia sẻ cuộc sống hằng ngày của mình với một gia đình ông đón nhận. Cho dù chuyện có kéo

dài một tháng hay mười năm, ông cũng sẽ cứu sống họ.

– Tất cả đều là phù du, Violette ạ, chúng ta chỉ là những khách qua đường. Chỉ có tình yêu của Chúa là bất biến trong vạn vật.

Từ khi sống ở nhà của cha xứ, Kamal và Anita ghé qua bếp nhà tôi hằng ngày và trái ngược với những người khác, họ ở lại lâu hơn. Anita yêu quý Éliane đến phát điên, còn Kamal thì say mê vườn rau của tôi. Cậu ta có thể bỏ ra nhiều giờ liền để đọc những tấm phiếu mà Sasha để lại cùng đồng catalog của tạp chí *Willem & Vườn* những khi không giúp đỡ tôi. Cậu ta rất có năng khiếu. Lần đầu tiên tôi nói với cậu ta rằng cậu có đôi bàn tay xanh lá, cậu ta không hiểu và trả lời tôi, đầy lúng túng: “Nhưng, cô Violette này, cháu là người da đen mà.”

Tôi đã tặng cuốn sách dạy phương pháp học đọc của Boscher *Một ngày của em bé* cho Anita. Cô đọc to cho tôi nghe, và khi cô nhầm, đọc vấp một từ nào đó, tôi đọc lại mà không cần nhìn vào sách, bởi vì tôi đã thuộc lòng cả cuốn sách.

Khi Anita mở cuốn sách lần đầu tiên, cô hỏi tôi có phải đây là sách của con tôi không, tôi trả lời cô bằng một câu hỏi: “Cô có thể chạm tay vào bụng cháu không?” Cô trả lời: “Được ạ, cô làm đi.” Tôi áp hai bàn tay lên lớp vải cô tông của chiếc váy Anita đang mặc. Anita phá lên cười bởi vì tôi khiến cô bị nhột. Đứa bé đạp chân vào tay tôi. Anita nói với tôi rằng đứa bé cũng đang cười. Cả ba chúng tôi cùng cười trong bếp nhà tôi.

Nếu có ai đó qua đời và phải tổ chức lễ tang, Jacques Lucchini sẽ thay thế tôi. Bởi vì tôi phải giao việc gì đó cho Gaston làm trong lúc tôi vắng mặt, nên tôi nhờ anh giúp tôi việc lấy thư từ rồi đặt chúng lên cái giá kê bên cạnh điện thoại. Tôi gần như chắc chắn là anh sẽ không thể làm vỡ lá thư nào của tôi.

Ngồi trên giường, tôi ngắm nghía chiếc va li vẫn đang để mở đặt trên mặt tủ com mốt. Ngày mai tôi sẽ hoàn tất việc đóng đồ. Tôi luôn mang quá nhiều thứ đến Marseille. Tôi gần như không mặc gì khi ở ngôi nhà gỗ. Có quá nhiều thứ “phòng khi” trong hành lý của tôi.

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy chiếc va li này là năm 1998. Philippe Toussaint đã vĩnh viễn bỏ đi, nhưng tôi còn chưa biết điều đó. Bốn ngày trước đó, anh ta còn vừa hôn tôi vừa thì thầm: “Hẹn lát nữa gặp lại.” Anh ta phải đi hỏi chuyện Éloïse Petit, nhân viên phụ trách thứ hai. Người duy nhất anh ta chưa hỏi chuyện. Anh ta nói với tôi: “Sau đó, anh sẽ chấm dứt. Sau đó, chúng ta sẽ làm lại cuộc đời. Anh không thể chịu đựng nổi những ngôi mộ này nữa. Chúng ta sẽ chuyển đến sống ở miền Nam.”

Anh ta đã làm lại cuộc đời một mình.

Cái ngày đến hỏi chuyện Éloïse Petit, anh ta đã rẽ ngang. Thay vì đến gặp cô ta, anh ta đã đi về hướng Bron để tìm gặp Françoise Pelletier.

Bốn ngày tôi ở một mình. Tôi ngồi xõm ở góc vườn rau, chúi mũi trong đám lá sen cạn mà tôi đã treo vào những cái cọc tre. Giống như mỗi lần Philippe Toussaint đi vắng, lũ mèo lại gần ngôi nhà, chúng chơi trò ú tim xung quanh tôi, chúng cùng nhau thực hiện những cuộc đua nước rút, một trong số chúng rút cuộc đã húc đổ một chậu đầy nước, cả lũ cùng giật mình và hoảng hốt chạy vào trong nhà. Tôi cười như điên. Tôi nghe thấy một giọng nói quen thuộc cất lên từ cửa nhà: “Thật vui khi nghe thấy cháu cười một mình như thế.”

Tôi tưởng mình đang bị ảo giác. Tưởng rằng làn gió thổi trong các tán cây vừa chơi khăm tôi. Tôi ngược mắt lên và nhìn thấy chiếc va li đặt trên cái bàn kê dưới vòm cây. Nó có màu xanh giống như nước biển Địa Trung Hải những ngày trời rực nắng. Sasha đang đứng trước cửa. Tôi lại gần ông

và đưa tay vuốt ve mặt ông, bởi vì không còn tin vào chuyện này được nữa. Tôi tưởng rằng ông đã quên tôi. Tôi nói với ông: “Cháu tưởng bác đã bỏ rơi cháu.”

– Không bao giờ, cháu nghe bác nói không, hả Violette? Bác không bao giờ bỏ rơi cháu.

Ông kể cho tôi nghe những tháng đầu tiên ông mới nghỉ hưu. Ông đến nhà Sany, người bạn thân gần như anh em ruột của ông, ở miền Nam Ấn Độ. Ở Chartres, ở Besançon, ở Sicile và ở Toulouse, ông đã thăm các cung điện, các nhà thờ, các tu viện, các con phố, các nghĩa trang khác. Ông đã bơi trong những hồ nước, những dòng sông và những vùng biển. Chữa trị cho những vùng lưng đau nhức, những mắt cá bị thương và những vết bỏng ngoài da. Ông quay trở lại Marseille nơi ông trồng những chậu rau thơm cho Célia. Ông muốn ôm hôn tôi trước khi đi Valence để tưởng niệm trước mộ vợ và các con ông, tức là bà Verena, Émile và Ninon, họ được chôn cất ở đây. Sau đó, ông sẽ quay trở lại Ấn Độ để ở cùng với Sany.

Ông vừa để đồ đạc ở nhà bà Bréant. Ông sẽ ở lại nhà bà hai hoặc ba đêm, trong thời gian ông đi thăm ông thị trưởng, Nono, Elvis, lũ mèo và những người khác.

Chiếc va li màu xanh này là dành cho tôi. Nó đựng đầy quà. Trà, nhang, khăn quàng, vải, đồ trang sức, mật ong, dầu ô liu, các loại xà phòng ở Marseille, nến, bùa hộ mệnh, sách, những đĩa than 33 vòng của Bach, hạt giống hoa hướng dương. Ở bất cứ nơi nào Sasha từng đi qua, ông đều mua một món quà cho tôi.

– Bác mang về cho cháu dấu ấn của mỗi chặng hành trình.

– Cả chiếc va li nữa ư?

– Tất nhiên rồi, cả cháu nữa, một ngày nào đó cháu cũng sẽ lên đường.

Ông đi một vòng quanh vườn, mắt rung rung. Ông nói: “Học trò giỏi hơn thầy rồi... Bác đã biết chắc là cháu sẽ làm được mà.”

Chúng tôi cùng ăn tối. Mỗi lần nghe thấy tiếng động cơ đằng xa, tôi lại nghĩ đó có thể là Philippe Toussaint đang trở về. Thế nhưng không.

Mười chín năm sau, tôi phát giác ra mình đang chờ một người đàn ông khác. Buổi sáng, khi mở cổng nghĩa trang, tôi tìm kiếm chiếc xe của anh trên bãi đỗ xe. Đôi khi, trong các lối đi, khi nghe tiếng chân bước sau lưng, tôi vừa quay người lại vừa thầm nghĩ: *Anh ấy đây rồi, anh ấy đã trở lại.*

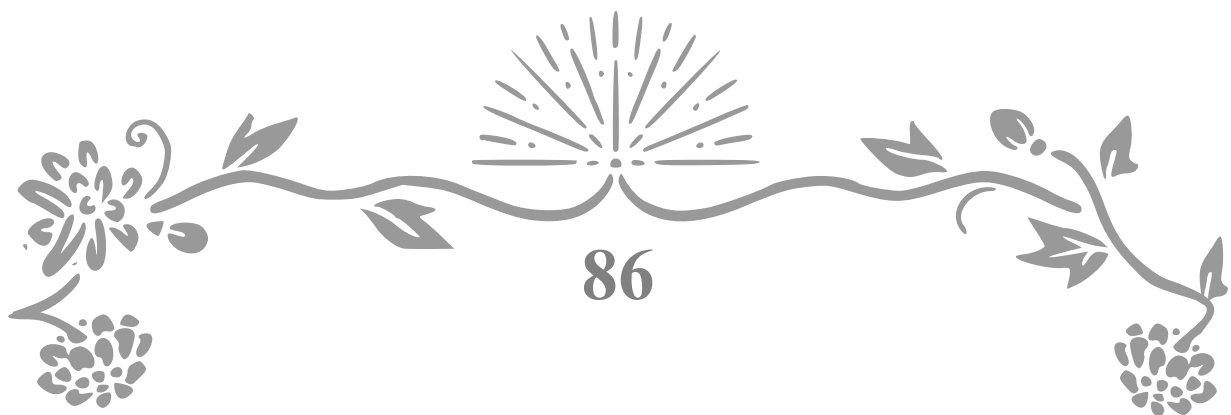
Tối qua, tôi tưởng rằng có ai đó gõ cửa nhà tôi, phía đường phố. Tôi đi xuống, nhưng không có ai cả.

Tuy nhiên, lần cuối cùng Julien đóng sập cánh cửa xe và nói với tôi: “Hẹn gặp lại một ngày nào đó” giống hệt như đang nói lời vĩnh biệt tôi, tôi lại chẳng làm gì để giữ anh lại. Tôi đã mỉm cười với anh, và bằng vẻ mặt tự tin, tôi đáp lời anh: “Vâng, chúc anh trở về bình an”, giống hệt như tôi đang nói với anh: “Như thế là tốt hơn đây.” Khi Nathan và Valentin đưa tay vẫy tôi từ băng ghế sau xe, tôi biết rằng tôi sẽ không gặp lại chúng nữa.

Kể từ buổi sáng hôm ấy, Julien chỉ gửi cho tôi một tín hiệu duy nhất về sự tồn tại của anh. Một tấm bưu thiếp từ Barcelona để nói với tôi rằng Nathan và anh sẽ nghỉ hè ở đó hai tháng. Và rằng thỉnh thoảng mẹ của Nathan sẽ đến ở cùng họ.

Cuộc gặp gỡ giữa Irène và Gabriel có lẽ sẽ hữu ích với Julien và mẹ của Nathan. Tôi từng là một cây cầu, một bước chuyển giữa họ. Julien phải đi qua tôi để hiểu rằng anh không thể để mất người mẹ của con mình. Và

nhờ vào Julien, tôi biết rằng tôi vẫn có thể làm tình. Rằng tôi vẫn có thể là một đối tượng khiến người ta khao khát. Như thế đã là không quá tệ rồi.



Chúng ta đến đây để tìm kiếm, tìm kiếm một điều gì đó hoặc một người nào đó. Tìm kiếm tình yêu, thứ tình yêu mạnh hơn cái chết ấy.

Trích *Au bord du vide*, Paul Éluard.

Tháng Một năm 1998.

Cái ngày Violette nhìn thấy anh mặt đối mặt với Swan Letellier ở Mâcon, Philippe đã cảm thấy một ánh mắt nhìn dán vào gáy anh. Một sự hiện diện quen thuộc đằng sau anh. Anh đã không để ý đến nó. Không thực sự để ý. Không đủ để ý để quay lại. Vào lúc này, khi Swan Letellier đang ở trước mặt anh. *Một kẻ mặt chuột kẹp*. Ý nghĩ ấy đã từng lướt qua tâm trí anh khi ở phiên tòa. Đôi mắt ti hí thật sâu, đôi má như bị cắt bằng dao quắm, khuôn miệng nhỏ.

Qua điện thoại, Letellier đã nói với anh: “Hãy gặp tôi ở quán bar trong góc phố, vào khoảng giữa trưa, sẽ yên tĩnh hơn.”

Với anh ta cũng như với những người khác, Philippe đã hỏi cùng những câu hỏi ấy bằng một giọng lạnh băng, với âm điệu và ánh mắt đầy đe dọa: “Đừng có nói dối, tôi chẳng có gì để mất cả đâu.” Anh luôn nhấn mạnh

vào câu hỏi cuối cùng: người nào đã có thể bật một chiếc bình nước nóng cũ hỏng?

Có vẻ như Letellier không biết gì về những chuyện xảy ra đêm đó. Mặt anh ta trắng bệch ra như sáp khi Philippe kể một mạch với anh ta những lời thú nhận của Alain Fontanel:

Geneviève Magnan bỏ đi thăm đứa con trai bị ốm, rồi quay trở lại lâu đài và phát hoảng khi phát hiện ra bốn đứa trẻ đã bị chết ngạt vì cacbon monoxit, ý tưởng phóng hỏa để nguy tạo rằng đó là một tai nạn nhà bếp, những cú đạp chân của Fontanel vào cửa phòng Letellier trên tầng hai để đánh thức anh ta, đánh thức tất cả mọi người.

Nhưng Letellier không tin vào câu chuyện đó. Fontanel là một gã bợm rượu, gã có thể kể bất cứ chuyện gì với một ông bố đang tìm kiếm lời lý giải cho một chuyện không thể lý giải.

Anh ta nhớ đến những âm thanh trầm đục vang lên từ cánh cửa. Nhớ đến chuyện phải khó khăn lắm anh ta mới thức dậy được, bởi vì trước đó anh ta đã cùng cô nhân viên phụ trách hút cỏ. Nhớ đến mùi khét, khói, lửa. Nhớ đến tình cảnh không thể nào tiếp cận phòng ngủ số 1, lửa đã bốc quá cao, tạo thành một ranh giới không thể vượt qua. Nhớ đến địa ngục đang chào mời. Cái thời điểm mà người ta tự nhắc đi nhắc lại với chính mình rằng đó chỉ là một cơn ác mộng, rằng không có gì là thực cả. Anh ta như lại nhìn thấy những đứa bé gái đứng ngoài trời, trên người mặc váy ngủ, những đôi chân trần xỏ trong dép đi trong nhà hoặc những chiếc giày còn chưa kịp buộc dây, và toàn bộ đội ngũ nhân viên đã phát điên. Mẹ Croquevieille như bị nghẹt thở. Và những người khác, bị sốc, run rẩy và làm bầm cầu nguyện. Chờ đợi lính cứu hỏa. Đếm đi đếm lại những đứa trẻ còn sống và an toàn. Mắt chúng vẫn còn ngái ngủ, trong khi họ, những người lớn, sẽ không bao

giờ còn có thể ngủ yên được nữa. Những đứa bé gái, kinh hoàng trước ngọn lửa và khuôn mặt tái nhợt của người lớn, chúng đang đòi bố mẹ. Phải gọi cho họ, báo tin cho họ, hết người này đến người khác. Còn phải nói dối chúng nữa, không thú nhận với chúng rằng bên trong, có bốn bé gái đã chết.

Đến tận hôm nay, Swan Letellier nói thêm, anh ta vẫn tự kết tội mình. Tất cả những chuyện đó có lẽ đã không xảy ra nếu cô nhân viên phụ trách ở lại tầng trệt.

Lucie Lindon và anh ta đã không nói gì với các nhà chức trách về việc liên quan đến Geneviève Magnan, bởi vì họ cảm thấy mình có lỗi. Lẽ ra Lucie Lindon không nên nhờ Geneviève Magnan trực thay. Nhưng Swan đã ra sức nài nỉ. Tất cả bọn họ đều đã thiếu trách nhiệm.

Croquevieille, người đã lạm quyền, đã che đậy để không phải tiêu tốn dù chỉ một xu, lớp trải linoleum không được dán kỹ trong các phòng, a mi ăng bên dưới mái nhà, lớp bông thủy tinh chẳng còn chút khả năng cách nhiệt nào, sơn tróc lở, sự phát tán chì, vụ cháy lan rộng quá nhanh, khói độc tỏa ra từ những vật dụng làm bếp cũ kỹ. Không, chẳng ai trong sáng hết, cả Magnan, cả Lindon, cả Fontanel, và chính anh ta. Tất cả bọn họ đều ngập đến cổ, và đã có đủ thứ phải chịu đựng... Điều duy nhất mà anh ta biết chắc, đó là không có người nào vô tình bật một trong số các bình nước nóng ở tầng trệt cả. Toàn bộ nhân viên đều biết rằng không nên động đến chúng. Và lại, những cái bình cũ kỹ ấy được cất giấu đằng sau các cửa trập bằng thạch cao, và lũ trẻ không thể với đến đó được. Anh ta vẫn còn nhớ rất rõ những gì Édith Croquevieille nói vào hôm trước ngày đón những khách nghỉ hè đầu tiên trong số những vị khách sẽ thay nhau trú tại lâu đài trong suốt hai tháng hè: “Bây giờ đang là mùa hè, các khách trọ có thể rửa mặt bằng nước lạnh, và tắm nước nóng trong phòng tắm chung vừa mới xây.”

Swan Letellier vẫn nhớ rõ bởi vì anh ta chịu trách nhiệm nấu bếp và phân phát đồ ăn. Lãnh địa của anh ta là đồng chảo rán và phòng ăn tập thể. Anh ta chẳng liên quan gì đến các phòng tắm trong lâu đài cả.

Rồi anh ta im bật. Anh ta uống vài ngụm cà phê, ánh mắt bắn khoăn, trong đầu thầm nhắc đi nhắc lại những điều Philippe vừa nói. Anh ta có nên tin vào phiên bản phi lý này không? Fontanel lẽ nào đã phóng hỏa nhà bếp? Lũ trẻ có lẽ đã hít phải khí độc chẳng? Letellier vẫy tay ra hiệu cho nhân viên phục vụ để gọi thêm một cốc cà phê espresso. Anh ta rõ ràng là khách quen của quán này. Mọi người xung hô thân mật với anh ta.

Khi Letellier biết chuyện Geneviève Magnan tự sát, anh ta không thấy ngạc nhiên. Kể từ đêm hôm đó, cô ta chỉ còn là cái bóng của chính mình. Chỉ cần nhìn vào tình trạng của cô ta ở phiên tòa. Lần cuối cùng anh ta nói chuyện với Geneviève, đó là cái ngày người phụ nữ kia đến chờ Letellier ở cửa nhà hàng nơi anh ta làm việc. Anh ta đã hốt hoảng gọi cho Geneviève để nói rằng chị ta đã đến hỏi anh ta vài câu. Philippe nghe thấy mình hỏi một câu đột ngột:

– Người phụ nữ nào?

– Vợ anh.

– Có lẽ anh nhầm cô ấy với người nào khác rồi.

– Tôi không nghĩ thế đâu. Chị ta nói với tôi: “Tôi là mẹ của Léonine Toussaint.”

– Cô ấy trông thế nào?

– Hôm ấy trời tối, tôi không nhớ rõ lắm. Chị ta ngồi chờ tôi ở đằng trước nhà hàng, trên một băng ghế. Anh không biết chuyện sao?

– Khi nào vậy?

– Khoảng hai năm trước.

Philippe đã nghe đủ rồi. Hoặc nói đủ rồi. Anh đến đây để đặt câu hỏi, chứ không phải để người ta hỏi han anh. Anh vừa đứng dậy vừa làm bầm tạm biệt, và Letellier nhìn anh bỏ đi mà không hiểu gì. Khi quay người, Philippe tưởng như vừa nhìn thấy Violette trên vỉa hè, đằng sau ô kính. *Mình phát điên rồi.* Anh về thẳng Brancion.

Lần đầu tiên, anh thấy ngôi nhà ở nghĩa trang vắng lặng. Lần đầu tiên, anh đi một vòng trong các lối đi, để tìm cô, nhưng vô ích.

Violette thực sự là ai? Cô làm gì những khi anh bỏ đi suốt nhiều ngày liền? Cô gặp ai? Cô tìm kiếm điều gì?

Violette về nhà sau anh hai giờ đồng hồ. Mặt cô tái nhợt khi cô đẩy cửa bước vào nhà. Cô nhìn anh chăm chăm vài giây, như thể ngạc nhiên khi phát hiện ra một người lạ trong bếp nhà mình. Thế rồi, cô đưa cho anh một mảnh giấy: “Léonine đã bị chết ngạt phải không?”

Trên mảnh giấy cũ sòn, anh nhận ra nét chữ của chính mình, những cái tên viết nguệch ngoạc trên mặt sau một tờ giấy trái bàn, gần như đã mờ hết. Mực đã nhòe ra, khiến chúng gần như không còn đọc được nữa.

Câu hỏi của Violette tác động đến anh chẳng khác nào một cú sốc điện. Anh tìm kiếm một lời nói dối nhưng không tìm thấy, anh áp ứng như thể Violette vừa bắt quả tang anh trong vòng tay một cô ả tình nhân:

– Anh không biết, có lẽ thế, anh đang tìm kiếm... Anh không chắc là mình biết, là mình muốn biết, anh hơi hoang mang.

Cô lại gần anh và vuốt ve khuôn mặt anh với sự dịu dàng vô hạn. Rồi cô lên phòng đi ngủ mà không nói lời nào. Cũng không dọn bàn, không nấu bữa tối. Khi anh nằm xuống bên cạnh cô, cô nắm lấy bàn tay anh và hỏi lại vẫn câu hỏi đó: “Léonine đã bị chết ngạt phải không?” Nếu anh im lặng, có

lẽ cô sẽ hỏi câu ấy mãi mãi.

Thế nên Philippe kể với cô mọi chuyện. Mọi chuyện ngoại trừ quan hệ của anh với Geneviève Magnan. Anh kể về cuộc trò chuyện của anh với Alain Fontanel, trong đó có cuộc trò chuyện đầu tiên, khi anh đập vỡ mặt anh ta trong căng tin bệnh viện nơi anh ta làm việc, cuộc trò chuyện với Lucie Lindon trong sảnh chờ một phòng khám, với Édith Croquevieille ở Épinal trong tầng hầm một siêu thị, và với Swan Letellier hôm nay, trong một quán nhỏ ở Mâcon.

Violette lặng lẽ lắng nghe anh, bàn tay cô nắm gọn trong bàn tay anh. Philippe đã nói suốt nhiều giờ liền, trong bóng tối căn phòng ngủ của họ, không nhìn thấy khuôn mặt cô. Anh cảm thấy cô đang rất chăm chú, mắt cô đang dán chặt vào môi anh. Cô không hề cử động. Không hỏi thêm bất cứ câu hỏi nào khác. Cuối cùng, Philippe đã đặt cho cô câu hỏi lúc nào cũng chực chờ trên môi anh:

– Có đúng là em đã đến gặp Letellier không?

Cô trả lời, không hề suy nghĩ:

– Đúng thế. Trước đây, em cần được biết.

– Thế còn bây giờ?

– Bây giờ, em có khu vườn rồi.

– Em có gặp ai khác nữa không?

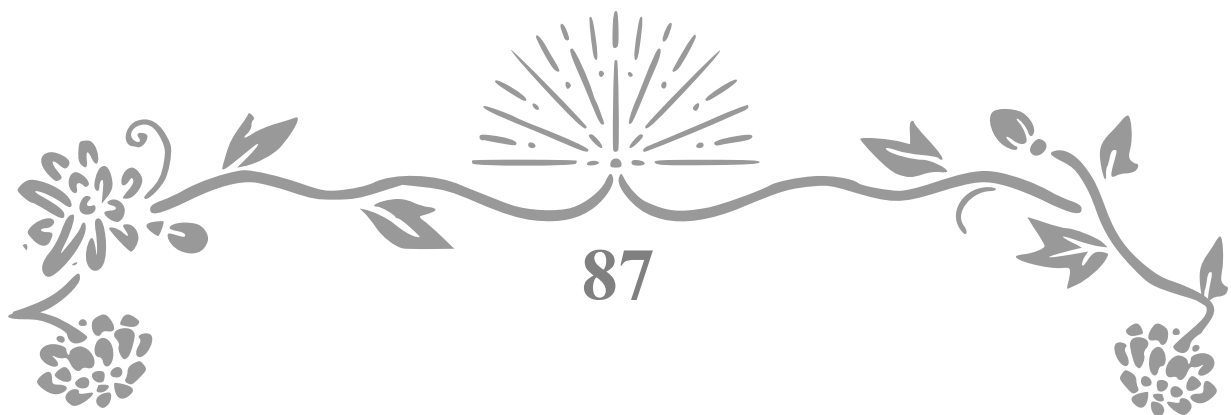
– Geneviève Magnan, một lần. Nhưng chuyện đó thì anh biết rồi.

– Còn ai khác nữa không?

– Không. Chỉ có Geneviève Magnan và Swan Letellier thôi.

– Em thề với anh chứ?

– Vâng.



Không hề hối hận. Không hề tiếc nuối. Đã sống qua một cuộc đời trọn vẹn.

Trích dẫn Jean Jaures.

Đến tận hôm nay, khi xem *Fanny*, *Marius* hoặc *César* trên ti vi, nước mắt tôi vẫn trào ra ngay khi tôi nghe thấy những câu đối đáp đầu tiên, mặc dù tôi đã thuộc lòng. Đó là những giọt nước mắt của tuổi ấu thơ, của niềm vui và lòng ngưỡng mộ hòa trộn với nhau. Tôi thích màu đen và trắng trên khuôn mặt của Raimu, Pierre Fresnay và Orane Demazis. Tôi thích từng cử chỉ, từng ánh mắt của họ. Người cha, người con trai, cô gái trẻ và tình yêu. Tôi những muốn có một người cha nhìn tôi giống như César nhìn con trai ông, Marius. Tôi những muốn có một mối tình thuở thanh xuân giống như mối tình của Fanny và Marius.

Lần đầu tiên xem *Marius*, tập đầu tiên trong bộ ba bi kịch Mazseille đó, có lẽ tôi chừng mười tuổi. Tôi đang ở một mình trong gia đình đón nhận. Trong ký ức của tôi, hình như những đứa trẻ khác đã đi nghỉ hoặc đi thăm họ hàng. Khi đó là mùa hè, ngày hôm sau tôi không phải đi học. Gia đình đón nhận tôi có bạn đến chơi, họ tổ chức tiệc nướng trong vườn. Họ cho phép tôi rời khỏi bàn ăn. Khi vào đến phòng ăn, tôi thấy ngay chiếc ti vi

màn hình lớn đang bật. Và chính ở đó, tôi đã phát hiện ra bộ phim đen trắng ấy. Bộ phim đã bắt đầu được chừng nửa giờ. Fanny đang khóc trên tấm khăn trải bàn ăn kẻ ca rô, trước mặt bà mẹ đang cắt bánh mì. Lời thoại đầu tiên mà tôi nghe thấy là:

“Thôi nào, thôi thôi, đồ ngốc nghếch, ăn xúp đi, và nhất là đừng có khóc vào đó, nó đã mặn lắm rồi.”

Tôi lập tức bị thu hút bởi các khuôn mặt và lời thoại, sự hài hước và dịu dàng. Không thể nào dứt ra được. Tôi đó, tôi ngủ rất muộn, bởi vì tôi đã xem hết cả ba tập.

Tôi còn thích sự giản dị phổ quát và phức tạp trong tình cảm của họ. Tôi thích những lời họ nói ra, thật đẹp đẽ, thật chuẩn xác. Thứ nhạc tính trong âm giọng của họ.

Tôi tin rằng tôi đã yêu thích Marseille và người Marseille trước khi gặp họ, giống như một dự cảm, một giấc mơ tiên tri. Về đẹp ở trạng thái thô mộc ấy, tôi cảm nhận được nó mỗi lần quay lại Sormiou, khi tôi đi xuống con đường nhỏ gập ghềnh dẫn tới vùng biển xanh mênh mông. Tôi thấu hiểu Marcel Pagnol, tôi hiểu rằng các nhân vật trong bộ ba tác phẩm của ông xuất phát từ đó. Từ những vách núi dựng đứng kia, bạc trắng bởi ánh mặt trời, bởi cái nóng bỏng, từ những làn nước xanh màu lam ngọc và trong veo đang chơi trò ú tim với khoảng trời thanh khiết, từ những tán thông lộng mà thiên nhiên đã trồng ra không chút điệu đà. Khung cảnh đó không có gì là kiêu cách, nó giản dị và uy nghi. Nó chỉ hiển hiện ở đó. Đó là sở thích đối với biển của Marius. Chính ông Panisse đã “chế ra những cánh buồm để gió cuốn con của những người khác theo”, như lời César nói.

Khi tôi mở những cánh cửa chớp màu đỏ của căn nhà gỗ cùng với Célia, khi tôi gặp lại chiếc tủ cũ kỹ trong phòng bếp, chiếc bàn bằng gỗ mộc

cùng những chiếc ghế màu vàng và khay đựng bát đĩa treo bên trên chậu rửa, những bó oải hương nhỏ đã khô, lớp gạch lát sàn chắp vá và lớp phủ tường màu xanh da trời, tôi thoáng nghĩ đến César khi ông ngăn Marius và Fanny hôn nhau vì nàng đã kết hôn với một người đàn ông khác: “Các con, không đâu, đừng làm như thế, Panisse là người trung hậu, đừng biến anh ấy trở thành kẻ nực cười trước các đồ đạc của gia đình anh ấy.”

Chính ông ngoại của Célia là người xây dựng căn nhà gỗ này vào năm 1919. Trước khi qua đời, ông đã bắt chị phải hứa sẽ không bao giờ từ bỏ nó. Bởi vì mái nhà này có giá trị lớn hơn mọi tòa lâu đài trên thế giới.

Đến nay, tôi đã tới nơi này được hai mươi tư năm. Và mỗi mùa hè, Célia lại ghé qua nhà vào hôm trước ngày tôi đến để chất đầy đồ vào tủ lạnh và trải chăn ga sạch. Chị mua cà phê và phin lọc, chanh, cà chua và đào, pho mát cừu, nước giặt và rượu vang Cassis. Cho dù tôi có ra sức van nài chị, nói với chị rằng tôi có thể tự đi chợ, hoặc ít nhất là trả tiền cho chị, chị vẫn không muốn nghe gì hết, và lần nào cũng nhắc đi nhắc lại với tôi: “Em đã đón chị vào nhà em mặc dù không biết chị là ai.” Tôi đã thử để lại một phong bì tiền trong một ngăn kéo. Một tuần sau, Célia gửi trả tôi qua đường bưu điện.

Khi các cửa chớp đã mở, khi quần áo tôi đã được xếp gọn trong tủ, tôi gặp lại vài ngư dân sinh ra ở đây, họ sống suốt cả năm ở phía dưới, trong vũng bờ đá. Họ nói với tôi về vùng biển mỗi ngày một ít cá, giống như những con người ở đây mỗi ngày lại để mất một chút âm sắc trong giọng nói của mình. Họ tặng cho tôi những con nhím biển, những con mực nhỏ và những món ngọt tráng miệng do vợ hoặc mẹ của họ tự tay làm.

Vừa rồi, Célia đứng ở đầu sân ga. Đoàn tàu đến trễ một giờ, người chị thơm mùi cà phê mà chị đã uống trong lúc chờ tôi. Một năm nay tôi không

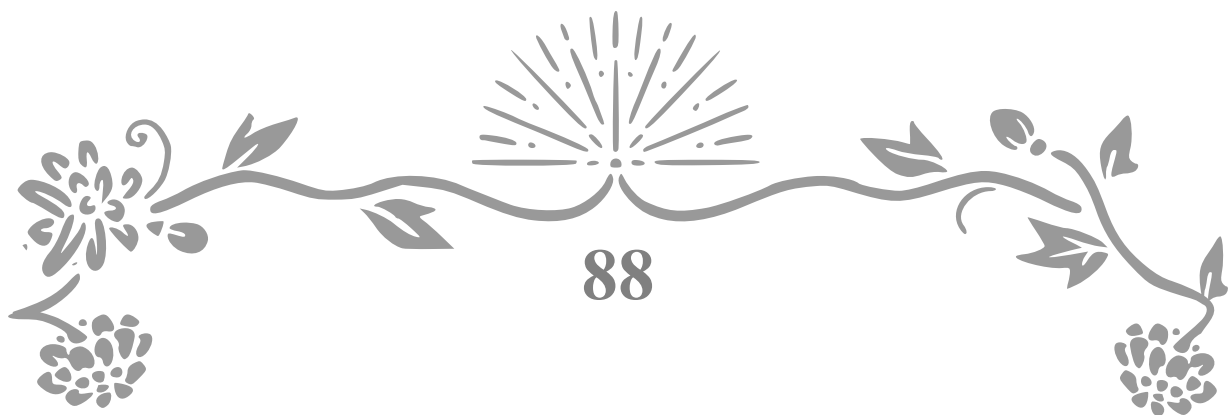
gặp chị. Chúng tôi choàng tay ôm siết lấy nhau.

Chị hỏi tôi:

– Thế nào, Violette, có gì mới không?

– Philippe Toussaint chết rồi. Và sau đó, Françoise Pelletier đến gặp em.

– Ai thế?



Từ nơi tôi đang sống, tôi mỉm cười bởi vì cuộc đời tôi rất đẹp, và nhất là, tôi đã yêu.

Philippe Toussaint không bao giờ trở lại còn Sasha thì ở lại nhà bà Bréant.

Trước khi biết chuyện, vào cái ngày tôi mở chiếc va li màu xanh da trời đựng đầy quà, tôi đã nói với Sasha rằng người đàn ông tôi sống chung mà không thực sự chia sẻ cuộc đời mình có lẽ còn tốt đẹp hơn nhiều so với những gì anh từng thể hiện ra.

Trước khi biết chuyện, tôi đã nói với Sasha rằng người đàn ông mà tôi cho là ích kỷ, mà tôi không lắng nghe cũng không nhìn đến nữa, người đã bỏ rơi tôi, người đã nhấn chìm tôi trong nỗi cô đơn sâu thẳm, đã hiện ra trước mắt tôi dưới một luồng ánh sáng khác, khi tôi nhìn thấy anh trong cái quán nhỏ ở Mâcon, cùng với Swan Letellier.

Trước khi biết chuyện, tôi đã nói với Sasha rằng tối đó, khi từ Mâcon trở về, Philippe Toussaint đã kể với tôi rằng anh đang tìm kiếm sự thật liên quan đến diễn biến các sự kiện. Rằng anh đã hỏi han, đôi khi còn quấy rối, những người làm ở lâu đài. Ở phiên tòa, anh đã không tin người nào. Ngoại trừ Éloïse Peti – Cô ta thì anh chưa tìm được.

Chồng tôi đã kể cho tôi nghe về Alain Fontanel và những người khác. Tôi đã nắm lấy bàn tay anh vì sợ ngã, trong khi chúng tôi đang nằm bên cạnh nhau, trên giường. Tôi hình dung ra lời lẽ và khuôn mặt của những người từng nhìn thấy con gái tôi lần cuối, khi con bé còn sống. Những người đã không biết chăm lo cho con bé, cho nụ cười của con bé. Những người đã thể hiện rằng họ là kẻ bất cần.

Các bé gái ở lại một mình trong khi cô nhân viên phụ trách và người nấu bếp ở tầng trên, vừa gian dâm vừa hút cỏ với nhau. Geneviève Magnan rời đi, bỏ lại lũ trẻ không có ai giám sát. Bà giám đốc thuộc loại người giấu rác dưới thảm, chỉ nhằm nhằm thu tiền của các ông bố bà mẹ.

Để không gục ngã khi anh nhắc lại với tôi những lời nói của Fontanel, chuyện về chiếc bình nước nóng bị hỏng, vụ chết ngạt, tôi tập trung vào mùi thơm của loại nước giặt mới mà tôi đã dùng để giặt ga trải giường của chúng tôi hôm trước, gió mậu dịch. Để không gào lên trong giường, tôi hình dung hết lần này đến lần khác những hình vẽ trên cái thùng nước giặt ấy, những bông hoa dành dành màu hồng và trắng. Những bông hoa ấy nhắc tôi nhớ đến những hình thêu trên váy của Léonine. Những chiếc váy của con bé giống như những tấm thảm bay tưởng tượng mà tôi ngồi lên khi hiện thực trở nên quá sức chịu đựng. Suốt đêm, tôi hít hà mùi ga giường sạch sẽ trong lúc nghe Philippe Toussaint nói chuyện với mình, gần như là lần đầu tiên.

Trước khi biết chuyện, tôi đã một lần nữa vuốt ve khuôn mặt anh và chúng tôi đã làm tình giống như chúng tôi vẫn làm khi còn trẻ, khi bố mẹ anh đến nhà chúng tôi mà không báo trước. Trước khi biết chuyện. Trước khi biết rằng anh ta đã ngủ với Geneviève Magnan khi chúng tôi còn sinh sống ở Malgrange-sur-Nancy, tôi đã tin anh ta, gần như là lần đầu tiên.

Philippe Toussaint đã không bao giờ trở lại, còn Sasha thì ở lại nhà bà Bréant.

Sau một tháng anh ta vắng mặt, vào năm 1998, tôi đến trụ sở cảnh sát để trình báo chồng tôi mất tích. Tôi đến đó theo lời khuyên của ông thị trưởng. Nếu ông không khuyên, có lẽ tôi sẽ chẳng chịu di chuyển. Viên cảnh sát đón tiếp tôi có vẻ mặt rất kỳ lạ. Tại sao chị lại chờ lâu đến thế rồi mới đi thông báo chồng mất tích?

– Bởi vì anh ấy thường xuyên đi vắng.

Anh ta dẫn tôi vào một văn phòng giáp với phòng tiếp đón, để điền thông tin vào một mẫu văn bản, rồi mời tôi một cốc cà phê mà tôi không dám từ chối.

Tôi mô tả đặc điểm nhận dạng của Philippe Toussaint. Viên sĩ quan cảnh sát yêu cầu tôi quay lại, mang theo một bức ảnh. Chúng tôi không chụp ảnh kể từ khi đến nghĩa trang. Bức ảnh cuối cùng được chụp ở Malgrange-sur-Nancy, trong đó anh ta choàng tay quanh eo tôi để nhoen cười với phóng viên.

Viên cảnh sát yêu cầu tôi cho biết nhãn hiệu xe mô tô của Philippe, những quần áo mà anh ta mặc vào lần cuối cùng tôi nhìn thấy anh ta.

– Quần jean, giày đi mô tô bằng da màu đen, áo bomber đen và áo len dài tay cổ lọ màu đỏ.

– Có dấu hiệu gì đặc biệt không? Có hình xăm không? Có vết bớt nào không? Hoặc nốt ruồi ở những nơi dễ thấy?

– Không.

– Anh ấy có mang theo đồ đạc, giấy tờ quan trọng nào cho phép giả

định là anh ấy sẽ vắng mặt dài ngày không?

– Máy chơi điện tử của anh ấy và ảnh của con gái chúng tôi vẫn để ở nhà.

– Thái độ hoặc các thói quen của anh ấy có thay đổi gì trong những tuần trước đó không?

– Không.

Tôi không nói với viên sĩ quan cảnh sát rằng lần cuối cùng tôi gặp Philippe Toussaint, anh ta đang chuẩn bị đến nơi làm việc của Éloïse Petit ở Valence. Anh ta đã tìm ra dấu vết của cô ta, cô ta làm nhân viên dẫn chỗ trong một rạp chiếu phim ở đó. Philippe đã gọi điện thoại từ nhà chúng tôi cho cô ta, cô ta đã hẹn gặp anh ta vào thứ Năm tuần sau đó, lúc 14 giờ, trước cửa rạp chiếu phim.

Ngày hôm đó, vào buổi chiều, Éloïse Petit có gọi đến. Hẳn là cô ta đã tìm lại được số điện thoại mà Philippe Toussaint dùng để liên hệ với cô ta. Khi nhắc máy, tôi cứ tưởng là tòa thị chính, bộ phận báo tử. Vào giờ đó, họ thường gọi đến để cung cấp thông tin cho tôi, hoặc yêu cầu tôi cung cấp thông tin về một lễ an táng đã tổ chức xong hoặc sắp diễn ra, về một cái họ, một cái tên, một ngày sinh, một hàm mộ, một lối đi. Khi Éloïse Petit tự giới thiệu, giọng cô ta run rẩy. Tôi không hiểu ra ngay cô ta muốn nói gì. Rốt cuộc, khi tôi biết được cô ta là ai, ý nghĩa cuộc gọi của cô ta, thì hai bàn tay tôi trở nên nhóp nhép, cổ họng tôi se lại.

– Có vấn đề gì không?

– Vấn đề ư? Anh Toussaint không có ở đây, chúng tôi hẹn gặp nhau lúc 14 giờ, tôi chờ anh ta trước cửa rạp chiếu phim suốt hai giờ đồng hồ rồi.

Bất kỳ ai cũng sẽ hình dung ra một vụ tai nạn, cũng sẽ gọi đến tất cả các bệnh viện trong khu vực từ Mâcon đến Valence, bất kỳ ai cũng sẽ nói

với Éloïse Petit: “Cô đã ở đâu trong cái đêm phòng ngủ số 1 bốc cháy? Lúc đó cô đang ngủ ngon lành ngay bên cạnh phải không?” Nhưng tôi đã trả lời cô ta rằng không có gì phải tìm hiểu cả, Philippe Toussaint đã và sẽ luôn hành xử khó lường như thế.

Đầu dây đăng kia im lặng hồi lâu, rồi Éloïse Petit gác máy.

Tôi đã không nói với viên cảnh sát rằng bảy ngày sau vụ “bốc hơi” của Philippe Toussaint, bảy ngày sau cuộc hẹn gặp với Éloïse Petit, cuộc gặp mà anh ta không đến, một phụ nữ trẻ đã đến tưởng niệm trước ngôi mộ của bọn trẻ, ngôi mộ của con tôi. Và rằng, trong cơn choáng váng, cũng giống như rất nhiều khách viếng nghĩa trang khác, cô ta đã đến mua hoa và uống thứ gì đó nóng ấm ở nhà tôi. Khi nhìn thấy người phụ nữ trẻ đó đằng sau cánh cửa nhà, tôi đã lập tức nhận ra cô ta: Lucie Lindon. Trên bức ảnh mà tôi còn giữ, cô ta trẻ hơn, hồng hào và tươi tắn. Trong bếp nhà tôi, cô ta nhợt nhạt, mắt thâm quầng.

Tôi đã pha trà cho cô ta, rồi rót thêm vào ấm trà những giọt rượu – thật ngược đời, vì tôi những muốn cho vào đó bả chuột. Tôi mời cô ta uống một cốc trà và một ly rượu nhỏ, hai ly rượu nhỏ, rồi ba. Và đúng như tôi hy vọng, cuối cùng cô ta cũng dốc bầu tâm sự.

Trong lòng bàn tay trái của tôi vẫn còn hằn những dấu móng tay. Những dấu móng tay do tôi đã bấm vào trong lúc Lucie Lindon nói chuyện. Những đường chỉ tay của tôi phủ đầy sẹo kể từ ngày hôm ấy. Tôi còn nhớ lớp máu khô lại trong lòng bàn tay, nắm tay tôi siết chặt để cô ta không nhìn thấy, để cô ta không bao giờ biết.

Lucie Lindon kể với tôi rằng cô ta từng làm nhân viên ở lâu đài Notre-Dame-des-Prés.

– Chị biết đấy, cái trại hè nơi mọi thứ đã bị thiêu rụi cách đây năm

năm, bốn đứa trẻ được chôn cất ở đây. Kể từ sau thảm kịch ấy, tôi không ngủ nổi nữa, tôi vẫn như nhìn thấy ngọn lửa, kể từ sau thảm kịch ấy, lúc nào tôi cũng thấy lạnh.

Cô ta tiếp tục nói. Còn tôi, tôi tiếp tục rót rượu cho cô ta. Bàn tay trái siết chặt, móng tay đâm sâu vào da thịt, tôi đã quá đau đớn nên không còn cảm thấy cái đau thể xác. Sau khi độc thoại, cuối cùng cô ta cũng thốt ra rằng “chị Geneviève Magnan tội nghiệp” có quan hệ với bố của cô bé Léonine Toussaint.

– Có quan hệ ư?

Tôi cảm thấy như có vị sắt trong miệng. Vị máu. Như thể tôi vừa uống thép lỏng. Nhưng tôi vẫn nhắc lại được câu hỏi: “Có quan hệ ư?”

Đó là những lời cuối cùng mà tôi thốt ra trước mặt Lucie Lindon. Sau đó, tôi im bật. Sau đó, cô ta đứng dậy rời đi. Cô ta nhìn tôi chăm chăm. Rồi khoát cánh tay, cô ta lau những dòng nước mắt chảy rùng rùng từ mắt, từ mũi và từ miệng cô ta. Cô ta khịt mũi âm ỉ, và tôi những muốn nện cho cô ta một trận.

– Đúng thế, với bố của cô bé Léonine Toussaint. Chuyện đó xảy ra một hoặc hai năm trước thảm kịch. Khi Geneviève còn làm việc ở một trường học... Ở mạn Nancy, tôi nghĩ thế.

Tôi đã không nói với viên cảnh sát rằng tôi đã thét gào đầy thù hận và đau đớn trong vòng tay của Sasha, khi tôi hiểu rằng chính Magnan đã sát hại bốn đứa trẻ để trả thù anh ta, trả thù chúng tôi, trả thù con gái chúng tôi. Tôi đã không nói với viên cảnh sát rằng Philippe Toussaint đã hỏi han những người làm ở lâu đài nơi con gái chúng tôi bị chết. Và anh ta làm việc đó sau phiên tòa, bởi vì anh ta không còn tin ai hết. Và anh ta có lý do để làm thế. Hẳn là anh ta đã tìm mọi cách để giải thoát cho chính mình. Anh ta

không tìm kiếm thủ phạm, mà tìm kiếm bằng chứng vô tội của mình.

Cuối cùng, viên cảnh sát hỏi tôi liệu Philippe Toussaint có thể có nhân tình không.

– Nhiều lắm.

– Nhiều là sao?

– Chồng tôi vẫn luôn có rất nhiều nhân tình.

Một khoảng lặng ngại ngùng. Viên cảnh sát ngần ngừ rồi viết trong tờ khai rằng Philippe Toussaint là người lãng nhãng. Anh ta hơi đỏ mặt, và rót thêm cà phê vào cốc cho tôi. Anh ta sẽ gọi cho tôi nếu có tin tức gì mới. Sẽ cho đăng thông báo tìm kiếm. Tôi không gặp lại viên cảnh sát đó cho đến ngày anh ta làm lễ an táng cho bà mẹ, Josette Leduc, họ thời con gái là Berthomier (1935-2007). Nhìn thấy tôi, anh ta mỉm một nụ cười buồn bã.

Khi biết được rằng Philippe Toussaint đã từng có quan hệ với Geneviève Magnan, tôi đã mất Léonine lần thứ hai. Bố mẹ anh ta tước đoạt con bé từ tay tôi là do vô tình, còn con trai họ tước đoạt con bé từ tay tôi là có chủ đích. Vụ tai nạn đã trở thành vụ án mạng.

Tôi đã hành hạ ký ức của bản thân, tìm kiếm đến hàng nghìn lần những buổi sáng tôi đưa con gái đến trường, những buổi chiều khi tôi đến đón con bé, tôi đã làm tất cả để nhớ lại hình ảnh cô ả nhân viên phục vụ đó ở cuối lớp, trong một hành lang, đứng trước những giá treo áo khoác, trong sân chơi, dưới mái che, một từ ngữ, một câu nói mà có thể cô ta đã nói với tôi. Dù chỉ là một câu “Xin chào” hoặc “Tạm biệt, hẹn mai gặp lại”, “Trời đẹp quá”, “Hãy cho bé mặc ấm để bé khỏi lạnh”, “Hôm nay tôi thấy bé bị

mệt”, “Bé đã quên vở sinh hoạt lớp, cuốn vở có bìa màu xanh da trời”. Trong bữa tiệc của trường, giữa những bài hát và những cuộn giấy ông xoắn, những câu chuyện mà Geneviève Magnan đã có thể nói với chồng tôi. Những ánh mắt, một nụ cười, một cử chỉ. Một sự đồng lõa âm thầm, sự đồng lõa của một cặp tình nhân.

Tôi tìm hiểu xem họ gặp nhau khi nào, trong bao lâu, tại sao chị ta lại trả thù bọn trẻ, Philippe Toussaint đã đối xử với chị ta thế nào để khiến chị ta phải làm một việc như thế. Tôi tìm hiểu đến mức muốn phát điên. Nhưng tôi chẳng tìm thấy gì hết. Chẳng khác nào một khoảng mất trí của chính tôi.

Tôi đã thoáng thấy chị ta, chứ không hẳn là nhìn thấy, chị ta nằm trong số những đồ đạc ở trường nơi ngăn kéo khóa kín trước mặt tôi. Không thêm nhớ đến cô, Violette ạ. Sau khi biết chuyện, cái sự việc không thể chấp nhận ấy, Sasha thay thế tôi trong công việc hằng ngày ở nghĩa trang, bởi vì tôi lại trở thành một kẻ vô tích sự. Chỉ tồn tại như thế, ngồi hoặc nằm, chờ đợi, tìm kiếm.

Nếu ông không quay trở lại vào thời điểm đó trong đời tôi cùng với chiếc va li màu xanh và những món quà, thì có lẽ lần ấy, Philippe Toussaint đã lấy được mạng tôi. Sasha lại một lần nữa chăm sóc tôi. Không phải để dạy tôi trồng cây, mà để chống lại cái mùa đông vừa ập xuống đời tôi. Ông mát xa chân và lưng cho tôi, ông hâm nóng trà, nước chanh và xúp cho tôi. Ông nấu pasta và cho tôi uống rượu vang. Ông đọc sách cho tôi nghe, và tiếp quản việc làm vườn từ phần tôi đang làm dở. Ông bán hoa, tưới hoa và đồng hành với những gia đình có người thân qua đời. Ông nói với bà Bréant rằng ông sẽ ở lại nhà bà trong một khoảng thời gian không xác định.

Hằng ngày, ông ép tôi tỉnh dậy, tắm rửa, mặc quần áo. Rồi ông để tôi ngủ lại. Ông mang lên cho tôi những khay đồ ăn rồi ép tôi phải nuốt, vừa ép

vừa cần nhần: “Cháu xem cháu bắt bác nghỉ hưu thế này đây.” Ông bật nhạc trong bếp và để mở cánh cửa hành lang để tôi có thể nghe thấy tiếng nhạc từ trong giường.

Thế rồi, cũng giống như lũ mèo trong nghĩa trang, mặt trời đã vào tận phòng tôi, vào tận bên dưới lớp chăn. Tôi kéo rèm, rồi mở cửa sổ. Tôi trở xuống bếp, tôi đun nước pha trà và mở cửa phòng cho thông gió. Cuối cùng, tôi cũng trở lại với khu vườn. Cuối cùng, tôi cũng thay nước cho những bình hoa. Tôi lại tiếp đón các gia đình, mang cho họ thứ gì đó ấm nóng hoặc nồng độ mạnh để uống. Tôi ra sức lái nhai: “Bác có ý thức được chuyện đó không, bác Sasha? Philippe Toussaint ngủ với Geneviève Magnan!” Suốt cả ngày tôi chỉ nhai đi nhai lại với ông một chuyện: “Thậm chí cháu còn chẳng thể tố cáo chị ta, chị ta chết rồi, bác có hiểu chuyện đó không, bác Sasha? Chị ta chết rồi!”

– Violette này, cháu không nên tìm hiểu lý do nữa, nếu không cháu sẽ đánh mất chính bản thân mình đấy.

Sasha khuyên giải tôi:

– Không phải vì họ quen biết nhau mà chị ta trả thù lũ trẻ đâu. Chắc hẳn đó là một sự trùng hợp tai hại, một tai nạn. Thật đấy. Chỉ là một tai nạn thôi.

Mặc cho tôi nhắc đi nhắc lại, Sasha đã thuyết phục được tôi. Nếu Philippe Toussaint gieo mầm ác, thì Sasha lại chỉ gieo mầm thiện.

– Violette này, dây thường xuân sẽ bóp nghẹt các cây trồng khác, nên đừng bao giờ quên tía nó. Đừng bao giờ. Ngay khi suy nghĩ kéo cháu vào vùng bóng tối, hãy cầm kéo cắt cây lên và tía dây thường xuân.

Philippe Toussaint mất tích vào tháng Sáu năm 1998.

Sasha rời khỏi Brancion-en-Chalon vào ngày 19 tháng Ba năm 1999.

Ông ra đi khi đã chắc chắn rằng tôi chấp nhận thảm kịch kia là một tai nạn chứ không phải là do chủ ý.

– Violette này, với niềm tin ấy trong lòng, cháu sẽ có thể tiến bước được.

Tôi hình dung rằng ông ra đi vào đầu mùa xuân để chắc chắn rằng tôi sẽ có cả mùa hè để hồi phục sau khi ông vắng mặt. Rằng hoa sẽ đơm bông.

Ông thường nói đến chuyến đi cuối cùng của mình. Nhưng ngay khi nhắc đến nó, ông cảm thấy rằng tôi còn chưa sẵn sàng để ông ra đi. Ông muốn bắt chuyến bay đến Bombay và xuôi xuống miền Nam Ấn Độ, đến Amritapuri ở Kerala. Ông muốn ở lại đó giống như ở nhà bà Bréant, trong một thời gian không xác định. Sasha thường nói:

– Đi đến tận cái chết của bác ở vùng Kerala, bên cạnh Sany, là một giấc mơ từ lâu lắm rồi. Dù sao đi nữa, ở tuổi bác thì chẳng còn giấc mơ nào là mới nữa. Chúng đều đã có tuổi cả rồi.

Sasha không muốn được chôn cất bên cạnh Verena và các con. Ông muốn thân xác ông được thiêu hủy trên một giàn thiêu, ở đó, bên sông Hằng.

– Bác bảy mươi tuổi rồi. Bác còn vài năm nữa. Bác sẽ xem bác có thể làm gì với đất đai của họ. Xem bác sẽ làm thế nào để có thể truyền đạt lại những kiến thức ít ỏi mà bác biết được về các loại cây trồng. Với lại, bác sẽ có thể tiếp tục xoa dịu những nỗi đau. Những dự định ấy khiến bác rất thích thú.

– Bác sẽ trao tặng khiếu làm vườn của bác cho những người Ấn Độ sao?

– Cho người nào muốn tiếp nhận nó, đúng thế.

Một buổi tối, hai chúng tôi cùng ăn tối và nói chuyện về John Irving, về *Tạo tác của Chúa, một phần của Quỷ*. Tôi nói với Sasha rằng với tôi, ông chính là hiện thân của bác sĩ Larch, người cha thay thế của tôi. Và ông trả lời tôi rằng một ngày gần đây, ông sẽ phải buông tay tôi, ông cảm thấy tôi đã sẵn sàng. Rằng ngay cả những người cha thay thế cũng phải để cho con họ ra đi. Rằng một buổi sáng, ông sẽ không quay lại nhà để mang cho tôi bánh mì mới nướng và tờ *Nhật báo Saône-et-Loire* nữa.

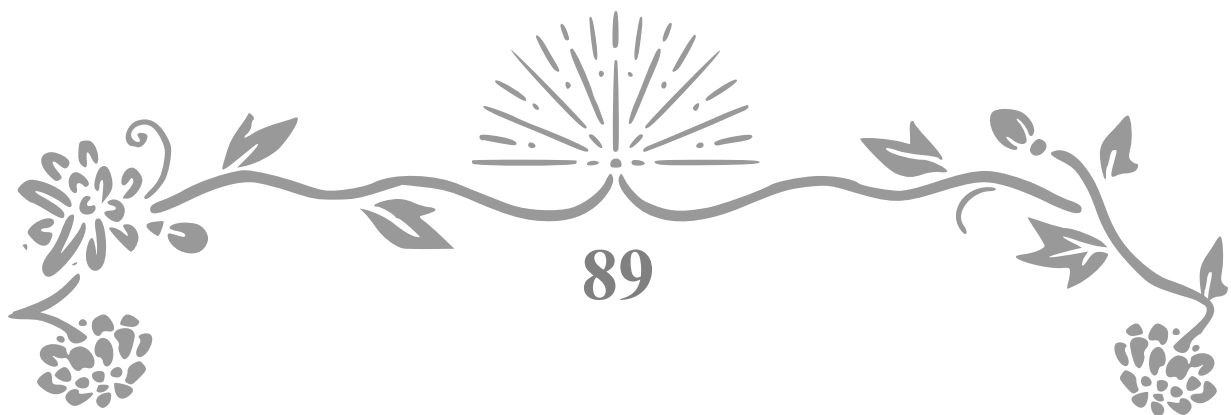
– Dù sao bác cũng không ra đi mà không nói lời tạm biệt cháu đây chứ!?

– Nếu bác nói lời tạm biệt với cháu, Violette ạ, bác sẽ không ra đi được. Cháu thử hình dung cảnh tượng bác cháu mình choàng tay ôm siết nhau trên một sân ga xem? Tại sao lại phải tạo ra hoàn cảnh không thể chịu đựng nổi ấy? Cháu không nghĩ rằng chúng ta đã trao tặng đủ cho nỗi buồn đau rồi sao? Chỗ của bác không còn là ở đây nữa. Cháu còn trẻ mà trời thì đẹp, bác muốn cháu làm lại cuộc đời. Kể từ ngày mai, ngày nào bác cũng sẽ nói lời tạm biệt với cháu.

Ông đã giữ lời hứa. Ngay từ ngày hôm sau, mỗi tối, trước khi quay lại nhà bà Bréant, ông lại ôm siết tôi trong vòng tay và nói: “Tạm biệt Violette, hãy tự chăm sóc bản thân, bác yêu cháu” như thể đó là lần cuối cùng. Thế rồi hôm sau ông lại quay trở lại. Ông đặt chiếc bánh mì dài và tờ báo trên bàn của tôi, giữa những hộp trà và những cuốn tạp chí về hoa, về cây và vườn tược. Rồi ông trò chuyện với anh em nhà Lucchini, với Nono và những người khác. Ông bước trong các lối đi cùng Elvis để thăm lũ mèo. Hướng dẫn những khách viếng nghĩa trang đang tìm một lối đi hoặc một cái tên. Nhỏ cò giúp Gaston một tay. Và buổi tối, sau khi kết thúc bữa tối cùng tôi, ông lại ôm siết tôi trong vòng tay và nói: “Tạm biệt Violette, hãy tự

chăm sóc bản thân, bác yêu cháu” như thể đó là lần cuối cùng.

Những lời tạm biệt của ông kéo dài suốt mùa đông. Và sáng ngày 19 tháng Ba năm 1999, ông không quay trở lại nữa. Tôi đến gõ cửa nhà bà Bréant, Sasha đã ra đi. Ông đã chuẩn bị hành lý từ nhiều ngày, và tối ngày hôm trước, khi trở về, ông đã quyết định sẽ thực hiện giấc mơ xưa cũ của mình, giấc mơ nhiều tuổi nhất.



Chúng tôi đã sống cùng nhau trong hạnh phúc. Chúng tôi yên nghỉ cùng nhau trong yên bình.

NHẬT KÝ CỦA IRÈNE FAYOLLE

Ngày 13 tháng Hai năm 2009

Nhân viên bán hàng trước đây của tôi vừa gọi điện thoại: “Bà Fayolle ơi, trên tivi người ta vừa nói rằng ông bạn luật sư của bà đã bị nhồi máu cơ tim tại tòa án sáng nay... Ông ấy chết tại chỗ.”

Tại chỗ. Gabriel đã chết tại chỗ.

Tôi thường nói với ông rằng tôi sẽ chết trước ông. Điều mà hồi ấy tôi không biết, đó là tôi sẽ chết cùng lúc với ông. Nếu Gabriel chết, tôi cũng chết.

Ngày 14 tháng Hai năm 2009

Hôm nay là ngày Thánh Valentine. Gabriel ghét ngày Thánh Valentine.

Khi viết tên ông, Gabriel, Gabriel, Gabriel, trong cuốn nhật ký này, tôi có cảm giác ông đang ở gần tôi. Có thể là vì ông chưa được chôn cất. Chừng nào người quá cố còn chưa được chôn cất, họ vẫn ở gần chúng ta. Khoảng cách mà họ tạo ra giữa chúng ta và bầu trời còn chưa tồn tại.

Lần cuối cùng gặp nhau, chúng tôi đã cãi nhau. Tôi đã yêu cầu ông rời khỏi căn hộ của tôi. Gabriel đi xuống cầu thang, đầy giận dữ, không hề quay đầu lại. Tôi chờ tiếng bước chân ông, tôi chờ ông quay trở lên, nhưng ông không bao giờ quay lại. Thông thường, tối nào ông cũng gọi điện thoại cho tôi, nhưng kể từ sau lần cãi nhau ấy, điện thoại của tôi câm lặng. Bây giờ thì tôi không bao giờ có thể thay đổi dòng chảy sự kiện được nữa.

Ngày 15 tháng Hai năm 2009

Thứ tôi còn lại từ Gabriel, đó là sự tự do mà tôi tận hưởng mỗi ngày, nhờ có ông. Đó là những món quần áo mua ở mũi Antibes vẫn cất dưới đáy một ngăn tủ, một chai Suze vừa mở trong bếp, vài tấm vé tàu, những tấm vé khứ hồi, ba cuốn tiểu thuyết, Tạo tác của Chúa, một phần của Quỳ và Martin Eden của Jack London. Ông cũng đã tặng tôi một ấn bản rất hiếm của Một người đàn bà của Anne Delbée. Gabriel vốn say mê Camille Claudel.

Vài năm trước, tôi đã đến ở cùng ông ba ngày ở Paris. Ngay khi tôi vừa đến nơi, ông đã dẫn tôi đến bảo tàng Rodin. Ông muốn khám phá những tác phẩm của Camille Claudel cùng với tôi. Trong vườn, ông hôn tôi trước Những nhà tư sản Calais.

– Chính Camille Claudel đã điêu khắc bàn tay và bàn chân của họ.

Em hãy xem vẻ đẹp của chúng.

– Ông cũng có đôi bàn tay rất đẹp. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy ông tranh tưng ở tòa án Aix-en-Provence, tôi chỉ nhìn chúng.

Gabriel là như thế: ông ở nơi mà người ta không chờ đợi. Gabriel là một khối đá, ông vững chãi và mạnh mẽ. Một đấng nam nhi không bao giờ chịu đựng được việc một phụ nữ thanh toán hóa đơn hoặc tự rót rượu vang cho mình trước mặt ông. Gabriel chính là hiện thân của nam tính. Ở nơi tôi nghĩ rằng ông sẽ tôn vinh Rodin hơn là Claudel, ở nơi tôi nghĩ rằng ông sẽ quỳ mọp trước Balzac hoặc Người suy tưởng của ông ta, thì ông lại khom mình trước Điệu valse của Camille Claudel.

Trong bảo tàng, ông không hề buông tay tôi. Giống như một đứa trẻ. Tất cả những gì uy nghi mà Rodin đã tạc ra, ông chẳng hề để ý đến.

Trong lúc ngắm nghía Những người đàn bà trò chuyện, tác phẩm điêu khắc nhỏ của Camille Claudel đặt trên một chân đế, ông siết các ngón tay tôi rất chặt. Gabriel cúi người xuống bên họ, ông giữ nguyên tư thế ấy hồi lâu, trong một khoảng thời gian như ngưng đọng. Tưởng như ông đang hít hà họ. Đôi mắt ông sáng lên lấp lánh trước bốn người phụ nữ nhỏ bé bằng mã não màu xanh lá, ra đời đã hơn một thế kỷ nay. Tôi nghe tiếng ông thì thầm: “Họ để sờ tóc”.

Lúc trở ra, ông châm một điếu thuốc và thú nhận với tôi rằng ông đã chờ đến khi có tôi đi cùng để vào bảo tàng này, và ông biết, trước khi vào đây, rằng ông sẽ cần phải nắm bàn tay tôi để khỏi lầy cạp Những người đàn bà trò chuyện. Khi còn là sinh viên, ông đã phải lòng họ khi nhìn thấy một bức ảnh chụp tác phẩm. Ông vẫn luôn khao khát họ, đến mức muốn chiếm hữu họ. Ông biết rằng lần đầu tiên nhìn thấy họ trong phiên bản thực thụ, ông sẽ cần đến một cái tay vịn.

– Không phải vì tôi bào chữa cho những kẻ khốn mà tôi không phải là kẻ khốn. Họ thật tinh tế, thật nhỏ bé, những người đàn bà trò chuyện ấy, tôi biết rất rõ rằng tôi có thể nhét họ vào sau vạt áo choàng rồi bỏ trốn. Em có hình dung được việc sở hữu họ ở nhà mình không? Ngắm nhìn họ mỗi tối trước khi đi ngủ, khám phá họ mỗi sáng trong lúc uống cà phê?

– Ông sống cả đời trong các khách sạn, nên dù sao chuyện đó cũng hơi phức tạp đấy.

Ông phá lên cười.

– Bàn tay em đã ngăn cản tôi phạm một tội lỗi. Lẽ ra tôi nên cho tất cả những kẻ ngu ngốc được tôi bào chữa mượn bàn tay này, hẳn là nó sẽ giúp họ tránh được cả đống những điều ngớ ngẩn.

Buổi tối, chúng tôi ăn tối riêng với nhau ở nhà hàng Jules-Verne trên tháp Eiffel. Gabriel nói với tôi: “Trong ba ngày này, chúng ta sẽ xâu chuỗi những thứ sáo rỗng, trên đời này không có gì tốt đẹp hơn là những thứ sáo rỗng.” Nói xong câu ấy, ông đeo vào cổ tay tôi một chiếc vòng nạm kim cương. Thứ đồ trang sức ánh lên lấp lánh như hàng nghìn vầng mặt trời trên cổ tay trắng trẻo của tôi. Nó lấp lánh đến nỗi ta tưởng như nó là đồ giả. Giống như những thứ hàng mã mà các nữ diễn viên thường đeo trong xê ri phim truyền hình Mỹ.

Ngày hôm sau, ở Sacré-Coeur, tôi đặt một ngọn nến dưới chân Đức Mẹ Đồng Trinh rực rỡ ánh vàng trong lúc ông đeo một chiếc vòng kim cương quanh cổ tôi, rồi hôn lên gáy tôi. Ông ôm vai tôi, kéo tôi áp sát vào người ông và thì thầm vào tai tôi: “Tình yêu của tôi, em giống như một cây thông Giáng sinh.”

Ngày cuối cùng, tại ga Lyon, ngay trước khi tôi lên tàu, ông nắm lấy tay tôi và đeo một chiếc nhẫn vào ngón giữa của tôi.

– Đừng hiểu nhầm ý định của tôi. Tôi biết rằng em không thích đồ trang sức. Tôi tặng chúng cho em không phải để em đeo. Tôi muốn em bán số trang sức này đi, và tự tặng cho mình những chuyến du lịch, một căn nhà gỗ, bất cứ điều gì em muốn. Và đừng bao giờ nói cảm ơn tôi. Như thế tôi sẽ chết mất. Tôi không tặng quà em để em nói cảm ơn tôi. Chỉ là để bảo vệ em nếu có chuyện gì xảy ra với tôi. Tôi sẽ ghé thăm em vào tuần tới. Hãy gọi cho tôi khi em về đến Marseille. Tôi đã thấy nhớ em rồi đây, những lần chia tay này thật khó khăn. Nhưng tôi thích nhớ em. Tôi yêu em.

Tôi đã bán chiếc vòng cổ để mua căn hộ. Chiếc vòng tay và chiếc nhẫn vẫn đang nằm trong một két sắt ở ngân hàng, con trai tôi sẽ thừa kế chúng. Con trai tôi sẽ thừa kế tình yêu lớn của tôi. Đó mới chính là công bằng. Gabriel muốn công bằng.

Gabriel là người đàn ông có tính cách kiên cường. Không ai nên làm trái ý ông. Kể cả tôi. Tuy nhiên, lần cuối cùng gặp ông, tôi đã làm thế. Ông đã công khai tấn công một nữ đồng nghiệp, tất cả các báo đều nói về chuyện đó. Nữ luật sư đó đã bào chữa cho một phụ nữ là nạn nhân của thói bạo dâm ở ông chồng suốt nhiều năm nay, cuối cùng bà ta đã giết chồng. Tôi đã mạo hiểm trách móc Gabriel vì đã tấn công nữ đồng nghiệp của ông.

Lúc ấy, cả hai chúng tôi đang ở trong phòng bếp, chúng tôi vừa yêu nhau xong, ông đang mỉm cười, vẻ mặt nhẹ nhõm, chỉ đơn giản là hạnh phúc. Ngay khi Gabriel bước qua cửa nhà tôi, ông trở nên thư giãn, như thể ông vừa được giải thoát khỏi những chiếc va li quá nặng. Trong lúc uống trà, tôi hỏi ông những câu hỏi chất chứa đầy trách cứ: làm sao ông có thể tấn công một nữ luật sư bảo vệ cho một phụ nữ bị hành hạ? Làm sao ông cứ phải phân biệt trắng đen rõ rệt đến thế? Ông đã trở thành người nào

vậy? Ông tưởng mình là ai? Lý tưởng của ông đâu mất rồi?

Bị tổn thương, Gabriel như nổi điên. Ông bắt đầu gào hét. Rằng tôi chẳng biết gì hết và rằng hồ sơ vụ án đó phức tạp hơn người ta tưởng rất nhiều. Tôi đang dính mũi vào chuyện gì vậy? Tôi hãy uống trà và im miệng đi, điều duy nhất tôi có thể làm là tạo ra những bông hồng khôn khổ mà rốt cuộc tôi sẽ cắt đi, nói cho cùng tôi phá hỏng tất cả.

– Em đã lạc đề rồi, Irène ạ! Em chưa bao giờ đủ khả năng đưa ra bất kỳ quyết định chết tiệt nào, trong suốt cuộc đời khôn kiếp của em!

Cuối cùng, tôi áp hai bàn tay lên tai để không nghe thấy tiếng ông la hét nữa. Tôi yêu cầu ông rời khỏi căn hộ của tôi ngay lập tức. Khi nhìn thấy ông mặc lại quần áo, vẻ mặt nghiêm trọng, tôi đã cảm thấy hối tiếc. Nhưng quá muộn rồi. Cả hai chúng tôi đều quá tự mãn để có thể nói lời xin lỗi. Chúng tôi xứng đáng với điều tốt đẹp hơn. Chứ không phải là chia tay trong một cuộc cãi vã.

Giá như có thể làm lại...

Tôi muốn mở cửa sổ và hét lên với tất cả những người qua đường: “Hãy làm lành với nhau đi! Hãy nói lời xin lỗi! Hãy làm hòa với những người mà bạn yêu quý! Trước khi quá muộn.”

Ngày 16 tháng Hai năm 2009

Một công chứng viên vừa gọi cho tôi: Gabriel đã làm các thủ tục cần thiết để tôi được chôn cất cùng ông trong nghĩa trang Brancion-en-Chalon, tại ngôi làng nơi ông chào đời. Ông ta đề nghị tôi ghé qua văn phòng công chứng, Gabriel đã để lại cho tôi một phong thư.

“Tình yêu của tôi, tình yêu dịu dàng, ngọt ngào, tuyệt diệu của tôi, từ lúc rạng đông cho đến tận cuối ngày, tôi vẫn yêu em, em biết đấy. Tôi yêu em.

Tôi là người chuyên biện hộ, cáo tị, ứng biến, bào chữa cho những kẻ sát nhân, những người vô tội, những nạn nhân, thế mà lại phải ăn cắp câu chữ của Jacques Brel để có thể nói hết với em những suy nghĩ sâu kín nhất của mình.

Nếu em đang đọc bức thư này, thì có nghĩa là tôi đã sang cõi bên kia. Tôi đi trước em, đây sẽ là lần đầu tiên. Tôi chẳng có gì khác để viết cho em vì em đã biết hết rồi, ngoại trừ việc tôi vẫn luôn ghét cái tên của em.

Irène, cái tên thật xấu, Irène ạ. Mọi cái tên đều hợp với em, em có thể mang bất cứ cái tên nào. Nhưng một cái tên như thế, nó giống với màu xanh (e chai hoặc màu mù tạt, nó chẳng hợp với ai hết.

Cái ngày tôi chờ em trong xe tôi, tôi biết rằng em sẽ không quay lại, rằng tôi có chờ em cũng không được gì. Chính cái không gì cả ấy đã ngăn cản tôi nổ máy xe ngay lập tức.

Em sẽ không quay lại, tôi sẽ còn lại cái không gì cả.

Tôi đã rất nhớ em. Mà nỗi nhớ đó mới chỉ bắt đầu.

Những khách sạn của chúng ta, màn yêu đương buổi chiều, em nằm trong tấm chăn... Em sẽ mãi là tất cả các mối tình của tôi. Mối tình thứ nhất, mối tình thứ hai, mối tình thứ mười và mối tình cuối cùng. Em sẽ mãi là những kỷ ức đẹp đẽ nhất của tôi. Những niềm hy vọng lớn lao nhất của tôi.

Những thành phố tỉnh lẻ ấy đã trở thành thủ phủ ngay khi em bước đi trên những vỉa hè ở đó, tôi sẽ không bao giờ quên chúng.

Đôi bàn tay em xỏ trong túi áo, mùi hương của em, làn da của em, những chiếc khăn quàng của em, miền đất quê hương của tôi.

Tình yêu của tôi.

Em thấy đây, tôi đã không nói dối, tôi dành cho em một chỗ bên cạnh tôi mãi mãi. Tôi tự hỏi không biết ở trên ấy, em có còn xưng hô khách sáo với tôi nữa không.

Em đừng vội, tôi có rất nhiều thời gian. Hãy tận hưởng thêm một chút bầu trời khi ta nhìn từ bên dưới. Và nhất là hãy tận hưởng những mùa tuyết sau cùng.

Hẹn gặp lại em.

Gabriel”

Ngày 19 tháng Ba năm 2009

Tôi đến viếng mộ Gabriel lần đầu tiên. Sau khi khóc lóc, sau ước muốn được đào ông lên, muốn được lay người ông, nói với ông: “Hãy nói với em rằng chuyện này không phải là thật, hãy nói với em rằng ông không chết”, tôi đã đặt một quả cầu tuyết mới trên lớp đá cẩm thạch đen che phủ ông. Tôi đã hứa với Gabriel là thỉnh thoảng sẽ đến lắc nó lên. Tôi ngắm nhìn ngôi mộ nơi sau này tôi sẽ yên nghỉ.

Tôi đã trả lời thành tiếng bức thư của ông:

Tình yêu của em, cả ông cũng thế, ông cũng sẽ mãi là những kỷ ức đẹp đẽ nhất của em... Em có ít phụ nữ hơn ông, thực ra ý em

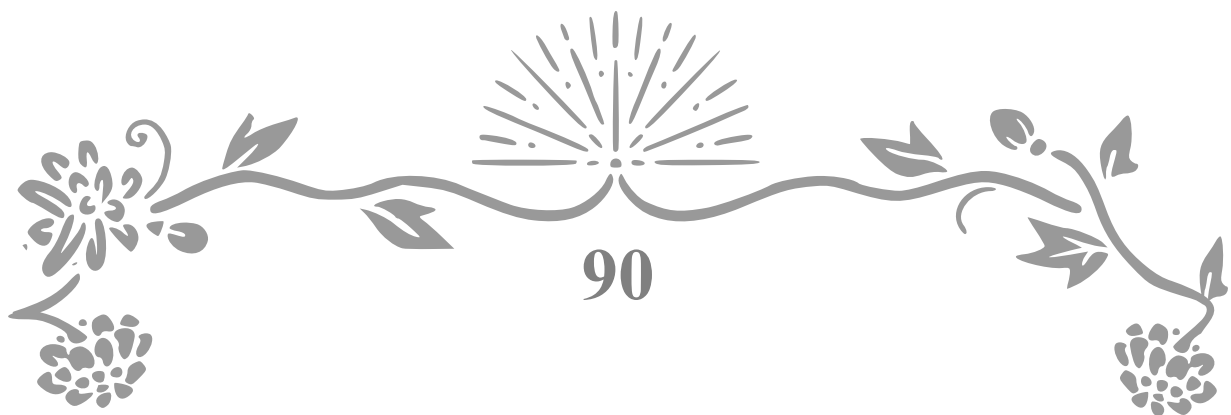
muốn nói là em có ít đàn ông hơn ông, em quen biết rất ít người. Còn ông, ông chỉ cần vẫy tay là đã quyến rũ được người khác. Thậm chí là không cần vẫy tay. Ông chẳng phải làm gì cả, chỉ cần là ông. Ông là mối tình đầu của em, là mối tình thứ hai của em, mối tình thứ mười, mối tình cuối cùng của em.

Ông đã lấy hết cả cuộc đời em. Em sẽ đến bên ông trong cõi vĩnh hằng, em sẽ giữ lời hứa của mình. Hãy giữ cho em một chỗ ấm áp, giống như trong những căn phòng khách sạn nơi em từng đến gặp ông, khi ông đến trước, ông vẫn giữ cho em một chỗ ấm áp trong những chiếc giường tạm rộng lớn ấy... Ông sẽ gửi cho em địa chỉ của cõi vĩnh hằng, một chuyến đi như thế thì phải chuẩn bị kỹ càng. Em sẽ xem liệu mình nên đến gặp ông bằng xe lửa, máy bay hay tàu thủy. Em yêu ông.

Tôi ở lại bên ông hồi lâu. Tôi sắp xếp lại những bông hoa trên mộ ông, vứt bỏ những bông đã tàn úa bên dưới lớp giấy bóng kính, đọc những tấm bia tưởng niệm. Tôi tin rằng thứ đó được gọi tên như thế.

Người trông coi nghĩa trang nơi chôn cất Gabriel là một phụ nữ. Thật tuyệt vời. Ông vốn rất thích phụ nữ. Cô ấy đi ngang qua tôi, chào tôi. Chúng tôi trò chuyện vài câu. Tôi còn không biết là có cái nghề này. Rằng có người được trả lương để trông nom các nghĩa trang, coi sóc chúng. Thậm chí cô ấy còn bán hoa ở lối vào, gần cổng.

Tiếp tục viết cuốn nhật ký này, chính là tiếp tục giữ cho Gabriel còn sống. Nhưng Chúa ơi, cuộc đời với tôi có vẻ sẽ dài biết bao.



Tháng Mười một như kéo dài mãi, cuộc đời gần như tươi đẹp, những kỷ niệm giống như những ngô cụt nơi chúng ta cứ rơi vào không ngừng.

Trích lời bài hát “Novembre toute l’année”, Benjamin Biolay.

Tháng Sáu năm 1998.

Trong khi Mâcon và Valence chỉ cách nhau chưa đầy hai trăm ki lô mét đường cao tốc, anh vẫn cảm thấy chặng đường dường như không bao giờ kết thúc. Khi Philippe lái xe một cách ngẫu hứng, anh chẳng thấy con đường nào có vẻ dài cả. Nhưng khi phải đi từ điểm A đến điểm B, anh lại nhăn nhó khó chịu. Anh không bao giờ chịu đựng được cái cảm giác bắt buộc phải làm điều gì đó.

Từ khi Violette phát hiện ra rằng anh đang tìm cách biết rõ sự thật, anh đã mất mong muốn làm việc đó. Cứ như thể một mình mang điều bí mật ấy giúp anh trụ được trong một cuộc tìm kiếm hão huyền. Và việc nói nó ra đã khiến anh mất động lực. Hết sạch. Lời lẽ không giải thoát, mà dộc cạn con người anh.

Ngay cả Violette dường như cũng đã quay lưng với quá khứ.

Anh sẽ nói chuyện với Éloïse Petit, rồi sẽ chuyển sang thứ khác. Cuộc hẹn này với cô nàng cựu nhân viên phụ trách giống như cuộc hẹn cuối cùng với quá khứ.

Éloïse Petit chờ anh đứng như dự kiến đằng trước rạp chiếu phim nơi cô ta làm việc. Cô đứng bên dưới bảng giờ chiếu. Trên đầu cô, một tấm áp phích lớn của Bệnh nhân người Anh đã được treo lên. Philippe lập tức nhận ra cô, bắt chập quang cảnh náo nhiệt đằng trước các quầy vé. Dòng khách đi lại, ra vào các phòng chiếu. Anh từng gặp cô hai năm về trước, tại phiên tòa, hai người họ nhận ra nhau ngay lập tức.

Vì sợ bị mọi người đồn thổi, Éloïse dẫn Philippe vào một cửa hàng cà phê-bánh ngọt thuộc chuỗi Relais H cách đó hai phố, không xa ga Valence là mấy. Họ lặng lẽ bước đi bên cạnh nhau. Philippe vẫn còn cảm thấy cái cảm giác trống rỗng ấy, sự chán nản ấy. Anh tự hỏi mình đang làm cái quái gì ở đây, trên vỉa hè này. Thậm chí anh chẳng còn biết hỏi Éloïse câu gì. Cô ta thì liên quan gì đến một cái bình nước nóng? Cô ta biết gì về nó, cái bình nước nóng ấy, kia chứ?

Họ đã gọi hai chiếc sandwich croque-monsieur, một chai Vittel loại một phần tư lít và một lon Coca. Từ con người Éloïse tỏa ra nét gì đó rất dịu dàng. Philippe cảm thấy tin tưởng cô, trái ngược với cảm giác của anh về tất cả những người khác. Cô sẽ không tìm cách nói dối. Cô có vẻ chân thành ngay cả trước khi mở miệng.

Éloïse kể lại việc lũ trẻ đến lâu đài vào ngày 13 tháng Bảy năm 1993. Việc chia phòng được thực hiện dựa theo mức độ thân quen. Những đứa trẻ đã quen biết nhau thì không muốn bị tách ra. Lucie Lindon và cô cố gắng khiến tất cả đều hài lòng, và có vẻ họ đã đạt được điều đó. Với sự giúp đỡ của các cô phụ trách, đám trẻ đã cất xong quần áo và đồ đạc cá nhân vào

các ngăn tủ trong phòng ngủ của chúng, bên cạnh giường.

Sau đó là một bữa ăn nhẹ, rồi đám trẻ đi thăm hoa viên của lâu đài, ghé qua bãi cỏ để xem những con ngựa con, đưa chúng về chuồng khi trời tối. Đám trẻ thích thú được tắm cho lũ ngựa, té nước vào nhau, kì cọ cho ngựa, đưa chúng vào chuồng, cho ngựa ăn với sự trợ giúp của người lớn. Chúng ríu rít như một bầy chim sẻ khi ngồi vào bàn ăn tối. Phòng ăn tập thể ồn ào, hai mươi tư bé gái vui vẻ, chuyện trò ầm ĩ. Chúng về phòng ngủ của mình vào khoảng 21h30, sau khi ghé qua phòng tắm tập thể.

– Tại sao chúng không tắm trong buồng tắm ở phòng ngủ?

Câu hỏi này khiến Éloïse ngạc nhiên.

– Tôi cũng không biết nữa... Phòng tắm tập thể mới tinh. Tôi nhớ là cả tôi cũng tắm ở đó.

Éloïse cắn môi suy nghĩ.

– Tôi nhớ ra rồi, không có nước nóng ở bồn rửa mặt trong phòng ngủ của tôi.

– Tại sao?

Cô phòng má lên như đang thổi một quả bóng bay rồi trả lời, vẻ phiền muộn:

– Tôi không biết... Là vì những đường ống nước đã cũ. Tòa lâu đài có hơi đồ nát. Trong đó khá là bốc mùi ẩm mốc. Với lại, khi phải đề nghị Fontanel thay mới dù chỉ là một chiếc bóng đèn, chúng tôi vẫn có thể phải chờ.

Đám trẻ đều đến từ miền Bắc và miền Đông nước Pháp, Éloïse nói tiếp. Chuyên đi, cái nóng nực, buổi chiều vừa trải qua đã khiến chúng mệt nhoài. Chúng đi ngủ mà không kêu ca gì. Lucie Lindon và cô đã đi một

vòng các phòng ngủ vào khoảng 21h45 để xem mọi chuyện có ổn không. Sáu phòng ngủ tất cả, ba phòng ở tầng trệt và ba phòng ở tầng hai. Bốn bé gái mỗi phòng. Tất cả các cô bé đều đã nằm trên giường. Một số đưa đọc sách, những đứa khác trò chuyện, chuyền tay nhau từ giường này sang giường khác những bức ảnh hoặc bức vẽ. Những câu chuyện của trẻ con: “Bộ pyjama của cậu đẹp quá”, “Cậu cho tớ mượn váy nhé?”, “Tớ muốn có đôi giày như của cậu”. Mèo của chúng, nhà của chúng, bố mẹ chúng, anh chị em chúng, trường học, cô giáo, bạn bè. Và nhất là lũ ngựa con. Chúng chỉ còn nghĩ đến điều đó, ngày hôm sau, chúng sẽ được cưỡi ngựa.

Éloïse Petit ngán ngủ một chút trước khi kể về phòng ngủ số 1 với Philippe. Và chẳng, cô cũng không nhắc đến tên Léonine, Anaïs, Océane và Nadège. Chỉ nói những đứa trẻ trong “phòng ngủ số 1” và cúp mắt xuống một lát trước khi nói tiếp.

Đó là phòng cuối cùng mà hai nhân viên phụ trách ghé qua. Bốn cô bé đã thiiu thiiu ngủ khi Lucie Lindon và cô bước vào phòng để hỏi chúng xem mọi chuyện có ổn không, phát cho mỗi bé một chiếc đèn pin nhỏ bỏ túi phòng khi chúng cần dậy trong đêm, nói với chúng rằng nếu có bé nào gặp ác mộng hay đau bụng thì Lucie ở ngay trong phòng bên cạnh. Một ngọn đèn ngủ sẽ được bật trong hành lang suốt đêm.

Sau đó, Éloïse quay trở về phòng cô ở trên tầng, còn Lucie thì đi gặp Swan Letellier. Geneviève Magnan phải ở cạnh các phòng ngủ tầng trệt trong thời gian đó. Trước khi hai nhân viên phụ trách lên tầng trên, họ đã nhìn thấy Geneviève ngồi trong bếp. Chị ta đang rửa đồng xoong nồi bằng đồng rải rác trên mặt bàn lớn. Chị ta đã chúc hai cô ngủ ngon, về mặt buồn rầu hoặc mệt mỏi. Éloïse cũng không biết rõ.

– Tôi lên phòng mình, và ngủ thiếp đi. Có một lúc, tôi trở dậy để đóng

cánh cửa sổ đang va đập vào khung cửa.

Một tia sáng lạ lùng ánh lên trong đôi mắt xanh của Éloïse Petit. Như thể cô đang sống lại khoảnh khắc ấy, khi cô nhìn thấy, qua cửa sổ, thứ gì đó lướt qua đằng xa. Như khi ta nhìn qua vai người đối thoại và nhận thấy một bóng dáng thân quen hoặc một chuyển động bất ngờ.

– Cô đã nhìn thấy điều gì đó chẳng?

– Khi nào?

– Khi cô đóng cửa sổ phòng ngủ.

– Đúng thế.

– Cái gì?

– Họ.

– Họ là ai?

– Anh biết rồi mà.

– Geneviève Magnan và Alain Fontanel sao?

Éloïse Petit nhún vai. Philippe không thể diễn giải nổi ý nghĩa của cử chỉ ấy.

– Có đúng là anh từng quan hệ với Geneviève không?

Philippe đờ người.

– Ai nói với cô chuyện đó?

– Lucie. Cô ấy kể với tôi rằng Geneviève từng yêu anh.

Philippe nhắm mắt lại trong vài giây rồi trả lời Éloïse, trong lòng nặng trĩu:

– Tôi đến đây là để nói chuyện với cô về con gái tôi.

– Anh muốn biết điều gì?

– Tôi muốn biết ai đã bật cái bình nước nóng trong buồng tắm ở phòng ngủ số 1. Mấy đứa trẻ đã bị chết ngạt vì cacbon monoxit. Tuy nhiên, tất cả mọi người đều biết rằng không được động vào những cái bình nước nóng khôn kiếp ấy!

Philippe đã hét lên quá to. Các khách hàng, những người đang chúí mũi vào những tờ báo và xếp hàng bên các quầy thu ngân, nhất loạt quay lại nhìn hai người họ.

Éloïse đỏ bừng mặt, như thể họ là một cặp tình nhân đang cãi nhau. Cô liền nói với Philippe giống như người ta thường nói với một người mất trí. Như khi ta dịu dàng nói với những người điên, để không làm họ phật ý:

- Tôi không hiểu anh đang nói gì.
- Có người nào đó đã bật bình nước nóng trong buồng tắm.
- Buồng tắm nào?
- Buồng tắm trong phòng ngủ bị cháy.

Philippe nhận thấy rằng Éloïse không hiểu bất cứ lời nào trong những câu nói của anh. Lúc ấy, anh bắt đầu nghi ngờ. Câu chuyện về cái bình nước nóng này chẳng có cơ sở gì, hoàn toàn vớ vẩn. Anh phải thừa nhận sự thật hiển nhiên, Geneviève Magnan hoặc Alain Fontanel đã phóng hỏa phòng ngủ số 1 để trả thù anh.

- Chính thứ đó đã bốc cháy sao? Cái bình nước nóng cũ ấy?

Câu hỏi của Éloïse kéo Philippe ra khỏi dòng suy nghĩ u ám.

– Không, ngọn lửa hình như là do Fontanel... để nguy tạo một vụ tai nạn nhà bếp. Có lẽ hẳn muốn bảo vệ Magnan.

- Nhưng vì sao?

– Bởi vì hình như cô ta đã rời khỏi lâu đài vào tối đó. Cô ta đã không

ở lại cùng mấy đứa trẻ, và khi cô ta quay về, cô ta đã thấy chúng... Đã quá muộn... Lũ trẻ đã bị chết ngạt.

Éloïse đưa hai bàn tay lên che miệng. Đôi mắt xanh to của cô bắt đầu long lanh nước. Philippe nhớ lại cái ngày anh bơi ra gặp Françoise trên biển Địa Trung Hải, khi nàng vùng vẫy. Éloïse cũng có cái vẻ hoảng sợ như nàng, khi sắp chết đuối.

Phải mất đến mười phút, Philippe và Éloïse không nói với nhau lời nào nữa. Họ không hề động đến đĩa đồ ăn. Cuối cùng, Philippe gọi một cốc cà phê espresso.

– Cô có muốn thứ gì khác không?

– Có thể là họ.

– Fontanel và Magnan, đúng thế.

– Không, những người kia cơ.

– Những người nào?

– Cặp vợ chồng mà anh quen biết, tôi đã nhìn thấy họ ra khỏi sân lâu đài lúc tôi đóng cửa sổ.

– Cặp vợ chồng nào?

– Hai người cùng anh đến lâu đài vào hôm sau ngày xảy ra hỏa hoạn. Bố mẹ anh, đúng rồi, tôi tin rằng đó là bố mẹ anh.

– Tôi không hiểu cô đang nói gì.

– Nhưng dù sao, anh có biết là họ đã đến lâu đài vào tối đó, đúng không?

– Bố mẹ nào?

Philippe cảm thấy như thể anh vừa bị hụt chân, như thể anh đang rơi xuống từ tầng trên cùng của một tòa nhà chọc trời.

– Ngày 14 tháng Bảy, ba người cùng đến lâu đài. Tôi tin rằng anh biết là hôm trước họ có ghé qua đó. Lúc nào chẳng có chuyện các gia đình đến thăm lũ trẻ, nhưng không bao giờ vào buổi tối. Chính vì thế mà tôi thấy ngạc nhiên.

– Cô điên rồi. Bố mẹ tôi sống ở Charleville-Mézières. Họ không thể ở Bourgogne vào buổi tối xảy ra vụ hỏa hoạn được.

– Họ đã ở đó, tôi đã nhìn thấy họ. Tôi xin thề với anh. Khi đóng cửa sổ, tôi nhìn thấy họ rời khỏi lâu đài.

– Hả là cô nhìn nhầm...

– Không. Mẹ anh, búi tóc, dáng đi của bà ấy... Tôi không nhầm đâu. Tôi đã gặp lại họ vào ngày cuối cùng của phiên tòa ở Mâcon. Họ chờ anh đăng trước tòa án.

Thế là Philippe nhớ lại. Đó là một tia chớp đau đớn, một cú sốc, như thể một chi tiết vô cùng nhỏ vẫn ẩn náu trong tiềm thức anh suốt mấy năm qua chợt hiện ra trong ánh sáng ban ngày. Có điều gì đó bất thường, một sự bất hợp lý, do hoàn cảnh, đã không tiếp cận được mà chỉ lướt qua anh vào cái ngày 14 tháng Bảy năm 1993 ấy.

Anh đã gọi điện cho bố mẹ anh, anh nói với họ: “Léonine chết rồi.” Vài giờ sau, họ đến đón anh và sau đó, lần đầu tiên, Philippe ngồi vào ghế trước, bên cạnh bố anh, mẹ anh nằm dài trên băng ghế sau. Suy sụp, ngây dại vì đau buồn, Philippe không hề mở miệng trong suốt chuyến đi. Thỉnh thoảng, anh nghe thấy mẹ anh rên rỉ ở đằng sau. Anh biết rằng cha anh đang thầm cầu nguyện “Ave Maria”.

Khi nghĩ đến bố mình, Philippe nghĩ đến một người sùng đạo luôn vâng lời vợ. Anh ước mơ được làm con trai của Luc, cậu anh. Tạo hóa đã sai lầm: anh là do người chị sinh ra, trong khi anh lại muốn mình là con của

người em.

Khi Éloïse nhắc đến bố mẹ anh, Philippe nhớ ra rằng bố anh đã không hề phải tìm đường, ông không hỏi anh địa chỉ, mà lái xe đến nơi như thể ông đã biết rõ đường đi. Rời khỏi đường cao tốc, có biển chỉ vào làng La Clayette, nhưng không hề có thông tin nào chỉ hướng đi đến lâu đài. Ấy thế mà, khi anh còn nhỏ, bố mẹ anh lúc nào cũng cãi nhau bởi vì bố anh không hề có khả năng định hướng, còn mẹ anh thì tức giận vì điều đó. Nếu ngày hôm ấy ông không bị lạc, thì có thể là vì trước đó ông đã từng đến lâu đài.

Éloïse nhìn anh chăm chăm, trong khi anh hình dung lại trong đầu chuyến đi kinh khủng ấy. Bất chấp nỗi hoảng hốt hiển hiện trên mặt anh, cô vẫn thầm nghĩ anh thật đẹp trai. Cô cố nhớ lại nét mặt của Léonine, nhưng không được. Bốn bé gái đã biến mất khỏi trí nhớ của cô. Lúc nào cô cũng tìm kiếm chúng, nhưng không tìm thấy nữa. Cô chỉ còn nhớ giọng nói của chúng, khi chúng hỏi han cô về lũ ngựa con. Cô không kể với Philippe rằng Léonine đã đánh mất con thú bông của nó, và hai cô cháu đã tìm kiếm khắp nơi. Léonine đã nói với cô: “Thú bông của cháu là một bạn thỏ, bạn ấy bằng tuổi cháu.” Trong lúc chờ tìm lại được con thú bông, Éloïse đã tìm cho Léonine một con gấu nhỏ bị bỏ quên trong kho. Và cô đã hứa với Léonine rằng sáng hôm sau, cô sẽ tìm con thú bông kia khắp nơi trong lâu đài, và cô sẽ thấy nó.

Philippe kéo cô về với thực tại:

– Tôi muốn cô thề trên đầu Léonine rằng cô sẽ không bao giờ nói chuyện này với bất cứ ai.

Éloïse tự hỏi phải chăng Philippe vừa nghe được ý nghĩ của cô. Cô không thể thốt ra lời nào. Anh nài nỉ:

– Tôi và cô, chúng ta chưa từng gặp nhau, chưa từng nói chuyện với

nhau... Cô thể đi!

Như đã từng làm ở tòa án, Éloïse giơ bàn tay phải lên và nói: “Tôi xin thề.”

– Trên đầu Léonine chứ?

– Trên đầu Léonine.

Philippe ghi số điện thoại cố định của ngôi nhà ở nghỉ trang Brancion rồi đưa cho cô.

– Hai giờ nữa, cô hãy gọi đến số này, vợ tôi sẽ nghe điện thoại, cô hãy tự giới thiệu và nói với cô ấy là tôi không đến cuộc hẹn, là cô đã chờ tôi suốt cả buổi chiều.

– Nhưng...

– Xin cô đấy.

Éloïse cảm thấy thương hại anh, cô gật đầu.

– Thế nếu chị ấy hỏi thông tin tôi thì sao?

– Cô ấy sẽ không hỏi. Tôi đã khiến cô ấy quá thất vọng, nên cô ấy sẽ không hỏi gì cả đâu.

Philippe đứng dậy để thanh toán hóa đơn. Anh hấp tấp chào Éloïse rồi nhặt lấy mũ bảo hiểm và ngồi lên chiếc xe mô tô đỗ đằng trước rạp chiếu phim.

Trong lúc đưa mắt nhìn dòng người đang đi ra đi vào các phòng chiếu, anh nhớ đến những lời nói của mẹ anh: “Đừng tin bất cứ ai, nghe không? Đừng tin bất cứ ai.”

Gần bảy trăm ki lô mét, phải đêm khuya anh mới đến được Charleville-Mézières.

Philippe quan sát bố mẹ anh qua cửa sổ phòng khách trong một lát. Họ ngồi bên cạnh nhau trên chiếc ghế xô pha không tuổi, bên những bông hoa khô héo. Chẳng khác nào hoa trên những ngôi mộ bị bỏ rơi. Những bông hoa mà Violette không thể chịu nổi và nhỏ đi.

Bố anh đã ngủ thiếp đi, còn mẹ anh thì chăm chú xem một xê ri phim truyền hình phát lại. Violette đã xem phim này rồi. Một câu chuyện tình giữa một cha xứ và một cô gái trẻ diễn ra ở nước Úc hoặc một nơi khi ho cò gáy xa xôi nào đó. Thịnh thoảng có những đoạn, Violette đã lặng lẽ khóc. Anh cảm thấy cô lau nước mắt bằng ống tay áo. Mẹ anh chăm chăm nhìn vào các diễn viên, đôi môi bà mím chặt, như thể bà thấy họ đã đưa ra những lựa chọn sai lầm và bà muốn can thiệp vào câu chuyện. Tại sao bà lại lựa chọn chương trình suốt mướt này? Nếu tình cảnh không bi thảm như hiện tại, có lẽ Philippe đã phá lên cười.

Philippe đã lớn lên trong căn nhà mà lúc này anh thấy chẳng khác nào một phối cảnh sân khấu. Theo năm tháng, những cây thân gỗ đã cao lên, hàng cây trồng làm giậu dày thêm. Bố mẹ anh đã thay tấm cửa lưới sắt bằng một hàng rào màu trắng, giống như trong các phim truyền hình Mỹ, trát lại lớp vữa ở mặt tiền và đặt hai bức tượng sư tử ở hai bên cổng vào. Hai con mãnh thú bằng đá granit có vẻ chán chường khi bị giam cầm trong căn nhà phong cách những năm 1970 này. Nhưng ông bà phải thể hiện với hàng xóm rằng họ từng là công chức. Cùng là nhân viên Bưu chính viễn thông về hưu, ban đầu bố anh là bưu tá còn mẹ anh là nhân viên hành chính, cả hai người đã leo lên các chức vụ cao hơn và trở thành công chức cấp thấp. Và khi rút cuộc cũng có tiền, họ liền gửi tiết kiệm.

Philippe vẫn giữ một chùm chìa khóa nhà bố mẹ. Anh tha lời cái móc treo chìa khóa ấy từ khi còn nhỏ, một quả bóng bầu dục tí xíu đã phai màu và mất hẳn hình dạng ban đầu. Bố mẹ anh chưa bao giờ thay ổ khóa. Để làm gì cơ chứ? Có ai lại muốn vào trong đó để mà bắt gặp ông bố đang đắm chìm trong những lời cầu nguyện, còn bà mẹ thì đắm chìm trong hận thù? Hai quả dưa chuột bao tử ngâm trong bình giấm.

Suốt nhiều năm nay anh không đặt chân đến căn nhà này. Từ khi gặp Violette. Violette. Bố mẹ anh chưa từng mời cô đến nhà. Họ luôn khinh thường cô.

Chantal Toussaint hét lên khi nhìn thấy con trai trên ngưỡng cửa phòng khách. Tiếng hét của bà khiến ông chồng giật mình choàng tỉnh.

Đúng lúc định mở miệng, Philippe nhìn thấy những bức ảnh chụp Léonine treo trên tường, hai trong số đó được chụp ở trường. Những bức ảnh kéo anh về với Geneviève Magnan, nụ cười của cô ta trong những hành lang nồng nặc mùi amoniac. Anh cảm thấy chóng mặt, vội bám tay vào chiếc tủ buýt phê.

Violette đã tháo hết những bức ảnh chụp con gái họ. Cô cất chúng trong một ngăn tủ, gần giường cô, trong ví cô và giữa những trang của cuốn sách dày mà cô không ngừng đọc đi đọc lại.

Mẹ anh bước lại gần, bà thì thầm: “Con yêu, con ổn chứ?” Philippe phác một cử chỉ thay cho mệnh lệnh cấm bà bước tiếp, yêu cầu bà giữ khoảng cách. Ông bố và bà mẹ nhìn nhau. Con trai họ phát bệnh rồi sao? Hay đã phát điên? Mặt anh tái nhợt khủng khiếp. Trông anh giống hệt như buổi sáng ngày 14 tháng Bảy năm 1993, khi họ đưa anh đến hiện trường vụ tai nạn. Anh như đã già thêm hai chục tuổi.

– Hai người đã làm cái trò quỷ quái gì ở lâu đài vào buổi tối xảy ra vụ

cháy?

Ông bố đưa mắt nhìn bà mẹ, chờ đợi một mệnh lệnh để trả lời. Nhưng như thường lệ, chính bà là người lên tiếng. Bằng giọng của một nạn nhân, giọng của một bé gái tốt bụng chưa từng là bà.

– Armelle và Jean-Louis Caussin đã gặp bố mẹ ở làng La Clayette trước khi đưa Catherine... à Léonine và Anaïs đến lâu đài. Bố mẹ đã hẹn gặp họ trong một quán cà phê, bố mẹ chẳng làm gì xấu cả.

– Nhưng hai người làm cái chết tiệt gì ở đó?

– Bố mẹ đi dự một đám cưới ở miền Nam, con biết đấy, chị họ Laurence của con... và trong lúc quay về Charleville, bố mẹ tiện đường ghé thăm Bourgogne.

– Hai người chẳng bao giờ tiện đường cả, KHÔNG BAO GIỜ. Con muốn nghe sự thật.

Bà mẹ lưỡng lự trước khi trả lời, bà mím môi và hít một hơi thật sâu. Philippe lập tức ngăn bà lại.

– Đừng có bắt đầu khóc lóc nữa, làm ơn đi.

Con trai bà chưa bao giờ nói với bà như thế. Đứa con trai lịch sự, được giáo dục tử tế, luôn nói: “Vâng thưa mẹ”, “Không đâu, thưa mẹ”, “Được rồi, thưa mẹ” đã chết hẳn rồi. Nó đã bắt đầu biến mất từ khi nó mất đứa con gái. Nó đã biến mất hoàn toàn từ khi nó tự chôn vùi mình gần bên con gái. Philippe đã cảnh báo họ: “Con cấm hai người đặt chân đến nghĩa trang, con không muốn hai người gặp Violette.”

Trước tấn thảm kịch đó, những lần duy nhất Philippe trái lời mẹ chính là khi anh đi nghỉ ở nhà Luc, em trai bà, cùng người vợ trẻ lúc nào cũng mặc những chiếc váy ngắn cũn của ông. Philippe vẫn luôn bị những phụ nữ

thấp kém thu hút. Những đứa con gái tầm thường, nhơ nhớp.

Giọng Chantal Toussaint đã lấy lại âm sắc cứng rắn, khe khắt. Âm sắc của một viên công tố.

– Mẹ đã hẹn gặp vợ chồng nhà Caussin bởi vì mẹ muốn xem vợ con bỏ những gì vào va li của cháu gái bố mẹ. Để biết chắc rằng con bé không thiếu thứ gì. Mẹ không muốn con bé phải xấu hổ trước mặt bạn bè. Vợ con còn trẻ mà Catherine thì thường không để ý... Móng tay nó dài, tai nó bần, quần áo nó có những vết ô hoặc vẫn còn cặn bột giặt... những thứ đó khiến mẹ phát ốm.

– Mẹ toàn nói linh tinh! Violette chăm sóc con chúng con rất tốt! Con bé tên là Léonine. Mẹ nghe rõ chưa!? Léonine!

Bà mẹ khép vạt áo choàng trong nhà bằng một cử chỉ vụng về và đột ngột.

– Armelle Caussin đã mở cốp xe, mẹ kiểm tra đồ đạc trong va li, còn hai đứa bé chơi đùa trong bóng râm, bên cạnh bố con và Jean-Louis. Còn thiếu rất nhiều thứ, và mẹ đã phải vứt bỏ những quần áo rẻ tiền hoặc cũ sòn của con bé để thay bằng những quần áo mới tinh.

Philippe hình dung ra cảnh tượng mẹ anh viện một cái cớ nào đó để gọi Armelle Caussin lại gần rồi lục lọi những chiếc váy nhỏ của con gái anh. Bà luôn cho mình cái quyền tự can dự vào mọi việc, điều đó khiến anh cảm thấy ghê tởm. Anh những muốn bóp cổ người phụ nữ này, cái người đã khiến anh khinh bỉ những người khác. Bà cụp mắt xuống để khỏi nhìn thấy ánh mắt đầy căm giận của anh đang chiếu vào bà.

– Khoảng 16 giờ, vợ chồng nhà Caussin cùng hai đứa trẻ đi đến lâu đài. Bố con và mẹ không muốn lên đường về Charleville trước khi đêm xuống, vì trời rất nóng. Bố mẹ đã quyết định sẽ ở lại làng. Bố mẹ quay lại

quán cà phê để ăn nhẹ. Khi vào phòng vệ sinh, mẹ nhìn thấy con thú bông của Léonine để cạnh bồn rửa tay. Mẹ biết rằng con bé sẽ không thể ngủ được nếu thiếu thứ ấy.

Chantal Toussaint nhăn mặt.

– Con thú bông rất bẩn... Mẹ đã giặt nó bằng xà phòng, trời nóng như thế thì nó sẽ nhanh khô thôi.

Bà bước đến ngồi xuống ghế xô pha, như thể những lời mang trong lòng quá đỗi nặng nề. Chồng bà đi theo bà chẳng khác nào một con cún trung thành chờ đợi một phần thưởng, một ánh mắt, một cử chỉ dịu dàng, những thứ chẳng bao giờ đến.

– Bố mẹ đi vào lâu đài, chỗ đó vắng ngơ vắng ngắt, chẳng có một ai, chẳng hề được giám sát, nơi nào cũng mở toang hoang. Léonine ở đằng sau cánh cửa đầu tiên mà bố mẹ đẩy vào. Con bé đã nằm trên giường rồi. Nó ngạc nhiên khi nhìn thấy bố mẹ. Khi nhìn thấy con thú bông thò ra bên ngoài túi xách của mẹ, con bé mỉm cười và kín đáo cầm lấy nó để những đứa khác không nhìn thấy. Hẳn là nó đã tìm con thú bông khắp nơi mà không dám nói ra, sợ bị những đứa khác trêu chọc.

Mẹ anh bỗng òa khóc. Ông chồng quàng tay quanh vai bà, bà chậm rãi đẩy tay ông, ông liền rút tay lại, thành thực như một thói quen.

– Mẹ đã hỏi mấy đứa trẻ xem chúng có muốn mẹ kể cho chúng nghe một câu chuyện không. Chúng đã trả lời là có. Mẹ liền đọc cho chúng nghe một truyện cổ tích Grimm, *Tom Ngón tay cái*. Chẳng mấy chốc chúng ngủ thiếp đi. Trước khi rời khỏi đó, mẹ đã hôn cháu gái mẹ thêm lần nữa.

– Thế còn cái bình nước nóng thì sao!? Philippe gào lên.

Nước mắt giàn giụa, bố mẹ anh thảm hại co rúm người trước con giận dữ của con trai.

– Sao lại bình nước nóng, bình nước nóng nào?

Cuối cùng, mẹ anh cũng thì thầm hỏi, giữa hai con nức nở.

– Cái bình nước nóng trong buồng tắm! Trong phòng ngủ, có một buồng tắm! Và một cái bình nước nóng khôn kiếp! Chính hai người đã động vào nó phải không!?

Lần đầu tiên, ông bố mở miệng và thốt ra, cùng một tiếng thở dài:

– À, cái đó...

Lúc ấy, Philippe sẵn sàng đánh đổi tất cả để ông im lặng như thường lệ. Hoặc ông cầu nguyện, hoặc bất cứ thứ gì khác.

Nhưng trong một giờ, chỉ một giờ thôi, người đàn ông ấy bỗng có cảm giác mình hữu ích trong cuộc đời vợ mình, cảm thấy ông không cần phải đứng thõng tay để chờ bà kể xong câu chuyện *Tom Ngón tay cái*.

– Mẹ con đã hỏi Léonine xem con bé có đánh răng kỹ trước khi lên giường không, con bé trả lời chúng ta là có, nhưng một đứa bé gái khác nói với chúng ta rằng ở vòi không có nước nóng, rằng nước lạnh khiến nó bị buốt răng. Mẹ con đã yêu cầu bố xem qua xem sao, và quả nhiên, bố thấy cái bình nước nóng bị tắt, thế nên bố đã...

Philippe quỳ sụp xuống trước mặt bố mẹ, anh giơ cả hai tay túm lấy cổ áo choàng mặc trong nhà của ông và nài nỉ:

– Bố im đi, im đi, im đi, im đi, im đi, im đi, im đi, im đi, im đi, im đi...

Bố mẹ anh chờ người ra, như bị tê liệt. Philippe vẫn lăm bằm những lời gì đó mà họ không nghe rõ, rồi rời khỏi căn nhà hết như lúc anh đi vào, trong lặng lẽ.

Khi đã ngồi lên xe mô tô, anh biết rằng anh sẽ không đi theo con

đường dẫn về nghĩa trang Brancion nữa. Anh biết rằng anh đã không còn nhà. Cả tối nay lẫn ngày mai. Anh đã biết điều đó từ khi nhờ Éloïse Petit gọi điện thoại cho Violette để nói với cô rằng anh đã không đến chỗ hẹn. Violette đã không còn chờ đợi anh, từ rất lâu rồi.

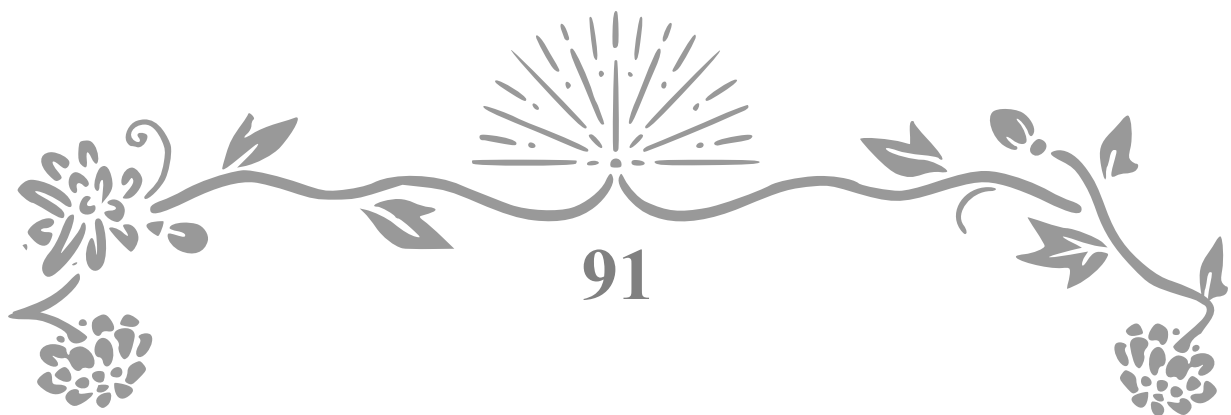
Sáng nay, khi thông báo với cô rằng anh muốn bắt đầu lại từ con số không, chuyển đến sống ở miền Nam, anh đã đọc thấy trong mắt cô là cô giả vờ tin anh. Ngày hôm nay, anh không còn đủ khả năng đối mặt với cô nữa. Anh không bao giờ muốn phải bắt gặp ánh mắt cô nữa.

Chantal Toussaint, vẫn mặc áo choàng trong nhà, chạy theo đề thuyết phục anh. Sẽ rất nguy hiểm nếu anh lái xe trong tình trạng này. Anh đã quá mệt mỏi, anh đã kiệt sức, anh cần phải nghỉ ngơi, bà sẽ sửa soạn giường cho anh, bà đã không động vào bất cứ thứ gì trong phòng anh, kể cả những bức poster, bà sẽ nấu cho anh món thịt bò Stroganov và món kem ca ra men anh hằng ưa thích, ngày mai anh sẽ tỉnh táo hơn và...

– Con chỉ ước giá mà mẹ chết ngay lúc sinh con, mẹ ạ. Có lẽ đó sẽ là vận may của đời con.

Anh nổ máy xe và lái theo hướng Bron, không hề suy nghĩ. Trong gương chiếu hậu, anh nhìn thấy mẹ anh quy xuống trên vỉa hè. Anh biết rằng những lời anh vừa nói cũng chính là lời tuyên án tử cho bà. Hôm nay hoặc ngày mai. Và bố anh sẽ chết theo bà. Ông vẫn luôn đi theo bà.

Anh chẳng cảm thấy gì khác ngoài mong muốn được ở bên cạnh Luc và Françoise, để kể cho họ nghe mọi chuyện. Họ sẽ biết phải làm gì, biết tìm được những lời lẽ phù hợp, biết cách giữ anh ở lại cùng họ, để anh không còn phải thanh minh gì với bất kỳ ai. Trở lại là đứa trẻ mà anh từng mong muốn, trở thành con của Luc. Cũng là chấm dứt quãng đời này.



Và khi, ôm nắm đất thay cho chiếc gối, một nàng tiên sẽ khẽ khàng bước đến ngủ ngon trong trang phục sơ sài nhất, tôi cầu xin Chúa trời hãy tha thứ cho tôi, nếu cái bóng cây thập giá trên mộ tôi có ngả lên người nàng một chút, hòng kiếm tìm niềm hạnh phúc nhỏ nhoi sau cái chết.

Trích lời bài hát “Supplique pour être enterré à la plage de Sète”, Georges Brassens.

NHẬT KÝ CỦA IRÈNE FAYOLLE

Năm 2013

Tôi đã vào nhà của người phụ nữ trông coi nghĩa trang. Cô ấy nhìn tôi giống như nhìn một người quen mặt nhưng không nhớ ra là ai. Cô ấy đang ngồi một mình bên bàn. Đang lật giở một catalog làm vườn.

– Tôi đang chọn bầu ươm cho mùa xuân. Bà thích thủy tiên hay nghệ tây hơn? Tôi rất thích những bông tuy líp vàng này.

Cô ấy đặt ngón tay lên những bức ảnh chụp hoa. Vô vàn loài hoa.

– Thủy tiên, tôi nghĩ là tôi thích thủy tiên hơn. Tôi cũng rất thích hoa, trước đây tôi từng có một vườn hồng.

– Ở đâu vậy?

– Ở Marseille.

–Ồ... Năm nào tôi cũng đến Marseille, vùng bờ đá Sormiou.

– Tôi từng đến đó với Julien con trai tôi, khi thằng bé còn nhỏ. Cách đây lâu rồi.

Người phụ nữ trông coi nghĩa trang mỉm cười với tôi, như thể chúng tôi có chung một điều bí mật.

– Bà có muốn uống gì đó không?

– Tôi rất muốn uống một cốc trà xanh.

Cô ấy đứng dậy pha trà cho tôi. Tôi nghĩ có lẽ cô ấy cũng trạc tuổi Julien. Cô ấy có thể là con gái tôi. Tôi nghĩ tôi sẽ không thích có một cô con gái. Tôi không biết tôi sẽ có thể kể gì với nó, tôi sẽ làm thế nào để khuyên nhủ, để định hướng cho nó. Một đứa con trai thì cũng gần giống như một bông hoa dại, một cây đào gai, nó tự lớn lên khi có thứ gì đó để ăn, để uống và để mặc. Khi ta nói với nó rằng nó đẹp trai, nó mạnh mẽ. Một đứa con trai sẽ lớn lên ổn thỏa khi nó có một người cha. Một đứa con gái thì phức tạp hơn.

Người phụ nữ trông coi nghĩa trang thật đẹp. Cô ấy mặc váy jupe sẫm màu đen và áo thun mỏng cổ lọ màu xám. Tôi thấy cô ấy thật trang nhã. Tinh tế. Cô ấy khiến tôi gần như tiếc nuối vì không có con gái. Cô ấy bỏ trà vào một cái ấm rồi lắc. Sau đó, cô ấy đặt hũ mật ong lên bàn. Ở nhà cô ấy thật dễ chịu. Thơm phức. Cô ấy nói với tôi rằng cô ấy thích hoa hồng. Thích mùi hương của chúng.

– Cô sống một mình à?

– Vâng.

- Tôi đến nghĩa trang này để thăm Gabriel Prudent.
- Ông ấy được chôn cất ở hàng số 19, trong khu Bá Hương. Có đúng không?
- Đúng thế. Cô biết vị trí của tất cả những người quá cố sao?
- Phần lớn. Và ông ấy là một luật sư nổi tiếng, có rất đông người đến dự lễ tang ông ấy. Vào năm nào ấy nhỉ, tôi không nhớ nữa?
- 2009.

Người phụ nữ trông coi nghĩa trang đứng dậy lấy một cuốn sổ, cuốn sổ năm 2009, và tìm kiếm cái tên Gabriel. Vậy là đúng thế, cô ấy ghi chép mọi thông tin trong những cuốn sổ. Cô ấy đọc cho tôi nghe: “Ngày 18 tháng Hai năm 2009, lễ an táng Gabriel Prudent, mưa như trút nước. Có một trăm hai mươi tám người đến dự lễ an táng. Vợ cũ của ông ấy có mặt, cùng với hai người con gái, Marthe Dubreuil và Cloé Prudent. Theo yêu cầu của người quá cố, không có hoa cũng không có vòng hoa. Gia đình đã cho khắc một tấm bia tưởng niệm, trên đó ta có thể đọc thấy: Tưởng nhớ Gabriel Prudent, một luật sư dũng cảm. ‘Lòng dũng cảm, đối với một luật sư, là điều cốt yếu, không có nó thì những thứ còn lại không có ý nghĩa gì: tài năng, học vấn, hiểu biết pháp luật, tất cả đều hữu ích với luật sư. Nhưng không có lòng dũng cảm, vào thời điểm quyết định, sẽ chỉ còn là những từ ngữ, những câu nói nối tiếp nhau, tỏa sáng rồi chết đi’ (Robert Badinter). Không có cha xứ. Không có thánh giá. Đám đông chỉ ở lại chừng nửa giờ đồng hồ. Khi hai nhân viên tang lễ hạ xong quan tài xuống huyệt, mọi người rời đi. Trời vẫn mưa rất to.”

Người phụ nữ trông coi nghĩa trang rót thêm trà cho tôi. Tôi nhờ cô ấy đọc lại những gì cô ấy đã ghi chép về lễ an táng Gabriel. Cô ấy sẵn lòng làm theo.

Tôi hình dung ra mọi người đứng xung quanh quan tài của Gabriel. Tôi tưởng tượng ra những cái ô, những bộ trang phục tối màu và ẩm áp. Những chiếc khăn quàng và những giọt nước mắt.

Tôi nói với người phụ nữ trông coi nghĩa trang rằng Gabriel thường nổi cáu khi có ai đó nói với ông ấy rằng ông ấy dũng cảm. Rằng ông ấy chẳng có chút dũng khí nào khi nói với chủ tọa phiên tòa đại hình rằng ông ta là gã ngốc theo một cách trình bày quanh co. Rằng dũng cảm chính là ngày nào cũng đến cửa ô Chapelle, ngoài giờ làm việc, để phân phát đồ ăn cho những người bất hạnh hoặc nuôi giấu người Do Thái trong nhà mình vào năm 1942. Gabriel luôn nhắc đi nhắc lại với tôi rằng ông ấy không hề dũng cảm, rằng ông ấy chưa từng mạo hiểm bất cứ chuyện gì.

Cô ấy hỏi Gabriel và tôi có nói chuyện với nhau nhiều không. Tôi trả lời là có. Và rằng chuyện Gabriel căm ghét lòng dũng cảm kia phải được giữ kín, chỉ riêng tôi với cô ấy biết mà thôi. Tôi không muốn những người tưởng mình đã làm đúng khi khắc những dòng chữ ấy để tưởng nhớ ông ấy lại biết được rằng hóa ra họ đã nhầm.

Người phụ nữ trông coi nghĩa trang mỉm cười với tôi.

– Không vấn đề gì. Tất cả những gì được nói ra giữa những bức tường này đều được giữ bí mật.

Tôi cảm thấy tin tưởng cô ấy, và bắt đầu bọc bạch như thể cô ấy đã bỏ serum nói thật vào trong cốc trà của tôi.

– Tôi đến thăm mộ Gabriel hai đến ba lần mỗi năm, để rắc một quả cầu tuyết mà tôi đã đặt ở gần tên ông ấy. Tôi cắt những bài báo cho ông ấy, những bài xã luận về tư pháp mà có lẽ ông ấy sẽ quan tâm, rồi đọc cho ông ấy nghe. Tôi cho ông ấy biết về những tin tức thời sự trên thế giới, dấu sao cũng là thế giới của ông ấy. Những vụ án hình sự, vì tình, dai dẳng. Tôi đến

thăm mộ chồng tôi, Paul, thường xuyên hơn, anh ấy nằm ở nghĩa trang Saint-Pierre ở Marseille. Lần nào tôi cũng xin anh ấy tha thứ. Bởi vì tôi sẽ được chôn cất bên cạnh Gabriel. Tro cốt của tôi sẽ được đặt bên ông ấy. Gabriel đã làm các thủ tục cần thiết với công chứng viên, và cả tôi cũng thế. Sẽ không có ai phản đối được việc đó. Chúng tôi không kết hôn với nhau. Cô biết đấy, tôi muốn vào nhà cô để nói với cô rằng cái ngày mà con trai tôi, Julien, biết được điều đó, cô chính là người mà nó sẽ tìm đến để hỏi thông tin.

– Tại sao lại là tôi?

– Khi nó phát hiện ra rằng ước nguyện cuối cùng của tôi là được yên nghỉ bên cạnh Gabriel chứ không phải là bố nó, nó sẽ muốn tìm hiểu. Nó sẽ muốn biết Gabriel Prudent là ai, và người đầu tiên nó tìm đến để hỏi thông tin sẽ là cô. Bởi vì người đầu tiên nó gặp khi đẩy cánh cổng nghĩa trang này, chính là cô. Cũng giống như tôi, khi tôi đến đây lần đầu tiên.

– Bà có muốn tôi nói với anh ấy điều gì đó đặc biệt không?

– Không. Không đâu, tôi tin chắc là cô sẽ tìm ra những lời lẽ phù hợp. Hoặc ít nhất thì cũng một lần Julien tìm ra những lời nói phù hợp để nói với cô. Tôi tin chắc là cô sẽ giúp đỡ nó, đồng hành với nó.

Tôi chia tay người phụ nữ trông coi nghĩa trang trong tâm trạng tiếc nuối. Tôi biết rằng đây là lần cuối cùng tôi đến Brancion-en-Chalon. Tôi lên đường. Tôi trở về Marseille.

Năm 2016

Tôi đã kết thúc cuốn nhật ký. Tôi sắp đi gặp Gabriel rồi. Tôi biết điều đó. Tôi đã như ngửi thấy mùi thuốc lá của ông. Tôi sốt ruột. Khi nghĩ rằng lần cuối cùng gặp nhau chúng tôi đã cãi nhau. Đến lúc giã từ rồi.

Tôi vẫn còn nhớ mùi hương của bà. Tôi không còn nhớ khuôn mặt bà.

Mà chỉ nhớ mái tóc bạc trắng, làn da, đôi bàn tay thon thả, chiếc áo khoác đi mưa của bà. Và nhất là mùi hương của bà. Tôi vẫn còn nhớ cảm giác nhẹ nhàng vào thời khắc ấy. Những lời bà nói về Gabriel. Trong tâm trí tôi cũng vẫn còn đọng lại giọng nói của bà, âm vang của nó, khi bà nói với tôi rằng một ngày nào đó con trai bà sẽ tìm đến tôi.

Khi Julien gõ cửa nhà tôi lần đầu tiên, anh đã khiến tôi quên mất Irène. Tôi thấy anh thật đẹp trong bộ quần áo nhàu nát anh đang mặc. Anh không giống mẹ. Bà có làn da của một người tóc vàng, láng mịn, trắng và mỏng manh, trong khi con trai bà chỉ có những đường nét của một người tóc nâu, mái tóc bù xù và làn da ngăm đầy ánh mặt trời. Tôi yêu bàn tay nồng mùi thuốc lá của anh trên người tôi. Nhưng tôi cũng rất sợ chúng.

Trước khi đi Marseille, tôi gọi điện cho anh nhiều lần, nhưng điện thoại của anh đổ chuông mà không ai nhấc máy. Như thể anh không còn tồn tại. Thậm chí tôi còn gọi đến sở cảnh sát của anh, người ta trả lời tôi rằng anh đã ra đi. Nhưng tôi có thể viết thư cho anh, thư từ của anh được chuyển tiếp đến địa chỉ mới.

Tôi có thể viết gì cho anh đây?

Julien,

Em điên rồi, em cô đơn, em không thể chịu nổi mình nữa. Anh đã tin tưởng em, và em đã làm tất cả để được như thế.

Julien,

Em đã hạnh phúc biết bao, khi ở trong xe anh.

Julien,

Em đã hạnh phúc biết bao khi ở cùng anh, trên ghế xô pha nhà em.

Julien,

Em đã hạnh phúc biết bao khi ở cùng anh, trong giường của Julien, Anh còn trẻ. Nhưng em tin rằng chúng ta không quan tâm đến điều đó.

Julien,

Anh đã quá tọc mạch. Em ghét cái cung cách cảnh sát của anh.

Julien,

Con trai anh, em hoàn toàn có thể coi cậu bé là con trai em.

Julien,

Anh thật sự là kiểu đàn ông em thích. Nhưng trên thực tế, em chẳng

biết gì về khoản đó cả. Em hình dung rằng anh thật sự là kiểu đàn ông em thích.

Julien,

Em nhớ anh.

Julien,

Em sẽ chết nếu anh không quay lại.

Julien,

Em chờ anh. Em hy vọng ở anh. Em thật sự muốn thay đổi các thói quen của em nếu anh thay đổi các thói quen của anh.

Julien,

Em đồng ý.

Julien,

Thế này thật tốt, thế này thật tuyệt.

Julien,

Vâng.

Julien,

Không.

Cuộc sống đã dứt đứt các cội rễ của tôi. Mùa xuân của tôi đã chết.

Tôi gấp cuốn nhật ký của Irène lại, lòng nặng trĩu. Giống như khi ta gấp cuốn tiểu thuyết mà ta đã đem lòng yêu. Một cuốn tiểu thuyết thân thiết mà ta cảm thấy đau đớn khi phải rời xa, bởi vì ta muốn nó ở bên ta, trong tầm tay ta. Trong thâm tâm, tôi hạnh phúc vì Julien đã để lại cho tôi cuốn nhật ký của mẹ anh, để làm kỷ niệm về hai người họ. Khi về đến nhà, tôi sẽ cất nó vào với những cuốn sách mà tôi giữ gìn cẩn thận trên giá sách trong phòng ngủ. Trong khi chờ đợi, tôi bỏ nó vào túi đi biển của mình.

Lúc này là 10 giờ, tôi đang ngồi trên lớp cát trắng, dưới bóng một cây thông Alep, tựa người vào một vách đá. Ở đây, cây cối mọc ra từ những khe

đá nứt. Lũ ve bắt đầu hát vang khi tôi gấp lại cuốn nhật ký của Irène. Mặt trời đã tỏa ánh nắng chói chang. Tôi cảm thấy nắng chích vào ngón chân mình. Vào mùa hè, ánh nắng ở đây làm cháy da ta chỉ trong vài phút.

Những người đi nghỉ hè, ba lô trên vai, bắt đầu xuất hiện qua con đường cheo leo. Vào giữa trưa, bãi biển nhỏ sẽ đầy khăn tắm, thùng đá, ô dù. Không có nhiều trẻ em ở Sormiou. Vào mùa cao điểm, mọi người đi bộ đến vũng vịnh. Phải đi bộ chừng một giờ đồng hồ từ bãi đỗ xe Baumettes mới xuống được đến đây. Không dễ dàng với các gia đình. Thông thường, đám trẻ con chơi ở đây đã đi xuống bằng cách ngồi trên vai bố, hoặc chúng sống trong những căn nhà nghỉ mát suốt thời gian đi nghỉ. Người ta gọi chúng là “trẻ lều”. Cụm từ này chỉ có ở Marseille, người ta không tìm thấy nó trong từ điển.

Ở đây, người ta vẫn cho phép hút thuốc trong các quán bar. Các bưu tá ký tên vào thư bảo đảm để tránh cho người dân phải đi lại, khi họ không có ở đây. Tại Marseille, người ta làm mọi việc không giống với ở bất kỳ đâu.

Tối qua, Célia ở lại ăn tối cùng tôi. Chị đã chuẩn bị sẵn món com rang hải sản mà chị đảo lại trong một cái chảo lớn. Trong lúc đó, tôi dỡ đồ ra khỏi chiếc va li màu xanh, treo mấy cái váy lên mắc áo. Chúng tôi lấy ra chiếc bàn nhỏ bằng sắt rèn, phủ lên đó tấm khăn trải bàn, rót nước và rượu vang hồng vào những chiếc bình màu đỏ. Chúng tôi bỏ thật nhiều đá viên vào một cái bát màu vàng, bày ra một chiếc bánh mì đồng quê và những chiếc đĩa lẻ bộ. Ở căn nhà gỗ này, mọi thứ đều lẻ bộ. Các đồ vật dường như không bao giờ đến đây cùng nhau. Célia và tôi thết đãi nhau những cảm xúc ngày gặp lại, những câu chuyện ngốc nghếch để kể với nhau, món com vàng óng và rượu vang hồng mát lạnh.

Chúng tôi nói chuyện muộn đến nỗi Célia phải ngủ lại. Chị đã ngủ

cùng tôi giống như lần đầu tiên ở Malgrange-sur-Nancy, khi nhân viên đường sắt đình công. Đây là lần đầu tiên chị ở lại căn nhà gỗ.

Nằm dài trên giường, chúng tôi tiếp tục uống rượu vang hồng. Célia đã thắp hai ngọn nến. Đồ đạc của ông ngoại chị nhảy múa trong ánh sáng. Chúng tôi để mở cả hai cửa sổ, cho gió lùa vào. Không khí thật thơm tho. Vẫn còn mùi cơm rang. Những bức tường đã ngấu ngiến mùi thơm ấy. Nó khiến tôi lại cảm thấy đói, tôi ăn thêm một chút cho ấm bụng. Célia không muốn ăn. Khi đặt chiếc đĩa không xuống đất, tôi ngắm khuôn mặt quay nghiêng của Célia. Rồi ngắm đôi mắt xanh đẹp như hai vì sao trong đêm của chị. Tôi thổi tắt nến.

– Chị Célia, em có chuyện này cần nói với chị. Nó sẽ khiến chị mất ngủ, nhưng chúng ta đang đi nghỉ, thế nên không đáng ngại. Với lại, em không thể không kể “chuyện này” với chị.

– Françoise Pelletier chính là tình yêu của Philippe Toussaint. Chính là ở nhà chị ta mà Philippe đã sống suốt những năm vừa rồi. Anh ấy đã gặp lại chị ta vào cái ngày anh ấy biến mất năm 1998. Nhưng còn chưa hết đâu. Em đã biết tại sao anh ấy biến mất. Tại sao anh ấy không bao giờ quay về nhà chúng em. Đêm đó, không phải vụ cháy đã giết chết mấy đứa trẻ... mà là ông Toussaint.

Célia túm chặt lấy cánh tay tôi, chị chỉ thì thầm được hai từ: “Cái gì?”

– Ông ấy đã sửa cái bình nước nóng cũ trong phòng ngủ của bọn trẻ, và đã bật nó lên. Ông ấy không biết rằng nhất thiết không được động vào nó. Cái bình đó đã không được bảo trì suốt nhiều năm trước đó. Cacbon monoxit có thể giết người, thứ khí độc hại không mùi ấy... chúng chết khi đang ngủ.

– Ai đã nói với em chuyện ấy?

– Françoise Pelletier. Philippe Toussaint đã kể mọi chuyện với chị ta. Chính vì thế mà từ ngày biết chuyện, anh ấy không bao giờ quay trở về nhà nữa. Anh ấy không thể đổi mặt với em... Chị biết bài hát này của Michel Jonasz không? “Hãy nói với tôi, hãy nói với tôi rằng cô ấy đã bỏ đi với một người khác, nhưng không phải là vì tôi, hãy nói với tôi điều đó, hãy nói với tôi điều đó...”

– Chị có biết.

– Em đã nhẹ lòng khi biết rằng Philippe Toussaint bỏ đi không phải vì em. Mà là vì bố mẹ anh ấy.

Célia siết cánh tay tôi mạnh hơn.

Tôi không thể nào chợp mắt nổi. Tôi nghĩ đến ông bà Toussaint. Họ đã chết từ lâu. Một công chứng viên ở Charleville-Mézières đã liên hệ với tôi vào năm 2000. Ông ta tìm con trai họ.

Khi ban ngày tràn vào qua cửa sổ, khi gió đã dịu đi, Célia mở mắt.

– Chúng ta sẽ pha một bình cà phê thật ngon.

– Célia này, em đã gặp một người.

– Ôi chà, không phải là quá sớm đâu.

– Nhưng chuyện kết thúc rồi.

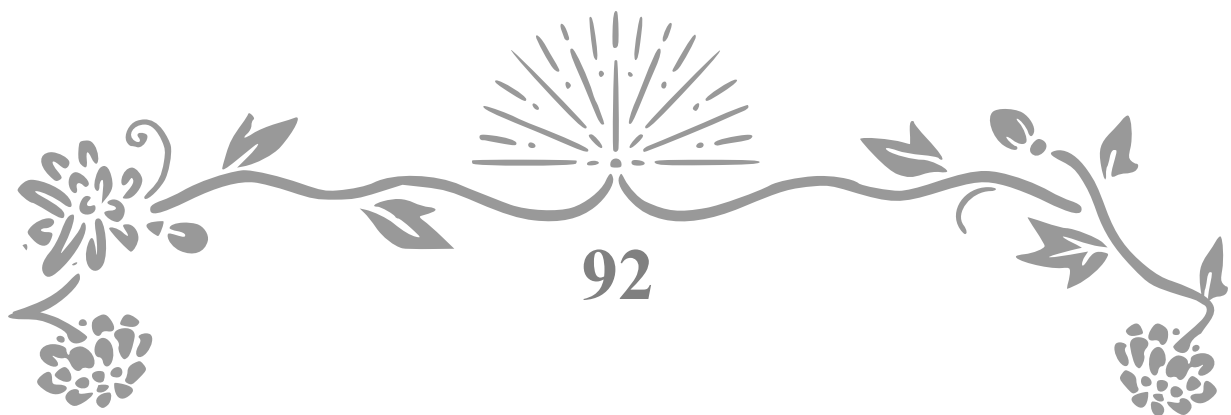
– Tại sao?

– Em có cuộc sống, có những thói quen của em... Từ lâu lắm rồi. Với lại, anh ấy trẻ hơn em. Với lại, anh ấy không sống ở Bourgogne. Với lại, anh ấy có một đứa con bảy tuổi.

– Nhiều “với lại” quá nhỉ. Nhưng cuộc sống và những thói quen thì ta có thể thay đổi được mà.

– Chị nghĩ thế sao?

- Đúng thế.
- Nếu là chị, chị có thay đổi thói quen không?
- Sao lại không chứ.



Cuộc đời chỉ là một chuỗi dài mất mát tất cả những gì ta yêu quý.

Trích dẫn Victor Hugo.

Tháng Năm năm 2017.

Đã mười chín năm nay Philippe sống ở Bron. Kể từ khi anh đi theo con đường từ Charleville-Mézières đến với Françoise. Mười chín năm kể từ khi anh đến xưởng vào một buổi sáng, trong tình trạng tàn tạ. Anh đã quyết định anh sẽ chào đời vào ngày hôm đó. Quyết định giết chết cái ngày trước ngày anh đến. Cái ngày mà anh nói chuyện với bố mẹ anh lần cuối cùng. Anh đã vạch một đường đậm bằng bút dạ đen trên cái quá khứ mà anh muốn đào thoát. Đậy kín những năm tháng sống cùng Violette và giam cầm bố mẹ anh trong căn phòng tối của ký ức rồi khóa chặt lại.

Thật đơn giản để tự xưng mình là Philippe Pelletier, để anh trở thành con trai của cậu anh. Trong suy nghĩ của mọi người, cháu trai hay con trai thì cũng giống nhau. Philippe là “một người trong gia đình”, tức là một người nhà Pelletier.

Thật đơn giản để cắt hết giấy tờ tùy thân của anh vào một ngăn kéo. Rút hết tiền trong tài khoản để mẹ anh không còn biết được gì nữa. Biến số

tiền đó thành trái phiếu. Không đi bầu cử. Không sử dụng thẻ an sinh xã hội.

Françoise cho anh biết rằng Luc đã qua đời vào tháng Mười năm 1996. Luc đã chết, đã mò yên mả đẹp. Phải khó khăn lắm, Philippe mới chấp nhận được chuyện đó. Nhưng anh không chịu đến viếng mộ ông. Anh không bao giờ muốn đặt chân vào bất kỳ nghĩa trang nào nữa.

Françoise đã bán nhà được một năm, bây giờ chị sống ở Bron, cách xưởng chừng hai trăm mét. Chị rất ốm yếu, chị đã gầy đi rất nhiều, già đi nữa. Tuy nhiên, Philippe thấy chị còn quyến rũ hơn cả trong ký ức của anh, nhưng anh không nói gì. Anh đã gây đủ nhiều đau khổ cho những người xung quanh rồi. Đã sử dụng hết hạn mức gây bất hạnh cho người khác rồi.

Anh dọn vào ở trong phòng dành cho bạn bè. Căn phòng dành cho con trai. Đứa con trai chưa từng tồn tại. Anh mua quần áo mới bằng khoản lương đầu tiên mà Françoise trả cho anh bằng tiền mặt. Vài tháng sau khi đến ở Bron, khi anh nói đến chuyện dọn tới ở tại một studio nhỏ không xa xưởng là mấy, Françoise vờ như không nghe thấy. Thế nên anh ở lại. Trong cảnh chung đụng kỳ cục ấy. Dùng chung phòng tắm, chung bếp, chung phòng khách, ăn cùng nhau, nhưng phòng ngủ thì riêng.

Anh đã kể hết với Françoise. Léonine, Geneviève Magnan, cái bình nước nóng, *địa chỉ*, những lần thác loạn, nghĩa trang, lời thú nhận của bố mẹ anh khi họ ngồi trên chiếc xô pha ở Charleville. Mọi chuyện, ngoại trừ Violette. Anh giữ cô cho riêng mình. Về Violette, anh chỉ nói với Françoise: “Cô ấy chẳng liên quan gì đến tất cả những chuyện này.”

Theo năm tháng, anh đã quên rằng anh từng có tên là Philippe Toussaint, trong một quãng đời khác.

Sống cùng Françoise, anh lấy lại được dũng khí. Anh học cách làm

việc tốt ở xưởng, học cách yêu thích những ngày làm việc cùng với dầu, mỡ, những hồng hóc và những tấm kim loại méo mó. Trong khi sửa chữa các động cơ xe, anh cũng tự giảng hòa với ham muốn của chính mình.

Tháng Mười hai năm 1999, Françoise đổ bệnh, chị sốt cao, liên tục, tiếng ho rất nặng. Lo lắng, Philippe gọi cho bác sĩ. Trong lúc viết đơn thuốc bên giường bệnh, bác sĩ hỏi Philippe rằng Françoise có phải vợ anh không, anh trả lời đúng mà không mấy may suy nghĩ. Chỉ đơn giản là đúng thế. Nằm trong lớp chăn, Françoise mỉm cười với anh, không nói gì. Một nụ cười nhợt nhạt, mệt mỏi. Cam chịu.

Theo lời khuyên của bác sĩ, Philippe xả nước nóng ba mươi bảy độ vào bồn tắm, rồi đưa Françoise vào tận phòng tắm, cởi quần áo cho chị rồi giúp chị bước vào bồn, chị bấu chặt vào anh. Đây là lần đầu tiên anh nhìn thấy chị khỏa thân. Thân thể chị run lên dưới làn nước trong veo. Anh lướt nhẹ chiếc găng tắm trên da chị, trên bụng chị, trên lưng chị, trên gáy chị. Anh vuốt nước lên trán chị. Françoise bảo anh: “Cẩn thận, tôi lây ồm cho cậu đấy”, Philippe trả lời: “Cái đó thì tôi đã biết từ hai mươi tám năm nay rồi.” Đêm 31 tháng Mười hai năm 1999 rạng ngày 1 tháng Một năm 2000, họ yêu nhau lần đầu tiên. Họ đã bước sang thế kỷ mới trong cùng một chiếc giường.

Đã mười chín năm Philippe sống ở Bron. Sáng đó, anh cùng Françoise nhắc đến chuyện bán xưởng. Đây không phải là lần đầu tiên, nhưng lần này là ý định nghiêm túc. Họ muốn ánh mặt trời. Chuyển đến sống ở vùng Saint-Tropez. Họ có đủ tiền để sống một cuộc sống yên bình ở đó. Với lại Françoise sắp sáu mươi sáu tuổi, bà đã làm lụng cả đời. Đến lúc tận hưởng rồi.

Vào giờ trưa, Françoise đến một công ty bất động sản chuyên bán cửa

hàng và doanh nghiệp. Philippe ghé qua nhà để thay quần áo. Hồi sáng ông đã mặc quá ấm, mồ hôi chảy ròng ròng bên trong bộ quần áo bảo hộ. Ông tắm nhanh rồi mặc một chiếc áo thun sạch. Trong bếp, ông ốp hai quả trứng, phết pho mát lên một miếng bánh mì còn lại từ hôm trước. Trong lúc rót cà phê, ông nghe thấy tiếng một bức thư rơi trên sàn nhà. Người đưa thư vừa nhét nó qua khe cửa ra vào. Philippe lơ đãng nhặt bức thư và ném nó lên bàn bếp. Ngoại trừ tạp chí Auto-moto mà Françoise đặt để ông vui, ông không đọc thư từ bao giờ. Françoise mới là người phụ trách món giấy tờ đó.

Ông đang khuấy thìa trong cốc thì đọc thấy, mặc dù không mấy để tâm: “Ông Philippe Toussaint, tại nhà bà Françoise Pelletier, số 13, đại lộ Franklin-Roosevelt, 69500 Bron”.

Ông đọc lại cái tên ấy mà không tin vào mắt mình, ông Philippe Toussaint. Ông lưỡng lự, rồi rút cuộc cũng nhặt chiếc phong bì lên, như thể đó là một kiện hàng có đặt bẫy. Chiếc phong bì màu trắng, được niêm phong bằng dấu xi của một văn phòng luật sư ở Mâcon. Ông nhớ đến cái ngày ông nhìn thấy những đứa bé gái từ một trường tiểu học đi ra. Ông nhớ đến đứa bé gái mặc chiếc váy giống của Léonine. Cái ngày ông tưởng con bé vẫn còn sống.

Mọi thứ quay trở lại trong tâm trí ông. Chẳng khác nào một cú sét đánh, chẳng khác nào ông vừa bị một cú đâm móc vào bụng. Cái chết của con ông, lễ an táng, phiên tòa, lần chuyển nhà, cảm giác đau đớn, bố mẹ ông, mẹ ông, những trò chơi điện tử của ông, thân hình ấm nóng của những người phụ nữ gầy gò, những núm vú nhẵn nhéo, những vùng bụng mỡ, khuôn mặt Lucie Lindon và Éloïse Petit, Fontanel, những chuyến tàu, những ngôi mộ, những con mèo.

Ông Philippe Toussaint.

Ông run rẩy bóc phong bì. Ông nhớ đến bàn tay Geneviève Magnan vào cái lần cuối cùng ông gặp chị ta, khi chị ta nói với ông: “Tôi không bao giờ làm hại trẻ con”. Chị ta run rẩy trong lúc xung hô khách khí với ông.

Violette Trenet, theo họ chồng là Toussaint, đã ủy quyền cho một luật sư để giải quyết việc ly hôn giữa họ theo hình thức thỏa thuận. Luật sư yêu cầu ông Philippe Toussaint gọi đến văn phòng luật trong thời gian sớm nhất, để sắp xếp một cuộc hẹn.

Ông đọc những đoạn rời rạc: “... mang theo giấy tờ tùy thân... tên văn phòng công chứng... hợp đồng hôn nhân đã được soạn thảo... nghề nghiệp... quốc tịch... nơi sinh... thông tin tương tự về mỗi người con... hai vợ chồng thống nhất về việc chia tay... không trợ cấp... tòa án sơ thẩm thẩm quyền rộng Mâcon... rời bỏ nhà... đình cứu.”

Không thể nào. Ông phải chấm dứt chuyện này ngay lập tức. Làm kẹt bánh xe của cỗ máy quay ngược thời gian này. Ông không đọc nữa, nhét phong bì vào túi trong của chiếc áo khoác ngắn, cài dây mũ bảo hiểm và quay trở lại nơi đó. Mặc dù ông đã thề sẽ không bao giờ đặt chân đến đó nữa.

Violette đã làm thế nào mà tìm ra địa chỉ của ông? Làm sao cô lại biết chuyện về Françoise? Làm sao cô biết được họ của nàng? Bố mẹ ông không thể nói ra được, họ đã chết lâu rồi. Và ngay cả trước khi chết, họ cũng không biết chỗ ở của Philippe. Họ chưa bao giờ biết rằng con trai họ đang sống ở Bron, tại nhà của Françoise. Không thể nào. Philippe sẽ không đến văn phòng của luật sư đó. Không bao giờ.

Cô phải để cho ông yên. Ông phải ra đi, phải chuyển nhà cùng với Françoise, ông phải được gọi tên là Philippe Pelletier. Cái họ của ông luôn mang điều bất hạnh đến cho ông. Toussaint. Một cái họ chỉ gọi đến nghĩa

trang, cái chết, những bông hoa cúc. Một cái họ tỏa ra hơi lạnh và gợi nhắc đến lũ mèo.

Hai quãng đời cách nhau chừng một trăm ki lô mét. Ông chưa bao giờ nhận ra là Bron lại gần với Brancion-en-Chalon đến thế.

Ông dừng xe trước cửa nhà, phía đường phố. Một người lạ trước ngôi nhà mà ông vẫn luôn ghét bỏ. Ngôi nhà của lão quản trang già. Những cái cây mà Violette trông vào năm 1997 đã mọc cao. Cánh cổng đã được sơn lại màu xanh đậm. Ông bước vào mà không gõ cửa. Đã mười chín năm nay ông không đặt chân đến nơi này.

Cô vẫn sống ở đây chẳng? Cô đã làm lại cuộc đời chưa? Tất nhiên, chính vì thế mà cô muốn ly hôn. Để có thể kết hôn lần nữa.

Trong miệng ông có vị thật kỳ lạ. Giống như có một nòng súng đang ấn sâu vào họng. Hai nắm tay ông muốn đập phá. Nỗi căm hận lại trỗi dậy. Đã lâu lắm rồi ông không cảm thấy cay đắng như vậy. Ông nhớ đến cảm giác vô tư lự êm đềm của mười chín năm qua. Và bây giờ điều tệ hại đã quay trở lại. Ông lại trở thành con người mà ông không thích, con người không yêu chính bản thân mình. Philippe Toussaint.

Ông phải bắt đầu lại từ điểm xuất phát ấy, ngay sáng nay. Rũ bỏ cái quá khứ tồi tệ ấy, một lần cho mãi mãi. Không luyến tiếc. Không, ông sẽ không đến gặp luật sư đó. Không. Ông đã xé căn cước của ông. Ông đã xé bỏ quá khứ.

Trên bàn bếp, những cốc cà phê đã uống cạn đặt trên mấy tờ tạp chí làm vườn. Ba chiếc khăn quàng và một chiếc áo gi lê trắng treo trên mắc. Mùi hương của cô bám vào những đồ vải vóc treo trong nhà. Mùi hoa hồng. Cô vẫn sống ở đây.

Ông lên phòng ngủ. Đạp chân vào đóng hộp nhựa đựng những con

búp bê đáng sợ. Ông không cưỡng nổi ý muốn của bản thân. Giá có thể đâm vào tường, hẳn ông cũng đã làm. Ông phát hiện ra là phòng ngủ đã được sơn lại, một tấm thảm màu xanh da trời, một tấm trải giường màu hồng nhạt, màn cửa bằng voan và rèm màu xanh hạnh nhân. Một hũ kem bôi tay trên bàn đầu giường màu trắng, những cuốn sách, một cây nến đã tắt. Ông mở ngăn kéo đầu tiên của tủ com mốt, những bộ quần áo lót màu hồng giống như màu tường. Ông nằm dài lên giường. Hình dung ra cô đang nằm ngủ ở đây.

Cô có còn nghĩ đến ông không? Cô có chờ đợi ông không? Có tìm kiếm ông không?

Ông đã đẩy kín những năm tháng sống cùng Violette, nhưng vẫn mơ về cô trong một khoảng thời gian rất dài. Ông nghe thấy giọng nói của cô, cô gọi ông và ông không trả lời, ông trốn trong một góc tối để cô không nhìn thấy, và cuối cùng ông bịt chặt hai tai để không nghe thấy giọng nói đầy van vỉ của cô nữa. Suốt một thời gian dài, ông vẫn giật mình thức dậy, cả người ướt đầm mồ hôi, giữa đông chần ga cũng ướt đầm, bởi cảm giác tội lỗi trong thâm tâm.

Trong phòng tắm, những chai nước hoa, các loại xà phòng, kem, muối tắm, vẫn có cả nến và những cuốn tiểu thuyết. Trong giỏ đựng đồ giặt, những đồ lót nữ, một chiếc áo ngủ bằng lụa trắng, một chiếc váy đen, một chiếc áo gi lê màu xám.

Không có người đàn ông nào trong căn nhà này. Không hề có dấu vết của một cuộc sống chung. Vậy tại sao phải làm phiền đến ông? Tại sao phải khuấy cái hồ phân lên? Để lấy tiền chăng? Một khoản trợ cấp? Theo những gì được nói trong bức thư của viên luật sư thì không phải thế. “Theo thỏa thuận... đình cứu.” Ông như nghe thấy giọng mẹ ông: “Con hãy dè chừng.”

Ông đi xuống cầu thang. Đá đồ những con búp bê vẫn còn đứng vững. Ông muốn ra nghĩa trang để thăm mộ Léonine, nhưng rồi lại đổi ý.

Một cái bóng chuyển động sau lưng ông, ông giật mình. Một con chó già hít ngửi ông từ xa. Trước khi ông kịp cho nó một cú đá, con vật đã cuộn tròn người trong cái ổ êm ái của nó. Trong góc bếp, ông nhìn thấy những cà mèn đựng thức ăn đặt trên sàn nhà. Ông cảm thấy buồn nôn khi hình dung ra cảnh ông phải sống với đám lông chó mèo bám trên quần áo. Ông đi ra sau nhà, qua cánh cửa dẫn đến khu vườn riêng.

Ông không nhìn thấy cô ngay lập tức. Cả ở đây nữa, cây cối cũng đã leo cao giống như trong những cuốn truyện cổ tích của Léonine. Thường xuân và nho dại leo trên tường, những loài cây màu vàng, màu đỏ và màu hồng, một khoảng đất trống đủ các loại hoa sắc sỡ. Có thể nghĩ rằng cũng giống như phòng ngủ, cả khu vườn đã được sơn lại.

Cô đang ở đó. Ngồi xổm trong vườn rau. Đã mười chín năm ông không nhìn thấy cô. Bây giờ, cô bao nhiêu tuổi nhỉ?

Không mềm lòng.

Cô quay lưng về phía ông. Cô mặc một chiếc váy đen có chấm bi trắng. Cô buộc một chiếc tạp dề làm vườn cũ quanh eo. Xỏ chân trong đôi ủng cao su. Mái tóc dài ngang vai được buộc gọn bằng một sợi chun đen. Vải lộn tóc lòa xòa trên gáy. Cô đeo đôi găng tay bằng vải dày. Cô đưa cổ tay phải lên trán, như để gạt thứ gì đó khiến cô vướng mắt.

Ông những muốn tóm lấy cổ cô mà siết chặt cho cô nghẹt thở. Những muốn yêu cô, những muốn bóp cổ cô. Khiến cô câm miệng, để cô không còn tồn tại nữa, để cô biến mất.

Để không cảm thấy tội lỗi nữa.

Khi cô đứng dậy, quay người về phía ông, Philippe chỉ nhìn thấy ánh

kinh hoàng trong mắt cô. Không ngạc nhiên, không giận dữ, không tình yêu, không thù hận, không hối tiếc. Chỉ có nỗi kinh hoàng.

Không được mềm lòng.

Cô không thay đổi gì. Ông như lại nhìn thấy cô đang đứng đằng sau bàn quầy của quán rượu ở Tibourin, cái vóc dáng nhỏ bé mong manh, tự nguyện rót rượu cho ông. Nụ cười của cô. Lúc này, những nếp nhăn và những lọn tóc lẫn vào nhau trên khuôn mặt cô. Các đường nét vẫn còn thanh thoát, khuôn miệng vẫn rõ nét và đôi mắt vẫn tỏa ra thứ ánh sáng rất đổi dịu dàng. Thời gian đã hằn sâu thêm vết nhăn trên khóe miệng cô.

Giữ khoảng cách.

Không gọi tên cô.

Không được mềm lòng.

Cô vẫn luôn xinh đẹp hơn Françoise, tuy nhiên Françoise mới là người ông yêu hơn cả. Sở thích và màu sắc, ta không thể giải thích nổi. Mẹ ông vẫn thường nói thế.

Ông nhìn thấy một con mèo ngồi bên cạnh cô, ông nổi da gà, và nhớ lại lý do ông có mặt ở đây, lý do ông quay trở lại cái nghĩa trang bất hạnh này. Ông nhớ ra rằng ông không còn muốn nhớ nữa. Cả về cô, cả về Léonine, cả về những người khác. Hiện tại của ông là Françoise, tương lai của ông cũng sẽ là Françoise.

Ông dữ tợn túm lấy Violette, siết cánh tay cô thật chặt, quá chặt, như dễ nghiền nát cô. Giống như khi con người ta trở thành đao phủ dễ không còn cảm giác nữa. Triệu hồi nỗi căm hận. Nhớ đến hình ảnh bố mẹ ông ngồi trên chiếc xô pha có cải hoa. Chiếc va li của Léonine trong cốp xe nhà Caussin, tòa lâu đài, cái bình nước nóng, mẹ ông trong chiếc áo choàng mặc ở nhà, bố ông thần thờ ngây dại. Ông siết chặt cánh tay Violette mà không

nhìn vào mắt cô, ông nhìn sững vào một điểm, giữa hai lông mày, một cái hõm nhỏ ở điểm bắt đầu của sống mũi.

Người cô rất thơm. Không được mềm lòng.

– Tôi đã nhận được một bức thư của luật sư, tôi mang trả nó cho cô... Cô nghe cho rõ đây, nghe tôi nói cho rõ đây, cô sẽ KHÔNG BAO GIỜ viết thư đến địa chỉ này cho tôi nữa, cô nghe rõ chưa? Cả cô lẫn tay luật sư của cô, KHÔNG BAO GIỜ. Tôi không muốn đọc thấy tên cô ở bất kỳ đâu nữa, nếu không, tôi sẽ... tôi sẽ...

Ông buông cô ra, cũng đột ngột như khi ông túm lấy cô, thân hình cô lùi xa khỏi ông chẳng khác nào thân hình của một con rôi, ông nhét phong bì vào túi tạp dề của cô, khi chạm vào nó ông cảm nhận thấy vùng bụng cô bên dưới lớp vải. Vùng bụng cô. Léonine. Ông quay lưng về phía cô rồi băng qua phòng bếp.

Trong lúc đi ngang qua chiếc bàn, ông làm rơi cuốn *Tạo tác của Chúa, một phần của Quỷ*. Ông nhận ra quả táo màu đỏ trên bìa, đó là cuốn sách mà Violette có từ khi còn ở Charleville, cuốn sách mà cô đọc đi đọc lại. Bảy bức ảnh chụp Léonine rơi ra khỏi các trang giấy và rơi lả tả trên thảm. Ông ngần ngừ rồi cúi xuống nhặt. Một tuổi, hai tuổi, ba tuổi, bốn tuổi, năm tuổi, sáu tuổi, bảy tuổi. Đúng là con bé rất giống ông. Ông nhét những bức ảnh vào trong cuốn sách rồi đặt lại nó lên bàn.

Vào thời khắc ấy, chiếc nắp đậy mà suốt mười chín năm qua ông đã phủ lên những năm tháng sống cùng Violette vỡ tan trước mặt ông. Lúc đầu, hình ảnh đứa con trở lại trong tâm trí ông theo từng mảnh nhỏ, rồi ồ ạt như sóng vỗ bờ. Ở nhà hộ sinh khi ông nhìn thấy con bé lần đầu tiên, nằm trên giường giữa ông và Violette, bọc kín trong một cái chăn, trong bồn tắm, trong vườn, trước những cánh cửa, đi ngang một căn phòng, đang vẽ

tranh, đang chơi đất nặn, ngồi bên bàn ăn, trong chiếc bể bơm hơi, trong các hành lang ở trường, trong mùa đông, trong mùa hè, chiếc váy đỏ hơi có ánh lấp lánh, đôi bàn tay bé nhỏ của con bé, những trò ảo thuật của con bé. Và ông luôn luôn cách xa. Như thể ông chỉ ghé thăm cuộc đời của con gái ông, đưa con mà ông muốn là con trai. Tất cả những câu chuyện ông chưa từng đọc cho con bé nghe, tất cả những chuyến du lịch mà ông chưa từng đưa con bé đi.

Khi đã ngồi lên xe mô tô, ông cảm thấy nước mắt chảy ra từ mũi. Cậu Luc của ông thường nói rằng khi ta khóc chảy nước mũi, đó là khi mũi tiếp xúc cho mắt, bởi vì mắt đã đầy tràn. “Cũng giống như động cơ xe thôi, nhóc ạ.” Luc. Philippe thật thảm hại, khi thậm chí còn cuỗm cả vợ của người cậu.

Ông nổ máy lao đi, tự nhủ rằng đi xa một chút ông sẽ dừng xe để hít thở cho bình tĩnh và tỉnh táo trở lại. Khi nhìn thấy những cây thánh giá đằng sau hàng rào nghĩa trang, ông nghĩ rằng ông chưa từng tin vào Chúa. Chắc chắn là vì bố ông. Những bài kinh mà bố ông thường cầu nguyện. Ông nhớ đến cái ngày lễ ban thánh thể trang trọng của ông, ly rượu lễ, Françoise vịn tay Luc.

Lạy Cha chúng con ở trên trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời.

Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày và tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con.

Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ.

Amen.

Trong lúc chạy xe hết ba trăm năm mươi mét tường bao nghĩa trang với tốc độ mỗi lúc một nhanh, ba ý nghĩ xuất hiện như khoan vào óc ông,

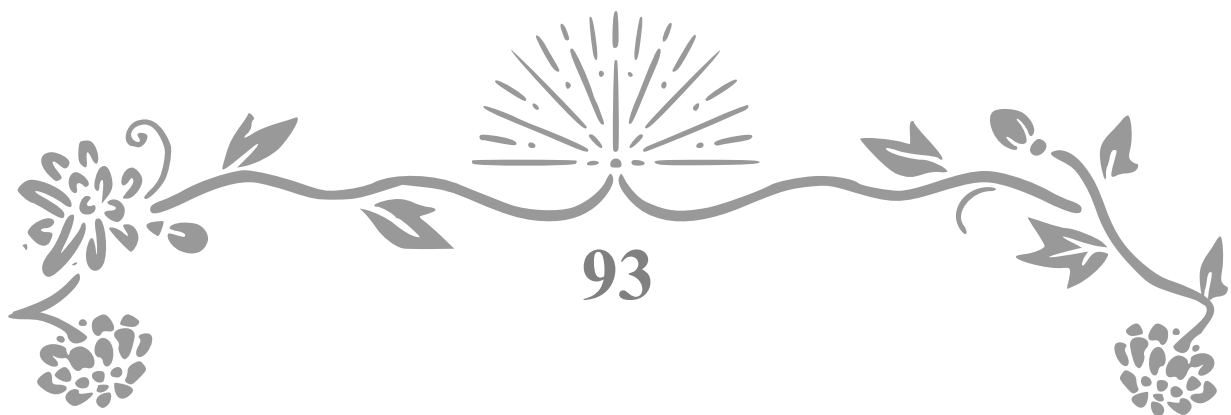
chẳng khác nào một cú đâm tàn nhẫn. Quay ngược trở lại và xin lỗi Violette, xin lỗi, xin lỗi, xin lỗi. Về nhà Françoise càng nhanh càng tốt rồi rời đến miền Nam, ra đi, ra đi, ra đi. Gặp lại Léonine, gặp lại, gặp lại, gặp lại.

Violette, Françoise, Léonine.

Gặp lại con gái ông, cảm nhận nó, nghe nó nói, chạm tay vào nó, hít hà nó.

Đây là lần đầu tiên ông muốn Léonine. Ông từng muốn có con bé để giữ Violette lại bên mình. Ngày hôm nay, ông muốn con bé, giống như người ta muốn một đứa con. Mong muốn ấy mạnh mẽ hơn cả miền Nam, Françoise và Violette. Mong muốn ấy choán hết chỗ trong tâm trí ông. Hẳn là Léonine đang chờ ông ở đâu đó. Đúng thế, con bé đang chờ ông. Ông đã không hiểu gì bởi vì ông là một người bố tồi, ông sẽ lần đầu tiên trở thành bố, ở nơi ông tìm thấy con bé.

Philippe cởi chót quai mũ bảo hiểm. Ngay trước khi tăng tốc ở đoạn ngoặt đầu tiên, tăng tốc để lao vào những thân cây to trong khu rừng công cộng bên dưới, ông không nhìn cuộc đời ông lướt qua, ông không nhìn những hình ảnh giống như trong một cuốn sách mà người ta lật trang ở chế độ tua nhanh, ông không muốn thế. Ngay trước khi lao vào đám cây, ông nhìn thấy một phụ nữ trẻ trên vệ đường. Không thể nào. Người phụ nữ đó nhìn ông chăm chăm, trong lúc ông chạy xe ở tốc độ gần hai trăm ki lô mét trên giờ, trong khi xung quanh ông không còn thứ gì bất động, ngoại trừ ánh mắt của người phụ nữ, đang nhìn vào ông. Ông chỉ kịp tự nhủ rằng ông đã nhìn thấy người này trong một bức tranh cổ. Có lẽ là một tấm bưu thiếp. Rồi ông đi vào vùng ánh sáng.



Đang là cuối mùa hè, cái nóng vào những buổi tối về nhà, người ta trở về với những căn hộ, cuộc sống tiếp tục dòng chảy của nó.

Trích lời bài hát “À présent”, Vincent Delerm.

Tôi còn chưa xuống nước. Tháng Tám hằng năm, tôi e sợ lần tắm biển đầu tiên. Tôi sợ không gặp lại Léonine. Tôi sợ không cảm nhận được con bé. Tôi sợ con bé không đến gặp tôi, vì tôi. Sợ con bé không nghe thấy tôi gọi, không cảm thấy tôi lôi kéo, sợ rằng giọng tôi không vang đến tận chỗ con bé. Sợ rằng con bé không còn cảm nhận đầy đủ tình yêu của tôi, để trở về bên tôi. Tôi sợ không còn yêu con bé nữa, tôi sợ mất con bé mãi mãi. Nỗi sợ đó thật vô căn cứ, cái chết sẽ không bao giờ ngăn cách được tôi với con tôi, và tôi biết điều đó.

Tôi đứng dậy, vươn người, ném chiếc mũ lên khăn tắm. Tôi đi về phía tắm thử không lò xanh màu ngọc bích lấp lánh ánh xà cừ. Ánh nắng buổi sáng chói lòa, sống động.

Ánh nắng ấy hứa hẹn một ngày đẹp trời. Marseille luôn giữ lời hứa.

Vào giờ này, nếu có bóng râm, nước sẽ có màu đen. Những con sóng vẫn mát dịu như từ trước đến nay. Tôi tiến bước thật nhẹ nhàng. Tôi ngập

đầu xuống. Tôi bơi về phía đáy sâu, nhắm mắt. Con bé đã ở đó rồi, nó vẫn luôn ở đó, nó chưa từng di chuyển khỏi đây, bởi nó ở trong tôi. Sự hiện diện thanh khiết ấy. Tôi hít hà làn da nóng ấm và mặn mòi của con bé, trong khi nó nằm dài trên người tôi để ngủ một giấc dưới bóng chiếc dù của chúng tôi. Đôi bàn tay con bé xoa khắp lưng tôi, hai con rồi nhỏ.

Tình yêu của tôi.

Khi tôi trôi lên mặt nước, khi tôi nhìn thẳng vào sắc trời xanh biếc, tôi biết rằng tôi vẫn luôn mang con bé trong mình. Đó chính là vĩnh hằng.

Tôi bơi hồi lâu, tôi không muốn ra khỏi nước nữa, giống như tất cả những lần khác. Tôi ngắm những cây thông ngả nghiêng vì gió, tôi quan sát cuộc đời, tôi đang ở sát gần con bé, con bé đang ở sát gần tôi. Tôi dần tiến lại gần bờ biển. Cát đã trở lại dưới chân tôi. Tôi quay lưng về phía bãi biển, tôi ngắm đường chân trời, những con tàu thả neo bất động, những viên sỏi trắng mắc vào bãi cát dưới làn nước trong veo. Không gì mang lại cảm giác cứu rỗi hơn chốn này của thế giới, nơi mọi thứ đều đẹp đẽ, nơi các yếu tố giúp hồi sinh người sống.

Trời nóng, muối thiêu đốt mặt tôi, nhất là môi tôi. Tôi ngụp đầu xuống nước, tôi vừa nhắm mắt vừa bơi, tôi rất thích đoán định, lắng nghe biển từ bên dưới.

Tôi cảm thấy một sự hiện diện, một sự hiện diện khác. Có ai đó vừa lướt qua tôi. Túm lấy hông tôi và đặt một bàn tay lên bụng tôi. Áp sát vào người tôi, thực hiện những cử chỉ giống tôi, một vũ điệu, gần như một điệu valse. Tôi cảm thấy tim người ấy đập rộn trên lưng tôi, tôi vẫn để mặc, tôi đã hiểu ra. Đã có một tình yêu khác, một trái tim mới, trái tim của một người khác, được ghép vào trái tim tôi. Tôi cảm thấy miệng người ấy trên cổ tôi, tóc người ấy trên lưng tôi, đôi bàn tay vẫn lướt đi trên người tôi,

những bước đi khẽ khàng và tinh tế. Tôi đã hy vọng điều đó biết bao, đến nỗi không thể tin là nó lại xảy đến. Tôi trôi lên mặt nước, người ấy mở mắt rồi lại nhắm mắt, đôi hàng mi người ấy cọ vào má tôi, như đôi cánh bướm. Người ấy hít hà tôi. Tôi duỗi người nằm trên mặt nước, người ấy giữ tôi, tôi để mặc cho người ấy lái tôi đi, thân thể tôi đã tự do, đôi chân tôi khẽ lướt trên mặt nước, tôi buông xuôi, người ấy đã tìm thấy tôi, tôi đã tìm thấy chính mình.

Chúng tôi đang sống.

Chúng tôi.

Những tiếng cười vang lên lạnh lạnh.

Một đứa trẻ.

Ba đứa trẻ.

Một bàn tay khác túm lấy cánh tay tôi, rồi bám chặt không rời. Giống như bàn tay Léonine, nhỏ bé, căng thẳng, nóng ấm.

Tôi hy vọng mình không nằm mơ, tôi hy vọng rằng tôi đang sống. Đứa trẻ lao vào vòng tay tôi. Nó đặt những nụ hôn ướt nước lên trán tôi, lên tóc tôi. Nó ngã người ra sau và hét lên đầy vui thích.

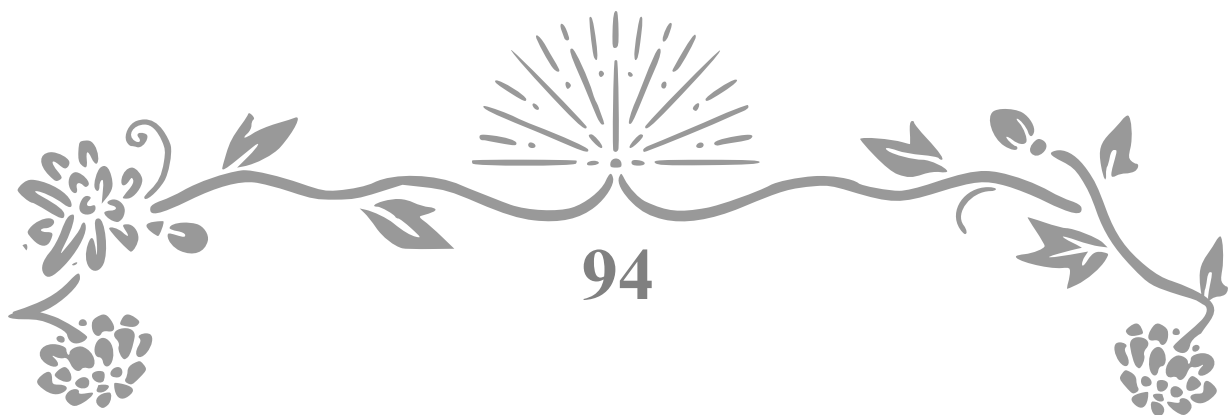
– Nathan!

Tôi hét gọi tên thằng bé, như đang đọc một câu kinh.

Thằng bé phác những cử chỉ vụng về, hấp tấp. Nó mở to mắt, giống như một đứa trẻ mới tập bơi chưa lâu, một đứa trẻ vừa thích vừa sợ. Nó cười thành tiếng, nụ cười để lộ hai chiếc răng mới rụng. Nó kéo chiếc kính bơi lên tóc rồi ngụp đầu xuống nước. Nó có vẻ thoải mái hơn, và tạo ra những vòng tròn lớn. Thằng bé đã ngậm một cái kèn tuba trong miệng.

Nathan ngẩng đầu khỏi mặt nước. Nó vừa khạc nhổ vừa nhả cái kèn

ra. Nó tháo chiếc kính bơi đã hằn dấu trên đôi mắt to màu nâu của nó, đôi mắt to sáng rực trong ánh nắng miền Nam. Nó nhìn qua vai tôi, nó nhìn Julien trong lúc anh thì thầm vào tai tôi: “Lại đây.”



Không có ngày nào trôi qua mà chúng tôi không nghĩ đến người.

Thứ Bảy ngày 7 tháng Chín năm 2017, trời xanh, hai mươi ba độ, 10h30. Lễ an táng Fernand Occo (1935-2017). Quan tài bằng gỗ sồi. Bia mộ bằng đá cẩm thạch đen. Hầm mộ nơi yên nghỉ của Jeanne Tillet tức bà Occo (1937-2009), Simone Louis tức bà Occo (1917-1999), Pierre Occo (1913-2001), Léon Occo (1933).

Một vòng hoa kết bằng hồng trắng, có dải băng: “Chúng tôi vô cùng thương tiếc”. Một vòng hoa ly trắng kết thành hình trái tim, có dải băng: “Vô cùng thương tiếc cha, ông chúng tôi”. Trên quan tài, có những bông hồng đỏ và trắng, cùng dải băng: “Hội cựu chiến binh”.

Ba tấm bia tưởng niệm: “Tưởng nhớ cha, ông chúng tôi. Mãi nhớ về cuộc đời yêu người và được người yêu”, “Tưởng nhớ bạn. Chúng tôi sẽ không quên bạn, bạn luôn ở trong tâm trí chúng tôi. Những người bạn câu cá”, “Bạn không cách xa, mà ở ngay phía bên kia đường”.

Khoảng năm chục người có mặt, trong đó có ba người con gái của Fernand, Catherine, Isabelle và Nathalie, cùng với bảy người cháu.

Elvis, Gaston, Pierre Lucchini và tôi đứng bên cạnh hầm mộ. Nono

không có mặt. Anh đang chuẩn bị kết hôn với nữ bá tước de Darrieux, lễ cưới sẽ được tổ chức lúc 15 giờ tại tòa thị chính Brancion.

Cha Cédric đọc một bài kinh cầu nguyện. Nhưng vị cha xứ của chúng tôi cầu Chúa không phải chỉ cho mình Fernand Occo. Bây giờ, mỗi lần trò chuyện với Chúa, ông dẫn theo Kamal và Anita cầu nguyện cùng ông: “Đọc bức thư thứ nhất của Thánh Jean: Các con thân mến, bởi chúng ta yêu quý những người anh em của chúng ta, chúng ta biết rằng chúng ta chuyển từ cõi chết sang cõi sống. Kẻ nào không biết yêu thương sẽ ở mãi trong sự chết. Chính nhờ thế mà chúng ta nhận ra tình yêu: chúng ta phải dâng hiến cuộc sống của mình cho những người anh em, kẻ nào có điều kiện để sống trên thế gian này, nếu nhìn thấy người anh em của mình cần mà không rủ lòng thương xót, làm sao tình yêu của Chúa có thể ở lại trong kẻ đó? Các con, chúng ta phải yêu thương: không phải bằng những lời lẽ và những diễn văn, mà bằng hành động thực chất.”

Gia đình đã đề nghị Pierre Lucchini bật bài hát ưa thích của Fernand Occo trong lúc hạ huyết. Bài hát của Serge Reggiani có nhan đề “Tự do của tôi”.

Tôi không thể nào tập trung vào ca từ được, mặc dù chúng rất hay. Tôi nghĩ đến Léonine và bố con bé, tôi nghĩ đến Nono đang mặc bộ com lê của chú rể, và nữ bá tước de Darrieux đang thắt cà vạt cho anh, tôi nghĩ đến Irène và Gabriel đang xung hô thân mật với nhau ở cõi vĩnh hằng, tôi nghĩ đến Éliane, nó vừa chạy ra khu vườn của chủ nó, Marianne Ferry (1953-2007), tôi nghĩ đến Julien và Nathan, chưa đầy một giờ nữa hai bố con sẽ đến đây, tôi nghĩ đến vòng tay của họ, mùi thơm của họ, hơi ấm của họ, tôi nghĩ đến Gaston người vẫn luôn bị ngã nhưng lần nào cũng được chúng tôi đỡ dậy, tôi nghĩ đến Elvis người không bao giờ nghe bất cứ bài hát nào

ngoài những tác phẩm của Elvis Presley.

Từ vài tháng nay, tôi cũng giống Elvis, tôi luôn nghe một bài hát, bao giờ cũng là bài đó. Nó bao trùm toàn bộ những thứ khác, tất cả những lời thì thầm trong tâm trí tôi. Đó là một bài hát của Vincent Delerm mà tôi nghe đi nghe lại, có tên là: “Cuộc sống trước mặt ta”.



Xin cảm ơn Tess, Valentin và Claude, phần quan trọng nhất của tôi, nguồn cảm hứng vĩnh cửu của tôi.

Cảm ơn Yannick, em trai yêu quý của tôi.

Cảm ơn Maëlle Guillaud quý giá của tôi. Cảm ơn toàn bộ ê kíp của nhà xuất bản Albin Michel.

Cảm ơn Amélie, Arlette, Audrey, Elsa, Emma, Catherine, Charlotte, Gilles, Katia, Manon, Mélusine, Michel, Michèle, Sarah, Salomé, Sylvie, William vì sự đồng hành quan trọng. Thật may mắn khi có mọi người ở bên.

Cảm ơn Norbert Jolivet về sự tồn tại của anh trong đời thực, người mà tôi đã không đổi cả tên riêng lẫn họ bởi vì ta không thể thay đổi bất cứ thứ gì ở người đàn ông này, viên phu đào huyết của thành phố Gueugnon trong suốt ba mươi năm. Nhờ việc viết cuốn tiểu thuyết này, người sáng tạo ra niềm vui và sự từ tâm ấy đã trở thành bạn của tôi. Tôi hy vọng được uống cà phê và rượu vang trắng Cassis với anh mãi mãi.

Cảm ơn Raphaël Fatout, người đã mở cánh cửa để đón tôi vào cửa hàng thú vị ngập tràn tình người của anh, “Le Tourneurs du Val”, cửa hàng đồ tang lễ ở Trouville-sur-Mer. Raphaël đã đặt lòng tin vào tôi, khi nói với tôi về tình yêu anh dành cho nghề nghiệp của mình, về cái chết và về hiện

tại, một cách vô cùng khác biệt.

Cảm ơn ba của con về khu vườn và những lời chỉ dạy đầy say mê.

Cảm ơn Stéphane Baudin về những lời khuyên sắc bén.

Cảm ơn Cédric và Carol về những bức ảnh và tình bạn.

Cảm ơn Julien Seul vì đã cho phép tôi mượn họ và tên của anh.

Cảm ơn các ông Denis Fayolle, Robert Badinter và Éric Dupont-Moretti.

Cảm ơn tất cả những người bạn của tôi ở Marseille và Cassis, ngôi nhà nghỉ mát của tôi chính là các bạn.

Cảm ơn Eugénie và Simon Lelouch đã tạo cảm hứng cho tôi viết câu chuyện này.

Cảm ơn Johnny Hallyday, Elvis Presley, Charles Trenet, Jacques Brel, Georges Brassens, Jacques Prévert, Barbara, Raphaël Haroche, Vincent Delerm, Claude Nougaro, Jean-Jacques Goldman, Benjamin Biolay, Serge Reggiani, Pierre Barouh, Françoise Hardy, Alain Bashung, Chet Baker, Damien Saez, Daniel Guichard, Gilbert Bécaud, Francis Cabrel, Michel Jonasz, Serge Lama, Hélène Bohy và Agnès Chaumié.

Cuối cùng, XIN CẢM ƠN tất cả những người đã ủng hộ *Những kẻ bị lãng quên ngày Chủ nhật* theo đúng nghĩa của từ ủng hộ, chính nhờ CÁC BẠN mà tôi đã viết nên cuốn tiểu thuyết thứ hai này.

HẾT

Một câu trong bài hát “Le plat pays” của Jacques Brel, nhạc sĩ - ca sĩ nổi tiếng người Pháp.

Violette trong tiếng Pháp có nghĩa là màu tím.

Louis Charles Auguste Claude Trenet, là nhà văn, ca sĩ, nhạc sĩ và dịch giả người Pháp.

Toussaint trong tiếng Pháp là ngày lễ Các Thánh, một lễ được tổ chức trọng đại vào ngày 1 tháng Mười một hằng năm nhằm tôn vinh toàn thể các vị Thánh Kitô giáo đang hưởng phúc trên thiên đàng, gồm tất cả những người có tên tuổi và những người không được lưu danh. Người Pháp có phong tục mang hoa cúc tới viếng mộ người thân trong ngày này.

Nghĩa là Mùa Xuân.

Agence Nationale pour l’Emploi - Cơ quan việc làm của Pháp.

Catharina “Nina” Hagen là một ca sĩ, nhạc sĩ và nữ diễn viên người Đức.

Michel Berger là một ca sĩ và nhạc sĩ người Pháp.

Serge Gainsbourg là nhạc sĩ, ca sĩ, nghệ sĩ dương cầm, đạo diễn, nhà biên kịch và diễn viên người Pháp. Ông được coi là một trong những nhạc sĩ cận đại tiêu biểu nhất của nước Pháp.

Ngày lễ Các Thánh, còn được coi là lễ của người chết.

Một hãng quần áo ở Pháp.

Mẹ đỡ đầu thời chiến là cụm từ dùng để chỉ những phụ nữ hoặc những cô gái trẻ giữ liên lạc qua thư từ với các binh lính ngoài mặt trận trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, nhằm ủng hộ họ về mặt tinh thần, tâm lý, thậm

chỉ là tình cảm.

Một nhóm diễn viên hài kịch.

Tên gốc của cuốn sách là The Cider House Rules.

Trong tiếng Pháp, Seul có nghĩa là cô độc.

Seul trong tiếng Pháp là tính từ, nếu dùng sau một danh từ giống cái thì sẽ phải thêm “e” vào đằng sau thành Seule mới đúng quy tắc ngữ pháp.

Trong tiếng Pháp, Prudent có nghĩa là cẩn trọng.

The Wild Wild West, một bộ phim cao bồi và khoa học viễn tưởng của Mỹ.

Theo một số truyền thuyết, phượng hoàng là loài chim biểu tượng cho sự tái sinh và bất tử.

Công ty đường sắt quốc gia Pháp.

Tổ chức từ thiện thế tục nhằm giúp đỡ những người nghèo khổ và những người bị ruồng bỏ.

Một loại thuốc làm giảm co thắt phế quản do các bệnh như hen suyễn và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính.

Tổ chức từ thiện, tạm dịch là Quán ăn tình thương, nơi cung cấp các bữa ăn miễn phí.

Tổ chức Ân xá quốc tế.

Tại Pháp, ngày 25/11 là lễ kỷ niệm Thánh Catherine, vị thánh bảo trợ trẻ tuổi của những phụ nữ đến 25 tuổi mà chưa kết hôn.

Trong tiếng Pháp, pain perdu có nghĩa là “bánh mì đi lạc”, ám chỉ việc món ăn này được làm từ bánh mì cũ của ngày hôm trước để lại. Ở Pháp, bánh mì cũ được nhúng với hỗn hợp kem trứng mùi vanilla thơm lừng rồi đem đi chiên với bơ. Sau đó, nó sẽ được ăn kèm với đường bột, kem béo hoặc các loại trái cây.

World Wildlife Fund: Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên, có biểu tượng là một con gấu trúc.

“Don’t leave me now” (Đừng rời xa tôi), một bài hát của Elvis Presley.

Một loại rượu khai vị.

Một cách diễn đạt của người Pháp, người có đôi bàn tay màu xanh lá là người có năng khiếu làm vườn.

1. [CHƯƠNG 1](#)
2. [CHƯƠNG 2](#)
3. [CHƯƠNG 3](#)
4. [CHƯƠNG 4](#)
5. [CHƯƠNG 5](#)
6. [CHƯƠNG 6](#)
7. [CHƯƠNG 7](#)
8. [CHƯƠNG 8](#)
9. [CHƯƠNG 9](#)
10. [CHƯƠNG 10](#)
11. [CHƯƠNG 11](#)
12. [CHƯƠNG 12](#)
13. [CHƯƠNG 13](#)
14. [CHƯƠNG 14](#)
15. [CHƯƠNG 15](#)
16. [CHƯƠNG 16](#)
17. [CHƯƠNG 17](#)
18. [CHƯƠNG 18](#)
19. [CHƯƠNG 19](#)
20. [CHƯƠNG 20](#)
21. [CHƯƠNG 21](#)
22. [CHƯƠNG 22](#)
23. [CHƯƠNG 23](#)
24. [CHƯƠNG 24](#)
25. [CHƯƠNG 25](#)
26. [CHƯƠNG 26](#)
27. [CHƯƠNG 27](#)
28. [CHƯƠNG 28](#)
29. [CHƯƠNG 29](#)
30. [CHƯƠNG 30](#)
31. [CHƯƠNG 31](#)
32. [CHƯƠNG 32](#)
33. [CHƯƠNG 33](#)
34. [CHƯƠNG 34](#)
35. [CHƯƠNG 35](#)
36. [CHƯƠNG 36](#)

37. [CHƯƠNG 37](#)
38. [CHƯƠNG 38](#)
39. [CHƯƠNG 39](#)
40. [CHƯƠNG 40](#)
41. [CHƯƠNG 41](#)
42. [CHƯƠNG 42](#)
43. [CHƯƠNG 43](#)
44. [CHƯƠNG 44](#)
45. [CHƯƠNG 45](#)
46. [CHƯƠNG 46](#)
47. [CHƯƠNG 47](#)
48. [CHƯƠNG 48](#)
49. [CHƯƠNG 49](#)
50. [CHƯƠNG 50](#)
51. [CHƯƠNG 51](#)
52. [CHƯƠNG 52](#)
53. [CHƯƠNG 53](#)
54. [CHƯƠNG 54](#)
55. [CHƯƠNG 55](#)
56. [CHƯƠNG 56](#)
57. [CHƯƠNG 57](#)
58. [CHƯƠNG 58](#)
59. [CHƯƠNG 59](#)
60. [CHƯƠNG 60](#)
61. [CHƯƠNG 61](#)
62. [CHƯƠNG 62](#)
63. [CHƯƠNG 63](#)
64. [CHƯƠNG 64](#)
65. [CHƯƠNG 65](#)
66. [CHƯƠNG 66](#)
67. [CHƯƠNG 67](#)
68. [CHƯƠNG 68](#)
69. [CHƯƠNG 69](#)
70. [CHƯƠNG 70](#)
71. [CHƯƠNG 71](#)
72. [CHƯƠNG 72](#)
73. [CHƯƠNG 73](#)

- 74. [CHƯƠNG 74](#)
- 75. [CHƯƠNG 75](#)
- 76. [CHƯƠNG 76](#)
- 77. [CHƯƠNG 77](#)
- 78. [CHƯƠNG 78](#)
- 79. [CHƯƠNG 79](#)
- 80. [CHƯƠNG 80](#)
- 81. [CHƯƠNG 81](#)
- 82. [CHƯƠNG 82](#)
- 83. [CHƯƠNG 83](#)
- 84. [CHƯƠNG 84](#)
- 85. [CHƯƠNG 85](#)
- 86. [CHƯƠNG 86](#)
- 87. [CHƯƠNG 87](#)
- 88. [CHƯƠNG 88](#)
- 89. [CHƯƠNG 89](#)
- 90. [CHƯƠNG 90](#)
- 91. [CHƯƠNG 91](#)
- 92. [CHƯƠNG 92](#)
- 93. [CHƯƠNG 93](#)
- 94. [CHƯƠNG 94](#)
- 95. [LỜI CẢM ƠN](#)